

KIM VÂN KIỀU ĐÍNH GIẢI



**HƯƠNG NGẠN ĐÀO TỬ
ĐÀM DUY TẠO
TRƯỚC TÁC NĂM 1986**

**ĐÀM TRUNG PHÁP
HIỆU ĐÍNH NĂM 2021**

trước tác năm 1986
(Thứ nam) Đàm Trung Pháp
hiệu đính và phổ biến năm 2020



TIỂU SỬ CỤ HƯƠNG NGẠN
ĐÀO TỬ ĐÀM DUY TẠO

KIM VÂN KIỀU ĐÍNH GIẢI

Hương Ngạn Đào Tử ĐÀM DUY TẠO
trước tác năm 1986

(Thứ nam) ĐÀM TRUNG PHÁP
hiệu đính, trình bày, và phổ biến năm 2021

CHƯƠNG 01



TIỂU SỬ CỤ HƯƠNG NGẠN ĐÀO TỬ ĐÀM DUY TẠO

Cụ Đàm Duy Tạo sinh năm Bính Thân (1896) tại làng Hương Mặc, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Cụ mất năm Mậu Thìn (1988) tại thành phố Montréal, Gia Nã Đại, hưởng thọ 92 tuổi.

Cụ có thi hương khoa Nhâm Tý (1912), nhưng ngay sau khi các kỳ thi chữ nho bị bãi bỏ, cụ theo học chữ Pháp một thời gian và trở thành một nhà giáo tiểu học (instituteur) vào khoảng năm 1920. Tuy dạy học bằng chữ quốc ngữ và chữ Pháp, cụ vẫn suốt đời tự trau dồi chữ Hán và chữ Nôm và sống trong phong cách của một nhà nho.

Từ 1920 đến suốt thế chiến thứ hai, cụ dạy học ở Phúc Yên. Sau năm 1945, vì tình hình chính trị bất an, cụ xin tạm ngưng dạy học để trở về Bắc Ninh trông nom ruộng vườn, cho đến tận năm 1950 khi cụ được chính phủ quốc gia tái tuyển để tiếp tục dạy học tại Phúc Yên (1950-1952) rồi Hà Nội (1952-1954). Cùng gia đình di cư vào Sài Gòn sau hiệp định Genève, cụ tiếp tục dạy học đến năm 1957 thì về hưu. Sau đó cụ được khê ước dạy Hán văn tại Trung Học Gia Long và dịch sách chữ Hán sang tiếng Việt cho Trung Tâm Học Liệu thuộc Bộ Giáo Dục. Trong thời gian về hưu, ngoài

ba cuốn sách *Kiến Văn Tiểu Lục* (Lê Quý Đôn), *Kiến Văn Tiểu Lục* [Tập Nhì] (Lê Quý Đôn), và *Kiến Văn Lục* (Võ Nguyên Hanh) mà cụ dịch sang tiếng Việt và được Bộ Giáo Dục lần lượt xuất bản năm 1964, 1965 và 1969, cụ còn dịch và hiệu khảo các cuốn *Nam Thiên Trung Nghĩa Bảo Lục* (Phạm Phi Kiến), *Lê Triều Tiết Nghĩa Lục* (khuyết danh tác giả), và *Bắc Hành Tùng Ký* (Lê Quýnh). Cụ cũng hoàn tất hai cuốn sách rất ưng ý của cụ là *Hoa Văn Trích Dịch Tập* (gồm thơ và văn từ Lý Bạch, Bạch Cư Dị, Đào Tiềm, Lương Khải Siêu, vân vân) và *Việt Hán Cự Văn Trích Dịch* (gồm những thi phú chữ Hán của các bậc khoa bảng Việt Nam, đa số xuất thân từ tỉnh Bắc Ninh). Trong hai cuốn sau cùng này cụ đã dịch thơ chữ Hán sang thơ tiếng Việt qua một vài thể thơ khác nhau. Tiếc thay, các tác phẩm này chưa kịp xuất bản thì xảy ra quốc nạn 1975. Đó cũng là năm cụ di cư sang Gia Nã Đại để ty nạn cộng sản.

Trong những ngày đầu buồn tẻ tại Montréal cụ mãi mê đọc lại từng câu thơ trong cuốn *Truyện Thúy Kiều* (do hai cụ Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim hiệu khảo). Cuốn sách ấy chính cụ đã gửi làm quà cho thứ nam Đàm Trung Phán lúc đó đang du học ngoại quốc, nay được “tặng lại” cho cụ! Để giải sầu, cụ bỏ ra nhiều thì giờ để hoàn tất vào năm 1986 (lúc cụ 90 tuổi) một công trình văn học sâu sắc cuối đời, quá mức tưởng tượng của các con cháu cụ. Đó là cuốn di cảo 579 trang tựa đề *KIM VÂN KIỀU ĐÍNH GIẢI* của Hương Ngạn Đào Tử Đàm Duy Tạo.

Bào đệ Đàm Trung Phán thấy di cảo này quá tuyệt vời và tức thời đề nghị hết lòng giúp tôi hiệu đính công trình cuối đời của thân phụ chúng tôi thành một tài liệu văn học quý giá hiếm có và phổ biến rộng rãi. Như cụ thổ lộ trong phần mở đầu cuốn di cảo: “*Các bản Truyện Kiều ở nước Việt Nam ta bây giờ có nhiều chữ lệch lạc khác nhau, và nhiều chữ ý nghĩa mập mờ, khiến các nhà chú giải không nhất trí.*” Phương pháp đính giải của cụ là so sánh các chữ, các câu khác nhau trong các bản Truyện Kiều qua những giải thích và dẫn giải rõ ràng và dễ hiểu trên căn bản chữ Hán, chữ Nôm cũng như các điển tích, phong dao, tục ngữ, để cải chính lại những sai lầm trong một số bản Truyện Kiều đã được lưu hành từ trước đến nay – *hoàn toàn nhờ vào trí nhớ phi thường của một nhà nho đã trên 80 tuổi.*

ĐÀM TRUNG PHÁP

11-26-2021

VÀI LỜI PHI LỘ TRƯỚC KHI ĐÍNH CHÍNH VÀ CHÚ GIẢI TRUYỆN KIỀU

Truyện Kim Vân Kiều hay Đoạn Trường Tân Thanh là một tác phẩm văn chương rất quý, không những là của riêng nước Việt Nam ta, mà còn là của chung cả thế giới nữa. Người ngoại quốc đã cho Truyện Kiều là một quyển truyện hay vào bậc nhất nhì trong kho văn chương hoàn cầu. Một nhà văn sĩ nước Pháp, ông René Crayssac, đã thán phục Truyện Kiều là hay tốt bậc về đủ phương diện: lời văn êm đẹp, ý tứ thâm thúy, tả tâm tình người nào đúng người ấy, tả việc nào, cảnh nào đều thật khéo thật rõ để người đọc như được mục kích, và ông đã chịu khó mất công ba năm trời chuyên ngữ quyển truyện quý nước Việt Nam này ra thể thơ Pháp văn thành một tập thơ dày vài trăm tờ. Ông nói ông cố dịch ra Pháp văn cho người nước Pháp được thưởng thức cái hay cái đẹp vô giá của văn chương Việt Nam. Hiện nay Truyện Kiều càng ngày càng được người ngoại quốc hoan nghinh, hết thầy các nước văn minh tân tiến đều đua nhau sưu tầm khảo cứu Truyện Kiều để dịch ra tiếng nước mình.

Giá trị quyển Truyện Kiều cao quý như vậy, nhưng tiếc thay các bản Truyện Kiều lưu hành ở nước Việt Nam ta bây giờ có nhiều chữ lệch lạc khác nhau, và nhiều chữ ý nghĩa mập mờ, khiến các nhà chú giải không nhất trí. Đó là một điều có thể làm giảm mất một đôi phần giá trị cao quý Truyện Kiều. Xét ra Truyện Kiều có những chỗ ý nghĩa mập mờ đó là vì các nhà chú giải không chịu suy nghĩ trước sau xa gần cho ra nghĩa thật xác đáng, chỉ giảng giải gượng ghịu cho xong lần. Còn về phần chữ hay câu ở các bản lệch lạc khác nhau vì các lẽ sau này:

(1) Vì mất các bản chính và các bản mới ấn hành lần đầu cũng không còn. Rồi đến cả các phường bản, thợ nhà in theo các bản in lần đầu mà khắc lại tuy có đôi chữ hoặc khắc sai nét, hoặc in nhòe nhoẹt, nhưng ta còn dấu vết để suy xét được chữ chính đáng, thì nay cũng lại đều hết cả. Hiện giờ chỉ còn những bản Kiều nôm do các nhà văn sĩ đã cậy mình tài giỏi, tự theo ý mình mà đổi bừa bãi những chữ in sai in nhòe nói trên. Nhưng các ông đã nhận lầm đổi bậy các chữ đó ra những chữ vu vơ vô nghĩa, rồi ông thì giải gượng cho xong lần, ông thì lại đổi luôn cả một vài chữ khác cho ăn nghĩa với những chữ đó. Thế là các ông đó đã phạm một lỗi lầm lớn là làm hỏng mất một câu nguyên văn rất hay thành một câu rất dở. Thí dụ như câu 247 tả Kim Trọng tương tư Kiều thâu

đêm mất ngủ: “Sầu giong [騫] càng khắc [刻] càng chầy [遲]” nghĩa là: chàng không biết hãm mỗi sâu lại, nên nó xuống cho khuây đi để ngủ, lại cứ giong con ngựa sâu đó cho nó chạy đuổi theo bóng Kiều mãi, thành ra mất ngủ, thấy đêm càng dài thêm mãi. Câu này lấy ý ở câu thơ của Ngô Tử Kinh [愁 逐 漏 声 長 = sầu trực lậu thanh trường = sầu đuổi tiếng đồng hồ dài dài]. Câu nguyên văn ý nghĩa thật hay đẹp như thế mà chỉ vì các ông không biết câu thơ cổ đó, lại không hiểu nghĩa chữ “giong [騫]” là gì, nên các ông xuất bản truyện Kiều, ông thì đổi câu này thành: “Sầu đông [冬] càng khắc càng chầy”. Ông thì đổi thành “Sầu đông [冬] càng khắc càng đây.” Có ông lại đổi thành “Sầu đông [冬] càng lác càng đây”. Ôi câu nguyên văn lời thanh ý đẹp như thế, mà các ông đổi ra những câu ý nông cạn, lời thô quê như thế, thật là đáng tiếc!

(2) Vì các văn sĩ ta xưa không bao giờ chú thích tác phẩm của mình. Ta có thể nói được là tác giả thu nhặt những lời hay ý đẹp trong nhiều sách Nho như Kinh Thi, Kinh Lễ, Thơ Đường, Thơ Tống, Tình Sử, Liêu Trai, truyện thần tiên, kinh nhà Phật, vân vân, cả đến phương ngôn, tục ngữ, ca dao của ta nữa, để khéo chấp nối mà viết thành quyển Đoạn Trường Tân Thanh, đúng như lời tác giả nói khiêm: “Lời quê chấp-nhặt đông dài” ở câu kết truyện. Bởi nguồn tích Truyện Kiều mông mênh man mác trong giới văn Tàu, văn ta như vậy, nên phải có những bậc văn nhân học lực đã sâu rộng, lại phải lăn lộn tiếp xúc nhiều với dân quê ta, mới có thể chú giải đầy đủ được Truyện Kiều, đại khái như các cụ Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Dương Khuê, Chu Mạnh Trinh. Nhưng tiếc thay các bậc thâm nho này lại cho việc chú giải Truyện Kiều là một việc không cần, chớ các cụ có biết đâu rằng Truyện Kiều sẽ là cái hồn thiêng quý của nền văn chương Việt Nam khiến người Âu Mỹ bây giờ phải kính nể văn hóa nước ta.

Giải những điển cố lấy ở cổ thư thì các vị thâm nho tuy đã học nhiều lại sẵn sách kê cứu, nhưng vẫn chưa đủ, vì còn có thêm những điển cố lấy ở phong dao tục ngữ ta mà chỉ có những vị thâm nho nào đã từng sống nhiều ở thôn quê mới biết. Nên nhiều câu tác giả lấy điển ở ca dao, tục ngữ ta, mà ít nhà chú thích Truyện Kiều nào nói đến. Thí dụ như câu 1025 Kiều bảo Tú Bà “Sợ khi ong bướm đãi đặng” sau khi nàng nghe mụ đỡ dành nàng rằng sẽ tìm nơi xứng đáng mà gả chồng cho nàng. Câu Kiều nói này nghĩa là: “Tôi sợ bà nói đấy rồi lại quên lời ngay, chỉ nói đãi bôi lừa nhau một lúc cho xong lần thôi.” Chữ ong bướm đây lấy điển ở câu ca dao “Nói lời thì giữ lấy lời / đừng như con bướm đậu rồi lại bay.” Chữ “đãi đặng” thì lấy điển ở câu: “Yêu nhau bảo thật nhau cùng / đậu ngâm ra giá đãi đừng nhau chi.” (“Đãi đừng” dùng thay cho “đãi đặng” cho

hợp vần). Nghe nàng nói thế, thì mụ trả lời và thề ngay: “Phải điều lòng lại đối lòng mà chơi / mai sau ở chẳng như lời / trên đầu có bóng mặt giời rạng soi” thì biết lời nàng nói và lời mụ đáp lại đều ý thật rõ thật hay, thật khấn thiết với nhau. Trong cuốn Truyện Thúy Kiều của hai ông Kim và Kỳ xuất bản, họ giải nghĩa chữ “đãi đàng” là “lôi thôi” là làm, vì câu “Sợ khi ong bướm nó lôi thôi” không khấn thiết gì với câu mụ nói và thề ở dưới.

Lại như câu 1363 “Đường xa chớ ngại Ngô Lào,” tác giả lấy điển ở câu phong dao “Chơi cho nước Tấn sang Hồ / nước Tề sang Sở / nước Ngô sang Lào,” mà không thấy nhà chú thích Truyện Kiều nào nhắc đến.

Và như câu 2940 “Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng pha” lấy điển ở câu ca dao “Một liều, hai ba bốn cũng liều / năm sáu sông cũng lội / bảy, tám, chín, mười đèo cũng pha.” Chữ “pha” đây nghĩa là xông vào nơi bụi rậm gai góc, nhưng ở nhiều bản Kiều nhà xuất bản đổi làm ra chữ “qua”, thành kém ý nghĩa mạo hiểm. Chữ “đèo” đổi ra “ngàn” để hợp vần.

(3) Vì sao đi chép lại mãi, chữ nọ làm ra chữ kia, người sau đọc đến những câu có chữ làm đó, thấy lời văn không chạy, ý nghĩa tối tăm, mà suy xét không ra các chữ sai làm đó, bèn lại đổi chữ khác cho liên nghĩa vu vơ với chữ làm trước, thế là làm mất cả lời hay ý đẹp của cả câu nguyên văn trước. Ta hãy lấy hai câu: “Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh / rụng rời đọt [稗] đọt liễu [柳], tan tành cội [檜] mai [梅]” làm thí dụ. Chữ đọt liễu là cái trôi liễu mẫm mạp non tươi mới trôi lên từ gốc cây, tượng trưng Thúy Kiều, Thúy Vân; cội mai là cái gốc già cứng cây mai tượng trưng Vương Bà. Ý hai câu này nói: “Lũ sai nha nó thét lác làm hai cô gái trẻ và Vương Bà sợ hãi tan hồn bạt vía”. Câu tả cảnh này lời thật hay đẹp, ý thật đúng rõ như vậy. Thế mà chỉ vì chữ “đọt [稗] liễu” thợ in khắc làm ra “giọt [澗] liễu”, để cho mọi người tưởng lầm “giọt liễu là những tua giải áo thất lung rũ xuống của đàn bà con gái, rồi mới đổi chữ “cội mai [檜 梅]” ra làm “gói mai [檜 梅]” để đối với “giọt liễu” cho chỉnh, lấy nghĩa chữ “gói mai là do chữ mai trảm dịch ra”, nói sự vui vẻ đoàn tụ ở trong nhà. Đổi thế đã là vô nghĩa, nhưng chưa vô nghĩa bằng có bản đã đổi “gói mai” ra “gói may [緞]” lại đổi luôn cả “giọt liễu” ra “khung dệt” nữa, để đối với “gói may” cho chỉnh hơn! Ôi, câu “Rụng rời đọt liễu, tan tành cội mai” nguyên văn thật ý hay lời đẹp tuyệt diệu như thế, mà chỉ vì một chữ “đọt [稗]” làm ra “giọt [澗], bị thay đổi dần mãi thành ra “Rã rời khung dệt, tan tành gói may” – sao mà lời văn thô, ý nghĩa dở được đến như thế?

Lại như câu Kim Trọng nói: “Bấy lâu đây bề mò kim / là theo vàng đá, phải tìm trăng hoa?” nghĩa là: Ta sờ dĩ cố đi dò thăm tìm nàng bấy lâu, là vì ta theo lời thề nặng với nàng, chớ đâu phải là vì ta mến sắc đẹp của nàng. Chữ “theo [曉]” in lầm ra “nhiều [饒]” thật là vô nghĩa, vậy mà không ai để ý đến, cho nên hết thấy các bản Kiều Nôm, Kiều quốc ngữ đều in là “nhiều”!

(4) Vì nhiều chỗ trong bản Kiều nôm cũ khắc vụng in nhòe, người sau nhận không rõ, mới đoán bừa ra thành những câu vô nghĩa rồi giải gượng cho xuôi, cho xong lằn, để những câu đoán làm đó lưu truyền mãi mãi ở trong Truyện Kiều. Cũng có nhà xuất bản, biết là sai, có sửa lại, in lại, nhưng vì không biết điển cố, cũng lại sửa bừa – vô nghĩa vẫn hoàn vô nghĩa! Thí dụ như câu 1507 Kiều khuyên Thúc Sinh phải về nói rõ việc mình làm lẽ cho Hoạn Thư biết, chớ không giấu mãi được đâu: “Để mà bọc giẻ giấu kim / làm chi bùng mắt bắt chim khó lòng?” Câu 6 chữ này lấy điển ở câu ca dao vợ cả đe chồng chớ thăm vụng với gái: “Này này tở bảo cho hay / giấu kim bọc rẻ có ngày thò ra!” Điển này dùng vào lời Kiều khuyên đây thật hay, thật xác đáng. Thế mà vì chữ nôm câu sáu chữ này [褫 靡 襪 綵 闔 金] rậm nét khó khắc, nên các bản Kiều nôm cổ đều in nhòe nhoẹt rất khó nhận; người xuất bản suy nhận không ra, mới đoán lầm mà khắc lại câu này thành [易 燬 襪 繡 膾 金] “Để lòe yếm thắm tròn kim”, và cho là điển ở câu tục ngữ “Để lòe được yếm thắm, chớ không lòe được tròn kim”, và giảng câu tục ngữ này là: Cái người ta không để ý đến, thì dầu một người mặc cái yếm đỏ thắm đi qua người ta cũng không thấy, nhưng cái người ta đã để ý đến, thì dầu nhỏ như cái lỗ ở tròn kim người ta cũng nhìn rõ ràng. Có lẽ các ông xuất bản này đã khéo bịa ra câu tục ngữ này để làm bằng cứ giải nghĩa cái câu Kiều mập mờ vô nghĩa đó. Rồi lại có ông xuất bản thấy câu “Để lòe yếm thắm tròn kim” vô nghĩa đó, lại đổi ra thành một câu nghĩa đã vô lý hơn, lời lại quá thô bỉ: [褫 靡 押 耽 掄 金] “Để mà ép sẫm luôn kim!”

(5) Vì chữ nôm không có quy tắc nhất định để cho hình chữ nhất trí và tiếng đọc nhất trí. Đã 1 tiếng có thể viết thành ra 2, 3 lối, ví dụ tiếng “lời” có thể viết là [唳] hay là [喙]; lại một chữ có thể đọc được là 2, 3 tiếng, tùy theo nghĩa dùng từng chỗ, thí dụ chữ [賈] có hai tiếng đọc là “mé” hay là “mái”. Câu “Hàn gia ở [賈] mé tây thiên” thì phải đọc là “mé” mới đúng nghĩa, vì mả Đạm Tiên ở mé bên bờ phía tây cánh đồng; và trong câu “[賈] Mái tây để lạnh hương nguyên” thì phải là “mái” mới đúng, vì chữ Mái tây dịch chữ Tây sương ra, Tây sương là mái nhà phía tây. Chữ “mái tây để lạnh hương nguyên” thì các bản truyện đều dịch đúng, nhưng chữ “Hàn gia ở mé tây thiên”

thì các bản Kiều quốc ngữ đều dịch làm ra “mái tây thiên” thật là sai nghĩa. Bởi sự không nhất trí của chữ nôm như thế, một chữ có thể đọc ra 2, 3 tiếng, đã gây nhiều sự khó khăn cho người phiên âm nôm ra chữ quốc ngữ. Nếu người phiên âm một cuốn truyện viết bằng chữ nôm ra chữ quốc ngữ mà không đủ khả năng để hiểu thật nghĩa lý câu chuyện, hoặc không chịu khó suy nghĩ cho ra ý nghĩa xác đáng của từng chữ trong câu truyện, thì phiên âm dễ sai lầm lắm. Thí dụ như chữ “nén” trong câu 1390 “Nén lòng e áp tính bài phân ly”, thì chữ nén nôm viết [礮] (gồm[石] thạch là đá tỏ ý nặng ở bên chữ [曩] nãng hợp với tiếng “nặng” hay tiếng “nén” của tiếng Việt ta). Chữ [礮] trong câu Kiều này phải phiên âm là “nén” thì mới đúng ý nghĩa vì Thúc Ông lúc mới thấy Thúc, Kiều tốt đôi, trước còn e áp dùng dằng không nỡ bắt con phải bỏ Kiều, nhưng sau ông thấy con đã phá sản quá nhiều vì Kiều, nên ông mới đành nén lòng e áp ấy xuống, mà bắt Thúc sinh phải đuổi Kiều đi. Câu này thật hay, tả rõ được nỗi phân vân trong lòng Thúc Ông, vừa có lòng nhân từ cha mẹ thương con, vừa có óc ông già buồn bán tiếc của. Thế mà hết thấy các bản truyện Kiều quốc ngữ kể cả hai cuốn của ông Trần Trọng Kim và của ông Nguyễn Khắc Hiếu đều phiên âm làm ra là “Nặng lòng e áp tính bài phân ly” thành ra vu vơ nghĩa. Ông Hiếu thì chịu là: không hiểu chữ e áp nghĩa là gì ở đây; ông Kim thì giải nghĩa gượng chữ e áp là e lệ, sợ hãi và nặng lòng e áp là nói Thúc Ông sợ nỗi con đã có vợ rồi mà lại chơi bời, lấy gái giang hồ, vậy ông mới tính bài bắt phải bỏ ra (Lời giải số 5 ở trang 126 cuốn Truyện Thúy Kiều in lần thứ 8, nhà in Tân Việt).

Lại còn một nỗi khó khăn hơn nữa cho người phiên dịch Truyện Kiều viết bằng chữ Nôm ra chữ quốc ngữ. Đó là vì các bản Kiều Nôm cũ thường có nhiều chữ hoặc bị sao chép sai, hoặc bị khắc in sai, cần phải suy nghĩ khảo sát, tốn công mới biết được, mà muốn khảo sát cải chính những chữ sao khắc sai lầm này ra chữ chính xác, thì một là phải thông thạo chữ nôm, hai là phải biết cách viết thảo chữ Hán và chữ nôm, ba là phải nghĩ kỹ lấy ý nghĩa của mấy câu trước sau chữ sai lầm thành vô nghĩa đó. Có đủ ba điều kiện tôi cần ấy thì mới có thể đem những chữ sai lầm ấy ra mà phân tích mà suy đoán, tìm lấy mọi lẽ biến chuyển thế nào mà lại có được một chữ vô nghĩa như vậy, rồi lại lấy chữ vô nghĩa này làm hình thức bằng chứng mà đoán ngược lại lấy chữ chính xác nguyên văn. Dưới đây tôi xin kể vài chữ thật hay đã bị người sao chép sai lầm thành ra chữ vô nghĩa, vì hai chữ gần giống nhau:

(1) Chữ “úm [黯]” làm ra “điểm [點]” ở câu 367. “Một tường tuyết úm [黯] sương che” tả cảnh Kim Kiều nhìn ngóng nhau mãi mà chẳng thấy nhau như bị tuyết sương phủ kín. Có bản Kiều in

lầm ra là “Một tường tuyết điểm [點] sương che”. Rồi có mấy nhà xuất bản sau thấy chữ “điểm” vô nghĩa, mới đổi bừa ra là “Một tường tuyết chở sương che” hay là “Một tường tuyết đón sương che”. Chữ “đón” cũng gần vô nghĩa như chữ “điểm”, cả chữ “trở” cũng gần vô nghĩa như vậy; người ta chỉ nói “cách trở” hay “ngăn trở” mới có nghĩa, chớ không bao giờ nói riêng lẻ một chữ “trở” bao giờ; và người ta cũng chỉ nói “che chở” chớ không bao giờ nói “trở che” hay “che trở.” Chữ “điểm[點]” tuy vô nghĩa thật, nhưng còn giữ chút “di tích” nguyên văn cho ta lấy nó làm bằng cứ mà suy đoán ra chữ “um [黠]” là nguyên văn, vì [黠] Hán văn là “âm,” chữ nôm mượn làm “um.”

(2) Chữ “lựa [摭]” lầm ra “lừa [驢]” ở câu 3072. “Khuôn thiêng lựa [摭] lọc đã đành có nơi” là lời Thúy Vân khuyên Kiều lại lấy Kim Trọng, ý nói: Trước kia Kiều đã hẹn lấy chàng, rồi gặp gia biến phải bỏ ra đi, nay bỗng lại được gặp nhau, đó thật là ông trời đã lựa chọn kỹ càng hai người lấy nhau thật xứng đáng, nên nay lại cho được kết duyên. Chữ lựa lọc nghĩa là kén lựa rất tinh tế. câu này lời thật hay, ý thật đúng như vậy, thế mà vì lỗi người chép lầm hay người khắc in sai “lựa [摭]” ra “lừa [驢]” rồi lại người phiên âm không biết nghĩa cứ theo chữ lầm mà dịch bừa ra “Khuôn thiêng lừa lọc ...” thành vô nghĩa; lại có bản dám đổi hẳn ra là “Khuôn thiêng lừa đảo...” nữa thật đã quá vô nghĩa, lại quá hỗn sược với cả trời nữa!

(3) Chữ “lờ [漉]” chép lầm ra là “làn [瀾]” ở câu: “Lờ [漉] thu thủy, nhọt xuân sơn [嗑 春 山] / hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.” Hai câu lục bát này dùng bốn chữ so sánh: lờ, nhọt, ghen, hờn, để tả vẻ đẹp của Kiều: vẻ trong sáng đôi mắt thì làm lờ được màu trong hồ nước lạnh mùa thu; vẻ đẹp tươi của đôi lông mày thì làm nhọt được vẻ tươi đẹp mặt cỏ núi mùa xuân; màu thắm hồng đôi má làm cho hoa thua phải ghen, màu xanh rờn lông mày làm cho liễu phải hờn tức. Hai câu lục bát này ý thật hay, vẻ đẹp thanh tú của nàng hơn cả bên cảnh thanh tú của trời đất, lời thật luyện và đặng đối tề chỉnh, liên tiếp với nhau. Hai vế câu sáu chữ này dịch từ câu [眼光秋水眉淡春山 = nhãn quang thu thủy mi đạm xuân sơn = mắt sáng hơn là nước mùa thu, lông mày làm nhọt được màu núi mùa xuân]; câu nguyên văn diễn: lờ thu thủy, nhọt xuân sơn, là rất đúng. Rồi lại thêm một người tái bản sau nữa đổi luôn cả chữ nhọt [嗑] ra làm nét [溼] thành ra câu này là “làn thu thủy, nét xuân sơn” nghe êm tai, nên mọi người nghe quen tai, cho là phải, nhưng suy nghĩ cho kỹ thì thật là lệch lạc vô nghĩa, đã không thành câu, lại thiếu ý tả vẻ đẹp, mà lại không lưu loát liền mạch với câu 8 chữ dưới. Còn chứng có chữ “lờ” rất đúng là bản Kiều nôm Cụ Nghè Vũ Trinh [武 楨] xuất bản còn để nguyên chữ nhọt [嗑] để đối với chữ lờ viết sai ra “làn.”

ĐÀM DUY TẠO

CHƯƠNG 02

MỤC ĐÍCH VÀ CÁCH THỨC CỦA SỰ ĐÍNH GIẢI

Chính vì 5 lẽ nêu lên trong Chương 01 của cuốn sách này mà Truyện Kiều đã bị người sau hiểu lầm khá nhiều; tôi rất e sợ cho giá trị vô song của viên ngọc văn chương này có thể bị tổn thương nhiều vì những hiểu lầm đó, nhất là đối với tầm mắt tinh tế của các nhà khảo cứu cổ văn ở Âu-Mỹ đang ngưỡng mộ Truyện Kiều và tìm hiểu thêm cái hay, cái đẹp trong đó. Bởi vậy tôi phải đành liều không quản học lực nông cạn, tư tưởng suy quần, không sợ tiếng chê cười, mà mạo muội cố công tìm cách xóa bớt những hiểu lầm ấy đi, cho người khảo cứu được bớt mọi điều thắc mắc và việc tìm hiểu được dễ dàng hơn, và cho người thưởng thức truyện Kiều được dễ hiểu thấu hơn ý nghĩa của những câu văn “hàng hàng gắm thêu” này đẹp như thế nào.

Tôi sợ dĩ làm tạm được việc này là nhờ còn được một quyển *Truyện Thúy Kiều* do hai ông Trần Trọng Kim và Bùi Kỷ xuất bản (trong đó có nêu qua một số chữ và câu di động ở các bản khác) và may tôi còn nhớ được ít điều đã khảo cứu được khi trước, mặc dù ở nơi trọ trọ sách vở này. Công việc đính giải [訂解] như thế nào, nghĩa là việc so sánh các chữ, các câu khác nhau để tìm lấy một chữ hay một câu chính đáng nhất mà cải chính lại chữ hay câu sai lầm như thế nào. Tôi xin kể đại khái như sau đây:

Khi gặp những trường hợp mà mỗi bản in một chữ, hay một câu khác nhau, thì phải suy xét, cân nhắc rõ kỹ mà lựa lấy chữ nào đúng ý đúng nghĩa nhất ở trong câu, hay một câu nào hợp tình hợp ý nhất ở trong đoạn. Sự suy xét này cũng hơi khó vì các bản Kiều đều thường được chữ nọ, sai chữ kia, không chắc cứ nhất định vào một bản nào được. Nhà xuất bản nào mà chẳng khoe rằng bản của mình là theo đúng bản cổ! Thí dụ chữ “ngẫm” hay “ngắm” ở câu 147 “Trông người lại ngẫm đến ta” ở bản ông Kim thì đề là “Trông người lại ngắm đến ta.” Tôi cho là “ngẫm” đúng hơn “ngắm” nhiều, vì Kiều thấy tướng Kim Trọng tốt quá – “chẳng sân ngọc bội, cũng phường kim môn” – thì nàng lại nghĩ đến tướng nàng có người thầy tướng đoán xấu quá – “nghìn thu bạc mệnh, một đời tài hoa” – mà nàng lo rằng không biết có kết duyên với chàng được chăng? Chữ “ngẫm” nó khẩn thiết một mạch với chữ “nghĩ” chữ “nhớ” ở hai câu 411 và 413 trên và ý lo âu ở câu 416

dưới: “Một dày một mỏng biết là có nên”. Còn chữ “ngắm” thì đã không ăn nghĩa gì nỗi lo của nàng, lại không hợp với chỗ này, vì nàng có ngắm lại tướng nàng lúc này đâu. Bởi vậy chữ “ngắm” kém phần thâm thúy, không bằng chữ “ngẫm.”

Cả cách lựa chọn các câu, tôi cũng cố ý cân nhắc cẩn thận như vậy để kén lấy câu thật đúng lý đúng chỗ như vậy. Trường hợp một chữ nôm sao chép lầm hay khắc in sai thành ra vô nghĩa, mà người sau suy nhận không ra, bèn đổi ra chữ khác không sát với nghĩa trong câu, hoặc sửa đổi bừa mấy chữ khác, thành câu đó không ăn nghĩa với đoạn đó. Gặp những trường hợp này, tôi phải nhận cho rõ ý nghĩa bao quát của cả đoạn, rồi nhận xét xem những chữ nào đáng chú ý nhất trong các câu dị đồng đó là đem ra phân tích suy nghĩ lấy mọi hình thức biến chuyển từ sự sai nọ đến sự sai kia, mà tìm thấy chữ ý hay nghĩa đúng với cả câu lẫn lộn đó. Thí dụ như chữ “đọt [稗]” trong câu 582 thợ in khắc lầm ra “giọt [澗]”: “Rã rời đọt liễu, tan tành cội mai”; và chữ “lựa [攄]” lầm ra “lừa [驢]” trong câu 3072: “Khuôn thiêng lựa lọc đã đành có nơi”.

Vì chữ nôm có nhiều chữ đọc được thành 2, 3 tiếng Việt, nếu người phiên dịch Truyện Kiều nôm ra quốc ngữ mà không để ý suy nghĩ cẩn thận thì dịch dễ sai lầm. Bởi vậy các bản Truyện Kiều quốc ngữ thường lắm chữ sai. Thí dụ: chữ [脱] có thể đọc là “thoát”, là “thoắt”, là “thoạt”. Trong câu “Thoắt [脱] mua về, thoắt [脱] bán đi” ông Trần Trọng Kim dịch [脱] là “thoắt” thì thật đúng; nhưng trong câu “Thoạt [脱] trông nhờn nhợt màu da” và trong câu “Thoạt [脱] trông nàng đã biết tình” mà ông dịch là: “Thoắt [脱] trông nhờn nhợt màu da” và “Thoắt [脱] trông nàng đã biết tình” thì thật là lầm lẫn.

Có nhiều chữ nôm do tiếng chữ Hán chuyển sang tiếng Việt, tuy đọc hơi khác nhau, thường người ta vẫn lẫn lộn. Thí dụ như chữ [膠] giao là chất dính, ta nói keo sơn gắn bó để chỉ đôi bạn thâm giao, tức là câu chữ Hán nói [膠漆之固 = giao tất chi cố = gắn chữ bền như keo sơn]. Ta nói “keo loan” tức là [鸞膠 = loan giao = keo nấu bằng xương chim phượng]. Chỉ khác là: khi nói tiếng Hán chữ giao ở dưới: Loan giao, nhưng khi nói tiếng Việt thì chữ keo ở trên: Keo loan. Vậy câu “Keo loan chấp mối tơ thừa cậy em” được cuốn truyện Thúy Kiều dịch “Giao loan chấp mối tơ thừa cậy em” là sai ngữ pháp.

Chữ [惜] tích Hán chuyển ra tiếng Việt là “tiếc” trang 90; chữ này có bản Kiều đề là: “Nào người tích lục tham hồng là ai.” Lại có bản đề là: “Nào người tiếc lục tham hồng là ai”. Đành rằng đều không sai cả, nhưng tôi thiết tưởng đề chữ “tích lục” hơn là đề chữ “tiếc lục” vì hai chữ “tích lục” đều thuần túy là chữ Hán cả, nghe thuận tai hơn.

Lại như chữ “trầm” tức là do chữ “[沈] trầm Hán” chuyển ra, nhưng trong câu 2963 “Nàng đà gieo ngọc chìm châu” mà trong cuốn truyện Thúy Kiều đề là “Nàng đà gieo ngọc trầm châu” thì đã sai văn pháp, chữ trầm châu là hai chữ Hán, đi với chữ gieo ngọc là hai chữ Việt đã không luyện, mà nghĩa lại mập mờ để lẫn với hai chữ “[沈舟]” trầm châu là đánh chìm thuyền xuống mà chết.

Nói tóm lại: Truyện Kiều nghĩa lý rộng sâu, lời văn ngắn gọn đã rất khó hiểu rõ, khó giảng giải, lại các bản nôm cũ thì người sao chép làm dần, thợ khắc in sai vụng, các bản quốc ngữ thì người dịch không chịu khó suy nghĩ đích đáng, phiên âm bừa bãi để xuất bản và phổ biến. Thế là Truyện Kiều đã giảm mất đôi phần hay đẹp, nhất là đối với các nhà khảo cứu ngoại quốc. Bởi vậy tôi phải ngậm lời biểu lộ, trước khi không quản tài hèn ra công giảng giải và chú giải. Dưới đây tôi xin trình bày những cách thức chú giải để giúp độc giả được dễ hiểu và dễ nhớ Truyện Kiều hơn:

Tổng số 3254 câu thơ trong Truyện Kiều được chia làm 34 chương và chú giải riêng chương nào ngay dưới chương ấy để dễ tra khảo. Mỗi chương có 6 phần sau đây:

- 1 - Phần chính văn.
- 2 - Phần đính chính và xác định.
- 3 - Phần chú giải và dẫn điển.
- 4 - Phần diễn giải ra văn xuôi.
- 5 - Phần nêu ra những chữ hay câu có ý móc nối hay có ý thở than hoặc mỉa mai đờn.
- 6 - Đôi khi có thêm phần mấy lời nhận xét phanh phui thâm ý tác giả ký thác tâm tình.

Phần chính văn

Phần chính văn có ghi rõ số từng hai câu lục bát và có đánh dấu những câu có chữ dính chính và những chữ sẽ chú giải ở ngay dưới phần chính văn. Phần chính văn viết rõ ràng cẩn thận vào trong khung kẻ riêng để dễ tìm dễ đọc. Trên mỗi phần chính văn, tôi có đề thêm 3 câu 4 chữ đối, tóm tắt đại khái sự tích trong đoạn để độc giả dễ nhận và dễ tìm dễ nhớ.

Phần dính chính và xác định

Trong phần này tôi sẽ nêu rõ những chữ sai theo hình chữ nôm để làm bằng cứ mà suy xét mọi lẽ biến chuyển sai dần ra chữ vô nghĩa, rồi suy xét ngược lại thấy chữ hình dáng tương tự mà nghĩa hay ý hợp để dính chính lại, chớ không khi nào dám tự ý đột ngột đổi hẳn ra chữ khác, trừ khi gặp những chữ tôi đã đích xác trông thấy trong một vài bản Kiều nôm cũ xưa. Thí dụ như câu 367 “Một tường tuyết um [黠] sương che”: Tôi theo chữ điểm [點] suy ra được chữ um [黠], chứ tôi không đột ngột sửa đổi bừa bãi ra chữ khác như: “tuyết trở sương che” hay “tuyết đón sương che” như các bản khác. Lại như câu 1181, bản Kiều nôm của ông Vũ Trinh thì in là: “Phỉnh người giẫy xuống giếng thoi”; bản Kiều ông Kim thì in là: “Đem người giẫy xuống giếng thoi”; lại có bản in là: “Lừa người giẫy xuống giếng khơi”. Tôi nghĩ chữ phỉnh [唼] nôm (gồm có chữ khẩu [口] miệng bên cạnh chữ bình [秉] tán tỉnh) là đúng lắm, vì sát nghĩa với câu dưới: “Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay” và ở trên thì sát nghĩa với câu Sở Khanh phỉnh tán lấy lòng Kiều: “Giá đành dưới nguyệt trong mây / hoa sao hoa khéo đọa đầy mấy hoa”. Nhưng có lẽ vì người phiên âm đầu tiên không hiểu ý nghĩa chữ phỉnh là hay là đúng, mà lại cũng không biết tiếng phỉnh nên mới dịch bừa là “đem”, là “lừa” cho xong lần. Ai cũng thấy chữ “đem” thì thật không sát nghĩa chút nào với câu dưới “Nói rồi...”, mà chữ “lừa” cũng chẳng sát nghĩa chút nào với lời Sở Khanh phỉnh phờ Kiều ở trên. Bởi vậy tôi mới xác định chữ “phỉnh” là đích đáng. Thêm một thí dụ nữa về hiểu lầm là câu 250, chỗ tả Kim Trọng mơ tưởng Kiều. Trong khi bản truyện Thúy Kiều của ông Kim Kỳ viết “Bụi hồng lẹo đẹo đi về chiêm bao” rất vô nghĩa, các bản viết “Bóng hồng liêu neo đi về chiêm bao” thì rất đúng và rất hay: Trên thì liên nghĩa với câu “Mây tản khóa kín song the” (ý nói chàng mê tưởng Kiều quá mà chàng nghĩ rằng có lẽ tối nay nàng cũng nhớ tưởng mình quá mà đành ngủ đi để may ra hồn mộng được đi lại với chàng) dưới thì liên ý với câu “Mành tương phân phát gió đàn” ý nói: (chàng tưởng thế nào nàng cũng mơ đến chàng, nên khi chàng thấy gió thổi qua bức mành ống tre kêu như gậy đàn, chàng cho là hồn nàng đến thật, nên chàng như ngửi thấy mùi thơm

của nàng, và nước trà chàng uống ngon hơn, như hôn nàng mời lại chàng uống). Ý câu Truyện Kiều này hay như thế, mà lại viết làm ra dở như thế thật đáng tiếc!

Phần chú giải và dẫn điển

Chú giải Truyện Kiều là một sự khó khăn vô cùng, vì tác giả thu lượm điển cổ rất rộng ở các sách kinh, sử, văn chương nho, lại cả ở những phong dao, tục ngữ và sự tích Việt ta nữa. Tôi thấy có lẽ chưa Truyện Kiều nào đã từng chú giải được đầy đủ và không sai lầm, mặc dù các nhà chú giải là cử nhân, tiến sĩ thâm nho. Còn các nhà sản xuất bản truyện Kiều gần đây thì đều sao chép lại những lời chú giải ở các bản Truyện Kiều cũ mà thêm bớt sửa chữa ít nhiều vậy thôi. Trong lúc tuổi già trí quẫn, lại tay trắng không chút tài liệu nào, ngoài quyển truyện Thúy Kiều, ở nơi đất khách này tôi chỉ có thể một phần gần như chép lại những câu chú giải ở trong cuốn truyện Thúy Kiều mà tôi sửa chữa lại những chỗ sai lầm, một phần tôi thêm vào hoặc những điều tôi đã khảo cứu được hay nhớ được ở các bản Kiều cũ, hoặc những điển cổ ở phong dao tục ngữ ta. Tôi rất chú trọng đến việc giải thích những tiếng cổ của ta và những tiếng ta không hay nói đến nên nhiều người Việt ta không hiểu nghĩa, chẳng hạn như những tiếng: thừa = của ai, thốt = nói, rén chường = rón rén trình thừa, dắng = tiếng ho háng ra hiệu. Tôi biết tuy tôi đã cố hết sức làm việc này nhưng thật chẳng thấm thía vào đâu vì tài cùng sức kiệt.

Phần diễn giải ra văn xuôi

Tôi thiết tưởng việc diễn lại Truyện Kiều ra lời văn xuôi để giúp độc giả hiểu thêm ý nghĩa từng câu Truyện Kiều là một công cuộc rất cần. Thế mà sao tôi chưa thấy ai để ý đến sự làm việc này? Tôi e rằng nếu giờ đây tôi giấu dốt không ra công khởi xướng phác diễn ra lần đầu thì sau này không ai làm việc này nữa. Vậy tôi mong rằng những bậc cao minh có tâm tới nền văn chương Việt phủ chính dần dần những phần tôi diễn dịch này cho hoàn hảo mãi lên, trước là để giúp người mình dễ thương thức Truyện Kiều hơn, sau là để giúp người ngoại quốc khảo cứu Truyện Kiều hiểu thấu rõ ràng hơn. Tôi biết rằng những lời tôi diễn giải từng câu trong Truyện Kiều ra văn xuôi này không được gọn gàng chải chuốt lắm. Đó là vì: phần thì phải vừa diễn vừa như giảng giải nghĩa từng chữ trong câu, phần lại phải thêm những liên từ, giới từ và những chi tiết lật vật mà tác giả phải gọt bỏ trong câu văn vần. Bắt buộc phải thêm những chữ đó vào thì mới thật rõ nghĩa, và

các câu diễn giải mới lưu thoát liền nhau. Tôi đánh dấu số từng 2 câu ở phần chính văn để độc giả dễ đối chiếu. Thường thì tôi diễn giải 2 câu lục bát liền nhau, nhưng cũng có khi diễn 3 hoặc 4 câu liền nhau.

Những câu hay chữ có ý móc nối hay thở than mỉa mai

Trong Truyện Kiều, những câu hô ứng móc nối đoạn nọ với đoạn kia thường tả hai tình cảm may rủi trái ngược nhau để làm nổi bật lên tình cảnh đoạn sau. Điều này khiến độc giả phải ngạc nhiên thở than cảm động về sự thay đổi bất kì. Như câu tả lòng Kiều trước khi đi hội Đạp thanh thì thật bình tĩnh thản nhiên vô tình: “Êm đềm trướng rủ màn che / tường đông ong bướm đi về mặc ai” có sự hô ứng móc nối với câu “Bóng tà như giục cơn buồn / khách đà lên ngựa người còn ghé theo” tả lòng Kiều ngần ngại vì tình sau khi đi hội Đạp thanh. Lại như câu “Sur càng nể mặt, nàng càng vững chân.” Đọc đến câu này, ta những tưởng Kiều được yên thân ở Chiêu Ân Am mãi mãi với Giác Duyên. Nhưng đọc sang đoạn sau ta lại thấy ngay những câu tả tình thế trái ngược ngay lại Giác Duyên thì ta suy ra rằng nàng chẳng được yên thân nữa: “Giác Duyên nghe nói rưng rờ ... Lánh xa trước liệu tìm đường” và gửi nàng đi sang nhà họ Bạc. Những câu chuyển tiếp đoạn trước xuống đoạn sau, tác giả đặt rất nhiều tài tình, thường chỉ có 2 câu lục bát, mà trên thì kết liễu rất gọn việc đoạn trên, dưới thì mở màn và báo điềm sự sẽ xảy ra ở đoạn dưới, mà thường lại còn tả đúng mùa nào cảnh ấy, thí dụ như 2 câu: “Sen tàn cúc lại nở hoa / sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân” tả Thúc Sinh tưởng Kiều chết thật thương nhớ suốt một năm, mới trở về Vô Tích ở với Hoạn Thư. Chỉ 14 chữ mà khiến ta thấy đầy đủ mọi chi tiết, với sự chuyển tiếp như sau: Hai chữ “sen tàn” đã ý nói cuộc tình duyên đậm thắm như hoa sen với Kiều thế là tàn tạ kết liễu, lại ứng với câu “càng lòng màu sen” ở câu tả lúc mới lấy được nàng. Chữ “cúc” tượng trưng cuộc tình duyên nhạt nhẽo nhưng đứng đắn như hoa cúc với Hoạn Thư. Nhóm chữ “lại nở hoa” báo điềm sẽ lại đoàn tụ hòa hợp với Hoạn Thư. Nhóm chữ “sầu dài ngày ngắn” ý nói chàng sầu thương Kiều quá, thoáng cái đã qua một năm. Chữ “sen” chỉ mùa hè, chữ “cúc” chỉ mùa thu, cộng thêm chữ “đông” và chữ “xuân” thì 4 mùa đó chỉ rõ một năm. Có 14 chữ mà tả đầy đủ rõ ràng bấy nhiêu chi tiết bằng lời văn hay đẹp chải chuốt như vậy, nếu không phải là bậc thiên tài siêu việt về văn chương thì đặt sao nổi! Trong truyện Kiều tác giả thường khéo dùng những lời rất sâu sắc như câu “kiếm lời mà ăn,” ở câu “Bảo rằng đi dạo lấy người / đem về rước khách kiếm lời mà ăn,” để mỉa mai những hạng mục dầu, ma cô ăn ngon cái lời bản thủ đó. Và như những câu: “cũng trong nha dịch lại là từ

tâm,” để mĩa mai bọn nha dịch, trừ Chung lão, thì đều tham ác cả. Lại như chữ “Dạy rằng hương lửa ba sinh / dây loan xin nối cầm lành cho ai” để mĩa mai những hạng Hồ Tôn Hiến cậy oai quyền to mà làm những việc xàm bậy, quên cả danh diện. Tưởng là quan lớn “dạy” gì, nào ngờ quan lớn xin làm chồng kẻ mụ vợ tướng giặc! Trong Truyện Kiều có nhiều chữ nhiều câu tác giả như có ý đặt ra để thở than cho mọi nỗi hư hỏng, mọi cảnh khốn cực cơ đời, đại khái như những câu: (a) “Điếc tai lân tuất phũ tay tòi tàn” than thở cho những kẻ tham ác bất nhân, mất hết lương tâm; (b) “Tờ hoa đã ký, cân vàng mới trao” mĩa mai thói chắc lép trong nghề buôn bán; (c) “Lễ tân đã đặt, tụng kỳ cũng xong” mĩa mai sự tham nhũng trong quan trường; và (d) “Vương sư ròm đã tỏ tường thật hư” mĩa mai những cuộc hành binh giả đạo đức, ngoài thì đường hoàng danh nghĩa vương giả, mà trong chỉ lén lút như trộm cắp rình mò.

Thâm ý tác giả ký thác tâm tình

Thí dụ như hai câu thở than thảm thê đau đớn dưới đây:

1) *Trót lòng trinh bạch từ sau xin chừa* – Ôi trinh bạch là cái đức tính cao quý nhất của đàn bà con gái xưa nay, thế mà vì tình thế bị võ lực uy hiếp tàn tệ quá mà phải kêu van trót dai mà đã giữ thân trinh bạch, từ nay xin chừa không dám trinh bạch nữa! Ai đọc đến câu nàng Kiều van lạy Tú Bà này mà chẳng thương khóc cho nàng?

2) *Thương thay cũng một kiếp người, hại thay mang lấy sắc tài làm chi?* – Ôi “sắc tài” là hai cái thứ của trời ban rất quý cho người đời. Thế mà ở trong tình thế bị “mệnh ghét” này, tác giả phải thở than cho Thúy Kiều và chính cho cả bao người “tài phong mệnh sắc” như tác giả nữa là câu hỏi tại sao lại mang mãi “sắc tài” để cho hại thân đời như thế?

Những chữ thở than cay đắng cho mỗi đời như vậy, chẳng mấy đoạn trong truyện Kiều là không có ít nhiều. Vậy xin nêu ra để chứng tỏ Truyện Kiều đúng là một tập *Đoạn Trường Tân Thanh*.

CHƯƠNG 03

CUỘC ĐỜI TÁC GIẢ TRUYỆN KIỀU

Tên tuổi quê quán

Tác giả Truyện Kiều họ Nguyễn [阮] tên húy là Du [攸], tên tự là Tố Như [素如], tên hiệu là Thanh Hiên [清軒], và biệt hiệu là Hồng Sơn Liệp Hộ [鴻山獵戶] (Phường Săn Núi Hồng). Quê ông ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Vì quê ông ở làng Tiên Điền nên mọi người cũng thường gọi ông là Tiên Điền Tiên Sinh để tỏ lòng kính trọng. Quê ngoại ông Du ở làng Hoa Thiều, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh [1]. Sinh mẫu ông, bà Trần Thị Thán [陳氏殯], là con gái một họ thế phiệt ở làng Ông Mặc, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Họ Trần nổi tiếng là một họ văn học trung nghĩa, trai gái đều rất đẹp, con gái thường được tuyển vào làm cung phi vương phủ. Bà Thán [2] lấy lẽ ông Tham tụng (ngang hàng Thủ tướng đời nay) Nguyễn Nghiễm. Ông Du sinh năm Ất Dậu (1766) tức là năm thứ 26 niên hiệu Cảnh Hưng đời vua Hiến Tông nhà Hậu Lê và mất năm Canh Thìn (1820) tức là năm đầu niên hiệu Minh Mệnh triều Nguyễn, thọ 54 tuổi.

Gia thế

Ông Du là dòng dõi một nhà trâm anh, văn chương nổi tiếng xưa nay trong nước. Cụ thủy tổ phát tích đầu tiên khoa bảng lẫy lừng họ Nguyễn Tiên Điền là Trạng nguyên Nguyễn Thuyên [阮倩] người làng Canh Hoạch [3] xứ Bắc. Ông Thuyên đỗ Trạng nguyên hồi đầu nhà Mạc đồng thời với ông Trịnh Nguyễn Bình Khiêm. Ông kém ông Khiêm mấy tuổi, nhưng lại đỗ trước ông Khiêm một khoa. Hai ông rất thân nhau và đều có ý ân hận là không may sinh vào thời nguy Mạc. Khi nhà Lê Trung Hưng ở Thanh Hóa, hai ông tuy đã đều làm quan to với tước Hầu triều Mạc, nhưng đều muốn bỏ triều nguy Mạc để vào Thanh Hóa phục vụ triều Lê chính thống. Trong một bài thơ ông Khiêm họa lại thơ ông Thuyên, tỏ ý cho ông Thuyên biết: Thế nào nhà Lê cũng lên, nhà Mạc cũng xuống; việc ông định làm là việc rất phải và nên làm ngay kéo lờ; tôi cũng muốn làm mà chưa được [4]. Ông Thuyên được lời đồng ý của ông Khiêm, liền đem gia đình vào Trung quy thuận; họ Nguyễn Tiên Điền bắt đầu vào miền Trung từ đó. Ông Thuyên đi rồi, ông Khiêm bị vua Mạc giữ làm Quân sư trong cuộc Tây chinh thành ra không đi được. Ông Thuyên vào Trung, được Lê triều rất trọng dụng, nhưng đến đời cháu không biết vì việc gì mà phải tru di, may được

một người trốn thoát lần ra bắc với Mạc triều. Khi Mạc bại vong, gia đình họ Nguyễn lại tránh vào Trung và lập nghiệp ở làng Tiên Điền và truyền kế học hành đỗ đạt được sáu, bảy đời. Đời anh em ông Huệ [德], ông Nghiễm [嚴] là hồi họ Nguyễn Tiên Điền thịnh đạt nhất. Ông Huệ đã đỗ sĩ vọng lại đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1733), nhưng vinh quy rồi mất ngay; vua rất thương tiếc và truy phong Quốc thân. Ông Nghiễm năm 21 tuổi đỗ Hoàng giáp khoa Tân Hợi (1731) làm quan đến chức Tham tụng, Thượng thư đại tư đồ, được phong tước Xuân quận công khi về trí sĩ. Nhưng sau đó lại khởi phục làm Đốc tướng trong 10 năm. Ông làm quan trải 3 đời vua Thuần Tông, Ý Tông, Hiến Tông, tại chức gần 50 năm. Con trai cả ông là ông Nguyễn Khả [侃] cũng đỗ tiến sĩ và làm đến Tham tụng, Thượng thư. Con thứ hai là ông Nguyễn Điều [條] thi hội đỗ tam trường, rồi đổi sang nghề võ, làm Trấn thủ ở Hưng hóa, được phong tước Điều nhạc hầu. Con thứ ba là Nguyễn Dao [瑤] đỗ cử nhân, làm Hồng lô tự thừa. Ông Du tác giả Truyện Kiều là con ông Nghiễm và bà trắc thất Trần Thị Thán. Họ có 4 con trai là Trụ [宙], Nễ [你], Du [攸], Úc [億]. Ông Trụ và ông Nễ đều đỗ cử nhân. Xét trong một họ mà đồng thời có nhiều nhân vật tài cao chức trọng chung vui chung buồn với nước như thế, thật là ít có họ nào sánh kịp vậy.

Niềm riêng tác giả ẩn trong Truyện Kiều

Mấy câu tả tài hoa nhân phẩm Kim Trọng ở trong Truyện Kiều thì thật đúng là tác giả đã tự tả tài phẩm đáng quý của mình.

Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh

Nên phú hậu, bực tài danh

Văn chương nếp đất, thông minh tính trời

Phong tư tài mạo tột vời

Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa

Tác giả đã là dòng dõi trâm anh khoa bảng, sẵn văn chương nếp đất, sẵn thông minh tính trời, lại gặp hồi gia đình thịnh đạt – cha, anh, chú, bác đều thanh giá lừng lẫy, văn đã không ai bằng, võ cũng chẳng kém ai. Tác giả thật đã dụng tâm khéo tả đúng với gia thế, và tài hoa cùng tính tình của mình. Các thi sĩ nổi tiếng xưa nay phải có thiên tài đặc biệt đã vậy, nhưng lại phải được tình cảm éo le, bước đường chật vật nó điêu luyện, nó kích thích thì mới nảy ra được văn phẩm tuyệt

tác. Ở Tàu xưa thì bài “Quy khứ lai từ” của ông Đào Tiềm, “Đăng vương các tự” của ông Vương Bột, bài “Thực đạo nan” của ông Lý Bạch, 8 bài thơ “Thu hứng” của ông Đỗ Phủ, bài “Tỳ bà hành” của ông Bạch Cư Dị, 2 bài “Xích Bích phú” của ông Tô Đông Pha đều là những tuyệt tác.

Ở nước Việt ta thì có những tuyệt tác như bài “Tự tình khúc” của ông Cao Bá Nhạ, các bài hát nói của ông Nguyễn Công Trứ và ông Cao Bá Quát, lại còn nhiều bài thơ chữ Hán vô giá của các trung nghĩa thế cùng than thở, như bài “Thuật hoài” của ông Đặng Dung. Những bài thơ văn tuyệt phẩm này đều là sản phẩm trong bước gian nan của các thi sĩ. Tác giả Nguyễn Du cũng vậy, có gặp cảnh long đong, nước phá nhà tan nó điều luyện kích thích thì mới viết được quyển Đoạn Trường Tân Thanh – một cuốn văn thơ tuyệt tác, hiện nay lưu hành khắp thế gian, văn sĩ bốn phương đều phải phục là hay vào bậc nhất trong kho văn chương thế giới.

Tài tình và mệnh vận

Tác giả lúc nhỏ thông minh đỉnh ngộ, lớn lên văn tài siêu việt khác người, tính tình hào hoa khoáng đạt. Nói đến “cậu Bảy” (vì ông Du con thứ 7 ông Nghiễm) thì ai cũng phải yêu quý, chịu là bậc phong lưu công tử đệ nhất ở kinh đô Thăng Long. Tiếng phong nhã của cậu Bảy này còn truyền tụng đến mấy mươi năm về sau. Trong thời kỳ trẻ trung vui tươi đầy hy vọng tốt đẹp này, được vui hầy cứ vui kéo uổng tuổi thanh xuân, cậu Bảy đâu đã cần gì vội nghĩ đến cuộc tranh khôi đoạt giáp, vì sẵn tài hoa, sẵn nếp đất cậu coi như nắm vững trong tay rồi, tội gì sớm buộc vào vòng công danh vội. Nhưng tài mệnh ghét nhau. Năm 19 tuổi, ông vừa bước chân vào đường khoa cử tiến thân, đỗ tam trường khoa Quý Mão (1783) thì ngay năm sau Giáp Thìn (1784) bọn kiêu binh tam phủ vào phá nhà ông Tham tụng Nguyễn Khánh là nhà tác giả. Ông Khánh chạy thoát rồi mang cả gia đình họ Nguyễn lên Sơn Tây với ông Trấn thủ Nguyễn Điều. Sau khi hai ông Khánh, Điều định họp quân các trấn lại đón chúa ra, để trừ binh kiêu binh tam phủ, nhưng cơ mưu tiết lộ, việc cứu chúa dẹp loạn không xong. Thế là gia đình tác giả đương thịnh hóa tan, bỏ Thăng Long về ẩn quê miền Trung.

Tác giả thật đã dụng tâm ngầm tả việc Kiêu binh phá nhà họ Nguyễn làm tác giả vỡ mộng đẹp công danh của mình – vừa mới bắt đầu năm trước – bằng đoạn trong Truyện Kiều tả lũ sai nha đầu

trâu mặt ngựa, nách thước tay dao vào phá nhà họ Vương, làm cho Thúy Kiều tan duyên đẹp với Kim Trọng vừa mới đính kết đêm qua.

Còn thời kỳ tuổi trẻ tươi vui, và cái cuộc võ giặc mộng vàng thì tác giả ngụ ý nói bóng ở trong mấy câu tả tiếng đàn Kiều gảy:

Khúc đâu đầm ám dương hòa

Ấy là Hồ Điệp hay là Trang Sinh ?

Khúc đâu êm ái xuân tình

Ấy hồn Thục Đế hay hình Đỗ Quyên ?

Qua 4 câu thơ trên, tác giả ví hồi tuổi trẻ của mình thật đầm ấm thanh thoi như lúc ông Trang Sinh mơ thành bướm bay lượn trên hoa không chút lo âu, và thật êm ái xuân tình như lòng ông Thục Đế trong hồi làm vua lúc thái bình, tha hồ hưởng lạc thú. Còn cuộc võ mộng đẹp thì tác giả ví mình như ông Trang Sinh lúc tỉnh dậy ngỡ ngàng thấy mình vẫn là kẻ trăm lo nghìn chán về cuộc đời, chẳng khác gì Thục Đế thác sinh thành Đỗ Quyên thăm sâu nhớ nước, suốt đêm ngày kêu “quốc quốc.”

Khí anh hùng hồi Tây Sơn

Trong hồi nhà Tây Sơn nổi lên, Trịnh bại Lê vong, ông Du đã mấy phen dấy binh lo toan sự khôi phục nhưng đều không thành công, bèn bỏ về quê, ẩn nơi rừng núi, việc đời gác bỏ ngoài tai, lấy săn bắn làm vui, tự hiệu là Hồng Sơn Liệp Hộ. Trong dãy 99 ngọn núi Hồng Lĩnh, không chỗ nào ông không để chân đến. Trong thời Tây Sơn, cũng có vài cự thần nhà Lê nổi lên để lo sự khôi phục Lê triều, nhưng khi thất bại đều phải lẩn quất âm thầm ở nơi làng quê sống đời nghèo khổ, như ông nghệ Trần Danh Án [陳 名 案] ở Bắc Ninh, trốn tránh mãi ở vùng Từ Sơn, mặt mày gầy xạm. Chỉ có riêng ông Nguyễn Du là đi săn bắn, lẩn quất nhưng vẫn có màu phong lưu công tử.

Lòng trung nghĩa với nhà Lê hồi Nguyễn triều

Hồng Sơn Liệp Hộ đã quyết định gác bỏ công danh, vui cảnh núi rừng để giữ trọn niềm trung nghĩa với nhà Lê. Nhưng khi vua Gia Long nhà Nguyễn diệt được Tây Sơn, thống nhất được sơn hà, và chiêu dụ những trung thần nghĩa sĩ của nhà Lê, ông Du không thể từ chối, nên đành phải ra làm quan với Nguyễn triều cho gia đình được an toàn. Nỗi khổ tâm ông phải ra làm quan với Nguyễn triều, ông đã ngậm tở ở trong lời Kiều dỏ van dỏ trách Kim Trọng khi tái ngộ :

*Chữ trịnh còn một chút này,
Chẳng cầm cho vững lại giày cho tan !*

Cái sự ông bất đắc dĩ phải nén lòng trung với nhà Lê xuống mà làm tôi cho nhà Nguyễn này, đã khiến ông mất lòng thành với nhà Nguyễn. Vì thế cho nên đã được trọng dụng mà ông chỉ làm trọn chức phận, không nói năng điều gì ngoài trách nhiệm. Thái độ ấy rõ rệt đến nỗi vua Gia Long đã có lần quở ông “Triều đình dùng tài, cứ ai hiền tài thì dùng, không phân biệt nam hay bắc. Người đã lên đến hàng á khanh thì hẳn biết việc gì hay thì phải nói lên chứ, nhưng sao lại cứ rụt rè, e sợ, chỉ vâng vâng dạ dạ cho xong lần như thế ?”

Cứ theo lẽ nông nổi bên ngoài mà nói, thì lời vua quở ông là đích đáng. Nhưng nếu chiếu theo cái khổ tâm “Từ Thứ quy Tào” của ông mà xét cho sâu sắc đúng tình lý, thì lời quở này thật oan ức, chẳng thấu tình cho ông chút nào. Vì cái thâm tâm “cầm vững chút chữ trung còn lại” với Lê triều cũ, lúc này ông đâu dám tỏ chút nào cho ai biết, nên ông đành ngậm oan vâng lời vua quở mà mang mối uất hận suốt đời. Ông chỉ dám ngậm tở cho thiên hạ đời sau biết trong hai câu ông tả tiếng đàn Kiều gảy khi gặp lại Kim Trọng :

*Trong sao châu rỏ doanh quyền
Ám sao hạt ngọc Lam Điền mới đông!*

Ta có thể hiểu ý nghĩa hai câu thơ trên như sau:

[Người ngoài vô tình thì nghe tiếng đàn trong trẻo tròn trĩnh như hạt ngọc rơi xuống mặt nước khu bể trong veo dưới ánh trăng sáng đẹp, nhưng có biết đâu dưới đáy bể bọn nhân ngư vẫn khóc, lệ châu rơi lã chã] – [Người ngoài vô tình thì nghe tiếng đàn có giọng tươi vui như bãi cỏ xuân mặt

núi Lam Điền xanh rờn dưới ánh nắng ấm áp, nhưng có biết đâu dưới mặt đất núi có những hạt ngọc non mới đông bị khí nóng nắng ấm làn tan thành khói bốc lên].

Hai câu thơ tả tiếng đàn đó là phương tiện tác giả Truyện Kiều dùng để cho người đời hiểu là chớ thấy ông được Nguyễn triều trọng dụng mà lầm tưởng ông được vinh hiển tươi vui – thực ra, ông chỉ gương vẻ tươi vui ở bề ngoài, nhưng trong bụng vẫn tủi cực khóc thầm.

Hoan lộ miễn cưỡng của tác giả Truyện Kiều

Năm 1802 (Gia Long thứ nhất) ông được bổ làm Tri huyện huyện Phù Dực thuộc tỉnh Thái Bình. Ít lâu sau thăng làm Tri phủ phủ Thường Tín thuộc tỉnh Hà Đông rồi ông cáo bệnh xin về hưu. Năm 1806 (Gia Long thứ năm) được triệu về Kinh lãnh chức Đông các học sĩ [東閣學士] (lúc ông 42 tuổi). Năm 1809 (Gia Long thứ tám) được bổ ra làm Cai bạ [該簿] tỉnh Quảng Bình (lúc ông 45 tuổi). Năm 1813 (Gia Long thứ mười hai) được thăng lên chức Cần chánh điện học sĩ [勤正殿學士] và sung chức chánh sứ sang công Trung Hoa (lúc ông 49 tuổi). Đi sứ về, ông được thăng Lễ bộ hữu tham tri [禮部右參知] và được nghỉ (không biết bao lâu). Năm 1820 (Minh Mệnh thứ nhất) lại có chỉ sai ông đi sứ sang Tàu, nhưng chưa kịp đi thì ông bị bệnh mất, thọ 54 tuổi.

CHƯƠNG 04

CÂU 1 ĐẾN CÂU 6

“Mệnh ghét trai tài, trời ghen gái sắc”

1. Trăm năm trong cõi người ta, [1]

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau. [2]

3. Trải qua một cuộc bể dâu, [3]

Những điều trông thấy ã đau đớn lòng.

5. Lạ gì bỉ sắc tư phong, [4]

Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen. [5]

Đính chính và xác định

Câu 4: Chữ “*đã*” ở câu này, nhiều bản in là “*mà*”; chỉ có vài bản in là “*đã*.” Xét ra chữ “*đã*” có lẽ đúng hơn, vì nó tiếp nghĩa với chữ “*một cuộc*” ở câu trên, làm cho lời than đau đớn thêm, thấm thía sâu rộng; mới trải có một cuộc bể dâu, mà những điều trông thấy “*đã*” làm cho tác giả đau đớn lòng, thì từ xưa đến nay, lại từ nay về sau, còn có bao nhiêu cuộc bể dâu nữa? Nêu để chữ “*mà*” thì hai câu lục bát này không khấn thiết với nhau.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Trăm năm* có nhiều nghĩa. Chữ *trăm năm* ở đây thì nghĩa là quãng thời gian lâu dài của một đời người do câu chữ nhỏ [人生百歲為期 = nhân sinh bách tuế vi kỳ = đời sống của người lấy trăm năm làm kỳ hạn]. Ta chúc các cụ già sống lâu trăm tuổi, tức là chúc các cụ được sống đầy đủ cuộc đời trời định. Tác giả dùng chữ *trăm năm* để chỉ chính đời tác giả.

[2] *Tài mệnh ghét nhau* lấy ý từ câu chữ Hán [古來才命兩相妨 = cổ lai tài mệnh lưỡng tương phương = xưa nay phần tài hoa và phần số mệnh, hai bên nó vẫn làm hại lẫn nhau ở trong đời người].

[3] *Cuộc bể dâu* cũng gọi là cuộc tang thương, nghĩa là cuộc biến đổi to lớn ở đời như ruộng dâu (tang điền [桑田]) biến thành biển rộng (thương hải [滄海]) hay biển rộng biến thành ruộng dâu. Trong truyện thần tiên, bà tiên Ma Cô [麻姑] có nói “Từ khi ta được vào hội tiên đến giờ ta đã thấy ba lần biển Đông hóa ra ruộng dâu rồi. Đạo vừa rồi ta đi dự hội ở đảo Bồng lai ta thấy nước biển trong và nông bằng nửa lần hồi trước, có lẽ lại sắp hóa thành ruộng dâu chăng?” Cuộc bể dâu nói đây là cuộc chính biến cuối Lê sang Nguyễn.

[4] *Bỉ sắc tu phong* [彼嗇斯豐] = Phần kia thiếu thốn; phần này đầy đủ. Sách chữ Hán có câu [豐于才嗇于遇 = phong vu tài sắc vu ngộ = đầy đủ về phần tài hoa thì thiếu kém về phần gặp gỡ may mắn].

[5] *Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen* lấy ý từ câu chữ Hán [造物妬紅顏 = tạo vật đố hồng nhan = thợ trời ghen với gái má hồng].

Diễn ra văn xuôi

Câu 1 và 2 = Trong một đời người thường gọi trăm năm, ta được sống ở trên cõi người ta này, ta thấy người có tài thì thường số mệnh xấu, cùng khổ suốt đời. Điều này khiến ta khéo nghĩ vẩn vơ, tin rằng người xưa vẫn nói “chữ tài và chữ mệnh ghét nhau” là rất đúng và lòng ta thường uất hận vì những lẽ bất công đó.

Câu 3 và 4 = Ấy bởi cái lẽ tài mệnh ghét nhau như thế nên mới trải qua một cuộc vận nước biến đổi to lớn như ruộng dâu hóa biển cả này mà những điều ta trông thấy đã khiến lòng ta đốn đau vô cùng.

Câu 5 và 6 = Nhưng thôi, mình tuy kém phần vận mệnh may mắn kia, thì đã được đầy đủ phần tài hoa đáng quý này rồi. Luật bù trừ, trời đất xưa nay vẫn thế.

Nhận xét về đoạn mở đầu này

Xét trong đoạn này, tuy ngắn gọn chỉ có 6 câu nhưng ý tứ thật đầy đủ dồi dào, thật bao la tha thiết, vừa than thở cho chính mình tác giả tài cao mệnh yếu (câu 1 và 2), vừa than thở cho khách anh

hùng xưa nay cũng gặp bước không may như mình trong buổi loạn lạc (câu 3 và 4) vừa than thở cho một hồng nhan bị ông xanh ghen ghét đày đọa mà mình sắp kể truyện lại vừa để tự an ủi mình và vừa để làm mối chuyện tiếp vào truyện chính. Đọc 6 câu mở đầu này rồi, càng ngẫm nghĩ ta càng thấy cái thiên tài cao siêu phi thường của Tố Như tiên sinh.

Những chữ hay câu có ý móc nối

Nhóm chữ “những điều trông thấy” đọc qua thì thấy chỉ có ý nghĩa bình dân là [“vận khứ anh hùng ẩm hận đũa” = vận trời đã bỏ, khách anh hùng phải nuốt hận nhiều], nhưng đâu phải chỉ nói có thế? Chúng còn nói cả đến điều [“thời lai đồ điếu thành công dị” = gặp thời, kẻ câu cá, kẻ hàng thị cũng làm nên công danh rất dễ nữa]. Những bọn vô tài hữu mệnh mà tác giả than thở kín đáo đó là ai? Xin độc giả cũng nghĩ mà hiểu ngầm như tác giả nói ngầm.

CÂU 7 ĐẾN CÂU 38

“Trang trọng khác vời, phong lưu rất mực”

7. Cảo thơm lần giở trước đèn, [1]

Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh. [2, 3]

9. Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh,

Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng. [4]

11. Có nhà viên ngoại họ Vương, [5]

Gia tư nghị cũng thường thường bực trung. [6, 7]

13. Một trai con thứ rót lòng, [8]

Vương Quan là tự, nổi dòng nho gia. [9]

15. Đầu lòng hai ả tố nga,

Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.

17. Mai cốt cách, tuyết tinh thần, [10]

Mỗi người mỗi vẻ, mười phân vẹn mười.

19. Vân xem trang trọng khác vời,

Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang. [11]

21. Hoa cười ngọc thốt đoan trang, [12]

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
 23. Kiều càng sắc sảo, mặn mà,
 So bề tài, sắc, lại là phần hơn.
 25. Lò thu thủy, nhợt xuân sơn, [13]
 Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh. [14]
 27. Một, hai nghiêng nước nghiêng thành, [15]
 Sắc rành đòi một, tài rành họa hai.
 29. Thông minh vốn sẵn tư trời,
 Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.
 31. Cung thương lầu bậc ngũ âm, [16]
 Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.
 33. Khúc nhà tay lựa nên chương, [17]
 Một thiên bạc mệnh, lại càng não nhân. [18]
 35. Phong lưu rất mực hồng quần,
 Xuân xanh sắp xỉ tới tuần cập kê [19]
 37. Êm đềm trướng rủ màn che,
 Tường đông ong bướm đi về mặc ai. [20]

Đính chính và xác định

Câu 18: Nhóm chữ “*mỗi người mỗi vẻ*” ở câu này nhiều bản Kiều quốc ngữ in lầm ra “*mỗi người một vẻ*”; lại có bản in lầm là “*một người một vẻ*.” Tất cả đều nghe không êm thuận tự nhiên bằng “*mỗi người mỗi vẻ*” để đi với “*mười phen vẹn mười*”, vì 2 chữ mỗi đi với 2 chữ mười nghe lưu loát tự nhiên hơn.

Câu 25: “*Lò thu thủy, nhợt xuân sơn*” là diễn theo ý nghĩa câu chữ Hán [眼光秋水眉淡春山] = nhỡn quang thu thủy mi đạm xuân sơn = mắt trong sáng hơn nước trong lặng mùa thu, lông mày tươi đẹp hơn núi cỏ xanh tươi mùa xuân. Hai câu lục bát này tả vẻ đẹp của Kiều bằng 4 cách so sánh: (1) mắt thì trong sáng làm lò được nước mùa thu, (2) lông mày thì tươi đẹp làm nhợt được vẻ tươi đẹp núi mùa xuân đầy cỏ non xanh tươi, (3) đôi má hồng thì làm hoa phải ghen vì thua màu đỏ thắm, và (4) đôi lông mày thì làm cho liễu phải hờn vì kém màu xanh đẹp. Nghĩa rõ ràng

là thế, mà các bản Kiều quốc ngữ và phần nhiều các bản Kiều nôm đều in lầm ra thành “Làn thu thủy, nét xuân sơn [瀾 秋 水 湮 春 山]”!

Câu 28: “Sắc rành đòi một, tài rành họa hai” các bản quốc ngữ đều in là “Sắc đành đòi một, tài đành họa hai” nghe thật tối nghĩa. Vậy xin xác định là “Sắc rành đòi một tài rành họa hai” cho rõ nghĩa hơn. Trong bản Kiều chữ Nôm, có nhiều chữ [火+亭] rành khác lầm ra [停] đành như thế.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Cảo thơm* = Cảo là quyển vở do chính tay người chép. Các cụ nhà nho xưa vẫn gập lá cây trạch lan vào trong sách quý để trừ mọt. Trạch lan cũng gọi là cây màn tưới là loại thảo thân có từng đốt, mỗi đốt có hai lá mọc đối nhau, hình giống lá đào có mùi thơm dịu, ăn được; về mùa đông thì các cụ đeo ở trong túi áo trừ bọ chết, về mùa hè thì nấu tắm trừ ghẻ lở. Cây màn tưới chữ Hán gọi là vân 芸, nên sách có để lá màn tưới thì gọi là vân cảo [芸 稿].

[2] *Phong Tình Lục* [風 情 錄] = Tên cuốn truyện ông Nguyễn Du đi sứ Tàu mua được. Ông thấy Vương Thúy Kiều tả ở trong truyện cũng tài cao số kém gặp cảnh long đong thất chí như ông, nên ông mới mang về diễn ra thành truyện Đoạn Trường Tân Thanh để ký thác tâm sự đau buồn của mình. Người sau cho là ông dịch ở “Thanh Tâm Tài Nhân” ra là lầm. Tôi sẽ có lời kể rõ chuyện tường làm này ở sau đoạn cuối quyển Truyện Kiều tôi chú giải này.

[3] *Sử xanh* = Người xưa lúc chưa biết làm giấy, lấy mũi dùi nhọn viết chữ vào những thanh cột tre còn lướt tinh xanh, rồi khoan lỗ một đầu khâu lại thành sách. Những sách truyện bằng thanh tre xanh đó người ta gọi là thanh sử [青 史] (sử xanh). Chữ sách [冊] trong chữ nho tượng hình sách thanh tre đó.

[4] *Hai kinh* = Vua Thành Tổ nhà Minh nguyên là con thứ vua Minh Thái Tổ, phong vương ở Yên Kinh sau cướp ngôi vua của cháu ở Nam Kinh, mới gọi Yên Kinh là Bắc Kinh. Bởi vậy nhà Minh có hai kinh đô.

[5] *Viên ngoại* = Về đời nhà Tống đến đời nhà Minh bên Tàu, những người nhà giàu đứng đẵn đều gọi là viên ngoại, chứ không phải là một chức viên ngoại, lang trung ở các bộ.

[6] *Gia tư* [家資] = Tất cả vốn liếng tài sản của gia đình.

[7] *Nghi* = Một đại danh từ cổ của ta, tương đương với nó, hắn, ông ấy, cô ấy, vân vân. Trong truyện xưa có câu nói về cô My Châu “nghĩ ngậy, nghĩ đại, nghĩ tin người” (= cô ấy ngậy, cô ấy đại, cô ấy tin Trọng Thủy).

[8] *Rốt* = Người con cuối cùng, cùng với nghĩa chữ út.

[9] *Tư* = Tên chính thức đặt cho một người, nhất là cho con gái, đã cáo với tổ tiên; nhiều bản quốc ngữ dịch là chữ. Theo tục lệ Tàu trước kia, cha mẹ không đặt tên con sẵn cho con gái lúc nhỏ. Lúc sắp lấy chồng, hai họ mới bàn nhau đặt tên cho cô dâu, để tránh trùng tên với các cụ bên nhà rể. Do đó, con gái chưa có chồng gọi là vị tự [未字] (= chưa có tên chính thức).

[10] *Mai cốt cách* [梅骨格] = Hình dáng người có vẻ thanh tao lịch sự như cành hoa mai – *Tuyết tinh thần* [雪精神] = Vẻ mặt tỏ ra có tinh thần sáng sủa và nghiêm trang như tuyết.

[11] *Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang* lấy điển trong sách tướng: Mặt như mặt trăng đầy, lông mày đậm và ngang như con tằm nằm là tướng tốt có lòng phúc hậu, con cháu đông đúc đề huề.

[12] *Thốt* = Nói. Ta có câu: “Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe”. Ngọc thốt = Nói toàn những lời đúng đắn đáng quý.

[13] *Lờ thu thủy* = Lòng mặt trong sáng hơn mặt nước trong lạng mùa thu như lờ đục đi. Nhọt xuân sơn = Lông mày có vẻ tươi đẹp hơn mặt núi có cỏ xanh rờn về mùa xuân, so sánh với nhau thì vẻ tươi núi mùa xuân trông như nhọt bớt đi.

[14] *Liễu hờn kém xanh* = Đồi nhà Đường con gái thường bôi lông mày bằng sáp xanh. Hai câu 25 và 26 dùng 4 cách so sánh để tả sắc đẹp của Kiều: mắt thì trong sáng hơn thu thủy, lông mày thì tươi đẹp hơn xuân sơn. Sắc má thì đỏ đẹp hơn hoa, sắc lông mày thì xanh đẹp hơn lá liễu.

[15] *Một hai nghiêng nước nghiêng thành* lấy điển từ câu hát của Lý Diên Niên đời Hán Vũ Đế để tả vẻ đẹp em gái chàng cho vua nghe [北方有佳人絕世而獨立] = bắc phương hữu giai nhân, tuyệt thế nhi độc lập = phương bắc có người đẹp tuyệt trần, đứng riêng một mình. [一顧傾人城再顧傾人國] = nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc = nhìn một cái làm nghiêng một thành, nhìn hai cái làm nghiêng cả nước người.

[16] *Cung, thương, giốc, trủy, vũ* = Năm âm về ca nhạc xét theo giọng đục, trong, cao, thấp. Cung là âm đục thấp nhất, thương âm đục thấp thứ hai, giốc âm trung bình giữa trong đục cao thấp, trủy âm trong cao bậc nhì, vũ âm trong cao nhất. Trong câu lục-bát “Trong như tiếng hạc bay qua / đục như nước suối mới sa nửa vời” thì trong là âm vũ, đục là âm cung.

[17] *Chương* [章] = Bài hát. *Trương* [張] = Cây đàn.

[18] *Một thiên bạc mệnh* = Tên bản đàn Kiều đặt ra để tả nỗi xấu số khổ sở của người đàn bà, con gái.

[19] *Cập kê* = Đến tuổi sắp lấy chồng. *Kê* [笄] = Trâm cài búi tóc. Kinh Lễ nói con gái năm 15 tuổi thì búi tóc gọn lên mà cài cái kê vào, do đó tuổi ấy là tuổi cập kê.

[20] *Tường đông ong bướm đi về mặc ai* lấy điển từ câu Mạnh Tử [踰東隣而摟其処女 = du đông lân nhi lâu kỳ xử nữ = trèo sang hàng xóm bên đông mà lôi con gái chưa chồng người ta đi]. Đây ý nói Kiều không để ý đến cậu con trai nào ngáp ghé cả.

Diễn ra văn xuôi

Câu 7, 8 = Ngồi trước đèn giờ lẩn lẩn những chập sách thom phức những mùi lá trạch lan ra xem, ta thấy có quyển Phong Tình Lục chép truyện sau đây.

Câu 9, 10 = Truyện chép rằng: Trong đời Gia Tĩnh (1522 – 1566) triều nhà Minh, bốn phương yên ổn và hai kinh Nam, Bắc đều vững vàng không có giặc giã đe dọa.

Câu 11, 12 = Hồi đó ở Bắc Kinh có nhà ông viên ngoại họ Vương, tài sản ông ta cũng vào hạng trung bình.

Câu 13, 14 = Ông có một trai là út đặt tên là Vương Quan và sẽ là người con nối nghiệp học hành nhà sau này.

Câu 15, 16 = Hai con sinh trước là hai cô gái rất trắng đẹp như tiên trên cung trăng; chị tên là Thúy Kiều; em tên là Thúy Vân.

Câu 17, 18 = Hai cô này đều có hình dáng thanh tao như hoa mai và tinh thần trong sáng nghiêm trang như tuyết. Tuy mỗi cô có một vẻ khác nhau, cô nào cũng mười phần đẹp hoàn toàn cả mười.

Câu 19, 20 = Nàng Vân xem ra có vẻ đứng đắn cẩn thận, rất mực khác đời; khuôn mặt thì đầy đặn kín đáo như mặt trăng rằm; đôi lông mày thì nở nang gọn gàng như con tằm nằm.

Câu 21, 22 = Vẻ mặt nàng cười trông tươi đẹp như hoa, giọng nàng nói đã hay, lại thốt ra những lời đứng đắn đáng quý như vàng ngọc; màu tóc nàng đen mượt so với mây, mây phải thua; mà da nàng trắng mịn so với tuyết, tuyết phải nhường.

Câu 23, 24 = Còn nàng Kiều tinh thần trông lại càng sắc sảo, vẻ đẹp trông lại càng mặn mà ưa mắt. So với nàng Vân, thì Kiều hơn về tài sắc.

Câu 25, 26 = Vẻ trong sáng của đôi mắt nàng so với nước mùa thu thì nước mùa thu phải lờ đục hơn; đôi lông mày tươi đẹp của nàng so với mặt núi mùa xuân xanh rờn những cỏ, thì màu núi mùa xuân phải nhọt đi; sắc tươi thắm mặt nàng so với hoa thì hoa phải thua mà sinh lòng ghen; màu xanh đẹp của lông mày nàng so với liễu thì liễu phải kém mà sinh lòng hờn tức.

Câu 27, 28 = Nàng thật đúng là bực giai nhân tột bực – liếc mắt ngó một cái làm nghiêng đổ một thành người ta; lại liếc mắt ngó cái nữa là làm nghiêng đổ cả nước người ta. Về phần nhan sắc, thì rành rành là chỉ có nàng là nhất, về phần tài hoa thì rành rành là họa may mới được một người bằng nàng nữa là hai.

Câu 29, 30 = Nàng lại sẵn được trời cho tư chất thông minh – thi, họa, ca ngâm, tài hoa đủ nghề.

Câu 31, 32 = Nàng rất giỏi về âm nhạc – các cung các bậc trong âm lục nàng đều lầu thuộc cả, nhất là ngón tài riêng về đánh đàn hồ cầm thì thật ăn đứt không ai theo kịp.

Câu 33, 34 = Chính tay nàng làm ra một bản đàn gọi là “Thiên bạc mệnh” mà khi gảy lên lại càng khiến người ngồi nghe phải sầu não ruột gan.

Câu 35, 36 = Nàng thật là một trang gái tài mạo phong nhã vào bậc nhất trong bọn quần hồng, và xuân xanh đã đến tuổi quán tóc cài trâm (15, 16 tuổi).

Câu 37, 38 = Hàng ngày nàng vẫn vui ở nơi kín đáo trong nhà trướng rủ màn che, thật êm đềm lặng lẽ không để ý gì đến những kẻ ngấp nghé dòm ngó.

Những câu hay chữ có ý móc nối

Trong truyện Kiều, lắm câu mới đọc thì thấy như là thừa, chỉ đặt cho đủ câu, cho liền vắn. Nghĩ vậy là lầm, vì chính những câu đó thường là câu quan hệ, đặt để móc nối những việc về sau. Những câu rất tầm thường trong đoạn này như: “Bốn phương phẳng lặng...”, “Gia tư ... bực trung” đều dụng ý móc nối ấy cả. Câu trên thì móc nối xa với câu Kiều khuyên Từ Hải: “Ngẫm từ khởi sự binh đao / đổng xương vô định đã cao bằng đầu” cho biết rằng Từ Hải đã bắt đầu làm mất cảnh thái bình ấy. Câu dưới: “Gia tư ... bực trung” thì móc nối với sự Viên ông bị tống tiền vì có tài sản.

Những câu tả tướng tốt về Thúy Vân như: “hoa cười ngọc thốt” và “khuôn trăng đầy đặn” gợi trước cho ta biết hạnh phúc của nàng. Những câu tả tướng “anh hoa phát tiết ra ngoài” của Kiều như: mắt trong, lông mày tươi, nét mắt liếc nhìn quyến rũ, để gợi cho ta biết cuộc đời giang hồ của nàng. Những câu tả tài hoa của Kiều như “pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm” và “cung thương lầu bực ngũ âm” thì móc nối với biết bao nhiêu cuộc đề thơ và gảy đàn của nàng về sau.

Câu “Êm đềm trướng rủ màn che” thì dùng ý để móc nối với ý ngược lại của cuộc “bộ hành chơi xuân” cho mãi đến lúc “bóng chiều như giục cơn buồn”. Ý câu “Trường đông ông bướm đi về mặt

ai” cũng dùng để móc nối ngược lại với câu “Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo” và với câu tưởng nhớ đến Kim Trọng “Người đâu gặp gỡ làm chi / trăm năm biết có duyên gì hay không?”

CHƯƠNG 05

CÂU 39 ĐẾN CÂU 132

“Vui hội đạp thanh, viếng mộ vô chủ”

39. Ngày xuân con én đưa thoi, [1]
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi. [2]
41. Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa. [3]
43. Thanh minh trong tiết tháng ba, [4]
Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh. [5]
45. Gần xa nô nức yến anh, [6]
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
47. Dập dìu tài tử, giai nhân,
Ngựa xe như nước, áo quần như chen. [7, 8]
49. Ngõn ngang gò đống kéo lên, [9]
Thoi vàng bỏ rác tro tiền đầy bay.
51. Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
53. Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
55. Nao nao dòng nước uốn quanh, [10]
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang. [11]
57. Sè sè nấm đất bên đàng, [12]
Dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
59. Rằng: “Sao trong tiết thanh minh,
Mà đây hương khói vắng tanh thế mà?”
61. Vương Quan mới dẫn gần xa:
“Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi.
63. Nổi danh tài sắc một thì,

Xôn xao ngoài cửa hiêm gì yển anh. [13]

65. Phận hồng nhan có mong manh,

Nửa chừng xuân thoát gẫy cành thiên hương. [14]

67. Có người khách ở viễn phương,

Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.

69. Thuyền tình vừa ghé tới nơi, [15]

Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ.

71. Buồng không lạnh ngắt như tờ, [16]

Dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh.

73. Khóc than khôn xiết sự tình,

Khéo vô duyên ấy là mình với ta.

75. Đã không duyên trước chăng mà,

Thì chi chút ước gọi là duyên sau.

77. Sấm xanh nấp tử xe châu, [17]

Bụi hồng một nắm mặc dầu cỏ hoa.

79. Trái bao thỏ lặn ác tà, [18]

Ấy mò vô chủ, ai mà viếng thăm!”

81. Lòng đâu sẵn mối thương tâm,

Thoạt nghe Kiều đã đầm đầm châu sa. [19]

83. “Đau đớn thay phận đàn bà!

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.

85. Phũ phàng chi bấy hoá công,

Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha.

87. Sống làm vợ sấp người ta, [20]

Hại thay thác xuống làm ma không chồng.

89. Nào người phượng chạ loan chung,

Nào người tích lục tham hồng là ai? [21]

91. Đã không kẻ đoái người hoài,

Sẵn đây ta thấp một vài nén hương.

93. Gọi là gặp gỡ giữa đường,

Họa là người dưới suối vàng biết cho.” [22]

95. Lầm rầm khấn khứa nhỏ to,
Sụp ngòi đặt cỏ trước mồ bước ra. [23]
97. Một vùng cỏ áy bóng tà, [24]
Gió hiu hiu thổi một vài bông lau.
99. Rút trâm sẵn giắt mái đầu,
Vạch da cây vịnh bốn câu ba vắn.
101. Lại càng mê mẩn tâm thân
Lại càng đứng lặng tần ngần chẳng ra. [25]
103. Lại càng ủ dột nét hoa, [26]
Sầu tuôn đứt nối, châu sa vấn dài. [27]
105. Vân rằng: “Chị cũng nực cười,
Khéo dư nước mắt khóc người băng quơ.” [28]
107. Rằng: “Hồng nhan tự nghìn xưa,
Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu?
109. Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
Thấy người nằm đó biết sau thế nào?”
111. Quan rằng: “Chị nói hay sao,
Một lời là một vắn vào khó nghe.
113. Ở đây âm khí nặng nề,
Bóng chiều đã ngả đậm về còn xa.”
115. Kiêu rằng: “Những đáng tài hoa,
Thác là thể phách, còn là tinh anh, [29]
117. Dễ hay tình lại gặp tình,
Chờ xem ắt thấy hiển linh bây giờ.”
119. Một lời nói chưa kịp thưa,
Phút đâu ngọn gió cuốn cờ đến ngay. [30]
121. Áo ào trút lộc rung cây, [31]
Ở trong dường có hương bay ít nhiều.
123. Đè chừng ngọn gió lân theo,
Dấu giày từng bước in rêu rành rành.
125. Mắt nhìn ai nấy đều kinh,

Nàng rằng: “Này thực tình thành chẳng xa.

127. Hữu tình ta lại gặp ta,
Chớ nề u hiển mới là chị em.” [32]

129. Đã lòng hiển hiện cho xem,
Tạ lòng nàng lại nổi thêm vài lời.

131. Lòng thơ lai láng bồi hồi,
Gốc cây lại vạch một bài cổ thi.

Đính chính và xác định

Câu 42: Động từ “*trang điểm*” ở câu này, các bản quốc ngữ đều in là “trắng điểm.” Đó là theo một bản in nôm của một nhân vật theo tây học sửa lầm chữ trang [装] ra chữ trắng (chữ nôm này viết bằng cách gắn thêm chữ bạch [白] trên nóc chữ trang [装]) cho khắc xuất bản, rồi lại được một ông văn sĩ tây nào đó khen chữ “trắng điểm” thật hay (sự việc này xảy ra trong khoảng 1900-1912). Thế rồi các nhà xuất bản Kiều quốc ngữ, không nghĩ phải trái, cứ ùa theo lời khen của nhà văn sĩ tây mà in câu này thành “*Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*” Cũng nên nhắc đến một giai thoại về Tể tướng Bùi Độ đời nhà Đường. Ông Độ có khu vườn cỏ rộng mênh mông tí tẩn, về mùa xuân cỏ non xanh rì phảng một lượt, khách xem khen mãi. Ông chỉ lũ dê trắng và bảo khách: “Vườn này đẹp thế là nhờ các chú này trang điểm cho khu vườn đẹp thêm.” Chữ “trắng điểm” nghe thật ngô nghê không đúng với lời văn tiếng Việt; vả lại nói “hoa lê” là đã đủ ý trắng rồi, cần gì phải nói trắng nữa cho thừa? Các bản cũ dùng ý hoa lê trang điểm cho cảnh vườn, ý mới hay.

Câu 48: Nhóm chữ *áo quần như chen* lấy điển ở câu chữ nho tả cảnh xem hội: [士女櫛比 = sĩ nữ chất tị = con trai con gái chen nhau như răng lược]. Chữ *áo* hàm ý con trai, và chữ *quần* hàm ý con gái. Có bản in là “áo quần như nen” thật là gượng gạo và vô nghĩa.

Câu 50: “*Thoi vàng bỏ rác, tro tiền dấy bay*” = Nhóm đi tảo mộ nào cũng mang theo những bó vàng mã cuốn thành thoi xô tung ra rác cả đường để cúng những cô hồn, ma quỷ. Họ cũng đốt những tập giấy in tiền cúng trước mồ tổ tiên, gây ra những tro tàn bốc lên bay theo gió. Bốn chữ “tro tiền dấy bay” nghĩa là thoi (dấy = bốc lên). *Ngón ngang gò đồng kéo lên / thoi vàng bỏ rác, tro tiền dấy bay*” lấy ý ở bài thơ thanh minh của thi sĩ Cao Cúc Khanh: [南北山頭多墓田 = nam,

bắc sơn đầu đa mộ điền = ở đầu núi bắc và nam có nhiều khu ruộng đầy mồ mả] – [清明祭掃各紛然 = thanh minh tế tảo các phân nhiên = đến ngày lễ thanh minh, mọi người nhộn nhịp đến tảo mộ cúng tế một lượt] – [紙灰飛作白蝴蝶 = chỉ hôi phi tác bạch hồ điệp = tro tiên giấy theo gió bay lên trông giống như đàn bướm trắng] – [淚血染成紅杜鵑 = lệ huyết nhiễm thành hồng đỗ quyên = những giọt nước mắt như máu rỏ xuống nhuộm thành màu đỏ hoa đỗ quyên]. Vì chữ bỏ [補] (= chữ khứ [去] ghép vào với chữ bổ [補]) hình thù khó khắc và in nhòe, có bản đổi thành [捕] (= chữ thủ [扌] ghép vào với chữ bổ [甫]) cho dễ khắc. Nhưng người phiên âm đầu tiên không luận ra chữ [扌] (thủ) bên chữ [甫] (bổ) là gì, mới đọc lầm ra bỏ, cho rằng vàng thỏi ở làng Bõ (?) làm, rồi lại đổi chữ dấy [起] (= chữ khởi [起] ghép vào với chữ duệ [曳]) thành chữ giấy [綫] để đối với chữ bỏ cho chỉnh, rõ thật vô nghĩa đến nực cười.

Câu 76: *Thì chi chút ước gọi là duyên sau* = Kiếp này đã vô duyên với nhau, thì xin chôn cất tử tế để làm duyên ước hẹn kiếp sau. Có bản in là “chút đỉnh” e rằng ý nghĩa không được thiết thực như “chút ước.”

Câu 78: *Bụi hồng một nắm mặc dầu cỏ hoa* = Chôn thành một ngôi mộ tử tế ở bên con đường cái lớn lúc nào cũng xe ngựa rầm rộ tung bụi đỏ lên, rồi trồng hoa cỏ trang điểm cho đẹp, rồi từ biệt nhờ khách qua đường trông nom. Câu này tả cảnh thật là thâm thúy – một nắm mồ hoang nằm ngay giữa đám bụi hồng mà quanh năm chẳng ai thèm ngó đến. Thế mà nhiều bản in đổi chữ “bụi hồng” ra “vùi nông” nói là theo hai chữ “thiên thổ [淺土]” ở cuốn Thanh Tâm Tài Nhân. Đổi thế là có hai điều lầm: (1) Thiên thổ là đất nông, chôn tạm, không có long mạch, chứ đâu phải “vùi nông”; (2) Người khách đã sấm nấp tử xe châu chôn cất long trọng, hẹn ước kiếp sau, thì sao lại vùi nông cho xong một cách khinh bạc như vậy?

Câu 82: Chữ *thoát* [脱] có ba âm: thoát, thoát, thoát. Chữ đó thấy ở câu 82 phải phiên âm là thoát mới đúng nghĩa = thoát mới nghe, Kiều đã thương tâm rồi. Phiên âm nó là thoát thì thật lầm.

Câu 87: *Sống làm vợ sấp người ta* – Chữ “sấp” ở câu này nghĩa là gái thanh lâu lúc sống, bất cứ ai đến đều phải làm vợ người ta cả. Nhiều bản nôm viết chữ này là [播] (Hán = sấp, nôm = sấp), chứ không viết là [泣] (Hán = khắp, nôm = khắp). Để chữ “khấp” thật là sai, vì làm vợ khắp cả mọi người thế nào được.

Câu 92: *Sẵn đây ta thấp một vài nén hương* – Chữ “thấp” trong câu này cả các bản nôm hay quốc ngữ đều in không giống nhau: hoặc là “thấp”, là “kiếm”, hay là “đấp.” Nay xin xác nhận “thấp” là đúng, vì “đấp” thì vô nghĩa hẳn đi rồi. Còn “kiếm” thì tuy có nghĩa, nhưng đã sẵn đây rồi, thì e kiếm là thừa.

Câu 102: *Lại càng đứng sững tàn ngàn chẳng ra* – Chữ “đứng sững” nhiều bản quốc ngữ in là “đứng lặng”, không đúng nghĩa bằng bản nôm của cụ nghệ Vũ Trinh in là đứng “sững [爽]”. Hơn nữa, đứng sững là như đứng mê đi vì thương cảm quá; còn đứng lặng chỉ là đứng im thoi, đầu óc vẫn tỉnh. Chữ “đứng sững” mới thật khẩn thiết với chữ “tàn ngàn.”

Câu 120: Những bản in *ngọn gió cuốn cờ* đúng hơn những bản in *trận gió cuốn cờ* vì đây chỉ là một luồng gió lốc coi như hồn ma hiện ra, chứ không phải là một trận gió có nhiều cơn liên tiếp.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Con én đưa thoi* = Ngày mùa xuân qua lại như cái thoi dệt vải làm hình hai con én qua lại mau chóng ở trên khung cửi khi người ta dệt vải.

[2] *Thiều quang* = Ánh sáng non đẹp của mùa xuân. “Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi” = Ba tháng mùa xuân (90 ngày mùa xuân) đã qua mất hơn 60 ngày rồi, tức là trời đã sang tháng ba được mấy ngày.

[3] *Cành lê trang điểm một vài bông hoa* = Các cành lê đã nở ít hoa trang điểm cho bãi cỏ xanh thêm đẹp. Xem lời đính chính câu 42 ở trên.

[4] *Thanh minh* = Âm lịch chia mỗi năm ra làm 12 tiết và 12 khí. Tháng giêng bắt đầu từ ngày lập xuân gọi là tiết, giữa là ngày vũ thủy gọi là khí. Tháng hai bắt đầu từ ngày kinh chap gọi là tiết, giữa là ngày xuân phân gọi là khí. Tháng ba bắt đầu từ ngày thanh minh gọi là tiết, giữa là ngày cốc vũ gọi là khí.

[5] *Tảo mộ* [掃墓] = Ngày lễ đi thăm mồ mả tổ tiên, đắp điểm sửa sang lại cho sạch sẽ rồi cúng lễ.
Đạp thanh [踏青] = Ngày đi dạo hội cỏ xanh đẹp. Xưa có bà công chúa có một khu vườn hoa rất rộng đẹp. Bà cho đắp mồ mả tượng trưng ở trên các gò đồng trong vườn, rồi cứ đến ngày tỵ sau tiết thanh minh, thì mở hội tảo mộ đạp thanh cho dân chúng vào xem. Hội đạp thanh, tảo mộ bắt đầu hợp nhất từ đó.

[6] *Yến anh* = Hai thứ chim nhỏ hay bay thành đàn. Đây là biểu tượng cho những nhóm thanh niên thanh nữ đi chơi hội.

[7, 8] “*Ngựa xe như nước áo quần như chen*” lấy ý ở câu chữ nho [車如流水士女櫛比 = xa như lưu thủy, sĩ nữ chát tị = xe ngựa nối đuôi nhau đi như dòng nước chảy, con trai con gái chen nhau như răng lược]. Áo hàm ý con trai; quần hàm ý con gái. Chữ nho gọi học trò là [青襟 = thanh khâm = áo xanh].

[9] “*Gò đồng kéo lên*” = Lũ lượt kéo nhau lên các gò đồng để tảo mộ.

[10] “*Nao nao dòng nước uốn quanh*” = Dòng nước lượn cong cong nên thơ.

[11] *Ghềnh* = Mũi đất dôi ra lòng ngòi nước.

[12] *Sè sè* = Thấp lè tè ở mặt đất.

[13] Chữ *yến anh* này khác nghĩa với chữ “yến anh” ở câu 45 trên. Yến anh đây là biểu tượng cho những nhóm trai gái đi hội đông như đàn chim yến chim anh. Còn yến anh ở câu 45 hàm ý bọn khách làng chơi.

[14] *Cành thiên hương* = Biểu tượng của người con gái đẹp như cành hoa thơm trên trời. Tình sử có câu [天香一枝 = thiên hương nhất chi = một cành hoa thơm đẹp trên trời].

[15] Câu 69 và 70 lấy ý từ Đường thi [一片情舟初到岸, 瓶沈花折已多時 = nhất phiến tình chu sơ đáo ngạn, bình trầm hoa triết dĩ đa thời = một chiếc thuyền tình mới tới bờ, bình chìm hoa gãy đã lâu rồi].

[16] *Lạnh ngắt như tờ* = Vắng lặng khiến khách phải rùng mình. “Tờ” đây là tờ tranh vẽ, tả cảnh buổi Đạm Tiên sau khi nàng chết thì vắng ngắt và im lặng như bức tranh. Các bản quốc ngữ không hiểu chữ tờ này, giảng nghĩa lầm là như mặt tờ giấy – người ta chỉ nói phẳng như tờ giấy, không ai nói lặng hay lạnh như tờ giấy.

[17] *Nếp tử* = Bộ áo quan bằng gỗ tử (cũng gọi là gỗ giổi), một thứ gỗ quý làm áo quan rất tốt. Xa châu = Linh xa (xe rước hồn) chung quanh có diềm đẹp kết bằng ngọc trai. Câu này lấy điển ở trong *Tình sử*, kể chuyện một ông vương tước làm ma cho một người vợ lẽ đẹp chết trẻ, có câu [梓匣珠車, 盡一時之富貴 = tử hộp châu xa, tận nhất thì chi phú quý = hòm bằng gỗ tử, xe có diềm ngọc trai, hết sức về giàu sang một thời].

[18] *Thỏ lặn ác tà* = Mặt trăng lặn, mặt trời tà.

[19] *Châu sa* = Nước mắt đổ xuống thành giọt.

[20] *Sấp* = Xem phần đính chính câu 87 ở trên.

[21] *Người tích lục tham hồng* = Người tiếc vẻ đẹp mặt hoa mày liễu của nàng mà chưa được tiếp xúc với nàng.

[22] *Suối vàng* = Âm phủ. Theo sách *Tả truyện*, vua Trịnh Trang Công giận mẹ muốn giết mình để lập em lên thay bèn bắt mẹ ở riêng một nơi và thề với mẹ rằng [不及黃泉無相見也 = bất cập hoàng tuyền vô tương kiến dã = chưa đến suối vàng không gặp nhau nữa].

[23] *Đặt cỏ* = Một tục lệ xưa của người Tàu là phúng điếu người quá cố bằng một bó cỏ để kết thành hình súc vật và đốt cho vong hồn người ấy.

[24] *Cỏ áy* = Cỏ mọc căn cỗi ở trên đất khô kiệt [25] *Đứng sững* = Xem lời xác định câu 102 ở trên.

[26] *Nét hoa* = Vẻ mặt đẹp con gái.

[27] *Sầu tuôn dứt nỗi* = Chưa hết nỗi sầu này mà đã nghĩ tới nỗi sầu kia.

[28] *Bâng quơ* = Không có họ hàng tình nghĩa gì với mình.

[29] *Thê phách* = Thân *thê* và phần *phách* (vía) chủ trương về thất tình : mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, ham muốn. Phần *hồn* là phần tinh anh chủ trương về đạo đức. Khi chết thì thân thê về đất; phách xuống âm ty; hồn nếu tốt thì được lên trời, nếu không tốt thì phảng phất ở thế gian.

[30] *Ngọn gió cuốn cờ* = Luồng gió lốc vừa xoáy vừa đi. Các truyện ma quỷ xưa coi hiện tượng thời tiết này là hồn người chết hiện lên. Chữ nho gọi hiện tượng này là [捲旗風 = quyển kỳ phong = gió cuốn cờ].

[31] *Lộc* = Cành lá mới nảy ra còn non mềm.

[32] *U* [幽 = tối tăm, thuộc về âm, hồn ma]. *Hiển* [顯 = sáng sủa, thuộc về dương, người còn sống].

Diễn ra văn xuôi

Câu 39 và 40 = Ngày mùa xuân đi nhanh như cái thoi dệt vải hình chim én đưa đi đưa lại ở trên khung cửi. Chính chục ngày ánh sáng trong đẹp đó, hồi ấy đã qua mất hơn 60 ngày rồi.

Câu 41 và 42 = Ngoài đồng cỏ mọc xanh rờn một màu trông như đến tận chân trời. Lại có thêm một vài hoa lê mới nở trên các cành trang điểm cho cánh đồng cỏ thêm đẹp.

Câu 43 và 44 = Trong tiết thanh minh đầu tháng ba này có hội đạp thanh và lễ tảo mộ cùng mở vào một ngày.

Câu 45 và 46 = Mọi người gần xa nô nức kéo đi từng đoàn, như đàn chim yến anh. Ba chị em Kiều cũng sắm sửa đi bộ vui chơi hội này.

Câu 47 và 48 = Trai thanh gái tú dập diu một lượt rất đông ; ngựa xe liên tiếp đi như dòng nước chảy ; trai áo xanh, gái quần hồng chen nhau mà đi.

Câu 49 và 50 = Mọi người lũ lượt kéo nhau ngổn ngang lên các gò đống để làm lễ tảo mộ. Những thoi vàng mã cúng ma quỷ cô hồn tung ra rác cả mọi nơi ; những tro giấy vàng, giấy tiền đốt cúng tổ tiên theo gió bốc lên phấp phới. Xem lời đính chính câu 50 ở trên.

Câu 51 và 52 = Lúc bóng nắng đã xế về tây rồi, chị em Kiều mới đan tay nhau cùng trở bước ra về có vẻ tiếc thân thơ.

Câu 53 và 54 = Chị em bước lần lần theo con đường trên bờ một con ngòi nhỏ, vừa đi vừa ngắm phong cảnh nơi này.

Câu 55 và 56 = Nào là dòng nước chảy uốn cong cong, nào là một chiếc cầu nho nhỏ ở cuối ghềnh đất nọ bắc ngang qua trên mặt nước.

Câu 57 và 58 = Bỗng trông thấy một nắm mồ thấp lè tè ở bên đường, cỏ trên mộ cần cỗi, nửa vàng nửa xanh trông thật đìu hiu buồn bã.

Câu 59 và 60 = Kiều chỉ nắm mồ và hỏi : Hôm nay là tiết thanh minh tảo mộ, mà sao ngôi mã này hương khói vắng tanh chẳng ai ngó đến ?

Câu 61 và 62 = Vương Quan mới kể lai lịch gần xa của ngôi mã này cho chị nghe : Đạm Tiên là một ca nhi xưa.

Câu 63 và 64 = Nàng đã từng nổi tiếng lẫy lừng một thời là tài sắc bậc nhất. Ngoài cửa nhà nàng lúc nào cũng xôn xao nhộn nhịp, thiếu gì là khách hào hoa.

Câu 65 và 66 = Nhưng kiếp hồng nhan nàng sao mà mong manh quá ! Đang lúc cảnh hoa mơn mơn thom nức những mùi hương trời, thì thoát đâu bỗng gãy ngang chùng !

Câu 67 và 68 = Có người khách phương xa nghe tiếng nàng lừng lẫy cũng nao nức lòng, không quản xa xôi, cố công tìm đến gặp.

Câu 69 và 70 = Nhưng khi người khách chứa chan tình mơ ước này vừa ghé đến bến, thì cảnh hoa đã gãy, bình ngọc đã tan từ bao giờ rồi.

Câu 71 và 72 = Người khách vào thì thấy cảnh buồng nàng vắng vẻ lạnh ngắt như bức tranh vẽ và trước sân thì trên những dấu xe ngựa rêu đã mọc lơ mờ xanh một lượt.

Câu 73 và 74 = Ông ta khóc than kể hết sự tình thương tiếc và nói : Sao ta với nàng lại vô duyên đến thế này ? Không được thấy mặt một lần, không được nói với nhau một lời !

Câu 75 và 76 = Kiếp này đã không có chút duyên nào với nàng, thì nay ta xin làm ma chay chôn cất nàng tử tế để hẹn ước với nàng làm duyên kiếp sau vậy !

Câu 77 và 78 = Hẹn với vong linh nàng thế, rồi ông ta mới sắm sửa lễ tống táng cho nàng linh đình sang trọng vào bậc nhất – quan tài làm bằng gỗ tử là thứ gỗ quý vua chúa vẫn dùng, linh xa chung quanh diêm kết ngọc trai, rồi táng nàng thành một ngôi mộ ở bên con đường lúc nào xe ngựa cũng đi lại, bụi hồng tung bốc.

Câu 79 và 80 = Thế là từ đó đến nay – đã biết bao nhiêu ngày đêm nắng dải trăng soi – còn ai thăm viếng ngôi mồ vô chủ này nữa đâu ?

Câu 81 và 82 = Lòng Kiều đâu sẵn mối thương xót thế ! Thoạt nghe lời em trai kể, nàng trào nước mắt đầm đìa khóc ngay.

Câu 83 và 84 = Nàng nói : Đau đớn thay phận đàn bà ! Lời người xưa nói “ hồng nhan bạc mệnh ” thật là lời chung cho cả bọn đàn bà, cái kiếp bạc mệnh đó nó có tha cho ai đâu !

Câu 85 và 86 = Sao ông thợ trời nở lòng phũ phàng thế nhỉ ? Ông nở nào làm cho cái tuổi xanh người ta phải đau đớn mỗi mòn, đôi má hồng lộng lẫy người ta phải nhem nhuốc phôi pha đến thế ?

Câu 87 và 88 = Lúc sống thì ông bắt người ta phải làm vợ bất cứ ai, mà hại thay, lúc chết thì ông lại bắt người ta làm kiếp ma không chồng để hồn không có nơi nương tựa !

Câu 89 và 90 = Trời đã quá phũ phàng với nàng, lại quá tệ bạc với nàng ! Nào những kẻ trước kia thì đắm thắm chung chạ chần loan gối phượng với nàng, nào những kẻ đã từng được nàng tiếp đón, kẻ thì lúc ra về còn ngẩn ngơ tiếc nhớ mãi đôi lông mày xanh tươi lá liễu của nàng, kẻ thì đón ngời say sưa ngắm đôi má hồng đẹp hoa đào của nàng – tất cả đâu rồi, không một ai nhớ đến năm mô nàng nữa ?

Câu 91 và 92 = Đã không ai đoái hoài đến nàng nữa, thì sẵn có hương đây ta thấp một vài nén cúng nàng.

Câu 93 và 94 = Gọi là tỏ tình gặp gỡ nhau nơi giữa đường, may ra nàng ở dưới suối vàng thầu cho lòng ta chảnh !

Câu 95 và 96 = Hương thấp xong, Kiều làm dầm khăn khứa mấy lời, rồi ngồi xuống đặt mớ cỏ làm lễ viếng trước mộ.

Câu 97 và 98 = Cúng xong, nàng đứng ngắm cảnh quanh mộ thật buồn – một vùng cỏ cây căn cõi dưới bóng nắng xế tà, một vài bông lau phất phơ trước ngọn gió thổi hắt hiu.

Câu 99 và 100 = Cấm cảnh quá, Kiều rút cây trâm cài trên đầu xuống mà vạch vào da một cây gàn mô, đề một bài thơ cảm vịnh.

Câu 101 và 102 = Đề thơ xong, tâm thần thêm mê mẩn, Kiều đứng tần ngần mãi chẳng biết nghĩ ra sao nữa.

Câu 103 và 104 = Chỉ thấy nét mặt như hoa của nàng lại càng ủ ê, nước mắt giọt ngắn giọt dài rơi xuống, như thể mối sâu trong lòng tuôn ra mãi.

Câu 105 và 106 = Thúy Vân thấy vậy bảo chị : Chị rõ thật là đáng nực cười ! Sao mà khéo thừa nước mắt đi khóc người băng quơ, chẳng có họ hàng thân tình gì với mình như vậy ?

Câu 107 và 108 = Kiều đáp : Từ xưa đến nay, kiếp hồng nhan thường vẫn bạc mệnh như thế. Câu nói “ hồng nhan bạc mệnh ” là câu nói chung cho cả khách má hồng, chẳng chừa ai cả !

Câu 109 và 110 = Nghĩ đến nông nỗi ấy mà chị rất đau lòng. Thấy người nằm dưới nấm mộ quạnh hiu này mà chị rất lo buồn, biết sau này mình sẽ ra sao ?

Câu 111 và 112 = Vương Quan nói : Sao chị nói năng kỳ vậy ? Càng nói càng vận mãi sự quái gở vào mình đấy !

Câu 113 và 114 = Thôi chúng ta không nên ở chỗ nặng nề những khí âm u này nữa, về đi thôi ! Trời đã xế chiều rồi, mà đường về thì còn xa !

Câu 115 và 116 = Kiều nói : Những bậc tài hoa thì chỉ chết có phần thể và phách, chứ phần tinh anh là hồn thì còn mãi mãi.

Câu 117 và 118 = Dễ đã mấy khi hai người đồng tình như ta với nàng mà lại gặp nhau ! Ta hãy chờ coi, thế nào cũng sẽ thấy linh hồn nàng hiển hiện cho ta xem bây giờ !

Câu 119 và 120 = Lời Kiều nói chưa ai kịp đáp, thì bỗng thấy một luồng gió lốc như ngọn cờ xoáy đến ngay.

Câu 121 và 122 = Ngọn gió quay ào ào, làm cây cối rung động, làm rơi những lá lộc non xuống, và trong luồng gió như thoang thoảng có mùi thơm.

Câu 123 và 124 = Nhìn theo vết ngọn gió đến đâu thì thấy có vết giày từng bước in trên mặt đất rõ ràng.

Câu 125 và 126 = Ai nhìn thấy cũng xanh mặt sợ hãi. Kiều nói : Rõ thật lòng thành của ta đã thấu cảm được vong linh nàng rồi đó, có sai đâu !

Câu 127 và 128 = Rồi nàng nói với hồn Đạm Tiên : Chúng ta là đôi bạn hữu tình với nhau, chị đã không nề khách âm phủ, kẻ dương gian mà hiện lên cho nhau biết, thế mới thật là chỗ bạn thân tình chị em !

Câu 129 và 130 = Rồi để đáp tạ tấm lòng của người từ âm phủ, Kiều lại khẩn thêm mấy lời nữa.

Câu 131 và 132 = Cao hứng làm thơ của nàng lúc bấy giờ tràn đầy lai láng, không thể nào cầm hãm được nữa. Nàng lại vạch gốc cây đề một bài cổ thi nữa (mặc dù thấy hai em không thích).

Những câu có ý móc nối

Đoạn này chứa đựng nhiều câu báo trước những điều bất hạnh của Kiều :

Những câu Kiều trách trời phũ phàng với đàn bà (“ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha”, “sống làm vợ sắp người ta”) báo trước hai lần ở thanh lâu.

Những câu Kiều trách người (lúc người ta sống thì “phượng chạ, loan chung, tiếc lục, tham hồng”; lúc người ta chết thì bỏ mồ mả “hương khói vắng tanh”) báo trước những cuộc bị bao kẻ bội bạc lừa đảo.

Câu “Nỗi niềm tưởng đến mà đau / thấy người nằm đó biết sau thế nào” báo trước những cuộc đau thương (tự vẫn không chết, mấy trận đòn làm mất hết nhân cách, và đành nát ngọc tan vàng dưới sông Tiền Đường).

Sự cúng khẩn mả Đạm Tiên móc nối với câu Đạm Tiên nói trong giấc mộng “Mấy lòng hạ cố đến nhau.” Sự đề hai bài thơ móc nối với câu “Mấy lời hạ tứ ném châu gieo vàng” và với sự Đạm Tiên đưa cho Kiều thêm 10 đầu đề thơ đoạn trường để “câu thần lại mượn bút hoa vẽ vời.”

Những câu tả cái cầu và ngọn tiểu Khê cùng nắm mồ bên đường móc nối với câu Đạm Tiên tả nhà mình “Hàn gia ở mé tây thiên / dưới dòng nước chảy bên trên có cầu.”

Câu Kiều nói với hồn Đạm Tiên “Hữu tình ta lại gặp ta / chớ nề u hiển mới là chị em” móc nối với câu Đạm Tiên trong mộng “Âu đành quả kiếp nhân duyên / cũng người một hội một thuyền đầu xa.”

Những lời tả Kiều đau thương tha thiết cho phận đàn bà móc nối với sự nài nỉ Kim Trọng có phúc tướng, liền ước mong lấy làm chồng để cứu khỏi kiếp bạc mệnh, chứ không phải là do tính tình lẳng lơ.

CHƯƠNG 06

CÂU 133 ĐẾN CÂU 242

“Tơ duyên kỳ ngộ, giấc mộng đoạn trường”

133. Dừng dằng nửa ở nửa về,
Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gần.
135. Trông chừng thấy một văn nhân,
Lông bông tay khâu, bước lẫm dậm băng. [1, 2]
137. Đè huề lưng túi gió trăng, [3]
Sau chân theo một vài thằng con con.
139. Tuyết in sắc ngựa câu giòn, [4]
Cổ pha màu áo nhuộm non da trời. [5]
141. Nẻo xa mới tỏ mặt người,
Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình.
142. Hài văn lẫm bước dậm xanh, [6]
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao. [7]
145. Chàng Vương quen mặt ra chào,
Hai Kiều e lệ núp vào dưới hoa. [8]
147. Nguyên người quanh quất đâu xa,
Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh. [9]
149. Nền phú hậu, bậc tài danh, [10, 11]
Văn chương nét đất, thông minh tính trời. [12]
151. Phong tư tài mạo tốt vời, [13]
Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa. [14, 15]
153. Chung quanh vẫn đất nước nhà,
Vội Vương Quan trước vẫn là đồng thân. [16]
155. Vẫn nghe thơm nức hương lân, [17]
Một nền Đồng Tước khoá xuân hai Kiều. [18]
157. Nước non cách mấy buồng thù, [19]
Những là trộm nhớ thăm yêu chuốc mòng. [20]

159. May thay giải cầu tương phùng, [21]
Gặp tuần đố lá thoả lòng tìm hoa. [22]
161. Bóng hồng nhác thấy nẻo xa, [23]
Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai. [24]
163. Người quốc sắc, kẻ thiên tài, [25, 26]
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.
165. Chập chờn cơn tỉnh cơn mê.
Rón ngời chẳng tiện, dứt về chĩnh khôn.
167. Bóng tà như giục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo.
169. Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.
171. Kiêu từ trở gót trướng hoa,
Mặt trời gác núi chiêng già thu không. [27]
173. Mảnh trăng chênh chếch dòm song, [28]
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.
175. Hải đường lả ngọn đông lân, [29]
Giọt sương trĩu nặng cảnh xuân la đà.
177. Một mình lặng ngắm bóng nga, [30]
Rộn đường gần với nổi xa bờ bờ:
179. Người mà đến thế thì thôi, [31]
Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi!
181. Người đâu gặp gỡ làm chi, [32]
Trăm năm biết có duyên gì hay không? [33]
183. Ngôn ngang trăm mối bên lòng,
Nên câu tuyệt diệu ngụ trong tính tình. [34]
185. Chênh chênh bóng nguyệt xế màn,
Tựa nương bên triện một mình thiu thiu. [35]
187. Thoát đâu thấy một tiểu kiều, [36]
Có chiều thanh vận, có chiều thanh tân. [37]
189. Sương in mặt, tuyết pha thân, [38]

Sen vàng lững đững như gần như xa.
191. Rước mừng đôn hỏi dò la:
“Đào nguyên lạc lối đâu mà đến đây?” [39]
193. Thưa rằng: “Thanh khí xưa nay, [40]
Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên.
195. Hàn gia ở mé tây thiên, [41, 42]
Dưới dòng nước chảy bên trên có cầu.
197. Mấy lòng hạ cổ đến nhau, [43]
Mấy lời hạ tứ ném châu gieo vàng. [44, 45]
199. Vâng trình hội chủ xem tường, [46]
Mà sao trong sổ Đoạn Trường có tên. [47]
201. Âu đành quả kiếp nhân duyên, [48]
Cũng người một hội, một thuyền đâu xa! [49]
203. Nay mười bài mới mới ra, [49a]
Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vời.” [50, 51]
205. Kiêu vâng lĩnh ý đề bài,
Tay tiên một vẫy đủ mười khúc ngâm. [52]
207. Xem thơ nức nở khen thâm:
“Giá đành tú khẩu cảm tâm khác thường [53]
209. Ví đem vào tập Đoạn Trường [54]
Thì lèo giải nhất chi nhường cho ai.” [55]
211. Thềm hoa khách đã giờ hài,
Nàng còn nắm lại một hai tự tình.
213. Gió đâu sịch bức màn màn,
Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm bao.
215. Trông theo nào thấy đâu nào
Hương thừa đường hãy ra vào đâu đây.
217. Một mình lờng lự canh chày, [56]
Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh.
219. Hoa trôi bèo dạt đã rành, [57]
Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi!

221. Nỗi riêng lớp lớp sóng dồi, [58]
Nghĩ đòi con lại sụt sùi đòi con.
223. Giọng kiêu rên rĩ trướng loan, [59]
Nhà Huyền chợt tỉnh hỏi: “Con có gì? [60]
225. Có sao trần trọc canh khuya,
“Màu hoa lê hãy dầm dề giọt mưa?” [61]
227. Thừa rằng: “Chút phận ngậy thơ,
Dưỡng sinh đôi nợ tóc tơ chưa đền. [62]
229. Buổi ngày chơi mả Đạm Tiên,
Nhấp đi thoát thấy ứng liền chiêm bao.
231. Đoạn trường là số thế nào,
Bài ra thế ấy, vịnh vào thế kia.
233. Cứ trong mộng triệu mà suy, [63]
Phận con thôi có ra gì mai sau!”
235. Dạy rằng: “Mộng ảo cứ đâu, [64]
Bỗng không mua nã chuốc sầu nghĩ nao.”
237. Vâng lời khuyên giải thấp cao
Chưa xong điều nghĩ đã dào mạch tương
239. Ngoài song thỏ thẻ oanh vàng
Nách tường bông liễu bay ngang trước mảnh.
241. Hiên tà gác bóng chên chên,
Nỗi riêng, riêng trạnh tác riêng một mình.

Đính chính và xác định

Câu 150: *Văn chương nếp đất, thông minh tính trời* – Chữ *nếp* trong câu này nghĩa là lẽ thói đã quen như tờ giấy đã gấp thành nếp sẵn, lúc gấp lại rất dễ. Chữ *đất* đây là mồ mả tổ tiên táng vào được ngôi đất tốt, khiến con cháu được phát đạt. *Văn chương nếp đất* = Kim Trọng được nên nếp sẵn sàng của mồ mả tổ tiên phát về văn chương, nên chàng học giỏi. Nhiều bản quốc ngữ in thành

“văn chương nét đất” là làm và vô nghĩa. Chữ nếp câu này liền với chữ nền câu trên “Nền phú hậu, bậc tài danh.”

Câu 169: *Dưới cầu nước chảy trong veo / bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha* lấy hai chữ cầu làm cốt vừa để tả cảnh chiều buồn, vừa ngầm tả cảnh Kiều nghe theo mãi cho đến khi Kim Trọng đã qua cầu và đi khuất bóng rồi, mà nàng vẫn còn vẫn vợ nghĩ: thế là vắng chàng rồi, chỉ còn trơ chiếc cầu không trên dòng nước trong veo, không còn bóng chàng cười ngửa qua cầu nữa, và chỉ còn ngọn liễu phất phơ thướt tha như đưa chàng đi. Những bản đổi chữ “dưới cầu” ra “dưới dòng” thật là làm, đã làm mất cả ý nghĩa tế nhị thâm trầm đó, và còn có thể biến nó thành vô nghĩa nữa.

Câu 172: *Mặt trời gác núi chiêng già thu không* lấy điển từ câu thơ của một thi sĩ đời Đường gửi cho bạn tơ lòng mong nhớ [何時最是思君处, 日入斜窗晚寺鐘 = hà thì tối thị tư quân xứ, nhật nhập tà song vân tự chung = nhớ anh nhất ấy lúc nào, nắng xiên cửa sổ, chuông chiều chùa vang]. *Chiêng già* = Chuông chùa đánh lúc chiều tối để niệm Phật và gọi các cô hồn về chùa nương bóng Phật. Câu này cũng như câu trên vừa tả cảnh buồn, vừa ngầm tả tình nhớ của Kiều. Những bản in “... chiêng đà thu không” đã bỏ mất cái ý tế nhị âm thầm nhớ chàng Kim. Vậy cần phải đính chính lại là “Mặt trời gác núi, chiêng già thu không.”

Câu 176: *Giọt sương trữ nặng cành xuân la đà* = Hạt sương bám dần vào thành những giọt nước ở dưới lá làm cành cây nặng trĩu xuống. Có bản quốc ngữ in là “gieo nặng” thành ra vô nghĩa. Chữ nôm trữ (thủ [扌]+ liễu [冫]) có bản nôm in sai là [招] (Hán = triệu, nôm = gieo).

Câu 190: Hai chữ *lững đững* ở câu này chữ nôm viết là [浪 蕩] “lãng đãng” nhưng tôi nghĩ chỉ có “lững đững” là vừa hợp tiếng vừa hợp lý hơn, vì lững đững là dở như có, dở như không, gần không ra gần, xa không ra xa, đúng như hồn ma hiện.

Câu 191: *Rước mừng đon hỏi dò la* – Chữ đon đây nghĩa là đon đả tỏ tình thân quý. Nhiều bản quốc ngữ in sai ra đón là thừa, vì đã ra rước mừng rồi còn đón làm gì nữa. Bản nôm viết chữ đon [敦] thì đúng hơn.

Câu 195: *Hàn gia ở mé tây thiên* – Chữ nôm mé (viết = hán [厶] + mãi [買]) ở câu này các bản quốc ngữ đều dịch lầm ra mái thật vô nghĩa. *Thiên* là bờ ruộng; *ở mé tây thiên* là ở bên bờ ruộng phía tây.

Câu 210: *Thì lèo giải nhất chi nhường cho ai* – Chữ lèo đây là giải bằng vải hay giấy treo ở trên giải thưởng, ghi là phần thưởng hạng mấy. Trước khi ai muốn tranh phần thưởng nào thì trình diện với ban giám khảo, rồi chấp hai tay sẽ vuốt cái lèo giải ấy mà ra thi. Bởi vậy ta gọi phần thưởng là giải thưởng, và có câu “tranh lèo giật giải.” Chữ lèo hết thấy các bản Kiều quốc ngữ đều dịch là treo, nghĩa rất không trôi chảy, vì thế là không nhường cho ai sự treo giải nhất, chứ không phải nhường giải nhất. Có sự lầm vậy là vì chữ lèo nôm [繚] (= mich [糸] + liêu [寮]), rồi sau khắc lầm ra treo nôm [撩] (= thủ [扌] + liêu [寮]). Người dịch đầu tiên không nghĩ ra, dịch bừa là treo, rồi người sau cứ theo lầm mãi.

Câu 231: *Đoạn trường là số thế nào* – Chữ số ở câu này ứng với *số đoạn trường* ở câu lời Đạm Tiên nói ở trên: *Mà xem trong số đoạn trường có tên*. Hết thấy các bản Kiều quốc ngữ đều dịch ra số, thật không khân thiết với lời báo mộng.

Câu 235: *Dạy rằng mộng ảo cứ đâu* – Chữ mộng ảo câu này có bản viết là mộng triều. Mộng triều là điềm báo lúc mê ngủ, chứ không có nghĩa hão huyền chẳng đáng tin như mộng ảo. Tôi nghĩ mộng ảo đúng vào nghĩa câu này hơn là mộng triều.

Câu 240: *Nách tường bông liễu bay ngang trước màn* – Nhiều bản Kiều quốc ngữ e chữ màn không vần với chữ ngiên ở câu sau nên đổi bừa ra là “Nách tường bông liễu bay sang láng giềng” thật là vô nghĩa, mất cả vẻ đẹp vẻ hay của câu này. Họ không hiểu các vần anh, inh, ên vẫn có vần với iêng.

Chú thích và dẫn điển

[1] *Lông buông tay khấu* = Tay khấu là tay cầm cương ngựa. Khi cưỡi ngựa, tay cầm cương co đầu ngựa cao lên thì nó chạy, buông lỏng chùng cương cho đầu ngựa hạ xuống thì nó đi chậm.

Vậy, *lông buông tay khấu* = Tay cầm dây cương buông thật dài ra cho ngựa đi bước một rất thong thả.

[2] *Dặm băng* = đường phẳng rộng rãi dễ đi.

[3] *Lung túi gió trắng* = phong lưu đi dạo phong cảnh có mang túi thơ đi theo, để ngâm vịnh được bài thơ nào thì chép đựng vào túi đó.

[4] *Tuyết in sắc ngựa câu dòn* = ngựa non chàng cưỡi đẹp, sắc trắng ngần như tuyết. Ngựa câu = ngựa khỏe đang sức lớn chạy nhanh. Dòn = tươi đẹp.

[5] *Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời* = màu áo nhuộm sắc lam non nhạt, ta cũng gọi là màu thiên thanh hay màu hồ thủy.

[6] *Hài vãn* = giày có thêu hoa đẹp để lịch sự.

[7] *Một vùng như thể cây quỳnh cành dao* diễn tả hình ảnh người đàn ông đẹp, lấy từ điển tích [王衍如琼林玉树 = Vương Diễm như quỳnh lâm ngọc thụ = Vương Diễm đẹp như cây ngọc dao ở trong rừng ngọc quỳnh].

[8] *Hai Kiều* = Hai cô gái đẹp, tức là Kiều và Vân. (Xem lời giải số 18 ở dưới).

[9] *Nhà trâm anh* = Dòng dõi làm quan. Các quan lúc trước khi mặc triều phục vẫn gài cái trâm ở búi tóc để giữ mũ cho ngay, và buộc đôi giải mũ (chữ Hán là anh [纓]) rủ xuống sau lưng.

[10] *Nền phú hậu* = Giàu có và lòng tử tế trung hậu.

[11] *Bực tài danh* = Nổi danh tiếng là hạng người có tài hoa.

[12] *Nếp đất* – Xem lời đính chính câu 150 bên trên.

[13] *Phong tư* [丰姿] = vẻ mặt đẹp đẽ đầy đặn. *Tài mạo* [才貌] = mặt mũi linh lợi, khôi ngô, trông biết ngay là người tài giỏi.

[14] *Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa* = Tính tình bên trong thì rất vui vẻ, nhã nhặn, và cách ăn ở bên ngoài thì trông rất hào hoa, lịch sự.

[15] *Hào hoa* = Cư xử hào phóng, lịch sự.

16/ *Song thân* [窗親] = Bạn học chung buồng học với nhau, khác với song thân [雙親] là hai bố mẹ.

[17] *Hương lân* [鄉鄰] = Làng kế bên.

[18] *Một nền đồng tước khóa xuân hai Kiều* mượn ý câu cuối cùng của bài thơ Đỗ Mục vịnh trận Xích Bích để nói nhà họ Vương có hai cô con gái đẹp chưa chồng. Bài thơ đó như sau:

• [折戟沈/沉沙鉄未銷 = triết kích trầm sa thiết vị tiêu = ngọn giáo gãy chìm ở các sông mũi sắt chưa tiêu hết] • [私將磨洗認前朝 = tư tương ma tẩy nhận tiền triều = ta đem lên mài rửa để xem về triều đại nào] • [東風不與周郎便 = đông phong bất dữ chu lang tiện = nếu trận Xích Bích gió đông không giúp phương tiện cho Chu Du] • [銅雀春深鎖二嬌 = Đồng Tước xuân thâm tỏa nhị Kiều = thì hai cô gái họ Kiều sẽ bị khóa xuân ở nền Đồng Tước].

[19] *Buồng thêu* = Buồng đàn bà, con gái ngồi thêu dệt. *Nước non cách mấy buồng thêu* lấy điển từ câu trong sách cổ [相親咫尺而渺若山河 = tương thân chỉ xích nhi diểu nhược sơn hà = gần nhau chỉ một gang một thước, mà hóa cách xa nhau như cách núi cách sông].

[20] *Trộm dẫu thâm yêu chốc mòng* – *Dấu* = Yêu một cách sâu xa êm đềm. *Trộm dẫu* = Đem lòng mơ ước ngầm không dám nói với ai. *Chốc mòng* = Ao ước mơ mòng (nhiều bản quốc ngữ dịch chữ *chốc mòng* [祝蒙] này là chúc mòng và giảng nghĩa gượng là bao lâu nay hoặc biết bao nhiêu).

[21] *Giải cầu tương phùng* lấy điển từ Kinh Thi [邂逅相逢適我願兮 = giải cầu tương phùng, thích ngã nguyện hề = tình cờ gặp nhau, thật thỏa lòng ước nguyện của ta].

[22] *Đố lá* = Trong những dịp dạo cảnh xuân, thường có những cuộc đố lá với nhau. Mỗi người mang một cái túi, gặp thứ cây cỏ nào cũng sẽ hái một nhúm lá bỏ vào túi. Cốt phải hái cho nhanh, kéo tiếng hiệu gọi về hái không kịp. Khi về đấu nhau, ai được nhiều thứ hơn người kia thì thắng cuộc.

[23] *Bóng hồng* là bởi nhóm chữ [美人紅影 = mỹ nhân hồng ảnh = bóng dáng đẹp của đàn bà con gái].

[24] *Xuân lan thu cúc* – Vua Hậu Chủ nhà Trần bị nhà Tùy bắt, vua nhà Tùy hỏi: “Hai người ái phi của nhà ngươi ai đẹp hơn ai?” Hậu Chủ thưa: [春蘭秋菊皆一時之秀也 = xuân lan thu cúc, giai nhất thì chi tú dã = hoa lan mùa xuân, hoa cúc mùa thu đều là thứ hoa đẹp nhất một mùa]. Ý nói mỗi người đẹp nhất một vẻ, không thể nào phân bì hơn kém được.

[25] *Quốc sắc* = Người con gái đẹp nổi tiếng trong nước.

[26] *Thiên tài* = Người có tài hoa trời cho hơn hẳn mọi người.

[27] *Chiêng già* = Tiếng chuông chùa. *Thu không* = Đánh lúc hết ngày. Ở các vòm lính canh lúc chập tối đánh trống báo hết ngày gọi là *trống thu không*; đánh báo hết đêm gọi là *trống tan canh*.

[28] *Gương nga* = Mặt trăng.

[29] *Hải đường là ngọn đông lân* = Mặt trăng buổi chiều tối hôm Thanh minh, đầu tháng ba, đứng ở phía tây, nên bóng ngọn cây hải đường trông như là về phía đông. Câu này còn dùng ý tả ngầm: thế là lòng Kiều đã ngả về đông lân rồi, không còn *tường đông ong bướm đi về mặc ai* nữa. Nhiều câu tác giả tả cảnh thường ngầm ý tả tình như vậy thật là thiên tài.

[30] *Tố nga* = Mặt trăng.

[31] *Người mà đến thế thì thôi* – Người mà = Đạm Tiên.

[32] *Người dâu gặp gỡ làm chi* – *Người dâu* = Kim Trọng.

[33] *Trăm năm* = Duyên vợ chồng.

[34] *Câu tuyệt diệu* = câu văn thơ hay tốt bậc, lấy điển ở bốn chữ [絕 妙 好 辭 = tuyệt diệu hảo từ = lời hay rất mực]. Điển tích như sau: Tào Tháo đọc một tấm bia, thấy có lời Sái Ung [蔡邕] phê 8 chữ [黃 絹 幼 婦 外 孫 齋 白] : • [黃 絹] = hoàng quyên = lụa vàng • [幼 婦] = ấu phụ = con gái nhỏ • [外 孫] = ngoại tôn = cháu ngoại • [齋 白] = tê cữu = côi già gừng ót]. Tháo không hiểu nghĩa mới hỏi nàng Sái Văn Cơ [蔡文姬] “Câu cha nàng phê thế nghĩa là gì?” Văn Cơ không biết, Dương Tu thưa: “Đó là bốn chữ tuyệt diệu hảo từ [絕 妙 好 辭], và chàng giảng cho Tháo nghe: • lụa vàng là ti sắc [絲 色] (sắc tơ tằm) hợp thành chữ [絕] (tuyệt = rất) • Con gái nhỏ là thiếu nữ [少 女] hợp thành chữ [妙] (diệu = thần diệu) • Cháu ngoại là [女 子] (con của con gái) hợp thành chữ [好] (hảo = hay) • Côi già gừng là thụ tân [受 辛] (chịu cay) hợp thành [辭] (từ = lời). Tháo giật mình và chịu Dương Tu là thông minh, tài đoán.

[35] *Triện* = Chấn song cửa sổ đóng thành hình chữ *triện* (hoặc như chữ thọ hình tròn, chữ phúc hình vuông).

[36] *Tiểu Kiều* = Người con gái trẻ, lấy điển từ các chữ *đại Kiều* [大 喬] và *tiểu Kiều* [小 喬] là hai cô họ Kiều. Xem lời giải [18] bên trên.

[37] *Phong vận* = Có vẻ tài hoa phong nhã. *Thanh tân* = Có vẻ trong trắng như con gái chưa chồng.

[38] *Sương in mặt, tuyết pha thân* = Người trong trắng đẹp, nhưng có vẻ lạnh lùng như sương như tuyết. Lấy 6 chữ này để tả vẻ đẹp của người con gái mà thì quá đúng.

[39] *Đào nguyên* = Nguồn đào. Truyện kể đời nhà Tấn (205-420) có người ngư phủ ngược thuyền lên mãi vào một con suối hai bờ toàn những cây đào hoa nở rất đẹp. Mến cảnh, ngư phủ vượt mãi lên vào một khu động phong cảnh rất đẹp, dân cư rất vui vẻ thái bình, tranh nhau đón tiếp ông ta. Họ kể cho nghe là tổ tiên họ tránh loạn nhà Tần (221-206 trước tây lịch) vào ở đó. Họ rất thích thú khi được ngư phủ kể cho nghe chuyện ở ngoài – Tần mất, Hán lên, Hán mất, Tấn lên. Ngư phủ về

thăm nhà, rồi muốn mang gia đình lên ở thì không tìm được lối lên nguồn đào nữa. Người sau dùng chữ *đào nguyên* để nói cảnh tiên.

[40] *Thanh khí* = Cùng chung một khí chất. Kinh dịch viết [同声相應同氣相求= đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu = hai tiếng nhạc cùng một âm luật thì vang ứng với nhau, hai vật cùng một khí chất thì tìm hút nhau]. Đây nói vì Kiều chung một tâm tình với Đạm Tiên nên họ cảm mến nhau.

[41] *Hàn gia* [寒家] = Nhà rét lạnh = lời nói khiêm tốn kêu nhà mình là nhà nghèo ở không được ấm áp. Nhưng ở đây *hàn gia* rõ hợp với cảnh một ngôi mộ quanh năm lạnh lùng chẳng ai hương khói thăm cúng.

[42] *Tây thiên* [西阡] – Bốn bờ ruộng thì hai bờ đầu nam đầu bắc gọi là *thiên* [阡], hai bờ đầu đông đầu tây gọi là *mạch* [陌]. Câu này chỉ có 6 chữ mà tả rõ được má nàng ở một mé bên bờ phía tây đầu nam đầu bắc.

[43] *Máy lòng hạ cố đến nhau* = Tấm lòng quý hóa biết bao nhiêu mà cúi xuống đoái nhìn đến tôi !

[44] *Máy lời hạ tứ* = Máy bài thơ ban xuống cho tôi. Hai chữ *hạ cố* [下顧] và *hạ tứ* [下賜] đúng với ý nghĩa người ở dưới mà nói với người ở trên.

[45] *Ném châu gieo vàng* = Hai bài thơ Kiều đề ở gốc cây vịnh nàng Đạm Tiên, lời như vàng như ngọc tuôn ra.

[46] *Hội chủ* = Bà chủ hội đoàn trường. Chủ đoàn trường lấy nguồn gốc từ truyện một con vượn mẹ thấy con mình bị người bắn chết, nó ôm lấy thân con rồi kêu thảm thiết mà lăn ra chết ; khi người ta mổ nó ra thấy ruột nó đứt thành nhiều đoạn. Sau có nhà văn sĩ dùng nhóm chữ đoạn trường thanh (tiếng đứt ruột) mà đặt tên một cuốn sách ông ta viết. Bởi thế ông Nguyễn Du mới đặt tên truyện Kiều là Tiếng đứt ruột mới.

[47] *Sổ đoạn trường* = Cuốn sổ biên tên những người số mắc kiếp đoạn trường hoặc đã qua đời như Đạm Tiên, hoặc còn sống mà chưa gặp kiếp đoạn trường như Kiều.

[48] *Quả kiếp nhân duyên* [果劫因緣] – Theo sách nhà Phật thì kiếp này mình được sung sướng hay phải khổ sở là cái quả báo của việc thiện hay ác mình đã làm kiếp trước. Bởi vậy, ta hay dùng chữ *quả kiếp* để nói sự khổ nhục là cái *quả báo* để chuộc lại tội ác mình đã làm kiếp trước. Câu Đạm Tiên nói này nghĩa là : Chúng ta chỉ là vì có cái nhân duyên cùng chung một kiếp quả báo với nhau mà được gặp nhau đây.

[49] *Một hội một thuyền* = Kế trước người sau chung một số kiếp trong hội đoạn trường, cũng như cùng đi với nhau trong một chiếc thuyền ở trên bến mê, đưa người đi trước, đón người đi sau.

[49a] Đầu đề 10 bài thơ mới ra đó là :

1. *Tích đa tài* [惜多才 = đáng tiếc cho mình sao lại nhiều tài].
2. *Liên bạc mệnh* [怜薄命 = thương mệnh bạc].
3. *Bi kị lộ* [悲歧路 = đau cực chỗ đường rẽ].
4. *Úc cố nhân* [憶故人 = nhớ người cũ].
5. *Niệm nô Kiều* [念奴娇 = nghĩ thương phận con gái].
6. *Ai thanh xuân* [哀青春 = thương tuổi xuân xanh].
7. *Ta kiến ngộ* [嗟騫遇 = than bước long đong].
8. *Khổ linh lạc* [苦零落 = khổ thân lưu lạc].
9. *Mộng cố viên* [夢故園 = mơ quê cũ].
10. *Khốc tương tư* [哭相思 = khóc nhớ nhau].

Mười đầu đề này tả đủ kiếp khổ đau của Kiều sau này.

[50] *Câu thần* = Câu thơ hay như có thần giúp mới làm được, gọi là *thần cú* [神句].

[51] *Bút hoa* [筆花] – Lý Bạch xưa lúc trẻ mơ thấy cái bút ông đương viết bỗng mọc cái hoa đẹp, từ đó ông nảy tài làm thơ nổi tiếng khắp nước, nên người sau gọi bút người tài thơ là *bút hoa*.

[52] *Khúc ngâm* = Bài thơ, bài hát.

[53] *Tú khẩu cẩm tâm* [繡口錦心] = lời thơ ở miệng ra đẹp như thêu hoa, ý thơ nghĩ ở trong lòng ra đẹp như dệt gấm.

[54] *Tập đoạn trường* = Tập thơ của những khách đoạn trường tả cảnh đau thương của mình đưa cho chủ hội đoạn trường.

[55] *Lèo giải nhất* – Xem lời đính chính câu 210 bên trên.

[56] *Lượng lự* = Suy lường lo nghĩ. Bản nôm in là [量慮] (lượng lự). Các bản Kiều dịch làm ra lưỡng lự, không đúng nghĩa ở chỗ này, vì lưỡng lự nghĩa là dùng dằng chưa biết theo đường nào trong hai đường, không hợp lý ở đây.

[57] *Hoa trôi bèo giạt* = Kiếp long đong khổ sở nay đây mai đó – như hoa trôi theo dòng suối, bèo giạt theo luồng gió thổi.

[58] *Lóp lóp sóng giời* = Chưa hết điều lo nọ, lại dồn đến điều lo kia – như cánh bèo ở mặt sóng, hết làn sóng nọ đến làn sóng kia nhận chìm xuống.

[59] *Giọng kiều* = Giọng non trẻ của con gái. Nhiều bản quốc ngữ in là “giọng Kiều (nghĩa là giọng cô Kiều) thật mất cái ý hay của chữ giọng.

[60] *Nhà huyên* = Mẹ, do chữ *huyên thát* [萱室] dịch ra. Kinh Thi có câu [安得萱草言樹之背 = yên đắc huyên thảo ngôn thụ chi bối = ước sao được cây cỏ huyên để trồng ở trước buồng hướng bắc (tức là buồng mẹ ở)]. Bởi vậy các văn sĩ sau mới gọi mẹ là *huyên đường* [萱堂] (nhà huyên). Cỏ huyên giống cây huệ, lá hình lưỡi guom, hoa 6 cánh màu vàng hay đỏ, ăn được, phơi khô gọi là kim châm. Cây huyên xanh suốt năm, nên người xưa trồng ở trước nhà mẹ ở để chúc mẹ khỏe mạnh luôn luôn.

[61] *Màu hoa lê hầy đầm đĩa hạt mưa* lấy điển tích từ bài Trường Hận Ca [長恨歌] của Bạch Cư Dị tả hình Dương Quý Phi ở cung tiên khóc khi thấy sứ giả của Minh Hoàng đến tìm [玉容寂寞淚闌干梨花一枝春帶雨 = ngọc dung tịch mịch lệ lan can, lê hoa nhất chi xuân đới vũ = mặt ngọc u buồn, nước mắt đầm đĩa, như một cành hoa lê mang những giọt mưa xuân].

[62] *Dưỡng sinh đôi nợ* = Công lao cha sinh, mẹ dưỡng.

[63] *Mộng triệu* [夢兆] = Điềm báo trong giấc mơ.

[64] *Mộng ảo* = Mơ ảo trong giấc mộng chẳng đáng tin.

[65] *Mạch tương* = Nguồn con tương tư Kim Trọng. Chữ *mạch tương* lấy điển từ câu thơ [君在湘江頭, 妾在湘江尾, 相顧不相見, 同飲湘江水 = quân tại Tương giang đầu, thiếp tại Tương giang vĩ, tương cố bất tương kiến, đồng ẩm Tương giang thủy = chàng ở đầu sông Tương, thiếp ở cuối sông Tương, trông nhau chẳng thấy nhau, cùng uống nước sông Tương’]. *Dào mạch tương* là giao giạt lòng nhớ ; nhiều bản Truyện Kiều giảng lầm chữ *mạch tương* là nước mắt khóc lấy điển ở truyện hai bà Nga Hoàng, Nữ Anh khóc vua Thuấn ở bờ sông Tương. Giảng thế thật không đúng trường hợp Kiều bây giờ, vì Kiều khi đó chỉ ao ước lấy được Kim Trọng để gỡ số bạc mệnh chứ đâu có khóc.

Diễn ra văn xuôi

Câu 133 và 134 = Ba chị em còn đang dửng dăng nửa muốn ở, nửa muốn về, thì bỗng nghe tiếng nhạc ngựa lại gần.

Câu 135 và 136 = Đưa mắt lên trông thì thấy một văn nhân buông lỏng tay cương cho ngựa đi thông thả trên đường rộng thẳng.

Câu 137 và 138 = Văn nhân vừa đi vừa ngắm cảnh, có vẻ ung dung. Lòng đầy cao hứng vịnh thơ, sau ngựa có mấy đứa nhỏ đi theo.

Câu 139 và 140 = Chàng cưới một con ngựa non sắc trắng ngần, và mặc áo nhuộm xanh da trời.

Câu 141 và 142 = Chị em vừa trông rõ mặt ở nẻo xa, thì người khách đó đã xuống ngựa tiến đến nơi nói truyện.

Câu 143 và 144 = Người khách lần lần đưa đôi giày thêu bước trên đường cỏ xanh, đi đến đâu đẹp lây cho cả vùng đến đấy, trông như cây ngọc quýnh cành ngọc dao một lượt.

Câu 145 và 146 = Vương Quan vì quen mặt người khách thì chạy ra chào, còn hai cô gái thì e lệ, lánh mặt vào bụi hoa.

Câu 147 và 148 = Chàng khách này nguyên vẫn là người vùng quanh quần gần đó, chứ đâu xa lạ gì. Họ chàng là Kim, tên chàng là Trọng và vốn là một nhà dòng dõi trâm anh xưa nay.

Câu 149 và 150 = Chàng đã là con nhà nền nếp giàu có phúc hậu, lại nổi tiếng là bậc tài hoa, đã sẵn đất phát văn chương, lại được trời cho bản chất thông minh.

Câu 151 và 152 = Mặt mày đẹp đẽ nở nang, rõ có vẻ tài giỏi hơn người, trong lòng thì phóng khoáng nhã nhặn, mà bên ngoài thì rất hào hoa lịch sự.

Câu 153 và 154 = Chàng cùng ở một vùng với nhà họ Vương và là bạn chung đèn chung sách với Vương Quan.

Câu 155 và 156 = Chàng vẫn nghe tiếng đồn lừng lẫy là nhà họ Vương ở làng bên có gái cảm cung đẹp như hai cô họ Kiều ở đời Tam Quốc.

Câu 157 và 158 = Tuy ở gần một vùng mà sao bỗng hai cô ngồi thêu thùa lại xa như cách sông cách núi, khiến chàng luống những mang lòng yêu dấu thâm kín, ước mong tha thiết.

Câu 159 và 160 = May sao nay tình cờ được gặp nhau trong cuộc đạp thanh đổ lá này, thật là thỏa lòng tìm hoa của chàng.

Câu 161 và 162 = Nhạc trông thấy bóng dáng hai cô ở nẻo xa, cô nào cũng tươi đẹp thanh tao, cô thì như hoa lan mùa xuân, cô thì như hoa cúc mùa thu, cô nào cũng một vẻ mặn mà tuyệt vời.

Câu 163 và 164 = Một bên là gái quốc sắc, một bên là trai thiên tài ; hai bên trông thấy nhau, trong lòng đã để ý đầy tình cảm với nhau ngay, chỉ còn e lệ chưa dám tỏ ra ngoài mặt với nhau thôi.

Câu 165 và 166 = Chàng thì chập chờn lúc như tỉnh, lúc như mê ; ngòi dón mãi đó thì không tiện, làm mất tự do của hai cô, mà đứng dậy ra về thì nào có dứt được lòng tiếc rẻ.

Câu 167 và 168 = Bóng chiều xế thấp dần như thúc giục chàng về, làm cho chàng tăng dần cơn buồn tiếc. Khi chàng bắt đấng dĩ lên ngựa ra về rồi, nàng đưa ngay mắt ghé theo nhìn chàng mãi.

Câu 169 và 170 = Nàng nhìn theo mãi cho đến lúc khách đã qua cầu khuất bóng rồi, chỉ còn ở dưới cầu thì dòng nước chảy trong veo, chẳng còn bóng khách nữa và ở đầu cầu thì mấy cảnh tơ liễu thướt tha trong bóng chiều hôm như buồn tiễn khách đi.

Câu 171 và 172 = Lúc Kiều về đến nhà rồi, thì mặt trời đã nằm gác ở trên núi phía tây và chuông chùa đã thỉnh hồi thu không làm lễ chiêu mộ.

Câu 173 và 174 = Mặt trăng đã nghiêng nghiêng dòm vào trong cửa sổ, ánh trăng thành những ánh vàng ở trên mặt nước, và bóng cây in xuống mặt sân.

Câu 175 và 176 = Cây hải đường trông như ngả ngọn sang nhà hàng xóm phía đông ; cảnh lá xanh non mùa xuân đầm đìa nặng trĩu những hạt sương rữ xuống như người la đà buồn ngủ đầu không ngóc lên được.

Câu 177 và 178 = Nàng ngồi một mình lặng lẽ ngắm trăng, trong lòng rộn rã toi bời, lúc thì nghĩ chuyện gần như thương Đạm Tiên, như nhớ Kim Trọng, lúc lại nghĩ đến chuyện xa như lo số bạc mệnh, như mong lấy được Kim Trọng để nhờ phúc âm chồng mà gỡ khỏi số kiếp đó.

Câu 179 và 180 = Nghĩ đến Đạm Tiên, nàng than : Người mà bạc mệnh đến thế là cùng, cái đời phồn hoa của nàng thật là đời uổng phí đáng bỏ đi.

Câu 181 và 182 = Nghĩ đến Kim Trọng, nàng lo : Trời cho gặp gỡ nhau để làm chi vậy ? Chẳng biết sau này có nên vợ nên chồng không đây ?

Câu 183 và 184 = Nàng nghĩ ngổn ngang trăm mối trong lòng, rồi làm một bài thơ rất hay để tỏ tâm sự.

Câu 185 và 186 = Trăng lúc đó xuống thấp ngang trước màn, nàng ngồi một mình tựa lưng vào bức trướng song ghép hình chữ triện mà thiu thiu ngủ.

Câu 187 và 188 = Bỗng nàng thấy một cô gái trẻ, vừa có vẻ lịch sự tài hoa, vừa mon mọn thanh tân rất đẹp.

Câu 189 và 190 = Mặt như in màu sương, thân như pha vẻ tuyết, lững đững đưa đôi gót sen, phảng phảng phát phát lúc như tiến lại gần, lúc như lảng đi xa.

Câu 191 và 192 - Nàng vội chạy ra đón rước và đơn đả hỏi han : Tiên nữ ở đảo nguyên đi đâu mà lại lạc lối vào đây ?

Câu 193 và 194 = Cô gái thưa : Chị em ta là chỗ thanh khí với nhau, mới gặp nhau lúc ban ngày mà giờ đã quên nhau rồi !

Câu 195 và 196 = Căn nhà nghèo lạnh của em ở mé bên bờ phía tây, gần một ngôi nước chảy mà bên trên có cầu bắc qua.

Câu 197 và 198 = Em cảm ơn chị đã có lòng tử tế rất nhiều đoái hoài ngó xuống đến em, mấy bài thơ chị ban xuống cho em thật hay tinh những lời vàng tiếng ngọc vang ra.

Câu 199 và 200 = Em đã đưa lên cho bà chủ hội đoạn trường xem rõ và tra trong sổ đoạn trường thì ra cũng có tên chị.

Câu 201 và 202 = Ôi ta đành chịu vậy, âu đó cũng là nhân duyên của chị em ta chung một quả kiếp, thành ra vẫn là người trong một hội một thuyền với nhau, chẳng xa lạ gì !

Câu 203 và 204 = Đây đây có 10 đầu bài thơ vừa mới ra, cần phải nhờ cái ngọn bút tinh hoa của chị vẽ vời nên những câu thơ thần tô điểm cho !

Câu 205 và 206 = Kiều vâng lệnh nhận ngay 10 đầu đề và theo ý mỗi đầu đề làm thành một bài. Nàng cầm bút và đưa tay thơ tiên nàng ra mà viết luôn một hồi, chỉ trong chốc lát đủ cả mười bài.

Câu 207 và 208 = Đạm Tiên xem thơ nức nở khen thắm rồi nói : Thơ lời đẹp như hoa thêu, ý hay như gấm dệt, giá trị thật khác thường.

Câu 209 và 210 = Ví đem biên vào tập thơ đoạn trường, thì cái lèo giải nhất chắc là chị chẳng để ai tranh được !

Câu 211 và 212 = Trước thềm hoa cô khách đã trở bước ra đi, mà Kiều còn muốn nắm áo giữ lại để nói chuyện thêm nữa.

Câu 213 và 214 = Một cơn gió thổi lay động bức màn xích một tiếng, nàng sức tỉnh ra mới biết là mình mơ ngủ.

Câu 215 và 216 = Nàng trông theo thì chẳng thấy cô khách mà hình như còn thoảng thấy mùi thơm vẫn quanh quất bên mình nàng.

Câu 217 và 218 = Rồi nàng vào nằm suy lường lo nghĩ một mình lúc canh khuya. Nàng nghĩ đến những nông nỗi trong bước đường xa sau này của mình và lo sợ lắm.

Câu 219 và 220 = Nàng lo nghĩ : Theo điềm mộng vừa rồi, thì rành rõ đời ta sẽ lưu lạc như hoa trôi theo giòng nước, như bèo giạt trước gió sóng. Đạm Tiên đã nói ta cũng có tên trong sổ đoạn trường như nàng, thì chắc ta cũng sống cuộc đời phồn hoa đầy đọa như nàng, chết không ai viếng mả như nàng, ta biết duyên phận ta chẳng ra gì thế thôi, nhưng biết gỡ sao khỏi được !

Câu 221 và 222 = Nàng càng nghĩ, lòng nàng càng cực cội, hết cơn nọ đến cơn kia, dòn dập như làn sóng mặt sông mặt biển ; mỗi cơn cực cội lại một cơn sụt sùi khóc theo.

Câu 223 và 224 = Giọng rên rỉ nỉ non của nàng ở trong mùng làm cho bà mẹ tỉnh dậy hỏi can có gì mà khóc.

Câu 225 và 226 = Bà hỏi : Cớ sao mà lại đêm khuya trần trọc không ngủ lại giàn giụa nước mắt như cảnh hoa lê đằm đìa mưa xuân như vậy ?

Câu 227 và 228 = Nàng thưa rằng : Con còn trẻ tuổi ngây thơ, chưa báo đáp được công đức cha sinh mẹ dưỡng một chút mây may nào.

Câu 229 và 230 = Vì ban ngày con thăm mả Đạm Tiên, vừa rồi con chợt ngủ đi, thấy Đạm Tiên báo mộng cho con biết ngay số phận của con sau này.

Câu 231 và 232 = Nàng kể rõ cho bà nghe : nào số đoạn trường là số thế nào mà nàng cũng có tên ở trong, nào là mười đầu đề thơ Đạm Tiên đưa nhờ nàng làm, và nàng làm như thế nào.

Câu 233 và 234 = Rồi nàng nói tiếp : Cứ theo mộng triệu đó mà suy đoán ra, thì số phận con mai sau thật chẳng ra gì !

Câu 235 và 236 = Vương bà khuyên dạy nàng rằng : Mơ mộng là điềm huyền ảo tin làm gì ! Rõ thật bỗng dưng mua não rước sầu vào thân, lạ quá.

Câu 237 và 238 = Nàng nghe lời mẹ khuyên giải thấp cao đủ lẽ cũng bớt lòng lo nghĩ, nhưng lại tiếp tục bồn chồn nghĩ đến cuộc tình duyên gặp gỡ, nhưng lo chẳng biết có nên chuyện gì không, để nàng nhờ chồng mà thoát khỏi kiếp đoạn trường.

Câu 239 và 240 = Nàng còn đương nghĩ vẫn vợ, thì trời đã sáng. Ngoài cửa sổ chim hoàng oanh đã hót như thỏ thẻ chuyện trò, mấy cành liễu ở khoảng vách tường đầu nhà đã thấy gió đưa phát phơ ở trước màn.

Câu 241 và 242 = Cảnh buổi sớm mùa xuân tuy đẹp vậy, nhưng lòng nàng nào có khuây ; cho đến lúc mặt trời đã cao hơn mái hiên chiếu bóng nghiêng xuống, nàng vẫn còn bận lòng nằm nghĩ tới mọi nỗi lo riêng trong lòng.

Những câu hay chữ có ý móc nối

Câu “cỏ non xanh tận chân trời” đã có ý móc nối với câu tả Kim Trọng “hài vãn lần bước dặm xanh”, lại có ý làm tăng thêm vẻ thâm thê cho đoạn tả cảnh mà Đạm Tiên “sè sè nắm đất bên đường / dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh / rặng sao trong tiết thanh minh / mà đây hương khói văng tanh thế mà ?”

Câu Đạm Tiên nói “mấy lời hạ tứ ném châu gieo vàng” ứng với việc Kiều đề thơ ở thân cây gần má.

Những câu Kiều nói “dễ hay tình lại gặp tình ... hữu tình ta lại gặp ta” có ý móc nối với câu Đạm Tiên nói “... thanh khí xưa nay... âu đành quả kiếp nhân duyên / cũng người một hội một thuyền đâu xa.”

Những câu tả phong tư, tài mạo, phong nhã, tài hoa, của Kim Trọng móc nối với câu Kiều nói sau này với Kim Trọng “...trộm liếc dung quang / chẳng sân ngọc bội, thì phường kim môn.”

Câu “khách đà lên ngựa người còn ghé theo” móc nối khẩn thiết với câu tả lòng Kim Trọng nghĩ đến sau này “ví chẳng duyên nợ ba sinh / thì chi đem thối khuynh thành trên người ?”

Mấy câu tả cảnh buổi chiều hôm đi tảo mộ về đều khéo mượn cảnh để ngấm tả nỗi lòng của Kiều. Câu “mặt trời gác núi chiêm già thu không” bề ngoài thì thật khéo tả đúng cảnh buồn lúc chiều sắp tối, cái cảnh lúc mặt trời lặn dần xuống bên kia ngọn núi phía tây, trời tối sầm dần, đã như thu hết tinh thần vui tươi của vạn vật vào cõi u hồn, bên tai lại thùng thảng vang lên từng tiếng chuông chùa với từng câu lạnh lạnh niệm phật làm lẽ chiêu mộ cô hồn. Trước cái cảnh ảm đạm ấy, người và vật đều lo tìm cảnh đoàn tụ để yên ủi tâm hồn hiu quạnh. Bởi vậy thơ Đường có hai câu này thật hay : • [何時最是思君处 = hà thì tối thị tư quân xứ = lúc nào là lúc nhớ anh nhất] • [日入斜窗晚寺鐘 = nhật nhập tà song vãn tự chung = đó là lúc nắng chiều vào trong cửa sổ lạnh vắng và tiếng chuông chùa đánh chiêu mộ]. Tác giả mượn ý câu dưới để tả cảnh buồn buổi chiều và ngấm mượn ý câu trên để tả nỗi lòng Kiều tưởng nhớ Kim Trọng.

Hai câu “hải đường lả ngọn đông lân / hạt sương trĩu nặng cảnh xuân la đà” lời văn thật hay, cảnh tả thật đẹp, nhất là ngụ ý càng thâm thúy. Bề ngoài thì hai câu này tả cảnh thật đẹp để buồn lặng lúc chập tối hôm thanh minh : dưới bóng trăng thượng tuần, cây hải đường như lả ngọn về phía đông, những hạt sương xuân làm cho cảnh lá rũ lả xuống la đà trước cơn gió thoảng. Nhưng bên trong thì mỗi chữ ngụ một ý nghĩa ngầm rất thâm thúy, xin kê rõ như sau : “hải đường” ngụ ý nói Kiều buồn ngủ, hoa hải đường nở lâu hàng tháng, ngày nở nhưng đêm cúp lại gọi là hoa ngủ. Vua Minh Hoàng thấy Dương Quý Phi buổi sáng ngồi thiu thiu như buồn ngủ, mới nói đùa nàng “hoa hải đường đêm ngủ chưa đủ giấc sao ?” Ý ngầm buồn ngủ của chữ hải đường này móc nối với câu “tựa ngòi bên triện một mình hiu hiu” (có buồn ngủ rồi mới ngủ ngòi). “Ngả ngọn đông lân” ngụ ý nói Kiều tưởng nhớ Kim Trọng ; thế là Kiều không còn “tường đông ong bướm đi về mặc ai” nữa vì nàng đã ngả lòng về khách tường đông đó rồi. “Hạt sương trĩu nặng” ngụ ý nói Kiều khóc nước mắt lã chã ; chữ “hải đường” có hạt sương trĩu nặng này móc nối với câu “màu hoa lê hãy đầm đìa hạt mưa” ở dưới. “Cảnh xuân la đà” ngụ ý tả vẻ mặt kiều lo âu, ủ rũ mỗi một gượng ngòi ngấm cảnh cho khuây.

CHƯƠNG 07

CÂU 243 ĐẾN CÂU 362

“Giông sào đuổi bóng, nhờ cửa gặp người”

243. Cho hay là giống hữu tình, [1]

Đó ai gỡ mối tơ mảnh cho xong. [2]

245. Chàng Kim từ lại thư song,

Nỗi nằng canh cánh bên lòng biếng khuấy. [3]

247. Sào giông càng khắc càng chày, [4]

Ba thu đón lại một ngày dài ghê. [5]

249. Mấy lần khóa kín phòng the, [6]

Bụi hồng liệu nẻo đi về chiêm bao. [7]

251. Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao, [8]

Mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng.

253. Buồng vắng hơi lạnh như đồng,

Trúc se ngọn cỏ, tơ chùng phím loan. [9, 10]

255. Mảnh tương phân phát gió đàn, [11, 12]

Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình. [13, 14]

257. Ví chăng duyên nợ ba sinh, [15]

Thì chi đem thói khuynh thành trên người. [16]

259. Bâng khuâng nhớ cảnh, nhớ người,

Nhớ nơi kỳ ngộ vội dời chân đi. [17]

261. Một vùng cỏ mọc xanh rì,

Nước ngâm trong vắt, thấy gì nữa đâu! [18]

263. Gió chiều như gọi cơn sào,

Vi lô hiu hắt như màu khói trên. [19]

265. Nghề riêng nhớ ít tưởng nhiều, [20]

Xăm xắm đê nẻo Lam kiều lần sang. [21]

267. Thâm nghiêm kín cổng cao tường,

Cạn dòng lá thắm, dứt đường chim xanh. [22, 23]

269. Lơ thơ tơ liễu buông mảnh,
Con oanh học nói trên cành mìa mai. [24]
271. Mấy lần cửa đóng then cài,
Dẩy thêm hoa rụng, biết người ở đâu? [25]
273. Tần ngần đứng trót giờ lâu, [26]
Đạo quanh chợt thấy mé sau có nhà.
275. Là nhà Ngô Việt thương gia, [27]
Buồng không để đó, người xa chưa về.
277. Lấy điều du học hỏi thuê, [28]
Túi đàn cặp sách đề huề dọn sang [29, 30]
279. Có cây, có đá sẵn sàng, [31]
Có hiên Lãm Thúy, nét vàng chưa phai. [32]
281. Mừng thầm suy ý chữ bài, [33]
Ba sinh âu hẳn duyên trời chi đây.
283. Song hồ nửa khép cánh mây, [34, 35]
Tường đông ghé mắt ngày ngày hằng trông. [36]
285. Tác gang đồng khóa, nguồn phong, [37]
Tít mù nào thấy bóng hồng vào ra.
287. Nhẫn từ quán khách lân la, [38]
Tuần trăng thắm thoát nay đà thềm hai. [39]
289. Cách tường phải buổi êm trời, [40]
Dưới đào dường thấy bóng người thướt tha.
291. Buồng cầm, xốc áo, vội ra,
Hương còn thơm nức, người đà vắng tanh.
293. Lân theo tường gấm dạo quanh, [41]
Trên đào nhác thấy một cảnh kim thoa.
295. Giơ tay cất lấy về nhà, [42]
Này trong khuê các đâu mà đến đây? [43]
297. Ngẫm âu người ấy báu này,
Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm!
299. Liền tay ngắm nghĩa biếng nằm,

Hãy còn thoang thoảng hương trầm chưa phai.

301. Tan sương đã thấy bóng người,
Quanh tường ra ý tìm tòi ngấn ngò.

303. Sinh đà có ý đợi chờ,

Cách tường lên tiếng xa đưa ướm lòng: [44]

305. Thoa này bắt được hư không, [45]

Biết đâu Hợp Phố mà mong châu về? [46]

307. Tiếng Kiều nghe lọt bên kia: [47]

“Ôn lòng quân tử sá gì của roi!

309. Chiếc thoa nào của mấy mươi [48]

Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao!” [49]

311. Sinh rằng: “Lân lý ra vào [50]

Gần đây, nào phải người nào xa xôi!

313. Được rầy nhờ chút thom roi

Kẻ đà thiếu nỡ lòng người bấy nay.

315. Bấy lâu mới được một ngày

Dùng chân gạn chút niềm tây gọi là!” [51, 52]

317. Vội về thêm lấy của nhà

Xuyến vàng đôi chiếc khăn là một vuông.

319. Bực mây đón bước ngọn tường, [53, 54]

Phải người hôm nọ rõ ràng chẳng nhe?

321. Sượng sùng giữ ý rụt rè, [55]

Kẻ nhìn tận mặt người e cúi đầu.

323. Rằng: “Tù ngẫu nhĩ gặp nhau. [56]

Thầm trông trộm nhớ bấy lâu đã chôn. [57]

325. Xương mai tính đã rũ mòn, [58]

Lần lừa ai biết hãy còn hôm nay!

327. Tháng tròn như gởi cung mây, [59]

Trần trần một phận áp cây đã liễu! [60]

329. Tiện đây xin một hai điều,

Đài gương soi đến dấu bèo cho chẳng?” [61, 62]

331. Ngần ngừ nàng mới thưa rằng:
“Thói nhà băng tuyết, chất hằng phi phong, [63, 64]
333. Dù khi lá thắm chỉ hồng, [65, 66]
Nên chẵng thì cũng tại lòng mẹ cha.
335. Nặng lòng xót liễu vì hoa,
Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thưa!”
337. Sinh rằng: “Rày gió mai mưa, [67]
Ngày xuân đã dễ tình cờ mấy khi!
339. Dù chẵng xét tâm tình si, [68]
Thiệt đây mà có ích gì đến ai?
341. Chút chi gấn bó một hai,
Cho đành rồi sẽ liệu bài mỗi manh.
343. Khuôn thiêng dù phụ tác thành, [69]
Cũng liệu bỏ quá xuân xanh một đời.
345. Lượng xuân dù quyết hẹp hòi, [70]
Công đeo đuổi chẵng thiệt thòi lắm ru!”
347. Lặng nghe lời nói như ru,
Chiều xuân dễ khiến nét thu ngại ngừng. [71, 72]
349. Rằng: “Trong buổi mới lạ lòng,
Nể lòng có lẽ cảm lòng cho đang!
351. Đã lòng quân tử đa mang,
Một lời vâng tạc đá vàng thủy chung.” [73]
353. Được lời như cởi tấm lòng,
Giở kim thoa với khăn hồng trao tay. [74]
355. Rằng: “Trăm năm cũng từ đây, [75]
Của tin gọi một chút này làm ghi.
357. Sẵn tay bả quạt hoa quỳ, [76, 77]
Vội cành thoa ấy tức thì đổi trao.
359. Một lời gấn bó tất giao, [78]
Mái sau đường có xôn xao tiếng người.

361. Vội vàng lá rụng hoa rơi,
Chàng về viện sách, nàng dờn lâu trang.

Đính chính và xác định

Câu 247: “Sầu giông càng khắc càng chày”. Chữ giông đây nghĩa là buông thả cho chạy, như ta nói trâu giông bò dắt, giông cương cho ngựa chạy nhanh. Do đó, nghĩa cả câu là: chàng Kim không biết nén hãm lòng sầu nhớ Kiều cho khuây đi để ngủ, lại cứ buông thả mãi con ngựa sầu nhớ trong lòng ra và giông cho nó chạy đuổi theo bóng Kiều, những mong chóng sáng mà đi tìm nàng, thành ra lại càng thấy mỗi trống canh mỗi dài mãi ra. Câu này tác giả lấy ý ở câu thơ của thi sĩ Ngô Tư Kinh [愁逐漏声长 = sầu trực lậu thanh trường = ngòi mà thả lòng sầu cho đuổi thì giờ, thì càng thấy tiếng nước đồng hồ nhỏ giọt càng kéo dài thêm mãi]. Chữ “giông” nôm, nếu là chính mình đi (tự động từ) như giông mát, thì viết [踉] (= túc [足] + đông [冬]). Chữ giông này ít dùng nên ít người biết. Các nhà xuất bản Truyện Kiều không biết nghĩa chữ “sầu giông” là gì, nên đổi bừa câu này thành những câu ngô nghê vô nghĩa như:

Sầu đông càng khắc càng chày (đổi [踉] giông ra [冬] đông).

Sầu đong càng khắc càng đầy (đổi giông [踉] ra đong [终] , chày ra đầy).

Sầu đong càng lắc càng đầy (đổi giông ra đong, khắc ra lắc).

Rõ là câu rất hay, mà đổi bừa thành các câu rất dở.

Câu 250: “Bóng hồng liêu nẻo đi về chiêm bao” – Hai câu lục bát này lấy ý ở hai câu kết bài thơ của Từ An Trinh [徐安貞] đời Đường, tả tình thi sĩ đêm nghe cô gái nhà hàng xóm gảy đàn tranh (chép cả bài ở dưới đây) và nghĩa là : Kim Trọng nghĩ rằng chắc Kiều cũng muốn gặp mình lắm – mà không sao được, nên đành khóa cửa đi ngủ (“mấy lần khóa kín phòng the”), để may ra mộng hồn đi, về được với mình (câu 250). Chữ “bóng hồng” ở câu 250 là mộng hồn của Kiều.

° [北斗橫天夜欲闌 = bắc đầu hoành thiên dạ dục lan = chòm sao Bắc đầu đã ngang trời đêm đã sắp hết] ° [愁人倚月思無端 = sầu nhân ỷ nguyệt tứ vô đoan = người buồn sầu này ngồi tựa dưới trăng nghĩ vẩn vơ] ° [忽聞畫閣秦箏逸 = hốt văn họa các Tần tranh giạt = Bỗng nghe trên lầu vẽ kia có tiếng đàn tranh văng lại] ° [知是隣家趙女彈 = tri thị lân gia Triệu nữ đàn = Ta biết đó là tiếng đàn cô gái nước Triệu nhà hàng xóm gảy] ° [曲成虛憶青蛾歛 = khúc thành hư ức thanh nga liễm = khúc đàn gảy xong, ta đoán là lông mày cô nhíu lại] ° [調急遙知玉指寒 =

điệu cấp dao tri ngọc chỉ hàn = điệu đàn mau gấp, ta biết là ngón tay nàng cóng rét] ° [銀 鑰 重 閉 聽 未 關 = ngân dục trùng quan thính vị tịch = khóa bạc ở hai lần cửa, ta chưa nghe tiếng mở] ° [不 如 眠 去 夢 中 看 = Bất như miên khứ mộng trung khan = gì bằng ngủ đi để gặp thấy nhau trong mộng vậy].

Vì chàng tưởng là hồn mộng Kiều sẽ tìm đến với chàng như vậy, nên khi chàng thấy “Mành tương phân phát gió đàn” chàng yên trí là hồn Kiều đến, nên chàng đốt hương để chào, pha trà để mời, thì thấy mùi hương cũng nồng như mùi thơm của nàng lúc chiều, và trà chàng uống cũng được Kiều mời mà hóa ra đậm đà khan lên những giọng tình tứ. Câu “Bóng hồng liệu nẻo đi về chiêm bao” nghĩa rõ ràng như thế và khẩn thiết với hai câu “Mành tương phân phát gió đàn / hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình” như thế, mà sao phần nhiều các bản Kiều quốc ngữ lại đổi bóng hồng thành bụi hồng và phiên âm liệu nẻo 料裊 ra lẻo đẻo? “Bụi hồng lẻo đẻo đi về chiêm bao” nghĩa là gì? Thật vô nghĩa, vậy cần phải xác định, không nên để Truyện Kiều có những câu vô nghĩa như vậy.

Câu 258: Hai chữ “đem thối khuynh thành trêu người” ở câu này, nhiều bản quốc ngữ in thành “những thối khuynh thành trêu người” e vô nghĩa, vì khuynh thành làm gì có nhiều thối ?

Câu 264: Hai chữ “kháy trêu” ở câu này, nhiều bản quốc ngữ dịch ra là “khơi trêu” e không xác đáng, vì hai chữ khơi trêu chỉ có nghĩa là trêu người thôi, còn kháy trêu đã đúng âm với chữ nôm 揩 撩 (khái liêu) lại đúng ý nghĩa hơn: các ngọn lau sậy hình như chúng thấy chàng ngỡ ngàng tên tò, chúng bèn phát phơ tỏ ý chế nhạo trêu ghẹo chàng. Chữ kháy là có ý trêu đùa cho tức thẹn.

Câu 281: Bốn chữ “suy ý chữ bài” ở câu này, các chữ nôm đều khác chữ suy [推] làm ra chón [准], còn chữ ý [意] thì cũng đọc sai là ây. Các bản quốc ngữ đều theo các bản nôm mà dịch làm ra “Mừng thầm chón ây chữ bài” thành ra gần như vô nghĩa. Suy ý chữ bài nghĩa là suy ý chữ đề ở biển “lâm thúy hiên” (nơi mái hiên để ngồi chơi mà vợ bằng mắt lấy những cảnh hoa cỏ xanh đẹp). Nhưng chàng cho đó là “cái hiên để vợ lấy các cô Thúy.”

Câu 285: Bốn chữ đông khóa nguồn phong [洞 鎖 源 封] nghĩa là cửa động thiên thai thì khóa lại, nguồn nước đào nguyên thì lấp đi. Nhiều bản nôm khác chữ đông [洞] làm chữ đồng [銅], người

phiên âm trước không biết cứ theo chữ [銅] mà dịch là đồng, thành ra bắt buộc phải dịch câu này là “Tác gang đồng tỏa nguyên phong” và giải nghĩa là: cái khóa đồng vẫn còn khóa kín nguyên vẹn như cũ (cho chữ nguồn [源] là chữ nguyên [原]). Nên cần phải đính chính xác định lại cho rõ nghĩa, kéo mất hết ý hay lời đẹp của câu này.

Câu 286: “Tít mù nào thấy bóng hồng vào ra” – Tít mù nghĩa là xa xôi biệt tăm, đối lại với chữ tác gang là rất gần ở câu trên = chỉ gần gần thế mà thành ra xa xôi vô chừng. Nhiều bản quốc ngữ dịch làm chữ tít mù ra tít mù, nghe lời đã quê thô, nghĩa lại không đúng, không khớp thiết với câu trên.

Câu 287: Chữ “nhẫn” câu này, bản nôm viết là nhẫn [忍], chớ không viết là nhân [認]. Chữ nhẫn nghĩa là tất cả, là hết sức kiên nhẫn mà chờ đợi. Nhiều bản quốc ngữ in là “nhận từ...”, kể ra cũng có nghĩa là tính ra từ ..., nhưng lời không mạnh và ý không xác đáng bằng “nhẫn từ...”

Câu 295: “Giơ tay cắt lấy về nhà” – Chữ cắt câu này nghĩa là dùng tay sẽ sàng cẩn thận để nhắc lên cho khỏi gãy khỏi rơi. Đặt chữ cắt vào tình trạng đáng nâng niu âu yếm này thật hay vô cùng. Lắm bản Kiều đổi là “với lấy” thì thật hết ý vị tinh tế.

Câu 307: “Tiếng kiêu nghe lọt bên kia” – Tiếng kiêu đây là tiếng có giọng trong trẻo trẻ trung non mềm của con gái. Chữ kiêu [嬌] đây nghĩa là non mềm. Nhiều bản in làm chữ kiêu này ra Kiều [翹], cho nghĩa là tiếng nàng Kiều, đó là một sự làm to, vì Kim Trọng khi ấy đã biết tiếng Kiều bao giờ mà nhận được là tiếng cô ta?

Câu 322: “Kẻ nhìn tận mắt, người e cúi đầu” – Hai chữ tận mắt câu này, nhiều bản in là rõ mắt, thế là sai quá. Vì chàng có nhìn tận mắt thì nàng mới phải e lệ cúi đầu, và phải cần nhìn tận mắt cho biết rõ ràng là người hôm nọ rồi mới dám ngỏ lời nói chuyện.

Câu 325: “Xương mai tính đã rũ mòn” – Hai chữ rũ mòn đây cũng nghĩa như gầy mòn, nhưng rũ mòn xác đáng hơn vì ta thêm được ý mỗi mệt như câu thơ Đường mà tác giả đã dùng làm điển tích [梅骨瘦難支 = mai cốt sấu nan chi = vóc xương thanh lịch như cành mai, gầy quá đi như không đứng được].

Chú giải và dẫn điển

[1] *Giống hữu tình* = hạng người tài hoa. Sách nho có chỗ nói: Hạng thánh nhân thì không có tình, hạng ngu đần thì không biết tình là gì, chỉ có hạng người tài hoa mới là hạng người hữu tình. Bởi vậy người ta gọi bọn người tài hoa là [情種 = tình chủng = giống đa tình]. Đây nói Kim Trọng, Thúy Kiều đều là tình chủng.

[2] *Mói tơ mảnh* = sợi tơ rất mỏng manh mà khó dứt đứt được; đó tức là sợi tơ tình, không trông thấy mà gỡ không ra, dứt không đứt được.

[3] *Canh cánh* = vương vít như gài bám vào lòng.

[4] *Sâu giông*: Xem lời đính chính câu 247 bên trên.

[5] *Ba thu đón lại một ngày*: Kinh Thi có câu [一日不見如三秋兮 = nhất nhật bất kiến như tam thu hề = một ngày không thấy mặt nhau, lâu bằng ba mùa thu]. Chữ đón nghĩa là rèn cái que sắt cho nhỏ lại và dài ra.

[6] *Máy lần khóa kín phòng the* – “Máy lần khóa kín” do bốn chữ “Ngân thược trùng quan”. Các bản quốc ngữ chép nhầm “máy lần” ra “máy tần” hoặc “mây Tần” thật vô nghĩa.

[7] *Bóng hồng* = hình bóng người con gái đẹp. *Liệu nẻo* = đoán chừng có lẽ bóng vía nàng sẽ tìm đến đây với ta, trong lúc nàng mơ ngủ.

[8] *Đĩa dầu* – Người ta đốt đèn bằng dầu hột, đổ dầu vào đĩa rồi thả bắc vào, để một đầu bắc hở trên miệng đĩa mà đốt.

[9] *Trúc se ngọn thỏ* – Bút viết chữ hán quản làm bằng ống trúc, ngòi làm bằng lông thỏ. *Trúc se ngọn thỏ* ý nói khi chàng muốn làm thơ, thì nghĩ không ra, hình như ngòi bút nó khô mực lại, viết không được.

[10] *Phím loan* = phím đàn hình đầu ngoài thường làm hình đầu chim phượng. *Tơ chùng phím loan* ý nói khi chàng muốn gảy đàn cho khuây thì gảy không ra tiếng, như dây đàn chùng cả đi.

[11,12] *Mành tương* = mành làm bằng những gióng trúc con, da có vân đồi mồi, tiện ra từng đoạn ngắn, rồi khâu lại thành từng dây dài mà treo nhiều dây rủ xuống thành bức mành che cửa. Khi gió thổi vào, tiếng trúc đụng nhau kêu xoang xoảng như tiếng đàn.

[13,14] *Hương gậy mùi nhớ, trà khan giọng tình* – Xem lời xác định câu 250 bên trên. Chàng Kim thấy gió đung mành kêu cho là mộng hôn Kiều đến với mình, vội vàng đốt hương lên để mừng và pha trà để cùng uống, chàng thấy mùi hương thơm nồng ngậy lên những mùi chàng nhớ đã được ngửi lúc chiều và vị nước trà đậm đà quá như khan họng những giọng tình trước mặt nàng.

[15] *Duyên nợ ba sinh* = ba đời, ba kiếp; đôi tình nhân đã thề ước mà không lấy được nhau, thì phải trải qua ba đời lời thề ấy mới tan. Điển tích từ *Tình sử*: Lý Nguyên [李源] và Viên Trạch [圓澤] yêu nhau tha thiết. Khi nàng Viên ốm nặng gần chết hẹn với chàng Lý 12 năm sau thì đến Hàng Châu gặp nhau. Lúc chàng đến Hàng Châu chỉ gặp thằng bé chẵn râu hát rằng:

(1) [三生石上舊精魂 = tam sinh thạch thượng cựu tinh hồn = tinh hồn trên đá ba sinh] (2) [賞月吟風不要言 = thưởng nguyệt ngâm phong bất yếu ngôn = thưởng trăng hát gió, kể tình nữa chi] (3) [慚愧故人遠相訪 = tàm quý cố nhân viễn tương phỏng = thẹn mình gặp bạn cố tri] (4) [此身雖異性長存 = thử thân tuy dị tính trường tồn = thân này dù khác, tình kia vẫn còn] .

[16] *Ví chẳng duyên nợ ba sinh / làm chi đem thói khuynh thành trêu ngươi* = nếu không có duyên nợ kiếp trước với nhau, thì làm gì nàng lại nhìn theo ta, như vậy để làm lòng ta vương vít. Điển lấy từ *Tây Sương Ký*: Khi Thôi Oanh Oanh thấy Trương Hồng vào, nàng vội tránh vào buồng, nhưng lại ngoái lại nhìn chàng một cái, làm cho chàng say sưa và nghĩ:

[我明日透骨髓相思病纏 = Ngã minh nhật thấu cốt tủy, tương tư bệnh triền]

[怎當她臨去秋波那一轉 = Chả đương tha lâm khứ, thu ba ná nhất chuyển]

[我便鉄石人也意惹情牽 = Ngã tiện thiết thạch nhân dã, ý nhạ tình khiên]

Ba câu trên có nghĩa = Ngày mai ta sẽ mắc bệnh tương tư thắm vào đến xương tủy. Ta chịu sao nổi cái khước mắt của cô ta khi lánh đi, lại ngó lại liếc ta một cái. Ta đâu có là người sắt đá cũng phải để ý vương tình.

[17] *Kỳ ngộ* = cuộc gặp gỡ lạ lùng tình cờ.

[18] *Nước ngâm trong vắt* ngụ ý nói chỉ thấy nước im lặng trong vắt chẳng có bóng ai như chiều hôm qua nữa.

[19] *Kháy trêu* = có ý đùa cợt trêu ghẹo cho tức, cho thẹn.

[20] *Nhớ ít tưởng nhiều* = thật ra chỉ nhớ có ít, nhưng vì cứ tưởng tượng thêm mãi ra, niềm nhớ mới tăng lên nhiều.

[21] *Lam kiều* = cầu Lam. Bùi Hàng [裴航] đời Đường gặp cô tiên tên là Vân Kiều phu nhân, có cho chàng một bài thơ trong có câu [藍橋本是神仙窟 = Lam kiều bản thị thần tiên quật = Lam kiều là chỗ thần tiên ở]. Về sau, một hôm chàng đi qua cầu Lam vào một quán xin nước uống, gặp nàng tiên Vân Anh [雲英] đẹp lắm. Chàng ước ao muốn lấy, bà mẹ nàng bảo nếu tìm được cái chày ngọc để bà tán thuốc thì bà gả nàng cho. Khi chàng được một bà tiên cho chày ngọc, đem lại nộp thì lấy được Vân Anh. *Lam kiều* đây chỉ nhà Thúy Kiều ở.

[22] *Lá thắm* – Đời vua Đường Huy Tông, Vu Hựu vớt được một cái lá ngô đồng màu đỏ từ ngòi nước ở trong cung vua chảy ra, trên lá có đề bài thơ hẹn ai bắt được lá này thì kiếp sau sẽ lấy làm chồng. Hựu quý lắm, về giữ cẩn thận, và cũng lấy cái lá ngô đồng khác đề thơ họa lại, rồi lên đoạn ngòi trên cung vua mà thả xuống cho trôi vào. Sau có lệnh thả các cung nữ cho ra lấy chồng, Hựu lấy được cô họ Hàn và cả hai bên đều còn giữ đủ hai lá đề thơ.

[23] *Chim xanh* – Vua Hán Vũ Đế một hôm sắp đi chơi xa, bỗng thấy hai con chim xanh bay vào hành cung. Đông Phương Sóc tâu nhà vua chúng là sứ giả của bà Tây Vương Mẫu đưa tin báo trước. Được một lúc, quả nhiên bà đến thật.

[24] *Mĩa mai* = chê cười chế nhạo (sáng tìm Kiều như bị lau sậy trêu cười ở ngoài đồng ; trưa tìm Kiều thì như bị chim oanh cười chế ở trước cổng nhà Kiều).

[25] *Dẫy* = đây. Ta cũng hay nói đầy dẫy.

[26] *Trót giờ lâu* = đứng trọn vẹn lâu một giờ.

[27] *Ngô Việt thương gia* = nhà buôn bán xa ở vùng đất Ngô đất Việt, là vùng phía đông nam nước Tàu. Từ Bắc Kinh xuống Ngô Việt xa lắm.

[28] *Du học* = từ xa đến đó ở trọ để học hành.

[29] *Cặp sách* = cái quang treo sách chữ nho, làm bằng gỗ, dưới có cái ván gỗ rộng độ 2 gang, dài độ 3 gang, 2 đầu có đục 2 cái lỗ để lùa 2 thanh gỗ lên làm thành cái quang để xếp 2 chồng sách vào. Khi ở nhà thì treo lên, khi đi đâu thì gánh cho tiện.

[30] *Đề huê* = dọn sách vở đồ đạc sang nhà trọ một cách đàng hoàng có ý cho ai cũng biết, để hồng đưa tin đến hai cô láng giềng rõ chuyện mình đến đó.

[31] *Đá* = cảnh núi non bộ chất đá ở giữa cái hồ con.

[32] *Lãm thúy hiên* [攬 驛 軒] – Xem lời đính chính câu 281 bên trên.

[33] *Suy ý chữ bài* – Xem lời đính chính câu 281 bên trên.

[34] *Song hồ* = cửa sổ, cánh có dán một thứ giấy phết dầu cho trong, ánh sáng có thể qua được.

[35] *Cánh mây* = cánh cửa ở trên gác cao.

[36] *Tường đông* = nhà phái nữ trú ngụ.

[37] *Động khóa nguồn phong* – Xem lời đính chính câu 285 bên trên.

[38] *Nhẫn* – Xem lời xác định câu 287 bên trên.

[39] *Thềm hai* – *Thềm* = sắp sửa. *Thềm hai* = sắp sửa được hai tháng rồi.

[40] *Phải* = bất kỳ gặp phải. Truyện Kiều có mấy chỗ chữ *phải* có ngụ ý thật ra là hữu tình mà làm ra như có vẻ vô tình mà xảy ra như vậy. Chữ *phải* trong câu “Buồng the *phải* buổi thông dong” dùng nghĩa này, để nói : gặp buổi tết đoan ngọ thông dong vắng khách nên Kiều vô ý tấm trần không đóng cửa, chứ thực ra Kiều dụng tâm làm ra vô ý để Thúc Sinh được nhìn rõ tấm thân thoát y của mình như “một tòa thiên nhiên”, mục đích để cố kết lòng chàng hết sức ra tay cứu mình khỏi lầu xanh.

[41] *Tường gấm* = bức tường có đắp hình mây, hình triện nổi lên cho đẹp. Xem lời giải [53] về chữ bức mây bên dưới.

[42] *Cát lấy* = lấy tay sẽ nhấc cao cành hoa lên mà lấy ra một cách rất nhẹ nhàng, nâng niu để khỏi gãy, khỏi rơi.

[43] *Khuê các* = buồng trên gác, nơi đàn bà con gái ở rất lịch sự.

[44] *Uóm lòng* = thử nói để dò xét xem lòng nàng ra ý thế nào.

[45] *Hư không* = bồng dung.

[46] *Hợp phố* xưa kia thuộc về Giao châu (tên gọi nước Nam ta ngày trước), nay thuộc miền giáp biển tỉnh Quảng đông nước Tàu. Hồi bắc thuộc, quan Tàu tham những bắt dân Hợp phố mò ngọc trai đem nộp, cho nên các loài trai có ngọc bỏ đi nơi khác hết. Sau có quan thứ sử là Mạnh Thường làm quan thanh liêm, loài ngọc trai lại trở về Hợp phố. Điển tích lấy từ câu [珠還合浦 = châu hoàn Hợp phố = của quý của ai lại trả về người ấy].

[47] *Tiếng kiêu* – Xem lời đính chính câu 307 bên trên.

[48] *Nào của mấy mươi* = có đáng giá bao nhiêu đâu.

[49] *Trọng nghĩa khinh tài* = lòng đứng đắn biết trọng điều nghĩa mà khinh của cải.

[50] *Lân lý* [隣 里] – *Lân* = hàng xóm. *Lý* = làng.

[51] *Gạn* = hỏi tỉ mỉ rõ ràng mọi điều.

[52] *Niềm tây* = điều riêng tư trong lòng.

[53] *Bực mây* = những hình mây đắp nổi lên ở mặt tường gấm có thể dùng làm bực leo lên được. Có bản giải thích bực mây là bực *vân thê* [雲 梯] (thang mây) thật là lầm, vì *vân thê* là thứ thang để trèo lên ngó vào thành giặc, cao hàng 4 hay 5 mươi thước, phần dưới là cái bực cao có bốn bánh xe, nhiều người có thể đi kín ở dưới đáy bực thang đi được. Trên bực dựng hai tầng thang, mỗi tầng cao 20 thước. Thang mây cao như thế, chứ đâu phải cái thang thường ta dùng.

[54] *Dón bước* = trèo một cách nhanh nhẹn.

[55] *Sượng sùng* = ngượng nghịu, e thẹn.

[56] *Ngẫu nhĩ* = tình cờ, bỗng dưng.

[57] *Đã chòn* = đã mỏi mệt lắm.

[58] *Rũ mòn* – Xem lời xác định câu 325 bên trên.

[59, 60] *Tháng tròn như gửi cung mây / trần trần một mực áp cây đã liễu* – *Cung mây* tức cung trăng ở trên mây, ý nói chỗ người đẹp ở như cô Hằng Nga trên cung trăng. *Áp cây* là điển tích lấy từ ba chữ [守 株 人 = thủ châu nhân = người giữ gốc cây]. Xưa có anh thợ cấy ngồi nghỉ ở gốc

cây, bỗng một con thỏ sợ chó săn, chạy đâm đầu vào gốc cây chết, anh ta bắt được. Từ hôm đó ngày nào anh ta cũng ra ngồi giữ gốc cây ấy để đợi bắt thỏ. Ý nói Kim Trọng bỏ công hàng tháng để mong may ra được gặp Kiều.

[61] *Đài gương* cũng như *lầu trang* là tiếng tôn trọng gọi nơi đàn bà con gái cư ngụ. Đây là lời tôn trọng Kim Trọng dùng để gọi Kiều.

[62] *Dấu bèo* là tiếng Kim Trọng nói nhún, tự coi mình *hèn mọn như bèo* ở đâu trôi đến.

[63, 64] *Thói nhà băng tuyết* = nhà tôi vốn là nhà nề nếp đứng đắn. *Chát hằng phi phong* = nhún mình là một gái quê mùa biết giữ lễ nghĩa. Kinh Thi có câu [采葑采菲無以下體 = thái phong, thái phi, vô dĩ hạ thể = hái rau phong, hái rau phi, chớ vì phần dưới cứng ăn không ngon mà bỏ]. Rau phi, rau phong ngọn gốc đều ăn được, nhưng phần gốc lúc già ăn không ngon, nên bị bỏ. Hàm ý của câu kinh Thi này = vợ chồng phải lấy nghĩa mà yêu nhau suốt đời, chớ có khi trẻ đẹp thì yêu, khi già xấu thì bỏ.

[65] *Lá thắm* – Xem lời giải [22] bên trên.

[66] *Chỉ hồng* = duyên vợ chồng, do điển tích Vi Cố như sau : Vi Cố [韋固] học giỏi đang kén vợ. Một hôm thấy ông cụ già ngồi dưới bóng cây gởi một cuốn sách ra coi, bên mình có một túi chỉ đỏ. Cố hỏi sách gì, thì ông bảo “Tập sổ biên những cặp vợ chồng phải lấy nhau. Khi ta biên tên vợ chồng vào sổ này và lấy hai sợi chỉ hồng ở túi này mà se với nhau, thì dù hai bên giàu nghèo, sang hèn khác nhau thế nào, cũng phải lấy nhau thành vợ chồng.” Cố hỏi đùa ông cụ se tôi lấy ai, thì ông cụ chỉ vào đứa con gái rách rưới bán thiu, mẹ đặt ngồi ở bờ ruộng để mẹ hái rau. Rồi ông cụ biên tên và lấy hai sợi chỉ se với nhau. Cố giận lắm, thuê người giết con bé, và yên trí là con bé đã chết rồi. Sau Cố long đong mãi không tìm được vợ, kết cục vẫn phải lấy người con gái có theo ở mang tai ; và nàng nói lúc bé bị tên giặc chém nhưng may không chết.

[67] *Rây gió mai mưa* = việc đời thay đổi bất kỳ, nay may gặp nhau rồi sau đây không gặp được nữa.

[68] *Dù chǎng* = nếu không.

[69] *Khuôn thiêng* = ông trời. Đây ám chỉ cha mẹ, để trả lời câu Kiều nói “nên chǎng thì cũng tại lòng mẹ cha.” Nhưng không dám nói thẳng là cha mẹ phụ lòng, e bất nhã, phải nói tránh ra là nếu trời phụ lòng.

[70] *Lượng xuân* = độ lượng rộng rãi bao dung mọi người, lấy ý từ câu [春 毓 海 涵 = xuân dục hải hàm = hơi xuân nuôi muôn vật, lòng biển chứa muôn sông]. Ý nói bụng dạ rộng rãi tử tế.

[71] *Chiều xuân* = lòng xuân, do hai chữ xuân tứ [春 思] hay xuân tình [春 情] dịch ra.

[72] *Nét thu* lấy ý từ hai chữ [秋 波 = thu ba = sóng mùa thu] nghĩa là ánh mắt nhìn có tình tứ.

[73] *Tạc đá vàng* = nhận lời một cách trịnh trọng như khắc vào bia đá biển vàng.

[74] *Khăn hồng* = chiếc khăn vuông gói đôi xuyên vàng.

[75] *Trăm năm* = sự kết duyên làm vợ chồng.

[76] *Bả* = lấy hai tay nâng mà đưa lên trao một cách trịnh trọng. Hai tay dâng chén rượu lên mời khách chữ Hán là *bả tửu* [把 酒].

[77] *Quạt hoa quỳ* = cái quạt giấy đẹp Kiều có vẽ hình hoa quỳ (một giống hoa sen thơm đẹp hướng dương) để tỏ lòng lúc nào cũng muốn ngưỡng mộ chàng. *Bả quạt hoa quỳ* = hai tay nâng chiếc quạt hoa quỳ lên mà dâng cho chàng làm kỷ niệm. Nhiều bản Kiều, vì người xuất bản không hiểu chữ bả nên đã đổi cả câu “Sẵn tay bả quạt hoa quỳ” ra là “Sẵn tay khăn gấm, quạt quỳ” thật là vô vị thô lỗ. Họ không biết rằng quạt hoa quỳ và quạt quỳ khác nhau một trời một vực. *Quạt hoa quỳ* như đã nói ở trên, đẹp quý và ý nhị biết bao nhiêu ; còn quạt quỳ (chữ nho gọi là bồ quỳ phiến [蒲 葵 扇]) chỉ là cái quạt làm bằng tàu lá cây bồ quỳ (một loài lá gồi) cắt bỏ những tua lá ở chung quanh đi, hình thành cái quạt tròn tròn. Ai lại đem thứ quạt ấy tặng một tình nhân hào hoa

như Kim Trọng bao giờ ? Lại còn chiếc khăn gấm đỏ nữa, ở đâu ra mà nói là sẵn tay ? Sau lại để đâu, suốt câu chuyện không thấy nói đến cái khăn gấm ấy chút nào nữa.

[78] *Tất giao* – *Tất* [漆] = sơn. *Giao* [膠] = keo. *Tất giao* là hai thứ nhựa để gắn bó rất chắc. Ý nói Kim Kiều thề ước với nhau rất nghiêm trang.

Diễn ra văn xuôi

Câu 243, 244 = Thế mới biết đã là hạng người vào bực hữu tình, thì đồ ai gỡ cho xong được cái mối tơ tình, dù nó rất mong manh.

Câu 245, 246 = Chàng Kim từ lúc về đến phòng học, lúc nào cũng canh cánh nghĩ đến Kiều, không muốn nghĩ đến chuyện gì khác cho khuây nổi nhớ ấy đi.

Câu 247, 248 = Chàng không biết nén hãm lòng sầu nhớ để khuây ngủ đi, lại cứ tung thả mãi ra như giông cương cho con ngựa sầu nhờ nó đuổi theo thì giờ cho đêm chóng sáng. Nhưng càng thức càng mong thì những khắc canh càng thấy chậm chạp dài thêm mãi ra, rõ ràng đúng như câu trong Kinh Thi, tạm dịch : “Một ngày chẳng thấy mặt nhau / coi dài đằng đẵng khác nào ba thu.”

Câu 249, 250 = Chàng nghĩ giờ này nàng đã khóa kín cửa buồng để ngủ rồi, và có lẽ mộng hồn nàng đang tìm đường đi về đây với mình.

Câu 251, 252 = Chàng không sao nhắm mắt ngủ được. Lúc thì ngắm vầng trăng khuyết, lúc thì nhìn đĩa dầu đèn cạn dần. Lúc thì mặt chàng ngẩn ngơ tưởng nhớ đến mặt nàng, lúc thì lòng chàng bất ổn vì không biết lòng nàng có tưởng nhớ chàng, như chàng tưởng nhớ nàng không ?

Câu 253, 254 = Chàng cảm thấy phòng học chàng vắng lạnh như đồng. Chàng muốn viết thơ để tỏ tình nhớ mến, nhưng nghĩ không ra lời, ngọn bút lông chấm mực đã khô đi mà không viết được câu nào. Chàng muốn gảy đàn để tỏ nỗi sầu mong, mà không sao gảy được thành tiếng, như phím dây đàn sửa vận thế nào cũng vẫn chùng mãi.

Câu 255, 256 = Bỗng hơi gió thoảng đến, làm cho những chuỗi suốt tre hoa ở bức màn cửa đung nhau kêu như tiếng đàn ; cho là mộng hồn Kiều đến, chàng vội vàng đốt hương để chào đón và pha trà để mời cùng uống với nhau. Chàng thấy mùi khói hương nồng ngậy lên những mùi thơm như mùi nài mà chàng còn nhớ thoảng thoảng từ chiều hôm qua ; chén trà chàng uống ở trước mộng hồn Kiều, thấy vị trà thật đậm đà, thấm thía đầy giọng tình làm cho khan cả cổ họng chàng.

Câu 257, 258 = Chàng những lo không biết rồi ra có lấy được nàng không, nhưng chàng lại mừng lòng yên chí rằng nếu không có duyên nợ ba kiếp với nhau, thì làm sao mà nàng lại ghé mắt liếc theo chàng một cách tha thiết đắm thắm như trên như ghẹo khi chàng lên ngựa ra về, làm cho chàng phải vương vít tâm tư như vậy ?

Câu 259, 260 = Lòng chàng lúc nào cũng buâng khuâng, nào là nhớ cảnh chiều qua, nào là nhớ mặt nàng, nào là nghĩ đến chỗ tình cờ may mắn gặp nhau. Thế là lúc sáng ra, chàng vội vàng đi ra chỗ đó với đầy lòng si tưởng.

Câu 261, 262 = Nhưng nào có thấy ai ở đó nữa đâu. Chỉ thấy bãi cỏ xanh rì vắng teo và ngòi nước trong veo lặng lẽ chảy, chẳng còn bóng ai chiếu xuống nữa.

Câu 263, 264 = Chàng đứng tàn ngần đó mãi, bỗng thấy gió chiều thổi đến như khiêu gợi nổi sầu và những ngọn lau sậy hiu hắt phát phơ như có vẻ trên ghẹo chế nhạo chàng.

Câu 265, 266 = Riêng cái trò tương tư nó vẫn thế – nhớ thì ít, nhưng nghĩ đến người tình thì nhiều. Càng tưởng càng nhớ quá, chàng nghĩ rằng thế nào cũng phải đến tận nhà nàng thì mới gặp được nàng. Cũng như Bùi Hàng xưa có đến Lam kiều mới gặp được Vân Anh, chàng xăm xăm theo lối đi thẳng đến nhà Kiều.

Câu 267, 268 = Nhưng ôi ! Khi đến nơi, thì chỉ thấy tường cao ngất, cổng đóng kín, trông thật trang nghiêm thăm thẳm, đúng là hết cách nhún đưa tin tức.

Câu 269, 270 = Trên ngọn tường thì có mấy cành liễu lơ thơ như màn che, và mấy con hoàng oanh đang líu lo học nói ở trên cành như có ý mỉa mai chế nhạo chàng.

Câu 271, 272 = Chàng nhòm qua khe cổng, thì chỉ thấy mấy lần cửa đóng gài then cẩn thận và hoa rụng đầy thêm mà chẳng thấy bóng ai.

Câu 273 đến 276 = Chàng đứng ngắm tần ngần suốt một giờ lâu rồi đi dạo quanh khu nhà, thì thấy mé sau khu nhà Kiều có nhà một người lái buôn xa ở mãi vùng Ngô Việt chưa về, nhà vẫn bỏ vắng, buồng không ai ở.

Câu 277, 278 = Chàng bèn mượn cố là du học mà hỏi thuê, rồi đường hoàng thỏ mang túi đàn, mang cặp sách dọn đến ở.

Câu 279, 280 = Nơi nhà này có cây cảnh đẹp, có núi non bộ bằng đá, nhất là lại có mái hiên ngói ngắm cảnh, biển đề là “Lãm Thúy Hiên,” nét chữ thếp vàng còn chưa phai.

Câu 281, 282 = Chàng rất mừng, vì cứ suy ý ba chữ thếp vàng đề ở biển này mà đoán, thì chắc chàng và Kiều đã có duyên trời định từ ba kiếp xưa với nhau rồi. (Chàng suy luận ba chữ Lãm Thúy Hiên cũng có nghĩa “mái hiên để Kim (vàng) vơ (lãm) được Thúy (Kiều).” Xem lời chú giải [32] và lời đính chính câu 281 bên trên.

Câu 283, 284 = Từ ngày đến ở đây, ngày ngày chàng ngồi trong cửa sổ mở hé nửa cánh cửa ra mà ghé mắt trông sang phía tường nhà họ Vương.

Câu 285, 286 = Tuy chỉ gần trong gang tấc, nhưng rõ như động tiên khóa cửa, nguồn đào lấp ló, rõ gần mà hóa xa xôi tí mù, chẳng thấy bóng Kiều ra vào bao giờ.

Câu 287, 288 = Tính từ hôm chàng dọn đến ở nơi nhà thuê này, dần dà đã gần hai tuần trăng rồi.

Câu 289, 290 = Bỗng một hôm trời êm gió mát, tình cờ chàng thấy bên kia tường như có bóng người đi thướt tha dưới cây đào.

Câu 291, 292 = Chàng đương gảy đàn, liền buông cây đàn xuống và vội vàng xốc áo chạy ra, thì người đã đi khỏi rồi, chỉ còn lại mùi nước hoa thơm phức.

Câu 293, 294 = Chàng đi men theo quanh bức tường gấm mà ngó xem, thì bỗng thấy một cảnh kim thoa vương ở trên cành cây đào.

Câu 295, 296 = Chàng liền giơ tay lên, nhấc cao chiếc thoa lên mà lấy đem về. Chàng tự hỏi “Cái của quý ở nơi khuê các này có sao mà lại đến đây ? ”

Câu 297, 298 = “Ngẫm coi, người đẹp sang như thế, mà của quý báu như vậy, nếu mà chẳng có duyên với nhau, thì sao lọt vào tay ta được ? ”

Câu 299, 300 = Rồi lúc nào chàng cũng cầm chiếc thoa trên tay mà ngẫm nghĩ cho đến mãi tối đêm quên cả nằm ngủ, và lúc nào mùi hương trầm chiếc thoa chưa phai cũng thoảng bốc lên làm cho lòng chàng say mê ngủ mãi.

Câu 301, 302 = Ngày hôm sau trời mới mờ sáng, đã thấy bóng người quanh quẩn ra ý tìm tòi ở dưới gốc đào bên kia tường.

Câu 303, 304 = Chàng đã có ý đợi chờ, mới đứng cách mặt bên này bức tường mà đưa lời sang nói để ướm xem lòng người bên kia tỏ ra sao.

Câu 305, 306 = Chàng lên tiếng “Minh bỗng tình cờ bắt được một cảnh kim thoa, muốn trả lại mà chẳng biết là của ai đây !”

Câu 307, 308 = Vừa dứt lời, thì chàng nghe có giọng nói trẻ trung đáng yêu thưa lại ngay rằng “Tôi rất cảm ơn lòng người quân tử chẳng sá gì chút của rơi mà mong trả lại. ”

Câu 309, 310 = “Chiếc thoa của tôi nào có là của đáng mấy mươi đâu, nhưng tấm lòng trọng nghĩa khinh tài của người mới thật đáng quý, không biết bao nhiêu mà kể cho xiết được. ”

Câu 311, 312 = Biết đích xác ý Kiều rồi, chàng đáp lời “Tôi đây vẫn là chỗ hàng xóm láng giềng, ra vào gần đây luôn luôn thôi, chứ nào phải người xa lạ gì đâu ! ”

Câu 313, 314 = “Đã lâu lắm rồi, mãi đến hôm nay, mới nhờ chút cửa roi này mà gặp được nhau, thật là đã làm rầu rĩ thiếu não lòng tôi lắm ! ”

Câu 315, 316 = “Vậy xin cô đừng chân đứng đợi một chút cho tôi được gan hỏi cận kề đôi câu cho hiểu lòng nhau.”

Câu 317, 318 = Rồi chàng vội chạy về nhà lấy thêm đôi xuyên vàng và một vuông khăn là đỏ đem ra.

Câu 319, 320 = Chàng lạnh lẽo sẽ ghé chân vào nét triện mây đắp nổi ở bức tường gấm làm bức mà trèo qua ngọn tường. Sang bên kia rồi, chàng nhận đúng rõ ràng là người hôm nọ.

Câu 321, 322 = Lúc mới, hai người còn sượng sùng giữ ý rụt rè, chàng thì đưa mắt nhìn tận mặt, nàng thì cúi đầu e thẹn.

Câu 323, 324 = Chàng nói “Từ hôm bất kỳ gặp nhau, lòng tôi lúc nào cũng âm thầm mong cô, nhớ cô, rõ thật mệt nhọc quá. ”

Câu 325, 326 = “Người tôi vốn đã gầy như cành mai, lại vì mong nhớ mà hao mòn thêm, lắm lúc như muốn lả xuống. Nhưng may sao trời dun dũi còn có hôm nay được gặp nhau ở đây. ”

Câu 327, 328 = “Suốt cả tháng nay, lòng tôi lúc nào cũng như gửi ở bên cô, tuy không chắc được gặp cô nữa, nhưng tôi vẫn một mực liều thân giữ một niềm, chẳng khác gì anh thợ cày ngày ngày ra ngồi gốc cây mà đợi thờ. ”

Câu 329, 330 = “Nay tiện đây tôi xin hỏi cô có lòng chiếu cố đến kẻ hèn này không ?”

Câu 331, 332 = Kiều thấy chàng hỏi câu hệ trọng quá, khiến lòng nàng rất ngẩn ngơ, mới thưa rằng “Gia đình tôi là một nhà nền nếp trong sạch, trang nghiêm, còn tôi là một gái quê mùa thật thà biết giữ lễ nghĩa. ”

Câu 333, 334 = “Dù có hẹn hò về cuộc tình duyên nữa, thì việc nên hay không nên, cũng phải tùy lòng cha mẹ định liệu. ”

Câu 335, 336 = “Chứ giờ đây vì lòng quân tử quá thương mến tôi mà hỏi tôi như vậy, thì tôi còn trẻ thơ quá, biết đâu mà dám thưa lại !”

Câu 337, 338 = Chàng đáp “Đành vậy, nhưng sự trời nay gió mai mưa, biến đổi khó liệu trước được, dễ đã mấy khi tình cờ gặp nhau vui như thế này. ”

Câu 339, 340 = “Nếu cô không xét soi thấu rõ tấm tình si của tôi, thì thiệt thòi cho tôi quá, mà chẳng ích gì cho ai cả. ”

Câu 341, 342 = “Tôi chỉ xin cô gắn bó với tôi một lời trước thôi, cho tôi được đành lòng yên chí, rồi sau tôi sẽ xin liệu cách tìm người đi lại mới manh đường hoàng, cô chớ ngại. ”

Câu 343, 344 = “Một khi chúng ta đã gắn bó một lời với nhau rồi thì dù ông trời kia có phụ tác lòng thành của chúng ta chẳng nữa, chúng ta cũng đành liều bỏ qua cả cuộc đời xuân xanh của chúng ta, không lấy ai nữa. ”

Câu 345, 346 = “Còn như chính cái độ lượng bao dung của cô như độ lượng vui hòa mùa xuân bao dung cả muôn vật kia, nay nó lại quá hẹp hòi chẳng bao dung tôi, thì chả hóa ra thiệt thòi cho công đeo đuổi của tôi lắm ru !”

Câu 347, 348 = Nàng đứng im lặng nghe lời chàng êm ái như ru. Những lời êm ái như gió xuân đó dễ khiến lòng nàng mê say nao núng lộ ra khóe mắt ngại ngùng, e thẹn ở trước mặt chàng.

Câu 349, 350 = Rồi nàng ngật ngừng ngỏ lời thưa rằng “Trong buổi gặp nhau mới mẻ ta còn lạ lòng nhau này mà để chàng phải nài gạn mãi, em nể lòng chàng lắm, không lẽ nào cảm lòng không nhận lời chàng được. ”

Câu 351, 352 = “Vây em xin thưa, tấm lòng chàng quân tử đã đa mang đến em tha thiết như vậy, thì em xin trân trọng nhận lời sẽ kết nghĩa trăm năm thủy chung với chàng và xin giữ lời này lâu bền như tạc vào bia đá, khắc vào biển vàng.”

Câu 353, 354 = Được Kiều nhận lời, chàng thật hả hê, lòng như được cởi mở ra, liền giở cành kim thoa và gói khăn hồng bọc đôi xuyên vàng cẩn trọng trao tận tay Kiều.

Câu 355, 356 = Và nói “Cuộc trăm năm của đôi ta kể từ hôm nay, và tôi xin nàng nhận cho một chút của này làm kỷ niệm, ghi nhớ mãi mãi.”

Câu 357, 358 = Kiều cũng lấy chiếc quạt nàng có vẽ đóa hoa quỳ cầm sẵn ở tay, và chiếc thoa vừa nhận được, để vào hai bàn tay mà kính cẩn nâng lên ngang mặt trao dâng cho chàng, để đánh đổi lấy đôi xuyên vàng do chàng tặng.

Câu 359, 360 = Hai bên cùng trao lời thề hẹn gắn bó chặt chẽ như keo sơn với nhau vừa xong thì mé sau như có tiếng người xôn xao.

Câu 361, 362 = Thế là vội vàng chia tay nhau, chàng thì về thư phòng, nàng thì về lầu trang.

Những câu hay chữ có ý móc nối

“Cho hay là giống hữu tình / đó ai gỡ mối tơ manh cho xong” là câu rất hay để chuyển tiếp cuộc tương tư của Kiều với cuộc tương tư của Kim Trọng. Tác giả khéo dùng hai chữ “đó ai” vừa để khuyên người đời chớ có để lòng vương vào mối tơ tình mong manh lúc mới mà rồi gỡ khó ra, vừa để khuyên đời chớ trách giống hữu tình vương vào lưới tình như Kim Trọng và Thúy Kiều, chỉ vì một cái “nghe theo” hay “nhác thấy” lúc đầu mà rồi khó gỡ.

“Nỗi nằng canh cánh bên lòng biếng khuây” dùng ý móc nối với nhiều câu ở dưới. Vì chàng băng khuâng nỗi nằng nên mới có sự giọng sầu suốt đêm dài mất ngủ, càng khắc càng chầy, hết ngắm vầng trăng khuyết lại ngắm đĩa dầu hao. Cũng vì thế mới có sự buồn vắng lạnh lẽo, bút khô mực, đàn chùng dây ; mới có sự mơ tưởng mộng hồn nàng đến, đốt hương chào mừng, pha trà cùng uống ; rồi ngày hôm sau mới có sự vội vã ra nơi kỳ ngộ để bị nhìn lau sậy nó kháy trêu, lại xăm xăm đến Lam kiều để bị nghe chim oanh nó mỉa mai.

“Mấy lần khóa kín phòng the / bóng hồng liệu nẻo đi về chiêm bao” móc nối khấn thiết với câu “Mành tương phân phát gió đàn / hương gậy mùi nhớ, trà khan giọng tình” vì chàng Kim tưởng tượng như Kiều đã đóng cửa đi ngủ, cho mộng hồn được lại với chàng nên khi thấy gió làm bức mành tương kêu, chàng cho là mộng hồn Kiều đến thăm mình, nên chàng đốt hương pha trà đón tiếp.

Hai câu “Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu” và “Gió chiều như gọi con sầu” tả lòng Kim Trọng băng khuâng nhớ Kiều, đối lại với hai câu : “Bóng tà như giục con buồn” và “Dưới cầu nước chảy trong veo” tả lòng Kiều băng khuâng nhớ Kim Trọng.

Câu “Lơ thơ tơ liễu buông mành” ở trước nhà Kiều ngầm tả lòng Kim Trọng bức vì những cảnh liễu có thể che khuất bóng Kiều, đối lại với câu “Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha” ngầm tả lòng Kiều trách liễu hình như phát phơ đưa Kim Trọng đi để trêu nàng.

Ở câu “Gió đầu sịch bức mành mành” thì gió thổi mành làm cho Kiều đương mơ tỉnh dậy, mất bóng Đạm Tiên. Ở câu “Mành tương phân phát gió đàn” thì gió thổi mành làm cho Kim Trọng đương tỉnh hóa mơ như thấy mộng hồn Kiều. Ý văn trong hai ngữ cảnh lần lượt tả Kiều và Kim móc nối nhau một cách kỳ diệu.

Vẫn một cảnh “nước trong,” câu “Dưới dòng nước chảy trong veo” thì làm cho Kiều ngẩn ngơ vì không còn bóng chàng Kim cười ngựa qua cầu nữa ; câu “Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu” thì làm cho chàng Kim ngẩn ngơ vì không còn bóng Kiều chiếu xuống dưới nước như hôm qua nữa.

Hai chữ “làm chi” ở câu “Người đâu gặp gỡ làm chi” thì tả lòng Kiều đương mừng bỗng lo ; hai chữ “thì chi” ở câu “Thì chi đem thối khuynh thành trên người” thì làm cho Kim Trọng đương lo hóa mừng.

Hai chữ “nét vàng” ở câu “Có hiên Lãm Thúy nét vàng chưa phai” mới đọc thì tưởng là thừa, chỉ đặt để lấy vần với câu trên, nhưng đâu phải thế – chính chữ vàng này là chữ rất quan trọng trong câu. Lãm Thúy Hiên mà thép vàng, nói ngược lại có phải là Kim Lãm Thúy Hiên không ? Lời nói ngược này có hàm ý “đây là mái hiên nơi chàng họ Kim vợ được nàng Thúy” – một điềm tốt quá sự suy đoán của chàng Kim : chàng chỉ đoán lấy được Thúy chị, có ngờ đâu lấy được cả Thúy em !

CHƯƠNG 08

CÂU 363 ĐẾN CÂU 452

“Vàng đá ân cần, tóc tơ căn dặn”

363. Từ phen đá biết tuổi vàng, [1]
Tình càng thâm thía dạ càng ngẩn ngơ.
365. Sông Tương một dải nông sờ, [2]
Bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia.
367. Một tường tuyết ủm sương che,
Tin xuân đâu dễ đi về cho nắng. [3]
369. Lân lân ngày gió đêm trăng,
Thưa hồng rậm lục đã chùng xuân qua. [4]
371. Ngày vừa sinh nhật ngoại gia, [5]
Trên hai đường dưới nữa là hai em, [6]
373. Tung bùng sắm sửa áo xiêm,
Cần dung một lễ quỳ đem tác thành. [7]
375. Nhà lan thanh vắng một mình, [8]
Ngẫm cơ hội ngộ đã rành hôm nay. [9]
377. Thời trân thức thức sẵn bày, [10]
Gót sen thoăn thoắt dạo ngay mé tường.
379. Cách hoa sẽ dựng tiếng vàng, [11, 12]
Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông :
381. Trách lòng hờ hững với lòng,
Lửa hương chốc để lạnh lòng bấy lâu. [13]
383. Những là đắp nhớ đôi sầu,
Tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa râm. [14]
385. Nàng rằng : “Gió bắt mưa cầm, [15]
Đã cam tộ với tri âm bấy chầy. [16]
387. Vắng nhà được buổi hôm nay,

Lấy lòng gọi chút ra đây tạ lòng !" [17]

389. Lăn theo núi giả đi vòng, [18]

Cuối tường dường có nẻo thông mới rào.

391. Xấn tay mở khóa động đào, [19]

Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên-thai. [20]

393. Mặt nhìn mặt càng thêm tươi,
Bên lời vạn phúc bên lời hàn huyên. [21]

395. Sánh vai về chốn thư hiên,
Góp lời phong nguyệt nặng nguyên non sông. [22]

397. Trên yên bút giá thi đồng, [23]

Đạm thanh một bức tranh tùng treo trên. [24]

399. Phong sương được vẽ thiên nhiên, [25]

Mặn khen nét bút càng nhìn càng tươi. [26]

401. Sinh rằng : "Phác họa vừa rồi, [27]

Phẩm đề xin một vài lời thêm hoa." [28, 29]

403. Tay tiên gió tấp mưa sa, [30]

Khoảng trên dưng bút thảo và bốn câu.

405. Khen : "Tài nhả ngọc phun châu, [31]

Nàng Ban ả Tạ cũng đâu thế này ! [32]

407. Kiếp tu xưa ví chưa dày,
Phúc nào nhắc được giá này cho ngang ?"

409. Nàng rằng : "Trộm liếc dung quang, [33]

Chẳng sân bội ngọc cũng phùng kim môn. [34]

411. Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
Khuôn xanh biết có vuông tròn mà hay ? [35, 36]

413. Nhớ từ năm hãy thơ ngây,
Có người tướng sĩ đoán ngay một lời : [37]

415. "Anh hoa phát tiết ra ngoài, [38]

Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa."

417. Trông người lại ngẫm đến ta,
Một dày một mỏng biết là có nên ?"

419. Sinh rằng : “Giải cầu là duyên,
Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều. [39]

421. Ví dù giải kết đến điều, [40]
Thì đem vàng đá mà liều với thân ! [41]

423. Đủ điều trung khúc ân cần, [42]
Lòng xuân phơi phới chén xuân tàng tàng.

425. Ngày vui ngán chẳng đầy gang,
Trông ra ác đã ngậm gương non đoài. [43]

427. Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai,
Giã chàng nàng mới kíp dời song sa.

429. Đến nhà vừa thấy tin nhà,
Hai thân còn dở tiệc hoa chưa về.

431. Cửa ngoài vội rũ rèm the,
Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình.

433. Nhật thừa gương giọt đầu cành, [44]
Ngọn đèn trông lọt trướng huỳnh hắt hiu. [45]

435. Sinh vừa tựa án thiu thiu,
Dở chiều như tỉnh dở chiều như mê.

437. Tiếng sen sẽ động giấc hòe, [46, 47]
Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần. [48]

439. Bâng khuâng đỉnh Giáp non Thần, [49]
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng.

441. Nàng rằng : “Khoảng vắng đêm trường,
Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa. [50]

443. Bây giờ rõ mặt đôi ta,
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao ?”

445. Vội mừng làm lễ rước vào,
Đài sen nói sáp song đào thêm hương. [51, 52]

447. Tiên thê cùng thảo một trương, [53, 54]
Tóc mây một món dao vàng chia đôi.

449. Vàng trắng vắng vạc giữa trời,

Đình ninh hai mặt một lời song song.
451. Tóc tơ căn vặn tác lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương. [55]

Đính chính và xác định

Câu 367 : “*Một tường tuyết ủm sưng che*” – Câu này nghĩa là chỉ có một bức tường phân cách hai người mà thôi, thế mà sao trông nó có vẻ nghiêm trang lạnh lùng như tuyết ủm, như sưng che mù mịt hết lối thông tin tức. Chữ “ủm” câu này các bản Kiều quốc ngữ bản thì in là “điểm” bản thì in là “trở” hay là “chở”. Đó là vì chữ “ủm” nôm viết là [黓 (âm = tối, tiếng nôm ta đọc trạnh ra là ủm), sau vì khắc đi khắc lại khắc lầm [黓 (ủm) ra [點 (điểm)]. Tôi đã thấy có bản nôm in là [點 (điểm) như vậy. Các nhà xuất bản Kiều quốc ngữ sau, người thì theo nguyên bản nôm dịch là “tuyết điểm sưng che”, người thì thấy “tuyết điểm” vô nghĩa, mới đổi là “tuyết trở sưng che” hay “tuyết đón sưng che” cho có nghĩa. Nhưng “tuyết điểm” vô nghĩa đã đành, mà “trở che” hay “che đón” cũng không đúng nghĩa chỗ này, vì “che chở” có nghĩa là bênh vực, chứ không có nghĩa là che kín đường thông tin tức. Còn “trở che” thì không ai nói, người ta chỉ nói “ngăn trở, ngáng trở, hay cách trở” để tỏ ý ngăn cách. Vậy xin đính chính câu này là “*Một tường tuyết ủm sưng che*” cho thật đúng chữ, đúng nghĩa.

Câu 374 : “*Cần dung một lễ quý đem tấc thành*” – “Cần dung” nghĩa đen là dung một mớ rau cần, nghĩa bóng là nói khiêm dung một lễ què mùa đơn bạc. Hai chữ này lấy điển sách xưa nói có một người trồng được ruộng rau cần, mình ăn thấy ngon, mới mang một mớ to đi biếu quan ; quan ăn chê không ngon, người kia xấu hổ trở về. Sau người ta dùng chữ “cần” để nói khiêm về lễ vật quà cáp của mình cho ai. “Quỳ đem tấc thành” nghĩa là đem tỏ tấm lòng thành kính quý mến như hoa quỳ lúc nào cũng hướng về mặt trời. Tác giả dùng “quỳ đem tấc thành” đối với “cần dung một lễ” thật hay, thật trang trọng, nhưng nghĩa khó hiểu. Người sau không hiểu mới đổi là “*biện dung một lễ, xa đem tấc thành.*”

Câu 376 : “*Ngẫm cơ hội ngộ đã rành hôm nay*” – Chữ “rành” [火+亭] và chữ “đành” [停] các bản Kiều nôm thường khắc là “đành” [停] cả. Suy xét thì chữ này ở câu này phải để là rành mới đúng nghĩa hơn.

Câu 378 : Chữ “mé” và chữ “mái”, chữ nôm cùng viết là [賈]. Câu này các bản quốc ngữ in là “Gót sen thoãn thoắt dạo ngay mái tường” thật là sai nghĩa. Tường làm gì có mái, mà cho là tường có mái đi nữa, thì hóa ra Kiều dạo tới nhảy qua tường chẳng ? Vậy nên phiên âm là “*dạo ngay mé tường*” mới đúng.

Câu 404 : “*Khoảng trên vẩy bút thảo và bốn câu*” – Sách Hán có câu [文不加点一揮而就 = văn bất gia điểm nhất huy nhi tựu = văn không thêm chấm nào, một vẩy bút là xong] để tả thi tài của Hàm Đan Thuần 13 tuổi, vâng lệnh quan thảo bài bia kỷ niệm hiếu nữ Tào Nga. Những bản kiều quốc ngữ viết là “vẩy bút” hay “dùng bút” đều là không biết điển này mà sửa lại thành ra sai nghĩa cả. Bởi vậy cần phải đính chính và xác định lại cho đúng.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Đá biết tuổi vàng* : Ý nói Kim Trọng đã gạn hỏi biết được lòng Kiều rồi, như thể dùng đá thử biết đích xác được vàng mấy tuổi. Trước kia người buôn vàng vẫn dùng một hòn đá màu đen để vạch thỏi vàng lên xem vết vàng ở mặt đá mà nhận biết tuổi vàng là bao nhiêu – vàng nguyên chất là vàng 10 tuổi ; càng pha nhiều đồng thì tuổi càng giảm đi, thí dụ nói vàng 7 tuổi là vàng có pha 3 phần đồng, chỉ có 7 phần là vàng.

[2] *Sông Tương cuối kia* : Hai câu này lấy ý ở bài thơ trong Tình sử:

[君在湘江頭 = quân tại tương giang đầu = chàng thì ở khúc đầu sông tương]

[妾在湘江尾 = thiếp tại tương giang vĩ = thiếp thì ở đoạn cuối sông tương]

[相顧不相見 = tương cố bất tương kiến = cùng ngó nhau mà cùng chẳng thấy nhau]

[同飲湘江水 = đồng ẩm tương giang thủy = chúng ta cùng uống nước sông tương]

[3] *Tin xuân* = thư từ kẻ tâm tình thương nhớ nhau.

[4] *Thưa hồng rậm lục* : *Thưa hồng* = hoa đã ít đi. *Rậm lục* = lá cây đã mọc nhiều và màu xanh thẫm hơn. Lấy ý ở Tây Sương Ký [綠暗紅稀春去也 = lục ám hồng hi xuân khứ dã = lá cây màu xanh đã sẫm, hoa đỏ cây đã thưa, mùa xuân đã đi rồi].

[5] *Sinh nhật ngoại gia* = lễ sinh nhật nhà họ ngoại.

[6] *Hai đường* = cha mẹ. Chữ Hán là *song đường* [双 堂]; *nghiêm đường* [嚴 堂] = cha, *từ đường* [慈 堂] = mẹ; hay *xuân đường* [椿 堂] = cha, *huyền đường* [萱 堂] = mẹ]

[7] *Cần dung* : Xem lời xác định câu 374 bên trên. *Tác thành* = tấm lòng thành kính.

[8] *Nhà lan* = nhà có hoa lan thơm tho tao nhã. Chữ Hán là *lan thất* [蘭 室].

[9] *Hội ngộ* [會 晤] = họp mặt truyện trò với nhau.

[10] *Thì trân* [時 珍] = những đồ ăn ngon quý trong mùa, như các thứ trái cây. *Thức thức* = thứ nọ thứ kia. Câu “Thì trân thức thức sẵn bày” này rất hay, và tác giả tả ý đề phòng tinh tế của Kiều. Trước khi sang hội ngộ với Kim Trọng, nàng sắp sửa việc nhà chu đáo để phòng khi cha mẹ về khỏi ngờ nàng bỏ nhà đi cả ngày. Nàng bày sẵn một bàn bánh trái để khi về, ai cũng tưởng nàng luôn luôn mong đợi cha mẹ và các em. Nhiều nhà chú thích truyện Kiều cho câu này là thừa, đáng bỏ, thật là sai lầm. Ông Nguyễn Khắc Hiếu thì cho là tác giả đặt câu này rồi quên không nói là để làm gì. Ông Trần Trọng Kim thì nói không biết Kiều bày những đồ thì trân đó để làm gì. Một ông Tàu dịch truyện Kiều diễn ra cuốn Thanh Tâm Tài Nhân thì nói là Kiều làm đồ uống rượu để đem sang nhà Kim Trọng, vì tục Tàu cuộc vui phải có đồ ăn uống. Ôi, cái nẻo thông phải rạch ròi mới được lối đi, thì bung qua sao được mâm thì trân thức thức sẵn bày ! Thật rất vô lý, chẳng khác gì ông Hiếu cho là tác giả bỏ quên mâm đó.

[11] *Dấng* = ho một tiếng để làm hiệu trước khi nói.

[12] *Tiếng vàng* = tiếng trong vang êm ái dễ nghe.

[13] *Lửa hương* = cái tình yêu đã thề với nhau, do ba chữ *hương hỏa tình* [香 火 情] dịch ra. Hương hỏa tình là tình khói lửa, vì lúc thề với nhau vẫn thường đốt hương mà cùng thề ở trước trời đất quỷ thần.

[14] *Hoa râm* : Ở Bắc Việt có cây râm, nhị hoa cái trắng cái đen, mọc thành chùm lẫn lộn nhau, nên người tóc dờ bạc dờ đen gọi là *đầu hoa râm*.

[15] *Gió bắt mưa cầm* : Lấy ý từ thơ của Tiền Khởi đời Đường [咫尺愁風雨匡廬不可登 = chỉ xích sâu phong vũ Khuông Lư bất khả đăng = chỉ gần trong gang tấc thôi mà buồn vì mưa gió mà không lên được núi Khuông Lư].

[16] *Cam* = chịu lỗi. *Tri âm* = biết lòng nhau. Theo điển Bá Nha gảy đàn, Chung Kỳ nghe tiếng đàn biết là Bá Nha nghĩ gì khi gảy đàn. Bá Nha liền kết bạn với Chung Kỳ, gọi là *bạn tri âm*.

[17] *Tạ lòng* = tạ lỗi phụ lòng mong đợi nhau.

[18] *Núi giả* = núi chát bằng đá làm cảnh ở trong vườn.

[19] *Động đào* = cảnh tiên.

[20] *Thiên thai* = tên một ngọn núi ở tỉnh Chiết giang bên Tàu, phong cảnh rất đẹp. Tương truyền đời nhà Hán có Lưu Thần và Nguyễn Triệu vào núi Thiên thai hái thuốc thì gặp hai nàng tiên, lưu lại ở đó nửa năm rồi xin về thăm nhà. Khi về đến nhà thì ra đã được 7 đời người rồi !

[21] *Vạn phúc* [萬福] = lời đàn bà chào ai, tỏ ý chúc mừng. *Hàn huyên* [寒暄] = lời đàn ông chào ai, tỏ ý hỏi thăm sức khỏe, lạnh (= hàn) hay ấm (= huyên) thế nào.

[22] *Góp lời phong nguyệt* có nghĩa đen là kể những câu thơ vịnh gió thương trăng, và nghĩa bóng là nói đến những chuyện tình tứ vui vẻ với nhau.

[23] *Bút giá* = cái giá để gác bút. *Thi đồng* = cái ống để đựng những bài văn, thơ viết vào giấy cuộn lại. *Bút giá, thi đồng* là hai thứ trang sức bày trên án thủ của một văn sĩ.

[24] *Đạm thanh* = lối vẽ bằng mực nhạt lỏng (thủy mặc). *Tranh tùng* = tranh vẽ cây thông.

[25] *Phong sương* = đã chịu nhiều phen gió bão to, sương tuyết lạnh. Người xưa quý cây thông vì nó đứng thẳng, cao, vững, lại chịu được sương tuyết mùa đông vẫn xanh tốt. Nó được ví như người quân tử khí khái thẳng thắn.

[26] *Mặn khen* = khen một cách nồng nhiệt.

[27] *Phác họa* = vẽ một cách thô sơ lấy hình đại khái, chưa tô điểm cẩn thận. Ý nói khiêm là vẽ thô vụng.

[28] *Phẩm đề* = đề một bài thơ phê vịnh khen ngợi khéo đẹp thế nào.

[29] *Thêm hoa* = làm cho đẹp thêm lên, như vẽ thêm hoa vào tấm gấm, lấy điển ở bốn chữ [錦上添花 = cảm thượng thiêm hoa = thêm hoa trên gấm].

[30] *Gió táp mưa sa* = đưa bút nhanh như gió và nét mực đi đến đâu như mưa tưới hoa đến đó.

[31] *Nhả ngọc phun châu* = ý thơ đã hay như nhả ngọc ở trong lòng ra, lời thơ lại đẹp như phun ngọc ở trong miệng ra.

[32] *Nàng Ban Chiêu* [班昭] đời Hán, và *ả Tạ Đạo Uẩn* [蔡道飮] đời Tấn, đều là những tài nữ nổi tiếng thông minh ngay từ lúc nhỏ. Ban Chiêu được vua Hán vời vào cung dạy hoàng hậu và cung phi ; nàng vào đó tra khảo sách vở tiếp tục làm xong bộ sử của anh là Ban Cố. Nàng Tạ Đạo Uẩn thì bàn văn thơ khiến nhóm văn sĩ trừ danh phải phục.

[33] *Dung quang* = hình dạng với màu sắc và vẻ thông minh hiện ra ở mặt. *Liếc dung quang* = xem tướng mặt.

[34] *Ngọc bội* : Sách Lễ Ký có câu [君子佩玉 = quân tử bội ngọc = người quân tử đeo ngọc] để tỏ ý phải giữ đức hạnh mình trong quý như ngọc. *Sân ngọc bội* là nơi những người đeo ngọc tức là nơi triều đình, vì các quan vào chầu vua đều có đeo ngọc trước bộ áo chầu. *Kim môn* : Vua Hán Vũ đế bắt được con ngựa thần, sai đúc tượng ngựa đồng để ở trước cửa cung Vị ương, gọi cửa đó

là Kim mã môn hay là Kim môn (cửa ngựa vàng). Các quan học sĩ phải ngồi ở trong nhà gần Kim môn để đợi lệnh vua sai khiến. *Phường Kim môn* hàm ý hạng quan văn học giỏi.

[35] *Khuôn xanh* = khuôn thiêng = ông trời.

[36] *Vuông tròn* = cho được nên vợ nên chồng tử tế.

[37] *Tướng sĩ* [相 士] = thầy xem tướng người.

[38] *Anh hoa phát tiết* [英 華 發 洩] = về thông minh tài hoa tiết lộ ra ngoài quá = tướng xấu, nhất là về phần con gái.

[39] *Nhân định thắng thiên* [人 定 勝 天] = người ta cứ quyết tâm mà làm cho kỳ được, thì có thể thắng được số trời].

[40] *Giải* [解] = gỡ ra. *Kết* [結] = nút oan nghiệp. *Giải kết* là lời đọc bùa ếm để gỡ ra những nút oan nghiệp cho khỏi gặp những tai vạ sau này. Tục ta xưa, trước khi nói một câu chẳng lành (thí dụ “chắc gì sẽ nên duyên”), thì thường nói ếm trước rằng “nói *giải kết* đổ đi, nếu sau này có xảy ra sự ngang trái làm cho đôi ta không lấy được nhau, thì quyết giữ lòng bền vững như vàng đá mà liều bỏ một đời không lấy ai nữa.”

[41] *Đem vàng đá mà liều lấy thân* : Xem câu chú thích [40] bên trên.

[42] *Trung* [衷] = những điều ở trong lòng. *Khúc* [曲] = những điều kín đáo chứa ở một nơi khuất khúc trong lòng. *Trung khúc* = những tâm sự rất thật.

[43] *Ngâm gương non đoài* = mặt trời đã lặn xuống bên kia dãy núi phía tây. Lấy ý từ câu thơ cổ [西山欲含半边日 = tây sơn dục hàm bán biên nhật = núi phía tây muốn ngâm kín nửa vàng mặt trời].

[44] *Gương gội đầu cành* lấy ý từ câu thơ cổ [月明才上柳梢頭 = nguyệt minh tài thượng liễu đầu = sáng trăng vừa mới lên tới ngọn cây liễu].

[45] *Trướng huỳnh* = màn đom đóm. Đời xưa Trác Dận [卓胤] nhà nghèo không có tiền mua dầu đèn, phải bắt đom đóm làm đèn học đêm mà thành tài, cho nên người sau mới nói *trướng huỳnh* với ý nghĩa buông học.

[46] *Tiếng sen* = tiếng chân Kiều đi. Đời Nam Bắc Triều, Đông Hôn Hầu, lúc còn làm vua nước Nam Tề, yêu nàng Phan Phi, giắt vàng thành hình hoa sen ở nền buồng cho nàng đi lên, và cười nói “mỗi bước chân nàng đi sinh ra một hoa sen vàng.” Người sau mới dùng chữ *sen vàng* hay *gót sen* để chỉ chân đàn bà đi.

[47] *Giác hòe* = giấc mơ ngủ. Truyện xưa kể Thuần Vu Phần [淳于焚] nằm ngủ ở góc cây hòe, mơ thấy được vua vời làm phò mã, được phong làm chúa tể ở đất Nam Kha [南柯] (cành phía nam). Chàng làm chúa vinh hiển hơn 20 năm, bỗng được tin cấp báo có con rồng vào phá kinh đô. Công chúa yêu cầu chàng về cứu vua, chàng giật mình tỉnh dậy thì thấy một con rắn lớn đương phá một cái tổ kiến to ở trên giữa ngọn cây, mà mình thì nằm ngủ ở dưới bóng cành phía nam. Chàng liền trèo lên đánh chết rắn để cứu đàn kiến. Văn sĩ sau lấy điển này mà gọi mơ ngủ là *giác hòe*.

[48] *Bóng trăng đã xé hoa lê lại gần* lấy ý từ hai câu thơ cổ [月移花影玉人来 = nguyệt di hoa ảnh ngọc nhân lai = trăng đưa bóng hoa và người mặt ngọc lại] • [月移梨影上栏杆 = nguyệt di lê ảnh thượng lan can = trăng đưa bóng hoa lê lên bức lan can].

[49] *Đỉnh Giáp, Non Thần* : Vua Tương Vương [襄王] nước Sở đi du lịch, đến dãy thác Vu Hiệp [巫峡] (ta thường đọc là Vu Giáp) ở sông Tràng Giang (tỉnh Tứ Xuyên) nằm mơ thấy một người đàn bà đẹp lại chơi. Vua hỏi là ai, thì nàng nói “Thiếp là gái thần ở đỉnh núi Vu Giáp này, sớm làm mây, tối làm mưa, sớm sớm tối tối lúc nào cũng ở dưới núi Dương Đài.” *Non Thần* tức là *Vu Sơn*, chỗ thần nữ này ở.

[50] *Đánh đường* = vừa đi vừa dò đường vì đêm tối.

[51] *Đài sen* = cây đèn bằng đồng hình hoa sen để cắm nến.

[52] *Song đào* là cái lư hương bằng đồng để đốt trầm hương, hình quả đào to, trên nắp có trổ lỗ thông khói giống hình cửa sổ có trần song. Câu tả cây đèn lư hương này thật tài, thật hay, lời lẽ thật đẹp, hai vế đối thật chỉnh : đài sen đối với song đào, núi sáp đối với thêm hương. Ý lại rất đầy đủ, tả rõ được hình đèn hình lư rất đúng, rất đẹp, rất trang trọng lịch sự, đáng bày làm bàn thờ cúng thờ. Chỉ nỗi lời đặt vấn tất câu kỳ nên “song đào” các bản Kiều đều giảng nghĩa sai lầm. Bản thì cho song đào là cửa sổ ngoài có trồng cây đào. Ôi, nếu là cửa sổ thì thêm hương vào đâu ? Bản của hai ông Kim và Kỳ thì đổi song đào thành lò đào vì có chữ đào lò [桃 炉], nhưng lại giảng đào lò là lò hương hình hoa đào ! Thật ra chỉ thấy lư hương đúc hình quả đào thì nhiều mà không thấy lư hương, đỉnh hương làm hình hoa đào bao giờ.

[53] *Tiên thê* = tờ văn tế viết lời thê.

[54] *Thảo* = viết.

[55] Chữ *đồng* ở đây thay cho thành ngữ *đồng tâm kết* [同心結]. Lẽ xưa, khi trai gái thuận tình lấy nhau, thì bên trai đưa cho bên gái 2 giải lụa đẹp để cô gái kết một nút đẹp nối hai dải với nhau thành một dải dài giữa có nút “đồng tâm” đó.

Diễn ra văn xuôi

Câu 363, 364 = Từ hôm hai bên đã hiểu thấu lòng nhau rồi, tình yêu nhau càng thấm thía, và lòng nhớ nhau càng tha thiết ngẩn ngơ.

Câu 365, 366 = Hai bên ở rất gần nhau, lúc nào cũng trông ngóng nhau mà không sao được thấy mặt nhau.

Câu 367, 368 = Chỉ có một bức tường xoàng thôi, mà sao trông nó thâm nghiêm lạnh lẽo như sương che tuyết úm kín mít nhà nhau, chẳng sao năng đưa tin tức làm vui lòng nhau được.

Câu 369, 370 = Ngày ngày chỉ những lần lửa, ngày hóng gió, đêm ngắm trăng, thấm thoát đã hết xuân sang hè, hoa cây thưa ít dần, lá cây mau rụng dần.

Câu 371 đến 374 = Một hôm gặp ngày có lễ mừng sinh nhật ở nhà bên ngoại Kiều, trên thì hai cha mẹ, dưới thì hai em, đều nhộn nhịp sắm sửa quần áo chỉnh tề và đem đồ lễ đi chúc mừng tỏ lòng kính mến.

Câu 375, 376 = Được hôm cả nhà đi vắng, Kiều ở nhà thanh thoi có một mình ; nàng mừng lòng hôm nay rõ ràng là ngày được họp mặt truyện trò với chàng.

Câu 377, 378 = Khi cả nhà đi rồi, nàng liền dọn dẹp cửa nhà đồ đạc cho chỉnh tề và bày sẵn các thứ quà bánh hoa quả đương mùa lên bàn ăn, để phòng khi lên hội ngộ lâu quá, về không kịp bày để chào mời cha mẹ, và cũng để khỏi ai ngờ mình bỏ nhà đi cả buổi. Khi sắp sửa bày biện xong cả rồi, nàng mới đi ra nẻo mé tường nhanh thoăn thoắt.

Câu 379, 380 = Nàng đứng ở cách chòm hoa mà dăng lên một tiếng làm hiệu, thì thấy ở bên kia đã có chàng đứng đợi ở dưới gốc hoa.

Câu 381, 382 = Chàng sẽ tỏ lời trách yêu “Sao mà lòng cô quá hững hờ với lòng tôi như vậy ? Sao mà nỡ để duyên hương lửa bỗng lạnh lùng đi bấy nhiêu lâu ? ”

Câu 383, 384 = “Làm cho tôi những đắp nhớ nợ lên nhớ kia, hết sâu này đến sâu nữa, đầu tóc tôi đã bị màu lạnh lùng sương tuyết đó nhuộm trắng một nửa, thành mái tóc hoa râm. ”

Câu 385, 386 = Nàng tươi cười xin lỗi “Vì phải giữ gìn như mưa gió hãm chân, không sao qua lại gặp nhau được, xin đành chịu lỗi như tệ bạc với bạn tri âm bấy lâu.”

Câu 387, 388 = “Hôm nay được dịp cả nhà đi vắng, phải vội vàng đem tấm lòng thành này sang tạ tấm lòng mong nhớ nhau của chàng. ”

Câu 389, 390 = Nàng mới đi vòng quanh hòn núi non bộ, thấy chỗ cuối tường hình như có lối thông qua sang bên kia mà mới rào lại.

Câu 391, 392 = Nàng bèn xắn tay áo cho gọn mở chỗ rào ra và rẽ rộng cỏ cả hai bên thì thấy rõ ngay lối đi sang ; nàng vui mừng quá, chẳng khác gì hai chàng Lưu, Nguyễn rẽ ra được đám mây mà thấy được lối vào thiên thai mà gặp tiên nữ.

Câu 393, 394 = Hai bên nhìn mặt nhau rất vui tươi, nàng chào chúc chàng được vạn phúc, chàng thì chào chúc nàng được an khang.

Câu 395, 396 = Chàng nàng đi ngang vai nhau về chỗ hiên đọc sách, vừa đi vừa góp những chuyện vịnh gió thương trăng cho vui, và nhắc lại những câu chỉ sông chỉ núi mà thề cho tình thêm nặng.

Câu 397, 398 = Trong hiên có cái án thư bày những giá bút và ông đựng những cuộn giấy chép văn thơ ; phía trên giá bút ông thơ có treo một bức tranh cây thông vẽ lối thủy mặc.

Câu 399, 400 = Bức tranh vẽ khéo rõ được vẻ già cứng tự nhiên như thật của cây thông đã trải qua nhiều năm sương gió. Nàng ngắm mãi và tỏ lời mạn mà khen nét vẽ rất khéo, càng nhìn càng thấy vẻ tươi đẹp ưa nhìn.

Câu 401, 402 = Chàng nói “Tranh này tôi mới vừa vẽ phác qua xong. Nhân tiện xin cô để một vài lời phẩm bình cho thêm đẹp, như gắm thêm hoa.”

Câu 403, 404 = Nàng nhận lời, và bàn tay đẹp nõn nà của nàng cầm bút vẩy múa một mạch, nhanh như gió táp mưa sa, thảo xong một bài thơ bốn câu ba vần ở trên bức tranh đó, lời thơ rất hay, chữ viết rất tốt.

Câu 405, 406 = Chàng rất tán phục, khen ngợi “Thật là tài nhả ngọc phun châu, dẫu nàng Ban, ở Tạ thuở xưa cũng chỉ tài đến thế này mà thôi.”

Câu 407, 408 = “Nếu kiếp trước tôi tu chưa được đầy đặn, thì kiếp này tôi lấy phúc đâu để mà cân được thăng bằng với tài to giá nặng của cô ?”

Câu 409, 410 = Kiều đáp “Thiếp đã liếc trộm coi vẻ mặt chàng thấy tướng chàng rất tốt, nếu sau này không làm quan to chức trọng nơi triều đình, thì cũng thành bực văn thần nổi danh ở tòa Kim môn.”

Câu 411, 412 = Rồi nàng có vẻ lo buồn và nói tiếp “Thiếp nghĩ đến cái số phận của thiếp chỉ mong manh như thể cánh chuồn, chẳng biết rồi ra trời có cho được vương tròn duyên phận với chàng không ?”

Câu 413 đến 416 = “Thiếp còn nhớ từ hồi thiếp còn trẻ thơ, có người thầy tướng đoán ngay tướng thiếp rằng : con gái mà bao nhiêu phần anh hoa phát tiết ra ngoài hết cả, xưa nay bao giờ cũng mệnh bạc, chỉ sống uông đời tài hoa thôi.”

Câu 417, 418 = “Nay thiếp trông tướng phúc hậu của chàng, lại nghĩ đến tướng thiếp như vậy, thật là một dày một mỏng khác nhau, chẳng biết có nên vợ nên chồng được không ?”

Câu 419, 420 = Chàng nói để khuyên nàng cứ vững dạ chớ lo “Tình cờ ta được gặp nhau như thế này, chắc là có duyên rồi, và lại từ xưa đến nay, nhiều cuộc người ta nhất định quyết chí làm, đã thắng được số trời định rồi.”

Câu 421, 422 = “Nói đại, giải kết đồ đi, nếu có xảy ra sự gì ngáng trở, thì ta cứ vững lòng cương quyết một niềm bền chắc như vàng như đá mà liều với thân cũng chẳng tiếc ngại gì cả.”

Câu 423, 424 = Hai bên bày tỏ tâm sự với nhau thật đủ điều và nhủ bảo nhau rất ân cần khẩn thiết, lòng xuân tươi vui phơi phới như cờ bay trước gió, rượu xuân mời nhau vui uống tâng tâng say say.

Câu 425, 426 = Ngày vui sao quá ngắn như chẳng đầy một gang tay, bỗng trông ra sân đã thấy mặt trời lặn xuống núi phía tây chỉ còn một nửa gương tròn.

Câu 427, 428 = Vì nhà vắng, ngồi mãi không tiện, nàng mới từ giả chàng ra về.

Câu 429 đến 432 = Nàng về đến nhà thì được tin ông bà còn dở tiệc chưa về. Nàng liền buông bức màn the ở cửa ngoài xuống, rồi một mình vội đi thẳng ra nẻo vườn lúc tối khuya.

Câu 433, 434 = Lúc đó trăng mới mọc, ánh sáng chiếu lên dần các cành cây chỗ mau chỗ thưa, nàng trông phía thư phòng chàng thì vẫn còn thấy ngọn đèn hắt hiu trước gió.

Câu 435, 436 = Chàng còn ngồi tựa án thư, vừa mới thiu thiu buồn ngủ, dờ tỉnh dờ mê, thì tiếng chân Kiều làm cho chàng tỉnh dậy và thấy nàng ở trước bóng trăng tiến lại gần mình như cánh hoa lê được bóng trăng đưa đến.

Câu 439, 440 = Chàng vẫn còn buâng khuâng như giấc mộng xuân, thấy nàng mà còn ngờ, như Sở tương vương thấy thần nữ núi Vu trong giấc mơ ngủ ở đỉnh non Giáp.

Câu 441 đến 444 = Thấy chàng tưởng là gặp mình trong giấc mộng, nàng có ý lo ngại là điềm gở, nàng mới nói “Trong giờ vắng vẻ khuya khoắt này, vì quý mến chàng quá, nên phải liều thân lần từng bước đường mà tìm lại nhau. Bây giờ thì thật là rõ mặt đôi ta lúc tỉnh. Nhưng ôi, chắc đâu lúc này chỉ là một giấc mơ ?”

Câu 445, 446 = Bây giờ chàng mới thật sự tỉnh và mừng lắm, vội đứng dậy chào đón nàng vào, đốt thay cây nến khác ở trên cây đèn hình hoa sen, và bỏ thêm trầm đốt vào cái lư hương hình quả đào, nắp trở hình cửa sổ.

Câu 447, 448 = Rồi hai người sắp sửa làm lễ thề với nhau, lấy giấy hoa tiên cùng viết một bài văn thề, lấy kéo cắt một món tóc trên mái đầu, chia làm đôi mỗi người giữ một nửa.

Câu 449, 450 = Lúc đó đã nửa đêm, vầng trăng giữa trời sáng vàng vạc. Hai người cùng ra sân lấy vầng trăng làm chứng cuộc thề, rồi hai miệng một lời cùng đọc.

Câu 451, 452 = Lời thề kẻ căn vặn tác lòng từng ly từng tí và gấn bó mối duyên tơ tóc với nhau thật bền chặt, thề tạc một chữ “đồng” vào tận xương để kết nghĩa trăm năm với nhau.

Những câu hay chữ có ý móc nối

Câu 388 Kiều nói “Lấy lòng gọi chút ra đây tạ lòng” : Hai chữ lòng này ứng với hai chữ lòng ở câu 381 Kim nói “Trách lòng hờ hững với lòng.”

Câu 385 “Nàng rằng gió bắt mưa cầm / đã cam tộ với tri âm bấy chầy” để Kiều vừa trả lời vừa xin lỗi câu 386 Kim Trọng nói “Những là đắp nhớ đôi sầu / tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa râm.”

Thi cảnh này thật là hay quá – lấy ý bóng bẩy gió mưa đáp lại ý bóng bẩy tuyết sương thật là thanh nhã tài tình và lấy cam tê để giải khuây nỗi đáp nhớ đôi sầu thật là gọn gàng, đầy đủ tình tứ, há được lòng nhau. Hai chữ “gió mưa” câu này còn có ý móc nối bóng bẩy với hai chữ “tuyết sương” ở câu 367 “Một tường tuyết ủm sương che.”

Trong câu 417 “Trông người lại ngẫm đến ta”, trông người thì ứng với trôm liếc dung quang, ngẫm đến ta thì ứng với Nhớ từ năm hã thơ ngây / có người tương sĩ đoán ngay một lời.

Biết là có nên ở câu 418 “Một dầy một mỏng biết là có nên” nhắc lại ý lo nghĩ ở câu 412 “Khuôn xanh biết có vuông tròn mà hay.”

Đoạn tả Kiều vì ảnh hưởng hồn Đạm Tiên hiện ra gió cuốn cờ buổi chiều, mà tối ngồi tựa triện thiu thiu thấy hồn Đạm Tiên lại tưởng là người thật, lúc gió làm tỉnh dậy thì còn như ngủ thấy mùi hương thừa. Trái lại đoạn tả Kim Trọng vì ảnh hưởng ban ngày được hội ngộ với Kiều, tối đến ngồi tựa án mơ mơ màng màng như vẫn ngồi với Kiều, khi tiếng chân Kiều đi làm chàng tỉnh, thì chàng thấy Kiều thật lại tưởng là thấy mộng hồn nàng mà ngơ ngẩn nhìn. Tả hai cuộc ngủ ngồi thì giống nhau : Kiều thì vì ảnh hưởng làm cảm động mà ngủ, rồi lại gió làm tỉnh dậy. Kim thì vì ảnh hưởng Kiều làm say sưa mà ngủ, rồi lại tiếng chân Kiều đi làm tỉnh dậy. Nhưng sự mơ tưởng trong giấc mộng thì khác hẳn nhau. Kiều thì tưởng mơ là thật, khi tỉnh ra vẫn ngẩn ngơ tìm Đạm Tiên. Kim thì buâng khuâng biết là giấc mơ, nên tỉnh rồi thấy Kiều thật lại vẫn tưởng là bóng Kiều mơ. Kết cục giấc ngủ ngồi thiu thiu của nàng và giấc mơ màng ngủ ngồi của chàng đều báo điềm không hay cho Kiều, khiến nàng phải ngẫm nghĩ lo buồn.

Câu 433 “Nhật thừa gương giọt đầu cành” rất khẩn thiết với đoạn trên. (1) Nó cho ta biết hôm đó là giữa tháng, tối trăng mới mọc ; lúc Kiều lại sang nhà Kim Trọng, thì bóng trăng chỉ mới soi chéo lên ngọn cây nên nàng phải đánh đường tìm hoa ở dưới bóng cây. (2) Lúc nàng lại đến nhà Kim Trọng, trăng còn ở sau lưng nàng, nên Kim Trọng thấy “Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần.” (3) Lúc hai bên làm lễ thề là nửa đêm, trăng tròn đứng ở giữa trời. (4) Lúc gần sáng hôm sau thì trăng đã xế xuống ngang đầu mái nhà khi có gia đồng gọi cửa làm tan cuộc hội ngộ. (5) Lúc chàng lên sang từ già Kiều để về đi hộ tang, thì trăng đã sắp lặn nhưng chàng còn kịp trở trăng mà nói “Trăng thề còn đó tro tro / dăm xa xôi mặt mà thừa thốt lòng.” Tác giả khéo tả đúng đủ vị trí mặt trăng từng giờ đêm rằm đó. Thế là từ tối đến sáng cái đêm hôm đó, sự biến chuyển to nhất giữa cuộc

tình duyên Kim Kiều, mặt trăng đã chứng kiến tất cả các chi tiết từ cuộc đắm thắm vui tươi nhất cho đến cuộc tan rã buồn thương rồi hóa đau thương suốt đời.

CHƯƠNG 09

CÂU 453 ĐẾN CÂU 568

“Ngán khúc tiêu tao, trọng lời đoan chính”

453. Chén hà sánh giọng quỳnh tương, [1, 2]

Dải là hương lộn bình gương bóng lồng. [3, 4]

455. Sinh rằng: “Gió mát trăng trong,

Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam.

457. Chày sương chưa nện cầu Lam, [5]

Sợ lần khân quá ra sàm sỡ chẳng?” [6, 7]

459. Nàng rằng: “Hong diệp xích thẳng, [8]

Một lời cũng đã tiếng rằng tương tri.

461. Đùng điều nguyệt nọ hoa kia. [9]

Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai. ”

463. Rằng: “Nghe nổi tiếng cầm đài, [10]

Nước non luống những lắng tai Chung Kỳ.” [11]

465. Thừa rằng: “Tiện kỹ sá chi, [12]

Đã lòng dạy đến dạy thì phải vâng. ”

467. Hiên sau treo sẵn cầm trăng, [13]

Vội vàng Sinh đã tay nâng ngang mảy.

469. Nàng rằng: “Nghề mọn riêng tây, [14]

Làm chi cho bận lòng này lắm thân!”

471. So dần dây vũ dây văn, [15]
Bốn dây to nhỏ theo vần cung thương. [16]
473. Khúc đầu Hán Sở chiến trường,
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau. [17]
475. Khúc đầu Tư mã Phụng cầu, [18]
Nghe ra như oán như sầu phải chăng!
477. Kê Khang này khúc Quảng Lăng, [19]
Một rằng Lưu thủy hai rằng Hành vân. [20]
479. Quá quan này khúc Chiêu quân, [21, 22]
Nửa phần luyện chúa nửa phần tư gia.
481. Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời. [23]
483. Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa. [24]
485. Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi đó cũng ngơ ngẩn sầu. [25]
487. Khi tựa gối khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc khi chau đôi mày. [26]
489. Rằng: “Hay thì thật là hay,
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào!
491. Lựa chi những bậc tiêu tao, [27]
Dột lòng mình lại nao nao lòng người?” [28]
493. Rằng: “Quen mặt nét đi rồi,

Tẻ vui thôi cũng tính trời biết sao!
495. Lời vàng vâng lĩnh ý cao, [29]
Họa dần dần bớt chút nào được không. ”
497. Hoa hương càng tỏ thức hồng, [30]
Đầu mày cuối mắt càng nồng tấm yêu.
499. Sóng tình dường đã xiêu xiêu,
Xem trong âu yếm có chiều lả loi.
501. Thưa rằng: “Đừng lấy làm chơi, [31]
Dễ cho thưa hết một lời đã nao! (32)
503. Vẻ chi một đóa yêu đào, [33]
Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh. [34]
505. Đã cho vào bậc bố kinh, [35]
Đạo tông phu lấy chữ trinh làm đầu. [36]
507. Ra tuồng trên bệc trong dâu, [37]
Thì con người ấy ai cầu làm chi!
509. Phải điều ăn xối ở thì, [38]
Tiết trăm năm nữ bỏ đi một ngày! [39]
511. Ngẫm duyên kỳ ngộ xưa nay,
Lửa đôi ai lại đẹp tày Thôi Trương. [40]
513. Mây mưa đánh đổ đá vàng, [41]
Quá chiều nên đã chán chường yến anh.
515. Trong khi chấp cánh liền cành, [42]
Mà lòng rẽ rúng đã dành một bên.

517. Mái tây để lạnh hương nguyên, [43]

Cho duyên đắm thắm ra duyên bề bàng.

519. Gieo thoi trước chẳng giữ giàng, [44]

Đề sau nên thẹn cùng chàng bởi ai? [45]

521. Vội chi liễu ép hoa nài,

Còn thân ắt lại đền bồi có khi!”

523. Thấy lời đoan chính dễ nghe, [46]

Chàng càng thêm nể thêm vì mười phân.

525. Bóng tàu vừa lạt vè ngân, [47]

Tin đâu đã thấy cửa ngăn gọi vào.

527. Nàng thì vội trở buồng thêu, [48]

Sinh thì dạo gót sân đào vội ra.

529. Cửa sài vừa ngỏ then hoa, [49]

Gia đồng vào gửi thư nhà mới sang. [50]

531. Đem tin thúc phụ từ đường, [51, 52]

Bơ vơ lữ thán tha hương đề huề. [53]

533. Liêu dương cách trở sơn khô, [54]

Xuân đường kíp gọi sinh về hộ tang. [55]

535. Mãng tin xiết nổi kinh hoàng,

Băng mình lên trước đài trang tự tình. [56]

537. Gót đầu mọi nổi đình ninh,

Nổi nhà tang tóc nổi mình xa xôi:

539. “Sự đâu chưa kịp đôi hồi, [57]

Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ,

541. Trăng thề còn đó tơ tơ,

Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng.

543. Ngoài nghìn dặm chốc ba đông, [58]

Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy!

545. Gìn vàng giữ ngọc cho hay, [59]

Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời.”

547. Tai nghe ruột rối bời bời,

Nhịn ngừng nàng mới giải lời trước sau: [60]

549. “Ông tơ gàn quải chi nhau,

Chưa vui sum họp đã sầu chia phôi!

551. Cùng nhau trót đã nặng lời,

Dẫu thay mái tóc dám đời lòng tơ! [61, 62]

553. Quán bao tháng đợi năm chờ,

Nghĩ người ăn gió nằm mưa xót thâm. [63]

555. Đã nguyên hai chữ đồng tâm,

Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai. [64]

557. Còn non còn nước còn dài,

Còn về còn nhớ đến người hôm nay!”

559. Dừng dằng chưa nở rời tay,

Vàng đông trông đã đứng ngay góc nhà.

561. Ngại ngừng một bước một xa,

Một lời trân trọng châu sa mấy hàng.

563. Buộc yên quây gánh vợi vàng, [65]

Mối sầu xẻ nửa bước đường chia hai. [66, 67]

565. Buồn trông phong cảnh quê người,

Đầu cành quỳên nhạt cuối trời nhận thưa. [68]

567. Nỗi người cũ gió tuàn mưa, [69]

Một ngày nặng gánh tương tư một ngày.

Đính chính và xác định

Câu 526 “*Tin đâu đã thấy cửa ngăn gọi vào*” – Chữ “gọi” câu này có bản Kiều in là “gõ” e không hợp ý nghĩa với chỗ này, vì cửa ngăn chỉ là thứ cửa làm tạm để phân cách địa giới bằng những thanh gỗ thưa thớt, làm gì có cánh gỗ tử tế mà gõ, chỉ đứng ngoài gọi thì rất dễ vì rất thoáng, trông rất rõ.

Câu 548 “*Nhịn ngừng nàng mới giải bày trước sau*” – “Nhịn ngừng” là nén lòng cảm động lo buồn muốn khóc của mình đi, để giải bày rành rõ mọi điều và cũng để làm ra vẻ bình tĩnh mà yên ủi lòng chàng. Đặt chữ “nhịn ngừng” vào đây thật xác đáng thâm thúy tỏ được lòng Kiều vừa thương tình Kim Trọng, vừa lo buồn muốn khóc cho số phận trắc trở của mình. Những bản đổi chữ “nhịn ngừng” ra “ngập ngừng” thật là sai lầm vô nghĩa. Vậy xin xác định lại cho rõ. Lại có bản phiên âm lầm chữ “nhịn” ra “nhận” e vô nghĩa.

Câu 560 “*Vùng đông trông đã đứng ngay góc nhà*” = mặt trời đã mọc lên ngang với góc mái nhà. Những bản phiên âm chữ “góc” ra “nóc” e làm quá, vì Kim Trọng lên sang với Kiều để báo tin và dặn dò mọi điều thì chỉ kịp ở nhà Kiều chốc lát rồi đi, có đâu dám ở lại lâu đến lúc “vùng đông trông đã đứng ngay nóc nhà” tức là lúc trời đã gần trưa rồi.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Chén hà* = chén làm bằng thứ ngọc thạch hồng như màu ráng buổi chiều lúc mặt trời sắp lặn. Chữ Hán là *hà bôi* [霞杯]. *Hà* = ráng . *Bôi* = chén.

[2] *Quỳnh tương* = rượu trong như ngọc quỳnh. Thơ Đường có câu [一飲琼漿百感催 = nhất ẩm quỳnh tương bách cảm thôi = một khi đã uống rượu trong như ngọc quỳnh thì lòng sinh trăm mối xúc cảm”].

[3] *Giải là hương lộn* – “Giải là” dịch từ chữ Hán [羅帶 = la đai = những giải dây lưng bằng lụa rũ xuống ở trước người]. “Giải là hương lộn” = mùi thơm ở các giải dây lưng hai người lẫn lộn với nhau vì ngồi gần nhau.

[4] *Bình gương bóng lờng* – “Bình gương” dịch từ chữ Hán [銀屏 = ngân bình = cánh bình phong bằng bạc đánh bóng có thể soi gương được]. *Bình gương bóng lờng* = bóng hai người chiếu chung nhau trong một tấm bình phong bằng bạc đánh bóng.

[5] *Bùi Hàng* [裴航] đời Đường gặp cô tiên tên là Vân Kiều phu nhân, có cho chàng một bài thơ trong có câu [藍橋本是神仙窟 = Lam kiều bản thị thần tiên quật = Lam kiều là chỗ thần tiên ở]. Về sau, một hôm chàng đi qua cầu Lam (= Lam kiều), vào một quán xin nước uống, gặp nàng tiên Vân Anh [雲英] đẹp lắm. Chàng ước ao muốn lấy, bà mẹ nàng bảo nếu tìm được cái chày ngọc để bà tán thuốc thì bà gả nàng cho. Khi chàng được một bà tiên cho chày ngọc, đem lại nộp thì lấy được Vân Anh. *Lam kiều* đây chỉ nhà Thúy Kiều ở.

[6] *Lần khân* = đòi hỏi nhiều, được cái nọ lại đòi cái kia.

[7] *Sàm sỡ* = không biết giữ lễ phép đứng đắn trong quan hệ giao tiếp nam và nữ.

[8] *Hồng diệp xích thằng* = lá thắm chỉ hồng. “Chỉ hồng” = duyên vợ chồng, do điển tích Vi Cố như sau : Vi Cố [韋固] học giỏi đang kén vợ. Một hôm thấy ông cụ già ngồi dưới bóng cây gởi một cuốn sách ra coi, bên mình có một túi chỉ đỏ. Cố hỏi sách gì, thì ông bảo “Tập số biên những cặp vợ chồng phải lấy nhau. Khi ta biên tên vợ chồng vào sổ này và lấy hai sợi chỉ hồng ở túi này mà se với nhau, thì dù hai bên giàu nghèo, sang hèn khác nhau thế nào, cũng phải lấy nhau thành vợ chồng.” Cố hỏi đùa ông cụ se tôi lấy ai, thì ông cụ chỉ vào đứa con gái rách rưới bần thiêu, mẹ đặt ngồi ở bờ ruộng để mẹ hái rau. Rồi ông cụ biên tên và lấy hai sợi chỉ se với nhau. Cố giận lắm, thuê người giết con bé, và yên trí là con bé đã chết rồi. Sau Cố long đong mãi không tìm được vợ, kết cục vẫn phải lấy người con gái có theo ở mang tai. Nàng nói lúc bé bị tên giặc chém nhưng may không chết. Đây ý nói tuy chưa thành vợ chồng, nhưng đã có duyên định rồi, để trả lời câu “Chày sương chưa nện cầu Lam” mà Kim Trọng vừa nói ở trên.

[9] *Đừng điều nguyệt nọ hoa kia* = trừ điều hoa nguyệt ra, thì không còn tiếc điều gì để làm vui lòng nhau. Đây là vì Kiều hiểu lầm các chữ “lần khân, sàm sỡ” của Kim Trọng, mà tỏ ý nói để ngăn ngừa trước.

[10] *Cầm đài* là chữ ở Đường thi nói về lúc Tư Mã Tương Như ngồi gảy đàn quyển rũ được Trác Văn Quân. Người sau này dùng chữ *cầm đài* để gọi chỗ ngồi gảy đàn.

[11] *Lắng tai Chung Kỳ* = muốn được lắng tai nghe bạn gảy đàn. Theo điển Bá Nha gảy đàn, Chung Kỳ nghe tiếng đàn biết là Bá Nha đang nghĩ gì khi gảy đàn. Bá Nha liền kết bạn với Chung Kỳ, gọi là bạn *tri âm* (= biết lòng nhau).

[12] *Tiện kỹ* = nghề hèn mọn, chẳng đáng kể.

[13] *Cầm trăng* = cây đàn nguyệt.

[14] *Nghề mọn* = nghề chẳng đáng kể, tiếng nói khiêm nhường. Trong Liêu trai có câu [區區小技恐負良琴 = khu khu tiểu kỹ khủng phụ lương cầm = nghề nhỏ mọn của tôi chỉ sợ phụ cây đàn tốt này].

[15] *Dây vĩ* = dây to trên mặt đàn. *Dây vĩn* = dây nhỏ.

[16] *Cung, thương, giốc, trủy, vĩ* = năm âm về âm nhạc xét theo giọng đục, trong, cao, thấp. “Cung” = âm đục thấp nhất, “thương” = âm đục thấp thứ hai, “giốc” = âm trung bình giữa trong đục cao thấp, “trủy” = âm trong cao bậc nhì, “vĩ” = âm trong cao nhất. Trong câu lục-bát “*Trong như tiếng hạc bay qua / đục như nước suối mới sa nửa vời*” thì trong là âm vĩ, đục là âm cung.

[17] *Tiếng sắt* = tiếng sát phạt như tiếng gươm giáo đánh nhau trong chiến trường. *Tiếng vàng* = tiếng hòa dịu như tiếng chuông, tiếng lệnh bằng đồng đánh để thu quân.

[18] *Tư Mã* = Tư Mã Tương Như đời Hán. *Phượng Cầu* = khúc đàn Phượng Cầu Hoàng. Bài đàn này nói về một con phượng mới bay từ biển về, muốn tìm bạn hoàng (hoàng = phượng mái) mà mãi chưa được, lòng những buồn bã ước ao. Nó nghĩ nếu mà tìm được thì sẽ sát cánh nhau mà bay lượn chìm bổng trên trời cao, thật vui sướng biết bao. Khi Tương Như dự tiệc ở nhà đại phú hào Trác Vương Tôn, chàng gảy khúc đàn này thì quyến rũ được con gái Trác Vương Tôn là Trác Văn Quân. Nàng trốn đi theo chàng ngay đêm hôm đó ; nàng vừa trẻ đẹp vừa tài tình.

[19] *Kê Khang* [嵇康] người đời nhà Ngụy, được thầy dạy khúc *Quảng Lăng* ngay từ lúc nhỏ, nên đàn rất hay. Có bản Kiều đổi các chữ *Lưu Thủy* [流水] và *Hành Vân* [行雲] ở câu 478 ra là *Hoa Nhạc* [華岳] và *Quy Vân* [歸雲] là hai bài nhạc ở trong khúc Quảng Lăng cho đúng nghĩa hơn. Nhưng tôi thấy đổi như vậy thật là câu nệ, không hiểu tác giả đặt hai chữ Lưu Thủy Hành Vân vào đây là hay lắm, một là để ứng với bốn chữ “lắng tai Chung Kỳ” ở trên, hai là ngầm báo điềm gỡ Kiều sẽ bị lưu lạc như nước chảy mây bay.

[20] *Lưu Thủy Hành Vân* – Sách Lã Thị Xuân Thu kể : Bá Nha ngồi gảy đàn, bụng nghĩ đến cảnh núi cao, Chung Kỳ ngồi nghe nói “Đàn gảy hay quá, tiếng nghe cao vợi vợi như núi Thái Sơn.” Lát sau, Bá Nha vừa gảy vừa nghĩ đến cảnh mây bay nước chảy, Tử Kỳ lại khen “Đàn gảy hay quá, tiếng nghe mông mênh nhẹ nhàng như nước chảy.” Khi Chung Tử Kỳ chết, Bá Nha tháo đàn, cắt dây nói “Thiên hạ ai biết tiếng đàn của ta nữa mà gảy.” Người sau mới gọi mấy khúc đàn của Bá Nha gảy cho Tử Kỳ nghe là khúc *Hành Vân* và khúc *Lưu Thủy*.

[21, 22] *Quá quan, Chiêu Quân*. Chiêu Quân tên là Vương Tường [王嫱] là một cung phi tài sắc vô song đời nhà Hán, bị họa sĩ Mao Diên Thọ báo thù bằng cách chắm một nốt ruồi ở dưới mắt là tướng sát phu, nên không được vua yêu, rồi lại bị gả cho chúa nước Hung Nô. Lúc chào vua ra đi, vua mới biết là Diên Thọ vẽ oan cho nàng, và tiếc lắm. Lúc qua cửa ải nàng nhớ vua, nhớ nhà quá, ngồi trên lưng ngựa gảy một khúc đàn tì bà nghe rất buồn thảm. Người sau gọi khúc đàn đó là khúc *Quá quan* (qua cửa ải).

[23] *Nước suối mới sa nửa vời* = nước suối chảy từ trên cao xuống mới đến nửa chừng ở sườn núi nghe thành tiếng đục ồ ồ.

[24] Bốn câu tả tiếng đàn : *Trong như ... Đục như... Tiếng khoan ... Tiếng mau...* lấy ý ở bốn câu thơ tả tiếng đàn cảm như sau : (1) [初疑颯颯凉風動 = sơ nghi táp táp lương phong động = lúc mới ngỡ là phảng phất như gió mát tới] (2) [又似瀟瀟暮雨零 = hựu tự tiêu tiêu mộ vũ linh = rồi lại nghe rầu rĩ như tiếng mưa buổi chiều tới] (3) [近若流泉来碧嶂 = cận nhược lưu toàn

lai bích chương = lúc nghe gần như suối chảy ồ ồ từ gành ngang trên trời biếc thẳm xuống] (4) [遠如玄鶴下青冥 = viễn như huyền hạc hạ thanh manh = lúc lại nghe xa như tiếng hạc đen nhào vút từ trời xanh mờ xuống]. *Sấm sập như trời đổ mưa* mượn ý câu tả tiếng đàn tỳ bà trong bài Tỳ bà hành của Bạch Cư Dị [大絃嘈嘈如急雨 = đại huyền ào ào như cấp vũ = tiếng dây to nghe âm âm như mưa dồn dập đổ xuống].

[25] *Người ngồi đó* = Kim Trọng ngồi ở chỗ vui thích như thế đó, mà cũng buồn ngơ ngẩn.

[26] *Vò chín khúc* = buồn rầu rồi chín khúc ruột.

[27] *Tiêu tao* = buồn bã lo âu.

[28] *Đột lòng* (cũng nói là *chột dạ*) nghĩa là khi mình nghe thấy điều gì có ý báo điềm tai nạn cho mình, thì mình giật mình sinh lòng lo sợ. Khi Kiều gảy khúc bạc mệnh, chính Kiều nghe cũng đột lòng Kiều.

[29] *Lời vàng* = lời khuyên răn quý báu như vàng.

[30] *Hoa hương càng tỏ thức hồng* – *Hoa hương* = sắc đẹp như *hoa*, tài thơm như *hương*. Câu này có nghĩa là Kim Trọng càng gần Kiều thì càng thấy vẻ đẹp của tài sắc Kiều.

[31] *Đừng lấy làm chơi* = chớ coi việc đó là thường. Đây là lời Kiều cảnh báo, can cái sóng tình là lời của Kim Trọng.

[32] *Dễ* = hãy nén lòng bồng bột ấy xuống, đừng nóng nảy thế.

[33] *Yêu đào* – Kinh thi có câu [桃之夭夭 = đào chi yêu yêu = cây đào lộc non ròn ròn] ý nói người con gái trẻ mơn mớn đến tuổi lấy chồng.

[34] *Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh* – Câu này không biết tác giả lấy điển từ đâu, còn ý nghĩa đại khái thì rất dễ hiểu = Kiều nói nhún trước là đâu dám ngăn cản như rào vườn hồng lại, không cho chim xanh vào, để sau đó giải bày những lẽ không thể nào quá chiều nhau như thế được.

[35] *Bố kinh* = nói tắt bốn chữ [布裙荆釵 = bố quần kinh thoa = quần bằng vải thường, thoa gài tóc bằng cành gai cây kinh]. Nàng Mạnh Quang [孟光] là con gái một vị tướng quốc, lấy ẩn sĩ Lương Hồng [梁鴻]. Lúc về nhà chồng bỏ hết quần áo gấm vóc và các đồ trang sức bằng vàng ngọc, mặc quần vải, gài thoa gai, theo chồng đi ẩn vui cảnh nghèo. Người sau dùng chữ *bố kinh* để nói người vợ hiền.

[36] *Đạo tòng phu* [從夫] = đạo con gái ở với chồng. *Trinh* = tấm lòng bền vững giữ nghĩa trung thành với chồng mãi mãi của đàn bà.

[37] *Trên bệch trong dâu* do thành ngữ Hán “tang gian bệch thượng” [桑間濮上] dịch ra. Đồi Xuân Thu, nước Vệ có đất tang gian và đất bệch thượng rất rậm rạp khuất khuất, rất tiện cho trai

gái họp riêng nhau, nên trai gái rất dâm dăng, có nhiều câu hát dâm tình hẹn hò nhau. Bởi vậy ta dùng thành ngữ *trên bực trong dâu* để gọi loại trai gái lẳng lơ hư hỏng.

[38] *Ăn xối ở thì* = chỉ ăn ở với nhau ít lâu rồi chán bỏ nhau. Ta nói “muối dưa, muối cà ăn xối” là thái và muối một cách chóng được ăn, để ăn tạm vài ngày thì hết, vì để lâu không được.

[39] *Tiết trăm năm* = cuộc ăn ở với nhau đúng lễ nghĩa trong suốt đời.

[40] *Thôi Trương* – Đời nhà Đường có nàng Thôi Oanh Oanh và chàng Trương Hồng là đôi trai gái tài mạo tuyệt vời ; họ gặp nhau ở chùa rồi tự tình với nhau ở hiên mái tây chùa. Sau Trương về kinh thi hội đỗ làm quan bỏ lơ Thôi, mặc dù Thôi vẫn thư từ tha thiết nhớ mong. Lúc Thôi đã lấy chồng rồi, Trương lấy cớ là anh họ ngoại đến thăm, ao ước muốn gặp mặt Thôi, nhưng Thôi không ra chào, chỉ đưa một bài thơ từ biệt. Trong bài thơ ấy có câu [為郎憔悴却羞郎 = vì lang tiều tụy khước tu lang = võ vàng vì anh lại xấu hổ, không dám thấy mặt anh].

[41] *Đỉnh Giáp, Non Thần* : Vua Trương Vương [襄王] nước Sở đi du lịch, đến dãy thác Vu Hiệp [巫峽] ở sông Trảng Giang (tỉnh Tứ Xuyên) nằm mơ thấy một người đàn bà đẹp lại chơi. Vua hỏi là ai, thì nàng nói “Thiếp là gái thần ở đỉnh núi Vu này, sớm làm mây, tối làm mưa, sớm sớm tối tối lúc nào cũng ở dưới núi Dương Đài.” Non Thần tức là Vu Sơn, chỗ thần nữ này ở.

[42] *Chấp cánh liền cành* lấy ý của một câu rất hay trong bài Trường Hận Ca [在天願作比翼鳥在地願為連理枝 = tại thiên nguyện tác tỷ dực điểu tại địa nguyện vi liên lí chi = trên trời thì xin làm đôi chim liền cánh, dưới đất thì xin làm đôi cây liền cành].

[43] *Mái tây* chữ Hán là Tây sương [西廂] tức là chỗ Thôi Trương trước đã thề với nhau mà sau bỏ không giữ lời thề nữa.

[44] *Gieo thoi* – Tạ Côn trợ học vẫn dòm ngó một cô gái hàng xóm. Một hôm Côn thấy cô ta ngồi dệt vải một mình ở nhà, bèn sang định tán tỉnh thì bị cô gái ném cái thoi vào mặt gãy mất mấy cái răng.

[45] *Nên thẹn cùng chàng* – Xem lời chú giải [40] bên trên.

[46] *Đoan chính* = ngay thẳng, đứng đắn.

[47] *Bóng tàu* – *Tàu* = phiến gỗ dài đỡ chân rui mái nhà ở phía trước, chỗ gần giọt ngói.

Câu này hàm ý mặt trăng tròn xé thắp lúc gần sáng.

[48] *Buồng thêu* = buồng phụ nữ ở, vì họ hay khâu vá thêu thùa trong đó.

[49] *Cửa sài* = cổng ở hàng rào trước sân, cánh làm bằng những thanh gỗ ghép dọc thưa thớt, thường gọi là cổng chông.

[50] *Gia đồng* = đưa ở trai trẻ tuổi.

[51] *Thúc phụ* [叔父] = chú, em trai bố.

[52] *Từ đường* [辞堂] = nghĩa đen là từ giã nhà bỏ đi, nghĩa bóng là chết. Còn chữ “từ đường” viết [祠堂] thì nghĩa là nhà thờ. Chết ta còn thường gọi là *từ trần* [辞塵] (bỏ đời) thì thông thường hơn, nhưng đây vì ép vần nên gọi là từ đường.

[53] *Lữ* [旅] = quê người. *Thán* [殯] = còn chôn tạm. *Lữ thán* = còn quán ở quê người. *Tha hương* = nơi làng khác, nơi quê người. *Đê huê* = vợ con còn bơ vơ nheo nhóc ở quê người, chứ không phải nghĩa là ung dung đông vui như khi ta nói “cảnh nhà ông này con cháu đê huê sung sướng quá.”

[54] *Liêu Dương* [遼陽] = một tỉnh ở phía đông bắc nước Tàu.

[55] *Hộ tang* [護喪] = đi giúp đỡ trông coi mọi việc trong cuộc đưa đám ma từ nơi xa về quê quán.

[56] *Lên* = đi riêng một mình không để ai biết. *Tự tình* [敘情] = kể lể tình cảnh.

[57] *Đôi hỏi* = lo liệu bàn định mọi việc về chuyện môi manh sêu cưới.

[58] *Chốc ba đông* = một lát lâu bằng ba tháng buồn mùa đông (nếu giáng ba đông là ba mùa đông, tức là ba năm, e lâu quá).

[59] *Gìn vàng giữ ngọc cho hay* – Vàng ngọc đây tức là tấm thân quý báu như vàng như ngọc. Hai câu lục bát này là lời Kim Trọng khuyên Kiều là phải giữ mình cho vui vẻ khỏe mạnh để chàng ở xa được yên lòng. Câu này nghĩa lơ lửng rất hay, vừa khuyên nàng chớ nhớ thương chàng quá mà sinh ốm đau, vừa có ý khuyên nàng chớ vì xa chàng mà không giữ được tấm lòng vàng đá cho được trọn vẹn. Ý giữ mình cho được mạnh khỏe thì ứng với câu “Mỗi sầu khi gỡ cho xong còn chầy.” Ý giữ lòng cho được thủy chung thì ứng với câu “Trăng thề còn đó trợ trợ, đám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng” của chàng.

[60] *Nhịn ngừng* – Xem lời xác định câu 548 bên trên.

[61] *Thay mái tóc* = đến lúc tuổi già, mái tóc đen hóa trắng.

[62] *Dời lòng tơ* = đôi lòng gắn bó lúc thề nguyên.

[63] *Ăn gió nằm mưa* tả cảnh khổ cực khi đi đường, lấy điển ở câu thơ cổ [露宿風餐六百里 = lộ túc phong san lục bách lý = nằm ngủ ở ngoài sương, phải ngồi ăn ở trước gió trong cuộc đi 600 dặm đường]. Đây đôi chữ sương ra chữ mưa cho có vần, mà lại thêm ý vất vả hơn.

[64] *Ôm cầm thuyền ai* – Cổ thi có câu [漫抱琵琶過過別船 = mạn bào tỳ bà quá biệt thuyền = nữ ôm đàn tỳ bà đi sang thuyền khác] để chê người đàn bà vì vắng chồng mà đi theo người khác. Câu thơ này lấy điển ở truyện ông Bạch Cư Dị kể trong bài Tỳ bà hành – đại khái nói ông đặt tiệc tiễn khách ở dưới thuyền, bỗng nghe thấy tiếng đàn tỳ bà gảy rất hay ở một chiếc thuyền gỗ gần

đó ; ông đánh thuyền lại mời mãi mới được người đàn bà đó sang thuyền ông mà gảy, nghe rất náo nùng. Người ấy kể bà vốn chơi đàn nổi tiếng ở kinh đô lúc tuổi trẻ, lúc luống tuổi cô đơn quá phải lấy một người lái buôn và thường phải ở một mình dưới thuyền. Ông thương cảm mới làm bài Tỳ bà hành để tặng bà.

[65] *Buộc yên* = đóng yên lên lưng ngựa.

[66] *Mối sàu xẻ nửa* = nối sàu như chia đôi, chàng một nửa, nàng một nửa, như sợi dây sàu cắt ra làm đôi mà chia cho nhau.

[67] *Bước đường chia đôi* = không nữ đi, mỗi bước chỉ ngắn có một nửa, còn nửa nữa để lùi lại với nàng.

[68] *Quyên nhật* = tiếng cuốc kêu mau. *Nhạn thưa* = tiếng chim sếu lạc đàn lẻ loi, kêu thưa thớt tiếng một. Câu 8 chữ này tả cảnh buồn khi chàng Kim đi đường, nghe tiếng cuốc kêu rộn rập ở trên cây thì nhớ nhà, nghe tiếng sếu lẻ loi kêu thưa thớt ở nẻo trời xa thì thương cảnh mình bơ vơ dọc đường.

[69] *Cũ gió tuần mưa* – Đối với người phải kiêng tránh nắng gió thì người ta gọi 7 ngày là một “cũ” và 10 ngày là một “tuần.” Về sau người ta dùng *cũ* và *tuần* để nói sự kiêng nắng gió – như nói đàn bà đẻ là ở *cũ*, người lên đậu phải *cắm cũ*, thấy cổng nhà nào hay cửa buồng ai treo cành lá đa dứa để *cắm cũ* thì người lạ chớ vào. Câu *Não người cũ gió tuần mưa* này dùng chữ *cũ* và chữ *tuần* là kiêng như vậy. Nghĩa hai câu lục bát này nói Kim Trọng thương Kiều phải vì mình mà giữ gìn kiêng tránh mọi điều, không dám đi chơi bởi tiêu khiển đâu, chỉ những âm thầm ngồi ở nhà để càng ngày càng nhớ mình khổ lòng thêm mãi.

Diễn ra văn xuôi

Câu 453, 454 = Hai người ngồi uống rượu với nhau, rượu đã ngon, chén lại đẹp, khi thì ngửi mùi thơm quần áo lẫn lộn với nhau, khi thì lại ngắm bóng người bên nhau ở trong cánh bình phong bằng bạc đánh sáng như gương.

Câu 455 đến 458 = Sinh bỗng dè dặt nói “Đêm nay gió mát trăng trong, cảnh đẹp quá. Đã từ lâu tôi vẫn có một chút chưa được thỏa nỗi lòng ao ước, nhưng vì chưa nên vợ nên chồng, sợ lần lữa đòi hỏi quá thành ra bõm sơm bất lịch sự.”

Câu 459, 460 = Kiều nói “Đôi ta tuy chưa cưới xin gì, nhưng tình duyên trời đã định như lá thắm chỉ hồng và đã có lời thề nguyện với nhau thành đôi bạn tương tri, đồng tâm thân mật rồi.

Câu 461, 462 = “Chỉ xin đừng nói đến chuyện nguyệt nọ hoa kia vội. Ngoài chuyện đó ra, thì thiếp chẳng dám tiếc chàng sự gì cả. Vậy có ao ước việc gì, xin chàng cứ nói.”

Câu 463, 464 = Sinh nói “Tôi nghe đồn cô gảy đàn hay đã nổi tiếng ở nơi cầm đài, nên vẫn ước ao được lắng đôi tai biết nghe đàn này mà thường thức tiếng đàn cô gảy.”

Câu 465, 466 = Kiều nói “Tuồng là gì ! Chứ đó chỉ là một nghề nhỏ mọn của thiếp thôi, có đáng kể vào đâu mà chàng phải trịnh trọng thế. Chàng đã bảo thì thiếp xin vâng lời ngay.”

Câu 467, 468 = Ở mái hiên sau có treo sẵn một cây đàn ; Sinh lấy ngay ra và hai tay nâng cây đàn ngang trán mà trao cho Kiều.

Câu 469, 470 = Kiều đón lấy cây đàn và nói “Nào có đáng kể gì cái nghề hèn mọn riêng của thiếp này, mà chàng làm quá trịnh trọng như thế, cho thiếp phải bận lòng nề chàng vô cùng !”

Câu 471, 472 = Rồi nàng ôm cây đàn, vặn lại các dây, so lựa dây to dây nhỏ cho đúng năm âm cung, thương, trụ, giốc, vũ, rồi bắt đầu gảy.

Câu 473, 474 = Có khúc nàng gảy ra giọng sát phạt rùng rợn như tiếng gươm giáo, chuông công chen nhau trong chiến trường Hán Sở.

Câu 475, 476 = Có khúc nàng gảy nghe ra giọng sâu, giọng oán như Tu Mã Tương Như gảy khúc Phụng Cầu Hoàng.

Câu 477, 478 = Có khúc nàng gảy tiếng hay như Kê Khang xưa gảy khúc Quảng Lăng, và có giọng mộng mênh bát ngát như khúc Lưu Thủy, rồi lại như khúc Hành Vân của Bá Nha.

Câu 479, 480 = Có khúc nàng gảy nghe ra giọng thương nhớ thiết tha như Chiêu Quân gảy khúc Quá Quan.

Câu 481 đến 484 = Khi thì tiếng đàn nghe trong veo như tiếng hạc bay vèo qua trên đỉnh trời. Khi thì tiếng đàn nghe đục lảm như tiếng suối từ trên cao vút chảy xuống mới đến nửa chừng núi. Khi thì tiếng đàn nghe thông thả khoan hòa như làn gió mát hiu hiu thoảng đến. Khi thì tiếng đàn nghe dồn dập mau gấp như tiếng mưa tối sầm sập đổ xuống.

Câu 485, 486 = Nhưng tiếng đàn khi chìm khi bổng ấy hợp với bóng sáng ngọn đèn khi tỏ khi mờ, làm cho chàng ngồi chỗ vui thích như thế mà cũng hóa ra ngơ ngẩn buồn sầu.

Câu 487, 488 = Khi thì chàng tựa lưng lên chiếc gối xếp mà lắng tai nghe, khi thì chàng ngồi cúi đầu xuống mà ngẫm nghĩ, khi thì bòn chòn như vò rối chín khúc ruột, khi thì ủ ê buồn bực, cau có đôi lông mày.

Câu 489, 490 = Chàng nói “Kể hay thì hay thật, nhưng nghe ra có giọng đấng cay thế nào ấy ?”

Câu 491, 492 = “Cô lựa làm gì những khúc đàn sâu não như vậy ? Chính tai cô nghe chắc lòng cô cũng thấy ảo não như có điều gì quái gở làm chột cả dạ cô, mà lại làm cho người nghe như tôi đây cũng phải nôn nao lo buồn.”

Câu 493, 494 = “Thiếp trót đã quen tay mất nét rồi, chỉ thích gảy những điệu sâu buồn như vậy. Ấu đó cũng là tính trời sinh ra, người thích gảy điệu buồn tẻ, người thích gảy điệu vui vẻ, biết làm sao được. ”

Câu 495, 496 = “Nay được nghe những lời răn bảo đáng quý như vàng như ngọc này, thiếp xin vâng lĩnh cái ý hay cao ấy mà sửa đổi xem có bớt được chút nào không.”

Câu 497, 498 = Tiếp xúc lâu với Kiều, chàng càng nhận thấy vẻ đẹp lộng lẫy của mặt hoa nàng và vẻ quý của tài thơm tho như hương trời cho nàng, nên tình yêu của chàng lại càng nồng nàn hiện ra đầu mày cuối mắt, ngấm liếc nàng luôn.

Câu 499, 500 = Nàng nhận thấy sóng tình chàng đã bùng bột như muốn sa ngã và thấy thái độ chàng yêu quý âu yếm mình đã ra chiều lả lơ kém phần đứng đắn.

Câu 501, 502 = Nàng mới ngỏ lời can rằng “Xin chàng đừng coi thường sự phi lễ ấy như là một trò chơi mà không giữ gìn cho thiếp, hãy nén lòng bùng bột ấy xuống, để thiếp thưa rõ mấy lời chàng nghe đã nhé !”

Câu 503, 504 = “Tắm thân con gái của thiếp chẳng qua chỉ như một đóa hoa đào mỏng mỏng, nào có ra vẻ gì đáng kể mà dám ngăn cấm chàng không cho phạm đến, cũng như sao thiếp dám rào kín vườn hoa lại không cho chim xanh vào ?”

Câu 505, 506 = “Nhưng chỉ vì chàng có ý định lấy thiếp làm một người vợ hiền giỏi lễ phép, thì bốn phận đầu tiên của thiếp đối với chồng là phải giữ tấm lòng trinh tiết cho thơm sạch trọn vẹn từ trước tới sau.”

Câu 507, 508 = “Nếu nay thiếp bừa bãi như những hạng gái theo trai vào trong bãi dâu, bờ sông Bộc xưa kia, thì chàng còn lấy làm gì nữa.”

Câu 509, 510 = “Chúng ta còn ăn ở với nhau lâu dài trăm năm chứ có phải đâu chỉ chung chạ chốc lát qua thì như muối dưa ăn xối còn thừa bỏ đi. Bởi vậy thiếp không dám nỡ lòng đem cái danh tiết trăm năm đó bỏ đi trong một ngày một chốc.”

Câu 511, 512 = “Thiếp nghĩ rằng, từ xưa đến nay, cuộc tình duyên gặp gỡ rõ xứng đôi vừa lứa lạ lùng, thật chẳng đôi nào đã đẹp bằng đôi nàng Thôi Oanh Oanh và chàng Trương Hồng.”

Câu 513, 514 = “Ấy thế mà những cuộc mây mưa bừa bãi đã làm tan rã mất lời vàng đá thề bồi, rõ thật là nàng đã chiều lòng ước ao của chàng quá, để đến nỗi lòng yêu đương của chàng thành ra chán chường, như đàn chim anh yến hạp đập tan đây.”

Câu 515, 516 = “Tại sao chàng chóng chán nàng vậy ? Là bởi vì trong khi chấp cánh liền cành, đầu gối tay ấp, ân ái say sưa, mà chàng đã có ý riêng coi rẻ là nàng kém lòng trinh tiết.”

Câu 517, 518 = “Ôi ! Cái nén hương thê ở dưới mái hiên tây kia bị ngội lạnh đi, mà cái duyên đầm thắm lứa đôi này hóa ra bẽ bàng, có phải chỉ vì nàng đã quá chiều chàng không ?”

Câu 519, 520 = “Tại nàng không biết giữ gìn từ trước như cô gái dệt cửu kia ném thoi vào mặt Tạ Côn, để sau đến nỗi tuy nàng vàng võ ử ê vì nhớ chàng Trương, mà khi được chàng tới thăm, hai bên vẫn tha thiết muốn gặp nhau, mà nàng quá hổ thẹn không dám ra trông mặt chàng.”

Câu 521, 522 = “Bởi vậy thiếp xin chàng đừng ép liễu nài hoa vôi. Còn duyên này, còn thân này, thì hẳn còn một lần chàng được đền bù mỹ mãn.”

Câu 523, 524 = Thấy Kiều nói những câu đứng đắn, lời lẽ dễ nghe, chàng càng thêm kính nể, thêm yêu quý nàng đủ mười phần.

Câu 525, 526 = Truyện trò với nhau mãi tới hồi gần sáng, vầng trăng nhạt bạc đã xuống đến ngang mực tàu nhà mái hiên, thì bỗng có tin từ ngoài cửa hàng rào gọi vào.

Câu 527, 528 = Nàng thì vôi trở về buồng nàng, còn chàng thì vôi đi qua sân luồn dưới mấy cây đào ra mở cửa.

Câu 529, 530 = Cửa vừa mở ra, thì đưa gia đồng đưa cho phong thư bên quê chàng vừa mới gửi sang cho chàng.

Câu 531, 532 = Chàng mở thư ra xem thì được tin thúc phụ chàng đã từ trần ở tỉnh Liêu Dương, hẳn còn quản tạm ở nơi đất khách đó, và tình cảnh vợ con thật nheo nhóc.

Câu 533, 534 = Vì đường xa xôi, núi sông cách trở, nên thân phụ chàng nhắn chàng phải cấp tốc về ngay để đi Liêu Dương trông coi giúp đỡ mọi việc đưa xác chú về.

Câu 535, 536 = Được tin này chàng rất kinh hoàng, vôi vàng lên ngay sang lầu trang Kiều mà kể rõ sự tình cho nàng nghe.

Câu 537, 538 = Chàng định ninh kể căn kể gốc đủ đầu đuôi mọi nỗi thương đau trong lòng chàng, phần vì tang tóc ở trong gia đình, phần vì phải xa cách nàng ở nơi xa thăm rất lâu.

Câu 539, 540 = Rồi chàng nói tiếp “Việc tang tóc xảy ra bất kỳ, làm cho việc hôn nhân chúng ta chưa kịp bàn định với nhau được chút nào, cả đến một lời mối manh trao duyên chính thức cũng chưa kịp làm cho đúng lễ.”

Câu 541, 542 = “Tuy chưa có dạ hỏi gì thật như vậy, nhưng còn vầng trăng chứng tỏ cuộc thề nguyện của chúng ta kia, thì có lẽ đâu vì xa cách nhau mà lòng tôi dám hờ hững chút nào ! ”

Câu 543, 544 = “Tôi thấy nay ta càng xa cách nhau, thì lại càng mong nhớ nhau. Người ta nói xa nhau ngoài nghìn dặm, thì mỗi mỗi chốc lát mong nhớ nhau coi lâu bằng ba tháng mùa đông. Thế mà ta phải xa nhau ít ra là 6, 7 tháng thì lâu biết là bao nhiêu ! Mối sàu nhớ nhau này, chúng ta còn lâu lai quá lắm mới gỡ ra được. ”

Câu 545, 546 = “Trong khi xa nhớ nhau lâu lai như vậy, tôi xin cô nén lòng chờ đợi, khéo giữ tấm thân vàng ngọc cho tôi được yên lòng ở nơi xa xôi.” (Hai câu lục bát này mang hai ý nghĩa rất hay : vừa khuyên Kiều chớ nhớ buồn quá mà sinh đau ốm, vừa ngụ ý khuyên nàng chớ vì xa chàng mà thay lòng đổi dạ).

Câu 547, 548 = Kiều nghe chàng nói, ruột nàng bối rối toi bời thương cảm, buồn lo đủ đường. Nhưng nàng phải cố nhịn mọi nỗi nức nở như muốn khóc, để chàng khỏi phải bận lòng về mình và để trình tỏ lời cho được rành rõ trước sau.

Câu 549, 550 = Nàng nói “Sao ông Tư lại nở bồng sinh sự quái ác làm ngáng trở cuộc tình duyên của chúng ta như vậy ? Chưa được sum họp vui vẻ đã phải chia lìa sầu nhớ !”

Câu 551, 552 = “Xin chàng chớ lo, chúng ta tuy chưa dám hỏi gì nhưng đã nặng lời thề nguyện với nhau, thế là cũng đủ rồi. Dầu phải chờ đợi đến lúc bạc đầu, thiếp cũng xin quyết không đổi lòng thương mến chàng.”

Câu 553, 554 = “Chàng khuyên thiếp phải giữ mình cho chàng được yên tâm, thiếp xin hết sức giữ gìn, chàng chớ lo ; dầu phải chờ đợi bao nhiêu năm tháng nữa thiếp cũng không quản ngại, chỉ nỗi thiếp khó đẹp được lòng thương chàng phải dãi gió dầm mưa trong mấy tháng trên đường hộ tang. Vậy thiếp cũng xin chàng cố giữ gìn cho được mạnh khỏe luôn.”

Câu 555, 556 = “Và cũng xin chàng đừng lo, đã thề nguyện hai chữ đồng tâm với nhau, thì thiếp xin thề là quyết một lòng suốt đời không lấy ai nữa cho khỏi mang tiếng với đời.”

Câu 557, 558 = “Thiếp xin chàng yên trí rằng trời cho sông núi còn lâu dài bao nhiêu thì tình nghĩa đôi ta còn lâu bền bấy nhiêu. Thiếp còn nhớ mãi mãi chàng là người thiếp từ già hôm nay và mong chóng lại về gặp nhau.”

Câu 559, 560 = Hai bên còn đương dùng dằng chưa nở rời tay nhau thì trông ra ngoài sân thấy mặt trời đã đứng ở góc mái nhà rồi.

Câu 561, 562 = Thế là chàng trở ra về, lòng những ngại ngùng từng bước, bước đi bước nào là tiếc mắt xa nhau thêm bước ấy, và mỗi lời ngoảnh lại trần trong dặn thêm nàng là hai hàng nước mắt nhỏ xuống theo lời.

Câu 563, 564 = Khi về tới nhà trọ, chàng thì vội vàng đóng yên ngựa, đưa gia đồng thì quảy gánh cùng ra đi. Mỗi sào chàng như sẽ làm đôi, một nửa mang đi, một nửa để lại cho nàng ; mỗi bước đường chàng đi cũng như muốn chia làm đôi, một nửa tiến lên, một nửa muốn lùi lại với nàng.

Câu 565, 566 = Trên đường đi, chàng thấy phong cảnh quê người, cảnh nào cũng gọi cho chàng mới sầu thương, nghe thấy chim cuốc kêu mau mau ở trên cành cây thì chàng cảm thấy nhớ nhà ; nghe thấy tiếng sêu lẻ loi kêu thưa thớt tiếng một thì chàng cảm thương mình bơ vơ ở dọc đường.

Câu 567, 568 = Lại thêm nỗi lúc nào bụng chàng cũng thương Kiều phải vì chàng mà phải giữ mình ; mặc dù buồn bã, chẳng dám đi đâu cho khuây khỏa ; suốt tuần, suốt tháng chỉ rầu rĩ ở nhà như người đau ốm phải kiêng cử gió mưa, mang gánh tương tư mỗi ngày mỗi nặng thêm.

Những câu hay chữ có ý móc nối

Trong đêm Kim Kiều hội ngộ, mặt trăng đã đóng một vai trò từ thủy chí chung : (1) Lúc mới mọc thì dẫn đường cho Kiều đi và đưa Kiều đến phòng văn Kim Trọng : “Nhặt thưa gương giọi đầu cành . . . Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần. ” (2) Lúc lên đỉnh đầu thì chứng quả cuộc thề nguyện : “Vùng trăng vắng vặc giữa trời / đỉnh ninh hai miệng một lời song song. ” (3) Lúc quá nửa đêm, trăng lại gây cao hứng cho chàng muốn nghe đàn : Sinh rằng “Gió mát trăng trong / bấy lâu nay một chút lòng chưa cam.” (4) Rồi lúc gần sáng trăng đã xế tàn lại chứng kiến trước sau cuộc chia ly đau đớn và nhắc lại cuộc thề lần nữa : “Bóng tà đã nhạt về ngân / tin đâu đã thấy cửa ngăn gọi vào ” và “Trăng thề còn đó tro tro / dăm xa xôi mặt mà thừa thốt lòng. ” Bởi trăng ghi một kỷ niệm sâu xa cho Kiều suốt cái đêm chan chứa đầy ái tình đầm thắm trọng quý này như vậy, nên trong bước lưu lạc sau này, biết bao nhiêu lần nàng đã : “Tương người dưới nguyệt chén đồng / thấy trăng mà thẹn những lời non sông. ”

Những lời lẽ đối đáp giữa Kim Kiều trong cuộc hội ngộ này thật là đầy ý nghĩa sâu sắc, đầy tình tứ tế nhị, hô ứng đầu vào đây, rất thân mật kín đáo, rất gọn gàng đầy đủ. Khi hai người đang “Chén hà sánh giọng quỳnh tương / giải là hương lộn, bình gương bóng lông” thì chàng bỗng nói “...gió mát giảng trong / bấy lâu nay một chút lòng chưa cam / chày sương chưa nện cầu Lam / sợ lằn khăn quá ra sàm sỡ chẳng. ” Câu nói đột ngột ấy đã làm cho Kiều giật mình khiến nàng vội ngắt lời chàng và thưa ngay lại “... hồng diệp xích thẳng / một lời cũng đã tiếng rằng tương tri ” (để trả lời hai câu “Chày sương chưa nện . . . ra sàm sỡ chẳng), và “Đừng điều nguyệt nọ hoa kia / ngoài ra ai có tiếc gì với ai ” (vừa để trả lời ý ngầm lửng lơ với chàng, vừa để khuyên chàng muốn gì cứ nói chớ ngại, xin vâng lời hết). Câu Kiều nói khiêm “... nghề mọn sá gì / đã lòng dạy đến, dạy thì phải vâng” trả lời một cách rất đích đáng với lời quá trịnh trọng của Kim “Rằng nghe nổi tiếng cầm đài / nước non luống những lắng tai Chung Kỳ.” Câu “...nghề mọn riêng tây / làm chi cho bận lòng này lắm thân” cũng trả lời rất thích đáng với cử chỉ quá trịnh trọng của chàng là “tay nâng ngang mày. ”

Những câu Kim Trọng lúc sắp ra đi hộ tang nói với Kiều thật đầy đủ ý tứ, khuyên nhủ một cách rất tế nhị, kín đáo, vừa thân mật thiết tha, vừa lễ phép đúng đắn và lời Kiều thưa lại cũng đầy đủ ý tứ từng câu một, mà cũng rất thân thiết lễ độ. Câu chàng nói “Sự đâu chưa kịp đôi hồi / duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ ” hàm ý lo chưa dám hỏi gì nàng có thể lấy người khác, thì nàng đáp “Cùng nhau trót đã nặng lời / dẫu thay mái tóc dăm rời lòng tơ. ” Câu chàng nói “Trăng thề còn đó tro tro / dăm xa xôi mặt mà thừa thốt lòng” khuyên nàng một cách bóng gió ý nhị, là phải giữ lời thề chặt chẽ như chàng, đừng có thừa thốt lòng vì xa cách. Để trả lời lại ý khuyên bóng gió ấy là câu nàng nói “Đã nguyên hai chữ đồng tâm / trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyên ai.” Câu chàng căn dặn “Gìn vàng giữ ngọc cho hay” lửng lơ với hai nghĩa : (1a) Phải giữ gìn tấm thân vàng ngọc cho khỏe, chớ buồn nhớ nhau quá mà sinh ốm ; (2a) Phải giữ gìn danh tiết cho bền trong như vàng ngọc. Lời đối đáp của Kiều thật đoan trang và quả quyết : (1b) “ Nghĩ người ăn gió năm mưa xốt thắm. ” (2b) “Đã nguyên hai chữ đồng tâm / trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyên ai. ”

Chữ “đó” trong câu “Khiến người ngồi đó cũng ngỡ ngần sâu” thật hay, vì nó tả rất gọn rõ cái nơi đủ cảnh vui – trăng trong, gió mát, bạn đẹp, đàn hay – thế mà chàng phải ngần ngại sâu, thì biết tiếng đàn nàng gảy có giọng như ngâm đắng nuốt cay khiến lòng chàng phải nao nao đến thế nào.

Hai chữ “tiêu tao” ở câu “So chi những khúc tiêu tao” gồm được cả ý nghĩa tả giọng sát phạt, sâu oán, nhớ thương ở các khúc, và giọng trong ít đục nhiều, thư nhàn ít, dồn dập nhiều ở các câu trên.

Câu “Dột lòng mình cũng nao nao lòng người” tả thật khéo tài nghe đàn của Kim Trọng, thật không thẹn với câu chàng nói “Nước non luống những lắng tai Chung Kỳ” ở trên. Chàng chỉ nghe giọng đàn tiêu tao mà biết được điềm bạc mệnh của Kiều, khiến chàng phải vò chín khúc, cau đôi mày ngỏ lời cảnh báo nàng. Chữ “dễ” ở câu “Dễ cho thừa hết một lời đã nao” thật đã tả rõ được thái độ “lả lơi” của Kim Trọng ở câu trên và đủ sức mạnh vừa nghiêm trang mà vừa đứng đắn, vừa cương quyết mà êm đềm, để dẹp tan được sóng tình bông bột, khiến chàng phải cảm phục, phải thêm yêu thêm kính.

Ý nghĩa thâm thúy của mấy câu tả tiếng đàn Kiều gây trong đoạn này

Trong Truyện Kiều có hai đoạn tả “tiếng đàn” Kiều gây cho Kim Trọng nghe. Chúng rất quan trọng mà tác giả đã tốn nhiều tâm tư đem tài nghệ viết ra – bên ngoài tuy tả tiếng đàn nhưng bên trong thật mượn tiếng đàn để vừa báo điềm biến chuyển vận mệnh đời Kiều (cũng là vận mệnh tác giả), vừa để than thở ngậm kín cho cuộc đời Kiều. Đó cũng là cuộc đời tác giả vui ít buồn nhiều, cuộc vui chỉ thoáng qua để làm cuộc buồn càng thêm nhớ tiếc thương đau mãi mãi. Dưới đây tôi xin phân giải từng câu trong đoạn tả tiếng đàn lần thứ nhất này để độc giả cùng suy xét.

(1) “Khúc đầu Hán Sở chiến trường / nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau” bên ngoài thì tả tiếng đàn có vẻ sát phạt như tiếng gươm giáo đâm chém (tiếng sắt), như chuông cồng thúc giục (tiếng vàng) ; nhưng ý bên trong thì báo điềm gia đình Kiều sắp bị lũ nác thước tay dao vào tàn phá (tiếng sắt) và trói đánh Vương ông để lấy vàng bạc (tiếng vàng).

(2) “Khúc đầu Tư Mã Phụng Cầu / nghe ra như oán như sầu phải chăng” bên ngoài thì tả tiếng đàn rất hay như tiếng đàn Tư Mã Tương Như gây khúc Phụng Cầu Hoàng. Nhưng ý cốt yếu bên trong là ở bốn chữ “như oán như sầu” báo điềm Kim Kiều sẽ phải chia rẽ nhau và sẽ đem lòng sầu oán nhớ tiếc nhau mãi mãi rất thâm.

(3) “Kê Khang này khúc Quảng Lăng / một rằng Lưu Thủy hai rằng Hành Vân” bên ngoài thì chỉ nói tiếng đàn Kiều gây rất hay chẳng kém gì tiếng đàn Kê Khang gây khúc Quảng Lăng ; nhưng ý cốt yếu bên trong thì ở hai chữ “Lưu Thủy” và “Hành Vân” báo điềm Kiều sẽ bị lưu lạc như “nước chảy dưới suối”, như “mây bay trên trời” nay đây mai đó.

(4) “Quá quan này khúc Chiêu Quân / nửa phần luyến chúa, nửa phần tư gia” bên ngoài thì tả giọng đàn Kiều gây nghe hay một cách thâm, giống như giọng đàn của bà Chiêu Quân ôm tỳ bà gây khúc “Quá quan” khi qua cửa ải sang đất nước rợ Hồ. Nhưng ý cốt yếu bên trong thì bốn chữ “luyến chúa” và “tư gia” báo điềm Kiều sẽ phải bỏ nhà ra đi để phải nửa đời lúc nào lòng cũng đau đớn phần tiếc Kim Trọng, phần nhớ gia đình.

(5) “Trong như tiếng hạc bay qua / đục như tiếng suối nước sa nửa vời” thì bên ngoài chỉ tả tiếng đàn Kiều gây khi thì trong như tiếng hạc kêu, khi thì đục như tiếng suối chảy. Nhưng ý cốt yếu bên trong thì ở hai chữ “bay qua” câu trên và ở bốn chữ “mới sa nửa vời” câu dưới để than thở cho quãng đời trong sạch của Kiều chỉ thoáng hết như tiếng hạc bay qua, và quãng đời bản đục của nàng thì kéo dài mãi như tiếng ồ ồ nước suối đương sa xuống nửa vời mãi mãi không ngừng.

(6) “Tiếng khoan như gió thoảng ngoài / tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa” tả tiếng đàn Kiều gảy khi thì khoan thai như tiếng gió hiu hiu, khi thì mau gấp như tiếng mưa sầm sập. Nhưng ý cốt yếu bên trong là ở hai chữ “thoảng ngoài” câu trên và ba chữ “trời đổ mưa” câu dưới để than thở cho cuộc đời nàng lúc thư thả thì ít, chỉ như gió thoảng, còn lúc tai nạn thì dồn dập như trời gió bão đổ mưa sầm sập.

Tóm lại, từ các câu lục bát nêu trên thì bốn câu (1, 2, 3, 4) báo điềm đủ từng giai đoạn nửa đời bạc mệnh của Thúy Kiều, và hai câu (5, 6) thì tỏ lời than thở cho đời nàng hồi trong sạch thanh cao thì chỉ thoáng qua, mà hồi bản đục thì kéo dài mãi mãi, cảnh thư nhàn thì chỉ mong manh như gió thoảng, còn cảnh tai nạn dữ dội thì dồn dập xảy ra như trời gió mưa bão.

CHƯƠNG 10

CÂU 569 ĐẾN CÂU 692

“Sai nha quen thói, hiểu nữ bán mình”

569. Nàng còn đứng tựa hiên tây,
Chín hồi vẫn vít như vậy mỗi tơ. [1]
571. Trông chừng khói ngát song thưa, [2]
Hoa trôi trớt thắm, liễu xơ xác vàng. [3]
573. Tàn ngần dạo gót lầu trang,
Một đoàn mừng thọ ngoại hương mới về, [4]
575. Hàn huyên chưa kịp dài dề,
Sai nha bỗng thấy bốn bề xôn xao. [5]
577. Người nách thước, kẻ tay đao; [6]
Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi. [7]
579. Già giang một lão một trai, [8]
Một dây vô loại buộc hai thâm tình. [9]
581. Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh, [10]
Rụng rời đọt liễu, tan tành cội mai. [11, 12]
583. Đồ tể nhuyển, cửa riêng tây, [13]
Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham. [14]
585. Điều đâu bay buộc ai làm?
Này ai đơm giậm, đặt giậm bồng dung? [15]
587. Hỡi ra sau mới biết rằng:
Phải tên xung xuất là thằng bán tơ. [16, 17]
589. Một nhà hoàng hốt ngẩn ngơ,
Tiếng oan dậy đất, án ngờ lòa mây. [18, 19]
591. Hạ từ van vi suốt ngày, [20]
Điếc tai lân tuất, phũ tay tồi tàn. [21, 22]
593. Rường cao rút ngược dây oan, [23]
Dấu là đá cũng nát gan, lộ người.

595. Mắt trông đau đớn rụng rời,
Oan này còn một kêu trời, nhưng xa.

597. Một ngày lạ thói sai nha, [24]
Làm cho khóc hại chẳng qua vì tiền. [25]

599. Sao cho cốt nhục vẹn tuyền,
Trong khi ngộ biến tòng quyền biết sao? [26]

601. Duyên hội ngộ, đức cù lao, [27]
Bên tình bên hiếu, bên nào nặng hơn?

603. Để lời thệ hải minh sơn, [28]
Làm con trước phải đền ơn sinh thành. [29]

605. Quyết tình nàng mới hạ tình:
“Dễ cho dễ thiếp bán mình chuộc cha!” [30]

607. Họ Chung có kẻ lại già, [31]
Cũng trong nha dịch lại là từ tâm. [32, 33]

609. Thấy nàng hiếu trọng tình thâm,
Vì nàng nghĩ cũng thương thâm xót vay.

611. Tính bài lót đó luôn đây,
Có ba trăm lạng việc này mới xuôi. [34]

613. Hãy về tạm phó giam ngoài, [35]
Dặn nàng qui liệu trong đôi ba ngày. [36]

615. Thương lòng con trẻ thơ ngây, [37]
Gặp cơn vạ gió tai bay bất kỳ! [38]

617. Đau lòng tử biệt sinh ly, [39]
Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên!

619. Hạt mưa sá nghĩ phận hèn, [40]
Liều đem tác cớ quyết đền ba xuân. [41]

621. Sự lòng ngộ với băng nhân, [42, 43]
Tin sương đồn đại xa gần xôn xao. [44]

623. Gân miền có một mụ nào,
Đưa người viễn khách tìm vào vấn danh. [45, 46]

625. Hỏi tên rằng: Mã Giám Sinh.

Hỏi quê, rằng: huyện Lâm Thanh cũng gần. [47]
627. Quá niên trạc ngoại tứ tuần, [48]
Mây râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao.
629. Trước thầy sau tớ lao xao
Nhà băng đưa mối rước vào lầu trang.
631. Ghế trên ngòi tốt số sàng, [49]
Buồng trong mối đã giục nàng kíp ra.
633. Nỗi mình thêm gấp nỗi nhà,
Thêm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng! [50]
635. Ngại ngừng dọn gió e sương, [51]
Ngừng hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày. [52]
637. Mối càng vén tóc bắt tay,
Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai. [53]
639. Đắn đo cân sắc cân tài,
Ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ.
641. Mặn nồng một vẻ một ưa,
Bằng lòng khách mới tùy cơ dặt diu. [54]
643. Rằng: “Mua ngọc đến Lam Kiều, [55]
Sính nghi xin dạy bao nhiêu cho tòng?” [56]
645. Mối rằng: “đáng giá nghìn vàng,
Nghệt nhà nhờ lượng người thương dám nài.” [57]
647. Cò kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm. [58]
649. Một lời thuyền đã êm giằm [59]
Hãy đưa canh thiếp trước cầm làm ghi. [60]
651. Định ngày nạp thái vu qui, [61]
Tiền lưng đã sẵn việc gì chẳng xong! [62]
653. Một lời cậ với Chung công,
Khát từ tạm lĩnh Vương ông về nhà. [63]
655. Thương tình con trẻ cha già,
Nhìn nàng ông những máu sa ruột rầu:

657. Nuôi con những ước về sau,
Trao tơ phải lúa, gieo cầu đáng nơi. [64, 65]

659. Trời làm chi cực bấy trời,
Này ai vu thác cho người hợp tan! [66]

661. Búa rìu bao quản thân tàn,
Nữ đầy đọa trẻ, càn oan khóc già.

663. Một lần sau trước cũng là, [67]
Thôi thì mặt khuất chẳng thà lòng đau!

665. Theo lời càn tưới dòng châu,
Liều mình ông rấp gieo đầu tường vôi.

667. Vội vàng kẻ giữ người coi,
Nhỏ to nằng lại tìm lời khuyên can:

669. “Về chi một mảnh hồng nhan,
Tóc tơ chưa chút đèn on sinh thành.

671. Dâng thư đã thẹn nàng Oanh, [68]
Lại thua ả Lý bán mình hay sao? [69]

673. Cõi xuân tuổi hạc càn cao, [70]
Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành.

675. Lòng tơ dù chẳng dứt tình, [71]
Gió mưa âu hấn tan tành nước non.

677. Thà rằng liều một thân con,
Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây.

679. Phận sao đành vậy cũng vậy,
Cầm như chẳng đậu những ngày còn xanh. [72]

671. Cũng đừng tính quân lo quanh,
Tan nhà là một thiệt mình là hai.”

673. Phải lời ông cũng êm tai,
Nhìn nhau giọt vắn giọt dài ngổn ngang.

685. Mái ngoài họ Mã vừa sang,
Tờ hoa đã ký, cân vàng mới trao. [73]

687. Trăng già độc địa làm sao? [74]

Cầm dây chẳng lựa buộc vào tự nhiên.

689. Trong tay đã sẵn đồng tiền,
Mặt lòng đôi trắng thay đen khó gì! [75]

691. Họ Chung ra sức giúp vì,
Lễ tân đã đặt, tụng kỳ cũng xong. [76, 77]

Đính chính và xác định

Câu 572 – “*Hoa trôi trôi thắm, liễu xơ xác vàng*” – Chữ “trôi trôi” câu này bản nôm viết là [潘 淖] (phần chỉ nghĩa cho cả hai là bộ thủy, phần chỉ âm lần lượt là lôi [雷] và trác [卓]). Bản ông Nguyễn Khắc Hiếu theo chữ trác phiên âm là “trát” không thật đúng. Bản ông Trần Trọng Kim phiên âm là “giạt” thì thực là vô nghĩa. “Hoa trôi trôi thắm” = vẻ mặt Kiều đương hồng hào đẹp thế mà bỗng hóa ủ ê buồn tái nhợt đi.

Câu 582 – “*Rụng rời đọt liễu, tan tành cội mai*” – “Đọt” = nhánh cây non mập mạp mới mọc rất mạnh từ gốc lên cây, có thể thành thân cây thứ hai được. “Cội” = gốc cây già cứng giữ cho cây bền vững. “Đọt liễu” tượng trưng hai cô gái trẻ: Kiều, Vân. “Cội mai” tượng trưng Vương bà có vẻ già cứng thanh tao như cây mai và là chủ cốt gia đình. Vì chữ “đọt” nôm viết [mộc 木 + đọt 突] gần giống chữ “giọt” [bộ thủy + đọt] nên thợ khắc bản in gỗ trước quen tay khắc làm “đọt” ra “giọt.” Các nhà xuất bản sau, vì không biết sự khác làm đó, công nhận chữ [澗] (giọt) và giảng nghĩa gương giọt liễu là những giọt dây lưng đàn bà con gái buông xuống ở trước bụng; rồi thấy “cội mai” [檜 梅] đối với giọt liễu không chỉnh, lại đổi “cội mai” ra “gối mai” [檜 梅] vì [檜] cũng đọc là “gối”. Xét ra chỉ vì chữ “đọt” khắc làm ra “giọt” đó mà người sau đều biết câu này nghĩa không êm xuôi, mới mỗi người một ý, đổi sai thành ra: (a) Rụng rời giọt liễu, tan tành gối mai – (b) Rụng rời bọc liễu, tan tành cỗi mai – (c) Rụng rời khung dệt, tan tành gói may – (d) Tan hoang khung cửi, tan tành gói may. Hết thấy đều lạc nghĩa, nực cười.

Câu 586 – “*Vì ai đơm giậm, đặt giậm bồng dung*” – “Giậm” = cái vợt đan to bằng tre để đơm cá. Miệng giậm hình bán nguyệt dài chừng gần 2 mét, buộc ngang trên đầu cái cán dài. Khi bắt cá người ta cầm đầu kia cán, bất kỳ đặt nghiêng miệng giậm xuống phía ngoài một góc ao cá, rồi lấy chân lừa cá vào giậm mà nhấc lên. “Giậm” = một thứ lưới rộng để bắt chim. Người ta đặt lưới ở chỗ ruộng mới gặt xong, rồi đặt chim mồi và rắc những ré lúa còn thóc để dụ đàn chim trời xuống

ăn, rồi bất kỳ giặt lưới úp bắt. Ta hay nói “đom giậm, đặt giậm” vẫn tắt là “đom đặt” để nói bày mưu kế mà người mắc vào tội vạ. Câu thơ này cốt ý ở hai chữ “đom đặt” là bỗng dưng gán tội vạ cho người.

Câu 635 – “Ngại ngừng rợn gió e sương” – Chữ “rợn,” ở bản nôm viết là [涵] hay [口+面], chỉ dịch ra “rợn” là vừa đúng tiếng vừa đúng nghĩa là hổ thẹn, cực khổ quá làm lạnh lùng rùng rợn cả người. Các bản quốc ngữ hiện thời bản thì dịch là “dính”, giảng là tiếng cô nghĩa là e lệ. Nếu là “dính” thì bản nôm sao không viết là [緜] (diễn)? Có bản lại dịch là “dạn” thì sai ý nghĩa.

Câu 646 – “Nghệt nhà nhờ lượng người thương dấm nài” – Chữ “nghệt” bản nôm in là [𠄎] (chữ Hán đọc là ngạt và nghĩa là xấu). Vì chữ [𠄎] này ít dùng, ít người biết chính âm là gì, nên mỗi người phiên âm một khác: là “ngặt”, là “dóp” đều xa âm chữ [𠄎] ngạt cả; chỉ có chữ “nghệt” là vừa đúng âm vừa đúng nghĩa. Dân quê ta thường dùng chữ nghet để nói khi nhà gặp cơn vận hạn túng bán. Ví dụ như người khất nợ nói “nhà tôi dạo này vận hạn mãi, thật tình nghet quá, vậy xin ông khoan hạn cho ít lâu, tôi sẽ xin trả dần đủ số.”

Câu 665 – “Theo lời càn sỏi dòng châu” – Chữ “sỏi” câu này, bản nôm cũ in là “suế” và viết [礻+ 𠄎] (chấm thủy + chữ suế). Chữ suế [𠄎] là lông tơ súc vật cũng ít dùng nên ít người biết. Hồi năm 1947, cụ huyện Phù lưu Hoàng Mộng Lệ tản cư về nhà tôi ở làng Hương Mặc, thường hay bàn truyện Kiều với tôi. Một hôm cụ nói “Tôi khảo cứu truyện Kiều đã 50 năm nay rồi, mà có một chữ tôi vẫn không hiểu đọc là gì cho đúng, đó là chấm thủy bên 3 chữ mao.” Rồi cụ giở cuốn Kiều nôm cũ chỉ cho tôi xem chữ [𠄎] ở câu này. Tôi bèn giở Khang Hi Tự Điển ra tra thì thấy chữ đó đọc là suế. Tôi nghĩ một hồi rồi nói với cụ “Có lẽ là chữ sỏi, do chữ suối đọc trạnh ra và nghĩa là chảy ra như suối.” Cụ bật cười nói “Tôi cũng nghĩ thế mới đúng!” Rồi cụ nói tiếp “Thế mà các nhà tái bản họ không biết, họ đổi bừa ra sỏi, ra chảy, ra rôi, thật mất cả hay!” Cụ còn nói nhiều câu các bản Kiều bây giờ in sai với bản cổ, đại khái như câu “lờ thu thủy, nhọt xuân sơn” in làm ra “làn thu thủy, net xuân sơn.” Cụ có hẹn tôi cụ sẽ đọc cho tôi nguyên văn bản Kiều cũ nhất của cụ. Nhưng chưa kịp thì cụ lâm bạo bệnh rồi qua đời. Vậy đây xin ghi lại mấy lời làm kỷ niệm.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Chín hồi* là chín khúc ruột, do chữ Hán [九 回 腸 = cửu hồi trường] dịch ra. Cổ nhân cho rằng cái bụng chủ trương tư tưởng, mà trong bụng thì có chín khúc ruột xếp thành chín vòng.

[2] *Trông chừng khói ngát song thưa* – Câu này dịch ở câu chữ Hán [疎 窗 只 見 烟 高 = sơ song chỉ kiến yên cao = trông ra ngoài cửa sổ có những chấn song thưa, chỉ thấy khói cao] ý nói trông chẳng thấy bóng Kim Trọng đâu, chỉ thấy khói bốc cao mù mịt.

[3] *Hoa trôi trôi thắm* – Xem lời đính chính câu 572 bên trên.

[4] *Ngoại hương* = làng bên họ ngoại.

[5] *Sai nha* = lính tráng do tòa án sai về.

[6] *Người nách thước, kẻ tay dao* – Những lính tráng quan sai về nhà dân trước kia thường võ trang bằng tay thước và mã tấu. *Tay thước* = thanh gỗ dài độ 1 m, rộng độ 4 cm và dày độ 2 cm, bào nhẵn sơn bóng, một đầu có dùi lỗ xuyên dây để đeo lên vai được và cặp vào nách. *Mã tấu* = thứ dao to lính mang để làm nghi vệ và để đánh nhau.

[7] *Đầu trâu mặt ngựa* – Theo sách Khuyển Thiện, ở tòa Diêm Vương dưới âm phủ có những lính quỷ, đưa thì đầu trâu có hai sừng, đưa thì mặt ngựa mõm dài, đều rất hung hãn và tàn ác.

[8] *Già* [枷] = cái gông đeo vào cổ. *Giang* [杠] = cái cùm khóa vào tay. Hai chữ này ở đây dùng làm động từ, ý nói đóng gông đóng cùm vào Vương Ông và Vương Quan.

[9] *Vô loại* [無 類] = không nhân đức như loài người. *Dây vô loại* = cái dây tàn ác chỉ để trói người, tức là cái thừng của lũ sai nha vô nhân đạo. *Hai thâm tình* = hai bố con họ Vương.

[10] *Tiếng ruồi xanh* = Ý nói tiếng lũ tiểu nhân tham lam bản thiêu thết lác, hồng hách, ồn ào như đàn ruồi nhặng.

[11,12] *Đọt liễu* chỉ Kiều và Vân. “*Cội mai*” chỉ Vương bà – Xem lời đính chính câu 582 bên trên.

[13] *Té* [細] = nhỏ. *Nhuyễn* [軟] = mềm. *Đồ té nhuyễn* là những đồ bé nhỏ quý báu như tiền, đồ trang sức, quần áo phụ nữ.

[14] *Túi tham* lấy ý từ chữ Hán [貪囊無底 = tham nang vô đẽ = túi tham không có đáy].

[15] *Đom giậm đặt giậm* – Xem lời đính chính câu 586 bên trên.

[16] *Xưng xuất* [称出] = kê tù tội khai tên ai ra là đồng phạm với nó. Thường lữ làm việc quan tham những vẫn bắt kê tù tội khai tên vu cho ai để chúng làm tiền hay để trả thù người ấy.

[17] *Thằng bán tơ* – Triều nhà Minh nước Tàu rất ghét nước Nhật, muốn hãm nghề dệt tơ lụa của Nhật, nên cấm dân bán nguyên liệu cho Nhật ; ai phạm tội thì bị tử hình. Nhưng vì người Nhật mua tơ với giá rất cao, nên vẫn nhiều người Tàu bán tơ lụa cho Nhật. Một người buôn lậu tơ với Nhật bị nhà chức trách theo dõi, có vào dự bữa tiệc thọ, ngồi ăn với bố con ông Vương. Khi bắt nó và thấy nhà Vương ông cũng khá giả, bọn tham quan ô lại bèn bắt nó khai ra là buôn tơ chung với bố con họ Vương để chúng lấy cớ bắt oan mà tống tiền họ.

[18] *Tiếng oan dậy đất* = tiếng kêu oan rung động cả đất.

[19] *Án ngờ lừa mây ý* nói làm tội người ta một cách oan ức, không coi pháp luật và trời đất ra gì. Sách cổ có chữ che bọn gian tà [一手遮天 = nhất thủ giã thiên = một bàn tay của kẻ gian tà che kín được cả trời] làm cho người bị vu oan như vương mây không thể kêu lên trời được.

[20] *Hạ từ* = những lời chịu hạ mình xuống bực thấp hèn để kêu oan.

[21] *Lân tuất* [憐恤] = thương xót người khổ. *Tai lân tuất* = tai nghe người khổ kêu thì biết thương xót. Nhưng lữ sai nha này nghe người khổ kêu oan chúng chẳng thương chút nào, như thể chúng bị điếc không nghe thấy gì cả.

[22] *Phũ tay tời tàn* = cái tay đánh người ta thì thật phũ phàng tàn bạo.

[23] *Rường cao* = xà ngang cao nhất ở giữa gian nhà.

[24] *Một ngày ý* nói xưa nay cái lũ sai nha nó vẫn tàn ác như thế, chứ đâu phải mới có một ngày như thế là lần đầu mà lạ.

[25] *Khốc hại* [酷 害] = độc ác tàn khốc.

[26] *Ngộ biến* [遇 變] = gặp lúc tai biến xảy ra bất ngờ. *Tòng quyền* [從 權] = nghĩa đen là theo cán cân ; nghĩa rộng (ra việc đời) là khi gặp việc gì bất ngờ xảy ra, ta phải suy nghĩ kỹ, như dùng cái cân mà nhắc lên xem đằng nào nặng hơn thì theo. Ở đây Kiều nhắc cân lên xem, thì thấy bên hiểu nặng hơn, nên nàng phải bỏ bên tình.

[27] *Cù lao* [劬 勞] = khó nhọc. *Đức cù lao* = công đức cha mẹ nuôi con khó nhọc. Trong Kinh Thi có câu [哀 哀 父 母 生 我 劬 勞 = ai ai phụ mẫu sinh ngã cù lao = thương thay cha mẹ nuôi sống ta khó nhọc].

[28] *Thệ hải minh sơn* [誓 海 盟 山] – *Thệ* = lấy lời nói mà thề. *Minh* = giót chén rượu cúng khấn, rồi thề và cùng uống với nhau. Trong Tình Sử có câu [海 誓 山 盟 = hải thệ sơn minh = chỉ biển mà ngỏ lời thề, chỉ núi mà uống lời thề] hàm ý “bao giờ biển cạn hết nước, núi mòn hết đá thì lời thề mới tan.”

[29] *Sinh* [生] = đẻ ra và nuôi cho sống. *Thành* [成] = chăm non dạy bảo cho con thành người khác.

[30] *Dễ cho để thiếp bán mình chuộc cha* = lời Kiều từ tạ Kim Trọng, và nghĩa là “xin chàng hãy nén lòng, đừng giận trách thiếp, mà cho thiếp được bán mình để chuộc đời của cha.”

[31] *Lại già* dịch từ chữ Hán *lão lại* [老 吏] = người già làm việc giấy tờ đã lâu ở văn phòng các quan tòa.

[32, 33] *Nha dịch* [衙役] = những người làm việc ở văn phòng các quan hành chính, tòa án ; họ thường hay điên đảo pháp luật để bắt nạt dân lấy tiền của. *Từ tâm* [慈心] = có lòng nhân từ thương người. Tác giả dùng câu này để mỉa mai bọn nha dịch bất lương.

[34] *Lạng* [兩] = một đơn vị của phép cân ta (cũng gọi là “lượng”) nặng chừng 37 grams. Xưa kia ta chỉ đúc tiền bằng đồng, bằng kẽm để tiêu, còn vàng hay bạc thì để vụn, mỗi khi tiêu phải dùng một cái cân nhỏ mà cân. Trong sách Tàu người ta thường hay nói nghìn vàng, tức là nghìn lạng bạc, không phải nghìn lạng vàng. Câu nói *ngoài bốn trăm* tức là hơn bốn trăm lạng bạc.

[35] *Tạm phó giam ngoài* = ông họ Chung bảo đảm đem Vương ông và Vương Quan về giữ tạm ở nhà ông để đợi xét xử, tránh không phải bị gông cùm ở trong nhà giam nữa.

[36] *Qui liệu* [規料] = lo chạy đúng hạn cho đủ số tiền đem nộp.

[37] *Thương lòng con trẻ thơ ngây* – Chữ *thương lòng* câu 615 này ứng với chữ *xót vay* ở câu 610, nghĩa là Chung công thấy Kiều còn thơ ngây mà gặp vạ gió tai bay, nên lòng ông thương xót cho nàng. Bản ông Trần Trọng Kim cho là lòng Kiều tự thương, và bản kinh cho là tác giả thương cho cảnh Kiều, đều là làm cả và làm mất ý nghĩa mạch văn.

[38] *Vạ gió tai bay* lấy ý từ câu chữ Hán [橫禍飛災 = hoành họa phi tai = tai vạ bỗng dưng xảy ra như gió đưa đến].

[39] *Tử biệt* [死別] = chia rẽ nhau bởi kẻ chết, người sống. *Sinh ly* [生離] = lìa rẽ nhau bởi người ở nhà, kẻ phải bỏ nhà ra đi lúc còn sống.

[40] Nghĩa bóng của *hạt mưa* đây là thân phận con gái. Phong giao ta có câu nói về con gái “thân em như hạt mưa rào / hạt rơi xuống giếng hạt vào vườn hoa” – hàm ý cô nào số tốt thì như hạt mưa rơi vào vườn hoa, vừa sạch sẽ vừa thơm tho ; cô nào xấu số thì như hạt rơi xuống giếng, tối tăm chìm đắm chẳng ai ngó tới nữa.

[41] *Đem tác cỏ đền ba xuân* – Trong một bài thơ của thi sĩ Mạnh Giao đời Đường có câu [誰言寸草心報答三春暉 = thùy ngôn thôn thảo tâm báo đáp tam xuân huy = ai bảo tác ruột cỏ báo đáp lại được khí sáng tốt đẹp ba tháng mùa xuân]. Trước kia ta vẫn dùng bác ở ruột cỏ, để làm môi đốt đèn dầu hột. “Có khí sáng đẹp ba tháng xuân thì cỏ mới lên được” hàm ý “có công ơn cha mẹ sinh dưỡng thì con mới thành người được.” Vậy con phải hết lòng báo đáp công ơn cha mẹ, cũng như cây cỏ nọ đem ruột bác ra đốt đèn soi sáng để báo đáp lại khí sáng mùa xuân.

[42] *Sự lòng* do chữ Hán *tâm sự* [心事] dịch ra, có nghĩa là việc mình định làm ở trong lòng.

[43] *Băng nhân* [冰人] = người đứng ở trên làn nước đá = người đứng ra làm mối. Xưa có người nằm mơ thấy mình nói chuyện với một người đứng ở trên băng. Tò mò, ông ta nhờ người đoán hộ xem đó là điềm gì, thì thầy đoán mộng cho biết là điềm sắp có người làm mối vợ cho, vì người đứng ở trên mặt băng là ương, bóng người đó ở dưới mặt băng là âm, tức là nối âm dương liền với nhau. Sau quả nhiên ông ta được người làm mối vợ cho thật.

[44] *Tin sương* dịch từ chữ Hán *sương tín* [霜信] = tin trời báo trước là sắp có sương mù đến, như nếu thấy chim le, chim sếu ở phương bắc bay về thì liệu sắp sửa mọi sự phòng rét. Trong văn cảnh này thì *tin sương* = tin Kiều định bán mình đôn vang đây đó.

[45] *Viễn khách* [遠客] = người khách lạ ở phương xa đến.

[46] Việc cưới xin của người Tàu thời xưa có 6 lễ :

1. *Nạp thái* [納采] = ngỏ lời kén chọn (ta gọi là lễ gạ).
 2. *Nạp cát* [納吉] = nhận lời cho biết là tốt đôi.
 3. *Vấn danh* [問名] = hỏi tên tuổi dâu rể (để hai bên làm lễ cáo tổ tiên).
 4. *Nạp trưng* [納徵] = dẫn đồ cưới (ta gọi là dẫn cưới).
 5. *Thỉnh kỳ* [請期] = xin nhà gái định ngày cưới (ta gọi là xin cưới).
 6. *Thân nghinh* [親迎] = nhà trai đón dâu về – *Vu quy* [于歸] = nhà gái đưa con về nhà chồng.
- Đây nói ngay đến *vấn danh* để tỏ ý mua bán, thật đáng thương cho Kiều !

[47] *Lâm thanh* là một huyện ở gần Bắc Kinh, còn quê thật của Mã Giám Sinh thì ở huyện *Lâm tri* rất xa. Tên chữ Hán của hai huyện này khi viết chỉ khác nhau có một nửa ở chữ thứ hai thôi : [臨 清] = *Lâm thanh* so với [臨 淄] = *Lâm tri*. Mã Giám Sinh nói dối có hai mục đích lừa nhà gái – vừa để nhà gái tưởng gần dễ bằng lòng, vừa để sau này khó tìm và khôi sinh kiện cáo. Vì vậy sau này Kim Trọng tìm cả mười mấy năm trời mà không thấy Kiều ở đâu.

[48] *Quá niên* = đã quá tuổi thanh niên nhưng chưa già.

[49] *Sỗ sàng* = trơ tráo, thô bỉ, vô lễ.

[50] *Lệ hoa* = nước mắt đầm đìa trên mặt Kiều (tựa như những giọt mưa đọng ở đóa hoa ủ rũ).

[51] *Dọn gió e sương* – Xem lời xác định câu 635 bên trên.

[52] *Ngừng hoa bóng thẹn* = vừa ngại ngừng dờ đi dờ đứng, vừa nhìn xuống dãy hoa thấy bóng mình ở trên hoa mà thẹn với hoa.

[53] *Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai* – Câu này tả vẻ buồn của cô gái thanh tao lịch sự tuyệt hạng mà gặp cảnh ê chề nhục nhã quá sức. Tuy buồn rầu khổ đau mà cô vẫn nguyên vẻ thanh cao, theo ý câu chữ Hán [容 淡 如 菊 骸 瘦 如 梅 = dung đạm như cúc cách sấu như mai = vẻ mặt buồn nhạt như hoa cúc, hình dạng khô gầy như cành mai].

[54] *Dặt dìu* mô tả lời nói đả đo, lựa ý và tùy cơ nữa mà mặc cả.

[55] *Lam Kiều* = nơi có núi Lam Điền trồng ngọc và có nhiều tiên nữ cư ngụ.

[56] *Sính nghi* [聘 儀] = đồ dẫn cưới. Đây tức là Mã Giám Sinh hỏi lấy bao nhiêu tiền, nhưng nói là *sính nghi* cho lịch sự, cho hợp với lễ cưới.

[57] *Nghệt nhà* – Xem lời xác định câu 646 bên trên.

[58] *Ngã giá* = cuộc mặc cả đã thành giá, đôi bên cùng thỏa thuận.

[59] *Êm giằm* – Câu tục ngữ “buông tay giằm, cầm tay lái” nghĩa là khi lái đò mặc cả với khách hàng đã thành giá rồi, thì bỏ tay giữ cái giằm hãm thuyền ra, cầm lấy mái chèo để cho thuyền đi.

[60] *Canh thiếp* [庚帖] = tấm thiếp biên *niên canh* [年庚] (tuổi năm sinh) và tên của cô dâu và chú rể.

[61] *Nạp thái, vu quy* – Xem lời chú thích [46] về “vấn danh” bên trên.

[62] *Tiền lưng* = tiền sẵn có trong tay để lo mọi việc.

[63] *Khất từ tạm lĩnh* = làm đơn xin mang tạm Vương ông về nhà.

[64] *Trao tơ* – Theo sách Thiên Bảo Dị Sử, Trương Gia Trinh đời nhà Đường có 5 cô con gái, muốn gả một cô cho Quách Nguyên Trấn là một thanh niên có tài hơn người. Ông đưa cho mỗi cô cầm đầu một sợi chỉ to dài màu khác nhau, ngồi ở nhà trong. Rồi ông dùng các sợi tơ đó ra nhà ngoài, bảo Nguyên Trấn chọn lấy một sợi, đúng sợi cô nào thì lấy cô ấy. Nguyên Trấn rút lấy sợi màu đỏ, lấy được cô thứ ba là cô đẹp nhất. Đó là tích *trao tơ*.

[65] Sau đây là tích *gieo cầu* : Theo sách Tam Hợp Bảo Kiếm, Hán Vũ Đế kén phò mã bằng cách cho công chúa ngồi trên lầu, ném quả cầu bằng gấm thêu xuống lũ con trai vua đã kén đi lại ở dưới, quả cầu trúng người nào thì người ấy được làm chồng cô.

[66] *Vu thác* = đặt ra tội mà vu cho người ta phải chịu.

[67] *Một lần* = một lần chết – ý nói trước sau thế nào cũng có một lần chết.

[68] *Nàng Oanh* – Theo truyện Liệt Nữ của Lưu Hướng đời Vua Hán Văn Đế, Thuần Vu Ý bị án tử hình. Con gái Vu Ý là *Đề Oanh* [緹縈] dâng thư lên vua xin nộp mình vào làm quan tỳ (kẻ sai

vật) suốt đời trong một công sở, để chuộc tội cho cha. Vua xem thư rất thương tình, liền tha án tử hình cho cha nàng.

[69] *Á Lý* – Theo sách Tụng Thư đời Đường, nàng Lý Ký nhà nghèo tình nguyện bán mình làm lễ cúng thần rắn để lấy tiền nuôi cha mẹ. Sau nàng giết được rắn thần và lấy được vua Việt Vương.

[70] *Cội xuân* = biểu tượng của người cha già làm cội gốc cho gia đình. Theo Trang Tử, cây xuân sống rất lâu (có thể đến 8 ngàn năm) cho nên trong văn chương, người cha được con cái gọi là *xuân đường* [椿 堂] (nhà xuân) để tỏ ý mong cha sống lâu mãi mãi. *Tuổi hạc* – Người xưa nói con chim hạc và con rùa đều sống hàng nghìn năm, cho nên trong văn chương tuổi già được gọi là *hạc toán* [鶴 算] (tuổi hạc) hay *quy linh* [龟 龄] (tuổi rùa).

[71] *Lòng tơ* = lòng vương vít vì tình. Câu này Kiều nói nếu cha không dứt tình thương con đối với nàng.

[72] *Chẳng đở* = chẳng nuôi được, chết ngay từ lúc mới đẻ.

[73] *Tờ hoa* = tờ văn tự bán Kiều, viết bằng giấy hoa tiên (một thứ giấy viết thư có in hình cảnh hoa đỏ).

[74] *Trăng già* = do điển tích [月下老人 = nguyệt hạ lão nhân = ông già ngồi dưới trăng (se chỉ kết duyên vợ chồng)].

[75] *Đổi trắng thay đen* = câu tục ngữ để nói về lũ tham quan ô lại bồng dung buộc tội oan cho người dân để dọa nạt làm tiền (đổi trắng ra đen) ; khi đã được tiền dứt lót rồi thì lại xóa tội đi (đổi đen ra trắng).

[76] *Lẽ tâm* = cửa dứt lót thâm kín làm lũ quan tham được vừa lòng.

[77] *Tụng kỳ* [訟 期] = thời gian hầu kiện ở tòa án.

Diễn ra văn xuôi

Câu 569, 570 = Chàng Kim đi rồi, Kiều vẫn còn đứng ở trước mái hè phía tây nhà, bồi hồi như trăm mối tơ vương vít trong lòng.

Câu 571, 572 = Nàng đưa mắt nhìn qua hàng trần song thưa cửa sổ, chỉ thấy một vùng khói bốc lên cao trên phía chàng đi. Mặt mày nàng ủ rũ tê tái, mắt hết vẻ hồng hào tươi đẹp như hoa, như liễu.

Câu 573, 574 = Nàng đương ngo ngẩn dạo bước lên lầu trang thì đoàn mừng thọ ở bên ngoài về đến nhà.

Câu 575, 576 = Nàng chưa kịp chào mừng hỏi han hết lời thì bỗng thấy một bọn sai nha kéo vào, thét lác om sòm tứ phía.

Câu 577, 578 = Người thì tay thước cặp nách, kẻ thì mã tấu cầm tay, trông như lũ quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa, quát thét hung hăng, dữ tợn nóng nảy, ào ào như nước sôi một lượt.

Câu 579, 580 = Chúng gông cổ cùm tay Vương ông và Vương Quan, rồi lấy một chiếc thùng ra tay độc ác vô nhân đạo, trói hai bố con vào với nhau.

Câu 581, 582 = Chúng hung hăng như đám ruồi xanh quát thét vang nhà làm bạt vía hai cô gái trẻ đẹp như hai đọt liễu xanh non, và một bà già khô gầy như gốc mai già.

Câu 583, 584 = Bao nhiêu những đồ quý giá vật vãnh dễ mang, và những vải vóc áo quần mềm đẹp dễ cuốn gói với những tiền bạc của cải riêng tây, chúng đều vơ vét hết sạch cho hả lòng tham như túi không đáy.

Câu 585, 586 = Rõ thật là một điều lạ lùng, ai đã đưa vạ gió tai bay ở đâu đến buộc vào nhau như vậy ? Ấy ai đã bỗng dựng đơm đặt ra tội nọ tội kia như đơm giậm để bắt cá, đặt giậm để bắt chim như vậy ?

Câu 587, 588 = Sau hỏi ra mới biết rằng bị thằng bán tơ nó tiêu xung cho hai bố con Vương ông đã đồng mưu buôn lậu tơ với nó để bán cho kẻ thù (tức là người Nhật thời ấy).

Câu 589, 590 = Cả nhà nghe nói bị vu oan cho tội to như vậy đều ngẩn ngơ rất hoảng sợ ; tiếng kêu oan đã làm rung động cả đất, và cái tội án vu vợ này đã tối tăm như mây phủ kín trời chẳng biết kêu cầu lên ai được.

Câu 591, 592 = Cả nhà bây giờ đành phải chịu hèn, van vỉ chúng suốt ngày. Nhưng ôi ! Tai lũ này như điếc, chẳng nghe thấy những lời van vỉ thảm thê đáng thương xót ấy, mà cái tay đánh đập tàn ác của chúng lại càng phũ phàng thêm.

Câu 593, 594 = Chúng lấy một dây thừng oan độc, một đầu trói buộc hai chân người ta, rồi vắt đầu thừng kia lên trên cái rường cao giữa nhà mà kéo ngược hai cha con họ Vương lên lưng lẳng dưới mái nhà, làm cho dẫu là sắt đá cũng phải rùng rợn, huống chi là người ruột thịt.

Câu 595, 596 – Trông thấy mặt người bị treo đầu đón, ai cũng phải sợ hãi rụng rời. Ôi cái cuộc oan uổng này thật hết kêu cứu với ai, chỉ còn cách kêu trời, thì trời lại cao xa quá, kêu sao cho thấu được đến tai trời.

Câu 597, 598 = Nguyên cái lẽ thói lũ sai nha xưa nay nó vẫn vậy, chứ đâu phải mới có ngày hôm qua là một, mà ta cho là lạ lùng. Chúng đánh trói tàn khốc như thế, chẳng qua là chỉ cốt để lấy tiền thôi.

Câu 599, 600 = Muốn cứu cho tính mạng của cha và em được an toàn thì phải có nhiều tiền bạc cho bọn này. Nhưng nhà mình vốn đã chẳng giàu, lại bị chúng nó vợ vét hết cả của cải rồi, thì lấy đâu ra tiền bạc ? Chỉ còn mỗi một cách là ta phải liều thân bán mình đi thôi. Nhưng khôn nổi, còn vương lờl thế nặng với chàng Kim thì sao ? Nhưng đành thôi vậy, gặp biến thì ta phải tòng quyền chứ biết tính sao bây giờ !

Câu 601, 602 = Kiêu suy tính : Một bên là duyên gặp gỡ thề ước với chàng, một bên là công đức sinh thành của cha – ta phải cân nhắc xem bên tình bên hiếu, bên nào nặng hơn.

Câu 603, 604 = Nàng thấy bên hiếu nặng hơn, nên nàng mới dẹp những lời chỉ biển chỉ núi mà thể với chàng để lại một nơi bên lòng, mà nghĩ đến đạo làm con là trước hết phải đền ơn sinh thành của cha mẹ.

Câu 605, 606 = Nghĩ vậy, nàng mới quyết tình hạ bên tình xuống. Rồi lòng nàng đau khổ như nghẹn ngào nức nở, mà như ngỏ lời van lơn từ biệt chàng Kim rằng “Xin chàng hãy khoan khoan, hãy dễ dàng nén lòng nhớ tiếc thiếp đi, nén lòng giận trách thiếp đi, mà cho phép thiếp bán mình để chuộc tính mạng cha thiếp !”

Câu 607, 608 = Bấy giờ có một lại giả họ Chung, tuy cũng ở trong bọn nha dịch, nhưng lại có lòng nhân đức.

Câu 609, 610 = Ông thấy nàng có tình thương bố sâu xa quá, nên tuy chẳng họ hàng gì, ông cũng thương thâm xót vay cho nàng.

Câu 611, 612 = Rồi ông tính việc lo chạy giúp nàng, và bảo nàng là ông đã tính dứt lốt mọi nơi, tất cả phải hết chừng 300 lạng bạc thì việc này mới xong xuôi được.

Câu 613, 614 = Rồi ông bảo lĩnh được tạm đem Vương ông và Vương Quan về giữ ở nhà ông để chờ ngày xét xử, thay vì bị cùm giam trong ngục tù. Ông bảo Kiều phải liệu thu xếp lo chạy cho đủ số tiền trong vài ba ngày rồi đưa cho ông.

Câu 615, 616 = Sỡ dĩ ông tận tâm giúp đỡ Kiều như vậy là vì lòng ông thương hại cho Kiều tuổi còn trẻ thơ mà gặp cơn vạ gió tai bay to tát bất kỳ như vậy.

Câu 617, 618 = Còn về phần nàng, thì thật đau lòng quá đỗi, sắp sửa phải xa lìa bố mẹ, thà chết đi mà lìa nhau còn hơn. Thân mình còn lìa bỏ chẳng tiếc, thì còn tiếc gì đến duyên với tình nữa.

Câu 619, 620 = Nhưng nàng biết thân phận con gái vốn hèn mọn như hạt mưa rào nói trong ca dao, dẫu sa xuống giếng cũng đành chịu, nên nàng đành không hơi đâu nghĩ đến thân nữa. Thế là nàng

quyết liều thân báo ơn cha mẹ, như cây cỏ bắc kia nó đã đem ruột nó ra làm tim đốt đèn soi sáng để báo đáp lại ánh sáng ba tháng xuân đã nuôi lớn nó.

Câu 621, 622 = Nàng kể cho người làm mối biết nỗi lòng của nàng, và nhờ người ta làm mối cho. Tin nàng bán mình đồn đi chóng lấm, làm xôn xao cả một vùng.

Câu 623, 624 = Có một mục ở gần đó đưa một người khách ở xa đến, vào nhà nàng xin làm lễ vấn danh.

Câu 625, 626 = Hỏi tên khách thì hắn nói là Mã Giám Sinh (tức là họ Mã, đỗ Giám sinh). Hỏi quê quán ở đâu thì hắn nói là ở huyện Lâm Thanh gần đây thôi. (Tên thật hắn là Mã Bất Tiến và quê thật là ở huyện Lâm Tri rất xa, nhưng hắn khai man, mập mờ để lừa nhà họ Vương. Xem lời chú thích [47] về huyện Lâm Thanh bên trên).

Câu 627, 628 = Trông mặt thì thấy tuổi hắn độ ngoài bốn mươi, đã quá tuổi thanh xuân rồi, nhưng mày râu sửa cạo rất nhẵn nhụi và áo quần sấm sửa rất bảnh bao. (Hai câu tả mặt mày quần áo này cho ta biết hắn là người không đứng đắn rồi).

Câu 629, 630 = Khi Mã đến, lũ đầy tớ theo hầu xôn xao ồ ạt một lượt. Mục mới vào giới thiệu trước rồi đưa khách vào lầu trang. (Chữ xôn xao tả đúng là lũ hầu tớ thuê mượn tạm thời để làm ra vẻ quan sang, nhưng chẳng có lễ phép trật tự gì cả).

Câu 631, 632 = Vào nhà rồi, Giám Sinh chẳng đợi ai mời đã ngồi tót ngay lên ghế cao nhất, chẳng có lễ độ chút nào. Còn mục mới thì vào buông giục nàng ra ngay cho khách xem mặt.

Câu 633, 634 = Về phần nàng lúc đó thật khốn cực đủ đường, đã thương tẩm thân thanh cao của mình như thế, mà bị người ta coi như vật giữa chợ, lại thêm nỗi cần kíp cho nhà mình là một gia đình lịch sự lễ phép như thế mà nay phải đón một kẻ thô bỉ sỗ sàng này vào nhà cho nó dám khinh rẻ gia đình mình như vậy. Nhưng nàng vẫn phải lê từng bước đi ra, mỗi một bước trên thêm hoa là mấy hàng lệ tràn trụa trên mặt hoa nàng.

Câu 635, 636 = Nàng đi thật ngại ngùng từng bước và cảm thấy hổ thẹn ê chề quá thành ra lạnh lùng cả người như mình ôm nặng rùng rợn trước gió, ngại ngoài sương, nhìn xuống dãy hoa thì thấy bóng mình thẹn với hoa, trông vào gương thì thấy mặt mình rõ thật dạn dày như nhuốc.

Câu 637, 638 = Nàng đã khỏ tâm thẹn mặt như thế, lại thêm nỗi mụ mới coi nàng như con vật đem bán, lúc thì vén tóc nàng lên để khoe với khách là mặt nàng đẹp, lúc lại cầm tay nàng lên vuốt ve khoe với khách là tay nàng đẹp. Nét mặt nàng bấy giờ thật buồn thẹn quá, nhưng vẫn có vẻ thanh tao như hoa cúc, người nàng bấy giờ hóp gầy quá, nhưng vẫn có vẻ đẹp đẽ như cành mai.

Câu 639, 640 = Rồi họ còn đấn đo cân nhắc mãi bên sắc bên tài, sắc tuy đẹp đó, nhưng tài thì có tài gì không ? Nên khi thì họ bắt gảy đàn cho nghe, khi thì bắt nàng đề thơ vịnh vào chiếc quạt để xem văn hay chữ tốt thế nào.

Câu 641, 642 = Khi khách thấy bên tài bên sắc, mọi điều mọi vẻ đều đẹp đẽ mặn mà đáng ưa đáng quý cả, khách bằng lòng rồi, mới đưa lời dò ý, để tùy cơ mà nói đến chuyện giá cả mua bán, khi tiến khi lui cho khỏi hớ.

Câu 643, 644 = Khách nói “Tôi đến đây, như đến đất Lam Kiều để mua ngọc, vậy lễ dẫn cưới xin cho biết rõ là định lấy bao nhiêu ?”

Câu 645, 646 = Mụ mới thay mặt nhà gái nói “Kể ra thì giá thật đáng nghìn vàng, nhưng không may gặp lúc nhà đang túng thiếu, vậy xin người rộng lượng cho bao nhiêu thì cho, chứ đâu dám nài.”

Câu 647, 648 = Rồi hai bên cò kè mãi với nhau, mụ mới thì xin thêm hai, chàng Mã thì xin bớt một, mặc cả một hồi lâu mới thỏa thuận ngã giá là bốn trăm lạng bạc.

Câu 649, 650 = Khi hai bên đã nhận lời êm thỏa mọi bề rồi, họ mới tạm trao cánh thiệp cho nhau cầm làm bằng chứng, và coi như lễ vấn danh đã xong.

Câu 651, 652 – Và liền định ngày làm lễ “nap thái” và ngày làm lễ “vu quy.” (Chữ nap thái đây đáng lẽ phải nói là nap trung hay nap tê là lễ dẫn cưới thì mới đúng, nhưng có lẽ đây dùng lễ nap thái là lễ đầu tiên, và lễ vu quy là lễ cuối cùng cho tỏ vẻ đủ đầu đuôi 6 lễ). Ôi trò đời thế mãi, hễ trong tay sẵn có nhiều tiền thì việc gì cũng làm được xong xuôi cả ; cưới một cô gái tài sắc thanh cao như thế, mà sao dễ dàng mau chóng đến như vậy !

Câu 653, 654 = Chắc là có đủ tiền rồi, Kiều mới nói với Chung công xin làm đơn xin tạm lĩnh Vương ông về nhà để ký văn tự bán nàng.

Câu 655, 656 = Khi Vương ông về nhà biết vậy, ông rất đau lòng. Con thì trẻ, cha thì già mà gặp cảnh thảm thê sắp lìa bỏ nhau ; ông nhìn con như muốn học máu ra, ruột đau như cắt.

Câu 657, 658 = Ông than khóc rằng “Cha nuôi con những mong ước rồi đây sẽ kén cho con được người chồng xứng đôi vừa lứa, để con được làm dâu một nơi đáng cha đáng mẹ. ”

Câu 659, 660 – “Nay sao trời nỡ làm cho ta phải khổ cực thế này hồi trời ! Ấy ai đã vu oan giá họa cho người ta, khiến cha con đang sum họp vui vầy mà bỗng phải chia lìa nhau một cách đau khổ như thế này ? ”

Câu 661, 662 = “Thôi ! Cái thân già này dù phải búa rìu chém giết thế nào nữa, ta cũng đành chịu vậy, không ngần ngại chút nào. Chứ nhất định ta không chịu để cho đứa con trẻ thơ của ta phải đầy đọa vì ta, mà làm cho ta phải oán khổ bội phần. ”

Câu 663, 664 = “Trước hay sau, thế nào ta cũng một lần chết, thà chết trước đi cho khuất mắt, còn hơn là sống mà lòng phải đau đớn mãi. ”

Câu 665, 666 = Nói dứt lời, nước mắt ông trào ra như suối, và ông toan liều mình gieo đầu vào bức tường vôi mà tự tử.

Câu 667, 668 = Vội vàng người thì giữ ông lại, người thì canh chừng ông không tự tử, và Kiều thì chạy lại năn nỉ ngỏ lời to nhỏ mà khuyên can ông.

Câu 669, 670 = “Con là phận gái chẳng đáng quý gì, lại chưa báo đáp lại mảy may chút nào công đức sinh thành của cha mẹ. ”

Câu 671, 672 = “Nay cha mắc tội nạn này, con đã thẹn với nàng Đê Oanh, không dâng thư lên được đến vua để cứu cha như nàng. Vậy xin cha cho con bán mình để cứu cha cho khỏi thua nàng Lý Ký đã bán mình để nuôi cha mẹ. ”

Câu 673, 674 = “Con nghĩ rằng nay cha tuổi đã cao, càng ngày càng già yếu, mà còn phải gánh vác nhiều việc trong gia đình cho mẹ con và hai em con được nhờ. ”

Câu 675, 676 = “Nay nếu cha không đành lòng dứt đứt cái mối tình thương con đi và không cho con bán mình để cứu cha, thì tai vạ sẽ như mưa bão nổi lên làm tan tành cả gia đình. Cha và Quan tránh sao khỏi tử hình, còn ba mẹ con đàn bà con gái sống làm sao được trong cảnh lòng đau của hết ? ”

Câu 677, 678 = “Vậy sao bằng liều bỏ một thân con đi, chỉ có một con phải đầy đọa buồn sầu ở nơi xa lạ, còn cả nhà vẫn được sum họp trong gia đình, và sẽ gây lại được cuộc sống vui tươi. ”

Câu 679, 680 = “Thôi thì số phận bất thế, ta đành phải chịu vậy, và con xin cha mẹ cứ coi như không nuôi được con ngay từ lúc mới đẻ ra được ít lâu, thế là xong, đừng tiếc con nữa. ”

Câu 681, 682 = “Vậy con xin cha thôi đi, đừng tính quần lo quanh nữa, đừng tự tử, cũng đừng tiếc con nữa, mà trước là tan nát gia đình, sau là thiệt thân cho cha. ”

Câu 683, 684 = Vương ông thấy lời nàng nói hợp lý, nên cũng thuận tai, đành lòng nghe vậy, rồi hai cha con than khóc nước nỡ, nước mắt tràn trụa.

Câu 685, 686 = Ngay lúc đang đau đớn than khóc với nhau như thế ở nhà trong, thì họ Mã vừa đến nhà ngoài. Hấn đợi Vương ông ký nhận đúng thẻ lệ vào văn tự bán con viết trên giấy hoa tiên rồi thì hấn mới cân đủ số bạc cho Vương ông và thu giữ lấy văn tự. Thế là xong việc mua bán, chỉ còn ngày hôm sau đón Kiều đi nữa là hết việc cưới xin.

Câu 687, 688 = Nghĩ thật đáng trách cái ông già ngồi dưới trăng kia, sao mà độc địa thế ! Ông cầm mớ tơ hồng, sao không lựa chọn mà se cho người ta vợ chồng đáng đôi đáng lứa, mà lại se bừa bãi như vậy ?

Câu 689, 690 = Mà cũng đáng ngán cho lũ chính quyền tham ô kia nữa; hễ được tiền đút lót thì đổi trắng thay đen như chơi, chẳng coi pháp luật và nhân đạo ra gì !

Câu 691, 692 = Họ Vương đã có tiền rồi, lại nhờ được ông họ Chung giúp đỡ, đưa lễ đút lót vừa lòng mọi nơi đâu đấy rồi, thế là xong việc, trắng án, chẳng ai khiêu nại gì nữa.

Những câu hay chữ có ý móc nối hoặc châm biếm

Hai câu 569, 570 tả lòng Kiều nhớ Kim Trọng – chàng thì đi rồi, Kiều thì đứng vẫn vợ mãi ở hiên tây, lòng vương vít biết bao nhiêu nỗi nhớ nỗi lo, nào là nhớ những cuộc họp vui vẻ, khi đề thơ tranh tùng, khi chung thề dưới trăng, khi chén hà chuốc rượu, khi đàn nguyệt so dây. Những cuộc vui đó đã để nàng nhớ tiếc, lại thêm những điều không hay khiến nàng lo nghĩ – nào là hai mặt gặp nhau hăn hoi mà chàng lại tưởng là mơ ngủ, nào là tiếng đàn chàng chê là ngậm đắng nuốt cay, nào là chưa vui sum họp đã sâu chia phôi.

Hai câu 571, 572 tả vẻ mặt Kiều ngấm trời vẫn vợ, lo buồn thất sắc. Câu “Hoa trôi trôi thắm, liễu xơ xác vàng” tác giả đã khéo lựa đặt vừa để tả lòng nàng buồn nhớ lo nghĩ ở đoạn trước, vừa để báo trước cái điềm sâu thẳm không may cho nàng ở đoạn này.

Câu 606 “Để cho để thiếp bán mình chuộc cha” có ý móc nối với những câu sau đây mãi về sau : [2813 Cùng nhau thề thốt đã nhiều / 2814 Những điều vàng đá phải điều nói không / 2815 Chưa chẵn gói cũng vợ chồng / 2816 Lòng nào mà nữ dứt lòng cho đang / 2817 Bao nhiêu của mấy ngày đàng / 2818 Còn tôi, tôi gặp mặt nàng mới thôi].

Kiều biết Kim Trọng sẽ khổ tâm về nàng và sẽ trách nàng phụ ước, nên trước khi định tâm bán mình, nàng tha thiết gởi lòng xin lỗi mà xin phép chàng cho mình lỗi thề. Và quả nhiên, khi chàng trở lại thì vì quá tiếc nàng nên đã trách nàng là tệ bạc thật. Hai chữ “để cho” nghĩa thật thâm thúy.

Những câu tả mức tham nhũng tàn bạo của lũ sai nha, tác giả kể rất thứ tự liên hệ với nhau. Trước hết là trói hai cha con Vương ông làm một [Già giang một lão một trai / một dây vô loại buộc hai thâm tình]. Rồi vừa thét lác ra oai, vừa vơ vét của nôi [Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh ... Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham]. Khi cướp vét hết của nôi rồi, mới ra tay đánh đập tra tấn để làm lòi của chòm ra [Điếc tai lân tuất, phủ tay tòi tàn / rường cao rút ngược dây oan]. Những hành động bất nhân ấy quả thực đã làm cho gia đình họ Vương bị [... khóc hại chẳng qua vì tiền].

Trong cuộc mua bán người này, mục mối và bọm Mã vô nhân cách cũng làm cho Kiều khổ cực chẳng kém gì bọn sai nha vô nhân đạo. Một mục chẳng quen biết bao giờ và một tên bọm xa lạ, màu râu nhẵn nhụi, đưa nhau vào thẳng lầu trang [Gần miền có một mục nào / đưa người viễn khách tìm vào vấn danh]. Tên bọm thì hỗn sược chẳng coi ai ra gì [Ghé trên ngai tót sỗ sàng]. Mục mối thì vào ngay buồng giục Kiều ra, coi nàng như con vật đem ra bán [Buồng trong mối đã giục nàng kíp ra]. Rồi mục vén tóc nàng lên để khoe cho khách nhìn rõ vẻ đẹp mặt nàng, bắt tay nàng giơ lên vuốt ve để khoe cho khách nhìn rõ vẻ xinh vẻ đẹp của bàn tay, của ngón tay nàng. Cảnh nàng bấy giờ có khác gì là con vật giữa hai kẻ bán người mua ? Ngắm sắc được rồi, bọm còn thử tài Kiều [Ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ]. Nàng đều phải nén lòng tủi nhục, mà cũng cố gây đàn, cố đề thơ. Trong lúc này nàng nghĩ đến cảnh đề thơ tranh tụng với biết bao nhiêu hứng thú, và cảnh chàng Kim hai tay nâng cây đàn trao cho nàng một cách trịnh trọng. Ta tưởng tượng lúc này nỗi nàng nhớ tiếc những cảnh ấy thì kể sao cho hết.

Trong cuộc hai bên thương lượng giá bán của Kiều, tác giả thật khéo dùng những tiếng trong nghề mua bán như “thừa cơ dặt dùi,” “cò kè thêm bớt,” “giờ lâu ngã giá,” và “thuyền đã êm giãm.”

Tác giả còn khéo đặt đúng những lời “lịch sự” giả dối trong giới buôn bán, như lời Mã hỏi giá bán Kiều lấy bao nhiêu [Sính nghi xin dạy bao nhiêu cho tương] và lời mục mối đặt giá khéo nói lừng lơ [...giá đáng nghìn vàng / nghệt nhà nhờ lượng người thương dám nài]. Mục còn dùng chữ “người” để tăng bốc bọm Mã lên, hồng nó tung túi bạc ra, nhưng nó vẫn cò kè.

CHƯƠNG 11

CÂU 693 ĐẾN CÂU 804

“Nhờ em trả nghĩa, mắc bọm buồn hoa”

693. Việc nhà đã tạm thông dong,
Tinh kỳ giục già đã mong độ về. [1]
695. Một mình nương ngọn đèn khuya,
Áo dầm giọt tủi, tóc se mối sầu.
697. Phận dàu, dàu vậy cũng dàu, [2]
Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một lời!
699. Công trình kẻ biết mấy mươi,
Vi ta khăng khít, cho người dở dang. [3, 4]
701. Thẻ hoa chưa ráo chén vàng, [5]
Lỗi thẻ thôi đã phụ phàng với hoa.
702. Trời Liêu non nước bao xa, [6]
Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi.
705. Biết bao duyên nợ thẻ bồi,
Kiếp này thôi thế là thôi còn gì.
707. Tái sinh chưa dứt hương thẻ, [7]
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai. [8]
709. Nợ tình chưa trả cho ai,
Khối tình mang xuống tuyên đài chưa tan. [9]
711. Nỗi riêng riêng những bàng hoàng,
Dầu chong trắng đĩa lệ tràn thấm khăn. [10]
713. Thúy Vân chột tình giấc xuân,
Dưới đèn ghé đến ân cần hỏi han:
715. “Cơ trời dàu bể đa đoan, [11]
Một nhà để chị riêng oan một mình,

717. Có chi ngòi nhần tàn canh?
Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây?”

719. Rằng: “Lòng rộn rã thức đây, [12]
Tơ duyên còn vướng mối này chưa xong.

721. Hờ môi ra cũng thẹn thùng,
Đề lòng thì phụ tấm lòng với ai.

723. Cây em, em có chịu lời,
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.

725. Giữa đường đứt gánh tương tư, [13]
Keo loan chấp mối tơ thừa mặc em. [14]

727. Kể từ khi gặp chàng Kim,
Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.

729. Sự đâu sóng gió bất kỳ,
Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai!

731. Ngày xuân em hãy còn dài,
Xót tình máu mủ, thay lời nước non.

733. Chị dù thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây. [15]

735. Chiếc vành với bức tờ mây, [16]
Duyên này thì giữ vật này của chung.

737. Dù em nên vợ nên chồng,
Xót người mệnh bạc, ắt lòng chẳng quên.

739. Mất người còn chút của tin,
Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa. [17]

741. Mai sao dầu có bao giờ.
Đốt lò hương ấy, so tơ phím này.

743. Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.

745. Hồn còn mang nặng lời thề,
Nát thân bồ liễu, đền nghì trúc mai. [18]

747. Dạ đài cách mặt khuất lời, [19]

Rẫy xin chén nước cho người thác oan.
749. Bây giờ trâm gãy gương tan, [20]
Kẻ làm sao xiết muôn vàn ái ân.
751. Trăm nghìn gửi lại tình quân, [21]
Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi.
753. Phận sao phận bạc như vôi,
Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng. [22]
755. Ôi Kim lang! Hỡi Kim lang!
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!”
757. Cạn lời hồn ngắt máu say,
Một hơi lặng ngắt đôi tay giá đồng.
759. Xuân Huyền chợt tỉnh giấc nồng,
Một nhà tấp nập, kẻ trong người ngoài.
761. Kẻ thang người thuốc bời bời,
Mới dần con vụng, chưa phai giọt hồng. [23]
763. Hỏi: Sao ra sự lạ lòng?
Kiều càng nức nở mở không ra lời.
765. Nỗi nàng Vân mới rỉ tai,
Chiếc vành này với tờ bồi ở đây.
767. “Này cha làm lỗi duyên này,
Thôi thì nỗi ấy sau này đã em.
769. Vì ai rụng cái rơi kim, [24]
Để con bèo nổi mây chìm vì ai. [25]
771. Lời con dặn lại một hai,
Dẫu mòn bia đá, dăm sai tác vàng.” [26]
773. Lậy thôi, nàng lại rên chường, [27]
“Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi.
775. Sá chi thân phận tôi đòi,
Dẫu rằng xương trắng què người quản đầu.”
777. Xiết bao kẻ nổi thảm sầu!
Khắc canh đã giục nam lâu mấy hồi. [28, 29]

779. Kiệu hoa đâu đã đến ngoài,
 Quán huyện đâu đã giục người sinh ly. [30]

781. Đau lòng kẻ ở người đi,
 Lệ rơi thấm đá tơ chia rũ tằm. [31, 32]

783. Trời hôm mây kéo tối rằm, [33]
 Rầu rầu ngọn cỏ đầm đầm cảnh sương.

785. Rước nàng về đến trú phùng, [34]
 Bốn bề xuân tỏa một nàng ở trong.

787. Ngập ngừng then lục e hồng, [35]
 Nghĩ lòng lại xót xa lòng đòi phen.

789. Phẩm tiên rơi đến tay hèn,
 Hoài công nắng giữ mưa gìn với ai:

791. Biết thân đến bước lạc loài, [36]
 Nhị đào thà bẻ cho người tình chung.

793. Vì ai ngăn đón gió đông, [37]
 Thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi.

795. Trùng phùng dầu họa có khi, [38]
 Thân này thôi có còn gì mà mong.

797. Đã sinh ra số long đong,
 Còn mang lấy kiếp má hồng được sao?

799. Trên yên sẵn có con dao,
 Giấu cầm nàng đã gói vào chéo khăn:

801. Phòng khi nước đã đến chân, [39]
 Dao này thì liệu với thân sau này.

803. Đêm thu một khác một chày, [40]
 Bâng khuâng như tỉnh như say một mình.

Đính chính và xác định

Câu 694 – *Tinh kỳ giục già hầu mong đô về* – Chữ đô về câu này có bản in là trở về. Xét chữ đô sát nghĩa với chữ kỳ hơn: kỳ là hẹn, độ là lúc (lúc hẹn về). Còn chữ trở về lời non nghĩa thừa.

Câu 695 – *Một mình nương ngọn đèn khuya* – Các bản quốc ngữ đều phiên âm chữ nương [娘] là nàng; nhiều người đọc bản Nôm cũng đọc [娘] là nàng. Đó thật là lỗi người đọc không nghĩ, chứ Truyện Kiều đâu lại có câu đặt rời rạc không luyện như vậy. “Một mình nàng ngọn đèn khuya” nghe thật lủng củng, không luyện. Tôi thấy thơ Khuê Oán có câu [孤影伴殘燈 = cô ảnh bạn tàn đăng = chiếc bóng lẻ loi ngồi đôi với ngọn đèn tàn]. Đọc đến câu thơ Khuê Oán này thì ta biết chữ [娘] (nương hay nàng) phải đọc là nương mới đúng, vừa có điển, vừa lời thuận nghĩa.

Câu 696 – *Áo đầm giọt tủi, tơ se mái sầu* – Những bản Kiều in giọt tủi là giọt lệ đối không chỉnh với mái sầu. Chỉ làm một chữ mà mất cả ý hay, lời đẹp của câu này.

Câu 706 – *Kiếp này thôi thế là thôi còn gì* – Có bản in câu này là “Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì”. Mới nghe thì tưởng “là” hay “thì” cũng như nhau cả. Nhưng để ý suy luận thì thấy “kiếp này thôi thế là thôi còn gì” có ý than tiếc sâu xa hơn nhiều vì mình không phạm lỗi trong việc phụ tình. Nếu để là “...thôi thế thì thôi còn gì” thì hình như là mình hối hận là mình đã phạm lỗi.

Câu 719 – *Rằng lòng rộn rã thức đây* – Có bản in là: “Rằng lòng đương thôn thức đây.” Xét ra có lẽ cả hai câu đều sai nguyên văn cả, vì lời đều lủng củng và nghĩa cũng mập mờ. Muốn khảo cứu cho ra đích xác, thì cần phải có những bản Kiều Nôm cũ, nhưng ôi lấy đâu được bây giờ! Vậy đây đành tạm theo bản Kiều của ông Trần Trọng Kim mà tạm giải nghĩa câu này là “lòng chị đang dấy những nỗi thương cảm, làm cho chị rộn rã, bối rối quá, không biết tính sao đây!” Tôi nghĩ chữ đây [潜] câu này có lẽ nguyên là chữ đây [低]. “Rằng lòng rộn rã thức đây...” nghĩa là Kiều nói: “Lòng chị đương rộn rã nhiều nỗi, nên thức mãi, không ngủ được” để trả lời câu Vân hỏi: “Có sao ngồi nhẩn tẩn canh?” Giá có bản Kiều Nôm mà tra, thì biết ngay chữ này là đây [低] hay là đây [潜].”

Câu 721 – *Hé môi ra cũng thẹn thùng* – Chữ hé câu này, bản nôm viết là [口+許] (khẩu bên chữ hứa) cũng có thể đọc được là hở. Bởi vậy các bản quốc ngữ đều dịch là hở môi. Nhưng “hé môi” mới là nói những điều thầm vụng đáng thẹn của mình cho người khác biết. Còn hở môi thì lạc nghĩa ở đây. Ta chỉ nói “môi hở răng lạnh” với hàm ý “làm mất người che chở cho mình, tức là làm hại mình.”

Câu 726 – *Keo loan chấp mối tơ thừa mặc em* – Chữ keo loan nhiều bản Kiều quốc ngữ để là giao loan. Nguyên chữ Hán *giao* [膠] là keo, mà chữ Nôm cũng viết keo là [膠]. Keo loan là thứ keo nấu bằng xương con phượng mái (loan). Nếu nói chữ nho thì phải nói là loan giao, nhưng nếu dùng tiếng Nôm ta thì phải nói là keo loan mới đúng.

Câu 730 – *Hiếu, tình, khôn lẽ hai bề vẹn hai* – Chữ khôn câu này, các bản nôm cũ in là có, đó là theo lối văn cổ trước thường nói có tức là không thể có được. Nhưng chắc người sau thấy lối nói này cổ quá, khó hiểu, nên nhiều bản đã đổi là khôn cho thông thường dễ hiểu, nên ta không nên câu nệ theo cổ quá.

Câu 762 – *Mới tan cơn vụng, chưa nguôi giọt hồng* – Chữ nguôi câu này, nhiều bản để là phai giọt hồng, tội e vô nghĩa, vì giọt hồng đây là nước mắt, chứ đâu phải màu đỏ mà phai được; hoặc giải nghĩa là nước mắt vẫn tràn trạ thê thảm như đỏ máu, nhưng nghe nghĩa khổ khác quá, không được tự nhiên nên khó hiểu.

Câu 796 – *Thân này thôi có còn gì mà mong* – Hai chữ còn gì có bản in là ra gì. Xét ra còn gì mới sát nghĩa với tình lý tiếc tấm thân trong trắng trong lúc này. Còn ra gì không ăn nghĩa chút nào với sự tiếc thân hiện tại này.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Tinh kỳ* [星期] = giờ đón dâu về nhà rể.

[2] *Phận dẫu dẫu vậy cũng dẫu* = Kiều nghĩ “phận mình dù đau khổ sao cũng đành chịu vậy, chỉ thương xót cho chàng Kim, rồi cứ giữ mãi lời thề khăng khít với mình, mà dở dang suốt đời.”

[3] *Khăng khít* = thề bồi gắn bó chặt chẽ với nhau.

[4] *Dở dang* = không lấy ai nữa, thành cả đời không vợ con.

[5] *Thề hoa* = lời văn thề viết trên giấy hoa tiên.

[6] *Trời Liêu* = đất Liêu Dương, nơi Kim Trọng đi hộ tang. Hàm ý “xa thăm ở tận chân trời.”

[7] *Tái sinh* = kiếp thứ hai = kiếp sau.

[8] *Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai* – Dựa vào điển tích : Một người vay của bạn một số tiền to để đi buôn, không may thua lỗ mãi hết cả. Tuy bạn không đòi, nhưng anh ta vẫn ân hận mãi và lúc gần chết vẫn nhắn lại bạn là sẽ trả. Được ít lâu, bỗng một hôm, người bạn mơ thấy anh ta vui vẻ đến trả nợ. Sáng sau, người bạn thấy con trâu nái nhà mình đẻ một trâu đực con rất mập mạp. Biết là vừa được trả nợ, anh ta chăm nuôi nó rất tử tế. Con trâu con lớn lên rất ngoan, kéo cày rất khỏe. Mỗi khi trâu kéo cày có ý chệnh mảng, thì anh ta nhắc đến nợ, là trâu lại cố kéo. Thương tình, một tối nợ mới bảo trâu rằng “Bác trả nợ tôi thế là hết rồi, từ mai không phải đi làm nữa, ở đây chơi với tôi cho vui.” Sáng hôm sau con trâu chết lúc nào không ai biết ; người chủ chôn nó một cách chu đáo.

[9] *Khôi tình* – Theo Tình Sử, một cô gái phải lòng một chàng lái buôn có thuyền đỗ ở bên trước nhà. Cô ta sớm tối mê mết tiếng sáo chàng thổi. Sau chàng rời thuyền đi nơi xa không về, cô tương tư ốm nặng, rồi gọi mãi tên chàng mà chết. Cha mẹ đem hỏa táng, xương thịt cháy hết, mà vẫn còn lại một cục rất cứng trong như ngọc, trong có hình người lái thuyền thổi sáo. Cha mẹ cô giữ lại để thờ. Khi người lái buôn trở lại, nghe truyện vào hỏi thăm thì thương cô lắm. Anh ta cầm khôi tình đó mà khóc, và khi nước mắt rớt xuống khôi tình thì nó tan thành máu.

[10] *Dầu chong trắng đĩa* = đèn đốt chong chong mãi không tắt, khiến dầu cạn hết, để hở trắng cả chôn đĩa. Trước kia chưa có dầu mỡ (dầu hôi), ta vẫn đốt đèn bằng dầu hột. Người ta rót dầu hột vào cái đĩa, thả bác cỏ vào làm mồi, để một đầu bác lên mép đĩa mà đốt.

[11] *Đa đoan* [多端] – *Đoan* = đầu mối sợi tơ. Người ta ví việc trời như một mớ tơ có nhiều đầu mối, khó tìm được đầu mối sợi nào ở chỗ nào. Việc trời định cũng vậy, thật là lăm trò, ta khó biết trước để tìm lối tránh.

[12] *Lòng rộn rã thức đây* – Xem lời xác định câu 719 đoạn này.

[13] *Giữa đường đứt gánh* – Ta có câu tục ngữ “Không may gãy đòn đứt gánh giữa đường” để nói sự vợ chồng phải liã rẽ nhau lúc đương thì, nhất là chỉ sự vợ chồng kẻ chết người còn. Bởi vậy những đòn gánh gãy quãng bỏ giữa đường không ai dám nhặt.

[14] *Keo loan* = thứ keo để gắn, nấu bằng xương chim loan (chim phượng mái). Theo Hán Thư, có người dâng vua Hán Vũ Đế thứ keo này để gắn dây cung hay dây đàn đứt. Một hôm vua đi săn, dây cung đứt thì vua sai lấy keo này gắn lại. Quả nhiên, cung lại bắn được như thường, và đàn có dây đàn đứt được gắn cũng dùng được như cũ. Văn sĩ dùng câu [鸞 鷲 續 斷 絃 = loan giao tục đoạn huyền = keo loan nối dây đàn đứt] để chỉ sự vợ chết hay chồng chết lại lấy vợ khác hay chồng khác.

[15] *Ngâm cười chín suối* = dẫu chết xuống âm phủ cũng vẫn được vui lòng. Dịch từ câu chữ Hán [含笑九泉 = hàm tiếu cửu tuyền].

[16] Chiếc vành = chiếc xuyến vàng Kim Trọng gói vào chiếc khăn hồng đưa cho Kiều với chiếc thoa. Tờ mây do hai chữ Hán [雲箋 = vân tiên = giấy có in hình mây hoa cho đẹp]. Đây tức là bài văn khấn hôm thề thốt (“Tiên thề cùng thảo một trương”).

[17] Mảnh hương nguyên = mảnh gỗ trầm đốt trong lư hương cúng thề còn giữ lại làm kỷ niệm (“Đài sen nổi sấp, song đào thêm hương”).

[18] *Trúc mai* = cây tre và cây mai. Bài Trường Can Hành của Lý Bạch có mấy câu sau đây :

[妾髮初覆額 = thiếp phát sơ phủ ngạch = khi tóc thiếp còn để rũ xuống che kín mang tai]

[折花門前戲 = triết hoa môn tiền hý = còn hái hoa chơi đùa trước cửa vườn]

[郎騎竹馬來 = lang kỵ trúc mã lai = chàng cưỡi ngựa bằng gậy tre chạy lại]

[遠床弄青梅 = viễn sàng lộng thanh mai = chạy quanh bờ giếng dưới cây mai xanh ròn]

[十四為君婦 = thập tứ vi quân phụ = năm 14 tuổi thiếp về làm vợ chàng]

[羞顏未嘗開 = tu nhan vị thường khai = thẹn thùng, thường chưa dám nhìn mặt chàng]

[低頭向暗壁 = đề đầu hướng ám bích = cúi đầu ngoảnh mặt vào nơi tường tối]

[千喚不一回 = thiên hoán bất nhất hồi = chàng gọi nghìn lần, không một lần ngoảnh lại]

[十五始展眉 = thập ngũ thủy triển mi = năm 15 tuổi mới mở mày mặt với chàng]

[願同塵與灰 = nguyện đồng trần dữ hôi = thề rằng khi hóa bụi tro cũng vẫn ở bên chàng]
“Trúc mai” (trong câu 708) có lẽ cũng do điển tích này.

[19] Dạ đài [夜臺] = nền đêm. Đồng nghĩa với chôn *âm phủ* và *cửu nguyên*.

[20] *Trâm gãy gương tan* – Tục xưa bên Tàu, lúc vợ chồng hay đôi tình nhân phải lìa rẽ nhau vì biến loạn, họ thường bẻ chiếc trâm cài đầu, mỗi người giữ một nửa làm kỷ niệm, và so lại khi tái ngộ xem đúng không, cho có chứng cứ.

[21] *Tình quân* [情君] = vua tình. Cùng nghĩa với tình lang, nhưng có ý trân trọng và xa cách hơn.

[22] *Nước chảy hoa trôi* dịch từ thành ngữ Hán [流水落花] = lưu thủy lạc hoa = cái hoa ở cây rừng rụng xuống dòng chảy, trôi đi không bao giờ về lại gốc cây cũ nữa. Ý nói người đàn bà con gái lưu lạc nay đây mai đó không tìm được về quê cha mẹ nữa.

[23] *Giọt hồng* – Xưa có người con gái bị đưa vào làm cung phi, nhớ cha mẹ khóc nhiều nước mắt quá phải lấy chậu hứng. Nước mắt nàng đọng lại thành màu đỏ như máu. Văn sĩ sau dùng chữ *giọt hồng* để tả nước mắt khóc thảm thiết.

[24] *Rụng cái rơi kim* – Sách chữ Hán có thành ngữ [琥珀拾芥磁石引針 = hổ phách thập giới, từ thạch dẫn châm = ngọc hổ phách hút hạt cải, đá nam châm hút kim sắt]. Câu Kiều này hàm ý “vì ai đã làm cho hổ phách phải bỏ hạt cải rụng xuống, đá nam châm phải bỏ rơi kim” tức là “vì ai đã vu thác để làm cho Kiều phải dứt duyên với Kim Trọng.”

[25] *Bèo nổi* = lưu lạc đây đó như cánh bèo trên mặt sóng. *Mây chìm* = sa ngã đọa đày như bóng mây ở dưới đáy nước.

[26] *Tác vàng* = tâm lòng thành thật, giữ bền lời hứa hẹn.

[27] *Rén* = dáng thông thả, giọng sẽ sàng. *Chường* (hay *chiềng*) = trình. Ta thường nói trịnh *trình* ra *chiềng* hay *chường* như trong mấy câu ca dao “*Chiềng* làng, *chiềng* phè, nghe tôi giáo trâu, lúa tốt bằng đầu, cò bay thẳng cánh” • “Anh cả đi cày, chị cả đem com, ra bờ xới xới đơm đơm, *chường* anh hãy nghỉ xoi com em về.” Trong các bài thơ phú chữ Hán, nhiều chữ vần anh, inh, iêng, ang, ương vẫn hợp vận với nhau. Xem lại câu 240 và 241 Truyện Kiều, trong đó chữ “mành” có thể đọc trịnh ra “miềng” để hợp vận với chữ “nghiêng.”

[28] *Khắc* = những vạch phân chia thì giờ trên mũi tên của đồng hồ thời cổ, trong đó nước nhỏ đầy dần, nâng mũi tên cao lên hờ dần từng khắc chỉ *canh*. Lôi canh ở các đồn trại lính trước chia đêm làm 5 canh, mỗi canh lâu 2 tiếng đồng hồ bây giờ. Từ 7 giờ đến 9 giờ tối là *canh 1* (trống cầm canh đánh 1 tiếng), rồi tiếp tục từ 9 giờ đến 11 giờ tối là *canh 2* (trống cầm canh đánh 2 tiếng) ... Lúc 5 giờ sáng là hết *canh 5* (trống cầm canh đánh tan canh).

[29] *Nam lâu* [南樓] = lầu cầm canh ở phía nam thành, cũng là lầu cầm canh chính ra hiệu cho các lầu cầm canh khác đánh trống theo.

[30] *Quản* [管] = ống = sáo. *Huyền* [絃] = dây đàn. *Quản huyền* = tiếng đàn sáo bát âm. Trong Truyện Kiều có lắm câu ý nghĩa thâm thúy như làm đứt ruột người, thật đúng với tên *Đoạn Trường Tân Thanh*. *Quản huyền đâu đã giục người sinh ly* là một trong những câu đó – lấy đàn sáo mà giục người ta phải lìa rẽ nhau, thật là vô nhân đạo.

[31] *Lệ rơi thấm đá* = nước mắt khóc nhiều rơi xuống làm ướt cả đá trên mặt đường.

[32] *Tơ chia rũ tằm* = đau thương quá, héo quắt cả ruột gan như con tằm đã kéo hết tơ, rũ xuống như chết.

[33] *Trời hôm mây kéo tối rằm* – Câu này dùng *trời hôm* để tả thêm cảnh thâm đạm cuộc chia ly, lấy ý từ câu thơ cổ [黃昏欲兩黑/黑如藍 = hoàng hôn đục vũ hắc như lam = cảnh buồn như lúc sắp tối, trời trở mưa trông đen xám như màu lam].

[34] *Trú phường* [住坊] = nhà trọ có một dãy buồng riêng nhau cho người ở thuê ít lâu.

[35] *Thẹn lỵc e hồng* – Chũ *lỵc* [綠] ở đây là “lông mày” (từ hai chữ “lỵc liễu”) và chữ *hồng* [紅] ở đây là “má đào” (từ hai chữ “hồng nhan”). *Thẹn lỵc e hồng* hàm ý “trông thấy mặt mày mình mà thẹn với mặt mày mình, tiếc cho mặt mày mình. ”

[36] *Lỵc loài* = gặp bước ê chề nhục nhã, mất hết cả vẻ thanh cao nhà mình.

[37] *Vì ai ngăn đón gió đông* – Kiều nghĩ hối hận cái lúc “sóng tình xiêu xiêu, âu yếm có chiều lả lơi” sao mình lại ngăn cản “đừng lấy làm chơi, dễ cho thua hết mọi lời đã nao, vội gì liễu ép hoa nài.”

[38] *Trùng phùng* [重逢] = gặp lại lần sau.

[39] *Nước đã đến chân* – Lấy ý từ lời khuyên “ta phải phòng bị từ trước, chớ để *nước đã đến chân* mới nhảy thì không kịp nữa. ”

[40] *Đêm thu một khắc một chầy* – Thơ Đường có câu [秋宵只為一人長 = thu tiêu chỉ vị nhất nhân trường = đêm mùa thu chỉ dài cho riêng một người].

Diễn ra văn xuôi

Câu 693, 694 = Khi việc nhà đã thông thả tạm yên rồi thì cái tối đón dâu lại sắp đến làm cho Kiều thật khổ tâm.

Câu 695, 696 = Một mình nàng ngồi bên ngọn đèn khuya thức mãi, tủi thân khóc, nước mắt ướt cả áo, tóc bù rối như khô cả mái đầu.

Câu 697, 698 = Nàng nghĩ phận mình có khổ cực thế nào cũng đành chịu được rồi, nhưng chỉ xót xa cho lòng chàng, rồi sẽ đeo đuổi giữ mãi một lời thề hẹn với mình suốt đời, lâu khổ biết bao nhiêu !

Câu 699, 700 = Công trình chàng đeo đuổi mình kể biết là bao nhiêu, thế mà bây giờ chỉ vì mình thề bồi kháng khí chặt chẽ quá, để cho chàng phải dở dang suốt đời chẳng vợ con gì !

Câu 701, 702 = Vừa mới hôm nợ thề nguyên với chàng nặng tình thân mật như thế, nào đọc chung bài văn thề, nào uống chung chén rượu thề, thế mà hôm nay chén rượu thề chưa khô, mà bỗng đã phụ phàng với lời thề viết trên giấy hoa tiên kia rồi !

Câu 703, 704 = Ôi, nay chàng ở nơi phương trời xa thăm đất Liêu Dương, có biết đâu tôi đã làm chia nhà rẽ cửa cho chàng rồi !

Câu 705, 706 = Biết bao nhiêu nợ tình nợ duyên, thề non thề biển với nhau, mà nay thế là hết cả cho kiếp này của ta rồi !

Câu 707, 708 = Kiếp sau, nếu nén hương thề ở trên tấm đá Tam Sinh nơi âm phủ còn chưa dứt khói, thì tôi xin làm trâu, làm ngựa, để báo đền lại cái nghĩa nặng giao kết tình duyên với chàng.
Câu 709, 710 - Kiếp này nợ tình chưa trả cho nhau được, thì khi chết xuống âm phủ, khối tình này vẫn không thể tan được !

Câu 711, 712 = Nàng ngồi nghĩ quanh quẩn mãi mối tình riêng kín trong lòng như thế, vừa nghĩ vừa khóc, ngọn đèn đốt chong chong mãi, dầu đã cạn trắng cả tròn đĩa và nước mắt thì ràn rụa ướt đầm cả khăn.

Câu 713, 714 = Thúy Vân đang ngủ êm say, bỗng thức dậy thấy Kiều ngồi khóc ở trước đèn, mới ghé lại ân cần hỏi han chị và nói :

Câu 715, 716 = Trời sinh chi lắm tai biến khó lường để riêng mình chị phải chịu oan khổ cho cả nhà được yên ổn như vậy ?

Câu 717, 718 = Chị ngồi nghĩ gì cho đến lúc canh khuya thế này ? Chắc là lòng chị còn vương vít một chút mối tình riêng gì đây thôi !

Câu 719, 720 = Kiều nói : Thật vậy, lòng chị hiện đương bối rối lắm nên vẫn thức mãi đây. Chị còn chút mối tơ tình này vương vít trong lòng mà gỡ mãi không xong.

Câu 721, 722 = Hé môi ra nói với em thì thật cũng thẹn thùng lắm, mà giấu kín trong lòng thì lại phụ tình ai quá.

Câu 723, 724 = Chị muốn nhờ cậy em gỡ giúp chị trong việc này, nếu em nhận lời thì em ngồi lên cho chị lay đã, rồi chị sẽ thưa truyện với em sau.

Câu 725, 726 = Cuộc tình duyên này của chị đương đẹp để đảm thắm, bỗng nay vì việc nhà mà phải đứt gánh giữa đường khiến chị rất nhớ thương ai. Nay chị muốn giao phó lại mặc em việc chấp nối cuộc tình duyên ấy thay chị. Rồi Kiều kể rõ đầu đuôi câu truyện cho Vân nghe :

Câu 727, 728 = Từ khi duyên trời run rủi cho chị gặp chàng Kim, hai bên sinh lòng quý mến nhau. Rồi có hôm gặp nhau ban ngày, hai bên đã trao luyến cho nhau bên vòng bên quạt để làm kỷ niệm ước hẹn lấy nhau ; lại đêm vừa rồi, cả nhà đi vắng, chị đã sang cùng với chàng rót chén rượu khấn thề với nhau ở dưới trăng. Chị thấy tướng chàng rất tốt, mong lấy được chàng cho chị khỏi bạc mệnh như lời thầy tướng đoán cho chị.

Câu 729, 730 = Nhưng nay bỗng xảy ra cơn sóng gió bất kỳ. Bên tình bên hiếu, chị không thể giữ được trọn vẹn cả hai, nên chị đành phải dứt bỏ mối thâm tình với chàng để cứu cha.

Câu 731, 732 = Nay em còn trẻ, ngày tuổi xuân còn dài. Chỗ chị em tình thân máu mủ, em có thương chị, thì chị nhờ em thay chị làm trọn vẹn lời thề non nước của chị với chàng.

Câu 733, 734 = Được như thế, thì chị dầu chết đi, thịt nát xương mòn ở nơi suối vàng cũng vẫn vui cười vì em đã làm cho chị được thơm lây.

Câu 735, 736 = Đây đây chiếc xuyên vàng mà chàng đã đưa làm kỷ niệm cho chị ngày hôm đó, và tờ hoa tiên viết bài văn khấn tối hôm thề. Cuộc tình duyên này thì lấy hai thứ làm của chung, nay chị trao lại cho em giữ để thay chị.

Câu 737, 738 = Nếu em được nên vợ nên chồng với chàng, thì lòng em ắt hẳn xót thương người chị bạc mệnh này mà chẳng sao quên được.

Câu 739, 740 = Dầu sau này em đã mất chị rồi, nhưng đây còn mấy thứ này em giữ lấy làm của tin kỷ niệm mà coi như chị hãy còn. Đó là cây đàn mà chị đã gảy cho chàng nghe, và mảnh gỗ trầm hương đốt hôm cúng thê còn thừa lại.

Câu 741, 742 = Mai sau đây, nếu có bao giờ đốt mảnh trầm này vào lư hương, và gảy mấy dây trên cây đàn này.

Câu 743, 744 = Rồi em trông ra ngọn cỏ lá cây ở trước cửa, nếu thấy ngọn gió hiu hiu thổi vào, thì biết đó là hồn chị thổi về để vui sum họp cùng vợ chồng em đó.

Câu 745, 746 = Hồn chị còn mang nặng lời thề với chàng, thì dầu tấm thân mềm yếu như cây liễu này của chị có nát đi, cái nghĩa trúc mai tươi đẹp của chàng, chị vẫn cố báo đền lại.

Câu 747, 748 = Ôi, chỉ vì âm dương cách biệt, chị ở dưới dạ đài không sao hiện hình lên cho vợ chồng em thấy được, không sao nói lời lên cho vợ chồng em nghe được đó thôi ! Vậy xin em, hễ thấy hồn chị về như thế, thì rảy một chén nước lên ngọn gió mà cúng chị, cho hồn chị được hả hê, cũng như giọt nước cảnh dương của Đức Phật rảy để giải oan cho âm hồn kẻ chết oan.

Câu 749, 750 = Nói với Vân thế rồi, nàng lại gửi như lời nói với chàng Kim : Ôi, bây giờ trâm đã gãy, gương đã tan rồi, thiếp với chàng đã chia rẽ nhau rồi. Thiếp kể làm sao cho xiết được muôn vàn nỗi tình ái ân của thiếp đối với chàng !

Câu 751, 752 = Rồi nàng đứng lên bái vọng chàng Kim để từ biệt và nói : Thiếp xin gửi đi một trăm lay, một nghìn lay để từ giã chàng, vua tình của thiếp ! Cuộc duyên tơ tóc giữa chàng và thiếp chỉ ngắn ngủi có ngần ấy thôi !

Câu 753, 754 = Ôi, phận thiếp sao mà xấu thế ! Thôi thế là lỡ làng từ đây như hoa rụng xuống dòng suối, theo nước trôi đi, chẳng bao giờ được gặp mặt nhau nữa !

Câu 755, 756 = Rồi thương tiếc quá, Kiều kêu lên : Kim Lang ơi, thôi thế là thiếp phụ chàng từ đây rồi !

Câu 757, 758 = Kêu dứt mấy lời, nàng lặn ra bất tỉnh, thở một hơi dài, và chân tay thì giá lạnh như đồng.

Câu 759, 762 = Vương ông, Vương bà đương ngủ say bỗng thức dậy. Cả nhà tập nập rối rít, người thì ở trong nhà lay gọi nàng, người thì đi tìm thầy chạy thuốc. Chữa chạy hồi lâu, nàng mới tan hết cơn ngất ; tuy tỉnh dậy nhưng vẫn khóc như đổ máu mắt.

Câu 763, 764 = Ông bà mới hỏi sao nàng lại sinh ra sự lạ lùng như thế, nhưng Kiều còn cực khổ quá nói không ra lời.

Câu 765, 766 = Thúy Vân mới ghé tai nói nhỏ cho ông bà mọi nỗi tâm sự của Kiều và đưa ông bà coi chiếc xuyên vàng và bức hoa tiên viết bài văn thề.

Câu 767, 768 = Vương ông than : Thế là vì cha đã ký tờ bán con mà làm lỡ mối lương duyên của con với chàng Kim rồi ! Nhưng thôi đành vậy, việc ấy sau này em con nó sẽ thay con.

Câu 769, 770 = Nghĩ thương con quá, ông lại kêu than : Trời ơi, ai đã làm cho con tôi phải lia bỏ mối duyên đầm thắm này như hạt cải phải rời ngọc hồ phách, như kim sắt phải rời đá nam châm thế này ? Vì ai mà con tôi phải chịu kiếp lưu ly như cánh bèo mặt sóng, đọa đầy khốn cực như bóng mây dưới đáy sông thế này ?

Câu 771, 772 = Ông hứa với Kiều : Tâm sự con dặn lại quý như vàng ngọc này, dầu bia đá còn có thể mòn được, chớ những lời này cha xin ghi nhớ mãi mà chẳng bao giờ dám sai.

Câu 773, 774 = Thấy Vương ông nhận lời sẽ gả Thúy Vân cho Kim Trọng thay Kiều, nàng liền lễ tạ ơn cha. Lạy tạ xong, nàng sẽ sàng thưa với cha : Nhờ ơn cha trả được nghĩa chàng cho con như thế, con thật yên lòng hả dạ.

Câu 775, 776 = Sau này, dẫu phải sống kiếp tôi đòi cực nhọc, con cũng chẳng sá kể gì thân con ; và rồi dẫu chết phơi xương trắng ở nơi quê người, con cũng chẳng quản ngại gì cả. (Tâm sự Kiều lúc này : Ôn cha trả được rồi, nghĩa chàng trả được rồi, chẳng tiếc gì thân nữa, khổ thế nào cũng chịu được, chết đâu thì chết chẳng cần. Những lời này nghe quá thảm thê từ người con gái chí hiếu).

Câu 777, 778 = Suốt ngày hôm ấy, cả nhà thật kẻ không xiết biết bao nhiêu là nỗi thảm sầu ; rồi thoảng đã đến giờ thu không, ở lầu canh chính phía nam thành đã thúc mấy hồi trống báo hiệu cầm canh.

Câu 779, 780 = Thế là đã đến giờ đón dâu. Một chiếc kiệu hoa ở đâu đã đến đậu trước cửa nhà, với tiếng đàn tiếng sáo réo rất vang lên để giục người ta phải sâu thăm lìa rẽ nhau.

Câu 781, 782 = Cả nhà lúc đó, kẻ ở người đi đau thương quá đỗi, ai cũng khóc sụt mướt, nước mắt ướt cả áo, và người nào cũng rũ rượi mềm lả như con tằm đã kéo hết tơ.

Câu 783, 784 = Người đã buồn thảm như vậy, lại thêm cảnh trời đất lúc đó hình như muốn chia buồn với người mà hiện ra cảnh buồn thêm – trên thì trời tối mây đen ảm đạm như muốn mưa, dưới đất thì ngọn cỏ lá cây đầm đìa như sương, dầu dầu như muốn chung nước mắt khóc với người.

Câu 785, 786 = Họ rước Kiều về nhà trọ, rồi đưa Kiều vào buồng và đóng kín cửa bốn bề lại như nhốt nàng ở trong.

Câu 787, 788 = Nàng ngồi một mình, lòng những ngập ngừng, vừa hổ thẹn với bộ lông mày xanh tươi như liễu của mình, lại vừa tiếc cho bộ mặt mũi hồng hào như hoa của mình. Nàng càng nghĩ, lòng nàng càng xót xa thương tiếc cho mình nhiều nỗi.

Câu 789, 790 = Kiều tự nhủ trong cay đắng : Cái thân ta trong trắng như tiên phẩm thế này mà phải rơi vào tay đứa hèn này ! Rõ thật ta uổng công gìn giữ với ai, không để cho mưa nắng làm hoen ố vẻ trắng trong này !

Câu 791, 792 = Nếu ta biết thân ta phải gặp bước lạc loài này, thì ta thà bẻ cái nhị đào non đẹp của ta này mà dâng cho người tình chung của ta cho xong !

Câu 793, 794 = Ta rất hối tiếc chỉ vì ta cản không cho ngọn gió đông vào vườn đào, khiến khi chàng khi ở gần ta thì phải thiệt thòi, và khi phải đi xa ta thì phải đau tiếc !

Câu 795, 796 = Rồi sau đây, dù họa chẳng có khi lại gặp nhau nữa, thì chao ôi, thân này còn có ra gì nữa mà dám mong được chàng đoái hoài đến !

Câu 797, 798 = Nếu quả thực Trời đã bắt ta chịu số long đong như thế này, thì làm sao ta mang nổi mãi cái kiếp má hồng này đây !

Câu 799, 800 = Nghĩ thế rồi, bỗng thấy có con dao ai để ở dưới cái yên, nàng mới cầm lấy mà gói dấu vào trong một góc khăn.

Câu 801, 802 = Nàng đã định tâm ngâm giữ con dao đó để khi cần phải chết thì sẽ dùng để liều thân.

Những câu hay chữ có ý móc nối

Đoạn thơ (từ câu 569 đến 692) và đoạn thơ (từ câu 693 đến 804) tả lòng hiếu nghĩa của Kiều. Đoạn thơ trên thì tả vì hiếu mà bỏ cả tình, bỏ cả thân. Đoạn thơ dưới thì tả đã báo được hiếu rồi, mới lại nghĩ đến tình mà lo trả trọn nghĩa với tình lang và một niềm hy sinh thân phận mình. Hai câu trong đoạn dưới “*Việc nhà đã tạm thông dong / tình kỳ giục già đã mong độ về*” lúc mới đọc nghe lời rất giản dị tầm thường, và lại mỗi câu có một chữ “đã” nghe thật trùng điệp lung củng. Nhưng đọc lại mà nghĩ kỹ thì biết chúng tuy lời bình thường đơn giản mà ý rất hay và hai chữ “đã” trùng điệp đó lại là hai chữ rất khẩn thiết cho hai câu. Chữ “đã” câu lục thì vừa nối đoạn thơ này với đoạn thơ trên : thế là nay đã thu xếp tạm yên việc nhà, vừa tả được lòng nàng đã tự yên ủi thế là ta đã cứu được cha, đã cứu được gia đình. Chữ “đã” câu bát thì (a) vừa tả nỗi lòng nàng bỗng lại bối rối về việc trả nghĩa : thế là đã đến ngày phải bỏ nhà ra đi rồi, mà chưa tìm được cách trả nợ tình lang, (b) vừa mở ra ý suốt đêm ngồi nghĩ để rồi móc nối với những cuộc xin em

thay lời, những cuộc dạn dò thâm thúy giữa chị em, giữa cha con. Hai câu “*Phận sao đành vậy cũng vậy*” ở đoạn trên và “*Phận dầu, dầu vậy cũng dầu*” ở đoạn dưới, mới nghe lời thật lơ lửng và nghĩa thật vắn vơ, có thể tưởng là tác giả đặt ra cho đủ câu đủ vắn, nhưng nghĩ kỹ ra thì đó thật là hai câu quan hệ, tỏ rõ ra được nỗi lòng hy sinh của người con gái hiếu nghĩa tột bậc. Câu trên thì vì hiếu mà quên mình : số trời bất thể con đành chịu, cha đừng thương tiếc gì con nữa, coi như con chết từ lúc bé. Câu dưới thì vì nghĩa mà quên mình : số kiếp sau này dù có khổ đến đâu nữa, về phần ta ta chịu được, ta chỉ rất thương xót cho chàng là mất bao nhiêu công lao theo đuổi ta mà đã chẳng được gì, nay lại vì lời thề khăng khít, quá chặt chẽ của ta mà có lẽ bơ vơ đau khổ suốt đời.

Trong đoạn 235 câu thơ này (từ câu 569 đến 804) có nhiều câu nghe thật thâm thương, đọc đến ai mà không rớt nước mắt : (a) “*Trông ra ngọn cỏ lá cây / thấy hiu hiu gió thì hay chị về*” (b) “*Dạ đài cách mặt khuất lời / rẫy xin chén nước cho người thác oan*” (c) “*Trăm nghìn gửi lạy tình quân / tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi*” (d) “*Kiếp hoa đâu đã đến ngoài / quản huyên đâu đã giục người sinh ly.*”

Trong đoạn 235 câu này cũng có mấy câu xếp đặt thật khéo giúp cho Kiều đỡ phải ngượng nghịu, đó là (a) “*Thúy Vân chợt tỉnh giấc xuân / dưới đèn ghé đến ân cần hỏi han*” đỡ cho Kiều khỏi phải đánh thức em dậy mà van xin một truyện gần như không đâu và (b) “*Nàng còn nức nở nói không ra lời / nỗi nàng Vân mới rỉ tai*” đỡ cho Kiều khỏi phải kể cho cha nghe sự tình của mình.

CHƯƠNG 12

CÂU 805 ĐẾN CÂU 992

“Suối lệ phân ly, lưỡi dao oan nghiệt”

805. Chẳng ngờ gã Mã Giám Sinh,
Vẫn là một đũa phong tình đã quen. [1]
807. Quá chơi lại gặp hồi đen, [2, 3]
Quen mui lại kiếm ăn miền nguyệt hoa.
809. Lầu xanh có mụ Tú Bà,
Làng chơi đã già về già hết duyên. [4]
811. Tình cờ chẳng hẹn mà nên,
Mạt cưa mướp đấng đôi bên một phường. [5]
812. Chung lưng mở một ngôi hàng, [6]
Quanh năm buôn bán bán hương đã lè. [7]
815. Đạo tìm khắp chợ thì quê,
Giả danh hầu hạ dạy nghề ăn chơi. [8]
817. Rủi may âu cũng tại trời,
Đoạn trường lại chọn mặt người vô duyên.
819. Xót nàng chút phận thuyền quyên,
Cành hoa đem bán vào thuyền lái buôn.
821. Mẹo lừa đã mắc vào khuôn,
Sính nghi rẻ giá nghênh hôn sẵn ngày. [9]
823. Mừng thâm : Cờ đã đến tay! [10]
Càng nhìn vẻ ngọc càng say khúc vàng. [11]
825. “Đã nên quốc sắc thiên hương, [12]
Một cười này hấn nghìn vàng chẳng ngoa. [13]
827. Về đây nước trước bẻ hoa,
Vương tôn quý khách ắt là đua nhau. [14]
829. Hấn ba trăm lạng kém đâu,

Cũng đà vừa vốn còn sau thì lời,
831. Miếng ngon kẻ đến tận nơi,
Vốn nhà cũng tiếc của trời cũng tham.
833. Đào tiên đã bén tay phàm, [15]
Thì vin cành quít cho cam sự đời! [16]
835. Dưới trần mấy mặt làng chơi,
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.
837. Nước vỏ lựu máu mào gà, [17]
Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên. [18]
839. Mập mờ đánh lận con đen, [19]
Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền mất chi?
841. Mụ già hoặc có điều gì,
Liều công mất một buổi quỳ mà thôi.
843. Và đây đường xá xa xôi,
Mà ta bất động nữa người sinh nghi. [20]
845. Tiếc thay một đóa đồ mi, [21]
Con ong đã tỏ đường đi lối về.
847. Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc tiếc gì đến hương.
849. Đêm xuân một giấc mơ màng,
Đuốc hoa để đó, mặc nàng nằm trơ. [22]
851. Giọt riêng tâm tã tuôn mưa,
Phân cãm nổi khách phân nhơ nổi mình:
853. Tuồng chi là giống hôi tanh, [23]
Thân nghìn vàng để ô danh má hồng. [24]
855. Thôi còn chi nữa mà mong?
Đòi người thôi thế là xong một đời.
857. Giận duyên tui phận bời bời,
Cầm dao nàng đã toan bài quyên sinh. [25]
859. Nghĩ đi nghĩ lại một mình:
Một tình thì vậy, hai tình thì sao? [26]

861. Sao đầu sinh sự thế nào,
 Truy nguyên chẳng kéo lụy vào song thân. [27]

863. Nỗi mình âu cũng giãn dần, [28]
 Kíp chầy thôi cũng một lần mà thôi. [29]

865. Những là đo đản ngược xuôi,
 Tiếng gà nghe đã gáy sôi mé tường.

867. Lâu mai vừa rúc còi sương, [30, 31]
 Mã Sinh giục giã vội vàng ra đi.

869. Đoạn trường thay lúc phân kỳ! [32]
 Vó câu khắp khênh bóng xe gập ghềnh.

871. Bề ngoài mùi dấm trường đình, [33]
 Vương ông gánh tiệc tiễn hành đưa theo.

873. Ngoài thì chủ khách đặt diu, [34]
 Một nhà huyên với một Kiều ở trong.

875. Nhìn càng lã chã giọt hồng, [35]
 Rỉ tai nàng mới giải lòng thấp cao:

877. “Hổ sinh ra phận thơ đào, (36)
 Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong?

879. Lỡ làng nước đục bụi trong, [37]
 Trăm năm để một tấm lòng từ đây.

881. Xem gương trong bấy nhiêu ngày,
 Thân con chẳng kéo mác tay bọm già!

883. Khi về bỏ băng trong nhà, (38)
 Khi vào dùng dướng, khi ra vội vàng.

885. Khi ăn khi nói lỡ làng,
 Khi thầy khi tớ xem thường xem khinh.

887. Khác màu kẻ quý người thanh,
 Ngẫm ra cho kỹ như hình con buôn.

889. Thôi con còn nói chi con?
 Sống nhờ đất khách thác chôn quê người!

891. Vương Bà nghe bấy nhiêu lời,

Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên. [39]
893. Vài tuần chưa cạn chén khuyên. [40]
Mái ngoài nghỉ đã giục liền ruổi xe.
895. Xót con lòng nặng chề chề,
Trước yên ông đã nằn nì thấp cao:
897. “Chút thân yếu liễu tơ đào,
Rớt nhà đến nỗi dấn vào tôi người. [41]
899. Từ đây góc bể bên trời,
Nắng mưa thui thui quē người một thân.
901. Nghìn tầm nhờ bóng từng quân, [42]
Tuyết sương che chở cho thân cát đảng.” [43]
903. Cạn lời khách mới thừa rằng:
“Buộc chân thôi cũng xích thằng nhiệm trao. [44]
905. Mai sau dầu đến thế nào,
Kìa gương nhật nguyệt nọ dao qui thần!” [45]
907. Đùng đùng gió giục mây vùn, [46]
Một xe trong cõi hồng trần như bay. (47)
909. Trông vời gạt lệ chia tay,
Góc trời thăm thẳm đêm ngày đăm đăm. [48]
911. Nàng thì cõi khách xa xăm,
Bạc phau cầu giá đen rằm ngàn mây. [49]
913. Vi lô san sát hơi may, [50]
Một trời thu để riêng say một người. [51]
915. Dặm khuya ngắt tạnh mù khơi, [52]
Thấy trăng mà thẹn những lời non sông.
917. Rừng thu rỗ biếc úa hồng, [53]
Nghe chim như nhắc tâm lòng thần hôn. [54]
919. Những là lạ nước lạ non,
Lâm Truy vừa một tháng tròn tới nơi.
921. Xe châu dừng bánh cửa ngoài,
Rèm trong đã thấy một người bước ra.

923. Thoắt trông nhìn nhợt màu da,
 Ăn gì cao lớn đầy đà làm sao!
925. Trước xe hơi lả han chào,
Vâng lời nàng mới bước vào tận nơi.
927. Bên thì mấy ả mảy ngài,
Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.
929. Giữa thì hương án hắt hoi,
Trên treo một tượng trắng đôi lông mày. [55]
931. Lầu xanh quen lối xưa nay,
Nghề này thì lấy ông này tiên sư,
933. Hương hôm hoa sớm phụng thờ.
 Cô nào xúi vía có thừa mối hàng,
935. Cởi xiêm lột áo chán chường,
Trước thần sẽ nguyện mảnh hương lầm râm. [56]
935. Đổ hoa lót xuống chiếu nằm,
 Bướm hoa bay lại âm âm tứ vi!
937. Kiêu còn ngơ ngẩn biết gì,
Cứ lời lạy xuống mụ thì khấn ngay:
939. “Cửa hàng buôn bán cho may,
Đêm đêm Hàn thực, ngày ngày Nguyên tiêu. [57]
941. Muôn nghìn người thấy cũng yêu,
 Xôn xao oanh yến, dập diu trúc mai.
945. Tin nhận vẫn, lá thư bời, [58]
Đưa người cửa trước, rước người cửa sau.”
947. Lạ tai nghe chữa biết đâu,
 Xem tình ra cũng những màu dờ dang.
949. Lễ xong hương hỏa gia đường, [59]
Tú Bà vắt tóc lên giường ngồi ngay. [60]
951. Dạy rằng: “Con lạy mẹ đây,
 Lạy rồi, sang lạy cậu mày bên kia.”
953. Nàng rằng: “Phải bước lưu ly,

Phận hèn vâng đã cam bẽ tiểu tinh. [61]
955. Điều đầu lấy yến làm anh, [62]
Ngây thơ chẳng biết là danh phận gì? [63]
957. Đủ điều nạp thái vu qui,
Đã khi chung chạ lại khi đứng ngồi.
959. Giờ ra thay mặt đổi ngôi,
Dám xin gửi lại một lời cho mình.”
961. Mụ nghe nàng nói hay tình,
Bấy giờ mới nổi tam bành mụ lên: [64]
963. “Này này sự đã quả nhiên,
Thôi đà cướp sống chồng mình đi rồi.
965. Bảo rằng đi dạo lấy người,
Dem về rước khách kiếm lời mà ăn.
967. Tuồng vô si ở bất nhân, [65]
Buồn mình trước đã tàn mần thử chơi.
969. Màu hồ đã mất đi rồi, [66]
Thôi thôi vốn liếng đi đòi nhà ma!
971. Con kia đã bán cho ta,
Nhập ra phải cứ phép nhà tao đây. [67]
973. Lão kia có giờ bài bậy,
Chẳng vãng vào mặt mà mày lại nghe. [68]
975. Có sao chịu tốt một bề,
Gái tơ mà đã ngựa nghè sớm sao?
977. Phải làm cho biết phép tao!”
Chập bì tiên rắp sẵn vào ra tay.
979. Nàng rằng: “Trời thăm đất dày!
Thân này đã bỏ những ngày ra đi.
981. Thôi thì thôi có tiếc gì!”
Sẵn dao tay áo tức thì giờ ra.
983. Sợ gan nát ngọc liều hoa!
Mụ còn trông mặt nàng đà quá tay.

985. Thương ôi tài sắc bậc này,
 Một dao oan nghiệt đứt dây phong trần. [69]

987. Nỗi oan vỡ lở xa gần, [70]
 Trong nhà người chật một lần như chen.

989. Nàng thì bần bật giấc tiên, [71]
 Mụ thì cảm cập mặt nhìn hồn bay.

991. Vực nàng vào chốn hiên tây,
 Cắt người coi sóc chạy thầy thuốc thang.

Đính chính và xác định

Câu 808 – *Quen mui lại kiếm ăn miền nguyệt hoa* – Chữ mui các bản Nôm viết là [𪔐] (khẩu [口] bên môi [媒]) có thể phiên âm là môi hay mui hay mùi. Nhưng theo tiếng thông thường ta hay nói là mui như *quen mui thấy mùi ăn mãi*, chứ ít khi nói *quen mùi hay quen môi*.

Câu 845 – *Đồ mi [茶糜]* là một thứ cây cảnh có hoa đẹp hay trồng thành giàn ở trong vườn cảnh, như câu 1092: *Giá đồ mi đã ngâm gương nửa vành*. Cả hai câu này đáng lẽ đều phải đọc là đồ mi mới đúng, nhưng vì chữ đồ [茶] giống chữ trà [茶] nên mọi người đã quen đọc là trà mi thì vừa sai, vừa mất âm điệu.

Câu 866 – *Tiếng gà nghe đã gáy soi mé tường* – Chữ “mé” câu này các bản Kiều quốc ngữ đều phiên âm lầm ra “mái”, nhưng “mái tường” thật là vô nghĩa. Vậy xin cải chính lại.

Câu 872 – *Vương Ông gánh tiệc tiễn hành đưa chân* – “Gánh tiệc” câu này nhiều bản Nôm hay quốc ngữ đều in là “mở tiệc [馬 席]”, chỉ có một bản Nôm cũ in là “gánh tiệc [揸 席]”. Tác giả đặt chữ “gánh tiệc” ở đây thật đúng với tình cảnh buồn thảm vội vàng. Những bản đổi là “mở tiệc” để nghe cho lịch sự trang trọng, nhưng thật là làm mất tình ý của tác giả. Vậy xin xác định lại cho hợp với cảnh ngộ buồn thảm vội vàng.

Câu 873 – *Ngoài thì chủ khách dặt diu* – Nhiều bản Nôm hay quốc ngữ đổi “dặt diu” [逸 迤] ra “dập diu [習 迤]” là sai nghĩa, vì dập diu nghĩa là đông người vui vẻ, như “dập diu tài tử giai nhân”

mới đúng nghĩa chữ “dập diu.” Còn câu này dùng chữ dập diu thì thật không hợp với tình cảnh cái bữa tiệc tạm bợ vắng vẻ buồn tủi này.

Câu 883 – *Khi về bỏ bẵng trong nhà* = Khi Mã Giám Sinh mang Kiều về đến trú phường rồi, hẳn để Kiều ngồi một mình như *bỏ bẵng* ở trong buồng. Hẳn chẳng có tình nghĩa đoái hoài gì đến, đúng với cái cảnh “bồn bề xuân tỏa một nàng ở trong.” Vì chữ “bẵng” Nôm viết là [𠂔] (Hán đọc là bẵng, Nôm đọc là bẵng), các bản Kiều Nôm khắc làm [𠂔] (bẵng) ra [永] (Hán đọc là vĩnh, Nôm đọc là vắng), thành ra “khi về bỏ vắng trong nhà” thật là vô nghĩa mà ít ai nghĩ đến. Vậy xin đính chính lại cho đúng, để ai đọc đến câu này cũng hiểu rõ nghĩa ngay.

Câu 884 – *Khi vào dùng dắng khi ra vội vàng* = Khi Mã vào buồng với nàng thì như có vẻ lén lút vụng trộm, phải dùng dắng ngó trước nhìn sau, thừa cơ bên ngoài mọi người vắng vẻ mới dám vào, rồi hấp tấp thỏa tình vội vàng ra khỏi buồng ngay, không có tình quyên luyến chút nào. Vì chữ “dắng” Nôm viết là [孕] (Hán đọc là dụng, Nôm đọc là dắng), thợ khắc bản in gỗ khắc làm ra [朶] (Hán đọc là đoá), người phiên âm trước không nghĩ ra, cứ dịch là đoá, nhưng thấy “dùng đoá” vô nghĩa lại mất âm luật, nên đổi bừa ra “đôi đoá” cho có âm luật. Bản Kiều Trần Trọng Kim cũng theo sự lầm ấy và giảng nghĩa chữ “đôi đoá” là “vò vĩnh” đồng nghĩa với “dùng dắng.” Thật là giảng gượng, vì “vò vĩnh” cùng nghĩa với “dùng dắng” sao được.

Câu 898 – *Nghệt nhà đến nỗi dấn vào tôi nguoi* = Vì tình thế eo nghẹt quá đến nỗi nó phải tự ý liều thân bán mình chịu kiếp tôi đòi nhục nhã. (Trong câu 2941 *Dấn mình trong đám can qua*, chữ dấn mình cũng một ý liều mình như dấn mình xuống sông nước vậy). Các bản Kiều đổi “dấn vào” ra “buộc vào” hay “mắc vào” đều làm mất ý nghĩa lời Vương ông muốn tỏ cho họ Mã biết là con gái mình rất mực hiếu nghĩa, tự ý liều mình để cứu cha cứu gia đình, hầu mong hẳn quý nể Kiều hơn. Nếu để buộc mình hay mắc vào thì không phải là Kiều tự ý bán mình, tự ý hy sinh, thành ra bị người khác bắt buộc phải bán mình.

Câu 917 – *Rừng thu rỗ biếc úa hồng* = Cảnh rừng bắt đầu điêu tàn vì hơi sương lạnh mùa thu, chỗ thì những chòm lá xanh biếc đã lốm đốm điểm những lá vàng như người mặt rỗ, chỗ thì những lá sạm lại thành màu đỏ úa buồn. Có bản giảng làm chữ “úa hồng” là hoa úa : hoa tàn thì rụng, chứ đầu úa ở trên cây cho người ở xa trông thấy được? Có bản Nôm khắc làm chữ “rỗ” [瘡] (chữ bịnh

trên chữ lỗ [魯] = rỗ) ra chữ [層] (Hán là tầng = từng); và khắc làm chữ “ố” [癩] (chữ bệnh trên chữ “ố” [惡]) thành chữ “chen” [瞋] (Hán đọc là chiêm, Nôm đọc là chen). Theo bản lâm này, thì câu này là “Rừng thu từng biếc chen hồng.” Ôi thật lâm quá, vì như thế rừng thu lại hóa đẹp quá. Vậy xin xác định là “rừng thu rỗ biếc úa hồng” cho thật đúng cảnh buồn mùa thu, sánh đôi với tâm trạng buồn của Kiều trong cuộc đi này.

Câu 934 – *Cô nào xúi vía có thừa mối hàng.* “Xúi vía” câu này, các bản quốc ngữ đều dịch là “xúi vía,” đó là do “xúi” hay “xấu” chữ Nôm đều viết là [醜] (Hán đọc là “xú” = xấu), nhưng “xấu vía” nghĩa khác với “xúi vía.” Người “xấu vía” là trời sinh ra có cái hồn vía xấu, truyện trò giao thiệp với ai là làm cho người ta xúi quẩy gặp những sự không may, người xấu vía thì không thể nào chữa được; còn người “xúi vía” là người bị người “xấu vía” làm cho xúi quẩy gặp sự không hay, như bán hàng thì hàng ế, sinh đẻ thì con sài ồm...Người bị xúi vía có thể chữa được bằng cách “đốt vía, phi phui” hay bằng cách cầu cúng như các cô “xúi vía” ở câu này. Vậy câu này phải để là *Cô nào xúi vía có thừa mối hàng* mới đúng nghĩa.

Câu 964 – *Thôi đà cướp sống của mình đi rồi* – Đây là lời Tú Bà chửi Mã Giám Sinh, khi mẹ thấy Kiều nói “đã khi chung chạ lại khi đứng ngồi” với Mã, và nghĩa là “thôi thế rõ thằng này đã trắng trợn ăn cướp sống mất tiền của của tao rồi.” Chữ “của” đây là chỉ vào Kiều. Nhiều bản Kiều đổi làm của ra chồng, cho là Tú Bà mắng Kiều đã cướp chồng của mẹ, rõ thật là vô nghĩa, vậy xin xác định lại cho đúng nghĩa lý. Đoạn Tú Bà nói này, từ câu: “Này này sự đã quả nhiên” đến câu “Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma” là lời mẹ chửi Mã Giám Sinh; và từ câu “Con kia đã bán cho ta” đến câu “Phải làm cho biết phép tao” mới là lời mẹ nói với Kiều.

Câu 967 – *Tuông vô sĩ ở bất nhân* = Tiểu thuyết Tàu vẫn gọi những tên đàn ông đều cáng, vô lại làm nghề lừa gái, dặt gái cho trai để kiếm tiền là vô sĩ [無恥] (không biết xấu hổ) hay là vong bát [忘八] (nghĩa là quên cả 8 đức tính: hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si) và thường nói trạnh ra thằng vương bát [王八]. Câu này Tú Bà dùng chữ vô sĩ để chửi Mã Giám Sinh, cũng như ta nói thằng đều, thằng ma cô. Nhiều bản Kiều đổi “vô sĩ” ra “vô nghĩa” cho là Tú Bà trách Mã phụ nghĩa vợ chồng với mẹ, thật là sai nghĩa và mất hết cả ý nghĩa sâu sắc xác đáng. Mã Giám Sinh chỉ là thằng kiếm gái cho Tú Bà, chứ đâu phải là chồng mẹ, mà nói là “vô nghĩa”?

Chú giải và dẫn điển

[1] *Phong tình* [風情] = Kể ăn chơi chỉ thích những cuộc trăng hoa trai gái, và tự cho mình là hạng phong lưu tình tứ.

[2] *Quá chơi* = Ăn chơi quá độ thành ra hết của.

—

[3] *Hồi đen* = Lúc vận xấu, gặp sự không may, tai nạn bất kỳ, hao tiền tốn của.

[4] *Làng chơi đã già* = Vì già và xấu, khách làng chơi không ai ngó đến nữa (giã = từ già).

[5] *Mạt cưa mướp đắng* – Truyện cổ tích ta kể: Một người đem mạt cưa ra chợ bán giả làm cám, và một người đem mướp đắng ra chợ bán giả làm dưa chuột, nhưng đều ế cả. Lúc chợ đã gần tan, hai bên gặp nhau, cùng nói khéo bán lẫn cho nhau, cũng mừng thầm là đánh lừa được nhau. Lúc về nhà mới biết là cùng bị lừa. Sau hai người gặp nhau cùng òa ra cười và cùng chịu nhau là tài lừa bịp, mới kết bạn với nhau để cùng đi lừa thiên hạ.

[6] *Chung lưng* = Góp tiền vốn với nhau để mở cửa hàng buôn bán.

[7] *Đã lè* = Đã quen, đã thành lè thói đủ ngón trong nghề.

[8] *Giả danh hầu hạ* = Mượn tiếng mua gái về làm vợ lẽ để lừa nhà có con gái.

[9] *Sính nghi* = Số tiền nhà trai nộp cho nhà gái để sắm sửa cô dâu. Nghinh hôn = Lễ đón dâu.

[10] *Cờ đã đến tay* – Tục ngữ ta có câu “Cờ đến tay ai thì người đó phát.”

[11] *Khúc vàng* = Tác vàng = Lòng đáng tin cậy. Nhưng đây tác giả đổi ra “khúc vàng” để tỏ ý mỉa mai tấm lòng tham ô bản thủ.

[12] *Quốc sắc, thiên hương* – *Quốc sắc* = Người con gái nổi tiếng đẹp nhất nước. *Thiên hương* = Được vua yêu quý, ban cho nước hoa thơm đặc biệt như từ tiên trên trời ban xuống.

[13] *Một cười nghìn vàng* – Bối câu chữ Hán [一笑千金 = Nhất tiếu thiên kim = Một cười đáng nghìn vàng]. U Vương nhà Chu thưởng một nghìn lạng vàng cho người làm được Bao Tự cười một cái.

[14] *Vương tôn* hàm ý những khách ăn chơi phong lưu như con cháu nhà vua chúa.

[15] *Đào tiên, tay phàm* – Có lẽ tác giả dùng điển từ truyện ông Ngâu của ta: Bà Ngâu bay lên tiên mất, ông Ngâu bé con lên được cung tiên tìm thấy vợ. Bà Ngâu đưa cho quả đào tiên, ông Ngâu không biết cách ăn cho lịch sự, vội vàng cùng con gặm ăn thô bỉ, bị các nàng tiên chê cười, bà Ngâu lại dùng dây cho hai bố con xuống cõi phàm. Câu thơ này than tiếc cho Kiêu gặp kẻ phàm phu không biết đối đãi nàng một cách thanh lịch xứng đáng.

[16] *Vin cành quít* lấy ý từ thơ Tô Đông Pha [老人逾戲如童子, 不折梅枝折橘枝 = Lão nhân du hí như đồng tử, bất triết mai tri triết quất tri = Người già mà trêu đùa như trẻ con, vào vườn hoa chẳng biết bẻ cành hoa mai trắng đẹp mà ngắm cho vui mắt, lại bẻ cành quít lấy quả ăn cho sượng miệng]. Tác giả dùng ý câu thơ này để chê Mã Giám Sinh là kẻ tục phu chỉ biết cái thú thô tục như trẻ tham quít, không biết hưởng cái thú thanh tao như người tao nhã thích ngắm hoa mai.

[17] *Nước vò lựu, máu mào gà* – Theo sách Bắc Lý Chí, gái thanh lâu vẫn nấu nước vò lựu cho đặc để rửa chỗ kín cho co gọn lại như gái thanh tân, và chứa ngâm sẵn máu mào gà, để khi tiếp khách xong, thì ngâm đồ một chút vào mà nói là mới bị khách phá trinh.

[18] *Chiêu tập* = Sửa chữa gọn gàng lại. *Còn nguyên* = Vẫn còn như con gái thanh tân.

[19] *Con đen* do chữ kiêm lê [黔黎] dịch ra và nghĩa là “lũ dân còn đen đầu, khờ dại.”

[20] *Bất động* [不動] = Không làm gì.

[21] *Đồ mi* [荼糜] phải đọc là đồ mi mới đúng, nhưng vì chữ đồ [荼] giống chữ trà [茶] nên theo thói quen ta vẫn đọc là trà mi. Đường thi có câu [開到荼糜花事了 = khai đáo đồ mi hoa sự liễu = Nở đến hoa đồ mi là xong công việc mùa hoa].

[22] *Đuốc hoa* do chữ hoa trúc [花燭] dịch ra. Hoa trúc là cây nến có hình cành hai hoa trang điểm quán quít chung quanh. Tục xưa, trong buồng dâu rể đêm tân hôn vẫn đốt cây đuốc hoa để làm lễ hợp cẩn rồi để luôn suốt đêm trong buồng vợ chồng mới cưới.

[23] *Giống hôi tanh* – Thơ Tô Đông Pha có câu [汝非其人身腥膻 = nữ phi kỳ nhân, thân tinh chiên = mày không phải là người, thân mày hôi tanh lắm].

[24] Ô danh [汚名] = Làm dơ bản mặt cả tiếng thơm của khách má đào.

[25] *Quyên sinh* [捐生] = Bỏ đời sống, tự tử.

[26] *Một tình đã vậy, hai tình thì sao* = Cái tình lý lẽ nọ lẽ kia sẽ xảy ra sau này theo tình thế việc mình làm. *Một tình đã vậy* nghĩa là việc mình tự vẫn, nếu theo một lẽ nông nổi mới nghĩ là chết đi thì hết mà êm đi, thế là xong chết được. *Hai tình thì sao* nghĩa là sự mình tự vẫn, nghĩ lại cho kỹ thì có thể xảy ra “tình lý thứ hai” nữa, là Mã sinh sẽ sinh sự kiện cáo bố mẹ mình là lừa nó như vậy thì chết không xong, không thể chết lúc này ở đây được. Nói vắn tắt thì câu này nghĩa : Mới thoát nghĩ thì chết được, nhưng nghĩ lại thì chết không xong.

[27] *Truy nguyên* = Xét lại đến tận nguồn gốc. Ở đây nghĩa là theo lý luật mà xét cho ra nguyên có gì mà xảy ra án mạng.

[28] *Giãn dần* = Ngươi dần bớt nổi căng thẳng trong lòng.

[29] *Một lần* = có ý nói chẳng chết trước thì cũng chết sau ; thế nào cũng *một lần* chết là xong.

[30, 31] *Lầu mai* = Lầu lính canh buổi sáng sớm. *Còi sưng* = Hòi còi lính canh rúc báo lúc tan canh, lúc sưng đêm gần tan.

[32] *Phân kỳ* [分岐] – *Phân* = Chia. *Kỳ* = Chỗ đường rẽ làm đôi ngã. *Phân kỳ* hàm ý chia rẽ nhau mỗi người đi một ngã.

[33] *Trường đình* [長亭] – Theo Hán sử, đường quan lộ trước cứ 5 dặm đặt một quán nghỉ nhỏ gọi là *đoản đình* [短亭], 10 dặm thì đặt một quán nghỉ lớn gọi là *trường đình*. Lễ tiễn biệt nhau, thường đưa nhau đến 10 dặm thì từ biệt, và nếu có tiệc tiễn biệt thì cũng đặt ở trường đình. Trong truyện Tam Quốc, Lưu Bị tiễn Từ Thử đến trạm trường đình rồi từ biệt nhau.

[34] *Dặt diu* – Xem lời xác định câu 873 bên trên.

[35] *Giọt hồng* = Nước mắt khóc thảm thiết như nhỏ máu.

[36] *Thơ đào* = Phận con gái hãy còn trẻ đại yếu đuối.

[37] *Nước đục bụi trong* lấy điển tích từ câu thơ của một ca kỹ tiền tình nhân đi kinh thi Hội. Nàng chắc rằng thế nào chàng cũng đổ và lo sẽ bỏ rơi mình, nên thơ nàng tiễn có câu [妾如濁水泥君如清路塵 = thiếp như trọc thủy nê, quân như thanh lộ trần = thiếp là bùn đọng mãi ở dưới nước đục bản, chàng là bụi được gió đưa đi trên con đường trong sạch]. Tác giả dùng điển này để tả Kiều vừa than thân phận phải đầy đọa vào kiếp ô nhục, vừa tiếc không lấy được Kim Trọng là tình nhân cao quý.

[38] *Bỏ băng* – Xem lời đính chính câu 883 bên trên.

[39] *Vạch trời kêu lên* = Vạch mây cho hở trời ra mà kêu lên cho trời nghe tiếng oan khổ.

[40] *Vài tuần* = Vài *tuần* rượu. Mỗi lần chủ rót rượu mời khách, và khách mời lại là một *tuần* rượu.

[41] *Dấn vào* = Liều mình vào nơi khổ sở nguy hiểm như dấn mình xuống sông nước. Xem lời xác định câu 898 bên trên.

[42] *Tùng* [松] = Cây thông. *Quân* [筠] = Loài tre to cao. Người ta quý hai thứ cây này như người quân tử có độ lượng cao thẳng bao la, hay che chở bênh vực kẻ dưới.

[43] *Cát* [葛] = Cây sắn dây. *Đằng* [藤] = Thứ cây dây leo cuốn gốc cây khác. Người ta hay dùng *cát đằng* để ám chỉ đàn bà con gái làm lẽ mọn.

[44] *Nhiệm trao* = Trao lại cho nhau một cách nhiệm màu như có trời định sẵn.

[45] *Guơng nhật nguyệt, dao quý thân* – Mã sinh chỉ mặt trời mặt trăng xin chứng minh cho lời thề hẹn của hần, và khấn quý thân nếu hần không giữ lời thề hẹn thì sẽ bị chết đâm chết chém.

[46] *Gió giục mây vùn* dịch từ câu chữ Hán [雲馳風逐 = vân trì phong trục = mây chạy gió đuổi] có nghĩa là nó giục đi cho mau như mây bay gió thổi.

[47] *Cõi hồng trần* = Nơi phồn hoa đô hội náo nhiệt.

[48] *Tháng ngày dăm dăm* = Lúc nào Kiều và bố mẹ cũng thương nhớ nhau đến khôn khổ.

[49] *Cầu giá* = Cầu có sương trắng phủ như băng đọng trên mặt. *Giá* = Sương đọng thành tảng. Tác giả dùng thành ngữ “bạc phau cầu giá” để tăng thêm nỗi lòng buốt lạnh của Kiều, và thành ngữ “đen rằm ngàn mây” để tăng thêm nét mặt u buồn của nàng.

[50] *Vi lô* [葦 蘆] = Các loài lau sậy về mùa thu thì bắt đầu khô tàn. *San sát* tả tiếng lá khô gió đưa cọ sát vào nhau. *Hơi mây* tả hơi gió khô lạnh mùa thu để làm cho người xa nhà cảm nhớ đến cảnh âm cúng của gia đình.

[51] *Một trời thu để riêng say một người* = Cảnh buồn thì ai cũng chán, nhưng riêng Kiều bây giờ thấy nó hợp với nỗi lòng mình, nên có ý thích ngắm, như nó chia sẻ nỗi buồn với mình, nhưng càng ngắm thì cảnh thu càng làm cho nàng thêm buồn tê tái.

[52] *Dặm khuya* = Đoạn đường đi lúc đêm khuya. *Ngất* = Trên cao. *Ngất tạnh* = (Trời) cao không mây. *Mù khơi* = (Trời) trông cao tít mù xa thăm.

[53] *Rõ biết ủa hồng* – Xem lời đính chính câu 917 bên trên.

[54] *Tám lòng thần hôn* – *Thần* [晨] là buổi sớm. *Hôn* [昏] là buổi tối. Lễ xưa dạy con nuôi cha mẹ già thì sớm dạy phải chào hỏi cha mẹ xem đêm ngủ có ngon không ; tối phải đến hỏi xem cha mẹ ngày hôm đó có được vui không, ăn có ngon không ; nếu cha mẹ có điều gì buồn thì khuyên giải, nếu mình có điều lầm lỗi thì xin tạ lỗi.

[55] *Thần mày trắng* – Xưa kia các thanh lâu đều thờ thần *bạch mi xích nhãn* [白眉赤眼 = mắt đỏ lông mày trắng] làm tiên sư. Tục ta, Tàu trước nghề gì cũng có thờ một ông tiên sư tức là ông đã sáng lập ra nghề đó.

[56] *Làm rằm* – Ta có câu tục ngữ “*Làm rằm* như đi khấn tiên sư.”

[57] *Hàn thực* [寒食] và *Nguyên tiêu* [元宵] là hai ngày tết rất vui vẻ náo nhiệt về mùa xuân. Tết *Nguyên tiêu* vào đêm rằm tháng giêng, có cuộc treo đèn khắp nhà khắp phố, yến tiệc khắp nơi. *Hàn thực* (cũng gọi là tết Thanh minh) vào ngày mùng 3 tháng 3 có những cuộc đập thanh, tảo mộ. *Hàn thực* vui vẻ về ban ngày, *Nguyên tiêu* vui vẻ về ban đêm. *Đêm đêm Hàn thực, ngày ngày Nguyên tiêu* ý nói đông khách vui vẻ luôn luôn, bất kể ngày đêm, lúc nào cũng như tết.

[58] *Tin nhận* = Thư khách xa gửi tới. *Lá thư* = Thơ tình xướng họa hẹn hò nhau.

[59] *Gia đường* [家堂] = Bàn thờ trong nhà.

[60] *Vất nóc* = Lên ngòi một cách oai vệ ở chỗ cao quý nhất để tỏ ra mặt bà chủ trong nhà, trùm lợp cả mọi người như nóc nhà trùm lợp cả gia đình vậy.

[61] *Tiểu tinh* [小星] nghĩa đen là sao nhỏ, nghĩa bóng là vợ lẽ. Kinh Thi có câu [擘彼小星 = tuệ bỉ tiểu tinh = ngôi sao bé nhỏ kia] ý nói các vợ lẽ như những ngôi sao nhỏ.

[62] *Lấy yến làm anh* = Lấy chim én làm chim anh (vẹt). Ý nói đổi vợ lẽ thành ra con nuôi.

[63] *Danh* [名] = Tên gọi. *Phận* [分] = Phần quyền lợi, bổng phận. *Danh phận* ở đây là được xếp vào hạng người nào trong nhà.

[64] *Tam Bành* = Ba vị thần Bành. Theo kinh Phật, trong người ta có ba thần tên là Bành Kiêu, Bành Cư, Bành Chất. Họ hay xúi ta làm điều ác, rồi cứ đến ngày canh thân thì lên tâu Ngọc Hoàng Thượng Đế.

[65] *Tuông vô si* – Xem lời xác định câu 967 bên trên.

[66] *Màu hồ* – Nghề buôn bán thường *hồ* hàng hóa cho đẹp để dễ bán. Hàng hóa đã *mất màu hồ* thì khó bán. Đây là lời Tú Bà chửi Mã Giám Sinh đã làm *mất màu hồ* của Kiều.

[67] *Nhập gia* – Tục ngữ Tàu có câu [到江隨曲入家隨俗 = Đáo giang tùy khúc, nhập gia tùy tục = Thuyền tới sông nào thì phải chờ theo chiều cong khúc sông đó, người vào nhà ai thì phải theo tục nhà ấy].

[68] *Văng vào mặt* = Lôi những câu thô tục ra mà chửi vào mặt. Các bản Kiều đổi “văng vào mặt” thành “phang vào mặt” là sai với bản cũ.

[69] *Dây phong trần* = Quãng đời khổ nhục.

[70] *Vỡ lở* = (Tin Kiều tự tử) vang ra nhiều người biết.

[71] *Giác tiên* = Giác mê lịm đi chẳng còn biết gì, coi như đã thoát nợ đời và lên cảnh tiên.

Diễn ra văn xuôi

Câu 805, 806 = Nào có ngờ đâu Mã Giám Sinh là một kẻ phong tình lừa gái đã quen.

Câu 807, 808 = Hấn ăn chơi quá, nhà đã hóa nghèo lại gặp hồi vận đen, nên cửa nhà khánh kiệt. Vì dụ dỗ gái đã quen, nên hấn quen mui lại kiếm ăn về nghề trồng hoa, dụ dỗ gái vào thanh lâu để lấy tiền ăn tiêu.

Câu 809, 810 = Lại có mục Tú Bà, một gái thanh lâu đã già hết duyên, chẳng khách làng chơi nào ngó đến nữa.

Câu 811, 812 = Tình cờ hai đứa bọm thất nghiệp gặp nhau, chẳng khác truyện xưa kể đứa bán mặt cửa giả làm cám lại gặp đứa bán mướp đấng giả làm dưa chuột. Thế là hai bên một phường kết bạn tri kỷ.

Câu 813, 814 = Hai tên bọm này mới chung lưng nhau mở một thanh lâu để kiếm ăn. Tú Bà thì xuất vốn tiền, Mã Giám Sinh thì xuất công đi lừa dỗ gái. Quanh năm chúng làm nghề bán phần buôn hương sành sỏi đủ lẽ lối.

Câu 815, 816 = Chàng Mã đi dạo khắp cả thành thị và thôn quê để tìm gái, mượn tiếng là mua về làm vợ lẽ, nàng hầu, để đem về ép buộc hành nghề mại dâm.

Câu 817, 818 = Ôi ! Đó cũng là sự rủi may do trời định sẵn cho số phận Kiều, nên cái kiếp đoạn trường nó lại chọn đúng ngay mặt người vô duyên này.

Câu 819, 820 = Thật đáng thương xót cho nàng là một gái thuyền duyên mà về tay Mã Giám Sinh, chẳng khác gì một cành hoa mà bị lọt vào thuyền của tên lái buôn hoa này !

Câu 821, 822 = Kiều đã mắc vào cái khuôn bẫy mọo lừa của nó, giá tiền cưới xin đã rẻ, ngày đón dâu lại sẵn sàng đến ngay chỉ trong một vài ngày.

Câu 823, 824 = Mã Sinh mua được nàng rồi bụng rất mừng ; thế là cờ đã đến tay rồi muốn phát ngang phát dọc thế nào mà chẳng được ! Nó càng nhìn vẻ đẹp như ngọc của nàng, bụng nó càng say sưa một cách đều giả bản thủ, vừa về tình dục, vừa về tài lợi.

Câu 825, 826 = Nó nghĩ rằng gái này thật là hạng quốc sắc thiên hương, đúng là hạng gái một cười đã đáng nghìn vàng chứ không sai.

Câu 827, 828 = Về tay ta đây rồi, ta hãy bẻ hoa trước đã cho thỏa tình, rồi lũ vương tôn quý khách ắt là đua nhau đến bẻ sau ta.

Câu 829, 830 = Hẳn là mỗi người cứ phải trả 300 lượng, chứ kém sao được ! Cứ một vài người đến trước là đủ vốn rồi, còn từ những người sau đều là lời tất cả.

Câu 831, 832 = Nhưng óc con buôn của nó thấy miếng ngon kẻ đến tận nơi thật là phân vân : ăn đi thì thiệt vào vốn liếng, mà không ăn thì tiếc của trời, lòng tham không bỏ được.

Câu 833, 834 = Rồi kết cục vì lòng ham muốn của trời quá, hẳn nghĩ cái quả đào tiên kia đã đến tay kẻ phàm này, thì ta cứ ăn bừa đi như đứa trẻ con vào vườn hoa vin ngay cành quít hái quả ăn cho thỏa miệng, cần gì phải bẻ cành hoa mai trắng đẹp mà ngắm một cách hão huyền vô ích.

Câu 835, 836 = Còn về phần vốn lãi thì cũng chẳng lo thiệt gì, vì lũ làng chơi ở cõi trần này, họ chơi hoa nhưng mấy kẻ đã biết rõ được hoa nguyên, hoa dờ.

Câu 837, 838 = Ta cứ dùng nước vô lựu, máu mào gà mà sữa sang tô màu lại, thì hoa dờ lại hóa hoa nguyên.

Câu 839, 840 = Ta cứ dùng cách mập mờ như thế để đánh lừa lũ đầu đen khờ dại, thì hoa dờ vẫn bán được giá như hoa nguyên, có thiệt chút nào đâu.

Câu 841, 842 = Còn cái mụ già kia, nếu mụ có sinh sự điều gì thì đành liêu công quỳ một buổi để xin lỗi với mụ là xong.

Câu 843, 844 = Vả lại ở chốn xa xôi này, mình nói là lấy cô ta làm lẽ mà không đụng chạm gì đến, thì e người ta sinh lòng nghi ngờ, biết là mình buôn người, rồi sinh chuyện thừa kiện đánh tháo thì sao ? (Lý luận khản thiết vợ về của kẻ ích kỷ vô lương, coi như tình thế bất buộc phải hoại đời Kiều).

Câu 845, 846 = Tiếc thay cho đóa hoa thơm đẹp thế này, mà nay con ong đã mở đường đi lối vào được tới nhị hoa rồi !

Câu 847, 848 = Và qua một cơn mưa gió nặng nề, nó còn thương gì đến vẻ ngọc, hương thơm của đóa hoa này nữa !

Câu 849, 850 = Thỏa mãn thú tính rồi, Mã ngủ mơ màng một giấc suốt đêm, bỏ mặc Kiều nằm tro một mình với ngọn đuốc hoa.

Câu 851, 852 = Nàng nằm khóc một mình, nước mắt ràn rụa như mưa, phần thì căm giận thằng khách nó nở lừa đảo mình, phần thì thương cho nông nỗi mình đã bị như bản.

Câu 853, 854 = Nàng nghĩ cái giống hôi tanh này nó có ra tuồng gì đâu, mà sao tấm thân nghìn vàng của ta đây lại để nó làm như bản mất cả danh giá của khách má đào như thế ?

Câu 855, 856 = Thôi thế là hết mong mọi nỗi gì nữa ! Đòi ta thôi thế là xong một đời !

Câu 857, 858 = Lòng bồi bồi những giận duyên, những tủi phận, tay nàng cầm dao những toan tự vẫn.

Câu 859, 860 = Nàng nghĩ đi nghĩ lại nếu ta tự tử, mà thằng Mã này đành chịu im đi, thì ta chết được, thế là xong. Nhưng nghĩ đi, ta phải nghĩ lại : Nếu ta tự vẫn, nó không chịu im đi, nó lại sinh sự ra sự tình thứ hai mà thừa kiện bắt đền cha mẹ thì sao ?

Câu 861, 862 = Nếu mà nó lại sinh sự như thế, thì khi quan muốn xét rõ nguồn gốc cuộc án mạng, thế nào cũng không khỏi liên lụy đến cha mẹ, thế là ta chết sẽ làm cha mẹ thêm đau thương, lại phải kiện cáo lời thối, thì ta chết sao được.

Câu 863, 864 = Thôi ta đành vuốt bụng cho nông nỗi nguội dần đi vậy – chẳng chết trước thì cũng chết sau, sớm hay muộn cũng một lần chết là xong, có muộn gì ?

Câu 865, 866 = Nàng còn đương đấn đo nghĩ ngược nghĩ xuôi thì bỗng đã nghe thấy tiếng gà đua nhau gáy như sôi ở mé ngoài tường.

Câu 867, 868 = Lúc lầu canh buổi sớm vừa rúc còi tan canh, lúc trời hã còn mờ sương, thì đã thấy Mã Sinh vội vàng ra đi rồi. (Mã Sinh cấp tốc ra đi là vì sợ lộ chuyện buôn gái, nhà gái sinh sự đánh tháo). Cuốn Thanh Tâm Tài Nhân thì lại nói Mã Sinh ở trú phùng lâu hàng tháng mới đi, thật là sai lầm.

Câu 869, 870 = Lúc chia tay nơi đường rẽ này, thật là lúc đau đớn cho nàng. Mà Mã vội đi nhanh cho chóng xa nơi quê nàng, nên chân ngựa chạy khập khểnh bước thấp bước cao, và bánh xe lăn gập gềnh như khi lên khi xuống, làm cho tâm hồn nàng đã đau khổ lại thêm dằn vặt bội phần.

Câu 871, 872 = Đi đến chỗ nhà trạm trường đình, thì đã thấy Vương Ông, Vương Bà và mấy người nhà gánh bữa tiệc tiễn hành ra đọí đó để từ biệt nhau.

Câu 873, 874 = Ở nhà ngoài thì Vương Ông và Mã Sinh chén tạc chén thù dĩa dặt mời nhau, ở bên nhà trong thì chỉ Kiều và Vương Bà ngồi với nhau.

Câu 875, 876 = Hai mẹ con ngồi nhìn nhau, nước mắt đau đớn rơi lã chã khác nào như những giọt máu. Kiều nói nhỏ vào tai mẹ để tỏ lòng trước sau của mình trước khi vĩnh biệt :

Câu 877, 878 = Con hổ thẹn sinh ra là phận gái hèn yếu, không kiếp nào báo đền được ân đức cha mẹ.

Câu 879, 880 = Nay lại gặp bước lỡ làng nước đục bụi trong (xem chú giải [37]), trước khi vĩnh biệt cha mẹ con xin ghi lại mấy lời cuối cùng để tỏ tâm sự suốt đời của con.

Câu 881, 882 = Ngắm xét cách cử chỉ ăn nói của người này, con thấy rằng thân con chắc là mắc lừa vào tay bọm già này rồi.

Câu 883, 884 = Con thấy khi nó mang con về đến trú phùng rồi, nó bỏ bả con ngồi một mình ở trong buồng, thật nhạt nhẽo, chẳng có tình nghĩa gì cả. Khi nó muốn vào buồng với con thì phải

đắn đo, ngó trước ngó sau mới dám vào, rồi sau lại vội vàng ra ngay, rõ ràng là có ý lén lút vụng trộm, chứ không phải là tình vợ chồng chân thật.

Câu 885, 886 = Nó nói nhiều câu làm lỡ thất thường ; khi thì làm bộ ra được vài câu đứng đắn lịch sự, rồi lại phang ngay những lời thô tục nhảm nhí. Đối với con cũng vậy, lúc thì vờ vĩnh vài lời âu yếm, lúc lại mày tao ra vẻ như chủ nhà. Con lại thấy kẻ thầy người tớ có ý khinh thường nó quá mà nó chẳng dám quở mắng câu nào, thật đúng là những tôi tớ thuê mượn tạm thời để huỳnh hãm lừa lọc ra, chứ không phải tôi tớ nhà sang trọng tử tế.

Câu 887, 888 = Tóm lại, nó không có dáng dấp những người cao quý thanh tao, ngấm ra cho kỹ thì hình như đúng là một tên lái buôn bịp bợm.

Câu 889, 890 = Rồi nàng than thân với mẹ : Thôi cái thân đời con thế là xong, còn nói gì nữa ! Đành sống thì nhờ nơi đất khách, chết thì chôn nơi quê người ! Chứ còn tránh sao được bây giờ đây ?

Câu 891, 892 = Nghe mấy lời Kiều kể khổ cực đó, Vương Bà muốn những vạch mây ra cho quang đãng mà kêu to lên cho trời biết những nỗi oan ức của mẹ con bà.

Câu 893, 894 = Ở mé ngoài, Vương ông chưa mời cạn vài chén rượu tiệc tiễn hành thì Mã Sinh đã giục nhau lên xe đi cho mau.

Câu 895, 896 = Vương ông nặng lòng thương con quá mới ra đứng trước yên ngựa Mã Sinh mà năn nỉ dãi bày với nó mấy lời thăm thiết như sau :

Câu 897, 898 = Con gái tôi đương độ trẻ trung mon mọn, chỉ vì nó thấy cảnh nhà gặp con tai vạ eo nghệt quá, nên nó đành phải liều thân cứu cha, dấn mình vào làm kiếp lẽ mọn tôi đòi hầu hạ ông.

Câu 899, 900 = Từ đây trở đi nó phải sống nơi xa lạ, góc bể chân trời, gặp khi mưa nắng bất kỳ, ốm đau làm sao, cũng đành một thân thui thủi nơi quê người, chẳng có ai là người thân yêu săn sóc yên ủi như khi ở nhà cha mẹ.

Câu 901, 902 = Vậy tôi xin ông đem lòng cao cả, bao dung che chở nó, cũng như cây thông cao thẳng đem bóng mát che chở cho dây sắn bìm quấn leo dưới gốc cho khỏi tuyết sương lạnh lẽo.

Câu 903, 906 = Ông vừa dứt lời thì Mã Sinh thưa ngay : Đó chẳng qua cũng là do sợi tơ hồng thiêng liêng trời đưa lại buộc chân cô ấy vào duyên phận này thôi. Tôi thề sẽ hết sức che chở cô ấy. Nếu sau này tôi để cho cô ấy phải đến nỗi khổ cực thế nào, thì trên đầu có bóng mặt trời, mặt trăng kia soi sáng, tôi xin chịu tội dưới lưới gươm của quỷ thần.

Câu 907, 908 = Dứt lời là hần ùng ùng giục đi như gió cuốn mây vùn, thế là xe chạy như bay vào trong lớp bụi đỏ ngàu.

Câu 909, 910 = Thế là ông bà và Kiều cùng tay gạt nước mắt ràn rụa mà từ biệt nhau. Ông bà ở lại thì đứng nhìn phương trời xa mà bụng đau thương than thở : Từ đây con ta lúc nào cũng thăm thẳm một mình ở nơi góc trời kia, ngày đêm đăm đăm nhớ nhà đứt ruột.

Câu 911, 912 = Còn Kiều thì mỗi lúc đi mỗi xa vào nơi đất khách ; biết bao cảnh làm cho nàng đau buồn thêm hiện ra trước mắt – nào là những chiếc cầu trắng phau những giọt sương đọng lại thành băng giá ở trên mặt ván cầu, nào là ngàn đám mây đen cuộn cuộn phía chân trời.

Câu 913, 914 = Nào là những chòm lau sậy hoa trắng lá khô cọ nhau sào sạt trước làn gió heo may khô lạnh. Cảnh thu lạnh lẽo buồn bã đó hình như có ý dành riêng cho nàng, khiến lòng nàng phải tê tái như say như ngất đi.

Câu 915, 916 = Khi xe chạy ban đêm, nàng thấy trời quang mây tạnh, đỉnh trời cao ngất màu xanh, chân trời tím mù xa thẳm ; mỗi khi thấy vàng trăng vàng vạc, nàng lại thẹn với lời chỉ núi chỉ sông mà thề với chàng Kim ở dưới bóng trăng giữa trời vàng vạc lúc nửa đêm hôm nào đó.

Câu 917, 918 = Khi xe chạy ban ngày, nàng thấy rừng thu chỗ thì vùng lá xanh đã điểm lổ rổ lá vàng, chỗ thì lá úa đã thành màu đỏ u buồn. Mỗi khi nghe tiếng chim mẹ gọi con, con gọi mẹ, rõ như kêu gọi tấm lòng nhớ thương cha mẹ, không được ở nhà để chăm nom hầu hạ.

Câu 919, 920 = Họ mang nàng đi qua toàn những nơi lạ nước lạ non, rông rãi vừa một tháng trời thì đến Lâm Truy là nơi phồn hoa có cửa hàng thanh lâu của Tú Mã.

Câu 921, 922 = Khi xe đón dâu về, vừa mới đậu trước cửa, thì ở rềm trong đã thấy một người đàn bà bước ra.

Câu 923, 924 = Thoạt trông Kiều thấy bà ta da màu nhòn nhọt, và không biết ăn cái gì mà cao lớn đầy đà như thế.

Câu 925, 926 = Bà ta chạy ra trước xe chào hỏi một cách lời lẽ đơn đả lắm. Theo lời bà ta nàng mới bước vào trong nhà.

Câu 927 đến 930 = Kiều thấy một bên có mấy cô gái trẻ đẹp, một bên có mấy chàng ra vẻ ăn chơi. Gian giữa nhà có bàn thờ đèn hương tề chỉnh hẳn hoi; trên bàn thờ có treo bức tranh vẽ một ông thần có đôi lông mày trắng toát.

Câu 931, 932 = Lễ thối lầu xanh xưa nay vẫn thế : Cái nghề này thì thờ ông này làm tiên sư.

Câu 933 đến 936 = Họ thờ ông tiên sư này một cách rất thành kính, ngày đêm lúc nào cũng hương hoa dâng cúng cẩn thận. Hễ cô nào mà bị người xấu vía làm cho xúi quẩy ế hàng vắng khách thì cởi hết cả xiêm áo đi một cách tro trên đáng ngán, rồi ra quỳ ở trước bàn thờ mà dâng hương hoa làm rằm cầu khẩn.

Câu 937, 938 = Làm lễ cầu khẩn xong, xin đổi lấy hoa cũ trên bàn thờ mà lót xuống chiếu nằm, thế là khách làng chơi tứ phía sẽ ầm ầm kéo đến ngay.

Câu 939, 940 = Kiều vì mới lạ, còn ngẩn ngơ nào đã biết gì, cứ theo lời bà ta bảo vào lễ trước bàn thờ. Nàng vừa lạy xuống thì mụ khẩn ngay rằng :

Câu 941, 932 = Xin người phù hộ cho cửa hàng buôn bán đủ mọi điều may mắn, ngày nào, đêm nào, bao giờ cũng nhộn nhịp vui vẻ như ngày Hàn Thực, như đêm Nguyên Tiêu.

Câu 943, 944 = Muôn ngàn người ai thấy cũng yêu. Lúc nào ngoài cửa cũng xông xao những khách vui chơi như đàn chim anh chim yến, trong nhà cũng dập diu những tình nhân lưu luyến như bạn trúc mai lâu bền.

Câu 945, 946 = Lúc nào cũng tấp nập, nào là tin nhận xa đưa đến hẹn hò, nào là lá thư tình cùng nhau xướng họa, vừa tiễn người ra cửa trước, lại đón rước ngay người vào cửa sau.

Câu 947, 948 = Nàng tuy lạ tai nghe chưa rành rõ là thế nào, nhưng xem tình ý cũng biết là không ra gì rồi.

Câu 949, 950 = Lễ xong bàn thờ hương hỏa trong nhà rồi, Tú Bà bệ vệ lên ngồi giữa chiếc giường cao sang nhất, tỏ ra địa vị là chủ chứa trùm cả nhà.

Câu 951, 952 = Ngồi vắt óc bệ vệ trên giường rồi, mẹ bảo Kiều : Con làm lễ lạy mẹ bây giờ đi ! Lạy mẹ xong thì sang lạy cậu con ở bên kia.

Câu 953, 954 = Kiều liền đem lý nghĩa ra mà chất vấn mẹ : Tôi đây gặp bước lưu ly, đã đành chịu phận hèn, cam tâm một bề làm lẽ mọn rồi.

Câu 955, 956 = Bây giờ lại lấy lẽ gì mà lấy chim yến làm chim anh như vậy. Tôi thật không biết thân ngậy thơ này là hạng người nào, danh phận nào ở trong nhà này.

Câu 957, 958 = Khi ông ấy cưới tôi, đã đủ các lễ cưới hỏi từ nạp thái đến vu quy, rồi sau ông ấy lại khi chung chạ, khi đứng ngồi sánh vai với tôi. Đích thật tôi đã là vợ lẽ ông ấy hẳn hoi rồi.

Câu 959, 960 = Giờ đây sao lại thay bậc đổi ngôi, đương làm vợ lại hóa ra làm con như thế ? Vậy tôi giám xin bà cho tôi biết rõ lẽ ra sao.

Câu 961, 962 = Mẹ nghe nàng nói mới biết thực tình những việc Mã đã làm, vì vậy mẹ mới lòng lộn nổi tam bành mẹ lên.

Câu 963, 964 = Mụ bắt đầu chửi Mã Giám Sinh : Này này rõ ràng rành là sự quả nhiên thật rồi !
Rõ ràng là mày đã cướp sống mất cả của cải của tao đi rồi !

Câu 965, 966 = Minh bảo nó đi dạo tìm lấy gái mà đem về để rước khách kiếm lời mà ăn.

Câu 967, 968 = Thế mà cái thằng vô sỉ chẳng ra tuồng người này nó ăn ở lừa đảo bắt nhân. Nó buồn ngứa, nó thêm thương, nó giám tằm mần thử ném mùi ngay !

Câu 969, 970 = Thôi thế là món hàng này đã mất màu hồ đi rồi ! Thôi thế là vốn liếng đi đời nhà ma cả rồi !

Câu 971, 972 = Chửi Mã rồi thì mụ chỉ vào mặt Kiều mà quát : Con kia, mày đã bán thân cho tao, thì nhập gia tùy tục – mày vào nhà tao thì mày phải theo phép nhà tao !

Câu 973, 974 = Lão kia có giờ trò bậy bạ với mày, thì sao mày không văng lời thô tục chửi vào mặt nó, mà mày lại nghe lời nó ?

Câu 975, 976 = Cớ sao mày lại lặng lẽ chịu tốt một bề như thế ? Gớm chưa ? Gái mới lớn mà đã sớm ngứa nghề thế kia à ?

Câu 977, 978 = Tao phải làm cho mày biết phép tao, cho mày hết lý sự với tao ! Miệng vừa nói dứt lời, tay mụ với ngay chiếc roi sấn vào ra tay đánh Kiều.

Câu 979, 980 = Nàng kêu lên : Trời thăm đất đây ơi ! Xin thấu nỗi này cho ! Thân này đã liều bỏ từ ngày bước chân bỏ nhà ra đi rồi kia mà !

Câu 981, 982 = Thôi thì bây giờ ta còn tiếc gì nữa ! Miệng nói, tay lấy ngay con dao dẫu trong tay áo ra.

Câu 983, 984 = Thật đáng sợ cho cái gan dám thí bỏ tấm thân như hoa như ngọc. Mụ thoáng thấy nàng giở dao ra, còn đang ngơ ngác nhìn mặt nàng thì nàng đã quá tay cắt cổ nàng rồi, không kịp cứu nữa !

Câu 985, 986 = Thương cho nàng tài sắc tốt bực như thế mà một nhát dao oan nghiệt đã cắt đứt cái dây ngày tháng đời gió bụi của nàng rồi !

Câu 987, 988 = Tiếng nàng chết oan uổng vỡ lở ra ngoài, nhiều người chạy lại xem, trong nhà chen nhau đông nghịt những người.

Câu 989, 990 – Nàng thì nằm mê lịm đi như thoát nợ trần mà lên tiên. Còn mù Tú thì sợ quá, người mù run cầm cập, mắt mù nơm nớp nhìn nàng, hồn vía mù như bay bạt đi đâu mất.

Câu 991, 992 - Rồi mù nhờ người vục nàng vào buồng phía tây và cắt người trông nom săn sóc, cho người đi đón thầy về chạy chữa thuốc thang.

Những chữ hay câu có ý móc nối hoặc châm biếm

Câu 883 “*Khi về bỏ băng trong nhà*” ứng với câu 785 và 786 “*Rước nàng về đến trú phường / bốn bề xuân tỏa một nàng ở trong.*”

Câu 886 “*Khi thầy khi tớ xem thường xem khinh*” ứng với câu 629 “*Trước thầy sau tớ xôn xao.*”

Câu 887 “*Khác màu kẻ quý người thanh*” ứng với câu 628 “*Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao*” và câu 631 “*Ghế trên ngồi tốt số sàng.*”

Câu 841 “Mụ già hoặc có điều gì” móc nối với 8 câu Tú Bà chữ Mã (từ câu 963 đến 970) : “*Này này sự đã quả nhiên ...Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma !*”

Câu 924 “*Ăn gì cao lớn đẩy đà làm sao*” có ý thóc mách nói nghĩa với ý ăn vật bản thi ở câu “*Dem về rước khách kiếm lời mà ăn*” và với ý tàn nhẫn đánh Kiều ở hai câu 1133 và 1134 “*Tú Bà tóc trắng đến nơi / hằm hằm áp điệu một hơi lại nhà.*” Người mù to béo như thế mà túm đầu Kiều nhỏ gầy như thế mà lời về thì thật là tàn bạo đáng thương.

Đoạn trích từ Truyện Kiều này có mấy cảnh cho hai thái cực gặp nhau, mà bên cực hay đều bị bên cực dở chèn ép một cách thái quá, khiến ai đọc đến đâu phải chau mày chán ngán cho cảnh đời éo le đau đớn : (1) Kiều là một gái thanh cao thom đẹp như thế mà mắc vào tay ma cô họ Mã. Về phần Mã thì chính nó cũng tự thú rằng “*đào tiên đã bén tay phàm.*” Về phần Kiều thì nàng than thở muôn tự tử vì nỗi “*tuồng chi là giống hôi tanh / thân nghìn vàng để ô danh má đào.*” (2) Một cô gái “*mai cốt cách, tuyết tinh thần*” mà phải theo con mù dẫu “*nhờn nhọt màu da, cao lớn béo phì*” bước vào cửa thanh lâu rồi quì lạy trước thần mày trắng. (3) Một cô gái đứng đắn “*thói nhà băng tuyết, chất hồng phi phong*” đem lời lẽ nghĩa ra để chất vấn Tú Bà thì bị mù này quát chửi trả lời bằng những câu hết sức thô bỉ tục tằn, rồi lại toan đánh đập bắt phải theo phép nhà nó.

Những chữ và thành ngữ tác giả dùng có ý mỉa mai thối đời ở trong đoạn này là : (1) Chữ “*khúc vàng*” ở câu 824. Khúc vàng nghĩa bóng cũng là tấm lòng như tấc vàng. Nhưng trong khi tấc vàng ở chỗ khác là ẩn dụ cho tấm lòng đáng quý như vàng ngọc, thì trong ngữ cảnh này khúc vàng ám chỉ tấm lòng bán thiu thối tha của kẻ buôn bán chỉ biết lợi, bỏ cả nghĩa lý. (2) Thành ngữ “*nhờn nhọt màu da*” để tả một cách mỉa mai những kẻ ăn uống và ham nhục dục một cách quá độ cho nên người thì béo phì ra, mặt thì nhọt nhọt mất cả tinh thần. (3) Động từ “*vắt nóc*” trong câu 950 tỏ ý mỉa mai những kẻ hống hách ra oai bắt nạt người dưới. (4) Thành ngữ “*rước khách kiếm lời mà ăn*” thật là khéo chửi thậm tệ những đứa dốt gái cho trai để kiếm ăn.

CHƯƠNG 13

CÂU 993 ĐẾN CÂU 1128

“Lời hẹn Tiên Đường, mẹo lừa Ngưng Bích”

993. Nào hay chưa hết trần duyên, [1]
Trong mê đường đã đứng bên một nàng. [2]
995. Rỉ rằng: “Nhân quả dở dang, [3]
Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao?
997. Số còn nặng nghiệp má đào, [4]
Người dầu muốn quyết trời nào có cho. [5]
999. Hãy xin hết kiếp liễu bờ, [6]
Sông Tiên đường sẽ hẹn hò về sau.”
1001. Thuốc thang suốt một ngày trâu,
Giác mê nghe đã dầu dầu vừa tan.
1003. Tú bà chực sẵn bên màn,
Lựa lời khuyên giải mơn man gỡ dần: [7]
1005. “Một người dễ có mấy thân!
Hoa xuân đương chiếu, ngày xuân còn dài. [8]
1007. Cũng là lỡ một làm hai,
Đá vàng sao nỡ ép nài mưa mây! [9]
1009. Lỡ chân trót đã vào đây,
Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non. [10]
1011. Người còn thì của hãy còn,
Tìm nơi xứng đáng làm con cái nhà. [11]
1013. Làm chi tội báo oan gia, [12]
Thiệt mình mà hại đến ta hay gì?”
1015. Kê tai mấy mỗi nần nì,
Nàng nghe dường cũng thị phi rạch ròi. [13]
1017. Vả suy thân mộng mấy lời,

Túc nhân âu cũng có trời ở trong. [14]
1019. Kiếp này nợ trả chưa xong,
Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau! [15]
1021. Lặng nghe, thắm thía gót đầu,
Thưa rằng: “Ai có muốn đầu thế này?
1023. Được như lời, thế là may,
Hắn rằng mai có như vậy cho chăng!
1025. Sợ khi ong bướm đái đàng, [16]
Đến điều sông đục, sao bằng thác trong!”
1027. Mụ rằng: “Con hãy thông dong,
Phải điều lòng lại dối lòng mà chơi! [17]
1029. Mai sau ở chẳng như lời,
Trên đầu có bóng mặt trời rạn soi.” [18]
1031. Thấy lời quyết đoán hẳn hoi,
Đành lòng, nàng cũng sẽ nguôi nguôi dần.
1033. Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân, [19]
Về non xa, tấm trăng gần, ở chung. [20]
1035. Bón bề bát ngát xa trông,
Cát vàng còn nợ, bụi hồng dặm kia. [21, 22]
1037. Bẽ bàng mây sớm đèn khuya, [23]
Nửa tình, nửa cảnh như chia tấm lòng.
1039. Tưởng người dưới nguyệt chén đồng, [24]
Tin sương luống những rày trông mai chờ.
1041. Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.
1043. Xót người tựa cửa hôm mai, [25]
Quạt nồng ấp lạnh, những ai đó giờ? [26]
1045. Sân Lai cách mấy nắng mưa, [27]
Có khi gốc tử đã vừa người ôm? [28]
1047. Buồn trông cửa bể chiều hôm, [29]
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?

1049. Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác, biết là về đâu? [30]
1051. Buồn trông nội cỏ dầu dầu, [31]
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
1053. Buồn trông gió cuốn mặt doanh [32]
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.
1055. Chung quanh những nước non người,
Đau lòng lưu lạc, nên vài bốn câu.
1057. Ngậm ngùi rủ bước rềm châu,
Cách tường, nghe có tiếng đâu họa vắn. [33]
1059. Một chàng vừa trạc thanh xuân,
Hình dong chải chuốt, áo khăn dịu dàng.
1061. Nghĩ rằng cũng mạch thư hương, [34]
Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở Khanh.
1063. Bóng nga thấp thoáng dưới màn, [35]
Trông nàng, chàng cũng ra tình đeo đai. [36]
1065. “Than ôi! sắc nước hương trời,
Tiếc cho đâu bỗng lạc loài đến đây?
1067. Giá đành trong nguyệt trên mây, [37]
Hoa sao, hoa khéo đọa đày mấy hoa?
1069. Nỗi gan riêng giận trời già, [38, 39]
Lòng này ai tỏ cho ta, hỡi lòng?
1071. Thuyền quyên ví biết anh hùng,
Ra tay tháo cũi, sổ lồng như chơi!”
1073. Song thu đã khép cánh ngoài, [40]
Tai còn đồng vọng mấy lời sắt đanh. [41, 42]
1075. Nghĩ người thôi lại nghĩ mình,
Cám lòng chua xót, nhạt tình chơ vơ. [43]
1077. Những là lần lửa nắng mưa,
Kiếp phong trần biết bao giờ mới thôi?
1079. Đánh liều nhấn một hai lời,

Nhờ tay tế độ vớt người trầm luân. [44]
1081. Mảnh tiên kể hết xa gần, [45]
Nổi nhà báo đáp, nổi thân lạc loài.
1083. Tan sương vừa rạng ngày mai,
Tiện hồng nàng mới nhắn lời gửi sang. [46]
1085. Trời hôm lãng đãng bóng vàng, [47]
Phúc thư đã thấy tin chàng đến nơi. [48]
1087. Mở xem một bức tiên mai, [49]
Rành rành “tích việt” có hai chữ đề. [50]
1089. Lấy trong ý tứ mà suy:
Ngày hai mươi mốt, tuất thì phải chăng? [51]
1091. Chim hôm thoi thót về rừng, [52]
Giá đồ mi đã ngậm trăng nửa vành. [53]
1093. Tường đông lay động bóng cảnh, [54]
Rẽ song, đã thấy Sở Khanh lên vào.
1095. Sượng sùng đánh dạn ra chào, [55]
Lay thôi, nàng mới rỉ tai ân cần.
1097. Rằng: “Tôi bèo bọt chút thân,
Lạc đàn mang lấy nợ nần yếm anh. [56]
1099. Dám nhờ cốt nhục tử sinh, [57]
Còn nhiều kết cở ngậm vành về sau!” [58]
1101. Lặng nghe, lẩm nhẩm gật đầu:
“Ta đây phải mượn ai đâu mà rằng!
1103. Nàng đà biết đến ta chẳng,
Bể trầm luân, lấp cho bằng mới thôi!” [59]
1105. Nàng rằng: “Muôn sự ơn người, [60]
Thế nào xin quyết một bài cho xong.”
1107. Rằng: “Ta có ngựa truy phong, [61]
Có tên dưới trướng, vốn dòng kiện nhi. [62, 63]
1109. Thừa cơ lên bước ra đi, [64]
Ba mươi sáu chước, chước gì là hơn. [65]

1111. Dù khi gió kếp, mưa đơn, [66]
 Có ta đây cũng chẳng cơn có gì!" [67]

1113. Nghe lời nàng đã sinh nghi,
 Song đà quá đổi, quân gì được thân.

1115. Cũng liều nhắm mắt đưa chân,
 Thử xem con Tào xoay vắn đến đâu! [68]

1117. Cùng nhau lên bước xuống lầu,
 Song song ngựa trước, ngựa sau một đoàn.

1119. Đêm thu khắc lậu canh tàn, [69]]
 Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương.

1121. Lối mòn cỏ nhợt mù sương, [70, 71]
 Lòng quê đi một bước đường, một đau .

1123. Tiếng gà xao xác gáy mau,
 Tiếng người đâu đã mái sau dậu dàu.

1125. Nàng càng thỏn thức gan vàng,
 Sở Khanh đã rẽ dây cương lối nào!

1127. Một mình khôn biết làm sao,
 Dặm rừng bước thấp, bước cao hải hùng.

Đính chính và xác định

Câu 1004 – *Lựa lời khuyên giải mon man gỡ dân* – Chữ *lựa* câu này có bản in là *dịu* và chữ *khuyên giải* có bản in là *ôn thỏa*, đều không được xác đáng bằng chữ *lựa* và chữ *khuyên giải*. *Lựa* lời khuyên giải là tìm lời hợp tình hợp lý mà dỗ dành khuyên nhủ cho vừa lòng Kiều như những lời Tú Bà kể ở mấy câu sau đó. Để chữ *ôn thỏa* đã mất âm điệu lại không khẩn thiết lắm với chữ *lựa lời*. Còn để chữ *dịu* thì hình như thừa vì đã có chữ *mon man* ở dưới tức là *dịu* rồi.

Câu 1006 – *Hoa xuân đương chiêng, ngày xuân còn dài* – *Chiêng* là mới nở đương lúc tươi đẹp. Có bản in là *hoa xuân đương nhụy* thì thật tối nghĩa. Sở dĩ *chiêng* làm ra *nhụy* là vì chữ *chiêng* Nôm viết là [*/正] (* thảo trên 正 chính) nhưng có bản Nôm khắc [*/正] thành [蕊] (nhụy). Có

lẽ người phiên âm không hiểu nghĩa chữ *chiếng* nên đành dịch theo bản làm là [蕊] (nhụy) mà dịch. Vậy xin đính chính lại cho đúng.

Câu 1012 – *Tìm nơi xứng đáng làm con cái nhà* = Tôi sẽ tìm nơi tử tế xứng đáng mà gả cô vào làm dâu con nhà người ta. Nghĩa rành rõ rất hợp tình hợp lý như vậy mà sao bản Kiều của ông Trần Trọng Kim lại đổi làm chữ *làm* ra chữ *là* và giải nghĩa gương là “tìm nơi xứng đáng là con nhà tử tế” thành ra hụt nghĩa: Tìm để làm gì? Mà ông lại cho những bản in chữ *làm* là *là*.

Câu 1057 – *Ngậm ngùi rũ bức rèm châu* = Kiều vịnh thơ xong rồi sinh buồn chán mới đứng ngậm ngùi thương thân nhớ nhà. Có bản đổi *ngậm ngùi* thành *tản ngản* e không khảm thiết với tình trạng bằng *ngậm ngùi*.

Câu 1078 – *Kiếp phong trần biết bao giờ mới thôi* – Có nhiều bản Nôm hay quốc ngữ in làm chữ *mới* ra chữ *là* thành ra đã mất âm điệu lại nghĩa không thanh thoát. Đó là bởi có bản Nôm khắc làm chữ [買] (mới) ra [羅] (là). Hai chữ này viết chân phương thì khác nhau nhiều, nhưng khi viết thảo thì khá giống nhau; bởi vậy người sao chép dễ làm.

Câu 1092 – *Giá đồ mi đã ngậm trăng nửa vành* – *Giá đồ mi* = giàn hoa đồ mi. Cây đồ mi mềm yếu mà mọc cao, phải bắc giàn cao để đỡ. Câu này dựa vào một điển tích trong Tình sử : Nàng Vương Kiều [王 娇] hẹn với tình lang rằng : “Phía trước cửa sổ buồng thiếp có giàn đồ mi [荼 蘼 架 = đồ mi giá], phía sau giá đồ mi có gian nhà mát nhỏ, chung quanh nhiều cây kín khuất. Tối nay lúc trăng nửa vành mọc thì chàng đến dưới giàn đồ mi đợi, thiếp sẽ hé cửa sổ mà chờ.” Vì chữ [架] (giá) gần giống chữ [朵] (đóa), nên các bản Kiều Nôm khắc làm ra “đóa” thành ra vô nghĩa, vì một đóa đồ mi ngậm sao được trăng nửa vành. Vậy cần đính chính lại cho đúng nghĩa lý.

Câu 1094 – *Rẽ song đã thấy Sở Khanh lên vào* – *Rẽ song* nhiều bản quốc ngữ in là *đẩy song*. Viết “đẩy cánh cửa sổ vào” thì thật lầm, vì cánh cửa sổ đều mở ra ngoài, muốn mở thì phải rẽ hai cánh ra, chứ đẩy sao được.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Trần duyên* = Cuộc tình duyên của mình còn vương vít ở cõi trần tục cần phải trả cho xong.

[2] *Dường* = Hình như. Truyện Kiều hay dùng chữ *dường* trong nghĩa này.

[3] *Nhân* [因] = Cái nhân, cái mầm mình gây ra từ kiếp trước. *Quả* [果] = Cái kết quả mình phải chịu trong kiếp này. *Nhân quả* = Phận trời theo việc kiếp trước mình làm mà định cho mình phải chịu kiếp này.

[4] *Nghiệp má đào* = Do thành ngữ “hồng nhan bạc mệnh” dịch ra và nghĩa là gái má đào hay xấu số, hình như hay bị trời bắt phải chịu kiếp oan nghiệp khổ sở.

[5] *Quyết* = Tự tử, do chữ “tự quyết” [自決] dịch ra, và nghĩa là tự ý làm cho mình chết đi.

[6] *Kiếp liễu bờ* = Số phận đàn bà. Tục ngữ ta có câu “Xấu số mới phải làm đàn bà.” *Kiếp liễu bờ* = Kiếp sống khổ sở vất vả của đàn bà.

[7] *Mơn man* = Nhẹ nhàng thăm dò ý tứ rồi dùng lời êm ngọt dỗ dành vuốt ve cho vừa lòng người dạ.

[8] *Chiếng* – Xem lời đính chính câu 1006 bên trên.

[9] *Đá vàng* = Tâm lòng giữ bền chặt lấy trinh tiết. *Mây mưa* = Sự trăng hoa trai gái. Vua Sở Tương Vương đi thuyền chơi ở vùng thác Tam Hiệp sông Trường Giang, một đêm mơ thấy Thần Nữ ở đỉnh Vu Sơn đến hầu và bảo vua rằng “Thiếp là Thần Nữ chỉ chuyên việc sớm làm mây tối làm mưa.” Câu này nghĩa là “Cô đã quyết lòng bền giữ trinh tiết thì ta đâu nỡ bắt tiếp khách nữa.”

[10] *Ngày đào non* = Ngày con gái đi lấy chồng.

[11] *Làm con cái nhà* = Làm dâu con nhà người ta. Xem lời đính chính câu 1012 bên trên.

[12] *Tội báo oan gia* = Đặt tội ra mà vu cho nhà người ta mắc tội oan. Ý nói làm gì mà phải tự tử để báo thù cho ta phải tội oan.

[13] *Thị phi rạch ròi* – *Thị* = Phải. *Phi* = Trái. *Thị phi rạch ròi* = Biết rõ ràng mọi lẽ phải trái.

[14] *Túc nhân* – *Túc* [夙] = Cũ. *Nhân* [因] = Mầm trong hột. *Túc nhân* = Mầm tội nghiệp cũ mình đã gây ra cho mình từ kiếp trước, cho nên trời bắt kiếp này mình phải đền tội.

[15] *Nợ trông* là nợ kiếp nợ trông lên kiếp kia. Nợ kiếp trước chưa trả, lại gây thêm nợ kiếp này nữa, để kiếp sau chịu mấy lần nợ trông chất lên nhau.

[16] *Ong bướm đái đàng* – Chữ *ong bướm* câu này khác nghĩa với chữ “ong bướm” là khách làng chơi ở câu “Bướm ong bay lại âm âm tứ vi.” Chữ *ong bướm* ở đây lấy điển ở câu ca dao “Nói lời thì giữ lấy lời / đừng như con bướm đậu rồi lại bay” ; tác giả đổi chữ “con bướm” ra “ong bướm” cho lời văn được chải chuốt thanh nhã hơn và để tránh chữ “con bướm” là tiếng thô tục. Chữ *đái đàng* – có nghĩa là khéo nói đái bôi trước mặt để lấy lòng nhau một lúc cho xong lần, rồi sau đâu lại hoàn đái – lấy điển từ câu ca dao “Yêu nhau bảo thật nhau cùng / đậu ngâm ra giá đái đùng nhau chi” nghĩa là chớ nói dối nhau, thế nào mai sau cũng phải lộ sự giả dối ra như hạt đậu ngâm vào nước thì thế nào cũng nứt mầm thò đuôi rể ra mà mọc thành rau giá ; đái đàng tức là đái đùng ; tác giả đổi đái đùng ra đái đàng để hợp vần. Câu này nghĩa hơi khó hiểu nhưng rất rõ ràng liên nghĩa với mấy câu Tú Bà trả lời Kiều ở dưới. Vì Kiều gạn hỏi “Bà bảo sẽ gả tôi vào chỗ xứng đáng, được như thế là may lắm, nhưng chẳng biết sau này có được như thế không ; tôi chỉ e bà nói đái đàng tôi lúc bây giờ cho xong lần, rồi bà nói đái bỏ đái như ong bướm đậu hoa này lại bỏ đi hoa khác, rồi vẫn bắt tôi làm gái điếm, thì thà tôi chết đi cho được trong sạch.” Mụ liền trả lời rằng đâu có phải là chuyện đùa mà dám lừa dối lòng nhau, rồi mụ thề có trời soi xét.

[17] *Lòng dối lòng* = Lòng tôi nghĩ thế nào thì tôi nói thế, chứ đâu phải chuyện đùa mà dám nói dối lừa nhau, tôi xin thề có trời soi xét.

[18] Xem lời Tú Bà thề ở hai câu 1029 và 1030 bên trên.

[19] *Ngung Bích* [凝 碧] là tên căn lầu Kiều cảm cung, và nghĩa là căn lầu có cảnh ở trước trên thì có trời, dưới thì có biển rộng xanh biếc đưa lại (*ngung* = đọng lại, *bích* = màu xanh biếc.)

[20] *Vẻ non xa, tấm trăng gần ở chung* – *Non xa* và *trăng gần* ở câu này đều có nghĩa đen và nghĩa bóng. *Vẻ non xa* nghĩa đen là cảnh ngày ngày Kiều ngồi buồn ngắm dãy núi ở phía xa ở bên kia sông mà nhớ nhà ; nghĩa bóng là đôi lông mày tươi đẹp giống như hình dãy núi xanh xanh ở xa (thơ cổ thường dùng viển sơn (núi xa) để tả lông mày đẹp). *Trăng gần* nghĩa đen là đêm đêm ngồi buồn ngắm mặt trăng chiếu ở trước cửa coi như người bạn cũ duy nhất của mình khi còn ở nhà cha mẹ ; nghĩa bóng vừa là cái gương tròn, vừa là khuôn mặt đầy đặn sáng sủa của mình. Nghĩa đen câu này tả cảnh cô đơn của Kiều, phải ngày thì lấy núi, đêm thì lấy trăng làm bạn – coi núi là bạn trung gian ở đất, trăng là bạn trung gian ở trời để liên lạc tinh thần giữa mình và gia đình, quê hương. (Trong cảnh ở xa nhớ nhà, có ông chỉ dãy núi xa nói : Nhà ta ở bên kia dãy núi đó ; có ông chỉ mặt trăng nói : Trăng kia cũng đang chiếu gia đình ta). Nghĩa bóng câu này tả cảnh cô độc, nhớ nhà thương thân, chỉ những quanh quẩn ra vào ngắm gương trên vách lấy bóng mình làm bạn với mình và mình lại thương mình, mày mặt thanh tao đầy đặn sáng sủa thế, mà sao số kiếp khổ cực thế ? Câu này ý nghĩa thật sâu xa đầy đủ tả cảnh, tả tình lẻ loi khổ cực.

[21, 22] *Cát vàng còn nọ bụi hồng dặm kia* – Câu này nghĩa đen tả cảnh thật hiện trước mắt : Chỗ thì bãi cát vàng vắng vẻ quạnh hiu, chỗ thì đường xe ngựa làm bụi hồng nhộn nhịp. Nghĩa bóng ý nói : Cái cảnh buông tay xuống nằm dưới bãi cát vàng kia nó liền ngay với cuộc xe ngựa đua tranh trên đường danh lợi, khiến lòng Kiều càng thêm buồn chán cảnh đời ngắn ngủi.

[23] *Mây sớm đèn khuya* – Câu này tả cảnh buồn, chỉ những bề bàng với mây buổi sớm, với đèn canh khuya. Ôi, trước kia, trong cảnh đoàn viên gia đình, mỗi buổi sớm dậy cùng nhau tươi cười ngắm ánh mây hồng đẹp phương đông, và mỗi buổi tối, cả nhà xum họp truyện trò trước ngọn đèn khuya, thì sao vui vẻ đầm ấm thế ! Mà nay đây mây sớm đó, đèn khuya đó, chỉ bơ vơ lẻ loi một mình, thật bề bàng cho tình cảnh quá !

[24] *Dưới nguyệt chén đồng* = Cùng thề “đồng tâm” ở dưới trăng. Mấy câu này nói nhớ thương Kim Trọng.

[25] *Người tựa cửa hôm mai* = Cha mẹ. Lấy điển từ truyện Vương Tôn Giả đòi Chiến Quốc : Vua Mân Vương nước Tề bị Náo Sĩ cướp ngôi phải bỏ nước đi trốn. Vương Tôn Giả làm quan to không theo vua, bị mẹ mắng : Buổi chiều sớm, buổi chiều chiều, buổi nào tao cũng ra tựa cửa ngồi đợi mày về. Thế mà bây giờ sao mày lại bắt trung bỏ vua như vậy ? Vương Tôn Giả từ tạ mẹ, rồi đi khởi quân giết được Náo Sĩ.

[26] *Quạt nồng ẩm lạnh* do chữ ở Kinh Lễ [冬温夏清 = đông ôn hạ thánh = mùa đông làm cho cha mẹ được ấm, mùa hè làm cho cha mẹ được mát]. Truyện Nhị Thập Tứ Hiếu kể : Hoàng Hương còn bé thờ cha mẹ rất hiếu, tới mùa đông vào nằm trước giường bố, giường mẹ cho nóng chỗ, để khi bố mẹ vào ngủ được ấm áp. Mùa hè thường quạt cho bố mẹ được mát mẻ.

[27] *Sân lai* – Truyện Cao Sĩ kể : Đồi nhà Chu có ông Lão Lai [老莱] đã 70 tuổi vẫn còn cha mẹ, thường mặc áo sặc sỡ mà đùa múa như trẻ con ở ngoài sân, để cha mẹ vui lòng quên cảnh già nua. Người sau gọi nơi con nuôi cha mẹ già là là “sân lai.”

[28] *Gốc tử vừa người ôm* – Trong sách Chu Tử Gia Huấn có câu chuyện về một người đi học xa, mỗi khi về nhà thường thấy cha ngồi đợi mình ở dưới gốc cây tử [梓] (cây thị) trông trước cổng nhà. Khi bố mất rồi, mỗi khi ông ta về tới nhà đều ôm cây tử đó mà khóc. Khi đã đỗ đạt làm quan to và gốc cây tử vừa người ôm, mỗi khi về ông vẫn ôm cây tử mà khóc như trước. Tác giả dùng tích này vào đây để nói Kiều lo có lẽ cha mẹ vì thương nhớ mình quá mà chết rồi chăng ?

[29] *Cửa bể chiều hôm* – Nhìn cảnh cửa bể lúc chiều tối, Kiều thấy cảnh ai ai cũng trở về nhà xum họp với gia đình, lại càng thương thân mình lưu lạc.

[30] *Hoa trôi man mác* – Khi Kiều thấy cảnh hoa bị nước đưa ra biển, mỗi cái một nơi thì cảm thấy cảnh mình cũng vậy – chẳng biết rồi ta sẽ lưu lạc đến đâu, nên càng thêm lo sợ càng thêm đau lòng.

[31] *Nội cỏ* = Cánh đồng cỏ. Kiều thấy cỏ mọc đầy đồng thanh thoi xanh tươi mon mơn thì nàng lại thương mình gặp cảnh bó buộc âu sầu.

[32] *Mặt doanh* = Mặt nước sông bề mênh mông. Kiều thấy cảnh gió cuốn sóng dữ đáng sợ trên mặt bể thì cảm thấy cảnh mình rồi cũng nguy hiểm như vậy.

[33] *Cách tường nghe có tiếng đâu họa vắn lầy* điển tích từ câu sau đây trong Tây Sương Ký [隔牆而酬和到天明 = Cách tường nhi thù họa đảo thiên minh = Cách tường mà ngâm thơ xướng họa cho đến sáng].

[34] *Mạch thư hương* = Dòng dõi con nhà học hành tử tế. *Mạch* [脈] = mạch đất. *Thư hương* [書香] = tiếng thơm về sách vở.

[35] *Bóng nga thấp thoáng dưới màn* = Kiều thấy Sở Khanh thấp thoáng trong bóng trăng ở phía dưới bức màn trước cửa nàng đứng. Có bản cho chữ bóng nga là bóng Kiều và giảng là : Sở Khanh thấy bóng Kiều thấp thoáng ở dưới màn. Giảng thế là sai ý nghĩa chữ “thấp thoáng” và chữ “dưới”, vì Kiều đứng thì thấp thoáng sao được, và Kiều đứng ở sau màn. Câu này nói Kiều nhìn thấy Sở, câu sau (1064) mới nói Sở nhìn thấy Kiều.

[36] *Đeo đai* = Bận lòng vương vít, thương xót, muốn cứu giúp.

[37] *Giá đành dưới nguyệt trên mây* = Phẩm giá bậc tài sắc này thật đáng ở cung núi quần ngọc trên mây, hay đến Dao Đài trong cung trăng. (Quần Ngọc và Dao Đài là hai cung trên cõi tiên có nhiều tiên nữ ở). Câu này tác giả đặt theo ý hai câu cuối trong một bài Thanh Bình Điệu của Lý Bạch tả sắc đẹp của Dương Quý Phi, được vua Minh Hoàng rất tâm đắc. Hai câu ấy như sau : (1) [若非群玉山頭見 = Nhược phi Quần Ngọc sơn đầu kiến = Nếu không thấy Quý Phi ở trong mây tiên núi Quần Ngọc] (2) [會向瑤台月下逢 = Hội hướng Dao Đài nguyệt hạ phùng = Thì nên đi về Dao Đài ở dưới cung trăng là gặp].

[38] *Nổi gan* – Tục ngữ nói “giận nổi ruột nổi gan lên” nghĩa là giận quá, gan ruột nóng sôi lên như nước sôi.

[39] *Trời già* – Do chữ Lão thiên [老 天] dịch ra. Chữ Hán có câu [老 天 撩 人 常 多 惡 態 = Lão thiên liêu nhân thường đa ác thái = Trời già trêu người nhiều thói ác].

[40] *Song thu* = Cửa sổ về mùa thu – Mùa thu buồn bã lạnh lẽo khiến người ở xa thường ngồi trong cửa sổ ngắm cảnh buồn khiến càng thêm nỗi nhớ nhà.

[41] *Đồng vọng* = Nghe như còn tiếng vang văng vẳng ở bên tai.

[42] *Lời sắt đanh* – Chữ Hán có câu [其言如斬釘截鉄 = Kỳ ngôn như trảm đinh tiết thiết = Lời nói quyết đoán như cầm gươm chém đinh chặt sắt] nghĩa là nói sao thì quyết làm được như vậy.

[43] *Nhật tình bơ vơ* – Kiều nghe thấy Sở Khanh nói có ý cay chua, thương xót nên rất cảm động, nhật bớt được nỗi lòng bơ vơ của mình.

[44] *Té độ trầm luân* – *Té độ* = Cứu vớt người sắp chết đuối mà đem lên bờ. *Trầm luân* = Chìm đắm ở dưới nước.

[45] *Mảnh tiên* = Miếng giấy nhỏ để viết thư có vẽ hoa.

[46] *Tiện hồng* – *Tiện* [便] = Nhân dịp thuận tiện nhờ đưa hộ. *Hồng* [鴻] = Ngỗng trời. Chim hồng mùa rét bay về nam ở, mùa nóng lại bay về bắc. Hồng tiện [鴻 便] = Nhờ chim hồng đưa thư, lấy điển ở truyện Tô Vũ đòi Hán. Tô Vũ đòi Hán Vũ Đế sang sứ nước Hung Nô. Vua Hung Nô thấy ông giỏi, dụ ông hàng ; ông không chịu mới đẩy ông lên vùng Mạc Bắc, và nói với vua Hán là Tô Vũ chết rồi. Ông lấy lụa viết thư buộc vào chân chim hồng. Khi chim hồng bay về nam, vua Hán bắt được thư, sai sứ sang đòi ông. Vua Hung Nô sợ lắm phải tha ông về.

[47] *Lãng đăng bóng vàng* = Lúc mặt trời lặn rồi, trời sẫm sẫm vàng rồi tối dần dần. Lãng đăng cũng có thể nói là lũng đũng.

[48] *Phúc thư* [覆 書] = Thư trả lời.

[49] *Tiên mai* – Chữ Hán là mai tiên [梅 箋] tức là giấy viết có in hình cảnh hoa mai cho đẹp để lịch sự.

[50] *Tích việt thư* – Sở Khanh trả lời Kiều chỉ có hai chữ tích việt [昔 越]. Phân tích hai chữ này ra thì chữ tích [昔] là ghép ba chữ [+ 一 日] “chấp, nhất, nhật = ngày hai mươi mốt” ; và chữ việt [越] là ghép hai chữ [戌] (tuất = giờ tuất) và [走] (tẩu = chạy). Các chữ ghép ấy hợp lại thành năm chữ “chấp + nhất + nhật + tuất + tẩu” tức là Sở Khanh hẹn ngầm với Kiều : Đến giờ tuất (hồi trước nửa đêm) ngày 21 thì hẳn mang Kiều đi trốn. Nghĩa hai chữ “tích việt” rành rõ như vậy, thế mà cuốn Kiều của ông Trần Trọng Kim lại theo cuốn Thanh Tâm Tài Nhân giải nghĩa là “Chấp nhất nhật tuất thời việt tường tương kiến [+ 一 日 戌 時 越 牆 相 見] = Ngày 21 trèo qua tường sang với nhau” và hai ngày nữa mới rủ Kiều đi trốn. Giảng thế rõ thật vô lý, mất hết cả ý nghĩa tinh tế của chỗ Sở Khanh nó cần phải đem Kiều đi trốn cho mau, kéo sọt nàng tinh ngộ không theo mình đi trốn nữa thì cơ mưu hỏng hết. Và lại chữ “việt” giảng là “trèo qua tường” thì sai nghĩa quá, vậy thì hai hôm sau chạy trốn lúc nào ?

[51] *Tuất thì* = Giờ tuất (từ 9 giờ đêm đến 11 giờ đêm).

[52] *Thoi thóp* = Có vẻ mệt mỏi muốn về tổ nghỉ.

[53] *Giá đồ my* – Xem lời đính chính câu 1092 bên trên.

[54] *Tường đông lay động bóng cành* – Tây Sương Ký có câu [隔 牆 花 影 動] = Cách tường hoa ảnh động = Cách tường bên kia có bóng hoa động lung lay].

[55] *Sượng sùng* = Có ý hồ thẹn, ngượng ngịu (nhưng đành bạo dạn ra chào).

[56] *Lạc đàn* = Lưu lạc ra khỏi gia đình quê quán.

[57] *Cốt nhục tử sinh* = Lời rút ngắn từ câu [骨 而 肉 之 死 而 生 之] = Cốt nhi nhục chi tử nhi sinh chi = Làm cho sượng lại mọc thịt, chết lại hóa sống], ý nói xin cứu vớt cho thoát khỏi nạn to, như cải tử hoàn sinh.

[58] *Kết cỏ ngậm vành* – Hai thành ngữ này đều nghĩa là báo ơn. Điển tích “kết cỏ” : Ngụy Thù người Tấn đời Chiến Quốc có người vợ lẽ trẻ đẹp, lúc gần chết dặn con là Ngụy Khỏa đem người vợ lẽ đó chôn theo mình. Nhưng Ngụy Khỏa không theo lời cha dặn, cho người vợ lẽ đó về nhà

cha mẹ nàng. Sau Ngụy Khỏa làm tướng, phải đánh nhau với một dũng tướng nước Tần là Đỗ Hồi ở trên bãi cỏ, bỗng Đỗ Hồi chân vướng cỏ ngã, bị Khỏa đâm chết. Đêm hôm ấy Khỏa ngủ mơ, thấy cha người vợ lẽ đó báo cho Khỏa biết rằng “vì tướng quân tha không chôn sống con tôi, nên tôi đã kết cỏ làm Đỗ Hồi vướng ngã để báo ơn ông.” Điển tích “ngậm vành” : Dương Bảo đời Đông Hán một hôm đi chơi thấy một con sẻ vàng bị chim cắt đánh rơi xuống đất, Bảo cứu lấy đem về nuôi, khi lành mạnh thả cho bay đi. Sau bỗng có đứa trẻ mặc áo vàng, miệng ngậm bốn chiếc vòng ngọc đến biểu Bảo và nói “tôi cảm ơn ông đã có lòng nhân đức cứu tôi thoát nạn, lại chăm nuôi tôi, nên nay tôi xin đem ngọc này đến tạ ơn ông. Ông được ngọc này con cháu ông sẽ đời đời vinh hiển. ”

[59] *Bể trầm luân* = Cái bể làm cho người ta phải đắm đuối chết chìm. Ý câu này nói “ta quyết phải cứu cho nàng thoát khỏi chỗ đầy đọa ô nhục này mới thôi. ”

[60] *Muôn sự ơn người* – Chữ “người” đây là tiếng tôn trọng để gọi người mà mình rất quý trọng coi như ông thần, quý trọng hơn tiếng “ngài” một bậc.

[61] *Ngựa truy phong* – *Truy* [追] = Đuổi. *Phong* [風] = Gió. *Ngựa truy phong* = Ngựa chạy nhanh đuổi kịp gió bão.

[62] *Tên dưới trướng* = Đứa hầu tước thân như lính hầu ở trong nhà quan, ta thường gọi là thủ hạ [手下] hay trướng hạ [帳下].

[63] *Kiên nhi* = Người sức vóc khỏe mạnh. *Kiên* [健] = Khỏe. *Nhi* [兒] = Người.

[64] *Thừa cơ* = Nhân dịp may, cơ hội tốt.

[65] *Ba mươi sáu chước, chước gì là hơn* – Đời Nam Bắc Triều, Đàn Công [檀公] bảo Vương Kính Tắc [王敬則] rằng [三十六計走為上策 = Tam thập lục kế tẩu vi thượng sách = Trong ba mươi sáu chước, chước chạy trốn là hay nhất].

[66] *Gió kếp mưa đơn* = Những sự hiểm nguy dồn dập kéo đến.

[67] *Can cơ* – Chữ Hán viết là [干 故] = Tội vạ về việc này. *Can phạm* = Kẻ bị tội. *Vô can* = Người xét ra không có can hệ gì đến án này.

[68] *Con tạo* = Ông trời (do chữ tạo vật [造物] dịch ra).

[69] *Khắc lậu* [刻 漏] = Cái đồng hồ chỉ thì giờ đời xưa bằng nước nhỏ giọt dần xuống cái chậu đồng giữa có cái que khắc thì giờ. Thứ đồng hồ xưa này có nhiều kiểu, kiểu thông thường đúng nhất có ba cái chậu. Hai chậu trên đều có lỗ rất nhỏ ở đáy để nước chậu trên nhất rỏ xuống chậu hai, nước chậu hai rỏ xuống chậu ba. Ở chậu ba có que khắc giờ, phút, cắm đứng phẳng trên cái phao, nước đầy phao nổi lên dần, giờ phút nào ở que khắc giờ ngang với miệng chậu tức là giờ phút ấy. Muốn cho nước chậu hai rỏ đều đặn xuống chậu ba thì gần miệng chậu hai này có cái lỗ, hễ nước đầy đến lỗ này thì tràn ra ngoài, làm cho mặt nước chậu này lúc nào cũng ngang với lỗ này. Chậu thứ hai thường kê chéch ra ngoài miệng chậu dưới và lỗ đáy chậu làm thành hình vòi rồng dẫn nước rỏ xuống chậu thứ ba. Bởi vậy có câu “Giọt rồng canh đã điểm ba” (câu 1865).

[70] *Lối mòn* = Lối người đi mãi thành mòn phẳng ở miền rừng núi.

[71] *Cỏ nhọt màu sương* = Cỏ có sương đêm mùa thu thấm vào, trông màu sắc nhọt nhạt.

Diễn ra văn xuôi

Câu 993, 994 = Nhưng nào ai biết đâu nàng chưa dứt nỗi được trần duyên, vì nàng chưa trả hết nợ trần. Trong khi nàng mê man, nàng thấy hình như có một nàng con gái đứng bên cạnh mình.

Câu 995, 996 = Cô ta sẽ bảo nàng : Cuộc nợ nhân quả kiếp trước của chị hãy còn dở dang chưa gỡ xong. Chị toan trốn cái nợ đoạn trường này sao được !

Câu 997, 998 = Số chị còn phải chịu khổ nhiều về cái kiếp hồng nhan bạc mệnh này. Thân chị dầu muốn quyết tình chết đi cho xong nợ, nhưng trời đâu có cho chị chết.

Câu 999, 1000 = Thôi, xin chị hãy sống cho hết cái kiếp khổ của bọn đàn bà ta này đi. Tôi xin hẹn cùng chị và chúng ta sẽ gặp nhau sau này ở sông Tiền Đường.

Câu 1001, 1002 = Mọi người thuốc thang chăm sóc nàng suốt một ngày thì thấy nàng đã dần dần tan hết cơn mê mà tỉnh lại.

Câu 1003, 1004 = Tú Bà ngồi chực sẵn ở bên màn Kiều nằm thấy nàng đã hồi tỉnh, mới khéo tìm lời phải chăng mà vuốt ve khuyên giải để gỡ dần lỗi mình đối với nàng, cho nàng hết uất hận liễu thân.

Câu 1005, 1006 – Mụ thân thiết tỉ tê bảo nàng rằng : Trời sinh ta làm người để đã có mấy thân, nên ta phải quý thân ta. Nhất là thân con nay đang độ tuổi trẻ trung, mơn mớn như hoa xuân mới nở đẹp tươi, ngày xuân vui của con còn dài lắm.

Câu 1007, 1008 – Sự vừa rồi tại vì chúng ta chưa hiểu lòng nhau, nên lỡ một lầm hai xảy ra như vậy. Bây giờ ta đã biết tấm lòng trinh bạch của con bền vững như vàng như đá, thì đâu ta nỡ ép con làm điều ô nhục ấy nữa !

Câu 1009, 1010 = Nay con đã trót vào đây rồi, thì con đành cầm cung ở vậy ít lâu để đợi ngày có dịp may thì sẽ lấy chồng.

Câu 1011, 1012 = Ta nói thật tình cho con biết hễ con vẫn còn thì của ta vẫn còn. Ta sẽ tìm nơi xứng đáng tử tế mà gả bán con về làm dâu con nhà người ta, để lấy lại phần nào số tiền ta đã mua con, thế là con thì được sống tử tế, mà ta thì khỏi thiệt, lợi cả đôi bên.

Câu 1013, 1014 = Vậy thì tội gì con phải hoại thân để làm cho ta phải tội oan, như hai nhà oan oan tương báo như vậy, trước thiệt thân mình sau tội vạ cho ta, có hay dung gì ?

Câu 1015, 1016 = Nàng lặng nghe mụ năn nỉ mấy lời bên tai, đã thấy rành rõ mọi lẽ phải trái.

Câu 1017, 1018 = Nàng lại nghĩ đến mấy lời thần báo mộng vừa rồi, nàng biết rằng số kiếp mình phải vậy là do có trời theo nhân quả kiếp trước mà định cho mình, khó có thể tránh được.

Câu 1019, 1020 = Kiếp này mà không trả xong nợ, thì thế nào số nợ này cũng chồng chất lên đây thêm cho số nợ kiếp sau.

Câu 1021, 1022 = Nàng tai nghe bụng nghĩ lời mụ nói thật hiểu thâm thía đầu đuôi mọi lẽ, nàng mới trả lời mụ rằng : Nào có ai lại muốn đâu tự vẫn thế này bao giờ ?

Câu 1023, 1024 = Cứ như lời bà nói, thì thật thế là may cho tôi lắm, nhưng chẳng biết sau này bà có làm được như lời bà nói cho không ?

Câu 1025, 1026 = Tôi e bà chỉ nói dài đùng để lấy lòng nhau chốc lát, rồi lại quên lời ngay, như ong bướm ở vườn hoa, vừa đậu hoa này lại bay ngay đi đậu hoa khác. Tôi nghĩ đến điều sống mà đời vẫn đục bản, thì sao bằng chết mà đời được trong sạch !

Câu 1027, 1028 = Thấy Kiều có ý ngờ vực ngại ngùng, mụ vừa nói vừa thề rằng : Con cứ yên tâm, chớ lo ngại gì cả. Ta đâu dám lấy sự lừa dối lòng nhau mà làm trò chơi đùa được.

Câu 1029, 1030 – Sau này nếu ta không ăn ở với con được như lời ta vừa nói vừa rồi, thì trên đầu có bóng mặt trời sáng soi mà phạt tội ta.

Câu 1031, 1032 = Kiều thấy mụ nói quả quyết hẳn hoi như thế nên nàng cũng đành lòng người người dần.

Câu 1033, 1034 = Rồi mụ để cho Kiều cắm cung ở một căn lầu trông ra một vùng cửa sông rộng, trên trời dưới nước mông mênh một màu xanh biếc, tên gọi là lầu Ngưng Bích. Nàng ở đó tình cảnh rất buồn vắng, ngày thì thấy dấy non xa trước mặt, đêm thì lấy mảnh trăng gần cửa sổ và bóng mình ở trong gương làm bạn ở chung với mình, ra ngắm vào ngắm nhau.

Câu 1035, 1036 = Ra cửa lầu, trông xa tứ phía, nàng thấy nơi thì cồn nọ cát vàng quạnh hiu, nơi thì đường kia bụi hồng nhộn nhịp.

Câu 1037, 1038 = Sáng dậy trông mây sớm trước mặt, nàng cũng bẽ bàng, vì nghĩ đến lời ông Địch Nhân Kiệt đời xưa nói “Cha mẹ ta ở dưới đám mây kia.” Đêm đêm trông ngọn đèn khuya, nàng cũng bẽ bàng, vì nghĩ đến những tối xum họp vui vẻ ngày xưa ở gia đình. Lòng nàng lúc nào cũng âu sầu nửa buồn vì cảnh bên ngoài, nửa buồn vì tình bên trong.

Câu 1039, 1040 = Lúc thì nàng bẽ bàng thương xót chàng Kim đã uống chén thề “đồng tâm” với nàng ở dưới bóng trăng, mà nay thật uống công mong tin tức nhau hàng ngày.

Câu 1041, 1042 = Bây giờ nàng bơ vơ một mình ở nơi góc bể chân trời, thì chẳng biết lòng đầm thắm của chàng, cũng như lòng đầm thắm của nàng, đến bao giờ mới gột rửa được phai nhạt để đỡ thương đau ?

Câu 1043, 1044 = Lúc thì nàng thương cha mẹ sớm tối mong nàng đã khổ lại lấy ai chăm nom hầu hạ cha mẹ cho được tận thành tận hiếu như nàng.

Câu 1045, 1046 = Có lúc nàng lại lần thân quá lo, những e cha tuổi đã già, lại gặp bao cảnh tai biến như nắng mưa thất thường trong gia đình như thế, thì có lẽ không còn nữa.

Câu 1047, 1048 = Có lúc nàng buồn bã ngồi nhìn những cánh buồm của thuyền ai thấp thoáng xa xa, ở ngoài cửa bể lúc chiều hôm, và bụng nàng buồn nghĩ ai ai tới đến cũng được về gia đình xum họp, mà riêng nàng thì bơ vơ chẳng biết về đâu ?

Câu 1049, 1050 = Có lúc nàng buồn bã đứng ngắm ngọn nước mới ở sông đổ ra bể, đưa những chiếc hoa trôi man mác mỗi cái một nơi, rồi nàng thương thân mình nào có khác gì những chiếc hoa kia, biết rồi lưu lạc lênh đênh đến đâu trên mặt bể đầy sóng gió ?

Câu 1051, 1052 = Có lúc nàng buồn bã ngắm cảnh đồng cỏ mọc chen nhau xanh rì một lượt, khắp mặt đất đến tận chân mây. Nàng cảm thấy cỏ đồng đầy thênh thang vui mọc bao nhiêu, nàng lại thấy cảnh nàng thêm hiu quạnh âu sầu lên bấy nhiêu, và chỉ thêm nhớ cảnh vui hội Đạp Thanh với hai em rồi gặp chàng Kim hài vãn lần bước dặm xanh.

Câu 1053, 1054 = Có lúc nàng buồn bã ngắm những luồng gió cuốn trên mặt nước bề làm thành những đợt sóng nổi lên kêu âm âm vang đến chỗ ghé nàng ngồi, và nàng nghĩ đó là điềm gở báo trước cho nàng biết cuộc đời sau này của nàng sẽ nguy hiểm sóng gió như vậy, nên càng ngắm cảnh này nàng càng lo buồn.

Câu 1055, 1056 = Thấy chung quanh toàn là non sông quê người cả, nàng nghĩ đến tấm thân lưu lạc mà đau lòng, nên nàng mới ngâm vài bốn vần thơ để tả tình tả cảnh cho khuây.

Câu 1057, 1058 = Ngâm thơ xong rồi, nàng nghĩ buồn quá, mới buông bức rèm châu xuống mà ngậm ngùi đứng ở sau rèm ngắm nghĩ ngẩn ngơ. Bỗng nàng nghe thấy có tiếng ai ngâm thơ họa vần lại ở mé ngoài tường.

Câu 1059, 1060 = Nàng nhìn xuống thấy một chàng thanh niên người trông có vẻ chải chuốt lịch sự và ăn mặc khăn áo có vẻ dịu dàng phong nhã.

Câu 1061, 1062 = Nàng nghĩ rằng người đó chắc cũng là con nhà học hành như nhà mình. Sau nàng hỏi ra mới biết đó là chàng Sở Khanh.

Câu 1063, 1064 = Biết được tên chàng, rồi nàng ngó xuống dưới lầu, thì vẫn thấy chàng ở dưới bóng trăng thấp thoáng qua màn và ngó lên trông nàng. Chàng cũng ra tình quyến luyến thương xót nàng không nở bỏ.

Câu 1065, 1066 = Chàng biết nàng đã để ý đến mình, chàng mới nói bằng quơ lên rằng : Thương thay cho người sắc nước hương trời kia có sao bỗng thấy lạc loài đến chỗ này ?

Câu 1067, 1068 = Người thật không kém gì những tiên nữ ở trong đền Dao Đài dưới trăng, hay ở núi Quỳnh Ngọc trên mây.

Câu 1069, 1070 = Ta thật tức giận ông trời già kia quá, gan ruột như sôi lên sùng sục. Ôi, tấm lòng nghĩa khí của ta này, ai tỏ cho ta được nhỉ ?

Câu 1071, 1072 = Nếu cô thuyền duyên kia mà biết đến kẻ anh hùng này, thì ta sẽ ra tay tháo cũi sổ lồng cho như chơi, chẳng khó gì !

Câu 1073, 1074 = Nàng nghe chàng có ý nói với mình, liền vào khép cánh ngoài cửa sổ lại, nhưng trong tai vẫn còn văng vẳng như nghe tiếng vọng lên những lời quả quyết như chém đinh chặt sắt đó.

Câu 1075, 1076 = Nàng ngồi ngẫm nghĩ đến bụng người nghĩa khí, rồi lại nghĩ đến cảnh mình cơ cực cảm thấy chàng có lòng chua xót cho mình, khiến lòng nàng cũng đờ, cũng nhạt bớt được nỗi lè loi bơ vơ.

Câu 1077, 1078 = Rồi nàng nghĩ : Nếu mình cứ e sợ nợ kia, nay lần mai nữa mãi những ngày nắng đêm mưa ở đây, thì kiếp phong trần này biết gỡ đến bao giờ mới xong ?

Câu 1079, 1080 = Chi bằng ta cứ liều một phen, nhấn một vài lời, nhờ người nghĩa hiệp ra tay tế độ cứu mình ra khỏi cuộc trầm luân này.

Câu 1081, 1082 = Nghĩ định thế rồi, nàng mới lấy mảnh giấy hoa tiên, viết kể hết mọi nỗi xa gần : nào là gia đình gặp cơn tai bay vạ gió, nàng phải bán mình để cứu cha, nào là cảnh thân nàng gặp cảnh lừa đảo mắc vào bước lạc loài.

Câu 1083, 1084 = Thư viết xong, sáng sớm hôm sau, trời mới tan sương mờ sáng, nhân dịp thuận tiện có người đi, nàng mới nhấn lời nhờ gửi cho Sở Khanh.

Câu 1085, 1086 = Ngay chiều hôm ấy, lúc trời mới bàng lảng bóng vàng sắp tối, đã có người đưa thư trả lời của Sở Khanh đến tay nàng.

Câu 1087, 1088 = Nàng mở phong thư ra xem, thấy tờ hoa tiên (vẽ cảnh mai) chỉ viết rành rành có hai chữ “tích việt.”

Câu 1089, 1090 = Lấy ý tứ phân tích hai chữ này ra suy đoán, thì nghĩa hai chữ này phải chăng là chàng hẹn đến ngày hai mươi mốt, vào hồi giờ tuất, thì chàng mới mang nàng đi trốn ?

Câu 1091, 1092 = Chiều hôm ấy, nàng có ý chờ đợi ngay từ lúc chim hót buổi chiều hôm có ý mệt mỏi lẻ tẻ bay về rừng, chờ mãi đến lúc mặt trăng hình nửa vòng tròn mọc lên ngang bên kia giàn hoa đồ my.

Câu 1093, 1094 = Rồi thấy bóng cành cây ở mé tường phía đông lay động, và liền thấy Sở Khanh rẽ cánh cửa sổ ra mà lén vào trong lầu.

Câu 1095, 1096 = Nàng đánh liều bạo dạn ra chào, mặt rất sượng sùng hổ thẹn, sụp lạy xuống đất ngỏ lời kêu cầu thăm thiết ân cần.

Câu 1097 đến 1100 = Nàng nói : Chút thân tôi như cái bèo bãi bọt lênh đênh mặt bể này, đã như chim lạc đàn đến đây, lại vướng cái nợ yên anh lãng nhãng ô ứ. Tôi xin ngài đem lòng nhân đức ra tay cứu vớt, làm cho năm sương khô này lại mọc thịt, cái thân chết này lại hồi sinh. Ôn to này, tôi xin còn báo đáp lại rất nhiều về sau như hồn người kết cỏ như chim sẻ ngâm vành.

Câu 1101, 1102 = Sở Khanh ngời lạng lẽ mà nghe, ra ý bằng lòng, gật đầu lẩm nhẩm nói : Ta đây vì lòng nghĩa khí mà cứu nàng, chứ có phải người tầm thường như ai đâu mà nàng lại nói báo với đền như vậy !

Câu 1103, 1104 = Nay nàng đã biết đến ta mà cầu cứu với ta, thì ta quyết ra tay lấp cho bằng cái bể trâm luân để cứu nàng cho kỳ được mới thôi !

Câu 1105, 1106 = Kiều đáp : Người đã quyết lòng cứu tôi như thế thì muôn sự tôi đều nhờ ơn người lo tính cho tôi. Vậy người định làm thế nào xin người cho biết, rồi quyết làm ngay đi, sớm ngày nào hay ngày ấy !

Câu 1107, 1108 = Sở Khanh khoe : Ta có con ngựa truy phong, lại có một tên hầu tước chân tay, dòng dõi tráng sĩ đi hộ vệ.

Câu 1109, 1110 = Ta đã nghĩ trăm cách để cứu nàng, và không có cách nào bằng cách mang nàng chạy trốn. Thừa cơ lúc không ai để ý, bất thình lình lên bước đem nàng ra đi.

Câu 1111, 1112 = Khi đã đem được nàng ra thoát khỏi cái nhà này rồi, thì dẫu cho họ có đuổi theo bọn họ đến bọn kia như mưa như bão đi nữa, thì đã có ta đây che chở, nàng không cần ngại việc gì cả, nàng chớ lo !

Câu 1113, 1114 = Nàng nghe lời chàng nói có vẻ huênh hoang quá, nàng đã có ý e ngại nghi ngờ. Nhưng việc đã trót cầu cứu rồi, không thể lấy lại được, thì còn quản ngại gì nữa.

Câu 1115, 1116 = Thôi thì cũng đành thử nhắm mắt mà liều đưa chân đi một phen, xem ông trời sẽ xoay vần mình đi đến đâu.

Câu 1117, 1118 = Thế là hai người cùng lặng lẽ lên bước xuống lầu, rồi cùng lên ngựa kẻ trước người sau đi thành một đoàn.

Câu 1119, 1120 = Lúc bấy giờ đã vào giờ canh tàn đêm thu, cảnh thật lạnh buồn, gió thổi vào cây làm cho lá vàng rụng như trút xuống, trăng đã xế thấp xuống đỉnh ngàn non tây gần lặn hết.

Câu 1121, 1122 = Hai bên lối đường mòn, ngọn cỏ nhợt nhạt đầy sương. Nàng thấy trong cảnh buồn này, mỗi bước đi lại đau lòng thêm một bước.

Câu 1123, 1124 = Tiếng gà gáy mỗi lúc mỗi xao xác thêm đã làm cho nàng nao núng lo âu, bỗng lại thêm có tiếng người ồn ào nổi lên ở mé sau nữa.

Câu 1125, 1126 = Đang lúc Kiều hải hùng thôn thức, gan vàng tan nát, thì Sở Khanh đã quất ngựa rẽ dây cương đi đường nào mất rồi.

Câu 1127, 1128 = Còn tro một mình, nàng chẳng biết làm thế nào được nữa, đành phóng ngựa đi bừa, bước thấp bước cao trên lối đường khập khễnh trong rừng.

Những chữ hay câu có ý móc nối hoặc châm biếm tỏ than

Câu 993 *Nào hay chưa hết trần duyên* ứng với câu 986 *Một dao oan nghiệt đứt dây phong trần*. Nhưng trong khi câu 986 (Chương 12) than Kiều tự vẫn chết rồi, thì câu 993 lại than nào có chết được đâu – như để xác nhận cái dây phong trần ấy cho nàng còn phải kéo dài thêm mười mấy năm nữa.

Câu 999 *Hãy xin hết kiếp liễu bồ* nhắc trước cho ta biết các đoạn khổ cực của kiếp bạc mệnh Kiều sẽ phải chịu.

Câu 1000 *Sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau* móc nối xa với câu 2623, 2624 *Đạm Tiên nàng nhé có hay / hẹn ta thì đợi dưới này rước ta*.

Nỗi luyến tiếc Kiều diễn đạt trong câu 1039, 1040 *Tưởng người dưới nguyệt chén đồng / tin sương luống hã rày trông mai chờ* móc nối với các câu Kim Trọng than trách sau này : 2813, 2814 *Cùng nhau thề thốt đã nhiều / những điều vàng đá phải điều nói không*, và 2817, 2818 *Bao nhiêu của mấy ngày đường / còn tôi tôi gặp mặt nàng mới thôi !*

Ý câu 1044 *Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ* móc nối với ý câu 2823, 2824 *Thần hôn chăm chút lễ thường / dưỡng thân thay tấm lòng nàng ngày xưa*.

Câu 1038 *Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng* liên lạc mật thiết với các câu 1039 đến 1046 tả tình, và các câu 1047 đến 1054 tả cảnh.

Chữ “trời già” ở câu 1069 *Nổi gan riêng giận trời già* và chữ “con tạo” ở câu 1116 *Thử xem con tạo xoay vần đến đâu* đều tỏ ý than thở ông trời sao lại nỡ đày đọa con người như thế ? Chữ “người” ở câu 1105 *Nàng rằng muôn sự ơn người* thật tỏ ý than thở chua cay cho Kiều gặp bước đường cùng phải dâng bấc Sở Khanh lên bực thần thánh.

Đoạn tả Kiều ở lầu Ngưng Bích rồi mắc lừa Tú Bà và Sở Khanh được viết thật uyển chuyển, ý nọ liền ý kia đâu vào đấy : Kiều lẻ loi đau buồn nhớ ngắm cảnh sinh tình rồi ngâm thơ khuây dạ, rồi

nghe tiếng họa vãn, rồi để ý đến Sở Khanh, rồi cảm tình lời Sở xót xa mình, rồi đưa tin cầu cứu, rồi kết cục theo Sở mắc vào mẹo lừa Tú Bà.

Mẹo Tú Bà thật thâm độc. Mụ cho Kiều ở lẻ loi một mình trong một căn lầu phía trước đầy những cảnh tha hương bao la, lại ra lòng tử tế cho Kiều ăn ngon mặc đẹp, ăn dung ngồi rồi, ra thì ngắm cảnh nhớ nhà, vào thì soi gương tiếc thân. Rồi mụ lại lợi dụng phần tài hoa ngâm vịnh của nàng, mà cho Sở Khanh đem tài ngâm họa, ăn mặc bánh bao, mon men dụ nàng vào bẫy. Mảnh giấy hoa tiên chỉ có hai chữ “tích việt” thật là cái mồi đẩy Kiều xuống giếng thoi.

Đọc những câu trả lời Tú Bà năn nỉ khuyên Kiều trên giường bệnh, ta thấy tả Tú Bà thật là tay bợm già khôn ngoan đủ bước. Mụ rất sợ Kiều vừa chán đời, vừa oán mụ rồi lại tự tử thì mụ vừa bị tội vạ, vừa thiệt tiền của. Nên trước hết mụ khuyên Kiều phải tiếc đời, nhất là tiếc tuổi đang xuân xanh đầy hy vọng của nàng, để ngăn nàng khỏi chán đời mà tự vẫn nữa. Điều thứ hai là mụ xin lỗi vì không biết lòng trinh bạch của nàng nên lầm lỡ đối xử tàn bạo với nàng, rồi lại hứa sẽ gây dựng cho Kiều vào nơi xứng đáng để đổi bạn thù thành tình nghĩa. Thứ ba là mụ kể rõ mọi lẽ lợi hại và oan báo cho nàng nghe : Nàng sống thì nàng khỏi thiệt đời, mụ khỏi thiệt của ; nàng chết thì nàng uổng tuổi xuân xanh, làm mụ mắc tội vạ, lại còn oan oan tương báo đời đời mãi mãi. Những lời mụ năn nỉ khuyên giải thật là “thị phi rạch ròi”; những câu tả lời mụ nói “hoa xuân đương chiêng, ngày xuân còn dài” , “người còn thì của hãy còn”, “thiệt mình mà hại đến ta hay gì”, thật rõ là mưu mô thâm hiểm của bọn buôn người đáng sợ.

CHƯƠNG 14

CÂU 1129 ĐẾN CÂU 1226

“Chừa lòng trinh bạch, trả nợ phong trần”

1129. Hóa nhi thật có nữ lòng, [1]
Làm chi đầy tía, đọa hồng, lấm nao! [2]
1131. Một đoàn đồ đến trước sau, [3]
Vuốt đầu xuống đất, cánh đầu lên trời.
1133. Tú bà tóc thẳng đến nơi, [4]
Hằm hằm áp điệu một hơi lại nhà. [5]
1135. Hung hăng chẳng nói chẳng tra,
Đang tay vùi liễu, giập hoa toi bời.
1137. Thịt da ai cũng là người,
Lòng nào hồng rụng, thắm rời chẳng đau.
1139. Hết lời thú phục, khăn cầu, [6]
Uốn lưng xương nõ, cát đầu máu sa. [7]
1141. Rằng: “Tôi chút phận đàn bà,
Nước non lia cửa, lia nhà, đến đây.
1143. Bây giờ sống chết ở tay,
Thân này đã đến thế này thì thôi!
1145. Những tôi có sá chi tôi,
Phận tôi đành vậy, vốn người để đâu?
1147. Thân lươn bao quản lấm đầu, [8]
Trót lòng trinh bạch từ sau xin chừa!” [9]
1149. Được lời mụ mới tùy cơ,
Bắt người bảo lĩnh làm tờ cung chiêu. [10, 11]
1151. Bày vai có ả Mã Kiều, [12]
Xót nàng, ra mới đánh liều chịu đoan. [13]
1153. Mụ càng kể nhất, kể khoan,

Đón rào đến mực, nồng nàn mới tha. (14)

1155. Vực nàng vào nghỉ trong nhà,
Mã Kiều lại ngỏ ý ra dặn lời:

1157. Thôi đà mắc lận thì thôi! [15]

Đi đâu chẳng biết con người Sở Khanh?

1159. Phụ tình, nổi tiếng lâu xanh, [16]

Một tay chôn biết mấy cảnh phù dung! [17]

1161. Đà đào lập sẵn chước dùng, [18]

Lạ gì một cốt một đồng xưa nay! [19]

1163. Có ba mươi lạng trao tay,
Không dung chi có chuyện này, trò kia! [20]

1165. Rồi ra trở mặt tức thì,
Bớt lời, liệu chớ chây chi, mà đời!” [21, 22]

1167. Nàng rằng: “Thê thốt nặng lời,
Có đâu mà lại ra người hiểm sâu!” [23]

1169. Còn đương suy trước, nghĩ sau,
Mặt mo đã thấy ở đâu dẫn vào. [24]

1171. Sở Khanh lên tiếng rêu rao:
“Rằng nghe mới có con nào ở đây

1173. Phao cho quuyến gió rủ mây, [25]

Hãy xem có biết mặt này là ai?”

1175. Nàng rằng: “Thôi thế thì thôi!
Rằng không, thì cũng vâng lời là không!”

1177. Sở Khanh quát mắng ùng ùng,
Sấn vào, vừa rắp thị hùng ra tay. [26]

1179. Nàng rằng: “Trời né có hay!
Quuyến anh, rủ yên, sự này tại ai?

1181. Phỉnh người đẩy xuống giếng thơi, [27, 28]

Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay!

1183. Còn tiên “tích việt” ở tay,
Rõ ràng mặt ấy, mặt này chứ ai?

1185. Lờn ngay, đông mặt trong ngoài, [29]
Kẻ chê bắt nghĩa, người cười vô lương!
1187. Phụ tình án đã rõ ràng, [30]
Dơ tuồng, nghi mới kiếm đường tháo lui. [31]
1189. Buồng riêng, riêng những sứt sùi:
Nghĩ thân, mà lại ngậm ngùi cho thân.
1191. “Tiếc thay trong giá trắng ngần, [32, 33]
Đến phong trần, cũng phong trần như ai!
1193. Tê vui cũng một kiếp người,
Hồng nhan phải giống ở đời mãi ru! [34]
1195. Kiếp xưa đã vụng đường tu,
Kiếp này chẳng kéo đèn bù mới xuôi!
1197. Dù sao bình đã vỡ rồi, [35]
Lấy thân mà trả nợ đời cho xong!”
1199. Vừa tuần nguyệt sáng, gương trong, [36]
Tú bà ghé lại thông dong dặn dò:
1201. “Nghề chơi cũng lắm công phu,
Làng chơi ta phải biết cho đủ điều.”
1203. Nàng rằng: “Mưa gió dập diu,
Liều thân, thì cũng phải liều thế thôi!” [37]
1205. Mụ rằng: “Ai cũng như ai, [38]
Người ta ai mất tiền hoài đến đây?
1207. Ở trong còn lắm điều hay,
Nỗi đêm khép mở, nỗi ngày riêng chung. [39]
1209. Này con thuộc lấy nằm lòng,
Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề. [40, 41]
1211. Chơi cho liễu chán, hoa chê,
Cho lăn lóc đá, cho mê mẩn đời. [42]
1213. Khi khóe hạnh, khi nét ngài, [43]
Khi ngậm ngội nguyệt, khi cười cợt hoa.
1215. Đều là nghề nghiệp trong nhà,

Đủ ngàn ấy nét, mới là làng soi.” [44]

1217. Gót đầu vâng dạy mấy lời, [45]

Dường chau nét nguyệt, dường phai vẻ hồng. [46]

1219. Những nghe nói, đã thẹn thùng,

Nước đời lắm nỗi lạ lùng, khát khe!

1221. Xót mình cửa các, buông khuê, [47]

Vỡ lòng, học lấy những nghề nghiệp hay!

1223. “Khéo là mặt dạn, mày dày,

Kiếp người đã đến thế này thì thôi!

1225. Thương thay thân phận lạc loài,

Dẫu sao cũng ở tay người biết sao?”

Đính chính và xác định

Câu 1134 – *Hầm hầm áp điệu một hơi lại nhà* – Chữ *hầm hầm* ở câu này nghĩa là nét mặt giận dữ đỏ bầm có nghĩa tàn bạo đáng sợ. Có bản Kiều quốc ngữ dịch là “hăm hăm” thật sai ý nghĩa ở đây, vì *hăm hăm* nghĩa là *hăm hở hăng hái*, *lăm le* muốn làm một sự vui thích, trái ý giận dữ ở cảnh này. *Hầm hầm* tả mặt giận. “*Hăm hăm*” tả mặt vui.

Câu 1140 – *Uốn lưng xương nõ, cắt đầu máu sa* – Chữ *xương nõ* câu này các bản Kiều quốc ngữ bây giờ đều in là “thịt đỏ” gần như vô nghĩa. Cụ Huyện Hoàng Mộng Lệ, người làng Phù Lưu tỉnh Bắc Ninh, rất thông minh và thích khảo cứu văn chương Nôm cổ. Năm 1946 -1947, cụ có tản cư về ở nhà tôi và hay bàn nghĩa Truyện Kiều với tôi. Cụ rất thích Truyện Kiều, trong hơn 50 năm cụ đã kiếm được hơn chục bản Kiều Nôm cũ, mới, in hay viết tay để so sánh khảo cứu. Trong đó có một bản in cũ có nhiều chữ khác các bản in sau. Rồi cụ kể đại khái như những thành ngữ “lò thu thủy, nhọt xuân sơn”, “uốn lưng xương nõ”, “dễ mà bọc rẻ giầu kim”... Sau tôi đọc tiểu thuyết Tàu có câu tả người bị đòn đau rằng [週身滾滾骨節格格地响 = chu thân côn bát cốt tiết cách cách địa hưởng = khắp mình máu cuộn cuộn như muốn tóe ra, các khớp xương nõ kêu lắc rắc khi cử động], bây giờ tôi mới biết lời cụ Huyện ngâm Kiều: *Uốn lưng xương nõ, cắt đầu máu sa* là đúng.

Câu 1145 – *Những tôi, có sá chi tôi* – Chữ *những* câu này nhiều bản quốc ngữ dịch lầm là “nhưng” thật sai nghĩa. *Những tôi* nghĩa là cứ những riêng phần tôi, thì sao có đáng kể gì, chết cũng được, chỉ nỗi tôi chết thì vốn bà bỏ ra mất không. Nếu để chữ “nhưng” thì thật hết ý khẩn thiết sâu sắc.

Câu 1154 – *Đón rào tới mực nông nân mới tha* – *Đón rào* là đón trước rào sau. Tú bà kể các lễ bắt Mã Kiều làm tờ cam đoan phải chịu trách nhiệm đủ mọi lễ trước sau thật kín đáo chặt chẽ, không thiếu lễ gì để hồng lật lừa được. Nhiều bản Kiều đổi hai chữ *đón rào* ra “gạn gùng” thật sai nghĩa, vì gạn gùng chỉ tra hỏi cặn kẽ, chữ không phải là lời lẽ viết ở tờ cam đoan.

Câu 1172 – *Nọ nghe rằng có con nào ở đây* – Chữ *nọ nghe* ở đầu câu này thật hay, tả rõ khẩu khiêu giọng nói của thằng nông cuồng ra bộ hống hách người trên, bước chân vào nhà chẳng chào hỏi ai lên mặt thét ngay “Nọ kia! Lạ chưa! sao ta lại nghe có con nào ở đây, nó vu ...” là lời thật mạnh mẽ cứng rắn của thằng nông làm bộ. Nhiều bản đổi là “Nghe như mới có con nào ở đây” lời thật yếu ớt, không đúng giọng của Sở bấy giờ.

Câu 1205 – *Quở rằng: Ai cũng như ai* – Chữ *quở* câu này rất khẩn thiết cho tình lý: Tú Bà lại dạy Kiều “nghe chơi”, vừa mở mồm nói: *Nghề chơi cũng lắm công phu / làng chơi ta phải biết cho đủ điều* thì Kiều vẫn có ý bất bình khinh bỉ, dám gạt ngang lời mụ mà nói: Liều thân thì chỉ liều đến như thế là xong, chứ còn phải làm gì hơn nữa mà bà nói là lắm công phu. Mụ thấy Kiều có ý coi thường lời mụ như vậy, mụ liền quở ngay cho nàng sợ mà để ý nghe lời mụ dạy. Chữ *quở* câu này các bản Kiều nôm hay quốc ngữ bây giờ đều in lầm là “mụ” thành mất nghĩa tinh tế ấy. Lúc tôi còn trẻ, chính mắt tôi trông thấy ở trong một cuốn Kiều nôm phường bản cũ in chữ này là [𠵹] (= khẩu [口] bên quả [果]), nhưng chữ điền [田] nửa trên chữ quả [果] in nhòe thành hình vuông đen. Sau tôi lại thấy một cuốn Kiều nôm phường bản nữa khắc lại chữ này thành chữ [𠵹] (= khẩu [口] bên mỗ [某] = mỗ). Chắc các nhà xuất bản sau thấy “mỗ” vô nghĩa mới đổi chữ mỗ thành “mụ” [𠵹]. Vậy tôi xin có lời đính chính phân minh chỗ đúng, để khỏi mất nghĩa sâu sắc của nguyên văn.

Câu 1216 – *Đủ ngần ấy nét mới là làng soi* – Chữ *làng soi* nhiều bản viết là “người soi” không sát nghĩa bằng chữ *làng soi*. *Làng soi* là hạng làng chơi đủ mảnh khóe, đáng làm gương trong làng chơi. Còn chữ “người soi” thì ý nghĩa vu vơ.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Hóa nhi* [化兒] = Ông trời trẻ con. Chữ *hóa nhi* dùng trong văn thơ để tả những ý than thở trời đùa trêu làm khổ người ta như đứa trẻ con.

[2] *Đày tía đọa hồng* = Đày đọa làm khổ một người gái đẹp.

[3] *Đổ đến* = Áo ạt chạy tới như nước trên cao đổ xuống.

[4] *Tốc thẳng* = Chạy mau một mặt đến. ([速] = tốc = nhanh).

[5] *Hàm hàm* – Xem lời đính chính câu 1134 trên này.

[6] *Thú phục* – *Thú* [首] = Nhận tội mình đã trót làm. *Phục* [服] = Chịu tội, không dám chối cãi nữa.

[7] *Uốn lưng xương nõ* = Khi bị đánh đòn đau quá, cong lưng xuống để lay van thì xương sống lưng kêu lắc rắc. (Xem lời đính chính câu 1140 bên trên).

[8] *Thân lươn bao quản lấm đầu* – Con lươn thường rúc chui ở dưới bùn, nên ta có câu tục ngữ này để nói đành chịu thân phận khổ cực lấm than.

[9] *Trót lòng trinh bạch từ sau cũng chừa* – *Lòng trinh bạch* = Lòng bền giữ một niềm trong trắng cao quý. Ôi, tấm lòng trinh bạch của đàn bà đáng quý biết bao, thế mà đây phải nói vứt đi : Tôi đã trót đại giữ lòng trinh bạch, từ nay tôi xin chừa không dám đại dột giữ lòng trinh bạch nữa. (Tình cảnh thật là hết sức thê thảm. Câu này thật là một lời “đoạn trường,” mĩa mai thói đời ô uế tham lợi, hà hiếp bắt người tử tế phải bỏ lương tâm đạo nghĩa).

[10] *Bảo lĩnh* [保領] – *Bảo* = Giữ. *Lĩnh* = Đem về cai quản. Người *bảo lĩnh* là người xin với người trên tha người có tội, giao cho mình đem về trông coi và chịu trách nhiệm bắt người có tội ở theo đúng phép.

[11] *Tờ cung chiêu* [供 招] = Tờ khai thú nhận tội lỗi và xin làm những gì để chuộc tội.

[12] *Bây vai* = Người ngang với nhau.

[13] *Chịu đ oan* = Làm tờ cam kết bắt Kiều phải làm đúng như lời trong tờ cung chiêu và lời Tú Bà bắt buộc phải làm những gì.

[14] *Đón rào* – Xem lời xác định câu 1154 bên trên.

[15] *Mắc lận* = Bị lừa. Tục ngữ nói : Thua lừa *mắc lận*.

[16] *Phụ tình nổi tiếng lầu xanh* – Thi sĩ Đỗ Mục đời Đường lúc thanh niên chỉ thích chơi bời với gái thanh lâu, sau bỗng hối lỗi và răn đời như sau :

1. [落魄江湖載酒行 = lạc phách giang hồ tải tửu hành = lang thang hư hỏng chở rượu đi chơi với gái ở chốn giang hồ].

2. [楚腰纖細掌中輕 = sở yêu tiêm tế chưởng trung khinh = thích ngắm những cái eo nhỏ hẹp như gái nước Sở và những gái múa lẹ trên bàn tay].

3. [十年一覺揚州夢 = thập niên nhất giác Dương Châu mộng = mười năm bỗng tỉnh giấc mộng chơi bời với gái châu Dương].

4. [贏得青樓白倖名 = doanh đắc thanh lâu bạch hạnh danh = thật chẳng được gì, chỉ được mang tiếng là một kẻ bạc tình ở chốn lầu xanh].

Câu *Phụ tình mang tiếng lầu xanh* dùng điển ở câu kết bài thơ trên.

[17] *Cành phù dung* = Gái đẹp mà mệnh bạc. Hoa cây phù dung buổi sớm nở rất đẹp, rồi chiều đến tàn héo ngay.

[18] *Đà đao* [拖 刀] = Miếng võ hiểm, kéo lê thanh long đao mà giả vờ thua chạy để lừa tướng địch đuổi đến gần mà hất đao lên chém chết. Ta dùng chữ *đà đao* để chỉ sự bày mưu hiểm độc lừa người.

[19] *Một cốt một đồng* – *Cốt* = Bà cốt thờ thần đàn bà. *Đồng* = Ông đồng thờ thần đàn ông. Khi cúng khấn thì thần nhập vào bà hay ông này mà phán mọi điều cho người kêu cần biết. Lũ đồng cốt thường thông tin ngầm cho nhau biết, để khi ai cần cả đôi bên, thì nói cùng đúng nhau để lừa người tin là lời phán đúng. Chữ *một cốt* đây là Tú Bà và *một đồng* đây là Sở Khanh.

[20] *Không đưng* nghĩa là nếu không có mưu lừa định sẵn này (thì đâu có truyện Sở đến lừa).

[21] *Trây chi* (hoặc *giây chi*) = Nói đưng chạm đến. Mã Kiều khuyên Kiều nhịn chớ nói đưng chạm đến Sở Khanh nữa, chớ *giây* với nó nữa, phải tránh xa nó.

[22, 23] *Mà đời* = Bỏ mạng, chết.

[24] *Mặt mo* – Khi có kẻ làm việc gì bậy bạ xấu lắm, người ta thường nói “rõ thật là đeo *mo* vào *mặt*” ý nói phải đeo mo kín mặt để cho người ta khỏi phỉ nhổ vào mặt. Kẻ làm việc xấu như Sở Khanh mà không biết xấu hổ, bị người ta gọi là *đưa mặt mo* thì thật quá đúng và đặc địa vô cùng.

[25] *Phao cho* = Thả lời nói cho ai cũng biết.

[26] *Thị hùng* = Cây thế khỏe mạnh.

[27] *Phỉnh* = Tán tụng, khen ngợi người ta cho người ta tin yêu mình rồi tìm cách lừa người lấy lợi vào mình. Chữ *phỉnh* này ý nói đến những lời Sở Khanh khen Kiều sắc nước hương trời, Hằng Nga trong cung Dao Đài, tiên từ trên cung mây. Nó tả rất rõ ý Kiều trách mắng Sở Khanh là thâm độc đều giả lừa nàng. Chữ *phỉnh* đặt vào đây rất hay, rất xác đáng, và bản Nôm viết hản hoi là [𠵹] (= khâu [口] bên bình [秉]), mà sao các bản quốc ngữ đều in là “đem” làm mất cả ý hay ?

[28] *Đẩy xuống giếng thoi* – Giếng thoi miệng hẹp và rất sâu, quanh năm có nước mạch. Sách Mạnh tử có câu [推人入井而下之 = thôi nhân nhập tỉnh nhi hạ chi thạch = đẩy người xuống giếng rồi quăng đá xuống]. Câu Kiều này lấy điển từ câu ấy.

[29] *Lời ngay* = Lời nói thẳng thắn.

[30] *Án* [案] là tội kết về việc gì. Đây tức là tội kết về tội Sở Khanh phụ tình Kiều lừa Kiều.

[31] *Nhờ tuồng ý* nói là Sở Khanh tự thấy mình nhờ nhuốc. *Tháo lui* = Vội vàng rút lui ra ngoài.

[32] *Trong giá* = Nước đóng thành băng tuyết = (Tâm thân) trong sạch như băng tuyết.

[33] *Trắng ngần* – *Ngần* là bạc, do chữ ngân [銀] đọc trạnh ra. *Trắng ngần* = Trắng đẹp như màu bạc.

[34] *Hồng nhan phải giống ở đời mãi ru* – Câu này lấy từ ý nghĩa câu [自古紅顏多落命 = tự cổ hồng nhan đa bạc mệnh = từ xưa khách hồng nhan hay xấu số] và nghĩa là : Phải chăng khách hồng nhan là cái giống trời sinh ra để chịu cái kiếp cực khổ ở đời ?

[35] *Bình đã vỡ rồi* – Câu này nghĩa là cái số kiếp mình trời đã bắt phải khổ nhục rồi, thì còn tiếc làm gì nữa. Lấy ý từ câu truyện : Hai người cùng đi đường, người đi trước quảy cái chõ ở sau lưng, bỗng chõ rơi vỡ. Người đi sau hỏi : Chõ anh rơi vỡ rồi, anh có biết không mà không thấy anh ngoảnh lại ? Người kia đáp : Chõ vỡ rồi còn để ý đến làm gì mà ngoảnh lại ? Người bạn phục là đạt lý, biết vui yên phận. Nhiều bản Kiều chỉ biết giải nghĩa nông cạn câu này là : Kiều đã bị Mã, Sở phá hoại đời rồi – tôi e mất ý nghĩa Kiều biết đành yên theo số phận.

[36] *Nguyệt ánh gương trong* – Nghĩa bóng sau này là khi Kiều đã bình phục hẳn, mặt mày tươi đẹp sáng sủa như mặt trăng đã hết mây ám lại sáng, như gương đã lau hết bụi lại trong.

[37] *Liều thân thì cũng phải liều thế thôi* – Câu này lời rất gọn gàng thanh thoát, mà đã nói được đủ nghĩa thô tục, lại tả rõ được ý phát khùng khinh rẻ của Kiều, như nói : Đã làm nghề này, thì liều thân chiều ai cũng chỉ có liều thân một mực đến thế là cùng, chứ còn gì nữa mà bà khệnh khạng nói là “cũng lắm công phu, phải học cho biết đủ điều.”

[38] *Quở* = Quát mắng một cách oai nghiêm. (Xem lời đính chính câu 1205 trên này).

[39] *Nỗi đêm* hàm ý các cách tiếp khách ban đêm, tức là tám nghề “vành trong.” *Nỗi ngày* hàm ý các cách đối đãi khách ban ngày, tức là 7 chữ “vành ngoài” ở lời giải 40 dưới đây.

[40] *Vành ngoài bảy chữ* = Cách dùng bên ngoài để làm cho khách phải quynh luyện không bỏ được mình, đó là những chữ :

1. *Khấp* [泣] = khóc sùi sụt (làm cho khách sinh lòng thương mến).
2. *Tiền* [剪] = cắt (cắt tóc để tặng và thề với khách).
3. *Thích* [刺] = trích (lấy mực trích lên khách vào vành tay).
4. *Thiêu* [燒] = đốt (đốt hương để thề sẽ lấy khách).
5. *Giá* [嫁] = lấy chồng (hẹn hò sẽ kết duyên làm vợ khách).
6. *Tẩu* [走] = chạy (hẹn sẽ trốn chạy theo khách).
7. *Tử* [死] = Chết (làm bộ tự tử vì tình với khách).

[41] *Vành trong tám nghề* = Tám cách tiếp khách ở trong phòng. Vì tục quá không thể kể rõ được, chỉ kể qua đại khái là phải tùy sức vóc, tùy lực lượng, tùy sở thích mà khéo lựa cách làm cho khách thật thỏa mãn dục tình.

[42] *Cho lăn lóc đá cho mê mẩn đời* = Làm cho tượng đá cũng phải lăn lóc vì tình, người sống cũng phải mê mẩn như tượng đá.

[43] *Khi khoe hạnh, khi nét ngài* – *Khi khoe hạnh* = Khi noãn miệng cười nụ cho đẹp như miệng quả hạnh đào chín nứt, để quynh rủ khách phải say sưa ngấm. *Khi nét ngài* = Khi thì sẽ nhú đôi lông mày cho thật duyên dáng, rồi sẽ đưa cặp mắt liếc một cách rất tình tứ để đưa tình riêng cho một khách, tỏ ra như mình yêu hẳn ta hơn cả mọi người.

[44] *Làng soi* = Loại làng chơi đủ mọi kiểu cách, đáng làm gương cho cả giới làng chơi bắt chước.

[45] *Vâng dạy* = Kính vâng nghe lời dạy. Tác giả đặt chữ *vâng dạy* ở đây thật là một lời “đoạn trường” để than thở cho Kiều, một cô gái tâm hồn thanh cao như thế mà phải “vâng” nghe những lời “dạy” bản thiú như thế!

[46] *Dường chau nét nguyệt, dường phai vẻ hồng – Nét nguyệt* = Đôi lông mày cong như hình mặt trăng lưỡi liềm. Câu này tả lòng Kiều đau đớn hiện ra ngoài mặt – đôi lông mày đẹp muốn như cau có lại, đôi má đương hồng hào phải xanh tái đi.

[47] *Xót mình cửa các phòng khuê* = Mình thương mình là con gái nhà khuê các lịch sự. Chữ “các” câu này các bản nôm đều dịch là “gác cho dễ đọc, thành ra tối nghĩa, xa với ý con nhà khuê các.

Diễn ra văn xuôi

Câu 1129, 1130 = Ông trời trẻ con kia sao lại nở lòng đày đọa làm khổ người con gái trẻ đẹp này quá lắm như vậy để làm gì ?

Câu 1131, 1132 = Một đoàn một lũ nó ào ào đổ đến vây trước vây sau. Nàng làm gì có vuốt mà bói hang chui xuống đất, làm gì có cánh mà bay thẳng lên trời trốn được ?

Câu 1133, 1134 = Tú Bà chạy một mạch đến nơi, mặt hầm hầm túm lấy nàng, một mạch lôi về nhà.

Câu 1135, 1136 = Mụ hung hăng chẳng thềm hỏi, chẳng thềm trả lời nào, cứ việc đánh đập toi bời chẳng tiếc tay.

Câu 1137, 1138 = Ai là người mà thịt da bị đánh toi bời thâm tím như thế mà lại chẳng đau !

Câu 1139, 1140 = Nàng đau quá, phải hét lòi thú tội và van lạy thảm thiết. Khi uốn lưng xuống để lạy thì khớp xương nổ kêu răng rắc, khi cất đầu lên để lạy nữa, thì từ mặt máu muốn rơi xuống.

Câu 1141, 1142 = Nàng kêu van : Tôi là chút phận hèn mọn, lia cửa nhà quê quán đến nơi xa lạ này.

Câu 1143, 1144 = Bây giờ sống chết ở trong tay bà. Thân này đã đến thế này thì thôi còn nói gì nữa !

Câu 1145, 1146 = Cứ những riêng phần tôi thì chẳng đáng sá kể làm gì, chết cũng chẳng đáng tiếc ; chỉ nỗi tôi chết đã đành, nhưng còn số tiền vốn của bà thì sao ? Bà không tiếc của à ? (Lời Kiều van nài đánh trúng tâm lý của mẹ bọm già này – mẹ sợ nhất là nàng chết thì thiệt to).

Câu 1147, 1148 = Tôi nay biết phận tôi lắm rồi, làm thân con lươn không quản gì lắm đâu nữa. Trước tôi trót dại giữ lòng trinh bạch, từ nay về sau tôi xin chừa, không dám trinh bạch nữa. (Câu này thật là một lời đoạn trường. Tâm lòng trinh bạch của nàng cao quý bao nhiêu, mà vì đòn đau phải xin bỏ, thật thê thảm quá cho tình cảnh kẻ yếu).

Câu 1149, 1150 = Thấy Kiều hàng phục như thế, Tú Bà liền thừa cơ ngay, bắt người đứng ra làm bảo lĩnh và bắt Kiều làm tờ cung chiêu thú nhận tội lỗi và cam đoan sẽ tiếp khách.

Câu 1151, 1152 = Trong bọn chị em thanh lâu có ả Mã Kiều thấy tình cảnh Kiều đáng xót thương, mới đánh liều ra đứng làm người bảo lĩnh, xin nhận sẽ bắt nàng làm đúng như lời nàng cam đoan, nếu không được thì xin chịu tội.

Câu 1153, 1154 = Bây giờ mẹ mới càng kể mọi lẽ bắt phải làm thế nọ, phải làm thế kia, rất nghiêm ngặt, rào trước đón sau rất là kín kẽ, hết sức cay nghiệt, rồi mới tha đòn cho nàng và giao cho Mã Kiều bảo lĩnh.

Câu 1155, 1156 = Mã Kiều vục nàng vào nghỉ trong nhà, rồi lại nhỏ lời khuyên răn và dặn dò nàng rằng :

Câu 1157, 1158 = Đã trót mắc lừa rồi thì thôi, chớ có lời thôi gì nữa ! Đi đâu mà cô chẳng biết cái tên Sở Khanh là một kẻ mặt người dạ thú đó !

Câu 1159, 1160 = Nó đã nổi tiếng là một đứa phụ tình ở chốn lầu xanh, một tay nó đã lừa đảo làm khổ hại nhiều gái đẹp như cảnh hoa phù dung mà chôn vùi người ta xuống nơi bùn ô ứ.

Câu 1161, 1162 = Tụi nó đã giàn xếp với nhau, dùng mưu tham hiểm để mà lừa cô; xưa nay tụi chúng vẫn là một cột một đồng với nhau như thế mà.

Câu 1163, 1164 = Nó đã được Tú Bà trao tận tay 30 lạng bạc để làm việc này đó, chứ không ra thì đâu bỗng dung lại có những truyện này trò kia để lừa cô như thế.

Câu 1165, 1166 = Nó phỉnh phờ ngon ngọt lừa người rồi nó lại trở mặt ngay không ngại gì cả. Vậy tôi bảo thật cô nghe, cô phải bớt mồm bớt miệng, chớ có lời kia tiếng nọ lời thôi với nó nữa. Cô phải nhịn đi, chớ giây đến nó mà có khi bỏ đời đó.

Câu 1167, 1168 = Kiều có ý không tin lời bạn, đáp lại : Hấn quả quyết nặng lời thề với tôi như thế, có lẽ đâu lại là người hiểm sâu tráo trở thế được ?

Câu 1169, 1170 = Trong khi Kiều còn đang suy trước nghĩ sau, thì bỗng thấy cái “mặt mo” ấy ở đâu dẫn vào, lừ lừ ra mặt là người trên hồng hách.

Câu 1171, 1174 = Sở Khanh ra bộ tức giận rêu rao : Thật lạ ! Tao nghe có con nào ở đây dám ra tiếng xấu vu cho tao là đã quyến rũ nó đi trốn ! Con ấy đâu ? Lại đây mà nhìn ra mặt tao, xem có biết mặt này là ai không ?

Câu 1175, 1176 = Kiều có ý vừa sợ vừa khinh, mỉa mai nói : Thôi thế thì thôi ! Tôi còn muốn nói gì nữa ! Ông bảo rằng ông không quyến rũ, thì tôi cũng xin vâng lời nhận rằng ông không quyến rũ tôi !

Câu 1177, 1178 = Sở Khanh thấy nàng có ý khinh mỉa mình quá, liền quát mắng nổi giận ùng ùng, bước sấn vào toan cạy thế hùng hổ đánh nàng.

Câu 1179, 1180 = Nàng ngửa mặt lên trời kêu rằng : Trời ơi ! Trời có biết không ? Ai là kẻ đã quyến rũ tôi đi trốn để tôi phải khổ nhục thế này ?

Câu 1181, 1182 = Đã khéo đưa lời người ta để lừa người ta đến bờ giếng thơi rồi đẩy người ta xuống, rồi nói đó, trời đó, nuốt lời ngay được !

Câu 1183, 1184 = Nhưng bảo cho mà biết : Chưa trối nổi được đâu ! Còn tờ “tích việt” trong tay này làm chứng đây ! Tôi nhìn rõ mặt ông lắm rồi, rõ ràng cái mặt hôm ấy là cái mặt này, chứ còn mặt ai nữa.

Câu 1185, 1186 = Lời ngay lẽ thẳng của nàng nói giữa đám đông người trong nhà ngoài cửa, ai nghe cũng phi nhỏ chê cười Sở Khanh là đồ bất nghĩa, bất nhân.

Câu 1187, 1188 = Tội án phụ tình này đã rành rõ hẵn hoi, Sở Khanh thấy mặt mình trơ trẽn, rõ ra đồ xấu xa như nhuốc, hẵn mới tìm đường tháo lui ngay, không dám lồi thòi gì nữa.

Câu 1189, 1190 = Khi một mình ở trong buồng riêng, Kiều chỉ những sụt sùi khóc ngấm một mình, nàng nghĩ đến thân nàng mà lại ngậm ngùi cực cội, mình những thương mình.

Câu 1191, 1192 = Ta rất tiếc tấm thân trong như băng, trắng như bạc của ta thế này, mà đến nỗi gặp bước phong trần cũng phải chịu kiếp phong trần như nhuốc như kẻ khác.

Câu 1193, 1194 = Ôi ! Cũng là một kiếp người, sao mình thì buồn tẻ thế, mà người ta thì vui vẻ thế ? Phải chăng khách hồng nhan là cái giống trời sinh ra để chịu kiếp bạc mệnh mãi thế ru ?

Câu 1195, 1196 = Thôi cũng đành chịu vậy ! Kiếp xưa ta đã vụng tu, thì thế nào kiếp này ta cũng phải đền tội lại mới xong xuôi được.

Câu 1197, 1198 = Dẫu sao nữa số trời đã định, đã trót lỡ làng rồi, thì đành đem thân mà trả nợ đời cho xong đi vậy.

Câu 1199, 1200 = Sau khi Kiều đã bình phục hẳn – mặt lại tươi đẹp như trăng sáng hết mây, gương trong sạch bụi – Tú Bà ghé lại buồng Kiều thông dong chẳng ngượng miệng dặn dò dạy Kiều về nghề gái lầu xanh.

Câu 1201, 1202 = Mụ nói : Nghề chơi cũng lắm công phu, chứ không dễ đâu. Vậy đã là gái làng chơi, thì phải biết cho đủ điều trong nghề này.

Câu 1203, 1204 = Mụ vừa mới nói được mấy câu, thì Kiều như có ý phát khùng khinh rẻ, gạt lời mụ mà nói : Tôi tưởng trong những cuộc dật diu mưa gió đó, chỉ có cách liều thân như thế là cùng, chứ còn có gì nữa mà phải học mất lắm công phu !

Câu 1205, 1206 = Mụ thấy nàng có ý khùng bướng coi rẻ lời dạy, mụ liền quở ngay để đe dọa cho nàng phải để ý đến lời mụ dạy. Mụ quở : Chớ nói thế, không được ! Nếu mình tiếp ai cũng như ai một cách như thế, thì ai người ta đến đây làm gì cho hoài tiền của !

Câu 1207, 1208 = Trong nghề này còn lắm điều hay cần phải học mới biết, đại khái như ban đêm thì có những nỗi khó là phải tùy khách mà khi khép chặt, khi mở rộng, cho ai cũng vừa, cũng thỏa. Ban ngày thì có những nỗi khó là phải rất khéo đối đãi với khách sao cho chung mà hóa ra riêng, riêng mà hóa ra chung, để cho ai cũng tưởng là mình được đặc biệt để ý yêu riêng, mà sinh lòng đắm say quyến luyến.

Câu 1209, 1210 = Ngày đây muốn làm trôi chảy những nỗi khó khăn ấy, thì con phải học thuộc vào lòng lấy 7 chữ này để làm phép tiếp khách ban ngày ở vảnh ngoài, và 8 nghề này để làm cách tiếp khách ban đêm ở trong buồng.

Câu 1211, 1212 = Rồi mụ không ngượng mồm chút nào mà kể rõ cho Kiều nghe 7 chữ là những chữ gì và cách thi hành từng chữ thế nào, 8 nghề là những nghề nào và cách thi hành những nghề đó như thế nào. Mụ tiếp tục nói : Ta phải thả cửa mà chơi cho liễu phải chán, cho hoa phải chê, cho tượng đá cũng phải lăn lóc vì tình, cho đời người sống cũng phải mê mẩn như chết vì tình.

Câu 1213, 1214 = Ngoài 7 chữ và 8 nghề ấy ra, lại còn khi thì hé môi cười nụ cho thật đẹp thật tình, khi thì sẽ nhíu mày liếc mắt đưa tình cho ý nhị quyến rũ, khi thì ngậm vịnh thơ từ dưới bóng trăng, khi thì cười cợt tươi vui trước cảnh hoa để tỏ tình với khách.

Câu 1215, 1216 = Đó đều là những điều cốt yếu trong nghề nghiệp nhà này. Con phải học tập cho đầy đủ những nét mảnh khéo ấy, mới là một tay làng chơi đáng làm gương mẫu.

Câu 1217, 1218 = Nàng phải cúi đầu kính cẩn ngồi im mà bấm bụng vâng nghe những lời mụ dạy từ đầu chí cuối, lòng thật nhục nhã, không ngăn được cau có đôi lông mày đẹp như trăng cánh cung, phai tái đôi má hồng hoa đào.

Câu 1219, 1220 = Nàng nghĩ : Chỉ nghe nói mà đã thẹn thùng rồi, lại phải làm theo nữa thì đáng hổ thẹn đến đâu ! Ôi, đời sao lắm nỗi lạ lùng quái gở khắt khe như thế này ?

Câu 1221, 1222 = Nghĩ thật đáng thương tiếc cho mình là con nhà khuê các thanh tao như thế mà lại phải vỡ lòng học cái nghề khôn nạn quái gở này !

Câu 1223, 1224 = Rõ thật là mặt dạn mày dày ! Kiếp người mà đã phải nhor nhuốc đến thế này thì thôi, thật là sống cũng như chết rồi !

Câu 1225, 1226 = Thật đáng thương cho thân phận lạc loài của ta ! Dù sao nữa, đã lọt vào tay mụ này, thì dầu cực nhọc thế nào cũng đành chịu, tránh làm sao được !

Những câu có ý móc nối và những chữ có ý mỉa mai than thở

Câu Kiều van Tú Bà *Phận tôi dành vậy, vốn người để đâu ?* ứng với câu Tú Bà dỗ Kiều *Người còn thì của hãy còn*. Thật là Kiều hiểu tâm lý mụ đầu – mụ sợ nhất là “cây tiên” đổ.

Câu Kiều chỉ vào mặt Sở Khanh mà nói *Rõ ràng mặt ấy mặt này chứ ai* ứng với câu Sở Khanh lúc mới vác mặt vào nói *Hãy xem cho biết mặt này là ai*. Nàng lý thẳng nên khi mạnh dám nói bốp chát vào mặt Sở, quên cả lời Mã Kiều khuyên răn *Bớt lời, liệu chớ trây chi mà đời*. Lời thẳng mạnh đó đã khiến Sở hết chối tội.

Câu *Nhor tuồng nghĩ mới kiếm đường tháo lui* (tả Sở Khanh xấu hổ cảm mặt rút lui) ứng với câu *Sở Khanh lên tiếng rêu rao / nọ nghe rằng có con nào ở đây* (tả Sở Khanh ra dáng nghênh ngang oai vệ – lúc mới vào ngừng mặt mo lên thét, rồi khi bị phi nhổ thì cúi gằm mặt mà lẩn cho nhanh).

Câu Kiều nói *Liều thân thì cũng phải liều thế thôi* mĩa mai ứng lại với câu *Nghề chơi cũng lắm công phu* của Tú Bà.

Chữ “có” ở câu Kiều nói *Có đâu mà lại ra người hiểm sâu ?* vừa tỏ ý ngờ vực để móc nối với mấy câu Mã Kiều bảo Sở Khanh là đứa “phụ tình giở mặt nổi tiếng ở lầu xanh” ở trên, lại vừa móc nối làm nổi bật ý mấy câu sau tả cử chỉ hống hách lật lọng của Sở Khanh, làm cho Kiều tỉnh ngộ biết là ả Mã nói thật.

Câu Sở Khanh ra oai nói *Hãy xem cho biết mặt này là ai ?* khéo đặt, thành ra có hai nghĩa : (1) có ý chối tội “Nó hãy ra xem cho rõ, có phải mặt này đã quyến rũ nó không ?” (2) có ý dọa nạt “Nó hãy ra đây cho biết mặt này là ai mà dám coi thường!” Theo ý nghĩa trên thì câu này móc nối với câu vu trên *Phao cho quyến gió rủ mây*. Theo ý nghĩa dưới thì câu này móc nối với ý vừa sợ hãi vừa khinh mĩa ở câu Kiều nói sau *Nàng rằng thôi thế thì thôi / rằng không thì cũng vâng lời rằng không !*

Trong đoạn này có mấy câu và mấy chữ tác giả dùng để tỏ ý đau thương than thở cho cuộc đời. Câu *Phận tôi đành vậy, vốn người để đâu ?* và nhất là câu *Trót lòng trinh bạch từ sau cũng chừa*, ai đọc đến mà không thương cảm cho Kiều ! Câu trên, Kiều biết là đối với quân tham tàn, không thể đem nhân đạo mà kêu xin nó tha mình được, chỉ có đem tiền của làm mồi mới cảm được lòng nó, nên đành bỏ rẻ thân mình đi, mà nhắc đến số tiền vốn của mẹ. Lại vì đòn đau mà phải dâng bấc mụ lên bậc thánh thần, mà gọi nó là “người” thì thật là lúc đoạn trường trong cuộc đời bất hạnh.

Tác giả Truyện Kiều đã dùng từ ngữ “mặt mo” để mĩa mai những kẻ mặt dày mày dạn làm bậy mà không biết hổ thẹn là gì như hạng Sở Khanh. Thành ngữ “thong dong” dùng một cách tài tình trong câu *Tú Bà ghé lại thong dong dặn dò* để mĩa mai những kẻ nói điều đều cáng mà không thẹn mồm. Và hai chữ “vâng dạy” sử dụng trong câu *Cúi đầu vâng dạy mấy lời* thực là khéo chọn để tác giả than thở cho một người con gái tài sắc vẹn toàn gặp cơn thất thế, phải đau lòng mà kính cẩn vâng lời dạy bảo của một mụ bất lương tột bực.

CHƯƠNG 15

CÂU 1227 ĐẾN CÂU 1370

“Lầu xanh vui gượng, phận bạc lo xa”

1227. Lầu xanh, mới rủ trướng đào,
Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người. [1]
1229. Biết bao bướm lả, ong lơ,
Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.
1231. Dập dìu lá gió, cành chim, [2]
Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Tràng Khanh. [3]
1233. Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
Giật mình, mình lại thương mình xót xa.
1235. Khi sao phong gấm rủ là, [4]
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường?
1237. Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán, ong chường bấy thân?
1239. Mặc người mưa Sở, mây Tần, [5]
Những mình nào biết có xuân là gì!
1241. Đòi phen gió tựa, hoa kê, [6]
Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu.
1243. Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ!
1245. Đòi phen nét vẽ, câu thơ, [7]
Cung cầm dưới nguyệt, nước cờ trong hoa,
1247. Vui là vui gượng kéo là,
Ai tri âm đó, mặn mà với ai?
1249. Thờ ơ gió trúc, mưa mai, [8]
Ngẩn ngơ trăm nỗi, giùi mài một thân.
1251. Nỗi lòng đòi đoạ xa gần, [9]

Chẳng vò mà rói, chẳng dần mà đau!
1253. Nhớ ơn chín chữ cao sâu, [10]
Một ngày một ngả bóng dâu tà tà. [11]
1255. Dặm ngàn, nước thăm, non xa,
Nghĩ đâu thân phận con ra thế này!
1257. Sân hòe đôi chút thơ ngây [12]
Trân cam, ai kẻ đỡ thay việc mình? [13]
1259. Nhớ lời nguyện ước ba sinh,
Xa xôi ai có thấu tình chẳng ai?
1261. Khi về hỏi liễu Chương đài, [14]
Cảnh xuân đã bẻ cho người chuyên tay.
1263. Tình sâu mong trả nghĩa dày,
Hoa kia đã chấp cành này cho chưa?
1265. Mối tình đòi đoạn vò tơ,
Giác hương quan lưỡng lãn mơ canh dài. [15]
1267. Song sa vò võ phương trời, [16]
Nay hoàng hôn, đã lại mai hôn hoàng. [17]
1269. Lân lân thỏ bạc ác vàng, [18]
Xót người trong hội đoạn tràng đòi con!
1271. Đã cho lấy chữ hồng nhan,
Làm cho, cho hại, cho tàn, cho cân!
1273. Đã đày vào kiếp phong trần,
Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi!
1275. Khách du bằng có một người, [19]
Kỳ Tâm họ Thúc cũng nòi thư hương. [20]
1277. Vốn người huyện Tích, châu Thường, [21]
Theo nghiêm đường mở ngôi hàng Lâm Truy. [22]
1279. Hoa khô mộ tiếng Kiều nhi,
Thiếp hồng tìm đến hương khuê gửi vào. [23]
1281. Trưởng tô giáp mặt hoa đào, [24]
Về nào chẳng mặn, nét nào chẳng ưa?

1283. Hải đường môn mở cảnh tơ,
Ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng. [25]

1285. Nguyệt hoa, hoa nguyệt nảo nùng,
Đêm xuân ai dễ cảm lòng được chằng?

1287. Lạ gì thanh khí lẽ hằng, [26]
Một dây một buộc ai giảng cho ra.

1289. Sớm đào tối mạn lân la, [27]
Trước còn trăng gió sau ra đá vàng.

1291. Dịp đâu may mắn lạ đường,
Lại vừa gặp khoảng xuân đường lại quê.

1293. Sinh càng một tỉnh mười mê, [28]
Ngày xuân lắm lúc quên về với xuân. [29]

1295. Khi gió gác, khi trăng sân,
Bầu tiên chúc rượu, câu thần nổi thơ. [30]

1297. Khi hương sớm, khi trà trưa,
Bàn vây điểm nước, đường tơ họa đàn. [31]

1299. Miệt mài trong cuộc truy hoan, [32]
Càng quen thuộc nét càng dan díu tình.

1301. Lạ cho cái sóng khuynh thành, [33]
Làm cho đồ quán xiêu đình như chơi.

1303. Thúc sinh quen thói bốc giời, [34]
Trăm nghìn đồ một trận cười như không.

1305. Mụ càng tô lục chuốt hồng,
Máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê. [35]

1307. Dưới trăng quyên đã gọi hè, [36]
Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông. [37]

1309. Buồng the phải buổi thông dong, [38]
Thang lan rú bức trướng hồng tẩm hoa. [39]

1311. Rõ màu trong ngọc trắng ngà!
Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên. [40]

1313. Sinh càng tỏ nét càng khen,

Ngủ tình tay thảo một thiên luật Đường. [41]

1315. Nàng rằng: “Vâng biết ý chàng.

Lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu. [42]

1317. Hay, hèn, lẽ cũng nói điếu, [43]

Nổi quê nghĩ một hai điều ngang ngang.

1319. Lòng còn gửi áng mây Hàng, [44]

Họa vẫn xin hãy chịu chàng hôm nay.” [45]

1321. Rằng: “Sao nói lạ lòng thay!

Cành kia chẳng phải cỗi này mà ra?”

1323. Nàng càng ủ dột thu ba, [46]

Đoạn trường lúc ấy nghĩ mà buồn tênh:

1325. “Thiếp như hoa đã lìa cành,

Chàng như con bướm lượn vành mà chơi.

1327. Chúa xuân đành đã có nơi, [47]

Vấn ngày thôi chớ dài lời làm chi.”

1329. Sinh rằng: “Từ thuở tương tri,

Tấm riêng riêng những nặng vì nước non. [48]

1331. Trăm năm tính cuộc vuông tròn,

Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông.”

1333. Nàng rằng: “Muôn đời ơn lòng,

Chút e bên thú bên tông dễ đâu. [49]

1335. Bình Khang nấn ná bấy lâu, [50]

Yêu hoa yêu được một màu điểm trang.

1337. Rồi ra lạt phấn phai hương, [51]

Lòng kia giữ được thường thường mãi chẳng?

1339. Và trong thềm quế cung trăng, [52]

Chủ trương đành đã chị Hằng ở trong.

1341. Bấy lâu khăng khít dải đồng, [53]

Thêm người, người cũng chia lòng riêng tây.

1343. Vẽ chi chút phận bèo mây, [54]

Làm cho bể ái khi đầy khi vơi. [55]

1345. Trăm điều ngang ngửa vì tôi, [56]
Thân sau ai chịu tội trời ấy cho? [57]
1347. Như chàng có vững tay co, [58]
Mười phần cũng đắp điểm cho một vài.
1349. Thế trong dầu lớn hơn ngoài, [59]
Trước hàm sư tử, gửi người đằng la. [60]
1351. Cúi đầu luôn xuống mái nhà, [61]
Giám chua lại tội bằng ba lửa nòng. [62]
1353. Vả trên còn có nhà thông, [63]
Lượng trên trông xuống, biết lòng có thương?
1355. Sá chi liễu ngô hoa tường? [64]
Lầu xanh lại phó ra phường lầu xanh. [65]
1357. Lại càng dơ đáng, đại hình,
Đành thân phận thiếp, ngại danh giá chàng.
1359. Thương sao cho vẹn thì thương,
Tính sao cho vẹn mọi đường thì vâng.”
1361. Sinh rằng: “Hay nói đê chừng! [66]
Lòng đây lòng đáy chưa từng hay sao?
1363. Đường xa chó ngại Ngô Lào, [67]
Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.
1365. Đã gần chi có điều xa?
Đá vàng đã quyết, phong ba cũng liều.” [68]
1367. Cùng nhau căn vặn đến điều,
Chi non thè bẻ nặng gieo đến lời.
1369. Nỉ non đêm ngắn tình dài,
Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương.

Đính chính và xác định

Câu 1246 – *Cung cầm dưới nguyệt nước cờ trong hoa*. Có bản Kiều in là *Cung cầm trong nguyệt nước cờ* “*dưới*” *hoa* e không hợp nghĩa: gảy đàn ở trong trăng thế nào được, phải gảy đàn dưới bóng trăng, đánh cờ ở trong vườn hoa mới hợp nghĩa.

Câu 1282 – *Vẻ nào chẳng mặt, nét nào chẳng ưa* – Chữ *nét* [澁] (niết) câu này nhiều bản Kiều dịch là “*nét*” e không hợp lý, vì Thúc mới gặp Kiều biết thế nào được các “*nét*” Kiều. Nét đây là hình dáng mày mặt, hình thể như nét vẽ, cũng như chữ nét ở câu “*Sinh càng tỏ nét càng khen*” ở câu 1313.

Câu 1294 – *Ngày xuân lắm lúc quên về với xuân* nghĩa là vì say sưa cuộc xuân mà quên cả ngày, coi ngày cũng như đêm, đêm đêm liền nhau. Câu này lấy ý câu trong bài Trường Hận Ca: [春日春遊夜轉夜 = Xuân nhật xuân du dạ chuyển dạ = Ngày xuân chơi xuân như đêm nọ liền với đêm kia]. Nhiều bản Kiều in là *Ngày xuân lắm lúc “đi” về với xuân* thật không hiểu nghĩa là gì.

Câu 1303 – *Thúc sinh quen thói bốc giời* – *Bốc giời* là tăng bốc người ta cao lên như đến trời, để rồi cầu lợi với người ta. Thúc sinh quen thói bốc giời nghĩa là Thúc Sinh bị Tú Bà phỉnh bốc mãi nên quen đi, tưởng mình tài giỏi cao cả như trời, thành tính ngông đời ra tay hào phóng vút của không tiếc. Người Bắc kỳ gọi lối cười để phỉnh bốc nhau là “*cười bốc giời*”; ví dụ nói: “*Anh này chỉ cười bốc giời là khéo thôi!*” Vì tiếng “*giời*” dễ lẫn với tiếng “*rời*” nên các bản Kiều đều in làm *giời* [羸] (hội ý gồm thiên [天] trên thượng [上] ra rời [涖] (Hán đọc là “*lai*” giả tá thành “*rời*”) và giải nghĩa câu này một cách nực cười là: Thúc Sinh quen thói “*bốc tiền rời*” cho Kiều. Ôi, giảng thế rõ thật vô lý, vô nghĩa, mất hết vẻ hay đẹp Truyện Kiều!

Câu 1310 – *Thang lan rủ bức trướng hồng tắm hoa* – *Thang lan* là nước nấu cây trạch lan để tắm trừ ghẻ lở. Cây trạch lan [澤蘭] là loài thảo, tiếng Bắc gọi là cây màn tưới, lá giống lá đào nhưng răng cưa to hơn, thân mềm có nhiều đốt. Lá trạch lan có mùi thơm ăn được. Tục Tàu trước mùa 5 tháng 5 vẫn nấu nước trạch lan để tắm trừ ghẻ lở. Chữ “*hoa*” câu này nghĩa là thân thể đẹp đẽ của con gái, nhất là của kỹ nữ. Nhiều bản Kiều dịch làm chữ “*tắm*” ra “*tắm*.” (Xem lời chú giải số 39 ở dưới).

Câu 1319 – *Lòng còn gửi đám mây Hàng* = Đám mây ở trên dãy núi Thái Hàng. Ông Dịch Nhân Kiệt đời Đường đi làm quan xa nhớ bố mẹ, khi trông thấy đám mây kia ở trên núi Thái Hàng [太行] ông thường chỉ đám mây đó mà nói “Cha mẹ ta ở dưới đám mây kia đó.” “Lòng còn gửi áng (hay đám) mây Hàng” hàm ý “Lòng tôi còn rối bời vì nhớ cha mẹ, nên không họa được thơ chàng.” Nhiều bản in “mây Hàng” ra “mây vàng” và giảng là lấy điển ở câu thơ cổ [天上黃雲影遊子何時歸 = Thiên thượng hoàng vân ảnh, du tử hà thì quy = Trên trời có bóng mây vàng, kẻ đi xa bao giờ về?] Đỗi và giảng như thế thật sai lầm trái nghĩa, vì câu thơ này nói người ở nhà nhớ người đi xa. Cả bản Kiều của hai ông Kim, Kỳ cũng in là “mây vàng,” lạ thật.

Câu 1337 – *Rời ra lạt phấn phai hương* – Câu này là lời Kiều nói: “Tôi e chàng chỉ yêu tôi về phần vật chất trang điểm, rồi khi chàng đã chán tôi rồi, thì dầu tôi đánh phấn khéo thế nào chàng cũng cho là nhạt nhẽo chẳng đẹp, dầu tôi bôi nước hoa thế nào, chàng cũng thấy thoảng không, chẳng thơm nữa.” Có bản đỗi chữ “lạt phấn” ra “lỡ phấn” tức là tuổi già da khô nhăn nheo bôi phấn không ăn nữa. Đỗi như thế thật lầm, vì “lạt phấn phai hương” là lỗi ở Thúc Sinh chóng chán Kiều. Còn nếu ở với nhau đến lúc tuổi già đã “lỡ phấn” rồi thì sao nữ bỏ nhau nữa?

Câu 1342 – *Thêm người, người cũng thêm lòng riêng tây* – Câu này ý nói: “Từ trước đến nay, vợ chồng chàng vẫn một lòng một dạ với nhau. Bây giờ chàng lấy thêm tôi về, chắc vợ chồng chàng lại mỗi người thêm một dạ riêng tây nữa.” Hai chữ “thêm” và “cũng thêm” đi với nhau nghe thật trôi chảy, thật hay, thật khấn thiết với nhau. Những bản đỗi chữ “cũng thêm” ra “cũng chia” thì lời câu văn đã rời rạc yếu đi, mà lại hóa thừa chữ “chia” vì riêng tây là chia rồi.

Câu 1356 – *Lầu xanh lại phó ra phường lầu xanh* – Chữ “phó” nghĩa là đuổi về, trả lại có ý theo luật pháp. Có bản đỗi chữ “phó” ra “bỏ” gần như vô nghĩa. Câu 1420 “Hai là lại cứ lầu xanh phó về” để tỏ lời nàng lo trước không sai.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Phẩm người* – Chữ Hán là nhân phẩm [人品] = Giá trị của người theo giai cấp về phần tài năng, đạo đức; đây thì theo tài sắc.

[2] *Lá gió cành chim* – Nàng Tiết Đào [薛濤] đời Đường có tài làm thơ. Năm mới lên 7 tuổi, một hôm thấy cha làm thơ vịnh cây liễu ở trước nhà, mới viết được hai câu, nàng liền viết tiếp theo hộ cha hai câu sau là [枝迎南北鳥葉送往來風 = Chi nghinh nam bắc điều, diệp tống vãng lai phong = Cành đón chim nam bắc, lá đưa gió lại qua]. Ông bố thấy hai câu thơ nàng viết vậy, biết cuộc đời con sau này sẽ không ra gì. Sau quả nhiên, cha chết sớm, mẹ con lưu lạc, nàng bán mình làm kỹ nữ trong giáo phường của một vị quan to sống một cuộc đời sa đọa. Tác giả dùng điển này để tả cảnh đời thanh lâu của Kiều thật đúng.

[3] *Tổng Ngọc, Tràng Khanh* – Tổng Ngọc người nước Sở đời Chiến Quốc, Tràng Khanh là Tư Mã Tương Như. Hai người đều rất đẹp trai và rất tài hoa, làm nhiều gái mê say.

[4] *Phong gấm rù là* = Giữ gìn thân thể một cách quý trọng cẩn thận như lấy gấm, lấy là mà bao bọc kín đáo.

[5] *Mây Tần* – Vua Mục Công nước Tần ngủ một giấc lâu 5 ngày mới tỉnh, mơ gặp một cô rất trắng đẹp, mặc lối Vương Phi đến đón vua cùng cưỡi mây bay lên trời châu Thượng Đế, lúc ra về bảo vua: “Thiếp là Bảo Phu Nhân, vua nên lập đền thờ thiếp, thiếp sẽ giúp vua làm nên nghiệp Bá.”

[6] *Đòi phen gió tựa hoa kê / Nửa rèm tuyết ngậm bốn hè trăng trâu* – Dùng đủ bốn cảnh đẹp nên thơ trong văn chương là phong [風], hoa [花], tuyết [雪], nguyệt [月] để tả cảnh vui chơi với khách trong thanh lâu.

[7] *Câu lục-bát Đòi phen nét vẽ câu thơ / cung cầm dưới nguyệt nước cờ trong hoa* nói đến đủ bốn thứ cầm [琴], kỳ [棋], thi [詩], họa [畫] để tả cảnh mua vui với khách trong thanh lâu.

[8] *Gió trúc mưa mai* – *Gió trúc* = Gió êm ẩm mùa xuân thổi vào cảnh tre (trúc) xanh đẹp. *Mưa mai* = Mưa mát mùa hè làm mai chín vàng đẹp. Đó là hai cảnh “mưa gió” làm cho người ta say mê, hay ngâm thơ để vịnh gió, uống rượu để nếm quả mơ. Câu này mượn hai cảnh mưa gió đẹp ấy để nói những cuộc khách say sưa với nàng, nhưng nàng thờ ơ như không, chẳng vui thích gì.

[9] *Đòi đoạn* – Truyện Kiều hay dùng chữ “đòi” thay chữ “nhiều” như đòi đoạn, đòi phen tức là nhiều đoạn, nhiều phen.

[10] *Chín chữ cao sâu* = Chín chữ tả nỗi khó nhọc nuôi con của cha mẹ. Kinh Thi có bài thơ của người con, vì việc công phải đi xa không ở nhà để chăm nom cha mẹ được, làm bài thơ này để tả cảnh cha mẹ nuôi mình khó nhọc bằng chín chữ:

[生] Sinh = Đẻ và nuôi cho con sống.

[鞠] Cúc = Cúi xuống mà nâng niu chăm chút.

[撫] Phủ = Vuốt ve vỗ về.

[畜] Súc = Chăm nuôi bú mớm.

[長] Trưởng = Nuôi dạy cho khôn lớn nên người.

[育] Giục = Nuôi dạy cho nên người có tài đức.

[顧] Cố = Săn sóc trông nom.

[復] Phục = Xem xét tính tình mà dạy bảo.

[覆] Phúc = Giữ gìn trông nom đến luôn.

[11] *Bóng dâu tà tà* – Câu này có ý nói cha mẹ già chóng suy yếu dần như mặt trời khi đã xế xuống tới ngọn dầy dâu ở phía tây thì chóng lặn lấm. Điển câu này lấy ở câu chữ Hán “Nhật lạc tang du” [日落桑榆] = Mặt trời xế mau như roi xuống dầy dâu, dầy du.

[12] *Sân hòe* = Sân có ba cây hòe, nghĩa bóng nói nhà cha mẹ nuôi con mong cho con thành đạt. Ông Vương Hựu [王佑] đời Tống có công to, vua không thưởng, ông nói: Thế nào trời cũng thưởng thay cho ta – trong ba đứa con ta, thế nào cũng có đứa thành đạt to. Ông mới trồng ba cây hòe ở sân và nói: Ba cây hòe này mà tốt thì lời nói ta đúng. Sau quả nhiên con ông là Vương Đán [王旦] đỗ trạng nguyên và làm tể tướng. Người sau dùng ba chữ “tam hòe đình” để chỉ nhà có ba con trai.

[13] *Trân cam* – *Trân* [珍] = Những thức ăn ngon. *Cam* [甘] = Những thức ăn ngọt. Tiếng Hán dùng hai chữ *trân cam* để nói đến những thức ăn ngon ngọt con cung phụng để nuôi cha mẹ.

[14] *Liễu Chương đài* – Hàn Hoàn [韓 翃] đời Đường có tình nhân là kỹ nữ họ Liễu [柳] ở đường Chương đài [章 臺]. Khi Hoàn phải đi làm quan xa, viết thư cho nàng vẫn gọi nàng là Chương đài liễu (cây liễu ở Chương đài). Liễu thị ở một mình được mấy năm thì bị Phiên tướng là Sa Xá Lợi [沙 咤 利] bắt đi. Khi Hoàn được đổi về gần nơi Phiên tướng đóng, biết vậy thương tiếc lắm. Có người Bộ tướng là Hứa Tuấn [許 俊] thấy vậy mang thư của Hoàn đi đón nàng. Tuấn giả trang làm bộ hạ của Phiên Tướng, phi ngựa đến dinh của Phiên tướng nói Phiên tướng ngã ngựa gần chết, cấp tốc đón nàng cho kịp gặp mặt. Nàng được thư của Hoàn, giả cách khóc, vội vã ra đi. Thế là lại được đoàn tụ với nhau. Câu Kiều “Khi về hỏi Liễu Chương đài” này lấy ý ở bài ca lúc ở xa Hoàn gửi cho nàng [章 臺 柳 昔 青 青 今 在 否 也 應 攀 折 他 人 手 = Chương đài liễu, tích nhật thanh thanh kim tại phủ, dã ưng phân triết tha nhân thủ = Hỏi cây liễu Chương đài, xưa kia xanh xanh thế, bây giờ có còn ở đó không, rất e tay khác bẻ đi rồi!”

[15] *Giác hương quan* = Giác ngủ mơ về quê nhà.

[16] *Song sa vò võ phương trời* – *Song sa* = Cửa sổ có màn the đẹp. Thơ Xuân oán [春 怨] của Lưu Phương Bình đời Đường có câu [紗 窗 日 落 漸 黃 昏 金 屋 無 人 見 淚 痕 = Sa song nhật lạc tiệm hoàng hôn kim ốc vô nhân kiến lệ ngân = Ngày ngày ngồi một mình trong cửa sổ mà nhìn thăm thăm phương trời qua bức màn the cho đến lúc mặt trời xế xuống và bóng tối vàng sẫm dần dần; thế mà trong căn nhà vắng này, chẳng hề có ai thấy vết nước mắt của mình buồn khóc].

[17] *Nay hoàng hôn đã, lại mai hoàng hôn* – Câu này lấy ý ở một bài thơ đời Tống, đó là [泣 損 雙 眸 腸 欲 斷 怕 黃 昏 到 又 黃 昏 = Khấp tổn song mâu, trường dục đoạn, phạ hoàng hôn đáo hựu hoàng hôn = Khóc xung đôi mí mắt, ruột muốn đứt, chỉ sợ buổi hoàng hôn này đến, rồi lại buổi hoàng hôn kia đến, lần lượt mãi không thôi].

[18] *Thỏ bạc, ác vàng* – Trong văn chương ta vẫn gọi mặt trăng là “ngọc thỏ = con thỏ ngọc” và gọi mặt trời là “kim ô = con ác vàng = con quạ vàng” vì người xưa tin rằng trong mặt trăng có con thỏ ngọc giã thuốc; trên mặt trời có con quạ vàng ba chân. *Thỏ bạc* hàm ý là mặt trăng lúc gần sáng, sắc đã trắng nhợt đi. *Ác vàng* hàm ý là mặt trời lúc chiều hôm đã vàng ử đi.

[19] *Khách du* = Khách ăn chơi nay đây mai đó.

[20] *Kỳ Tâm họ Thúc* – Thúc Sinh tên là Thúc Thủ [束守] và tự là Kỳ Tâm [其心]. Nghĩa cả bốn chữ “thúc thủ kỳ tâm” là bó giữ lòng mình điềm báo trước là sợ vợ, phải bó giữ lòng mình cho kín không dám nói cho vợ biết.

[21] *Huyện Tích* = Huyện Vô Tích [無楊] ở tỉnh Giang Tô, thuộc Châu Thường.

[22] *Lâm Truy* [臨淄] thuộc tỉnh Sơn Đông, nguyên trước là kinh đô nước Tề. Lâm Truy cách Vô Tích một tháng đường.

[23] *Thiếp hồng* = Tờ danh thiếp viết vào giấy đỏ để tự giới thiệu. *Hương khuê* [香閨] = Buồng thơm, tức là buồng phụ nữ ở, đây tức là buồng Kiều.

[24] *Trướng tô* = Màn có riềm tua kết đẹp rủ xuống chung quanh phía trên. Chữ *trướng tô* này lấy điển từ câu trong khúc ca Phù Nam [扶南曲] của Vương Duy: [翠羽流蘇帳 = Thúy vũ lưu tô trướng = Cái màn có riềm giải rủ xuống kết bằng lụa xanh biếc như lông chim phí thúy].

[25] *Ngày xuân* = Ngày có mưa hòa gió ấm của mùa xuân.

[26] *Thanh khí lẽ hằng* – *Thanh* là chữ lấy từ thành ngữ [同声相應 = đồng thanh tương ứng = tiếng cùng một thanh thì vang ứng lại nhau]. *Khí* là chữ lấy từ thành ngữ [同氣相求 = đồng khí tương cầu = các vật cùng một khí thì tìm hút lấy nhau]. “Đồng thanh tương ứng / đồng khí tương cầu” ở Kinh Dịch và nghĩa bóng nói hai người cùng một tính tình với nhau thì yêu mến quyến luyến nhau ngay. *Lẽ hằng* = Lẽ thường, lẽ tự nhiên.

[27] *Sóm đào tối mạn* – Kinh Thi có câu [投之以桃報之以李 = đầu chi dĩ đào, báo chi dĩ lý = trai đưa cho quả đào thì gái cho lại quả mạn]. Câu này hàm ý rằng lúc mới chỉ yêu nhau lờ phờ thể thôi, sau lần la thành quyến luyến thề thốt nặng lời.

[28] *Một tỉnh mười mê* = Mười lúc mê man tỉnh ra được một lúc, rồi lại mê luôn.

[29] *Ngày xuân lắm lúc quên về với xuân* – Xem lời đính chính câu 1294 trên đây.

[30] *Câu thần nói thơ – Câu thần* = Câu thơ hay, coi như thần giúp mới làm được. *Nói thơ* = Lối vui chơi bằng thơ: một người nghĩ một câu đầu, người kia nghĩ nhanh lấy hai câu tiếp theo, rồi người thứ nhất lại tiếp theo ngay hai câu nữa. Lối chơi thơ này chữ Hán là *liên ngâm* [聯吟].

[31] *Bản vây* = Đánh cờ vây.

[32] *Cuộc truy hoan* [追歡] = Cuộc vui chơi hết cuộc nọ đến cuộc kia liên tiếp nhau.

[33] *Cái sóng khuynh thành* = Những khúc lờm liếc đưa tình làm say sưa người.

[34] *Quen thói bốc giời* – (Xem lời đính chính câu 1301 ở trên).

[35] *Hơi đồng* = Tiền, do chữ [銅臭 = đồng xú = mùi tanh hôi của tiền bằng đồng] dịch ra.

[36] *Quyên đã gọi hè – Quyên* = Chim cuốc, về mùa hè, thường kêu suốt đêm, tiếng nghe rất buồn thảm.

[37] *Lửa lựu* do chữ “lựu hỏa” [榴火] dịch ra. Các vua đời xưa bên Tàu, theo từng mùa mỗi năm, mà khoan một thứ gỗ để lấy lửa ban cho dân dùng. Về mùa hè thì khoan gỗ lựu lấy lửa, gọi là lựu hỏa. Câu này mượn chữ lửa lựu để tả cảnh hoa lựu đỏ đẹp về mùa hè.

[38] *Buông the phải buổi thông dong* – Chữ *buổi* trong câu này là nói ngày mùng 5 tháng 5, tết đoan ngọ. Người Tàu xưa tin rằng trong ngày tết đoan ngọ phải kiêng việc vợ chồng, trai gái; nếu không kiêng thì chỉ trong ba tháng thế nào cũng chết một hay cả đôi. Bởi vậy buổi hôm đó Kiều được thông dong vắng khách. Chữ “phải” câu này nghĩa là “được” cũng như chữ “phải” ở câu “chó ngáp phải ruồi” nghĩa là may mà được.

[39] *Thang lan rử bức trướng hồng tẩm hoa* – Chữ *hoa* trong câu này hàm ý thân hình đẹp của con gái, nhất là của kỹ nữ. Tục Tàu thời xưa đến ngày đoan ngọ thì lấy cây trạch lan (ta gọi là cây màn tưới) để nấu nước tắm trừ ghẻ lở. Nhiều nhà xuất bản Truyện Kiều vì không hiểu nghĩa

chữ “hoa” nên giảng lầm là “hoa lan” và dịch sai chữ “tắm” ra “tắm” (tắm nước hoa làm cho thơm).

[40] *Một tòa thiên nhiên* = Một pho tượng để nguyên như trời sinh ra, không chút quần áo trang điểm. Tác giả dùng nhóm chữ “một tòa thiên nhiên” để tả hình Kiều nở nà đẹp để không quần áo, lời thật rõ ràng thanh thoát. Câu này dựa vào ý nghĩa của một câu tương đương trong Ngọc Trai Tập: [鑄就天然一樣骨相 = trú tựu thiên nhiên nhất dạng cốt tướng = đúc thành một thân hình thiên nhiên].

[41] *Một thiên luật Đường* = Một bài thơ làm theo luật thơ nhà Đường, có 8 câu và 5 vần gieo vào cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8 và câu 4 phải đối với câu 3, câu 6 phải đối với câu 5. Thí dụ như bài vịnh Truyện Kiều của cụ Hoa Đường Phạm Quý Thích.

[42] *Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu* = Câu nào nói cũng hay như ngọc phun châu, lời câu nào đặt cũng đẹp như gấm thêu hoa. Câu này đặt theo ý nghĩa trong thành ngữ chữ Hán [錦心繡口 = cảm tâm tú khẩu = bụng nghĩ đẹp như gấm, miệng nói đẹp như thêu].

[43] *Nói điêu* – Nghĩa đen là lấy đuôi chó nói vào đuôi điêu thử, nghĩa bóng là họa thơ lại một cách vụng kém không hay (lời nói khiêm nhường). Nguồn gốc chữ “nói điêu” như sau: Đời nhà Tấn, Ngự sử là chức quan danh giá nhất, chỏm mũ làm bằng đuôi điêu thử, một loài sóc. Khi gặp hội loạn, các quan võ cậy công đua nhau xin vua phong chức Ngự sử nhảm quá, khiến người dân có câu [鵝不足狗尾續 = điêu bất túc cẩu vĩ tục = đuôi điêu không đủ, đuôi chó nói vào] để chê cười lũ “Ngự sử” đó. Người sau mới dùng chữ “tục điêu” hoặc “nói điêu” để nói khiêm tốn là mình nói vần thơ một cách vụng về chẳng xứng đáng với bài người ta làm trước.

[44] *Đám mây Hàng* (chữ nôm [盞] có thể đọc là “đám” hay “áng” cũng được) – Câu này ý nói là “lòng còn bồi rối vì nhớ quê cha mẹ.” (Xem lời xác định câu 1319 này ở trên).

[45] *Họa vần* = Theo mấy chữ gieo vần của người ta mà làm bài thơ của mình trả lời lại người ta.

[46] *Ủ dột thu ba – Thu ba* = Lòng mắt trong như sóng nước mùa thu. *Ủ dột thu ba* = Hai mắt ỉu xuống trông buồn bã nghĩ ngợi, chẳng muốn nhìn ai. Kiều ỉu buồn là vì nàng cảm thấy Thúc Sinh chỉ là một người tầm thường, không có con mắt tinh đời, chỉ biết phần đẹp vật chất, chứ không nhận ra phần đẹp tinh thần. Đã được nhìn rõ vẻ ngà ngọc của mình như thế, mà vẫn yên chí mình là con đẻ của mẹ Tú hình thù thô bỉ, to béo, nhờn nhọt màu da như thế! Nghe nàng tỏ ý nhớ cha mẹ đã không mừng rỡ sốt sắng hỏi gia thế thanh cao nhà nàng, lại còn ngạc nhiên như tưởng là nàng nói dối. Bởi vậy nàng đang truyện trò vui bỗng thốt lên *Thiếp như hoa đã lìa cành / chàng như con bướm lượn vành mà chơi!*” nghe như nhạt nhẽo hết tình với chàng.

[47] *Chúa xuân* = Dịch từ chữ Hán “Thanh Đế” [青帝] là Thần coi về mùa xuân. Nghĩa bóng của “chúa xuân” ở câu Kiều này là người đàn ông đã có vợ rồi. Kiều nói có vẻ hờn dỗi “chàng đã có vợ là người chàng chung tình rồi, thì xin đừng lờ phờ lôi thôi với tôi nữa.” Ý nghĩa lấy từ bài thơ “Lạc hoa” [落花] (Hoa rụng) của Chu Thục Trinh đời Tống như sau:

[連理枝頭花正開 = liên lý chi đầu hoa chính khai = hoa ở trên cành liên thớ chính đương lúc nở đẹp]

[妬花風雨便相催 = đố hoa phong vũ tiện tương thôi = bỗng bị trận mưa gió ghen nó cứ dầy vò thúc dục]

[願教青帝常為主 = nguyện giao Thanh đế thường vi chủ = xin Chúa xuân lúc nào cũng làm chủ cho hoa]

[莫使紛紛點翠苔 = mạc sử phân phân điểm thúy đài = đừng để rụng rơi lốm đốm xuống bãi rêu xanh]

[48] *Nặng vì nước non* = Nặng vì những lời chỉ núi chỉ sông mà thề.

[49] *Bên thú bên tông* – Thú [娶] = lấy vợ. Tông [從] = theo chồng, tức là lấy chồng. Bên thú là nói Thúc Sinh, bên tông là nói Kiều.

[50] *Bình Khang* = Khu phố có các thanh lâu. Đồi Đường ở Trường An có phường Bình Khang (平康坊) là nơi các kỹ nữ ở – những tân khoa tiến sĩ thường tới đó vui chơi. Về sau người ta gọi thanh lâu là bình kang.

[51] *Lạt phấn phai hương* – Xem lời đính chính câu 1337 bên trên.

[52] *Thêm quế cung trăng* = Đinh Hằng Nga ở trên mặt trăng, hàm ý nhà Thúc Sinh ở với vợ cả.

[53] *Khăng khít giải đồng* – Theo phong tục Tàu, trước khi làm lễ đính hôn, nhà trai đưa nhà gái hai giải lụa, để cô dâu nói lại bằng một nút đẹp gọi là “đồng tâm kết” [同心結] thành một giải dài gọi là “đồng tâm đới” [同心帶]. *Khăng khít giải đồng* = (vợ chồng) rất thân thiết tin cậy lẫn nhau.

[54] *Phận bèo mây* = Thân phận lưu lạc như cánh bèo mặt nước, áng mây trên trời.

[55] *Bể ái* = (tình vợ chồng) yêu nhau sâu rộng như biển. Những chữ Hán liên hệ là “ái hà” [愛河] = sông yêu, và “tình hải” [情海] = biển tình.

[56] *Trăm điều ngang ngửa vì tôi* = (vợ chồng) sinh truyện lủng củng không hòa với nhau. Ý câu này là “Kiều sợ lấy Thúc Sinh thì sẽ làm cho gia đình Thúc Sinh phải lủng củng lộn xộn, thế là mình gây tội nghiệp cho kiếp sau.”

[57] *Thân sau* = Kiếp sau.

[58] *Vững tay co* = Vững tay co kéo lại, bênh vực cho nàng.

[59] *Thế trong* = Thế lực của vợ. *Thế ngoài* = Thế lực của chồng.

[60] *Sư tử* – Nghĩa bóng chữ “sư tử” đây là vợ cả dữ dội làm cho chồng phải sợ. Điển tích gọi vợ dữ là sư tử lấy ở câu thơ của Tô Đông Pha. Bạn của ông Tô Đông Pha là Trần Quý Thường, người Hà Đông có vợ rất dữ, tiếng rất to. Mỗi khi bà quát chồng, ông Quý Thường sợ run lên. Ông Đông Pha có câu thơ đùa bạn rằng [忽聞河東獅子吼拄杖落手心茫然 = hốt văn Hà Đông sư tử hồng trụ trượng lạc thủ tâm mang nhiên = chợt nghe con sư tử kêu lên, rơi mất gậy đương chống ở tay, bụng thì sợ hãi như mê đi]. *Đằng la* [藤蘿] là mấy loài thảo dây leo quấn ở gốc cây to mà các văn sĩ hay dùng để gọi những đàn bà làm vợ lẽ. Trong Kinh Thi có câu

[南有樛木葛藟累之 = nam hữu cù mộc, cát lữ luy chi = đất nam có cây to (chỉ vợ cả), dây sắn dây bìm (chỉ vợ lẽ) quấn leo ở gốc].

[61] *Cúi đầu luôn xuống mái nhà* – Cổ thư Trung hoa có chỗ nói “vợ lẽ ở với vợ cả, lúc nào cũng phải khúm núm như vào nhà mái thấp phải cúi đầu xuống.” Trương Thoán [張象] đời Đường mới được bổ ra làm quan thì bị ông quan lớn thượng cấp bắt nạt. Ông than thân “ở dưới mái nhà thấp này mình không thể ngóc đầu lên được” rồi bỏ việc quan ra đi.

[62] *Giám chua* – Vũ Hậu ghen quá, giết mấy phi tần của vua Cao Tông rồi ngâm thây họ vào trong giấm. *Giấm chua* về sau trở thành một ẩn dụ cho kiếp khổ nhục của vợ lẽ bị vợ cả đánh ghen và hành hạ.

[63] *Nhà thông* là cha, do chữ xuân đường [椿堂] dịch ra. Xuân là loài thông sống hàng mấy vạn năm.

[64] *Liễu ngô hoa tường* = Gái lầu xanh ví như cây liễu ở lối ngõ đi, ai bẻ cành cũng được; cành cây thò ra ngoài tường, ai hái hoa cũng được.

[65] *Phó* = Trả về, đuổi về theo đúng pháp luật.

[66] *Nói đê chừng* = Đoán chừng trước những sự sẽ xảy ra sau này.

[67] *Ngô Lào* – Ca dao ta có câu “Chơi cho nước Tấn sang Hồ, nước Tề sang Sở, nước Ngô sang Lào.” Trong ngữ cảnh này, *Ngô Lào* được dùng để nói đến những điều vẩn vơ xa xôi quá.

[68] *Phong ba* = Sóng gió. Đây là một ẩn dụ cho những sự nguy hiểm trong cuộc lấy nhau này như đi thuyền gặp sóng bão.

Diễn ra văn xuôi

Câu 1227, 1228 = Thế là Kiều đành phận làm kỹ nữ, buông bức màn điều ở lầu xanh xuống để tiếp khách, giá đặt càng đắt bao nhiêu, thì phẩm cách của nàng càng cao quý lên bấy nhiêu.

Câu 1229, 1230 = Không biết bao nhiêu là khách phải lả lơi đăm đuối về tài sắc nàng, suốt tháng hôm nào cũng rượu say, suốt đêm lúc nào cũng vui cười.

Câu 1231, 1232 = Khách làng chơi bốn phương kéo đến dập dìu một lượt, như chim xuân đến đậu cành, gió xuân đến thổi lá cây liễu trước sân, sớm đưa khách lịch sự như Tống Ngọc đi, chiều lại đón ngay khách lịch sự như Tràn Khanh đến.

Câu 1233, 1234 = Những khi cuộc say rượu tỉnh, và những khi vui đêm canh tàn, nàng nghĩ đến thân phận mình mà xót xa đau thương cho mình.

Câu 1235, 1236 = Kiều nghĩ : “Trước kia thì sao mình giữ thân cẩn thận quý giá thế, như lấy gấm mà bọc, lấy là mà che, để mấy ai đã được nhìn thấy, mà bây giờ sao lại rạc rời tan tác, rõ như đóa hoa rơi ở giữa đường, ai cũng dầy xéo lên cũng được ?”

Câu 1237, 1238 = “Cái mặt thanh tao này sao giờ lại dạn dày với sương gió như thế, cái thân ngà ngọc này sao giờ lại đến nỗi ong bướm nó chán chường như thế ! Thật là đáng thương đáng khóc cho thân ta. ”

Câu 1239, 1240 = Mặc người ta mưa mây đằm thắm như Sở Tương Tần Mục mộng gặp gái thần, nhưng riêng phần nàng, nào nàng có biết mùi xuân ở đó là gì đâu !

Câu 1241, 1242 = Biết bao phen tựa ngòi bên khách hóng gió hè mát mẻ, hay kê vai khách dạo cảnh hoa xuân tươi đẹp ; lại biết bao phen ngồi trong buồng ấm áp, cùng khách ngắm cảnh đẹp tuyết đông rơi phoi phới xuống nửa rèm trước cửa, hay ngồi ngoài hè cùng với khách ngắm cảnh trăng thu chiếu vằng vặc xuống khắp bốn bên ngoài hè.

Câu 1243, 1244 = Nhưng than ôi ! Những cảnh phong, hoa, tuyết, nguyệt ấy tuy đẹp vui thế, mà cảnh nào là cảnh chẳng mang vẻ sầu buồn lại cho nàng ? Bởi vì lòng nàng đã buồn thì đâu có cảnh nào là cảnh vui cho nàng được !

Câu 1245, 1246 = Lại biết bao phen nàng vui vẻ vẽ tranh tặng khách, hay vui vẻ đề thơ tặng khách, hoặc vui gây cung đàn khách nghe ở dưới bóng trăng hay đánh ván cờ vui với khách ở trong vườn hoa.

Câu 1247, 1248 = Nhưng những cuộc vui cầm, kỳ, thi, họa này, chẳng qua chỉ là vui gương, kéo e người ta trách móc đó thôi, chứ nào đâu có ai là người tri âm, để cho nàng thật tình mặn mà với ai được.

Câu 1249, 1250 = Nàng thờ ơ vô tình với cả những cảnh thật đáng vui thú say sưa như cảnh gió xuân đầm ấm đưa thành tiếng êm sóng đẹp trên ngọn dấy trúc xanh rờn ; như cảnh mưa hè mát mẻ làm quả chín tươi vàng trên cành cây mai um tót. Người ta gặp những cảnh đẹp ấy thì đua nhau ngâm thơ vịnh trúc, uống rượu thưởng mai, nhưng nàng có vui thù gì đâu, chỉ lúc nào cũng ngẩn ngơ trầm mồi vì thương thân, vì nhớ nhà, lúc nào cũng âm ỉ thương đau một mình, chẳng biết than thở cùng ai.

Câu 1251, 1252 = Nàng nghĩ gần, nàng nghĩ xa, lòng nàng đầy những nỗi đau buồn, rõ thật là ruột nàng chẳng ai vò mà rối, thân nàng chẳng ai đánh mà đau.

Câu 1253, 1254 = Nàng nhớ đến công đức cha mẹ nuôi nàng khó nhọc đủ đường, rồi nàng thương cha mẹ mỗi ngày mỗi già yếu, mà nàng không được ở bên để hầu hạ chăm non, báo đền lại công ơn sâu nặng đó.

Câu 1255, 1256 = Vì nhớ cha mẹ, nàng lại thương tủi thân mình ở nơi nước thăm non xa, cách biệt hàng ngàn muôn dặm này, cha mẹ có biết đâu là thân phận đứa con yêu quý phải khổ cực thế này ?

Câu 1257, 1258 = Nàng lại nghĩ cha mẹ có ba con, nay chỉ còn hai đứa thơ ngây ở nhà, thì lấy ai mà miếng ngọt, miếng bùi chăm nuôi cha mẹ thay nàng ?

Câu 1259, 1260 = Đối với chàng Kim thì nàng nhớ đến lời thề nguyện tha thiết đời đời lấy nhau, chẳng hay khi xa xôi cách biệt này, chẳng biết chàng có thấu tình khổ cực mà tha thứ tội phụ tình cho nàng hay không ?

Câu 1261, 1262 = Nàng lại đau đớn thay cho chàng là khi hộ tang trở về hỏi đến cảnh liêu Chương đài, thì ôi, cảnh liêu môn mơ này đã bẻ cho người ta truyền tay nhau rồi !

Câu 1263, 1264 = Lúc nào nàng cũng mong đem được mối tình sâu của nàng để trả đền lại cái nghĩa dầy của chàng cho được thủy chung trọn vẹn, và thường thường lòng lại hỏi lòng “chẳng hay cái hoa tươi đẹp kia (chỉ Thúy Vân) đã chấp vào cái cành gãy ngang này (chỉ Kiều) cho chưa ?”

Câu 1265, 1266 = Rõ biết là bao nhiêu điều vắn vít như nắm tơ vò rối ở trong lòng nàng. Đêm nào nàng cũng vắn vơ mơ tưởng về quê hương suốt đêm dài đằng đẵng, dở tỉnh dở mê.

Câu 1267, 1268 = Ngày nào nàng cũng ngồi trong cửa sổ mà nhìn phương trời vò võ qua bức màn the, lòng những dăm dăm tưởng nhớ gia đình. Nàng nhớ khổ nhất là những lúc hoàng hôn, nàng rất sợ những lúc hoàng hôn. Buổi hoàng hôn hôm nay vừa hết, thì chỉ một thoáng đã lại đến ngay buổi hoàng hôn ngày mai !

Câu 1269, 1270 = Ấy cứ lần hồi như thế mãi, đêm nào nàng cũng thức cho đến lúc mặt trăng mờ sắp sáng ; ngày nào nàng cũng buồn cho đến lúc mặt trời vàng úa sắp lặn. Thật là lắm nguồn cơn khiến nàng phải xót xa cho người trong hội đoàn trường như nàng.

Câu 1271, 1272 = Nàng đành phận chịu rằng trời đã cho nàng được chữ hồng nhan, thì hẳn là bắt nàng phải chịu tàn hại thế nào cho cân với hai chữ hồng nhan đó mới thôi.

Câu 1273, 1274 = Và khi trời đã đày đọa nàng vào kiếp phong trần rồi, thì thế nào cũng làm cho nàng phải sỉ nhục một lần mới thôi.

Câu 1275, 1276 = Trong bọn du khách bỗng có một người họ Thúc tên tự là Kỳ Tâm cũng là dòng dõi nhà học hành tử tế.

Câu 1277, 1278 = Chàng vốn là người ở huyện Vô Tích thuộc châu Thường, theo cha lên mở một ngôi hàng buôn bán ở huyện Lâm Truy.

Câu 1279, 1280 = Thấy Kiều nức tiếng là bực hoa khôi, chàng rất hâm mộ, mới tìm đến tận buồng thơm của nàng mà đưa danh thiếp màu hồng của mình vào.

Câu 1281, 1282 = Chàng được nàng tiếp đón vào cho gặp mặt tươi đẹp như hoa đào của nàng ở trong bức màn lưu tô lộng lẫy. (Xem lời chú thích [24] bên trên). Chàng thấy nàng đẹp đẽ mặn mà đủ mọi vẻ, và các nét mày mắt đều thanh tao thật đáng ưa thích.

Câu 1283, 1284 = Nàng đã đẹp như đóa hoa hải đường mon mơn ở cảnh tơ xanh ròn, lại càng gặp gió ấm, càng gặp mưa hòa ngày xuân, nên vẻ đẹp lại càng nồng đậm.

Câu 1285, 1286 = Thế là cuộc trăng nọ hoa kia, lại cuộc trăng kia hoa nọ, thật náo nùng khôn tả. Cảnh đêm xuân say sưa đó, lòng xuân phơi phới chưa để ai đã kìm hãm được.

Câu 1287, 1288 = Còn lạ gì cái lẽ thường “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” xưa nay, hai bên đã ý hợp tâm đầu, thì càng ngày cái dây tơ duyên càng thắt chặt, còn ai gỡ cho xa nhau được nữa.

Câu 1289, 1290 = Trước còn sớm đưa quả đào, tối trao quả mật để lân la gây tình thân nhau, và đi lại trăng gió vẫy thổi, sau thành ra quyến luyến nặng tình, nên kết nghĩa đá vàng với nhau.

Câu 1291, 1292 = Hai bên đang say sưa nhau thì bỗng đâu gặp một dịp may lạ – cha chàng là Thúc Ông trở về Vô Tích thăm gia đình.

Câu 1293, 1294 = Thế là chàng càng say đắm mê man vì tình, mười lăm mê họa được một lúc tình. Những ngày vui xuân với nàng như thế chàng quên mất cả ngày, coi như đêm xuân nọ liền với đêm xuân kia.

Câu 1295, 1296 = Khi thì cùng nhau ngồi hóng gió mát ở trên lầu khi thì cùng nhau vui ngắm trăng trong ở trước sân, khi thì bầu rượu ngon chuốc mời lẫn nhau, khi thì câu thơ hay xướng họa cùng nhau.

Câu 1297, 1298 = Khi thì cùng nhau dạo vườn hoa thơm buổi sớm, khi thì cùng nhau thưởng chén trà ngon buổi trưa, khi thì đánh vui với nhau vài ván cờ, khi thì gây họa với nhau vài cung đàn.

Câu 1299, 1300 = Chàng miệt mài theo đuổi hết cuộc vui này lại đến cuộc vui kia với nàng, càng quen thuộc tính nết nhau, lại càng dan díu khăng khít mối tình với nhau.

Câu 1301, 1302 = Thật đáng lạ cho cái sóng lờm liếc của cặp mắt giai nhân, nó làm cho nghiêng nước nghiêng thành, đổ quán siêu đình của người ta như chơi.

Câu 1303, 1304 = Thúc Sinh bị Tú Bà phỉnh bịp mãi quen đi thành ra thói ngông đời, tự cho mình là tay hào phóng tuyệt vời, đem tiền trăm bạc nghìn đổ ra thưởng vào một trận cười của nàng như không, chẳng tiếc chút nào.

Câu 1305, 1306 = Tú Bà càng thấy chàng hào phóng, lại càng tô son điểm phấn, vuốt ve sảo sửa cho Kiều càng đẹp lộng lẫy. Lại gì cái máu tham của mẹ, hễ thấy tiền thì lòng mẹ mê đi.

Câu 1307, 1308 = Dạo ấy đêm đêm cuộc kê ở dưới bóng trăng như gọi mùa hè đến! Rồi ngọn lựu ở trên đầu tường lập lòe nở những hoa đỏ như màu lửa lựu mùa hè.

Câu 1309, 1310 = Gặp hôm tết đoan ngo vắng khách –xem lời đính chính câu 1309 bên trên – nàng được buổi thông dong, và theo tục lệ tắm nước trạch lan hôm tết đó để trừ ghẻ lở. Nàng yên chí rằng ngày kiêng kỵ ấy không ai đến, nên chỉ rủ bức màn the xuống mà tắm, chứ không đóng cửa buồng.

Câu 1311, 1312 = Thúc Sinh thừa cơ lên đến, trông thấy rõ ràng da nàng trắng như ngà, trong như ngọc, và thân hình nàng đẹp như một tòa tượng trời đúc để tự nhiên phơi bày.

Câu 1313, 1314 = Sinh càng tỏ rõ mọi nét tâm thần tượng, lại càng khen mãi và làm ngay một bài thơ Đường luật để khen ngợi và để tỏ ý ước mong lấy được nàng.

Câu 1315, 1316 = Nàng đọc bài thơ rồi nói với Sinh rằng : Thiếp hiểu ý chàng rồi, xin đa tạ. Bài thơ này hay lắm, ý nào cũng như châu như ngọc, câu nào cũng như gấm như thêu.

Câu 1317, 1318 = Đáng lẽ tài làm thơ của thiếp dù hay, dù hèn thế nào nữa cũng phải họa lại. Nhưng lòng thiếp lúc này còn vướng một vài điều ngang ngang.

Câu 1319, 1320 = Xin chàng biết cho rằng lòng thiếp giờ đang vẫn vơ nhớ cha mẹ ở dưới đám mây Hàng xa thăm. Bởi vậy xin chàng cho thiếp chịu nợ chàng bài thơ họa hôm nay.

Câu 1321, 1322 = Thúc Sinh nghe nàng nói nhớ cha mẹ, lấy làm lạ hỏi ngay rằng : Sao nàng nói lạ lùng vậy ? Thế ra nàng không phải là con má Tú đây sinh ra à ?

Câu 1323, 1324 = Kiều thấy Thúc Sinh đã được nhìn ngắm rõ ràng tâm thần ngà ngọc thanh tao của mình như thế mà không tỉnh ngộ, vẫn một niềm cho mình là con đẻ của mẹ béo mập thô bỉ đó ! Nàng cảm thấy Sinh là hạng người tầm thường, thật không đáng là hạng người tri kỷ mà nàng có thể gửi thân nhờ cậy được, nên nàng đương vui vẻ bỗng ử đột đổi mặt xuống thất vọng thương thân, nỗi đoạn trường của nàng bấy giờ bỗng dựng nổi dậy, nghĩ sao mà buồn tênh đến thế !

Câu 1325, 1326 = Nàng buồn quá, chẳng muốn kể gia thế cho Sinh nghe nữa, mà chỉ lạnh nhạt thưa lại Sinh rằng : Thiếp nay đây lưu lạc như cánh hoa đã lìa cành, còn chàng thì như con bướm chỉ lượn quanh mà vui chơi chốc lát rồi lại bay đi nơi khác.

Câu 1327, 1328 = Chúa xuân đành đã có nơi chính đáng để làm chủ rồi, thiếp đâu dám trách. Thôi, ngày giờ ngắn ngủi, xin chàng đừng lời thôi dài lời làm chi nữa !

Câu 1329 đến 1332 = Thúc Sinh vì không hiểu sao nàng bỗng dựng lạnh nhạt với mình như vậy, nên lại ngờ có lẽ vì chàng có ý dò la nguồn gốc nhà nàng để rồi sẽ thay lòng đổi dạ, mà làm mất

lòng nàng, nên chàng vội phân trần cho nàng. Chàng quả quyết : Từ khi đôi ta thành bạn tương tri với nhau đến nay, lòng ta lúc nào cũng mang nặng lời thề non nước với nhau. Nay ta muốn làm vuông tròn thật sự cuộc trăm năm của chúng ta, nên ta muốn biết tường tận gia thế nhà nàng, chứ nào phải có ý tò mò gì đâu mà nàng méch lòng giận ta !

Câu 1333, 1334 = Nàng thấy Sinh có lòng muốn lấy mình thật tình như vậy, nên lại hồi tâm, đành lòng lại nhờ tay chàng cứu vớt và ngỏ lòng trình bày đủ mọi lẽ khó khăn trong cuộc hôn nhân này cho chàng biết mà liệu tính trước, xem lấy nhau có được không, rồi hãy lấy nhau. Nàng đáp : Chàng có lòng quá yêu muốn lấy thiếp như thế, thiếp xin đội ơn chàng muôn lần. Nhưng thiếp rất e ngại chàng lấy thiếp cũng khó, mà thiếp theo chàng cũng khó, chứ không dễ mà êm thấm được đâu !

Câu 1335, 1336 = Một là thiếp e rằng bấy lâu nay chàng nấn ná ở chốn lầu xanh này, say sưa yêu thiếp là chỉ vì yêu vẻ phần nhan sắc trang điểm bề ngoài.

Câu 1337, 1338 = Rồi ra đến lúc lâu mãi nhàm chán, dù thiếp phần son trang điểm thế nào cũng coi như hết đẹp hết thơm, thì liệu chàng có thường thường giữ mãi được mực yêu đương này không ?

Câu 1339 đến 1342 = Hai là thiếp e rằng chàng đã có bà vợ cả chủ trương ở trong gia đình rồi, bấy lâu nay vợ chồng một thuyền một bến, một lòng khăng khít thân mật nhau, bây giờ chàng lấy thêm thiếp về thì chắc vợ chồng đều sinh thêm một lòng riêng tây, không được thật lòng hòa hợp với nhau như trước nữa.

Câu 1343, 1344 = Thiếp nghĩ cái thân phận bèo mây lưu lạc của thiếp này có ra cái vẻ gì mà làm cho cái biển yêu giữ hai vợ chồng chàng đương đầy hóa vơi như vậy ?

Câu 1345, 1346 = Thế có phải vì thiếp mà gia đình chàng phải trăm điều ngang ngửa lung củng không ? Cái tội tày trời đó kiếp sau ai chịu cho thiếp ?

Câu 1347, 1348 = Lại còn nỗi này đáng e ngại cho thiếp nữa: Nếu tay chàng có vững cánh chống đỡ, thì còn che chở đắp điểm cho thiếp được một vài phần.

Câu 1349, 1350 = Còn như nếu thế lực trong buồng lại mạnh hơn nhà ngoài, bà lại bắt nạt được ông, thì rõ thật là chàng đem cái thân sẵn bìm lẽ mọn này gửi vào trước hàm sư tử.

Câu 1351, 1352 = Ôi ! Thân kẻ làm lẽ mọn lúc nào cũng khúm núm sợ hãi trước mặt vợ cả, y như người phải cúi đầu luôn dưới mái nhà thấp, chẳng bao giờ dám ngóc lên. Cuộc sống lúc nào cũng sợ đòn ghen với giấm chua còn khổ nhục tội nghiệp bằng ba lần kiếp lửa nông ở lâu xanh.

Câu 1353, 1354 = Và lại nhất là ở trên còn có nghiêm đường, chẳng biết lòng trên trông xuống có rộng lượng thương tôi không ?

Câu 1355, 1356 = Hay ông lại khinh rẻ tôi là hạng gái giang hồ như liễu ngô hoa tường chẳng đáng kể, rồi lâu xanh, ông lại đuổi về với lũ lâu xanh.

Câu 1357, 1358 = Như thế lại càng thêm dơ dáy đại hình cả đôi. Đối với tôi thì đành thân phận tôi thế nào cũng được, nhưng rất đáng ngại cho danh giá của chàng.

Câu 1359, 1360 = Thiếp xin kể rõ chàng biết các lẽ khó khăn đáng e ngại đó, để chàng liệu có thể thương thiếp được trọn vẹn đủ bề thì hãy thương, và lo tính sao cho êm ả trọn vẹn đủ mọi đường, thì thiếp xin vâng nhận lời chàng.

Câu 1361, 1362 = Thúc Sinh thấy Kiều phân trần đủ lẽ lo ngại, chàng sợ giải quyết với nàng không nổi, nàng sẽ e ngại mà từ hôn, nên chàng vội xí xóa lời nàng và nói để yên ủi nàng rằng : Thôi nàng đừng khéo kể lẽ nọ lẽ kia, để liệu chừng dò xét lòng ta như thế nữa ! Quen nhau đã lâu thế mà còn chưa biết lòng ta hay sao ?

Câu 1363, 1364 = Dù có xảy ra sự gì khó khăn như phải đi nơi xa xôi hiểm trở, như sang nước Ngô nước Lào nữa, nàng cũng chớ lo ngại, trăm điều cứ chắc cậy trông vào một mình ta là xong hết.

Câu 1365, 1366 = Hãy cứ làm cho xong việc gần là việc lấy được nhau cái đã, rồi chẳng có việc gì xa xôi đáng lo ngại nữa, sẽ đâu vào đấy hết. Cốt sao ta phải quyết một lòng vững như vàng đá và một mực liều trong cơn sóng gió là được.

Câu 1367, 1368 = Hai bên căn dặn với nhau thật hết điều hết lẽ, và đem những lời thề nặng như núi, sâu như biển hết sức giao kết lấy nhau.

Câu 1369, 1370 = Đêm ngắn tình dài, hai người ni non ti tê, trò chuyện với nhau chưa hết lời thì bỗng trông ra ngoài hiên đã thấy mặt trăng lặn xuống ngọn núi phía tây chỉ còn nửa vành.

Vài nhận xét về tâm trạng Kiều đối với Thúc Sinh mà tác giả ngầm tả trong đoạn này

Kiều ở thanh lâu chí tâm tìm một tay hào hiệp để nhờ cứu mình thoát nạn. Khi gặp Thúc Sinh, nàng biết có thể nhờ cậy được. Nàng thấy Thúc Sinh lắm tướng nàng là con đẻ Tú Bà mà vẫn say sưa, nàng nghĩ có hai điều đáng e ngại : (1) Thúc chỉ yêu nàng về phần vật chất nhan sắc phần son, e tình yêu không được bền vững ; (2) Kiều e Thúc tưởng nàng là con ruột mẹ Tú thì chắc không có lòng cứu nàng ra khỏi tay mẹ. Muốn trừ hai điều trở ngại đó, thì (1) là cần phải cho Thúc nhìn rõ thân hình thanh tao ngà ngọc của nàng, khác hẳn thân hình thô bỉ béo nhọt của Tú Bà, để Thúc tự hiểu nàng không phải là con mẹ đẻ; (2) là cần phải cho Thúc biết dòng dõi lương thiện thanh cao của nàng, để khiến Thúc yêu quý nàng thêm cả về phần tinh thần nữa thì tình yêu mới thật bền chặt. Chàng có yêu mình đầy đủ cả hai phần vật chất, tinh thần, lại biết mình là con gái nhà thanh lịch tử tế bị lừa vào tay mẹ, thì chắc là chàng phải vì tình vì nghĩa mà hết lòng hết sức ra tay cứu vớt.

Bởi vậy nhân dịp tết đoàn ngộ là phải kiêng kỵ khách làng chơi, lại có tục tắm nước nấu trạch lan để trừ bệnh ngoài da, nàng mới làm ra vẻ hờ hênh, vô ý cho là chẳng ai đến, mà buồng màn tắm trần không đóng cửa buồng, cho Thúc Sinh được lén nhìn rõ ràng đủ mọi màu vẻ tòa tượng thiên nhiên của nàng. Khi đã được Thúc Sinh vịnh thơ khen ngợi thò thiên nhiên rồi, nàng muốn nhân tiện cho chàng biết rõ ràng gia thế trong sạch tử tế của nàng, mới xin lỗi không họa được thơ là vì lòng bối rối nhớ cha mẹ. Nhưng tiếc thay Thúc đã chẳng hỏi đến cha mẹ nàng lại chỉ hỏi nàng : “Sao nói lạ vậy ? Thế ra nàng không phải là con má Tú đây ? ” Câu hỏi có ý không tin

nàng đó, tỏ ra chàng không có con mắt tinh đời để nhìn rõ được vẻ đẹp tinh thần của nàng, và không có đủ tài thông minh linh lợi để hiểu thấu lòng nàng. Thế là nàng vừa thất vọng, vừa buồn tủi, khiến mặt nàng đang tươi vui bỗng hóa ủ dột, lòng nàng đang hớn hở bỗng hóa đầy nỗi đoạn trường, và câu truyện đang mặn mà đắm thắm bỗng nhạt nhẽo ra vẻ hờn dỗi : “Thiếp như hoa đã lìa cành. Ngán ngày thôi chớ dài lời làm chi.” Một câu hỏi vô ý thức của chàng đó gần như làm tan rã cuộc chung tình của nàng đối với chàng bấy lâu. Nhưng may mà tuy chàng không hiểu vì sao nàng bỗng sinh lòng lạnh nhạt, chàng lại ngỏ lời xin lỗi nàng mà nói, vì có chí lấy nàng nên mới muốn biết gốc tích nàng thôi, chứ đâu phải là có ý gì mà nàng giận, nên nàng lại hồi tâm mà bắt đầu tính cuộc trăm năm với chàng.

Kiều bày tỏ cho chàng biết đủ mọi lẽ khó khăn trong cuộc hôn nhân giữa chàng và nàng : (1) Liệu lấy nàng về, gia đình có được êm ấm như thường không, hay vì nàng mà vợ chồng chàng lạnh nhạt nhau? (2) Liệu chàng có đủ sức bênh vực nàng không, hay lại để nàng bị vợ cả hành hạ ? (3) Liệu chàng có giữ được lòng yêu nàng trước sau như một không ? (4) Liệu bố chàng có dung nàng không, hay lại khinh rẻ đuổi nàng về lầu xanh ?

Tuy Kiều biết Thúc Sinh tài trí tầm thường, không sao lo liệu trôi chảy được đầy đủ các điều kiện đó, nhưng vì tình thế bắt buộc, hãy cốt lấy được chàng, rồi sau sẽ liệu cách giúp chàng gỡ mọi nỗi khó khăn nên đành xí xóa, kết luận một câu cho xong lần : “Thương sao cho vẹn thì thương / tính sao cho vẹn trăm đường thì vâng.” Thế là nàng lại đành nhắm mắt đưa chân theo Thúc Sinh ra khỏi lầu xanh.

Xét ra Kiều thật là người trung hậu, khôn biết đủ đường, lo tính mọi lẽ đâu ra đấy. Nhưng tiếc thay, số nàng bạc mệnh, gặp Thúc Sinh hèn nhất quá, và Hoạn Thư khôn ngoan thâm độc quá, thành ra uổng cả tâm trí của nàng.

CHƯƠNG 16

CÂU 1371 ĐẾN CÂU 1472

“Nghiêm phụ phân ly, phủ quan tác hợp”

1371. Mượn điều trúc viện thừa lương, [1]

Rước về hãy tạm giấu nàng một nơi.

1373. Chiến hòa sắp sẵn hai bài,

Cậy tay thầy thợ mượn người dò la.

1375. Bản tin đến mặt Tú bà, [2]

Thua cơ, mụ cũng cầu hòa, dám sao.

1377. Rõ ràng của dẫn tay trao, [3]

Hoàn lương một thiệp thân vào cửa công. [4, 5]

1379. Công tư đôi lẽ đều xong, [6]

Gót tiên phút đã thoát vòng trần ai.

1381. Một nhà sum họp trúc mai,

Càng sâu nghĩa bể càng dài tình sông.

1383. Hương càng đượm lửa càng nồng, [7]

Càng sôi vẻ ngọc càng lòng màu sen. [8, 9]

1385. Nửa năm hơi tiếng vừa quen, [10]

Sân ngô cảnh biếc đã chen lá vàng. [11]

1387. Giậu thu vừa nảy chồi sương, [12]

Xe bò đã thấy xuân đường đến nơi.

1389. Phong lôi nổi trận bời bời, [13]

Nén lòng e ấp tính bài phân ly.

1391. Quyết ngay biện bạch một bề, [14]

Dạy cho má phấn lại về lầu xanh.

1393. Thấy lời nghiêm huấn rành rành, [15]

Đánh liều sinh mới lấy tình nài kêu.

1395. Rằng: “Con biết tội đã nhiều,

Dẫu rằng sấm sét búa rìu cũng cam. [16]
1397. Trót vì tay đã nhúng chàm, [17]
Dại rồi còn biết khôn làm sao đây.
1399. Cùng nhau và tiếng một ngày, [18]
Ôm cầm ai nữ dứt dây cho đành.
1401. Lượng trên quyết chẳng thương tình,
Bạc đien thôi có tiếc mình làm chi.” [19]
1403. Thấy lời sắt đá tri tri, [20]
Sốt gan ông mới đơn quì cửa công.
1405. Đất bằng nổi sóng ùng ùng, [21]
Phủ đường sai lá phiếu hồng thôi tra. [22]
1407. Cùng nhau theo gót sai nha,
Song song vào trước sân hoa lạy quì. [23]
1409. Trông lên mặt sắt đen sì, [24]
Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời: [25]
1411. “Gã kia dại nết chơi bời,
Mà con người thế là người đong đưa.
1413. Tuồng chi hoa thái hương thừa,
Mượn màu son phấn đánh lừa con đen.
1415. Suy trong tình trạng nguyên đơn, [26]
Bề nào thì cũng chưa yên bề nào.
1417. Phép công chiếu án luận vào, [27]
Có hai đường, ý muốn sao mặc mình:
1419. Một là cứ phép gia hình, [28]
Hai là lại cứ lâu xanh phó về.”
1421. Nàng rằng: “đã quyết một bề, [29]
Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần. [30]
1423. Đục trong thân cũng là thân.
Yếu thơ vâng chịu trước sân lôi đình!”
1425. Dạy rằng: “Cứ phép gia hình!
Ba cây chập lại một cành mẫu đơn.” [31]

1427. Phận đành chi dám kêu oan,
Đào hoen quện má liễu tan tác mảy. [32]
1429. Một sân lằm cát đã đầy, [33]
Gương lò nước thủy, mai gầy vóc sương. [34]
1431. Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,
Nẻo xa trông thấy, lòng càng xót xa.
1433. Khóc rằng: “Oan khóc vì ta! [35]
Có nghe lời trước, chí đà lụy sau.
1435. Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu, [36]
Đề ai trắng tui hoa sầu vì ai?”
1437. Phủ đường nghe thoảng vào tai, [37]
Động lòng lại gạn đến lời riêng tây.
1439. Sụt sùi chàng mới thừa ngay, [38]
Đầu đuôi kể lại sự ngày cầu thân: [39]
1441. “Nàng đà tính hết xa gần,
Từ xưa nàng đã biết thân có rày.
1443. Tại tôi hứng lấy một tay,
Đề nàng cho đến nỗi này vì tôi.”
1445. Nghe lời nói cũng thương lời,
Dẹp uy mới dạy cho bài giải vi. [40]
1447. Rằng: “Nhu hửn có thể thì,
Trăng hoa song cũng thị phi biết điều.”
1449. Sinh rằng: “Chút phận bọt bèo,
Theo đòi vả cũng ít nhiều bút nghiên.” [41]
1451. Cười rằng: “Đã thế thì nên!
Mộc già hãy thử một thiên trình nghề.” [42]
1453. Nàng vâng cất bút tay đề,
Tiên hoa trình trước án phê xem tường. [43]
1455. Khen rằng: “Giá đáng Thịnh Đường! [44]
Tài này, sắc ấy, nghìn vàng chưa cân!
1457. Thật là tài tử giai nhân,

Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn? [45]

1459. Thôi đừng rước dữ cru hờn, [46]

Làm chi lỗ nhíp cho đàn ngang cung.

1461. Đã đưa đến trước cửa công,

Ngoài thì là lý, song trong là tình.

1463. Dâu con trong đạo gia đình,

Thôi thì dẹp nổi bất bình là xong.”

1465. Kíp truyền sắm sửa lễ công,

Kiếp hoa cát gió đuốc hồng điêm sao. [47]

1467. Bày hàng cổ xúy xôn xao, [48]

Song song đưa tới trướng đào sánh đôi.

1469. Thương vì hạnh trọng vì tài,

Thúc ông thôi cũng dẹp lời phong ba.

1471. Huệ lan sức nước một nhà, [49]

Tùng cay đắng, lại mặn mà hơn xưa.

Đính chính và xác định

Câu 1388 – *Xe bò đã thấy xuân đường đến nơi* – Xe bò chữ hán là bò xa [蒲車], cái xe vành bánh quẩn lá cỏ bò để người già đi cho êm. Sử ký nói: Khi đi tế Phong Thiên (tế Trời Đất) người xưa làm xe bò để đi khỏi nát đá của Đất, nát cây cỏ của Trời. Sau vua Hán Tuyên Đế dùng xe bò để tiễn thầy học là Sớ Quang và Sớ Thụ về hưu. Từ đó xe bò hay dùng để chở người già đi xa. Chữ “xe bò” đặt vào câu này rất đúng để nói Thúc ông đi từ Vô Tích về Lâm Truy. Trong cuốn truyện Thúy Kiều, ông Trần Trọng Kim bác bỏ cuốn in “xe bò” và theo cuốn in “Gối yên đã thấy ...” Ông nói dân không được phép dùng xe bò, và giải nghĩa chữ “gối yên” là “cái gối dựa vào cái yên ngựa của các ông già ngày xưa.” Tôi không biết ông Kim thấy cái phép cấm dân dùng xe bò ấy ở đâu, và cái gối dựa ấy đặt chỗ nào trên yên ngựa? Và Thúc ông già rồi, sức đâu ngồi trên lưng ngựa hàng tháng từ Vô Tích về Lâm Truy? Đi xe là phải rồi.

Câu 1390 – *Nén lòng e ấp tính bài phân ly* – Tác giả dùng nhóm chữ “nén lòng e ấp” là có ý nói Thúc ông vẫn có chút lòng thương Kiều, trước còn dùng dằng không nỡ đuổi, sau vì giận Thúc

Sinh phá nhiều của quá, mới đành nén lòng mà bắt Thúc phải đuổi Kiều. Và vì có chút lòng thương ấy mà sau này không kêu nài gì, khi quan cho Thúc, Kiều đoàn tụ. Duy chữ “nén” nôm cũng viết y như chữ “nặng” nôm [礮] (= [石] thạch ‘đá’ bên chữ [囊] nặng ‘nặng / nén’), nhưng chữ nặng thì hay dùng, chữ nén ít dùng nên hết thấy các bản Kiều quốc ngữ đều dịch câu này là “Nặng lòng e áp...” và mỗi bản giảng nghĩa một cách gượng ghịu khác nhau. Ông Trần Trọng Kim thì giảng e áp là sợ hãi, và “Nặng lòng e áp...” là nói Thúc ông vì nỗi con đã có vợ rồi mà lại chơi bời lấy người giang hồ, vậy ông mới tính bài bắt phải bỏ ra. Giảng vậy thật sai nghĩa chữ e áp, gần như vô lý: ông sợ ai mà nặng cái sợ thế, sợ ông thông gia quan to kiện chẳng? Ông Nguyễn Khắc Hiếu thì nói ông không hiểu chữ “e áp” ở đây nghĩa là gì, đành bỏ không giải thích. Tôi rất phục ông Hiếu về điểm này, không biết thì đành chịu, chứ không dám giảng gượng như người khác.

Câu 1402 – *Bạc, điên thôi có tiếc mình làm chi!* – Hai chữ “bạc điên” trong câu này chữ Hán là [泊] bạc là ‘bến sông’ và [巔] điên là ‘đỉnh núi cao.’ Nhà văn hay dùng chữ “bạc điên” để nói sự tự tử vì tình. Bạc = ra bến nhảy xuống sông; điên = lên ngọn núi nhảy xuống đất. Các bản nôm có bản chỉ giải nghĩa chữ “bạc” là nhảy xuống bến sông mà chết, còn chữ điên thì in làm ra [顛] ‘điên đảo’ mà không giải nghĩa là gì. Còn các bản quốc ngữ thì phần nhiều dịch là “bạc đen” và giảng là bội bạc điên đảo, không giữ trọn vẹn lời hứa hẹn, vì phải bỏ nàng thì mang tiếng bội bạc điên đảo, thà chết cho xong đời.

Câu 1404 – *Sốt gan ông mới đơn quỳ cửa công* – Chữ “đơn quỳ” câu này, có bản in là “cáo quỳ” [告跪], lại có bản in là “thân quỳ” [申跪]. Xét ra đều có nghĩa giống nhau là làm đơn đưa lên quan mà kiện. Nhưng đề là “cáo quỳ” thì đọc nghe không êm tai, mà nghĩa cũng không trôi chảy. Nếu đề là “thân quỳ” thì nghĩa khó hiểu cho người không quen thạo chữ trong việc quan. Chỉ có chữ “đơn quỳ” vừa thông dụng, vừa dễ đọc, mà lại vừa đúng với chữ “tình trạng nguyên đơn” ở câu 1415 dưới.

Câu 1414, 1415, 1416 – *Mượn màu son phấn đánh lừa con đen / Suy trong tình trạng nguyên đơn / Bề nào thì cũng chưa yên bề nào* – Theo quyển vần thơ Bạch Hương Từ Phổ [白香詞譜], thì các chữ thuộc về vần [元] nguyên, [寒] hàn, [刪] san, [先] tiên, [文] văn, [真] chân,

[魂] hồn, [單] đan / đơn, đều thông dụng vắn với nhau. Bởi vậy chữ ‘đan’ có thể đọc là ‘đòn,’ chữ ‘phiên’ có thể đọc là ‘phen,’ và chữ ‘yên’ có thể đọc là ‘an.’ Vậy thì ba chữ “đen, đơn, yên” trong ba câu này đều vắn có vắn với nhau. Ông Trần Kim Trọng vì không biết, cho là chữ “đơn” mất vắn với chữ “yên” nên đổi bừa “nguyên đơn” ra “bên nguyên”, thành ra câu Kiều này hình như vô nghĩa, và mất cả vẻ hay đẹp. Suy trong tình trạng nguyên đơn là suy xét tình trạng kẻ ở trong đơn, chứ không phải tình trạng của người đưa đơn.

Câu 1429 – *Một sân làm cát đã đầy* – Tôi suy nghĩ mãi mà vẫn không hiểu thật nghĩa là thế nào. Hoặc giả nguyên là: “Mặt thân làm cát đã đầy” [糶身淋吉也踏], vì các cụ trước thường đọc chữ [身] thân là ‘sân’ và hai chữ ‘đã đầy’ [也踏] làm ra ‘đã đầy’ [奄溘]. Chữ “mặt” liên ý với nhóm chữ “guồng lờ nước thủy”, chữ “thân” liên ý với nhóm chữ “mai gầy vóc sương” ở câu dưới.

Câu 1455 – *Giá đáng Thịnh Đường* ở câu này, có bản in là “Giá lợt Thịnh Đường,” tôi cho là quá đáng, vậy xin theo những bản in là “Giá đáng Thịnh Đường.”

Chú giải và dẫn điển

[1] *Trúc viện thừa lương* [竹院乘凉] = đi hóng mát ở nơi nhà chơi vui, chung quanh có tre tốt mát mẻ.

[2] *Bắn tin* = đưa tin cho biết một cách mau lẹ kín đáo.

[3] *Cửa dẫn* = đưa tiền trả tận nhà mụ Tú.

[4] *Hoàn lương* [還良] = cho gái thanh lâu được về lấy chồng thành người tử tế. Luật lệ Tàu xưa đòi hỏi gái thanh lâu phải có giấy quan cho phép mới được hoàn lương.

[5] *Thân* = đưa lên trình quan để xin phép.

[6] *Công, tư đôi lẽ* – *Công* = giấy phép quan phê cho được hoàn lương. *Tư* = hai bên trao nhận tiền chuộc cho nhau.

[7] *Hương đượm lửa nồng* – Nghĩa đen = hương cháy êm chậm thơm ngát, lửa cháy rõ sáng. Nghĩa bóng = cuộc tình duyên càng đắm thắm, do chữ “hương hỏa” là tình vợ chồng.

[8] *Xôi vẻ ngọc* = vẻ đẹp phát hiện tung bừng ra ngoài.

[9] *Lông màu sen* = sắc mặt đẹp như hoa sen lộng lẫy nổi lên. Hai câu lục bát này ý nói tình duyên càng nồng đậm, sắc đẹp càng lộng lẫy.

[10] *Hơi tiếng vừa quen* = vợ chồng đã “quen hơi bén tiếng” nhau rồi.

[11] *Sân ngô cảnh bích* – Trong thơ Đỗ Phủ có câu [碧梧棲老鳳凰枝 = bích ngô thê lão phượng hoàng chi = cây ngô đồng cảnh màu bích xưa chim phượng hoàng đậu nay đã già sạm]. Các bản Kiều quốc ngữ bây giờ đều in chữ “cảnh bích” ở câu này là “cảnh biếc” e sai nghĩa. “Cảnh bích” do “bích ngô” [碧梧] dịch ra. Cảnh cây ngô đồng mùa xuân non thì da vỏ màu lục và nhẵn bóng, mùa thu thì màu dờ lục dờ xanh sạm đục hết màu nhẵn bóng, có vẻ già cứng. Còn “biếc” là màu là xanh đẹp có vẻ rục rờ lóng lánh. “Sân ngô cảnh bích đã chen lá vàng” nghĩa là “Cảnh sân mùa thu những cảnh ngô đồng màu bích đã đầy những lá vàng sắp rụng.” Bởi vậy phải nói “cảnh bích” mới đúng. Tác giả đặt chữ “cảnh bích” lấy ý là “cảnh ngọc” để đối với “lá vàng.”

[12] *Giậu thu, chồi sương* – *Giậu thu* do chữ thu ly [秋離] dịch ra. “Ly” là hàng rào thấp để ngăn các luống hoa cúc trong vườn cho khỏi đổ. Về mùa thu các hoa đều tàn, chỉ có cúc thường vẫn nảy những chồi non (cũng gọi là “chồi sương”). Thơ Tô Đông Pha có câu “Cúc tàn do hữu ngạo sương chi” [菊殘猶有傲霜枝] có nghĩa là “cúc tuy tàn nhưng hãy còn những chồi coi thường khí sương lạnh.” Chữ “chồi sương” lấy điển ở câu thơ này.

[13] *Phong lôi* = gió bão, sấm sét. Câu này nghĩa là cơn giận nổi lên “âm âm như gió bão sấm sét.”

[14] *Biện bạch* = nói rõ ràng hẳn hoi ra như vậy.

[15] *Nghiêm huấn* = lời dạy bảo nghiêm khắc của cha.

[16] *Sấm sét, búa rìu* – *Sấm sét* = chịu tội với trời. *Búa rìu* = chịu tội với người, với luật pháp.

[17] *Tay đã nhúng chàm* – Người thợ nhuộm khi đã nhúng tay vào nước chàm để nhuộm vải thì khó rửa được tay sạch hết màu xanh. Vì thế, ta vẫn nói “chớ nhúng tay vào chàm” để tỏ ý khuyên người chớ làm việc dại như đùa với gái, vì một khi quen đi khó chữa được nữa.

[18] *Tiếng một ngày* – Tục ngữ ta có câu “Vợ chồng một ngày nên nghĩa.” Vì vậy, *Cùng nhau và tiếng một ngày / ôm cầm ai nữ dứt dây cho đành* nghĩa là “và lại vợ chồng đã trót lấy nhau rồi, thì dẫu một ngày cũng đã nên nghĩa với nhau rồi, sao lại nữ dứt duyên mà bỏ nhau được.”

[19] *Bạc, diên* – *Bạc* = bến sông. *Diên* = đỉnh núi. *Bạc diên* = tự tử bằng cách hoặc ra bến mà nhảy xuống sông, hoặc lên núi mà lao đầu xuống đất.

[20] *Tri tri* = tro tro một mực, nhất định không nghe lời bắt bớ Kiêu.

[21] *Đất bằng nổi sóng* – Dịch từ câu chữ Hán “Bình địa ba đào” [平地波濤].

[22] *Phiếu hồng, thôi tra* – *Phiếu hồng* = giấy quan đưa cho dân đóng nhiều dấu đỏ, tỏ ý khấn cấp. *Thôi tra* [催查] = thúc giục đến cửa quan để tra xét.

[23] *Sân hoa* = sân trước tòa án phủ. Đời xưa dinh quan phủ, huyện hay trồng hoa đào nên gọi là “đào viện” [桃院].

[24] *Mặt sắt đen sì* – Ông Bao Chửng đời Tống là Giám sát Ngự sử, là chức vụ thay vua đi xét xử các việc hình án khó khăn oan ức. Ông xử án rất nghiêm minh, ai cũng sợ. Vì mặt ông đen và lạnh lùng ít cười, nên người ta gọi ông là Thiết diện Ngự sử (Ngự sử mặt đen và lạnh như sắt). Tác giả mượn điển này để tả vẻ oai nghiêm của quan phủ.

[25] *Lập nghiêm* = tỏ vẻ oai nghiêm cho dân kính sợ.

[26] *Nguyên đơn* [原單] = đơn kiện của bên nguyên. Trong sự thua kiện nhau có bên nguyên đơn và bên bị cáo, gọi tắt là bên nguyên và bên bị. Bên nguyên là bên bắt đầu đưa đơn khởi kiện, bên bị là người bị kiện.

[27] *Chiếu án luận vào* = theo tội án định ở trong luật mà định tội.

[28] *Cứ pháp gia hình* [據法加刑] = cứ theo phép làm tội định ở trong luật mà xử tội.

[29] *Đã quyết một bề* = (Kiều nói) đã nhất định một bề là bỏ lầu xanh mà lấy Thúc Sinh, dù phải làm tội đau đớn thế nào cũng chịu.

[30] *Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần* – Câu này ý nói đã quyết một bề dứt bỏ lầu xanh mà lấy Thúc Sinh, thì nhất quyết không về lầu xanh nữa, và cũng quyết một tình lấy Thúc Sinh, không lấy ai nữa. Ca dao có câu “Làm thân con nhện mấy lần giăng tơ” nghĩa là thân người con gái đã lấy ai thì lấy hẳn một người, chứ có phải là con nhện đâu mà dứt lưới tơ này lại đi giăng lưới tơ khác.

[31] *Ba cây* = do chữ tam mộc [三木] dịch ra. “Tam mộc” là ba thứ đồ gỗ để gông cùm tội nhân, đó là nữu [杻] = cùm tay; già [枷] = gông cổ; chát [桎] = cùm chân. Câu Kiều này nghĩa là đem Kiều ra làm tội bằng cả ba thứ gông cổ, còng tay, cùm chân. “Cành mẫu đơn” hàm ý là thân Kiều như hoa mẫu đơn.

Phụ chú:

Trong cuộc xử tội này, truyện không nói ra là Kiều bị đánh, nhưng đọc mấy câu theo sau thì biết là bị đánh rất đau. Đồi nhà Minh nghiêm cấm kỹ nữ quyến rũ lừa gạt khách chơi để phá hoại gia đình khách, và cũng nghiêm cấm các quan không được ăn nằm với kỹ nữ. Xem trong *Tình sử* có mấy kỹ nữ phạm cấm, bị gông cùm đánh đòn đến chết. Cũng trong truyện *Tình sử*, có một ông Tri huyện bị tố cáo là tư tình với một kỹ nữ. Quan trên bắt người kỹ nữ này để điều tra, nhưng

nàng nhất định nói là ông tri huyện bị vu oan, dù bị tra đánh chết đi sống lại mấy lần, có khi bị đánh đến 300 roi mà nàng vẫn trời là không có dính dáng gì với ông ta cả. Kết cục nàng được thả và ông huyện vô can. Ông huyện cảm ân tình nặng ấy, lập mưu bỏ quan mang nàng đi trốn thật xa và trở thành vợ chồng, ăn ở với nhau 20 năm không ai biết. Gặp lúc ân xá, họ mới về quê ở suốt đời bên nhau.

[32] *Hoan quện* – *Hoan* = lấm bẩn nhem nhuốc; *quện* = nhẵn nhụi ử tái. Câu này có nghĩa là “má đào của nàng thì nhem nhuốc ử tái; mày liễu của nàng thì nhẵn nhụi xác xơ.”

[33] *Một thân làm cát đã đầy* - Câu này có lẽ vì sao đi khắc lại mãi sai dần thành ra vô nghĩa. Có bản đổi hẳn là “Một thân quần quại bùn lầy.” (Xem lời phỏng đoán mà đính chính câu 1429 này ở trên là “Một thân làm cát đã đầy”).

[34] *Gương lò nước thủy, mai gầy vóc sương* – *Gương lò nước thủy* = khuôn mặt trong sáng như gương của nàng, vì đau đớn quá mà lò đục đi như cái gương hết cả vẻ trong sáng của thủy ngân ở mặt sau chiếu lại. *Mai gầy vóc sương* = hình hài trong sạch như sương tuyết của nàng, vì đau đớn quá trông gầy teo đi như cành mai.

[35] *Oan khốc* = bị đánh oan, đau đớn độc dữ.

[36] *Cạn lòng* = lòng nông nổi, không biết nghĩ lẽ sâu xa.

[37] *Phủ Đường* = quan Tri phủ. Trong các đơn từ dân đưa lên quan Tri phủ vẫn viết “Bản phủ phủ đường đại nhân [本 府 府 堂 大 人].

[38] *Thua ngay* = do câu chữ Hán thường dùng trong giấy tờ việc quan “Cứ thật tường khai” [據 寔 詳 開] = khai rõ theo đúng sự thật. (Chớ lầm ra nghĩa là vội vàng kể lại ngay lập tức).

[39] *Cầu thân* [求 親] = sự bàn định tỏ ý xin lấy nhau.

[40] *Giải vi* [解 圍] = cởi mở vòng vây ra, nghĩa bóng là gỡ ra cho khỏi tội.

[41] *Theo đòi* đây tức là *theo đòi* việc bút nghiên, nghĩa là có đi học tử tế.

[42] *Mộc già* [木 枷] = cái gông làm bằng gỗ cứng. Quan phủ bảo Kiều làm một bài thơ vịnh cái gông.

[43] *Án phê* = bàn giấy quan ngồi phê phán xét xử việc quan.

[44] *Thịnh Đường* – Thơ đời nhà Đường (618 - 908) là thơ hay nhất nước Tàu. Người ta chia thơ đời Đường ra làm ba thời kỳ, thời kỳ giữa hay nhất gọi là Thịnh Đường.

[45] *Chu Trần* – Ở tỉnh Sơn Đông bên Tàu có thôn *Chu Trần*. Trước kia hai họ Chu [朱] và Trần [陳] đời đời trai gái lấy nhau ; sau này người ta dùng *Chu Trần* để gọi đôi vợ chồng.

[46] *Rước dũ cưu hờn* = bỗng dưng mua chuốc lấy sự giận dữ nhau, gây ra sự hờn dỗi nhau.

[47] *Kiếp hoa cát gió, đuốc hồng điểm sao* = nghi lễ đưa dâu. *Cát gió* = rước một cách vui vẻ, phơi phới trước gió. *Điểm sao* = rước về ban đêm, đèn đuốc lấp lánh lẫn với sao trên trời.

[48] *Cổ xúy* [鼓 吹] – *Cổ* = đánh các thứ trống. *Xúy* = thổi kèn sáo và gảy đàn. Đây nói có phường bát âm rước dâu, tả cách quan sửa soạn lễ cưới rất trang trọng.

[49] *Huệ lan* [蕙 蘭] – Văn chương dùng chữ hoa *huệ*, hoa *lan* để nói đến đàn bà con gái có hiền đức, lịch sự đáng quý.

Diễn ra văn xuôi

Câu 1371, 1372 = Sau khi bàn định và quyết thề đêm hôm đó, Thúc Sinh mới mượn có đi hóng mát ở nơi nhà giữa cảnh tre xanh mát mẻ, rồi đem nàng giấu biệt một nơi, và nghĩ cách để lấy được nàng.

Câu 1373, 1374 = Chàng nghĩ sẵn ra hai cách : (1) là “chiến”, nghĩa là nếu Tú Bà nhất định không cho chuộc Kiều ra khỏi lầu xanh, vừa đưa đơn kiện mụ về tội “mãi lương vi sương” [買良為娼] (mua con gái nhà lương thiện về bắt làm đĩ), vừa nhờ hiệp sĩ đánh mụ ; (2) là “hòa”, nghĩa là nếu mụ biết điều cho chuộc, thì đem tiền lại chuộc theo giá mua, và bắt mụ phải nộp đơn xin cho Kiều được hoàn lương. Lập định hai cách ấy rồi, chàng mới tìm người làm thầy làm thợ giúp chàng trong cuộc chiến và mượn người đi dò la xem tình ý Tú Bà thế nào.

Câu 1375, 1376 = Rồi chàng đưa tin đến tận mặt Tú Bà, kể rõ cho biết hai cuộc chiến hay hòa đó và hỏi mụ thuận theo đường nào. Mụ thấy thế mình thua kém, nếu để bị kiện thì vừa mắc tội vạ, vừa bị nguy đến tính mạng, nên đành xin hòa để lấy tiền chuộc, không dám lời thối gì nữa.

Câu 1377, 1378 = Khi đã thu xếp xong với nhau rồi, một bên thì mang tiền chuộc vốn đến trả phần mình ; một bên thì nhận tiền, và làm đơn nộp quan xin cho Kiều được hoàn lương và lấy Thúc Sinh.

Câu 1379, 1380 = Thế là hai lẽ công là hình sự và tư là dân sự đều xong xuôi cả, và Kiều bước chân ra khỏi vòng bụi đục.

Câu 1381, 1382 = Từ khi chàng và nàng về sum họp với nhau một nhà, tình sâu như bể càng sâu thêm, nghĩa dài như sông càng dài thêm.

Câu 1383, 1384 = Duyên hương lửa vợ chồng càng thêm thơm đượm, thêm nồng thắm, và vẻ trong đẹp như ngọc như ngà của Kiều càng tỏa ra ngoài, màu hồng hào như hoa sen càng lộng lẫy tung bừng.

Câu 1385 đến 1387 = Hai người ở với nhau được chừng nửa năm, đương độ thật quen hơi bén tiếng, thì đã đến cuối thu. Mấy cây ngô đồng ở trước sân đã phai những cành màu bích đã có những là vàng chen nhau ; dấy cúc ở bên giậu thu đã tàn lại nảy mấy chồi ngạo nghệ như coi thường khí lạnh sương thu.

Câu 1388 đến 1390 = Vừa đúng dạo cuối thu buồn đó, thì một hôm chiếc xe bọc cỏ bò của Thúc ông đi từ Vô Tích lên đã đến nơi dừng bánh ở trước nhà Lâm Truy. Thấy Thúc Sinh lấy Kiều về, ông nổi giận dữ ùng ùng như trời nổi cơn gió bão sấm sét. Lúc mới ông còn chút lòng thương hại, nhưng rồi ông nén lòng e ấp dùng dằng ấy đi, mà tính đến truyện bắt Thúc, Kiều phải lia bỏ nhau.

Câu 1391, 1392 = Ông quyết tâm ra lệnh rõ ràng là Kiều phải về lâu xanh.

Câu 1393, 1394 = Thấy lời cha dạy nghiêm ngặt như vậy, Sinh mới đánh nước bài liều thân bày tỏ sự tình mà quỳ lạy kêu van xin ông nghĩ lại mà thương cho.

Câu 1395, 1396 = Sinh nói : Thưa cha, con biết tội con nhiều lắm, dẫu trời đem sấm sét đánh tan thân, dẫu cha đem búa rìu chém mất đầu, con cũng xin chịu vì đáng tội lắm.

Câu 1397, 1398 = Nhưng sự đã trót rồi, nhỡ tay đã giúng vào thùng chàm rồi, rửa sao sạch được nữa, con đã trót dại rồi không thể nào trở lại được nữa.

Câu 1399, 1400 = Vả lại tục ngữ có câu “Cùng qua một chuyến đò với nhau là nên nghĩa bạn bè, cùng ở một ngày với nhau là nên nghĩa vợ chồng.” Nay chúng con đã thành vợ chồng yêu mến nhau rồi, nữ lòng nào dứt tình bỏ nhau được, như đương ôm đàn mà gãy ai lại nữ dứt dây cho đàn.

Câu 1401, 1402 = Nay nếu cha không thương xót mà nhất định bắt phải lia bỏ nhau, thì con xin thất hiếu mà tự tử vì tình, hoặc ra bến nhảy xuống sông, hoặc lên đỉnh núi nhảy xuống đất, vì còn tiếc gì đến thân này nữa.

Câu 1403, 1404 = Thấy lời Sinh trợ trợ như sắt đá, nhất định không bỏ Kiều, Thúc ông tức bực quá, bèn làm đơn cáo quan nhờ pháp luật bắt phải bỏ cuộc tự ý kết hôn trái phép này.

Câu 1405, 1406 = Thế là đất bằng bỗng nổi sóng gió. Tòa án phủ sai lính mang tờ trát đóng dấu đỏ về bắt Thúc và Kiều phải cùng lên tòa án để quan phủ xét xử.

Câu 1407, 1408 = Hai người cùng nhau theo sai nha lên tòa, khúm núm vào trước sân tòa mà quỳ lạy.

Câu 1409, 1410 = Ngược mắt trông lên họ thấy mặt quan phủ đen như sắt, có vẻ mặt một ông quan án nghiêm khắc như Bao Công thuở xưa. Ngài bắt đầu nghiêm trang ra oai mà nặng lời quở trách Thúc Sinh :

Câu 1411, 1412 = Cái gã kia sao mà quá đại dột, chơi bời được đến như vậy ? Ta trông con người mặt mũi khá như thế mà sao lại ăn ở ra người đơng đưa tráo trở, mê gái mà dám bỏ cả lời cha dạy như thế ?

Câu 1413, 1414 = Rồi ngài quở Kiều : Ra gì cái của hương thả hoa thừa, cái của chỉ đáng vứt đi này ? Nó chỉ điểm tô son phấn cho đẹp để quyến rũ lừa gạt làm hư hại lũ trai trẻ đầu đen bụng đại đó thôi.

Câu 1415, 1416 = Cứ theo tình trạng kể ở trong đơn nguyên đơn mà suy xét, thì sự kết hôn này bề ngoài đối với luật pháp, bề trong đối với lễ giáo, đều chưa bề nào được yên thỏa cả, thế mà đã dám lấy nhau, đoàn tụ với nhau, thật là có tội, vậy bắt buộc phải ly dị.

Câu 1417, 1418 = Rồi quan bảo Kiều : Cứ chiếu theo pháp luật mà xử, thì ta bảo cho con kia biết là có hai điều này cho tùy ý phạm nhân muốn nhận điều nào thì nói cho quan biết để xử :

Câu 1419, 1420 = Một là cứ theo luật pháp mà xử tội ; hai là muốn tránh tội, thì lại xin về lầu xanh, quan sẽ tha cho về.

Câu 1421, 1422 = Kiều thưa : Chúng tôi đã quyết chí một bề là bỏ chốn ô nhục ấy, thì còn trở lại vào đó làm gì nữa. Ôi, cái thân phận con nhện này còn vương lấy mối tơ ở đó mấy lần nữa đây ?

Câu 1423, 1424 = Thân tôi đây tuy gặp cảnh ngộ không may, đã phải sa vào vòng đục bản ấy, nhưng dù đục dù trong cũng vẫn là tấm thân con người. Nếu lượng trên không xét rõ mà lượng

thứ cho, thì chúng tôi xin đành chịu tội để giữ lấy giá người. Vậy thân này dù yếu đuối cũng xin chịu hết mọi nỗi cực hình ở trước sân sấm sét nhà trời này.

Câu 1425, 1426 = Quan liền truyền cho thuộc hạ : Vậy cứ theo hình phạt ở luật pháp ra mà xử tội phạm nhân này đi ! Rồi quan truyền đem Kiều ra sân, dùng ba thứ hình cụ bằng gỗ mà đóng gông vào cổ, đóng cùm hai tay và đóng cùm hai chân lại mà làm tội.

Câu 1427, 1428 = Kiều tuy bị làm tội oan, nhưng biết thân phận mình hèn mọn, kêu cũng chẳng được, nên đành yên lặng chịu đau đớn chẳng kêu van gì cả. Chỉ thấy vì đau quá mà đôi má đào thì hoen ố tái sạm, đôi mày liễu thì nhăn nhó tan tác.

Câu 1429, 1430 = Nàng đau quá quần quai rầy rụa làm bụi cát phủ mù một góc sân ; khuôn mặt sáng như gương của nàng lờ đục đi, hết cả màu sắc đẹp thủy ngân ánh ra ngoài ; hình vóc ẻo lả trắng như sương tuyết của nàng gầy gò đi, trông khăng khiu như cành mai.

Câu 1431, 1432 = Nghĩ tình chàng Thúc bấy giờ thật đáng thương. Chàng đứng xa trông thấy Kiều đau đớn quá mà mình không cứu được, nên lòng chàng lại càng xót xa hơn.

Câu 1433, 1434 = Rồi bỗng chàng òa ra khóc và nói : Nàng bị đau đớn oan khổ quá như thế, thật là chỉ vì ta thôi. Nếu trước kia ta nghe lời nàng, thì bây giờ có đâu nàng phải đau khổ thế này !

Câu 1435, 1436 = Chỉ vì bụng ta nông cạn, không biết nghĩ sâu xa, để nàng phải trắng tửu hoa sầu thế này, thật là tại ta chứ còn tại ai nữa ?

Câu 1437, 1438 = Quan phủ thoáng nghe thấy lời chàng khóc than như thế thì động lòng thương, và cho gọi chàng lại gạn hỏi những lời trước kia Kiều đã nói riêng với chàng như thế nào.

Câu 1439, 1440 = Chàng được quan hỏi, liền vừa khóc vừa cứ thật tình mà kể quan nghe rõ hết đầu đuôi những câu truyện từ khi chàng ngộ ý muốn lấy nàng, và những lẽ khó khăn nàng kể trong việc hôn nhân trái phép này.

Câu 1441, 1442 = Rồi chàng tiếp lời : Thật quả nàng đã tính hết mọi lẽ gần xa, và từ xưa nàng đã biết trước rằng nàng sẽ gặp những tội tình như thế này rồi !

Câu 1443, 1444 = Nhưng chỉ vì tôi giờ tay ra đảm đương hứng lấy một mình, khuyên nàng cứ chắc cậy ở tôi, không phải lo ngại gì. Bây giờ nàng phải chịu tội đau đớn thế này thật là tại tôi.

Câu 1445, 1446 = Quan phủ nghe chàng kể những lời lẽ nàng nói trước sau, thì có lòng thương tình cho nàng vì những lời nàng nói đó. Quan không ra oai như trước nữa và ngó lời có ý gỡ tội cho nàng.

Câu 1447, 1448 = Ngài nói : Nếu quả thật nàng đã nói như thế thì tuy nàng là gái trắng hoa, nhưng cũng là người biết mọi điều phải trái đó !

Câu 1449, 1450 = Thúc Sinh thấy quan đã hồi tâm có lòng thương nàng, liền thừa cơ lại trình thêm cho quan biết rằng : Nàng cũng là người có theo đòi đôi chút nghề bút nghiên, biết làm văn thơ nữa.

Câu 1451, 1452 = Thấy nói nàng biết làm thơ, quan cười nói : Thế thì hay lắm. Vậy ta cho thử làm một bài thơ vịnh cái gông gỗ này để ta xem tài thơ ra sao. Quan sai tháo gông cùm và ban giấy bút cho nàng.

Câu 1453, 1454 = Kiều vâng lời, bái lĩnh bút giấy, rồi lanh lẹ đưa tay viết xong ngay bài thơ, và kính cẩn dâng trình tờ hoa tiên có thơ đề ấy lên bàn giấy quan phủ.

Câu 1455, 1456 = Quan thấy tài nàng lanh lẹ đã có ý khen. Khi cầm thơ xem thì thấy chữ rất tốt thơ rất hay, ngài khen rằng : Giá trị tài thơ của nàng thật không kém gì các thi sĩ thời Thịnh Đường ngày xưa. Tài thơ nàng như thế này, sắc đẹp nàng như thế kia, thì dẫu nghìn vàng cũng chưa xứng đáng !

Câu 1457, 1458 = Đôi này thật là tài tử sánh với giai nhân, chẳng có đôi Chu Trần nào đẹp hơn đôi Chu Trần này !

Câu 1459, 1460 = Rồi quan tiếp lời khuyên Thúc ông rằng : Thôi ông đừng rước dữ mua hờn vào mình nữa làm gì kéo làm lỗ dịp mất cái cung đàn đương réo rất giọng hay này đi !

Câu 1461, 1462 = Ông đã đem việc này đến cửa công nhờ phân xử hộ, thì bề ngoài cố nhiên phải xử theo lý, nhưng bề trong vẫn phải xử theo tình thì mới thật ôn hòa.

Câu 1463, 1464 = Đạo làm cha mẹ ở trong gia đình, đối với dâu con ta nên dẹp hết nỗi bất bình đi là xong hết. Vậy xin ông đừng chấp trách chúng nó nữa để cho cửa nhà được êm vui !

Câu 1465, 1466 = Khuyên Thúc ông xong rồi, quan phủ mới truyền sửa lễ cưới công để kết duyên cho Kiều và Thúc. Khi làm lễ cưới xong rồi thì ngài cho rước dâu rể ngồi cao phơi phơi trước gió trên chiếc kiệu hoa, và đuốc hồng lập lánh điểm thêm sao đêm đó.

Câu 1467, 1468 = Hai bên trước kiệu có hai hàng bát âm đàn sáo vui vẻ, réo rất nhộn nhịp đưa dâu rể về nhà đoàn tụ với nhau.

Câu 1469, 1470 = Thúc ông sau đó thấy Kiều đã nét na lễ phép lại có tài văn học, nên có lòng thương quý và không tức giận gì nữa.

Câu 1471, 1472 = Vì nàng hiền đức làm cho cảnh nhà được vui êm thom nức như hoa lan hoa huệ, Thúc ông lúc mới khinh ghét nàng bao nhiêu, nay lại càng quý trọng thân yêu nàng bấy nhiêu.

Những câu hay chữ có ý móc nối hoặc mỉa mai than thở

Đoạn Truyện Kiều này có thể gọi là đoạn chứng thực những lời lẽ Kiều nói với Thúc Sinh khi chàng ngỏ lời muốn lấy nàng là đúng, không phải lời nói viển vông.

Câu “Nén lòng e áp tính bài phân ly” đúng với câu Kiều nói “Lòng trên trông xuống biết lòng có thương.”

Câu “Dạy cho má phần lại về lầu xanh” của Thúc ông và câu “Hai là lại cứ lầu xanh phó về” của quan phủ đúng với câu Kiều nói “Lầu xanh lại phó ra phường lầu xanh.”

Câu quan phủ nói “Bè nào thì cũng chưa yên bè nào” đúng với câu Kiều nói “Chút e bên thú bên tòng dễ đâu.”

Câu “Song song vào trước sân hoa lay quỳ” và mấy câu quan phủ nặng lời “Gã kia đại nét chơi bời / Mà con người thế ra người đơng đưa / Tuồng chi hương thả hoa thừa / Mượn màu son phấn đánh lừa con đen” đúng với câu Kiều nói “Lại càng dơ dáng đại hình / Đành thân phận thiệp ngại danh giá chàng.”

Hai câu tả cảnh cuối thu “Sân ngô cành bích đã chen lá vàng / Giậu thu vừa nẩy giò sương” đặt vào giữa hai tự sự “Nửa năm hơi tiếng vừa quen” và “Xe bò đã thấy xuân đường đến nơi” là có ý dùng cảnh trời sinh làm điềm báo trước cho ta biết những sự rủi may sẽ xảy ra cho Kiều sau khi Thúc ông đến nơi. Câu “Sân ngô cành bích đã chen lá vàng” báo trước điềm Kiều sẽ bị kiện bị tội suy tàn như cây mùa thu trơ những cành bích lá vàng. Câu “Giậu thu vừa nẩy giò sương” báo trước điềm Kiều sẽ được quan trọng đãi, làm phép cưới công, như giậu cúc đã tàn lại nẩy giò sương.

Trong Truyện Kiều, tác giả rất dè dặt khi nói đến cái dở của các quan và của người trên, thường chỉ nói họ qua một vài câu có can hệ đến sự dở ấy cho ta nghĩ mà đoán lấy. Về đoạn tả cảnh tàn phá nhà họ Vương thì chỉ tả sự tham tàn của bọn sai nha, còn sự tham những của các quan thì chỉ nói qua ở câu “Tính bài lót đó luôn đây.” Về đoạn tả tổng đốc họ Hồ hư hỏng tệ bạc với Kiều thì chỉ nói qua loa “Hồ Công đến lúc rạng ngày tỉnh ra” và “Sự này biết tính sao đây ?”

Câu “Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân” của quan phủ thật đã ngầm ý là dụ được lòng tiếc của của Thúc ông. Câu “Thương vì nét trọng vì tài” ứng với hai câu quan Phủ nói “Trăng hoa song cũng thị phi biết điều” và “giá đáng Thịnh Đường.”

Về sự thay đổi của quan phủ từ uy xuống đến gia ân trong vụ sự kiện này, tác giả kể rất có thứ tự : (1) Lúc mới thì lập nghiêm ra oai nặng lời quở trách và lạnh lùng dạy : “Cứ phép gia hình,”

chẳng chút thương tình, dù Kiều nói những câu nghĩa lý thật đáng để ý. (2) Rồi động lòng thương, khi thoáng nghe Thúc Sinh than khóc, mà gọi lại gạn hỏi. (3) Rồi dẹp uy và giải vi khi nghe Thúc Sinh kể lại những lời biết điều của Kiều. (4) Rồi tươi cười khi nghe Thúc nói nàng có học thức, biết làm thơ. (5) Rồi khen thưởng khi thấy nàng chữ tốt văn hay. (6) Rồi kết cuộc làm ơn hậu thưởng sửa lễ cưới công.

Tả thái độ quan phủ đối với Kiều cũng dần dần từ nghiêm khắc xuống khoan hòa, xuống khen thưởng : (1) Lúc mới thì quá khinh quá ghét hình như không muốn nhìn mặt, không muốn gọi tên, chỉ mắng bâng quơ “Tuồng chi hương thái hoa thừa,” rồi truyền cứ phép gia hình, không hề thương tình chút nào. (2) Rồi hòa dịu cho là “biết điều thị phi” mà liệu bài giải vi. (3) Rồi tươi cười mà ra thơ làm thử. (4) Rồi hết lời khen thưởng văn tài. (5) Sau cùng khuyên Thúc ông bao dung và cho sửa lễ cưới công long trọng.

CHƯƠNG 17

CÂU 1473 ĐẾN CÂU 1606

“Xa xôi lo phận, thềm lặng lừa chồng”

1473. Mảng vui rượu sớm cờ trưa,
Đào đà phai thắm, sen vừa nẩy xanh. [1]
1475. Trướng hồ vắng vẻ đêm thanh, [2]
E tình nàng mới bày tình riêng chung: [3]
1477. “Phận bỏ từ vẹn chữ tòng, [4]
Đổi thay nhận yến đã hồng đầy niên. [5, 6]
1479. Tin nhà ngày một vắng tin,
Mặn tình cát lữ, lạt tình tao kang. [7]
1481. Nghĩ ra thật cũng nên đường, [8]
Tăm hơi ai dễ giữ giàng cho ta? [9]
1483. Trộm nghe kẻ lớn trong nhà, [10]
Ở vào khuôn phép nói ra mối giường. [11]
1485. E thay những dạ phi thường,
Dễ dò rón bề, khôn lường đáy sông! [12]
1487. Mà ta suốt một năm rông,
Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào
1489. Bấy chầy chưa tỏ tiêu hao, [13]
Hoặc là trong có làm sao chẳng là?
1491. Xin chàng kíp liệu lại nhà,
Trước người đẹp ý, sau ta biết tình. [14]
1493. Đêm ngày giữ mức giấu quanh,
Rày lần mai lửa như hình chưa thông.”
1495. Nghe lời khuyên nhủ thông dong,
Đành lòng sinh mới quyết lòng hồi trang. [15]
1497. Sáng ra gửi đến xuân đường,
Thúc ông cũng vội giục chàng ninh gia. [16]

1499. Tiễn đưa một chén quan hà, [17]
Xuân đình thoát đã đổi ra cao đình. [18]
1501. Sông Tần một giải xanh xanh, [19]
Lôi thôi bờ liễu mấy cành Dương quan.
1503. Cầm tay dài ngắn thở than,
Chia phôi ngừng chén hợp tan nghẹn lời.
1505. Nàng rằng: “Non nước xa khơi,
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.
1507. Dễ mà bọc rẻ giấu kim, [20]
Làm chi bụng mắt bắt chim khó lòng! [21]
1509. Đôi ta chút nghĩa đèo bông,
Đến nhà trước liệu nói sòng cho minh. [22]
1511. Dù khi sóng gió bất tình, [23]
Lớn ra oai lớn, tôi đành phận tôi.
1513. Hơn điều giấu ngược giấu xuôi.
Lại mang những việc tày trời về sau.
1515. Thương nhau, xin nhớ lời nhau,
Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy.
1517. Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
Chén mừng xin đợi bữa này năm sau!
1519. Người lên ngựa, kẻ chia bào, [24]
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san. [25]
1521. Dặm hồng bụi cuốn chinh an, [26]
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh. [27]
1523. Người về chiếc bóng năm canh, [28]
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.
1525. Vàng trắng ai xẻ làm đôi, [29]
Nửa in gói chiếc, nửa soi dặm trường.
1527. Kể chi những nỗi dọc đường,
Buồn trong này nỗi chủ trương ở nhà:
1529. Vốn dòng họ Hoạn danh gia, [30]

Con quan Lại bộ tên là Hoạn thư.

1531. Duyên đảng thuận nẻo gió đưa, [31]

Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.

1533. Ở ăn thì nét cũng hay,

Nói điều giãm buộc thì tay cũng già.

1535. Từ nghe vườn mới thêm hoa,

Miệng người đã lẩm, tin nhà thì không.

1537. Lửa tâm càng dập càng nồng,

Trách người đen bạc, ra lòng trắng hoa: [32]

1539. Ví bằng thú thật cùng ta,

Cũng dong kẻ dưới mới là lượng trên.

1541. Đại chi chẳng giữ lấy nên,

Hay chi mà rước tiếng ghen vào mình?

1543. Lại còn bưng bít giấu quanh,

Làm chi những thói trẻ ranh nực cười!

1545. Tính rằng “Cách mặt khuất lời,

Giấu ta ta cũng liệu bài giấu cho!

1547. Lo gì việc ấy mà lo,

Kiến trong miệng chén có bò đi đâu? [33]

1549. Làm cho nhìn chẳng được nhau,

Làm cho đầy đọa cát đầu chẳng lên!

1551. Làm cho trông thấy nhãn tiền, [34]

Cho người thăm ván bán thuyền biết tay.” [35]

1553. Nỗi lòng kín, chẳng ai hay,

Ngoài tai để mặc gió bay mé ngoài.

1555. Tuần sau bỗng thấy hai người,

Mách tin, ý cũng liệu bài tâng công.

1557. Tiểu thư nổi giận đùng đùng:

“Góm tay thêu dệt ra lòng trêu ngươi!

1559. Chồng tao nào phải như ai,

Điều này hẳn miệng những người thị phi!”

1561. Vội vàng xuống lệnh ra uy,
Đứa thì vả miệng, đứa thì bẻ răng.
1563. Trong ngoài kín mít như bung.
Nào ai còn dám nói năng một lời!
1565. Buồng đào khuya sớm thanh thoi,
Ra vào một mực nói cười như không.
1567. Đêm ngày lòng những dặn lòng, [36]
Sinh đà về đến lầu hồng xuống yên.
1569. Lời tan hợp, nổi hàn huyền, [37]
Chữ tình càng mặn chữ duyên càng nồng.
1571. Tẩy trần vui chén thông dong, [38]
Nổi lòng ai ở trong lòng mà ra. [39]
1573. Chàng về xem ý tứ nhà,
Sự mình cũng rấp lân la giải bày.
1575. Mấy phen cười nói tỉnh say,
Tóc tơ bất động mảy may sự tình.
1577. Nghĩ đà bung kín miệng bình, [40]
Nào ai có khẩu, mà mình đã xung? [41]
1579. Những là e ấp dùng dằng,
Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi. [42]
1581. Có khi vui miệng mua cười,
Tiểu thư lại giờ những lời đầu đầu.
1583. Rằng: “Trong ngọc đá vàng thau, [43]
Mười phần ta đã tin nhau cả mười.
1585. Khen cho những chuyện đông dài,
Bướm ong lại đặt những lời nợ kia.
1587. Thiếp dù vụng chắng hay suy,
Đã dơ bụng nghĩ, lại bia miệng cười!”
1589. Thấy lời thủng thỉnh như chơi,
Thuận lời chàng cũng nói xuôi đỡ đòn. [44]
1591. Những là cười phẩn cợt son,

Đèn khuya chung bóng, trăng tròn sánh vai.
 1593. Thú quê thuần hức bén mùi, [45]
 Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô. [46]
 1595. Chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ,
 Một màu quan tái, mấy mùa gió trắng. [47]
 1597. Tình riêng chưa dám rỉ rã,
 Tiêu thư trước đã liệu chừng nhủ qua:
 1599. “Cách năm, mây bạc xa xa, [48]
 Lâm Truy cũng phải tính mà thân hôn.” [49]
 1601. Được lời như cời tác son,
 Vó câu thẳng ruỗi nước non quê người.
 1603. Long lanh đáy nước in trời, [50]
 Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng. [51]
 1605. Roi câu vừa gióng dặm trường, [52]
 Xe hương nàng cũng thuận đường quy ninh. [53, 54]

Đính chính và xác định

Câu 1493 – *Đêm ngày giữ mực giầu quanh* – Có bản in là “Ví bằng giữ mực giầu quanh.” Xét thấy chữ “đêm ngày” xác đáng hơn chữ “ví bằng.” Chữ “đêm ngày” vừa liền nghĩa với mấy chữ “nay lần mai nữa” ở câu sau, lại vừa có nghĩa ý là lo ngày lo đêm, không lúc nào yên tâm. Còn chữ “ví bằng” kém phần ý sâu, sát nghĩa như thế.

Câu 1502 – *Lôi thôi bờ liễu mấy cành Dương Quan* – Chữ “lôi thôi” nôm viết là [雷催], phần nhiều các bản quốc ngữ phiên âm là “loi thoi” thế là làm, vì loi thoi là hình dãy liễu lè thế cao thấp không đều, được trông thấy từ đằng xa xa. Còn đây là tả cảnh liễu ở nơi tiền biệt như ở Dương Quan, nó có những cành rủ xuống dài loi thôi ngay trước mặt, đối với người đi như có tình lưu luyến giữ lại khi gió ngược, như có ý thân mến tiễn theo khi gió xuôi, làm cho người đi thêm lòng nhớ tiếc loi thôi mãi. Chữ “lôi thôi” có ý nghĩa sâu đẹp như thế, sao lại đổi ra “loi thoi” cho thành ra vô vị, lạc nghĩa?

Câu 1507 – *Đẽ mà bọc rẻ giầu kim* – Câu này lấy ý ở câu tục ngữ “giầu kim bọc rẻ có ngày thò ra” và nghĩa rất giản dị rõ ràng là: không thể giầu được mãi mà không lộ truyện. Nhưng

vì những quyển Kiều phường bản trước in câu này quá nhòe, chính tôi đã được thấy 4 chữ giữa câu này ở vài quyển đó, gần như bốn hình vuông đen hai bên có mấy nét thò ra. Các nhà xuất bản Kiều nôm sau nhận không ra, mới ức đoán, mỗi người viết rõ lại một cách và giải nghĩa một cách gương ghệ. Các nhà xuất bản truyện Kiều quốc ngữ lại cứ theo các bản Kiều nôm này mà dịch mà giải, ý nghĩa thật quanh co, gương ép vô lý. Thí dụ như bản Kiều của hai ông Kim, Kỳ in câu này là “Để lòe yếm thắm tròn kim”, và giải nghĩa rằng: “Lòe được yếm thắm, khó lòe được tròn kim”, nghĩa là cái yếm thắm tuy rằng đỏ, nhưng có khi vô ý không trông thấy, cái tròn kim tuy nhỏ, nhưng nhìn kỹ thì thế nào cũng thấy. Thậm chí lại có nhà xuất bản Kiều nôm biết “Để lòe yếm thắm tròn kim” là vô nghĩa, lại ức đoán mà đổi lại một cách lời thô, nghĩa lạc hơn, là “Để mà ép xắm luôn kim”! Ông cụ huyện Hoàng Mộng Lệ (người làng Phù Lưu, tỉnh Bắc Ninh) là người khảo cứu truyện Kiều rất công phu trong 50 năm có bảo tôi rằng, cụ đã được đọc câu này ở trong một quyển truyện Kiều rất cổ viết câu này là: “Để mà bọc rẻ giấu kim.” Tôi rất phục câu cụ huyện họ Hoàng khảo cứu được đó là rất đúng, vừa rõ nghĩa lý, vừa hợp tình trạng.

Câu 1534 – *Nói điều giàm buộc thì tay cũng già* – Chữ “giàm” nghĩa đen là lấy cái rọ con đan bằng tre gọi là cái giàm mà bịt vào mõm trâu bò cho nó khỏi vơ lúa, nghĩa bóng là tìm lời chèn lẩn không cho người ta nói, như bịt miệng người ta lại. Hai câu lục bát nêu ra cái “hiềm độc đáo đẽ” của Hoạn Thư – kẻ bên ngoài thì cách ăn ở đối với chồng rất hay, rất có lễ độ, nhưng tâm trí rất thâm hiểm khôn ngoan, khi truyện trò thì khéo tìm lời lẽ chèn lẩn, như bịt miệng chồng lại không cho chồng nói. Chữ “buộc” thì nghĩa là khéo dùng mưu mẹo, làm như trói buộc tay chồng lại không cho làm được việc gì ngoài ý định của nàng. Chữ “giàm” có bản nôm viết rất đúng là [緘] (giàm là buộc), nhưng lại có bản đổi một cách vô ý thức thành [扛] (giàng); về sau các bản quốc ngữ theo đó mà dịch là “giàng buộc” và giảng nghĩa một cách vu vơ như lạc đề, chẳng ăn nhằm gì với truyện Hoạn Thư bịt miệng buộc tay chàng Thúc ở đoạn sau; thí dụ như Hoạn Thư không cho Thúc Sinh có dịp để dám thừa truyện đã lấy Kiều, nó làm khổ nhục Kiều mà Thúc Sinh đành khóc thầm mà bó tay không dám binh vực. Bản Kiều của hai ông Kim, Kỳ cũng in là “ràng buộc” và giải nghĩa rằng: “Nói những điều thất vào lý sự thật giỏi.” Lời giải rõ thật vu vơ oan cho Hoạn Thư, suốt truyện nàng đối với chồng bề ngoài vẫn có vẻ yêu kính, chẳng hề “lý sự” với chồng câu nào.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Đào phai thắm, sen nảy xanh* – Hoa đào nở về xuân. Đào phai thắm tức là hết mùa xuân. Sen nở hoa về mùa hè. Sen bắt đầu nảy lá xanh tức là sang mùa hè.

[2] *Trướng hồ* = bức màn che cửa bằng vải mỏng phát hồ cho đỡ gió mà buồng vẫn sáng.

[3] *E tình* = lo ngại cho tình hình của mình.

[4] *Phận bồ* – bồ liễu [蒲柳] = loài cây yếu chịu gió rét, về mùa đông rụng lá trước cây khác. Bởi vậy văn sĩ dùng chữ bồ liễu với hàm ý đàn bà con gái. “Phận bồ” là lời Kiều nói khiêm nhường mình là phận đàn bà hèn. “Vẹn chữ tông” = lấy chồng, theo chồng.

[5] *Đổi thay nhận yến* – nhận = vịt trời. Giữa mùa thu thì nhận đến yến đi – yến = chim én, giữa mùa xuân thì yến đến, nhận đi. Chữ Hán có câu “nhận yến đại phi” [雁燕代飛] có nghĩa “chim nhận chim yến thay nhau mà bay” để nói hết mùa nọ đến mùa kia.

[6] *Đã hòng đầy niên* = đã sắp được đầy một năm.

[7] *Cát lữ* [葛藟] = hai thứ cây dây leo: cây sắn dây và cây lá bạc thau hay quán leo ở góc cây to. Kinh Thi có thơ “Cát lữ” để khen bà Hậu Phi có độ lượng bao dung các vợ lẽ “nam hữu cù mộc, cát lữ luy chi” [南有樛木, 葛藟累之] = “đất nam có cây to, dây cát dây lữ quán vào cây đó.” Người sau dùng “cát lữ” để chỉ vợ lẽ, và “cù mộc” để chỉ vợ cả. “Tao khang” [糟糠] nghĩa đen là bã rượu và tấm cám, đồ ăn nuôi lợn, nghĩa bóng là vợ lấy từ lúc còn nghèo phải ăn tao khang. Vua Hán Quang Vũ có bà công chúa là chị vua hoá chồng, muốn lấy ông Tống Hoàng. Vua để bà chị đứng khuất ở trong màn, và gọi ông Tống Hoàng lại hỏi “Ta nghe như có câu tục ngữ nói ‘giàu đổi bạn, sang đổi vợ’, có phải không?” Ông thưa “Thần không nghe thấy câu ấy, thần chỉ nghe thấy câu ‘bần tiện chi giao bất khả vong, tao khang chi thê bất khả hạ đường’ [貧便之交不可忘, 糟糠之妻不可下堂] = “bạn cũ lúc nghèo hèn không được quên, vợ cũ lúc còn ăn cám bã với mình, không được đuổi xuống dưới thềm (nghĩa là bỏ).” Vua ngoảnh lại bảo bà chị “Việc không xong rồi!”

[8] *Nên dường* = đáng ngại, đáng đề ý mà lo.

[9] *Tắm hơi* nghĩa bóng là tin tức, hơi tiếng. Nghĩa đen thì tắm là những bọt cá làm nổi lên trên mặt nước, người đi câu vẫn tìm chỗ nước nào có nhiều tắm xủi lên thì thả câu. Hơi là

những mùi con vật để lại ở lối nó đi hay chỗ nó ở. Ta vẫn dùng chó để tìm hơi vật săn, như cây cáo, chim chóc.

[10] *Kẻ lớn* đây tức là vợ cả và tức là Hoạn Thư.

[11] *Ở vào khuôn phép* = ăn ở phải đúng vào trật tự trong lễ phép, trên dưới rõ ràng.

Nói ra mối giường = nói ra những oai quyền khuôn phép đầu vào đáy cho người dưới phải theo, như cầm cái dây giường lưới mà kéo thì cả các mắt lưới phải cùng đi.

[12] *Rón bẻ, đáy sông* – Rón bẻ = chỗ sâu nhất của bẻ; đáy sông = chỗ sâu nhất của sông. Người ta ví lòng người hiểm sâu khó dò, khó đo được cũng như khó dò được rón bẻ, khó đo được đáy sông. Câu này đặt theo đại ý câu tục ngữ “Sông sâu còn có kẻ dò / lòng người hò để ai đo cho cùng.”

[13] *Tiêu hao* = những tin tức báo cho biết mọi sự biến chuyển rủi may, hay dở sẽ xảy ra thế nào.

[14] *Đẹp ý* = làm cho vui lòng vừa ý.

[15] *Hồi trang* [回裝] = sắp sửa các đồ hành trang để về.

[16] *Ninh gia* [寧家] = về thăm nhà ở quê quán.

[17] *Chén quan hà* – cuộc rượu tiễn biệt người đi xa. Vì cuộc rượu tiễn biệt này hay ở quán rượu gần cửa ải (quan) hay trên bến sông (hà), nên gọi là chén “quan hà” [關河].

[18] *Xuân đình, cao đình* = Xuân đình [春亭] là chỗ nhà chơi vui. Cao đình là nơi tiễn biệt. Gọi là Cao Đình vì quán này hay đặt ở chỗ giang cao [江皋] (chỗ bờ sông cong uốn).

[19] *Sông Tần một giải xanh xanh* – Câu này lấy điển ở câu hát cổ “Dao vọng Tần xuyên, can trường đoạn tuyệt [遙望秦川, 肝腸斷絕] = Xa trông sông Tần, gan ruột như đứt thành từng đoạn”.

[20] *Bọc rẻ giấu kim* – Xem lời đính chính câu 1507 ở trên.

[21] *Bưng mắt bắt chim* – Đây là câu tục ngữ chê người ngu đần tự dối mình trước để dối người: muốn bắt con chim đang đậu, sợ nó trông thấy mình nó bay, lại bịt mắt mình lại, cho là mình không trông thấy nó thì nó cũng không trông thấy mình. Câu “bọc rẻ giấu kim” ở

trên thì nói không thể giấu lâu được; câu này thì nói: người ta đã biết thừa đi rồi, lại còn tự dối mình coi như người ta không biết để giấu người ta.

[22] *Nói sòng* = nói công khai sự thật ở trước mặt mọi người cho ai cũng biết.

Sòng là phơi bày ra, như nói: *sòng* tiền ra coi; mua bán *sòng* phẳng.

[23] *Bất bình* = bất kỳ, ngoài sự mình tưởng đoán.

[24] *Chia bào* – *Bào* là vạt trước áo dài mặc ngoài. *Chia bào* là vợ chồng chia tay nhau khi tiễn biệt; chữ Hán là “phân mệ” [分袂] = chia vạt áo.

[25] *Rừng phong thu đã nhuộm màu quan sơn* – *Phong* là loài cây to lá hình bàn tay có ba hay năm mảnh, đến mùa thu thì lá màu đỏ đẹp, nhưng cuối thu thì tàn rụng rất buồn. Thơ Đỗ Phủ “Ngọc lộ điều thương phong thụ lâm [玉露凋傷楓樹林] = “Giọt móc trong như ngọc làm điều tàn rừng cây phong.” Câu Kiều này lại dùng thêm điển ở một câu trong Tây Sương Ký “Thu lai thùy nhiễm phong lâm thúy [秋來誰染楓林翠] = Mùa thu đến, còn ai nhuộm được sắc rừng phong cho nó xanh trở lại?”

[26] *Dặm hồng* = đường đi bụi đỏ bốc lên bởi xe, ngựa.

[27] *Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh* – Câu này dùng điển ông Lưu Bị tiễn Từ Thúc ở Tam Quốc. Khi Từ Thúc phải bỏ ông Lưu Bị về với mẹ ở bên Ngụy, ông Bị tiễn Từ Thúc đi rồi đứng nhìn theo mãi đến lúc Thúc đi đã khuất mấy ngàn dâu xanh rồi vẫn chưa về, rồi giận mấy ngàn dâu đỏ, sai người chặn hết.

[28] *Chiếc bóng* = lẻ loi một mình lúc đêm khuya; trước kia có hai bóng ở trước đèn, bây giờ chỉ có một bóng mình.

[29] *Vùng trăng ai xẻ làm đôi* – Thơ cổ có câu vịnh cảnh trăng nửa vành hạ tuần “Thùy bả ngọc bôi phân lưỡng đoạn, bán trâm thủy đế bán phù không” [誰把玉杯分兩斷, 半沈水底半浮空] = Ai đem cái chén ngọc này chia làm hai nửa, một nửa chìm ở đáy nước, một nửa nổi ở trên không?” Hai câu 1525, 1526 dùng ý hai câu thơ này mà đặt để tả cảnh tả tình nhớ nhau – Kiều trông trăng thì nghĩ trăng đương soi đường Thúc đi, Thúc trông trăng thì nghĩ trăng đương soi buồng Kiều lúc canh khuya.

[30] *Danh gia* = nhà dòng dõi quan sang, danh giá nổi tiếng.

[31] *Duyên đằng thuận nẻo gió đưa* = duyên tự giời, số giời dặt lại. Câu này lấy ý ở câu thơ “Thì lai phong tống Đằng Vương Các [時來風送滕王閣] = Lúc vận may đến thì gió đưa đến lầu gác Đằng Vương”. Để nói người đời lúc vận may đến, thì như gió đưa Vương Bột đến dự tiệc ở gác Đằng Vương, mà được nổi tiếng văn hay muôn đời. Sự tích như sau: Vương Bột được vua Đường Cao Tôn nuôi làm bạn học với Thái Tử ở trong cung, sau vì làm bài hịch Đẩu kê (gà trội) có ý hùng dũng quá bị vua ghét đuổi ra ngoài cung. Bột buồn chán, bỏ quan đi thăm bố làm quan ở Giao Chỉ. Một hôm thuyền gặp gió thuận thổi đi vùn vụt một đêm được 700 dặm đến Hồng Châu, vừa gặp ngày tiệc Đô Đốc ở Hồng Châu là Diêm Bá Tự mở mừng lễ khánh thành việc sửa chữa lại gác Đằng Vương, dự tiệc có hàng nghìn văn sĩ đủ mặt tài giỏi, mấy người rủ Bột cùng vào. Bột bấy giờ mới có chừng 20 tuổi, viên Đô Đốc cho ngồi ở chiếu cuối cùng đám tiệc. Lúc bữa tiệc đã bắt đầu, Diêm Đô Đốc đưa giấy bút xin các quan khách làm cho bài tựa “Đằng Vương Các” để làm kỷ niệm cho bữa tiệc to tát hiếm có này. Các quan khách không ai dám nhận, có ý nhường cho rể Đô Đốc là tay văn sĩ nổi tiếng. Khi đưa giấy bút đến Bột ở cuối cùng, thì Bột nhận làm ngay. Lúc đầu Diêm Đô Đốc thấy Bột còn trẻ quá mà dám nhận làm, ông rất giận, định cho viết mấy câu rồi thu giấy bút không khiến làm nữa. Nhưng khi ông xem mấy câu đầu Bột mới thảo, ông thấy hay, ông đã hơi phục, rồi Bột càng thảo, ông càng chịu là hay. Khi thấy Bột viết được mấy câu hay quá, ông sừng sốt than khen “thật thiên tài” rồi để yên cho Bột viết xong bài. Khi Bột viết xong, Diêm Đô Đốc khen nức nở, đưa quan khách coi để nhờ sửa lại, thì không ai sửa lại được chữ nào. Thế là nhờ bài tựa này mà tiếng Bột nổi mãi đến bây giờ.

Lời chú thích trên này là tôi theo nhiều bản Kiều lưu hành mà kể như một truyện vui trong giới văn chương để cho độc giả biết một bậc văn tài siêu việt, mới 20 tuổi mà thảo trong chốc lát xong bài Đằng Vương Các Tự dài 843 chữ lưu truyền mãi đến nay là một bài tuyệt diệu. Nhưng thật ra là: lấy câu thơ “thì lai phong tống Đằng Vương các” mà giải thích câu Kiều “Duyên đằng thuận nẻo gió đưa” thì không xác đáng. Tôi thấy bài “Bạch đầu ngâm” của Lý Bạch có những câu này:

[菟絲固無情] = Thỏ ty cố vô tình (Cây dây thỏ ty vốn trước nó không có tình ý gì cả)

[隨風任顛倒] = Tùy phong nhiệm điên đảo (Nó cứ ngã nghiêng theo gió đưa đi đâu thì đi)

[誰使女蘿枝] = Thùy sử nữ la chi (Ai sui khiến cành cây nữ la kia)

[而來強縈抱] = Nhi lai cường oanh báo (Mà nó đến cố tình ôm cuốn lấy)

Lấy 4 câu này mà giải thích hai câu “Duyên đăng thuận nẻo gió đưa, cùng chàng kết tóc xe to những ngày” thì đúng hơn, được cả “duyên đăng gió đưa” câu trên, và “kết tóc xe to” câu dưới. Chữ đăng [藤] là dây leo làm ra [滕] là nước Đăng.

[32] *Đen bạc* = con người bụng dạ điên đảo, bội bạc, đổi trắng thay đen.

[33] *Kiến bò miệng chén* hàm ý nói “điều không thể nào tránh thoát ra khỏi tay mình được” – như con kiến bị úp trong miệng cái chén thì còn chạy đi đâu được nữa, người ta mở ra bắt lúc nào chẳng được.

[34] *Trông thấy nhõn tiền* = trông thấy ngay trước mắt.

[35] *Thăm ván bán thuyền* lấy ý ở câu tục ngữ “chưa thăm ván đã bán thuyền” và so sánh thật đúng – chàng Thúc lấy Kiều chưa thật chính thức đủ phép đối với gia đình, mà đã quên vợ cả.

[36] Lòng dạn lòng là Hoạn Thư lúc nào lòng cũng đinh ninh lại dạn nhủ mình rằng phải giữ cho kín đưng hở cho ai biết ý định lừa chồng của mình. Bản Kiều của hai ông Kim, Kỳ in “dạn” là “giận” thành ra câu này có nghĩa “lúc nào lòng nằng cũng giận lòng Thúc Sinh” là điều rất lầm.

[37] *Hàn huyên* = hỏi han, thăm hỏi sau một thời gian dài xa cách.

[38] *Tẩy trần* = bữa tiệc đón mừng người đi xa về. Nghĩa đen chữ “tẩy trần” [洗塵] là rửa cho sạch bụi khi đi đường; nghĩa bóng là rửa cho hết sự mệt nhọc khi đi đường.

[39] *Nổi lòng ai ở trong lòng mà ra* – Tục ngữ “Nào có trong lòng nhau ra đâu mà biết?” hàm ý “có vào được trong lòng nhau mà bới tìm được sự bí mật của nhau, thì lúc ra mới biết; còn như không ở trong lòng nhau mà ra, thì biết sao được lòng nhau thế nào?”

[40] *Nghĩ đà bưng kín miệng bình* = Thúc Sinh nghĩ rằng ta đã giấu kín được việc lấy Kiều, Hoạn Thư không biết chút tăm hơi nào, như bình rượu kia ta đã nút kín không bốc chút hơi nào ra ngoài, thì ta cứ giữ cho thật kín miệng như giữ kín miệng bình rượu.” Hầu hết các bản Kiều nôm hay quốc ngữ dẫn điển câu này ở câu “thủ khẩu như bình” [守口如瓶]; câu này thật ra là câu khuyên người ta chớ hay nói, phải giữ miệng cho kín cho im như miệng bình, khác với ý nghĩa ở tình trạng Thúc Sinh lúc này, đáng lẽ phải nói thì lại không nói.

[41] *Khảo* = tra hỏi.

[42] *Rút dây động rừng* lấy từ câu tục ngữ “chớ rút dây mà động rừng” có nghĩa đen là khi vào rừng chớ rút những dây leo mà hồ báo ra nguy hiểm lắm, và nghĩa bóng ở đây là sợ nói đến truyện lấy Kiều, thì Hoạn Thư giận dữ lên nguy lắm.

[43] *Ngọc đá, vàng, thau* – Sách Nho có câu “Vũ phu loạn ngọc” [砮砮乱玉] = Đá vũ phu đẹp lẫn với ngọc” thì ca dao ta có câu “Trách cha trách mẹ trách chàng / cầm cân chẳng biết rằng vàng hay thau / thật vàng chẳng phải thau đâu / đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng.” Ý câu Hoạn Thư nói này là “vợ chồng chúng ta đã tin nhau lắm rồi, chẳng còn chút ngờ lòng nhau là thật hay là giả dối nữa.”

[44] *Nói xuôi đờ đòn* = theo ý nàng mà nói xuôi một chiều đi cho xong lần, đờ đờ nàng ngờ vực điều gì mà tra hỏi lời thôi.

[45] *Thú quê thuần hức bén mùi* – *Thú quê* = sở thích có ở nơi quê nhà mình. *Thuần* [蒹] = thứ rau mọc dưới nước về mùa thu, nấu canh rất ngon. *Hức* = thứ cá ăn gỏi rất ngon. Câu này dùng điển tích Trương Hàn [張翰] đòi Tấn. Hàn quê ở đất Ngô Trung vào làm quan ở Lạc Dương, thấy gió thu thổi, nhớ đến canh rau thuần, gỏi cá lô, bảo mọi người rằng: “Người ta sống trên đời quý nhất là được thích chí mình, hơi đâu làm quan xa để cầu tiếng hão huyền.” Ý câu này nói Thúc Sinh thấy cảnh thu, thương nhớ đến Kiều.

[46] *Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô* – *Giếng vàng* do chữ “kim tinh” [金井] dịch ra. Xưa có cái giếng về mùa thu thì nước trong màu vàng, nên gọi là kim tinh. Văn sĩ đời sau hay dùng chữ kim tinh làm điển tả mùa thu. Cổ thi có câu “Ngô đồng nhất diệp lạc / thiên hạ cộng tri thu [梧桐一葉落, 天下共知秋] = Cây ngô đồng rụng một lá, người thiên hạ cùng biết là mùa thu đến.” Câu Kiều này lấy điển ở câu thơ đó.

[47] *Quan tái* – *Quan* [關] = cửa ải. *Tái* [塞] chỗ bờ cõi xa. *Quan tái* = nơi cửa ải ở chỗ biên thùy xa xôi. Câu này nói cảnh đi đường nơi xa lạ, hết nơi lạ nọ đến nơi lạ kia.

[48] *Mây bạc* = mây trắng do chữ “bạch vân” [白雲] dịch ra, với hàm ý là nơi cha mẹ ở.

[49] *Thần hôn* [晨昏] = sớm tối thăm hỏi cha mẹ. Kinh Lễ dạy: Con nuôi cha mẹ già, sáng sớm dậy phải đến chào hỏi cha mẹ xem đêm ngủ có ngon giấc không, có mơ thấy sự vui buồn

gì không. Tối đi ngủ phải đến chào hỏi cha mẹ xem ngày ăn có ngon không, có gặp sự gì phải buồn bực không?

[50] *Đáy nước in trời* tả cảnh đi đường trên bờ sông hồ, thấy bóng trời mây in ở dưới nước long lanh thật đẹp, và vì lòng chàng vui, nên cảnh càng đẹp.

[51] *Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng* tả cảnh đi đường: buổi sớm thì thấy khí sương mù kết thành bức mây thành màu biếc ở chân trời, buổi chiều thì thấy bóng nắng vàng chiếu xuống như phơi màu vàng ở sườn núi. Bản Kiều của hai ông Kim Kỳ giảng “non phơi bóng vàng” là “lá cây trên rừng trông vàng úa cả” thật là vu vơ.

[52] *Roi câu – Câu* [駒] = con ngựa non đẹp.

[53] *Xe hương* = xe lịch sự của đàn bà đi thời cổ. Đường Thi có câu “du bích hương xa bất tái phùng” [油壁香車不再逢] = “không gặp lại cái xe thơm ngoài sơn dầu bóng nữa.”

[54] *Quy ninh* - Đàn bà đã lấy chồng, khi về thăm cha mẹ gọi là *quy ninh* (về thăm hỏi cha mẹ có được vui không).

Diễn ra văn xuôi

Câu 1473, 1474 = Chàng nàng mãi vui những cuộc chơi phong nhã như uống rượu buổi sớm, đánh cờ buổi trưa, mà quên cả ngày tháng, rồi bỗng thấy đào mùa xuân đã tàn hết hoa, sen mùa hè nẩy lá non xanh rờn.

Câu 1475, 1476 = Một đêm nọ, nhân khi thông thả, trong buồng vắng vẻ, Kiều nghĩ đến nông nỗi đáng lo ngại cho mình, mới bày tỏ cho Sinh nghe mọi nỗi tâm tình hoặc đáng lo cho riêng nàng, hoặc đáng lo cho cả đôi.

Câu 1477, 1478 = Nàng nói : Từ khi phận gái này được nên duyên theo chàng về đây, bây giờ đã thấm thoát hết xuân sang thu, gần đầy một năm rồi.

Câu 1479, 1480 = Thế mà tin tức ở quê nhà Vô Tích càng ngày càng băng đi, không thấy chút tin tức nào về việc chàng nặng tình với vợ lẽ quá và nhạt tình quá với người vợ cả tình nghĩa cũ càng như vậy ?

Câu 1481, 1482 = Cái sự tin tức vắng bằng này nghĩ ra thật đáng nên để ý, vì việc đôi ta lấy nhau này, chắc không ai người ta giữ kín cho ta, thế nào vợ cả cũng biết, vậy mà sao lại im đi được như thế ?

Câu 1483, 1484 = Tôi nghe nói bà ấy không vừa, ăn ở thì nghiêm trang đúng vào khuôn phép lễ độ, mà nói năng thì lời lẽ đâu ra đấy, đúng thể thống trên ra trên, dưới ra dưới.

Câu 1485, 1486 = Tôi rất e sợ bụng dạ những hạng người phi thường đáo để ấy, vì tâm cơ họ hiểm sâu như rón bề như đáy sông, không dễ mà dò xét, mà đoán chừng được.

Câu 1487, 1488 = Chúng ta lấy nhau đã ròn rã một năm giờ rồi, chắc không thể nào giấu xong được.

Câu 1489, 1490 = Thế mà bấy lâu nay, bà ấy vẫn giữ kín không cho chúng mình biết chút phản ứng lành dữ thế nào. Hoặc giả trong sự lặng lẽ kín đáo đó, có sự cơ mưu bất trắc nào chăng ?

Câu 1491, 1492 = Vậy chàng nên liệu kíp về nhà ngay đi, trước để đẹp lòng bà cả, sau là để biết tình ý bà ấy thế nào.

Câu 1493, 1494 = Nếu cứ ngày đêm lúc nào cũng lo giấu quanh giấu quẩn, nay lần mai lửa mãi như bây giờ, thì hình như tình trạng này chẳng bao giờ được trôi chảy hả hê cả.

Câu 1495, 1496 = Sinh nghe lời nàng thông dong khuyên nhủ cũng đành tình xa nàng mà quyết lòng sắp sửa hành trang về thăm quê nhà.

Câu 1497, 1498 = Sáng hôm sau, chàng dậy sớm sang nói với cha, thì Thúc ông cũng vội giục chàng về thăm quê.

Câu 1499, 1500 = Sau một bữa tiệc tiễn nhau lúc sắp đi xa, thế là đương cảnh vui sum họp ở Xuân đình đã bước sang cảnh từ giã buồn nhớ ở Cao đình.

Câu 1501, 1502 = Ngắm cảnh bước đường sắp đi thật là quá buồn : nào là dưới sông thì nước chảy xanh xanh, nào là trên bờ đê thì những cảnh dẫy liễu lồi thoi, rũ xuống làm vương vít lòng người lúc chia rẽ nhau.

Câu 1503, 1504 = Chén rượu rót để mời tiễn nhau lúc chia rẽ nâng lên rồi lại dùng dằng ngừng lại, những lời muốn nói để từ giã nhau thì thốn thức nghẹn lại không nói ra được.

Câu 1505, 1506 = Nàng đình ninh dặn kỹ chàng rằng : Chàng về rồi, thiếp ở nơi xa xôi cách biệt bao lần sông núi này, chàng nên nhớ rằng chàng phải làm thế nào cho tình thế đối với bà cả ở trong nhà bên đó có được êm ấm, thì tình thế của thiếp ở bên ngoài này mới được yên ổn êm ả.

Câu 1507, 1508 = Sự tình đôi ta thế nào trước sau cũng hờ thối. Tục ngữ có câu *Giấu kim bọc rỏ có ngày thò ra* – cái kim nhỏ, bọc dẻ to, giấu kín thế mà còn có ngày hở ra, huống chi cái việc chúng mình lấy nhau nó to tát lộ liễu thế thì kín mãi thế nào được! Vậy xin chàng chớ giấu nữa, chớ như kẻ bung mắt bắt chim, tưởng là mình không trông thấy chim, thì chim nó cũng không trông thấy mình. Chúng ta cũng chớ làm tưởng coi như mình không biết chuyện mình, thì người ta cũng không biết, để lừa dối người ta. Cái sự tự dối mình để dối người như thế thật khó lòng làm được lắm.

Câu 1509, 1510 = Vậy xin chàng khi về đến nhà, trước hết phải nói sòng ngay trước mặt cho bà ấy biết rõ ràng hẳn hoi chuyện chàng lấy thiếp, không giấu giếm chút nào.

Câu 1511, 1512 = Dù cho bà ấy bất kỳ nổi sóng gió giận dữ, đem cái quyền vợ cả mà ra oai với thiếp thế nào nữa, thiếp cũng đành chịu cái phận lẽ mọn của thiếp là xong.

Câu 1513, 1514 = Còn hơn là điều cứ giấu ngược giấu xuôi mãi, để rồi mang lấy cái tai vạ to tày trời về sau.

Câu 1515, 1516 = Chàng có thương nhau thì phải nhớ lời đình ninh dặn dò của nhau. Một năm xa nhau tuy lâu, nhưng cũng chẳng lâu là bao nhiêu, rồi ta sẽ lại gặp nhau.

Câu 1517, 1518 = Xin chàng nhớ chén rượu tiễn chàng vào bữa hôm nay, và thiếp xin đợi nâng chén rượu đón mừng chàng vào bữa đúng hôm này sang năm.

Câu 1519, 1520 = Thế là một người thì co tay cương lên ngựa, một người thì buông vạt áo chồng ra mà nhìn theo. Cảnh rừng phong đỏ ửng sắp điêu tàn, mùa thu đã nhuộm một màu buồn cho những ngọn núi xa xăm mà nàng tưởng tượng chàng sẽ phải vượt qua.

Câu 1521, 1522 = Nàng trông theo thấy chàng đi đến đâu thì vó ngựa làm bay bụi đỏ ở đường đến đó. Nàng nhìn mãi cho đến lúc chàng đi khuất bóng vào ngàn dâu xanh.

Câu 1523, 1524 = Thế là người thì về đêm đêm thức lẻ loi một mình suốt năm canh ; người thì ngày ngày đi một mình ở trên đường xa xôi muôn dặm.

Câu 1525, 1526 = Ôi ! Cái vàng trắng kia, ai sẽ nó ra làm đôi vậy, mà một nửa thì soi chiếc gói lẻ loi của người vợ, một nửa thì soi con đường xa thẳm của người chồng ?

Câu 1527, 1528 = Thôi hãy xếp lại, kể chi mãi cái nông nổi của chàng ở dọc đường! Và này đây, hãy kể rõ nông nổi của người vợ cả chủ trương mọi việc, trong buồng ở quê nhà Vô Tích.

Câu 1529, 1530 = Nàng là con gái một nhà danh giá họ Hoạn, con quan Lại Bộ, và tên là Hoạn Thư.

Câu 1531, 1532 = Thuận theo duyên trời sớm sửa đưa lại, nàng kết duyên cùng chàng từ lâu rồi.

Câu 1533, 1534 = Kể về đường ăn ở cư xử bề ngoài đối với chồng, thì tính nết nàng cũng hay, nói năng lễ độ, chiều chuộng ân cần, nhưng kể đến điều cơ mưu trong lòng nàng để giảm miệng và buộc tay chồng, thì nàng cũng già tay lắm. Khi trò chuyện thì khéo đón trước chặn sau, để cho chồng không nói được câu nào ngoài ý muốn nàng ; khi ghen tuông thì khéo dùng cơ mưu để giữ chồng, để như trói buộc tay chàng lại không dám bênh vực được chút nào tình địch của nàng.

Câu 1535, 1536 = Từ khi nàng mang tin chồng lấy vợ lẽ, miệng người ta đồn đã nhiều, mà chẳng được tin tức gì ở nhà Lâm Truy gửi về nói đến việc này cả.

Câu 1537, 1538 = Nàng càng nén lòng nhịn đi, thì lại chỉ càng thêm tức giận, chẳng khác mớ lửa lòng càng dập đi, thì nó lại càng bùng to lên. Nàng trách chồng đã là kẻ bội bạc điên đảo, lại ra người trắng hoa hư hỏng.

Câu 1539, 1540 = Nàng nghĩ bụng : Ví thử hẵn biết điều, cứ thú thực cùng ta hẵn hoi, thì làm gì ta chẳng biết lấy lượng rộng rãi mà bao dung kẻ dưới, cho xứng đáng là người trên.

Câu 1541, 1542 = Ta có đại gì mà chẳng giữ lấy nền nếp, đứng đắn, đàng hoàng, vì nào có hay dung gì mà rước lấy tiếng ghen tuông vào mình cho người ta chê cười !

Câu 1543, 1544 = Nhưng mà anh ta không biết điều, lại cứ bung bịt, giấu quần giấu quanh, giờ những thói trẻ ranh ra mà đối đãi với ta, rõ thật là nực cười !

Câu 1545, 1546 = Được rồi ! Ta đã tính nhân cuộc cách mặt khuất lời này, hẵn đã giấu ta, thì ta cũng tìm cách giấu lại cho coi !

Câu 1547, 1548 – Chà ! Lo gì việc ấy mà chả báo thù được nhau ! Rõ như con kiến đã úp ở trong miệng chén rồi, thì bò đi đâu cho thoát được nữa đây ?

Câu 1549, 1550 = Ta sẽ làm cho hai đứa gặp nhau mà chẳng dám nhìn nhau ! Ta sẽ làm cho cả hai đều nhục nhã đầy đọa, không sao cất đầu lên được !

Câu 1551, 1552 = Ta sẽ làm cho chúng trông thấy ngay trước mắt cái vạ về cuộc giầu bịt ta này. Và nhất là cho cái anh *mới thăm ván đã bán thuyền* này biết rõ tay ta !

Câu 1553, 1554 = Nàng quyết định lập tâm như thế, rồi nàng giữ kín mưu cơ, nông nỗi trong lòng nàng, không hở cho ai biết. Ai nói gì đến việc chồng lấy vợ lẽ này, nàng để ở ngoài tai hết, như gió qua ngoài mái tai vậy.

Câu 1555, 1556 = Mười hôm sau bỗng có hai người đến mách truyện này với nàng, ý muốn tâng công lấy lòng nàng.

Câu 1557, 1558 = Nàng liền nổi giận đùng đùng mà quát : Gớm cho những quân thù dệt ra truyện để trêu người này.

Câu 1559, 1560 = Chồng tao đứng đắn, chứ nào có phải như ai đâu ! Điều này rõ ràng là chúng bay bịa đặt ra để chê bai chồng tao đó !

Câu 1561, 1562 = Rồi nàng liền sai bọn người nhà đem hai người đó ra, người thì bị vả miệng, người thì bị bẻ răng.

Câu 1563, 1564 = Thế là từ đó mọi người trong ngoài giữ kín miệng như bưng, chẳng còn ai dám nói năng một lời nào về truyện chàng lấy giầu vợ lẽ nữa.

Câu 1565, 1566 = Và nàng thì khuya sớm lúc nào cũng một vẻ thanh thoi ở buồng, khi ra khi vào gặp ai cũng một mực cười nói vui vẻ như không có chuyện gì bận tâm.

Câu 1567, 1568 = Trong khi tiểu thư ngày đêm lúc nào lòng cũng nhủ lòng là phải giữ cho kín nỗi lòng như thế, thì Thúc Sinh đã về đến nơi xuống ngựa ở trước cửa buồng.

Câu 1569, 1570 = Tiểu thư chào đón niềm nở, rồi nào là câu chuyện tỏ lòng nhớ nhung khi xa cách, vui mừng khi gặp mặt, nào là lời hỏi thăm chúc mừng sức khỏe, rõ thật là chữ tình càng thêm mặn mà, chữ duyên càng thêm nồng đậm. (Hai chữ “càng” ở câu này thật hay, tả được đủ nỗi giả dối trong lòng và vẻ giả dối ngoài mặt của tiểu thư để giữ kín cơ mưu lừa chồng, cho chàng trước càng muốn thú thật bao nhiêu, sau càng giầu kín bấy nhiêu).

Câu 1571, 1572 = Nàng ung dung đặt tiệc tẩy trần, và ngoài thì vẫn vui vẻ uống rượu với chàng, nhưng nổi căm giận trong lòng nàng thì nào ai có ở trong đó ra đâu mà biết được !

Câu 1573, 1574 = Chàng về để xem ý tứ nàng ra sao, cũng nhiều lúc chàng muốn nhân dịp lân la bày tỏ sự tình của mình cho nàng biết rõ.

Câu 1575, 1576 = Nhưng thấy nàng khi tỉnh khi say trong bữa tiệc, cười cười nói nói, chẳng đưng chạm chút nào đến việc chàng muốn nói, để chàng không có dịp nào mà nói.

Câu 1577, 1578 = Chàng nghĩ bụng : Thế là quả nhiên việc này mình đã bung bít được thật kín, nàng không biết chút tăm hơi nào cả cũng như bình rượu đã đóng nút thật kín, không bốc chút hơi nào ra ngoài. Nàng đã không tra khảo đến, thì tội gì mình lại tự nhiên xưng ra ?

Câu 1579, 1580 = Bởi chàng nghĩ thế, nên phần thì chàng e ấp dửng dăng mãi, rồi thôi đi không nói gì đến chuyện đó nữa ; phần thì chàng e ngại bỗng dung nói ra sợ nàng nổi ghen giận dữ lên, có khác nào như rút dây làm động rừng cho hổ báo nó nhào ra thì thật nguy khôn tránh sao được ! (Thế là chàng đã mắc mưu “giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho” của Hoạn Thư, mà quên hẳn lời Kiều đình ninh dặn dò “đến nhà trước vội nói sòng cho mình !”).

Câu 1581, 1582 = Hoạn Thư đã không để cho Thúc Sinh có dịp nói về việc đã lấy Kiều; lại còn khéo dùng lời hể hả để chặn họng chàng trước cho chàng không dám nói nữa; nhân khi vui chuyện mua cười, nàng lại khéo giờ những câu vui vu vơ như vô tình ra mà nói để giảm bớt miệng chàng : Hai vợ chồng ta ở với nhau thật là hết lòng thành thật, không còn ngờ nhau chút nào là vàng hay thau, ngọc hay đá nữa. Chúng ta đã tin nhau đủ mười phần mười như vậy.

Câu 1585, 1586 = Thế mà thật đáng khen cho những kẻ mồm miệng dông dài, dám đặt ra những chuyện bướm ong kia nọ để chê cười chàng là lãng lơ mê gái, lấy vợ lẽ giấu ở Lâm Truy, phụ tình với thiếp.

Câu 1587, 1588 = Thiếp tôi tuy vụng dại ngu dốt, chẳng biết suy nghĩ gì thật, nhưng thừa biết là chẳng khi nào chàng lại nở phụ thiếp như thế, nên thiếp chẳng thèm nghĩ gì đến chuyện ấy cho dơ bản cả lòng, và chỉ tỏ cho người ta cười, làm mang tiếng cho cả hai vợ chồng.

Câu 1589, 1590 = Chàng thấy tiêu thư thủng thỉnh vui vẻ nói như chơi thế thôi, nên chàng cũng theo y lời nàng mà nói đưa đẩy mấy lời cho xuôi đi một chiều để khỏi sinh ra chuyện gì lời thôi mà mình phải chống đỡ.

Câu 1591, 1592 = Thế là vợ chồng một mực vui hòa, cười phấn cợt son với nhau – khi thì ngồi bên nhau mà ngắm trăng tròn ở trước hiên, khi thì chuyện vui với nhau chung bóng một ngọn đèn khuya trong buồng.

Câu 1593, 1594 = Mùa thu năm trước, chàng từ biệt Kiều về Vô Tích, thắm thoát đã lại đến mùa thu năm nay, một vài lá ngô đồng đã lác đác rụng, và nước giếng đã hóa màu thu trông vàng vàng. Chàng thấy mùa thu lại đến, chàng lại nhớ cảnh mùa thu êm đềm trước với Kiều ở Lâm Truy cũng như Trương Hàn xưa kia thấy hơi thu đến lại nhớ canh rau thuần, gọi cá hức là những món ăn đầy thú vị, đầy tình cảm ở nơi quê nhà.

Câu 1595, 1596 = Thấy thu lại đến, chàng còn nhớ đến cảnh xông pha bước giang hồ mùa này năm ngoái để về Vô Tích, và những tiếc mấy mùa cảnh đẹp gió mát trăng thanh năm nay, chàng đã phải vui gượng với Hoạn Thư, nhưng lòng lúc nào cũng vẫn một niềm nhớ buồn bơ vơ như bị đày đọa ở nơi quan ải.

Câu 1597, 1598 = Tình riêng nhớ nhưng muốn đi Lâm Truy đó, chàng chưa dám hé môi ra nói với ai, thì Hoạn Thư đã biết trước và đề chừng dò hỏi mà bảo chàng rằng :

Câu 1599, 1600 = Chàng về đây đã xa cách nơi cha ở đằng đẵng một năm trời rồi, thì nên liệu đi Lâm Truy mà sớm tối chăm nom cha già cho phải đạo.

Câu 1601, 1602 = Được lời nàng bảo, chàng vui mừng hơn hở, như được cởi mở tắc lòng ra, và liền lên ngựa xông pha nơi quê người ra đi ngay.

Câu 1603, 1604 = Cảnh đi đường hời này, chàng cảm thấy rất đẹp – nơi thì thấy nước trong long lanh, bóng trời mây in xuống đáy nước sông hồ ; nơi thì thấy khói mây buổi sớm như xây nên bức thành phẳng biếc ở trước mắt; nơi thì thấy ánh nắng buổi chiều chiếu xuống làm cho núi non như vàng phoi một lượt.

Câu 1605, 1606 = Chàng vừa lên ngựa quắt roi ra đi nơi đường dài, thì nàng cũng lên chiếc xe thơm đẹp của đàn bà, thẳng đường về thăm cha mẹ nàng.

Các câu hay chữ có ý móc nối hoặc châm biếm

- Kiều lo ngại sao mà “Tin nhà ngày một vắng tin” móc nối với câu Hoạn Thư nói “Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho” và câu vì Hoạn Thư ra oai bịt miệng mà “Trong ngoài kín mít như bung / nào ai còn dám nói năng một lời.”

- Câu Kiều định ninh dặn Thúc Sinh “Đôi ta chút nghĩa đèo bông / đến nhà trước phải nói sòng cho minh / dù khi sóng gió bất bình / lớn ra oai lớn, tôi đành phận tôi” móc nối với những câu “Nghĩ là bung kín miệng bình / nào ai đã khảo mà mình lại xưng / những là e ấp dùng dằng / rút dây sợ nữa động rùng thì sao ?”

- Câu Kiều lo “E thay những dạ phi thường / dễ dò rôn bể khôn lường đáy sông” móc nối thật đúng với mưu sâu thâm độc của Hoạn Thư “Làm cho nhìn chẳng được nhau / làm cho đày đọa cát đầu chẳng lên / làm cho trông thấy nhãn tiền / cho người thăm ván bán thuyền biết tay !”

- Câu “Mặn tình cát lũy nhạt tình tào khang” để tả lòng Kiều tử tế với chồng – chỉ lo chồng mang tiếng phụ bạc – đối ngược lại với câu “Chữ tình càng mặn chữ duyên càng nồng” để tả lòng điên đảo giả dối của Hoạn Thư chỉ tìm cách lừa chồng sa vào cạm bẫy ghen tuông của mình.

- Câu “Trạnh lòng nhớ cảnh giang hồ / một niềm quan tái mấy màu gió trắng” tả Thúc Sinh tuy ở gần Hoạn Thư – nhưng vẫn thờ ơ buồn nhớ như ở nơi quan tái – cùng một ý với câu tả cảnh Kiều ở lầu xanh “Thờ ơ gió trúc mưa mai / Ngẩn ngơ trăm mối dùi mài một thân.”

- Tâm tính Thúy Kiều trái với tâm tính Hoạn Thư. Kiều thì thành thật, khôn biết đủ điều ; những lời Kiều khuyên bảo Thúc Sinh đều do lòng quý chồng, mong chàng ăn ở phải đạo, không chút cậy yêu ghen ngược. - Hoạn Thư thì điêu bạc, khôn ngoan đủ đường, những lời nàng nói với Thúc Sinh đều giả dối, khinh chồng như trẻ con, và lừa chồng vào vòng khổ nhục, để hả lòng thù ghen.

- Khi Kiều lấy lòng thành khẩn khuyên Thúc về Vô Tích thì Thúc cảm tình Kiều mà phải “Đành lòng Sinh mới quyết lòng hồi trang” ; rồi trước khi ra đi lại có tiệc tiễn biệt đầy tình cảm nhớ nhung tha thiết “Chia phôi ngừng chén, hợp tan nghẹn lời” ; và khi Thúc lên ngựa đi rồi, Kiều còn trông theo cho đến khi khuất bóng. - Khi Hoạn Thư đem lòng quý quyết lấy lời hiếu nghĩa khinh bạc mà giục Thúc đi Lâm Truy thì Thúc “Được lời như cởi tấm son” và

“Vó câu thẳng ruồi nước non quê người” ngay, Hoạn Thư cũng chẳng bày tiệc tiễn ; và khi chàng đi rồi, thì nàng cũng lên xe về bàn với mẹ thi hành cuộc rẽ thúy chia loan.

- Cảnh đi đường về Vô Tích thì đầy buồn nhớ “Vùng trăng ai xẻ làm đôi / nửa in đáy nước nửa soi dậm trường” - Cảnh đi đường lúc về Lâm Truy, thì vì chàng vui nên thấy nước non đều tươi đẹp “Long lanh đáy nước in trời / thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.”

CHƯƠNG 18

CÂU 1607 ĐẾN CÂU 1704

“Bắt người tráo xác, nhờ khách tìm hồn”

1607. Thừa nhà huyên hết mọi tình,
Nỗi chàng ở bạc nỗi mình chịu đen.

1609. Nghĩ rằng: Ngựa ghê hồn ghen, [1]
Xấu chàng mà có ai khen chi mình!

1611. Vậy nên ngành mặt làm thính,
Muru cao vốn đã rấp ranh những ngày. [2]

1613. Lâm Truy đường bộ tháng chày, [3]
Mà đường hải đạo sang ngay thì gần.

1615. Dọn thuyền lựa mặt gia nhân, [4]
Hãy đem dây xích buộc chân nàng về. [5]

1617. Làm cho: cho mệt cho mê,
Làm cho đau đớn ê chề cho coi!

1619. Trước cho bỏ ghét những người,
Sau cho để một trò cười về sau.

1621. Phu nhân khen chúc rất mau, [6]
Chiều con mới dạy mặc dầu ra tay.

1623. Sửa sang buồm gió lèo mây,
Khuyến ung lại chọn một bày côn quang. [7]

1625. Dặn dò hết các mọi đường,
Thuận phong một lá vượt sang bến Tề. [8]

1627. Nàng từ chiếc bóng song the, [9]
Đường kia nỗi nọ như chia mối sầu.

1629. Bóng đầu đã xế ngang đầu, [10]
Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi. [11]

1631. Tóc thề đã chấm ngang vai, [12]
Nào lời non nước nào lời sắt son.

1633. Sấn bìm chút phận cón con, [13]
Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chẳng?

1635. Thân sao nhiều nỗi bất bằng, [14]
Liều như cung Quảng ở Hằng nghĩ sao? [15]

1637. Đêm thu gió lọt song đào,
Nửa vành trăng khuyết ba sao giữa trời. [16]

1639. Nén hương đến trước Phật đài,
Nỗi lòng khẩn chữa cạn lời vân vân.

1641. Dưới hoa dật lữ ác nhân, [17]
Àm âm khốc quỷ kinh thần mọc ra. [18]

1643. Đầy sân gương tuốt sáng lò,
Thất kinh nàng chữa biết là làm sao.

1645. Thuốc mê đầu đã rưới vào,
Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì.

1647. Vực ngay lên ngựa tức thì,
Phòng đào viện sách bốn bề lửa dong.

1649. Sấn thây vô chủ bên sông, [19]
Đem vào để đó lộn sông ai hay? [20]

1651. Tôi đòi phách lạc hồn bay,
Pha càn bụi cỏ gốc cây ản mình. [21]

1653. Thúc ông nhà cũng gần quanh,
Chợt trông ngọn lửa thất kinh rụng rời.

1655. Tớ thầy chạy thẳng đến nơi,
Tơi bờ tưới lửa tìm người lao xao.

1657. Gió cao ngọn lửa càng cao,
Tôi đòi tìm đủ, nàng nào thấy đâu!

1659. Hát hơ, hát hải nhìn nhau,
Giếng sâu bụi rậm, trước sau tìm quàng.

1661. Chạy vào chốn cũ phòng hương,

Trong tro thấy một đồng xương cháy tàn.
1663. Tình ngay ai biết mưu gian,
Hắn nằng thôi lại còn bàn rằng ai!
1665. Thúc ông sùi sụt ngắn dài,
Nghĩ con vắng vẻ thương người nét na.
1667. Di hài nhật sắp về nhà, [22]
Nào là khâm liệm nào là tang trai. [23]
1669. Lễ thường đã đủ một hai,
Lục trình chàng cũng đến nơi bấy giờ. [24]
1671. Bước vào chôn cũ lâu xưa,
Gio than một đồng, nắng mưa bốn tường.
1673. Sang nhà cha tới trung đường, [25]
Linh sàng bài vị thờ nàng ở trên. [26]
1675. Hỡi ôi hỡi hết sự duyên,
Tơ tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan!
1677. Gieo mình vật vã khóc than:
“Con người thế ấy thác oan thế này.
1679. Chắc rằng mai trúc lại vầy,
Ai hay vĩnh quyết là ngày đưa nhau!” [27]
1681. Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau,
Dễ ai rắp thăm, quạt sầu cho khuây.
1683. Gần miền nghe có một thầy,
Phi phù trí quỷ cao tay thông huyền. [28]
1685. Trên tam đảo, dưới cửu tuyền, [29]
Tìm đâu thì cũng biết tin rõ ràng.
1687. Sấm sanh lễ vật đón sang,
Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han.
1689. Đạo nhân phục trước tĩnh đàn, [30]
Xuất thân giây phút chưa tàn nén hương. [31]
1691. Trở về minh bạch nói tường:
“Mặt nàng chẳng thấy, việc nàng đã tra.

1693. Người này nặng kiếp oan gia,
Còn nhiều nợ lắm sao đã thoát cho!
1695. Mạnh cung đang mắc nạn to, [32]
Một năm nữa mới thăm dò được tin.
1697. Hai bên giáp mặt chìn chìn, [33]
Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay!”
1699. Điều đâu nói lạ đường này,
Sự nàng đã thế lời thầy dám tin!
1701. Chẳng qua đồng cốt quàng xiên, [34]
Người đâu mà lại thấy trên cõi trần?
1703. Tiếc hoa những ngậm ngùi xuân,
Thân này để lại mấy lần gặp tiên.

Đính chính và xác định

Câu 1639 – *Nén hương đến trước Phật đài* – Nghĩa câu này rất thông thường: Kiêu lo ngại nên đến trước bàn thờ Phật để khẩn Phật phù hộ cho duyên được vuông tròn. Nhưng vì các bản nôm thường khắc chữ Phật [佛] là [𠃉 + 天], rồi lại có bản khắc bỏ nửa [𠃉] bên trái, chỉ còn nửa bên phải là [天] (thiên = trời). Bản Kiêu ông Trần Trọng Kim theo đó mà cải chính Phật đài [佛臺] là thiên đài [天臺]. Đó là sự lầm quá đáng của ông Kim. Phép vua Tàu, vua ta, chỉ có vua (thiên tử) mới được cúng Trời ở đền Nam Giao, chứ dân đâu được lập đền thờ Trời.

Câu 1671 – *Bước vào chốn cũ lâu xưa* – Chữ “lâu xưa” câu này có bản in là “lâu thơ”, lại có bản in là “lâu thư”, chắc là ông nào đổi ra thế cho đúng với chữ “phòng đào viện sách” ở trên, nhưng e câu nệ quá và nghe không được thanh thoát tự nhiên bằng “chốn cũ lâu xưa.”

Câu 1693 – *Người này nặng nghiệp oan gia* – Có bản in là “Người này nặng kiếp oan gia.” Chữ “nghiệp” ăn nghĩa với chữ “oan gia” hơn là chữ “kiếp”, và đọc lên nghe âm điệu cũng êm tai hơn.

Câu 1697 – *Hai bên giáp mặt chìn chìn* – Giáp mặt chìn chìn là giáp mặt nhau gần gận quá, gần như hai mặt đụng vào nhau. Hai chữ “chìn chìn” nôm viết là [塵塵] (nguyên âm chữ Hán là “chiền chiền”), nên nhiều người đọc trạnh “chìn chìn” ra “chiền chiền.” Cần phải đính chính lại cho đúng.

Câu 1704 – *Thân này dễ lại mấy lần gặp tiên* – Có bản in câu này là “Thân mà dễ lấy mấy lần gặp tiên”, âm điệu đã không êm tai, mà nghĩa lại rất không chạy.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Ngựa ghê hờn ghen* – Tục ngữ thường nói “Ngựa như ngựa ghê, đòn như đòn ghen” nghĩa là ghê ngựa thì gãi không chán tay, con ghen nổi lên thì đánh không mỏi tay, nhất là vợ cả ghen vợ lẽ. Câu này lấy ý ở lời tục ngữ đó.

[2] *Ráp ranh* = Sắp sửa định liệu đã lâu

[3] *Lâm Truy* – Hai đường đi, thủy hay bộ, từ Vô Tích đi Lâm Truy đều xa bằng nhau, nhưng đi bộ phải nghỉ đêm, còn đi thuyền thì không nghỉ đêm, nên coi như gần hơn.

[4] *Dọn* = Dẹp hết các đồ đạc không cần trong thuyền đi, cho chờ được lanh lẹ. *Gia nhân* = tôi tớ trong nhà.

[5] *Dây xích* = Cái dây để buộc chân lại, như cái xích, cho khỏi trốn. Đây dùng ý nói đi bắt về giữ lại, chứ không phải dùng dây buộc chân lại thật. Lắm nhà xuất bản truyện Kiều không hiểu ý nói bóng ấy, dám đổi chữ “dây xích” này ra “dây tói”, “dây thắm”, “dây trói” nghe thật đáng cười.

[6] *Phu nhân* = Hoạn Bà, mẹ đẻ Hoạn Thư. *Chước rất màu* = Mưu rất hay.

[7] *Côn quang* = Hạng người côn đồ, trộm cướp – nguyên chữ Hán là “quang côn” [光棍], tiếng Việt nay gọi là “du côn.”

[8] *Thuận phong một lá* = Kéo buồm thuyền giương lên chỉ một lần, rồi thuận gió một chiều mà đi, rất thuận lợi. *Bến Tề* = Lâm Truy, kinh đô nước Tề đời Chiến Quốc.

[9] *Chiếc bóng song the* = Ở một mình trong phòng, lúc nào cũng ngồi buồn bã ở trong cửa sổ ngoài che màn the.

[10] *Bóng dâu đã xế ngang đầu* – Câu này ý nói cha mẹ tuổi già như mặt trời buổi chiều đã xế xuống ngang đầu trên ngọn dây dâu trồng ở phía tây nhà để che nắng buổi chiều. Chữ “dâu” nói ở đây là loài dâu bụt (hay dâm bụt), chữ Hán là [桑榆] tang du. Câu này lấy điển ở câu “Nhật lạc tang du [日落桑榆] = Mặt trời xế xuống ngọn dây dâu bụt.”

[11] *Ấm lạnh ngọt bùi* – Kinh Lễ dạy: “Con nuôi cha mẹ, mùa đông phải lo cho cha mẹ được ấm, mùa hè phải lo cho cha mẹ được mát, phải có miếng ngọt miếng bùi cho cha mẹ ăn được ngon miệng.” Ý hai câu này là Kiều rất ân hận đã không được chăm nuôi cha mẹ lúc tuổi già để báo hiếu.

[12] *Tóc thè đã chắm ngang vai* = Chỗ chân móng tóc nàng cắt để thè với Kim Trọng, bây giờ đã mọc lại dài xuống đến vai rồi. Câu này (1631) và câu theo sau cho thấy Kiều rất ân hận vì nỗi số phận khiến nàng không lấy được Kim Trọng mặc dù đã thè cẩn thận với chàng.

[13] *Sấn bìm* = Phận vợ lẽ như dây sấn dây bìm bám ở dưới gốc cây to tượng trưng cho vợ cả. Điển này lấy từ câu trong Kinh Thi “Nam hữu cù mộc, cát lũy luy chi [南有樛木葛藟累枝] = Đất Thiệu Nam có cây to gốc cong, dây sấn dây bìm leo bám được gốc cây ấy” để khen bà Hậu Phi vợ vua Văn Vương biết cúi mình xuống bao dung các vợ lẽ của vua.

[14] *Thân sao nhiều nỗi bất bằng* = Những nông nỗi oan khổ mà số mệnh bắt nàng phải chịu, khiến lòng nàng lúc nào cũng ân hận lo buồn không yên tĩnh. Những nỗi đó gồm (a) không được ở gần cha mẹ để săn sóc báo hiếu; (b) không lấy được Kim Trọng để khỏi mệnh bạc; (c) nay đành cam phận lẽ mọn mà còn lo chưa chắc đã được; (d) và sau này lại còn phải lo sợ đủ đường về bà vợ cả nham hiểm.

[15] *Liệu như cung Quảng ả Hằng nghĩ sao?* – “Liệu” = Lo tính toán trước. “Cung Quảng” = Quảng Hàn điện mệnh mông lạnh lẽo ở trên mặt trăng. “Ả Hằng” = Nàng Hằng Nga. Truyền thần tiên xưa kể rằng Hậu Nghệ được bà tiên Tây Vương Mẫu cho gói thuốc bất tử; vợ Nghệ là Hằng Nga uống trộm rồi trốn bay lên mặt trăng ở điện Quảng Hàn. Đọc lại câu Kiều đoán đo muốn từ hôn với Thúc Sinh trước – “Và trong thềm Quế cung Trăng / chủ trương đành đã chị Hằng ở trong” – thì biết đích “ả Hằng” ám chỉ Hoạn Thư. Tác giả dùng “cung Quảng” để thêm ý nói Hoạn Thư bị chồng bỏ lửng ở buồng không Vô Tích suốt một năm. “Nghĩ sao” = nghĩ ra làm sao. Nghĩa cả câu này là “Ta rất khó liệu tính trước được cái bà vợ bị chồng bỏ

lửng vì ta này sẽ nghĩ cách đối phó với ta ra sao, ta nghĩ còn rất nhiều nỗi bất bằng, người này sẽ gây nhiều điều rất ghê gớm cho ta nữa.”

Nhân tiện, theo ý những câu Kiều bảo Thúc Sinh lúc trước (từ câu 1343 “Vẽ chi chút phận bèo mây” đến câu 1358 “Giấm chua lại tội bằng ba lửa nòng”) tôi xin diễn giải rộng ra cho rõ ràng ý lo nghĩ của Kiều lúc đó đối với Hoạn Thư như sau:

Ta chắc rằng cái người đàn bà ghen giận ta này chẳng sao bao dung ta được. Nếu chàng vững tay binh vực ta được, thì ta còn đỡ khổ. Nếu chàng sợ vợ, thì ta thật khổ nhục đủ đường, chịu sao nổi những ngón đòn ghen thâm độc, ta liệu tránh sao cho được? Nhưng đó chỉ là cái khổ kiếp này, chết là hết; chứ nếu chàng lại thẳng tay bội bạc bỏ lửng hẵn vợ cả, chỉ yêu riêng ta, thì cái tội ta cướp chồng đó, kiếp sau ai chịu thay ta?

[16] *Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời* – Trước khi dẫn điển và giải nghĩa câu này, tôi xin giới thiệu qua về chòm ba sao: Đó là ba ngôi sao to sáng đều nhau, lại đứng thẳng hàng gần nhau, cách quãng rất đều, thành chòm sao đẹp nhất trong bầu trời. Chòm ba sao này ta gọi là “Sao Ba”, thiên văn Tàu gọi là “Sao Tâm “[心] và tức là ba ngôi sao đứng thành cái đai lưng chòm sao cầm kiếm mà ta vẫn dùng làm đích để ngắm hướng. Ngôi Sao Ba này lúc nửa đêm dạo tháng tám, tháng chín đứng ở giữa trời ta trông thấy rất rõ.

Ý nghĩa câu “Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời” lấy điển ở bài thơ khuyên thiện của thi sĩ Trần Đoàn [陳搏] đời Tống như sau:

[有心無相相即心生] = Hữu tâm vô tướng, tướng tức tâm sinh = Có lòng mà không có tướng, tướng sẽ theo lòng mà sinh ra.

[有相無心相隨心滅] = Hữu tướng vô tâm, tướng tùy tâm diệt = Có tướng mà không có lòng, tướng sẽ theo lòng mà tiêu diệt.

[三点如星象] = Tam điểm như tinh tượng = Tượng ngoài sáng đẹp như hình Sao Ba.

[橫鉤半月斜] = Hoành câu bán nguyệt tà = Mà trong lòng thì độc ác như trăng lưỡi liềm nằm ngang ở dưới.

[披毛從此得] = Phi mao tòng thử đắc = Khi bói lông xem tướng ai, thì cứ xét chỗ đó là được.

[做佛也由他] = Tổ Phật đã do tha = Dù ai ngoài mặt làm ra bộ hiền lành như Phật, cũng mặc kệ họ.

Bài thơ này khuyên người ta phải giữ lòng cho ngay thẳng tử tế thì mới được hay được khá. Nếu trông tướng tốt thật, nhưng lòng hiểm ác thì cũng sẽ khổ sở chẳng làm nên gì.

Tác giả dùng ý ở câu 3 và câu 4 ở bài thơ trên này đặt thành câu “Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời” này vừa để tả tâm hồn linh mẫn của Kiều hơi thấy điềm gì là biết ngay mà tìm cách tránh, vừa để tả tấm lòng trung hậu của nàng lúc nào cũng chỉ sợ tội làm mất hòa khí nhà chồng: “Trăm điều ngang ngửa vì tôi / thân sau ai chịu tội trời ấy cho?”

Xét 5 câu Truyện Kiều này – từ câu 1635 đến câu 1639 – ý nghĩa thật rõ ràng, uyển chuyển, liên tiếp nhau một mạch như sau:

- Câu “Thân sao nhiều nỗi bất bằng” tiếp ý với 6 câu bên trên, tả nỗi Kiều tủ thân gặp nhiều sự bất bằng từ trước đến nay;

- Câu “Liệu như Cung Quảng Á Hằng nghĩ sao” tiếp theo lo gặp nhiều nỗi bất bằng xảy ra sau này, tả nỗi Kiều lo sợ ngón đòn ghen thù độc ác của Hoạn bị chồng say mê mình mà bỏ lửng mụ nằm buông không, như Á Hằng ở trong cung Quảng Hàn trong bấy lâu;

- Câu “Đêm thu gió lọt song đào” tả Kiều ngồi buồn lo quên ngủ, mà bỗng thấy gió tung màn cửa sổ lên cho nàng thấy cảnh trăng sao trước buồng;

- Câu “Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời” tiếp tục ý thức đêm câu trên và tả tâm hồn thông minh linh mẫn, lòng luôn luôn lo sợ sự bất bằng xảy ra cho mình, nên thấy điềm giăng lưới liềm hiện dưới ba sao, liền nghĩ ngay đến thơ Trần Đoàn mà cảm tưởng ngay đến tội mình đã đem sắc đẹp như Sao Ba dùng làm lưới liềm độc ác cắt đứt mối tình đầm thắm giữa vợ chồng Hoạn Thư;

- Câu “Nén hương đến trước Phật đài” tả Kiều sợ tội vợ ra thắp hương lễ Phật để sám hối giải oan.

Ý nghĩa mấy câu tả tâm sự Kiều này thật rất hay, và rất rõ ràng liên tiếp; nhưng vì lời văn tắt quá, ý sâu xa uẩn súc quá thật khó hiểu, nên các nhà xuất bản Truyện Kiều đã không hiểu lại không chịu suy nghĩ cho ra ý nghĩa trôi chảy, thành ra các bản Kiều, mỗi người giảng giải một cách và dẫn điển một cách vu vơ chẳng đâu vào đâu. Tuy có ông cũng dẫn điển đúng hai

câu “Tam điểm như tinh tượng / hoành câu bán nguyệt tà”, nhưng lại không hiểu thật là sao Kiều thấy trăng sao ấy lại lo sợ, phải đi lễ Phật.

[17] *Dậy lũ ác nhân* = Lũ ác nhân nổi “dậy”, bỗng hiện ra.

[18] *Khốc quỷ kinh thần* = Dữ dội quá, làm cho ma phải khóc, thần phải sợ.

[19] *Thây vô chủ* = Thây chết trôi ở sông không có ai nhận.

[20] *Lận sòng* hay *lộn sòng* = Tráo lộn để đánh lừa ngay trước mắt đám đông người.

[21] *Pha càn* = Xông bừa vào, không quản gai góc.

[22] *Di hài* [遺骸] = Thây xương người chết còn lại.

[23] *Khâm liệm* [衾斂] – Trong lễ tang ta, người chết rồi thì được rửa mặt, cắt móng tay chân, mặc quần áo tử tế, để nằm ngay ngắn, và phủ mặt bằng giấy trắng. Trước khi vào quan, trải hai bức mền vải xuống đất, bức rộng màu vàng gọi là “đại khâm” ở dưới, bức hẹp hơn màu trắng ở trên gọi là “tiểu khâm”, dưới tiểu khâm đặt sẵn ba băng vải. Rồi làm lễ “phạn hàm” (= bỏ vàng ngọc hay tiền gạo vào mồm), và “hạ thổ” đặt người chết xuống đất trên hai bức mền; gói bức tiểu khâm lại, buộc cho vuông gọn, rồi mọi người con cháu thân cận cầm chung quanh bức đại khâm mà sẽ khiêng lên đặt vào trong áo quan. Lễ gói bọc thây ma như thế gọi là “khâm liệm.” *Tang trai* = Các lễ chôn cất và tụng kinh cúng tế.

[24] *Lục trình* [陸程] = Đường trên cạn, cũng gọi là đường bộ.

[25] *Trung đường* [中堂] = Nhà giữa. Đây tỏ ra là Thúc ông thương Kiều quá, đặt bàn thờ nàng ở chính nhà sang nhất; đáng lẽ phận lẽ mọn chỉ được thờ ở nhà ngang, nhà dưới.

[26] *Linh sàng* [靈床] = Bàn thờ người mới chết. *Bài vị* [牌位] = Thẻ gỗ nhỏ biên tên tuổi người chết, thường đặt trên cái ngai ở trên cùng bàn thờ.

[27] *Vĩnh quyết* [永訣] = Lời dặn lại khi chào nhau ra đi lần cuối cùng, nhất là lúc sắp chết.

[28] *Phi phù trí quỷ* [飛符致鬼] = Phép đốt tờ giấy bùa để đưa hồn người sống đi tìm hồn người chết về, của các thầy đồng, tục gọi là “đánh đồng thiếp.” *Thông huyền* [通玄] = Giao thông (liên lạc) với hồn người chết.

[29] *Tam đảo* = Ba núi tiên ở trên trời ngoài bể: Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu.
Cửu tuyền = Cõi âm phủ, vì ở dưới chín lần suối.

[30] *Tĩnh đàn* [淨壇] = Bàn thờ rất thanh tịnh lập ra để cúng cầu thần thánh.

[31] *Xuất thân* = Thả hồn mình ra khỏi xác thịt để đi tìm hồn người chết mà hỏi han.

[32] Trong là số tử vi có 12 cung như Thân cung [親宮] nói về cha mẹ, Mệnh cung [命宮] nói về thân mình, Bào cung [胞宮] nói về anh em... Trong sách số nói Mệnh cung mà khi có sao Bội tới thì có tai nạn vào thân.

[33] *Chìn chìn* – Xem lời đính chính câu 1697.

[34] *Đồng cốt* = Thầy cúng (đàn ông gọi là ông đồng, đàn bà gọi là bà cốt).

Diễn ra văn xuôi

Câu 1607, 1608 = Hoạn Thư về tới nhà, phô bày với mẹ đủ mọi tình tiết: Chồng ăn ở bội bạc để riêng nàng phải chịu phần đen đủi thiệt thòi đủ phần. Chàng đã lấy vợ lẽ mà khinh rẻ nàng, chẳng thèm bảo nàng, lại còn bỏ lửng nàng hơn một năm trời không thèm về thăm hỏi, để nàng ngẩn ngơ oán giận mà chẳng dám than thở cùng ai.

Câu 1609, 1610 = Nàng nói tiếp: Nhưng con nghĩ rằng, có hay gì cái sự ‘ngựa ghè hòn ghen’, mình mà to tiếng nói xấu chê trách chàng, thì chồng mang tiếng xấu, mà chẳng ai khen mình, ai cũng sẽ chê mình là kẻ đàn bà hẹp lượng, ghen tuông, hỗn hào.

Câu 1611, 1612 = Bởi vậy con phải ngoảnh mặt làm ngơ coi như mình không biết; nhưng từ lâu, bụng con đã nghĩ ngầm được một mưu cao báo thù như thế này:

Câu 1613, 1614 = Từ Vô Tích đến Lâm Truy, đi đường bộ thì mất cả tháng, nhưng đi thuyền đường bể thì chóng đến, coi như gần hơn nhiều.

Câu 1615 đến 1618 = Minh dọn sạch lấy một chiếc thuyền cho nhẹ nhàng thuận tiện, và kén lấy một bọn gia nhân tinh khôn, sai đi bắt lấy ả, lấy dây xích cổ lại đem về đây, sửa cho một phen, làm cho xác mệ, cho hồn mê, làm cho đau đớn nhức nhối, ê chề đủ đường, cho biết tay ta.

Câu 1619, 1620 = Trước là cho bỏ giận hai đứa si tình quên cả lễ nghĩa, sau là để thành một trò cười về sau.”

Câu 1621, 1622 = Hoạn bà khen mưu ấy hay lắm, và chiều con gái cho ra tay muốn làm gì thì làm.

Câu 1623 đến 1626 = Hoạn Thư được mẹ cho phép, liền sai sửa sang một chiếc thuyền, buồm lèo sửa lại cho tốt, rồi lựa lấy một bọn gia nhân đủ mặt du côn, cầm đầu là hai tên Khuyển, Ưng. Nàng dặn dò bọn chúng đầy đủ hết các cách thi hành mưu mẹo của nàng, và cho kéo buồm thuận gió một chiều thẳng đường vượt sang bến Lâm Truy đất Tề.

Câu 1627, 1628 = Từ khi Thúc Sinh đi rồi, Kiều ở một mình trong buồng cửa có màn the che kín, lúc nào bụng cũng buồn rầu, phần vì tình thương nhớ cha mẹ, tình nhớ tiếc Kim Trọng, phần vì cảnh bơ vơ lo sợ cuộc lễ mọn dưới quyền Hoạn Thư.

Câu 1629, 1630 = Nào là khi nàng nghĩ đến cha mẹ tuổi đã già như mặt trời buổi chiều đã xế thấp xuống ngang đầu chẳng mấy lúc nữa mà lặn, thì nàng lại băn khoăn không được ở gần để chăm nom, đến nỗi nay chẳng biết có ai săn sóc cho cha mẹ mùa đông được ấm, mùa hè được mát, và phụng dưỡng được cơm lành canh ngọt, miếng ngon miếng bùi không?

Câu 1631, 1632 = Nào là khi nàng nghĩ đến món tóc chỗ cắt để thề với Kim Trọng, nay đã lại mọc dài xuống tới vai, thì nàng lại thiết tha nhớ tiếc cuộc tình duyên đã chỉ sông chỉ núi mà thề, thề mà trời không cho được thành vợ thành chồng, để đến nỗi nay nàng phải gặp bước long đong khổ nhục như thế này.

Câu 1633, 1634 = Tình nhớ tiếc việc xưa đã làm nàng sầu khổ như vậy, cảnh bơ vơ hiện tại lại khiến nàng phải lo sợ trăm nỗi: Nàng đã đành chịu tủi làm kiếp lẽ mọn, nhưng chẳng biết cái khuôn duyên này trời có cho được vuông tròn không?

Câu 1635, 1636 = Rồi nàng lại ngẫm nghĩ thương thân: Ôi! Một thân ta sao gặp lắm nỗi bất bằng như thế? Nào nỗi bất bằng đã qua, nào nỗi bất bằng hiện tại. Rồi đây lại còn biết bao nhiêu nỗi bất bằng sẽ xảy ra cho ta sau này nữa? Ta không biết rồi đây mẹ Hoạn Thư đã bị chồng vì mê ta mà bỏ bẫy mẹ lạnh lùng trong bấy lâu, như ả Hằng Nga nằm trong cung Quảng Hàn, mẹ sẽ giở những ngón đòn ghen thù độc ác thế nào với ta? Ta biết chàng Thúc không đủ tài để bình vực nỗi ta trước nanh vuốt con sư tử này. Ta chỉ còn cách chịu nhẫn

nhục, khéo luồn cúi chiều chuộng để giữ hòa khí giữa hai vợ chồng mẹ và để ta khỏi tội cướp chồng người.

Câu 1637, 1638 = Trong khi nàng đương ngồi buồn lo quên ngủ, thì bỗng gió thu thổi tung bức màn cửa sổ trước mặt nàng, nàng trông ra thấy ngôi Sao Ba ở giữa trời, gần dưới có vành trăng lưỡi liềm, nàng sực nhớ đến bài thơ khuyến thiện của một bậc tiên tri Trần Đoàn xưa (xem chú thích số 16 đoạn này), nàng giật mình sợ quá, nghĩa rằng, có lẽ vì bụng mình không tốt dạ quyền rũ chồng người, nên trời vén màn lên báo cho mình biết điềm ngoài đẹp, nhưng trong xấu như vậy.

Câu 1639, 1640 = Nàng sợ điềm xấu gỡ ấy, nên vội vàng chạy đến trước đền thờ Phật mà đốt hương cầu khẩn xin Phật giải oan. Nhưng nàng chưa kịp khẩn hết lời thì tai nạn đã đến rồi.

Câu 1641, 1642 = Ở dưới dãy hoa, bỗng đổ ra một bọn kẻ cướp thét lác âm âm, làm cho ma phải khóc, cho thần phải sợ, rồi tuốt gươm ra sáng lòe đầy sân.

Câu 1643 đến 1646 = Kiều sợ hãi rụng rời, chưa biết làm thế nào, thì chúng đã tưới thuốc mê vào mặt, khiến nàng mê đi như ngủ, chẳng biết gì nữa.

Câu 1647, 1648 = Lũ nó vục nàng lên ngựa, đem đi ngay lập tức, và vung lửa đốt cả buồng nàng ngủ và thư viện của chàng, lửa cháy nổ ùng ùng một lượt.

Câu 1649, 1650 = Lũ nó còn mang sẵn một xác chết không ai thừa nhận, khiêng vào đặt trong buồng nàng để đánh tráo là nàng, và lừa mọi người trong nhà, nào ai biết được là xác ai.

Câu 1651, 1652 = Bọn tôi tớ trong nhà thấy giặc đến, phách lạc hồn bay, chạy tán loạn đi rúc bừa vào bụi cỏ gốc cây mà ẩn náu.

Câu 1653 đến 1656 = Thúc ông, nhà cũng ở gần quanh, chợt thấy ngọn lửa bốc lên, giật mình sợ hãi, thầy trò vội vàng chạy thẳng đến nơi, nào là mức nước tưới lửa toi bời, nào là kêu, tìm người nhà ồn ào một lượt.

Câu 1657, 1658 = Ngọn lửa càng cao, thì gió thổi càng mạnh, và ngọn lửa càng cao thêm. Tôi tớ trong nhà đều tìm thấy đủ mặt, mà riêng mặt nàng chẳng thấy đâu cả.

Câu 1659, 1660 = Mọi người hốt hơ hốt hải nhìn nhau lo sợ, người chạy phía trước, người chạy nẻo sau, tìm tòi khắp nơi, nào dưới giếng sâu, nào trong bụi rậm, chỗ nào cũng tìm đến mà chẳng thấy nàng đâu.

Câu 1661, 1662 = Bỗng một người chạy vào buồng nàng ở mà bới đống tro than thì thấy một xác người đã cháy thành than.

Câu 1663, 1664 = Mọi người đều ngạc nhiên, nào ai biết được mưu gian của bọn kia, nên ai cũng cho đó chính là xác nàng Kiều rồi, chứ còn ai nữa.

Câu 1665, 1666 - Thúc ông khóc sùi sụt, nước mắt lã chã, giọt ngắn giọt dài, nghĩ đến con vắng vẻ, lại càng thương nàng là người nét na mà chết thảm hại như thế, không được gặp chồng nữa từ khi khuyên chồng về thăm quê cho phải đạo.

Câu 1667, 1668 = Ông sai nhặt hết các phần bộ di hài nàng về nhà ông sắp xếp đầu vào đáy và khâu liệm vào quan tử tế rồi làm ma chôn cất, tụng kinh thờ cúng cẩn thận.

Câu 1669, 1670 = Khi các lễ thường ma chay đã làm đủ rồi, thì Thúc Sinh đi đường bộ vừa tới nơi.

Câu 1671, 1672 = Chàng bước chân vào nhà, thấy căn nhà có buồng nàng ở trước và lầu sách của chàng xưa, chỉ còn là một đống tro tàn ở giữa bốn bức tường đầu mưa dãi nắng.

Câu 1673, 1674 = Chàng sang bên nhà cha, vào căn nhà giữa thấy có bàn thờ cúng người mới chết. Trên bàn thờ có bài vị đề tên tuổi nàng để thờ.

Câu 1675, 1676 = Hỡi ôi! Khi chàng nghe Thúc ông kể hết đầu đuôi sự tình bị cướp phá đốt nhà thế nào, và duyên phận nàng xấu số bị chết cháy thành than thế nào, ruột chàng như đứt theo môi tơ tình, và gan chàng nóng bỏng như bị ngọn lửa phiền đốt cháy.

Câu 1677, 1678 = Chàng gieo mình xuống đất mà vật vã khóc than: Thương ôi! Con người như thế mà chết oan uổng thế thảm như thế này à?

Câu 1679, 1680 = Ta tưởng rằng hôm nay về đây thì vợ chồng lại sum họp vui vẻ với nhau. Nào có ngờ đâu cái ngày vợ chồng tiễn biệt nhau lại hóa ra cái ngày vợ chồng nói những lời cuối cùng để vĩnh biệt nhau!

Câu 1681, 1682 = Chàng càng thương nàng thì lại càng nghĩ đến nàng, càng nghĩ đến nàng thì lại càng thương nàng, khó ai có thể khuyên giải để vùi lấp được nỗi thảm của chàng, hay làm khuây được nỗi phiền của chàng.

Câu 1683, 1684 = Ở gần miền đây, có một ông thầy đồng rất cao tay trong nghề đánh đồng thiếp, có thể đốt bùa gửi đi để giao thông được với quỷ thần và gọi được hồn ma đến.

Câu 1685, 1686 = Dù hồn người chết ở các cõi tiên nơi Tam Đảo, hay ở nơi âm phủ dưới Cửu tuyền, đều có thể tìm được tin tức rõ ràng ngay.

Câu 1687, 1688 = Chàng mới sắm sửa lễ vật rồi đón ông thầy đồng ấy đến, xin ông cố tìm cho thấy mặt nàng mà hỏi cho rõ tin tức.

Câu 1689 đến 1691 = Ông đạo nhân này bày bàn thờ cúng, nằm phủ phục xuống trước bàn thờ tĩnh này mà lia hồn ra khỏi xác thịt để đi tìm vong hồn. Chỉ trong giây phút, chưa hết nén hương, ông đã trở về tỉnh dậy và nói rõ ràng minh bạch rằng:

Câu 1692 đến 1694 = Mặt nàng thì không tìm thấy đâu, nhưng việc nàng đã tra xét được. Nàng hiện còn mang nặng tội nghiệp gây ra từ kiếp trước, nên còn nhiều nợ tiền oan lăm, chưa sao chết được.

Câu 1695, 1696 = Hiện nay mệnh cung nàng còn đương có nạn to, và một năm sau nữa vợ chồng mới lại tìm dò được tin nhau.

Câu 1697, 1698 = Nhưng chỉ lạ một điều là vợ chồng gặp nhau, dù giáp mặt nhau chìn chìn, gần như sát mặt vào nhau, rất muốn nhìn nhau mà chẳng dám nhìn, thế có lạ không?

Câu 1699, 1700 = Nghe lời thầy sao lạ lùng quá vậy! Sự nàng chết đã rành rành như thế rồi, lời thầy nói tin sao được?

Câu 1701, 1702 = Chẳng qua đó là lời ông đồng bà cốt, nói quàng xiên xong lẩn, chứ sao còn thấy được mặt nàng ở trên cõi người này nữa?

Câu 1703, 1704 = Càng tiếc nhớ Kiều bao nhiêu, chàng lại càng ngậm ngùi nhớ tiếc những cuộc thơ rượu vui vẻ cùng nàng ở trước cảnh hoa xuân tươi đẹp bấy nhiêu. Chàng nghĩ đến đời chàng dễ đâu lại được gặp tiên lần nữa như thế!

Những câu hay chữ có ý móc nối hoặc châm biếm

- Những điều Hoạn Thư phơi trình với mẹ ở đoạn này (Chương 18) đều là những ý định thầm kín trong lòng nàng ở đoạn trước (Chương 17). Những câu [*Nỗi chàng ở bạc nỗi mình chịu đen / Nghĩ rằng giữa ghẻ hờn ghen / Xấu chàng mà có ai khen chi mình*] ứng với những câu [*Giận người đen bạc ra lòng trắng hoa / Đại chi chẳng giữ lấy nền / Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình*] ở đoạn trên.

- Những câu Hoạn Thư kể cách làm tội Kiều cho mẹ nghe [*Làm cho, cho mê, cho mê / Làm cho đau đớn ê chề cho coi*] ứng với những câu [*Làm cho nhìn chẳng được nhau / Làm cho đày đọa cát đầu chẳng lên*].

- Những câu Kiều kể định làm khổ tâm hồn Thúc Sinh để báo thù: [*Trước cho bỏ ghét những người / Sao cho để một trò cười về sau*] ứng với ý nàng định làm ở đoạn trên [*Làm cho trông thấy nhĩn tiền / Cho người thăm ván bán thuyền biết tay*].

- Câu [*Mưu cao vốn đã rập ranh những ngày*] ứng với câu [*Lo gì việc ấy mà lo / Kiến trong miệng chén còn bò đi đâu*].

- Ba câu [*Đêm thu gió lọt song đào / Nửa vầng trăng khuyết, ba sao giữa trời / Nén hương đến trước Phật đài*] nghĩa thật liên lạc khắn thiết với nhau: Gió đêm thu thổi vào buồng làm tung màn cửa sổ lên, Kiều mới trông thấy vầng trăng lưỡi liềm dạo hạ tuần ở phía dưới, và ngôi Sao Ba sáng đẹp ở giữa trời. Nàng đương lo số nàng hay gặp lắm sự trắc trở, nên nàng thấy cảnh thơ ông Trần Đoàn tả Sao Ba có trăng lưỡi liềm như thế, để chê người tướng ngoài thì tốt, nhưng trong bụng xấu thì tốt cũng hóa xấu. Rồi nàng nghĩ ngay đến nàng đã cướp chồng của Hoạn Thư là nàng có tội xấu bụng, nên trời mới báo điềm tốt mà hóa xấu như thế, nên mới vội đi thắp hương cúng Phật để sám hối cầu phúc.

- Câu [*Nén hương đến trước Phật đài / Nỗi lòng khấn chửa hết lời vân vân*] ứng với câu [*Trăm điều ngang ngửa vì tôi / Thân sau ai chịu tội trời ấy cho*].

CHƯƠNG 19

CÂU 1705 ĐẾN CÂU 1790

“Oai bà lại bộ, nhục kiếp thanh y”

1705. Nước trôi hoa rụng đã yên, [1]
Hay đâu địa ngục ở miền nhân gian. [2]
1707. Khuyển Ưng đã đất mưu gian, [3]
Vực nàng đưa xuống để an dưới thuyền.
1709. Buồm cao lèo thẳng cánh suyền, [4]
Đè chừng huyện Tích, băng miền vượt sang. [5]
1711. Dỡ đồ lên trước sảnh đường, [6]
Khuyển Ưng hai đứa nộp nàng dâng công.
1713. Vực nàng tạm xuống môn phòng, [7]
Hãy còn thêm thiệp giấc nồng chưa phai.
1715. Hoàng lương chợt tỉnh hồn mai, [8]
Cửa nhà đâu mất, lâu đài nào đây?
1717. Bàn hoàng giở tỉnh giờ say, [9]
Sảnh đường mắng tiếng đòi ngay lên hầu.
1719. A hoàn liền xuống giục mau, [10]
Hãi hùng nàng mới theo sau một người.
1921. Ngược trông tòa rộng dãy dài, [11]
Thiên Quan Chủng Tử có bài treo trên. [12]
1723. Ban ngày sáp thấp hai bên,
Giữa giường thất bảo, ngồi trên một bà. [13]
1725. Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra,
Sự mình nàng đã cứ mà gửi thừa. [14]
1727. Bất tình nổi trận mây mưa,
Dức rằng: “Những giống bơ thờ quen thân! [15]
1729. Con này chẳng phải thiện nhân,
Chẳng phùng trốn chủ, thì quân lộn chồng. [16]

1731. Ra tuồng mèo mả gà đồng, [17]
Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào.
1733. Đã đem mình bán cửa tao,
Lại còn khùng khinh làm cao thế này.
1735. Nào là gia pháp nọ bay!
Hãy cho ba chực biết tay một lần.”
1737. A hoàn trên dưới dạ rân, [18]
Dẫu rằng trăm miệng không phân lẽ nào.
1739. Trúc côn ra sức đập vào,
Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh.
1741. Xót thay đào lý một cành,
Một phen mưa gió tan tành một phen.
1743. Hoa nô truyền dạy đổi tên,
Buồng the dạy ép vào phiên thị tì. [19]
1745. Ra vào theo lũ thanh y,
Dãi dầu tóc rối da chì quấn bao.
1747. Quản gia có một mục nào, [20]
Thấy người thấy nét ra vào mà thương.
1749. Khi chè chén, khi thuốc thang, [21]
Dem lời phương tiện mở đường hiếu sinh. [22]
1751. Dạy rằng: “May rủi đã đành,
Liều bò mình giữ lấy mình cho hay.
1753. Cũng là oan nghiệp chi đây, [23]
Sa cơ mới đến thế này chẳng dung.
1755. Ở đây tai vách mạch rừng, [24]
Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi.
1757. Kèo khi sấm sét bất kỳ,
Con ong cái kiến kêu gì được oan?”
1759. Nàng càng giọt ngọc như chan,
Nỗi lòng luống những bàng hoàng niềm tây:
1761. Phong trần kiếp đã chịu đày,

Lâm than lại có thứ này bằng hai. [25]
1763. Phận sao bạc chẳng vừa thôi, [26]
Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng nhan.
1765. Đã đành túc trái tiền oan, [27]
Cũng liêu ngọc nát hoa tàn mà chi.
1767. Những là nương nấu qua thì,
Tiểu thư phải buổi mới về ninh gia.
1769. Mẹ con trò chuyện lân la,
Phu nhân mới gọi nàng ra dạy lời:
1771. “Tiểu thư dưới trướng thiếu người,
Cho về bên ấy theo đòi lầu trang.”
1773. Lãnh lời nàng mới theo sang,
Biết đâu địa ngục, thiên đàng là đâu.
1775. Sớm khuya khăn mặt, lược đầu,
Phận con hầu giữ con hầu dám sai.
1777. Phải đêm êm ả chiều trời,
Trúc tơ hỏi đến nghề chơi mọi ngày. [28]
1779. Lĩnh lời nàng mới lựa dây,
Ni non thánh thót dễ say lòng người.
1781. Tiểu thư xem cũng thương tài,
Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân.
1783. Cửa người đày đọa chút thân,
Sớm ngơ ngẩn bóng đêm nấn nỉ lòng.
1785. Lâm Truy chút nghĩa đèo bông,
Nước bèo để chữ tương phùng kiếp sau.
1787. Bốn phương mây trắng một màu, [29]
Trông vời cô quốc biết đâu là nhà. [30]
1789. Lăn lăn tháng trọn ngày qua,
Nỗi gần nào biết đường xa thế này.

Đính chính và xác định

Câu 1727 - “Bất tình nổi trận gió mưa” – Chữ “gió mưa” mới có nghĩa giận dữ. Có bản in lầm ra “Bất tình nổi trận mây mưa” thật không hợp nghĩa ở chỗ này.

Câu 1784 - “Sớm than thở bóng, khuya năn nỉ lòng” nghĩa là ban ngày thấy bóng mình trước nắng lại thương mình mà chỉ dám than thở với bóng mình, chẳng dám để ai biết. Lúc canh khuya cũng vậy, ngủ không được mà chỉ những mình lại năn nỉ nỗi đau xót với chính lòng mình, chẳng dám nói cùng ai, tả cảnh cô đơn khổ cực vô cùng. Bản Kiều của ông Trần Trọng Kim in câu này là: “Sớm năn nỉ bóng, đêm ngơ ngẩn lòng” đã mất vần lại không xuôi nghĩa.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Nước trôi hoa rụng* lấy điển ở câu chữ hán “Lưu thủy lạc hoa [流水落花] = Hoa rụng vào suối nước chảy, phải chìm chìm nổi nổi mà chẳng biết trôi đi đâu.”

[2] *Địa ngục* = nhà giam tù ở cõi âm phủ.

[3] *Đã dắt mưu gian* = đã làm trôi chạy được các mưu chước giả dối như buôn bán được trôi chạy đất hàng.

[4] *Thăng cánh suyền* – Suyền [湍] = đi thật nhanh một mạch. Thăng cánh suyền = gió thuận thổi vào cánh buồm đi thăng nhanh một chiều như bay.

[5] *Huyện Tích* tức là huyện Vô Tích, quê nhà họ Hoạn.

[6] *Sảnh đường* là nơi quan làm việc công. Tác giả đặt chữ “sảnh đường” ở đây để tả sự hống hách quá phép của Hoạn bà. Các bà quan hay có thói lạm quyền như vậy.

[7] *Môn phòng* là căn phòng giữ phạm nhân ở gần cổng canh trước dinh các quan.

[8] *Hoàng lương* [黃梁] nghĩa đen là kê vàng. Ngày xưa Lư Sinh, đời nhà Đường, thi hỏng về gặp ông Lã Tiên ở một quán ăn. Ông thấy Lư buồn chán, mới cho mượn chiếc gối Bảo Lư gối đầu mà ngủ cho đỡ phiền. Lúc đó người chủ quán mới quấy nồi cháo kê vàng. Lư mới gối đầu nằm, liền thấy lấy được vợ họ Thôi rất đẹp rất giàu, lại đỗ Tiến sĩ được vua yêu cho làm quan to, lại có công phá được giặc Nhung, được làm Tể Tướng hơn 10 năm, có 5 con trai đều làm quan to, có 10 cháu trai đều làm rể nhà quan sang, sống hơn 80 tuổi mới chết, thì bỗng tỉnh dậy, thấy nồi cháo kê vẫn chưa chín. Lư quái lạ hỏi Lã Tiên, thì Lã nói “Lạ gì? Cuộc phú quý đời người đều như thế cả, ta còn ham muốn làm gì cho nhọc bưng.” Do truyện

này, người sau mới gọi giấc mơ ngủ là giấc Hoàng Lương. Cái gỏi ông Lã Tiên cho Lu Sinh gói đầu nằm ngủ được giấc mơ phú quý ấy làm bằng gỗ cây mai, nên các văn sĩ sau gọi hồn mộng giấc mơ là hồn mai. Câu này đặt chữ “Hồn mai” liền với chữ “Hoàng Lương” rất khắn khít với nhau. Ông Trần Trọng Kim nói “Các văn sĩ thường nói giấc mơ ngủ là “qué phách mai hồn” cho lịch sự, thật là lầm, vô nghĩa, vì qué phách là mặt trăng, chữ phách đây không phải là hồn phách, nên chữ qué phách không đi với chữ mai hồn được.

[9] *Bàng hoàng* = hầy còn như say như mê, lúc mới tỉnh dậy có vẻ ngỡ ngác lo sợ.

[10] *Nha hoàn* [丫鬟] – Nhiều người đọc chệch ra “a hoàn” [鴉鬟] = đưa hầu tớ gái, tóc còn đen như quạ [鴉] [“nha” = quạ] và kết thành hai món trái đào hình như chữ [丫] “nha” là vật có phần ngọn chia hai nhánh. Lại có người nhận lầm chữ “nha” [丫] này ra [小]

“tiểu” mà đọc lầm ra “tiểu hoàn.”

[11] *Ngược trông* = sợ hãi quá, chỉ dám hơi đưa to mắt lên mà nhìn, chứ không dám ngửa hẳn mặt lên. Thơ Xuân Hương vịnh đèn Sầm Thái Thú ở gò Đống Đa: “Ngược mắt trông lên thấy biển treo, Kia đèn Thái Thú đứng treo leo.” Lời thì thật tôn kính, mà ý thì thật mỉa mai khinh rẻ: chẳng thềm nhìn thẳng.

[12] *Thiên quan chũng tể* [天官塚宰] là chức quan cao nhất ở triều đình xưa. Nhà Chu đặt ra chức Thiên quan chũng tể để cai quản tất cả các quan. Về đời nhà Minh các quan hơi cao ở bộ Lại đều lạm xưng là Lại bộ [吏部]. Vì bộ Lại là bộ giữ việc tuyển bổ thăng giáng các quan, nên nhà họ Hoạn dám lạm quyền treo bảng Thiên quan chũng tể cho oai; thật ra bố Hoạn Thư không phải Thượng thư bộ Lại, vì Thúc Sinh chỉ là một người sinh viên xoàng, con một ông lái buôn giàu, lấy thế nào được con gái một ông Lại bộ Thượng thư?

[13] *Giường thất bảo* = giường đẹp sang nhất hạng, có khảm bảy thứ vàng ngọc quý báu.

[14] *Cứ mà gửi thừa* = cứ theo sự thật của mình mà trình thưa rõ ràng, đại khái như nói là vợ lẽ Thúc Sinh, lấy nhau được hai năm...

[15] *Dức* – Quan mắng, quan gắt gọi là dức cho thêm phần kính trọng quan, đại khái như lính hầu quan hỏi nhau “Làm gì mà quan dức mày thế?” Tác giả dùng chữ “dức” ở đây thật là đúng chỗ để tả nổi bật hẳn vẻ hách dịch của bà Lại bộ họ Hoạn. Có nhà xuất bản truyện Kiều đổi chữ “dức” này ra chữ “mắng” thật là không hiểu giọng nhà quan và ý tác giả.

[16] *Trốn chủ* – Tục Tàu trước, chủ nhà giàu sang hay xuất tiền ra mua con gái nhà nghèo về làm tôi đòi; nếu không có tiền chuộc ra, thì phải ở hầu hạ suốt đời. Nếu chủ có độ lượng thương người thì còn khá, nhưng phần nhiều họ cậy của hành hạ bất nhân, nên hay có những vụ gái nghèo này trốn chủ ra đi, nếu chủ bắt được thì bị tội vạ khổ sở. *Lộn chồng* = bỏ chồng cũ trốn đi lấy chồng khác.

[17] *Mèo mả gà đồng* = những gái du đãng, giang hồ, vô gia đình, sống vất vơ hư hỏng như con mèo già hoá cáo ra ở nhà mèo mả ngoài đồng. *Gà đồng* = loại gà rừng, dù ta bắt về chăm nuôi thế nào nó cũng không quen, thả ra là bay ra đồng.

[18] *Dạ rân* = vâng lời, dạ ran lên một lượt. [19] *Áp vào phiên thị tỳ* = biên tên vào sổ lũ gái hầu. Chữ “áp” hay “áp danh” [押名] = biên tên vào sổ. Nhiều bản Kiều quốc ngữ dịch lầm “áp” [抽] = ép, không đúng – vì bắt làm thị tỳ là phải làm, cần gì phải ép?

[19] *Thanh y* [青衣] = áo xanh – Tục Tàu trước, các tôi tớ trong nhà vẫn mặc áo xanh, nên gọi là lũ thanh y. Chữ “phiên” [番] dịch ra “phen” là sai nghĩa, vì các thị tỳ phải cắt “phiên” nhau vào hầu.

[20] *Quản gia* [管家] = mục cai quản bọn thị tỳ trong nhà.

[21] *Chè chén* đây là “chén trà chén cháo” chăm nom lúc Kiều còn ốm đòn, nên sau được Kiều trả ơn rất hậu. Xem câu 2341 và 2342 [*Mụ già, su trưởng thứ hai / thoạt đưa đến trước, vội mời lên trên*]. Xin chớ lầm chữ “chè chén” này là “chè rượu” như ta thường nói.

[22] *Dem lời phương tiện mở đường hiếu sinh* – *Lời phương tiện* = lời theo chiều hướng (phương) thuận tiện mà khuyên nhủ cho người hiểu mọi lẽ. *Mở đường hiếu sinh* = khuyên nhủ khiến cho Kiều khỏi chán đời mà lại muốn cố sống. Câu này nghĩa là mục quản gia khéo dò xét tâm sự Kiều có ý muốn tự tử, mới lựa chiều thuận tiện mà lấy lời lẽ khuyên nhủ yên ủi cho Kiều khỏi chán đời.

[23] *Oan nghiệt* [冤孽] hay *oan nghiệp* [冤業] = “tiền oan nghiệp chướng” = oán thù từ kiếp trước để lại đến kiếp này mới báo thù lại nhau.

[24] *Tai vách mạch dưng* – *Vách* = những bức thuận chia ngang nhà ở ra làm các phòng. *Dưng* = những bức vách dọc đằng sau nhà làm bằng những thanh tre đan dưng với nhau, ngoài chất đất cho kín phẳng. Tục ngữ có câu: “Dưng có mạch, vách có tai” nghĩa là ngoài

bức vách chung quanh chỗ ta ở, thường có kẻ áp tai nghe, ghé mắt dòm để rình ta, nên ta phải giữ gìn.

[25] *Lầm than* do chữ [塗炭] “đồ than” dịch ra. *Đồ* [塗] = bùn lầy ở mặt đường. *Than* [炭] = than tro. Nghĩa bóng chữ “lầm than” là khổ sở nhục nhã như phải lặn lội ở mặt đường đầy những than bùn đen bẩn.

[26] *Bạc chẳng vừa thôi* = sao số phận bạc quá, bạc thế nào cũng chưa vừa, chưa thôi.

[27] *Túc trái tiền oan* [夙債前冤] = nợ cũ đã lâu, hay oan nghiệp từ kiếp trước, bây giờ phải trả nợ, phải đền tội.

[28] *Trúc ty – Trúc* [竹] = tre, tức là ống sáo; *ty* [絲] = tơ, tức là đàn. Nhiều bản Kiều quốc ngữ phiên âm là trúc tơ, đành rằng vẫn nghĩa là đàn sáo, nhưng trúc là tiếng Hán, tơ là tiếng nôm đi với nhau không êm bằng trúc ty là tiếng chữ Hán. Bài Tỳ Bà Hành cũng dịch là trúc ty: *Người xuống ngựa, khách dờng chèo / Chén quỳnh muốn cạn không chiều trúc ty / Say những luống ngại khi hầu rẽ.*

[29] *Bốn phương mây trắng một màu* – Thơ cổ có câu “Tứ cố bạch vân mê [四顧白雲迷]” = Ngó trông bốn bề chỉ thấy mây trắng mù mịt một màu, chẳng biết quê cha mẹ ở đâu.

[30] *Cố quốc* nghĩa đen là nước cũ, nghĩa rộng là nơi quê quán cha mẹ của mình.

Diễn ra văn xuôi

Câu 1705, 1706 = Thúc Sinh vẫn yên chí rằng cái đời như đóa hoa rụng xuống giòng nước của Kiều thế là xong, là yên rồi; chàng có biết đâu rằng cái địa ngục mà nàng bị giam khổ vẫn ở ngay trên cõi người này.

Câu 1707, 1708 = Bọn Khuyển Ưng đã thi hành trôi chảy các mưu gian của chủ dặn dò rồi, liền vục Kiều xuống để nằm yên dưới thuyền.

Câu 1709, 1710 = Rồi chúng kéo buồm lên cho cao, gò dây buồm cho thẳng và cứ ngấm thẳng đường về phía Vô Tích mà cho thuyền tiến thật nhanh.

Câu 1711, 1712 = Khi đến nơi, chúng đẩy thuyền ở ngay phía trước sảnh đường mà dỡ các đồ đạc lên. Hai thằng Khuyển Ưng khiêng Kiều lên nọp để dâng công.

Câu 1713, 1714 = Chúng vục nàng vào tạm nằm nghỉ trong căn phòng bên cạnh công đình, và nàng vẫn còn thiêm thiếp như ngủ mê chưa biết gì, vì thuốc mê chưa phai tan hết.

Câu 1715, 1716 = Bỗng hồn nàng như ngủ tỉnh dậy. Nàng thấy lạ quá, cửa nhà mình đâu mất, mà đây là lâu đài nào vậy?

Câu 1717, 1718 = Nàng còn đương ngơ ngác bàng hoàng, chệnh choáng như say rượu, thì bỗng thoảng nghe tiếng ở trên sảnh đường đòi nàng lên hầu ngay lập tức.

Câu 1719, 1720 = Rồi một thị tỳ tóc kết thành hai trái đào chạy xuống giục nàng lên ngay. Nàng sợ hãi lắm, theo ngay một người dẫn lên sảnh đường.

Câu 1721, 1722 = Nàng sẽ ngược mắt trông lên thấy tòa rộng rãi dài đã rất lộng lẫy, lại trên có treo một cái biển đề bốn chữ to “Thiên Quan Chung Tể” bằng vàng.

Câu 1723, 1724 = Bên trong sảnh đường, ban ngày mà vẫn có mấy cây sáo thấp ở hai bên trước cái giường khảm bảy thứ ngọc rất lộng lẫy đẹp, trên giữa giường có một bà ngồi rất oai nghiêm đường bệ.

Câu 1725, 1726 = Thấy Kiều lên, bà gạn gùng hỏi ngành hỏi ngọn, Kiều chẳng biết hỏi để làm gì, sự tình mình thế nào, nàng cứ theo thật sự mà thưa trình rõ ràng hết.

Câu 1727, 1728 = Bất kỳ bà nổi giận dữ dội như mưa như bão mà quở mắng: Con này thật là cái giống gái hư hỏng, chỉ quen thân bơ thờ ăn chơi bợm bãi.

Câu 1729, 1730 = Con này đúng không phải là người tử tế – nếu không phải là phường tôi đòi trốn chủ ra đi, thì cũng là quân bỏ chồng nọ theo chồng kia.

Câu 1731, 1732 = Nó rõ là giống mèo mả gà đồng chẳng ai chứa được, nên thân đòi thành ra lúng túng chẳng ở yên được chỗ nào.

Câu 1733, 1734 = Nó đã đem thân bán vào nhà cửa tao, mà vẫn còn dám khùng khỉnh làm cao, chẳng coi ai ra gì thế này à?

Câu 1735, 1736 = Nào chúng bây đâu! Hãy theo phép tắc nhà tao đem nó ra mà trị tội, đánh thử ba chục roi cho nó biết tay một lần đi!

Câu 1737, 1738 = Lũ con hầu đồng thanh dạ ran lên một lượt. Thế là nàng dẫu có trăm miệng cũng chẳng sao kêu van phân trần phải trái được một tiếng nào.

Câu 1739, 1740 = Chúng nó lấy roi tre to mà hết sức đập vào người, thì thịt nào mà chẳng nát, gan nào mà chẳng kinh?

Câu 1741, 1742 = Thật đáng thương cho nàng đẹp nồn như cành hoa đào hoa mận, mà mỗi phen gặp cơn mưa gió tàn bạo như thế lại tan tành một phen.

Câu 1743, 1744 = Rồi bà lớn lại truyền đổi tên Thúy Kiều ra là Hoa Nô, và biên tên vào sổ những bọn hầu tớ gái để thay phiên nhau vào hầu.

Câu 1745, 1746 = Từ đó Kiều theo lũ thanh y ra vào hầu hạ, đầu bù tóc rối, mặt sạm da chì, chẳng quản ngại gì cả.

Câu 1747, 1748 = Có một mục quản gia nào đó thấy nàng người đã thanh tao, có tướng mạo khác thường, tính nét lại hiền lành đứng đắn, mà cứ phải ra vào hầu hạ quần quật suốt ngày, lòng mục rất thương tình cho nàng.

Câu 1749, 1750 = Nên mục hết lòng săn sóc chạy chữa cho nàng khi còn ốm đòn, lúc thì mục cho chén nước chè, bát cháo nóng để nàng ăn uống, lúc chạy thuốc chạy thang chữa vết thương đòn cho nàng lành khỏi. Mục thấy nàng có vẻ chán đời muốn tự tử, mục lại khéo lựa chiều ý nàng mà đem lời lẽ thuận tiện khuyên giải như mở đường cho nàng hồi tâm lại mà vui đời muốn sống.

Câu 1751, 1752 = Mục khuyên nhủ nàng: Đã đành ở đời ta phải theo sự may rủi của số mệnh, nhưng ở trong cái kiếp liễu bỏ yếu đuối ở nơi nguy hiểm này, cô cũng phải liệu cách mà lo giữ mình mới được.

Câu 1753, 1754 = Chắc đây cũng là bởi sự oan nghiệt nào đó, nên cô mới phải sa cơ mắc vào cuộc khổ nhục thế này, chứ đâu phải truyện bông dung!

Câu 1755, 1756 = Ở đây là chỗ tai vách mạch rừng, trong ngoài trước sau chỗ nào cũng có tai nghe mắt nhòm dò xét cô, nên cô phải cẩn thận, có thấy ai là người quen thân đến đâu nữa, cũng chớ có nhìn nhận làm gì mà khờ đó.

Câu 1757, 1758 = Cô nên nhớ lời tôi dặn, kéo nữa cô không biết, thấy người quen mà dăm dăm nhìn một cái, là có truyện mưa gió giận dữ nổi ngay lên, thì cái thân phận nhỏ hèn như con ong cái kiến của cô này, kêu oan cũng không được nữa đâu!

Câu 1759, 1760 = Nàng nghe lời mụ dạy, lòng càng cực cội, nước mắt tràn trụa chứa chan, biết bao nhiêu là nông nổi lo âu, thương nhớ ngậm ngấm quanh quần đầy lòng.

Câu 1761, 1762 = Nàng nghĩ thương thân: Mình tưởng đã chịu đầy đủ cái kiếp khổ nhục như thế rồi, thế mà còn gặp cái kiếp tôi đòi nhục nhã khổ cực gấp đôi nữa như thế này!

Câu 1763, 1764 = Thật đáng thương cho phận mình sao mà bạc mệnh quá vậy, bạc không còn chừng hạn nào nữa! Bạc đến bao giờ mới là đủ, mới là hết? Sao mà hai chữ “bạc mệnh” ấy nó cứ khăng khăng buộc trói mãi vào người hồng nhan như vậy?

Câu 1765, 1766 = Thôi! Đành rằng do cái nợ nần kiếp trước, hay cái oan báo kiếp xưa, nó bắt mình phải giả, phải đền như vậy, thì mình đành phải chịu, và cũng đành cố sống liều cho đến lúc ngọc nát hoa tàn chứ có cần chi!

Câu 1767, 1768 = Nàng cứ nương nấu sống tạm bợ như thế mãi ở đó cho đến hôm Tiểu thư tình cờ về nhà thăm mẹ.

Câu 1769, 1770 = Mẹ con trò truyện lân la hết truyện nợ đến truyện kia mãi, rồi Phu nhân cho gọi Kiều ra và bảo:

Câu 1771, 1772 = Bên nhà Tiểu thư thiếu người hầu, vậy ta cho mi sang bên ấy hầu hạ trong lầu trang Tiểu thư.

Câu 1773, 1774 = Nàng vâng lĩnh lời Bà, mới theo Tiểu thư về, chứ biết đâu về nhà Tiểu thư thì phải khổ như vào địa ngục, hay được sướng như lên thiên đàng?

Câu 1775, 1776 = Sang đó rồi, nàng hầu hạ Tiểu thư rất cẩn thận, hầu sớm, hầu khuya, khi khăn mặt, khi lược đầu, cần đến cái gì nàng đều biết trước sẵn sàng, không cần phải sai bảo, lúc nào nàng cũng thân phận con hầu, thì phải làm hết phận sự con hầu, không dám sai lãng.

Câu 1777, 1778 = Được một đêm nhân trời mát mẻ, êm đềm, tiểu thư mới hỏi đến nghề đàn trước kia của nàng.

Câu 1779, 1780 = Nàng vâng lời lấy đàn ra sửa, vặn lại các dây cho đúng, rồi ngồi gảy. Tiếng đàn nàng gảy lúc thì như tiếng hát ni non cảm dỗ, lại lúc thì như giọng thánh thót phĩnh phờ để làm cho lòng người phải say sưa.

Câu 1781, 1782 = Tiểu thư thấy nàng có tài như thế cũng sinh lòng thương quý, và từ hôm đó đối đãi với nàng cũng bớt vẻ nghiêm khắc.

Câu 1783, 1784 = Từ khi nàng thấy thân mình bị đẩy đọa vào nơi cửa quan sang hống hách quá này, mỗi khi sớm dậy trông thấy bóng mình trước nắng, cũng than thở ngậm với bóng; và những lúc canh khuya vắng vẻ một mình, lòng lại năn nỉ nhủ ngậm với lòng.

Câu 1785, 1786 = Nàng những nhớ tiếc người đã kết nghĩa đèo bồng với mình ở Lâm Truy, cho rằng họa chẳng đến kiếp sau mới lại được gặp để giữ trọn vẹn lời thề non nước.

Câu 1787, 1788 = Còn thêm nỗi nhớ nhà, nhớ cha mẹ nữa. Người xưa xa nhà, thấy đám mây trắng ở trên núi Thái Hàng, thì biết nhà cha mẹ ở dưới đám mây đó. Nhưng nay càng cố trông mây để tìm quê cũ, thì chỉ thấy bốn phương đều mù mịt một màu mây trắng, thì còn biết phương nào là quê cha mẹ nữa.

Câu 1789, 1790 = Kiều chịu cực khổ ở đó qua ngày qua tháng. Nàng chỉ biết nỗi gần của nàng thì sâu khổ như thế, nhưng có biết đâu nỗi của Thúc Sinh ở nơi xa cũng sâu khổ chẳng kém gì nàng.

Những câu hay chữ có ý móc nối hoặc châm biếm

- Những câu tác giả đặt để chuyển tiếp đoạn nọ sang đoạn kia thường rất tài tình như đã nói nhiều lần. Hai câu đầu đoạn này cũng vậy. Câu trên [*Nước trôi hoa rụng đã yên*] thì vừa kết liễu ý Thúc Sinh yên chí rằng Kiều đã chết thật rồi bằng chữ “đã yên.”

- Câu dưới [*Hay đâu địa ngục ở miền nhân gian*] thì dùng chữ “hay đâu” để mở đầu ý nói Kiều vẫn còn đương sống khổ cực ở nhà Vô Tích dưới quyền Hoạn Thư độc ác.

- “Đã yên” móc nối với “Hay đâu” làm cho hai câu 1705-1706 có nghĩa: Thúc cho phận Kiều thế là đã yên rồi, nhưng chàng có “hay đâu” là nàng hãy còn ở địa ngục trên đời.

- Câu Hoạn bà mắng Kiều [*Ra tuồng mèo má gà đồng / ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào*] ứng với câu [*Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra / sự mình nàng đã cứ mà gửi thưa*], vì nàng ngay thực khai rõ hết nông nỗi lưu lạc của mình, khi bị Hoạn bà gạn gùng hỏi mọi lẽ.

- Câu [*Tiểu thư thấy cũng thương tài / khôn uy dường cũng bớt vài bốn phân*] móc nối với câu 2369 sau này khi Tiểu thư van xin Kiều tha tội [*Lòng riêng riêng cũng kính yêu / chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai*].

- Những chữ “sánh đường”, “môn phòng”, “đòi ngay lên hầu”, “thiên quan chùng tể”, “dức rằng”, và “truyền cho” tác giả đặt vào đây đều có ý mỉa mai các bà vợ quan to hay lạm dụng quyền thế hống hách để bắt nạt dân chúng.

- Những câu tả sự hách dịch, tàn ác của Hoạn bà, nhiều câu giống như tả Tú bà: (a) Câu [*Giữa đường thất bảo ngồi lên một bà*] giống câu tả Tú bà [*Tú bà vắt óc lên giường ngồi ngay*]; (b) Câu [*Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra*] giống như câu tả Tú bà [*Đón rào đến mực nông nàn mới tha*]; (c) Những câu [*Đã đem mình bán cửa tao / hãy còn khùng khinh làm cao thế này*] và [*Nào là gia pháp nọ bay*] giống như những câu Tú bà nói [*Con kia đã bán cho ta / nhập gia phải cứ phép nhà tao đây*].

Tác giả dùng những câu gần giống như thế để tả một bà mệnh phụ phu nhân và một mục điếm già chủ thanh lâu, là ngụ ý than chê nhiều bà mệnh phụ phu nhân tuy bề ngoài oai vệ sang trọng thế, mà trong bụng chẳng khác gì những mục tầm thường hư hỏng.

Hay đâu địa ngục ở miền nhân gian. [2]

1707. Khuyển Ưng đã đất mưu gian, [3]

Vực nàng đưa xuống để an dưới thuyền.

1709. Buồm cao lèo thẳng cánh suyền, [4]

Đè chừng huyện Tích, băng miền vượt sang. [5]

1711. Dỡ đồ lên trước sánh đường, [6]

Khuyển Ưng hai đứa nộp nàng dâng công.

1713. Vực nàng tạm xuống môn phòng, [7]

Hãy còn thêm thiếp giấc nồng chưa phai.

1715. Hoàng lương chợt tỉnh hôn mai, [8]

Cửa nhà đầu mắt, lâu đài nào đây?
1717. Bàng hoàng giờ tỉnh giờ say, [9]
Sảnh đường vắng tiếng đòi ngay lên hầu.
1719. A hoàn liền xuống giục mau, [10]
Hải hùng nàng mới theo sau một người.
1921. Ngược trông tòa rộng dãy dài, [11]
Thiên Quan Chủng Tể có bài treo trên. [12]
1723. Ban ngày sáp thấp hai bên,
Giữa giường thất bảo, ngồi trên một bà. [13]
1725. Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra,
Sự mình nàng đã cứ mà gửi thừa. [14]
1727. Bất tình nổi trận mây mưa,
Dức rằng: “Những giống bơ thờ quen thân! [15]
1729. Con này chẳng phải thiện nhân,
Chẳng phùng trốn chủ, thì quân lộn chồng. [16]
1731. Ra tuồng mèo mả gà đồng, [17]
Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào.
1733. Đã đem mình bán cửa tao,
Lại còn khùng khinh làm cao thế này.
1735. Nào là gia pháp nọ bay!
Hãy cho ba chục biết tay một lần.”
1737. A hoàn trên dưới dạ rân, [18]
Dẫu rằng trăm miệng không phân lẽ nào.
1739. Trúc côn ra sức đập vào,
Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh.
1741. Xót thay đào lý một cảnh,
Một phen mưa gió tan tành một phen.
1743. Hoa nô truyền dạy đổi tên,
Buồng the dạy ép vào phiên thị tì. [19]
1745. Ra vào theo lũ thanh y,
Dãi dầu tóc rối da chì quần bao.

1747. Quản gia có một mụ nào, [20]
Thấy người thấy nét ra vào mà thương.

1749. Khi chè chén, khi thuốc thang, [21]
Đem lời phương tiện mở đường hiếu sinh. [22]

1751. Dạy rằng: “May rủi đã đành,
Liều bỏ mình giữ lấy mình cho hay.

1753. Cũng là oan nghiệp chi đây, [23]
Sa cơ mới đến thế này chẳng dung.

1755. Ở đây tai vách mạch rừng, [24]
Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi.

1757. Kéo khi sấm sét bất kỳ,
Con ong cái kiến kêu gì được oan?”

1759. Nàng càng giọt ngọc như chan,
Nỗi lòng luống những bàng hoàng niềm tây:

1761. Phong trần kiếp đã chịu đày,
Lâm than lại có thứ này bằng hai. [25]

1763. Phận sao bạc chẳng vừa thôi, [26]
Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng nhan.

1765. Đã đành túc trái tiền oan, [27]
Cũng liều ngọc nát hoa tàn mà chi.

1767. Những là nương nấu qua thì,
Tiểu thư phải buổi mới về ninh gia.

1769. Mẹ con trò chuyện lân la,
Phu nhân mới gọi nàng ra dạy lời:

1771. “Tiểu thư dưới trướng thiếu người,
Cho về bên ấy theo đòi lầu trang.”

1773. Lãnh lời nàng mới theo sang,
Biết đâu địa ngục, thiên đàng là đâu.

1775. Sớm khuya khăn mặt, lược đầu,
Phận con hầu giữ con hầu dám sai.

1777. Phải đêm êm ả chiều trời,

Trúc tơ hỏi đến nghề chơi mọi ngày. [28]
 1779. Lĩnh lời nàng mới lựa dây,
 Ni non thánh thót dễ say lòng người.
 1781. Tiểu thư xem cũng thương tài,
 Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân.
 1783. Cửa người đày đọa chút thân,
 Sớm ngơ ngần bóng đêm nấn nỉ lòng.
 1785. Lâm Truy chút nghĩa đèo bồng,
 Nước bèo để chữ tương phùng kiếp sau.
 1787. Bốn phương mây trắng một màu, [29]
 Trông vời cố quốc biết đâu là nhà. [30]
 1789. Lần lần tháng trọn ngày qua,
 Nỗi gần nào biết đường xa thế này.

Đính chính và xác định

Câu 1727 - “Bất tình nổi trận gió mưa” – Chữ “gió mưa” mới có nghĩa giận dữ. Có bản in lầm ra “Bất tình nổi trận mây mưa” thật không hợp nghĩa ở chỗ này.

Câu 1784 - “Sớm than thờ bóng, khuya nấn nỉ lòng” nghĩa là ban ngày thấy bóng mình trước nắng lại thương mình mà chỉ dám than thờ với bóng mình, chẳng dám để ai biết. Lúc canh khuya cũng vậy, ngủ không được mà chỉ những mình lại nấn nỉ nỗi đau xót với chính lòng mình, chẳng dám nói cùng ai, tả cảnh cô đơn khổ cực vô cùng. Bản Kiều của ông Trần Trọng Kim in câu này là: “Sớm nấn nỉ bóng, đêm ngơ ngần lòng” đã mất vần lại không xuôi nghĩa.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Nước trôi hoa rụng* lấy điển ở câu chữ hán “Lưu thủy lạc hoa [流水落花] = Hoa rụng vào suối nước chảy, phải chìm chìm nổi nổi mà chẳng biết trôi đi đâu.”

[2] *Địa ngục* = nhà giam tù ở cõi âm phủ.

[3] *Đã dắt mưu gian* = đã làm trôi chạy được các mưu chước giả dối như buôn bán được trôi chạy đất hàng.

[4] *Thăng cánh suyền* – Suyền [湍] = đi thật nhanh một mạch. Thăng cánh suyền = gió thuận thổi vào cánh buồm đi thăng nhanh một chiều như bay.

[5] *Huyện Tích* tức là huyện Vô Tích, quê nhà họ Hoạn.

[6] *Sảnh đường* là nơi quan làm việc công. Tác giả đặt chữ “sảnh đường” ở đây để tả sự hống hách quá phép của Hoạn bà. Các bà quan hay có thói lạm quyền như vậy.

[7] *Môn phòng* là căn phòng giữ phạm nhân ở gần cổng canh trước dinh các quan.

[8] *Hoàng lương* [黃粱] nghĩa đen là kê vàng. Ngày xưa Lư Sinh, đời nhà Đường, thi hỏng về gặp ông Lã Tiên ở một quán ăn. Ông thấy Lư buồn chán, mới cho mượn chiếc gối Bảo Lư gối đầu mà ngủ cho đỡ phiền. Lúc đó người chủ quán mới quấy nồi cháo kê vàng. Lư mới gối đầu nằm, liền thấy lấy được vợ họ Thôi rất đẹp rất giàu, lại đỗ Tiến sĩ được vua yêu cho làm quan to, lại có công phá được giặc Nhung, được làm Tể Tướng hơn 10 năm, có 5 con trai đều làm quan to, có 10 cháu trai đều làm rể nhà quan sang, sống hơn 80 tuổi mới chết, thì bỗng tỉnh dậy, thấy nồi cháo kê vẫn chưa chín. Lư quái lạ hỏi Lã Tiên, thì Lã nói “Lạ gì? Cuộc phú quý đời người đều như thế cả, ta còn ham muốn làm gì cho nhọc bưng.” Do truyện này, người sau mới gọi giấc mơ ngủ là giấc Hoàng Lương. Cái gối ông Lã Tiên cho Lư Sinh gối đầu nằm ngủ được giấc mơ phú quý ấy làm bằng gỗ cây mai, nên các văn sỹ sau gọi hồn mộng giấc mơ là hồn mai. Câu này đặt chữ “Hồn mai” liền với chữ “Hoàng Lương” rất khắn khít với nhau. Ông Trần Trọng Kim nói “Các văn sỹ thường nói giấc mơ ngủ là “qué phách mai hồn” cho lịch sự, thật là lầm, vô nghĩa, vì qué phách là mặt trăng, chữ phách đây không phải là hồn phách, nên chữ qué phách không đi với chữ mai hồn được.

[9] *Bàng hoàng* = hãy còn như say như mê, lúc mới tỉnh dậy có vẻ ngỡ ngác lo sợ.

[10] *Nha hoàn* [丫鬟] – Nhiều người đọc chệch ra “a hoàn” [鴉鬟] = đứa hầu tót gái, tóc còn đen như quạ [鴉] [“nha” = quạ] và kết thành hai món trái đào hình như chữ [丫] “nha” là vật có phần ngọn chia hai nhánh. Lại có người nhận lầm chữ “nha” [丫] này ra [小]

“tiểu” mà đọc lầm ra “tiểu hoàn.”

[11] *Ngước trông* = sợ hãi quá, chỉ dám hơi đưa to mắt lên mà nhìn, chứ không dám ngửa hẳn mặt lên. Thơ Xuân Hương vịnh đèn Sầm Thái Thú ở gò Đống Đa: “Ngước mắt trông lên

thấy biển treo, Kia đèn Thái Thú đứng treo leo.” Lời thì thật tôn kính, mà ý thì thật mỉa mai khinh rẻ: chẳng thèm nhìn thẳng.

[12] *Thiên quan chủng tể* [天官塚宰] là chức quan cao nhất ở triều đình xưa. Nhà Chu đặt ra chức Thiên quan chủng tể để cai quản tất cả các quan. Về đời nhà Minh các quan hơi cao ở bộ Lại đều lạm xưng là Lại bộ [吏部]. Vì bộ Lại là bộ giữ việc tuyển bổ thăng giáng các quan, nên nhà họ Hoạn dám lạm quyền treo bảng Thiên quan chủng tể cho oai; thật ra bố Hoạn Thư không phải Thượng thư bộ Lại, vì Thúc Sinh chỉ là một người sinh viên xoàng, con một ông lái buôn giàu, lấy thế nào được con gái một ông Lại bộ Thượng thư?

[13] *Giường thất bảo* = giường đẹp sang nhất hạng, có khảm bảy thứ vàng ngọc quý báu.

[14] *Cứ mà gửi thưa* = cứ theo sự thật của mình mà trình thưa rõ ràng, đại khái như nói là vợ lẽ Thúc Sinh, lấy nhau được hai năm...

[15] *Dức* – Quan mắng, quan gắt gọi là dức cho thêm phần kính trọng quan, đại khái như lính hầu quan hỏi nhau “Làm gì mà quan dức mày thế?” Tác giả dùng chữ “dức” ở đây thật là đúng chỗ để tả nổi bật hẳn vẻ hách dịch của bà Lại bộ họ Hoạn. Có nhà xuất bản truyện Kiều đổi chữ “dức” này ra chữ “mắng” thật là không hiểu giọng nhà quan và ý tác giả.

[16] *Trốn chủ* – Tục Tàu trước, chủ nhà giàu sang hay xuất tiền ra mua con gái nhà nghèo về làm tôi đòi; nếu không có tiền chuộc ra, thì phải ở hầu hạ suốt đời. Nếu chủ có độ lượng thương người thì còn khá, nhưng phần nhiều họ cậy của hành hạ bất nhân, nên hay có những vụ gái nghèo này trốn chủ ra đi, nếu chủ bắt được thì bị tội vạ khổ sở. *Lộn chồng* = bỏ chồng cũ trốn đi lấy chồng khác.

[17] *Mèo mả gà đồng* = những gái du đãng, giang hồ, vô gia đình, sống vất vơ hư hỏng như con mèo già hoá cáo ra ở nhà mèo mả ngoài đồng. *Gà đồng* = loại gà rừng, dù ta bắt về chăm nuôi thế nào nó cũng không quen, thả ra là bay ra đồng.

[18] *Dạ rân* = vâng lời, dạ ran lên một lượt. [19] *Áp vào phiên thị tỳ* = biên tên vào sổ lũ gái hầu. Chữ “áp” hay “áp danh” [押名] = biên tên vào sổ. Nhiều bản Kiều quốc ngữ dịch lầm “áp” [抽] = ép, không đúng – vì bắt làm thị tỳ là phải làm, cần gì phải ép?

[19] *Thanh y* [青衣] = áo xanh – Tục Tàu trước, các tôi tớ trong nhà vẫn mặc áo xanh, nên gọi là lũ thanh y. Chữ “phiên” [番] dịch ra “phen” là sai nghĩa, vì các thị tỳ phải cắt “phiên” nhau vào đầu.

[20] *Quản gia* [管家] = mục cai quản bọn thị tỳ trong nhà.

[21] *Chè chén* đây là “chén trà chén cháo” chăm nom lúc Kiều còn ốm đòn, nên sau được Kiều trả ơn rất hậu. Xem câu 2341 và 2342 [*Mụ già, sự trưởng thứ hai / thoạt đưa đến trước, vội mời lên trên*]. Xin chớ lầm chữ “chè chén” này là “chè rượu” như ta thường nói.

[22] *Đem lời phương tiện mở đường hiếu sinh – Lời phương tiện* = lời theo chiều hướng (phương) thuận tiện mà khuyên nhủ cho người hiếu mọi lẽ. *Mở đường hiếu sinh* = khuyên nhủ khiến cho Kiều khỏi chán đời mà lại muốn cố sống. Câu này nghĩa là mục quản gia khéo dò xét tâm sự Kiều có ý muốn tự tử, mới lựa chiều thuận tiện mà lấy lời lẽ khuyên nhủ yên ủi cho Kiều khỏi chán đời.

[23] *Oan nghiệt* [冤孽] hay *oan nghiệp* [冤業] = “tiền oan nghiệp chướng” = oán thù từ kiếp trước để lại đến kiếp này mới báo thù lại nhau.

[24] *Tai vách mạch dưng* – *Vách* = những bức thuận chia ngang nhà ở ra làm các phòng. *Dưng* = những bức vách dọc đằng sau nhà làm bằng những thanh tre đan dưng với nhau, ngoài chát đất cho kín phẳng. Tục ngữ có câu: “Dưng có mạch, vách có tai” nghĩa là ngoài bức vách chung quanh chỗ ta ở, thường có kẻ áp tai nghe, ghé mắt dòm để rình ta, nên ta phải giữ gìn.

[25] *Làm than* do chữ [塗炭] “đồ than” dịch ra. *Đồ* [塗] = bùn làm ở mặt đường. *Than* [炭] = than tro. Nghĩa bóng chữ “làm than” là khổ sở nhục nhã như phải lặn lội ở mặt đường đầy những than bùn đen bẩn.

[26] *Bạc chẳng vừa thôi* = sao số phận bạc quá, bạc thế nào cũng chưa vừa, chưa thôi.

[27] *Túc trái tiền oan* [夙債前冤] = nợ cũ đã lâu, hay oan nghiệp từ kiếp trước, bây giờ phải trả nợ, phải đền tội.

[28] *Trúc ty* – *Trúc* [竹] = tre, tức là ống sáo; *ty* [絲] = tơ, tức là đàn. Nhiều bản Kiều quốc ngữ phiên âm là trúc tơ, đành rằng vẫn nghĩa là đàn sáo, nhưng trúc là tiếng Hán, tơ là tiếng nôm đi với nhau không êm bằng trúc ty là tiếng chữ Hán. Bài Tỳ Bà Hành cũng dịch là trúc

ty: Người xuống ngựa, khách dừng chèo / Chén quỳnh muốn cạn không chiều trúc ty / Say những luống ngại khi hầu rẽ.

[29] *Bốn phương mây trắng một màu* – Thơ cổ có câu “Tứ cố bạch vân mê [四顧白雲迷]” = Ngó trông bốn bề chỉ thấy mây trắng mù mịt một màu, chẳng biết quê cha mẹ ở đâu.

[30] *Cố quốc* nghĩa đen là nước cũ, nghĩa rộng là nơi quê quán cha mẹ của mình.

Diễn ra văn xuôi

Câu 1705, 1706 = Thúc Sinh vẫn yên chí rằng cái đời như đóa hoa rụng xuống giòng nước của Kiều thế là xong, là yên rồi; chàng có biết đâu rằng cái địa ngục mà nàng bị giam khổ vẫn ở ngay trên cõi người này.

Câu 1707, 1708 = Bọn Khuyển Ưng đã thi hành trôi chày các mưu gian của chủ dận dò rồi, liền vục Kiều xuống để nằm yên dưới thuyền.

Câu 1709, 1710 = Rồi chúng kéo buồm lên cho cao, gò dây buồm cho thẳng và cứ ngấm thẳng đường về phía Vô Tích mà cho thuyền tiến thật nhanh.

Câu 1711, 1712 = Khi đến nơi, chúng đỗ thuyền ở ngay phía trước sảnh đường mà dỡ các đồ đạc lên. Hai thằng Khuyển Ưng khiêng Kiều lên nộp để dâng công.

Câu 1713, 1714 = Chúng vục nàng vào tạm nằm nghỉ trong căn phòng bên cạnh công đình, và nàng vẫn còn thiêm thiếp như ngủ mê chưa biết gì, vì thuốc mê chưa phai tan hết.

Câu 1715, 1716 = Bỗng hồn nàng như ngủ tỉnh dậy. Nàng thấy lạ quá, cửa nhà mình đâu mất, mà đây là lâu đài nào vậy?

Câu 1717, 1718 = Nàng còn đương ngơ ngác bàng hoàng, chệnh choáng như say rượu, thì bỗng thoảng nghe tiếng ở trên sảnh đường đòi nàng lên hầu ngay lập tức.

Câu 1719, 1720 = Rồi một thị tỳ tóc kết thành hai trái đào chạy xuống giục nàng lên ngay. Nàng sợ hãi lắm, theo ngay một người dẫn lên sảnh đường.

Câu 1721, 1722 = Nàng sẽ ngược mắt trông lên thấy tòa rộng dầy dài đã rất lộng lẫy, lại trên có treo một cái biển đề bốn chữ to “Thiên Quan Chúng Tế” bằng vàng.

Câu 1723, 1724 = Bên trong sảnh đường, ban ngày mà vẫn có mấy cây sáo thấp ở hai bên trước cái giường khảm bảy thứ ngọc rất lộng lẫy đẹp, trên giữa giường có một bà ngồi rất oai nghiêm đường bệ.

Câu 1725, 1726 = Thấy Kiều lên, bà gạn gùng hỏi ngành hỏi ngọn, Kiều chẳng biết hỏi để làm gì, sự tình mình thế nào, nàng cứ theo thật sự mà thưa trình rõ ràng hết.

Câu 1727, 1728 = Bất kỳ bà nổi giận dữ dội như mưa như bão mà quở mắng: Con này thật là cái giống gái hư hỏng, chỉ quen thân bơ thờ ăn chơi bợm bãi.

Câu 1729, 1730 = Con này đúng không phải là người tử tế – nếu không phải là phường tôi đòi trốn chủ ra đi, thì cũng là quân bỏ chồng nợ theo chồng kia.

Câu 1731, 1732 = Nó rõ là giống mèo mả gà đồng chẳng ai chứa được, nên thân đòi thành ra lúng túng chẳng ở yên được chỗ nào.

Câu 1733, 1734 = Nó đã đem thân bán vào nhà cửa tao, mà vẫn còn dám khùng khỉnh làm cao, chẳng coi ai ra gì thế này à?

Câu 1735, 1736 = Nào chúng bây đâu! Hãy theo phép tắc nhà tao đem nó ra mà trị tội, đánh thử ba chục roi cho nó biết tay một lần đi!

Câu 1737, 1738 = Lũ con hầu đồng thanh dạ ran lên một lượt. Thế là nàng dẫu có trăm miệng cũng chẳng sao kêu van phân trần phải trái được một tiếng nào.

Câu 1739, 1740 = Chúng nó lấy roi tre to mà hết sức đập vào người, thì thịt nào mà chẳng nát, gan nào mà chẳng kinh?

Câu 1741, 1742 = Thật đáng thương cho nàng đẹp nồn như cành hoa đào hoa mận, mà mỗi phen gặp cơn mưa gió tàn bạo như thế lại tan tành một phen.

Câu 1743, 1744 = Rồi bà lớn lại truyền đổi tên Thúy Kiều ra là Hoa Nô, và biên tên vào sổ những bọn hầu tớ gái để thay phiên nhau vào hầu.

Câu 1745, 1746 = Từ đó Kiều theo lũ thanh y ra vào hầu hạ, đầu bù tóc rối, mặt sạm da chì, chẳng quản ngại gì cả.

Câu 1747, 1748 = Có một mục quản gia nào đó thấy nàng người đã thanh tao, có tướng mạo khác thường, tính nết lại hiền lành đứng đắn, mà cứ phải ra vào hầu hạ quần quật suốt ngày, lòng mục rất thương tình cho nàng.

Câu 1749, 1750 = Nên mục hết lòng săn sóc chạy chữa cho nàng khi còn ốm đòn, lúc thì mục cho chén nước chè, bát cháo nóng để nàng ăn uống, lúc chạy thuốc chạy thang chữa vết thương đòn cho nàng lành khỏi. Mục thấy nàng có vẻ chán đời muốn tự tử, mục lại khéo lựa chiều ý nàng mà đem lời lẽ thuận tiện khuyên giải như mở đường cho nàng hồi tâm lại mà vui đời muốn sống.

Câu 1751, 1752 = Mục khuyên nhủ nàng: Đã đành ở đời ta phải theo sự may rủi của số mệnh, nhưng ở trong cái kiếp liễu bỏ yếu đuối ở nơi nguy hiểm này, cô cũng phải liệu cách mà lo giữ mình mới được.

Câu 1753, 1754 = Chắc đây cũng là bởi sự oan nghiệt nào đó, nên cô mới phải sa cơ mắc vào cuộc khổ nhục thế này, chứ đâu phải truyện bồng dung!

Câu 1755, 1756 = Ở đây là chỗ tai vách mạch rừng, trong ngoài trước sau chỗ nào cũng có tai nghe mắt nhìn dò xét cô, nên cô phải cẩn thận, có thấy ai là người quen thân đến đâu nữa, cũng chớ có nhìn nhận làm gì mà khốn đó.

Câu 1757, 1758 = Cô nên nhớ lời tôi dặn, kéo nữa cô không biết, thấy người quen mà đắm đắm nhìn một cái, là có truyện mưa gió giận dữ nổi ngay lên, thì cái thân phận nhỏ hèn như con ong cái kiến của cô này, kêu oan cũng không được nữa đâu!

Câu 1759, 1760 = Nàng nghe lời mục dạy, lòng càng cực cội, nước mắt tràn trụa chứa chan, biết bao nhiêu là nông nổi lo âu, thương nhớ ngậm ngấm quanh quần đầy lòng.

Câu 1761, 1762 = Nàng nghĩ thương thân: Mình tưởng đã chịu đầy đủ cái kiếp khổ nhục như thế rồi, thế mà còn gặp cái kiếp tôi đòi nhục nhã khổ cực gấp đôi nữa như thế này!

Câu 1763, 1764 = Thật đáng thương cho phận mình sao mà bạc mệnh quá vậy, bạc không còn chừng hạn nào nữa! Bạc đến bao giờ mới là đủ, mới là hết? Sao mà hai chữ “bạc mệnh” ấy nó cứ khăng khăng buộc trói mãi vào người hồng nhan như vậy?

Câu 1765, 1766 = Thôi! Đành rằng do cái nợ nần kiếp trước, hay cái oan báo kiếp xưa, nó bắt mình phải giả, phải đền như vậy, thì mình đành phải chịu, và cũng đành cố sống liều cho đến lúc ngọc nát hoa tàn chứ có cần chi!

Câu 1767, 1768 = Nàng cứ nương nấu sống tạm bợ như thế mãi ở đó cho đến hôm Tiểu thư tỉnh cờ về nhà thăm mẹ.

Câu 1769, 1770 = Mẹ con trò chuyện lân la hết chuyện nọ đến chuyện kia mãi, rồi Phu nhân cho gọi Kiều ra và bảo:

Câu 1771, 1772 = Bên nhà Tiểu thư thiếu người hầu, vậy ta cho mi sang bên ấy hầu hạ trong lầu trang Tiểu thư.

Câu 1773, 1774 = Nàng vâng lệnh lời Bà, mới theo Tiểu thư về, chứ biết đâu về nhà Tiểu thư thì phải khổ như vào địa ngục, hay được sướng như lên thiên đàng?

Câu 1775, 1776 = Sang đó rồi, nàng hầu hạ Tiểu thư rất cẩn thận, hầu sớm, hầu khuya, khi khăn mặt, khi lược đầu, cần đến cái gì nàng đều biết trước sẵn sàng, không cần phải sai bảo, lúc nào nàng cũng thân phận con hầu, thì phải làm hết phận sự con hầu, không dám sai lãng.

Câu 1777, 1778 = Được một đêm nhân trời mát mẻ, êm đềm, tiểu thư mới hỏi đến nghề đàn trước kia của nàng.

Câu 1779, 1780 = Nàng vâng lời lấy đàn ra sửa, vặn lại các dây cho đúng, rồi ngồi gảy. Tiếng đàn nàng gảy lúc thì như tiếng hát ni non cảm dỗ, lại lúc thì như giọng thánh thót phĩnh phờ để làm cho lòng người phải say sưa.

Câu 1781, 1782 = Tiểu thư thấy nàng có tài như thế cũng sinh lòng thương quý, và từ hôm đó đôi đũa với nàng cũng bớt vẻ nghiêm khắc.

Câu 1783, 1784 = Từ khi nàng thấy thân mình bị đẩy đọa vào nơi cửa quan sang hống hách quá này, mỗi khi sớm dậy trông thấy bóng mình trước nắng, cũng than thở ngậm với bóng; và những lúc canh khuya vắng vẻ một mình, lòng lại năn nỉ nhủ ngậm với lòng.

Câu 1785, 1786 = Nàng những nhớ tiếc người đã kết nghĩa đèo bồng với mình ở Lâm Truy, cho rằng họa chẳng đến kiếp sau mới lại được gặp để giữ trọn vẹn lời thề non nước.

Câu 1787, 1788 = Còn thêm nỗi nhớ nhà, nhớ cha mẹ nữa. Người xưa xa nhà, thấy đám mây trắng ở trên núi Thái Hàng, thì biết nhà cha mẹ ở dưới đám mây đó. Nhưng nay càng cố trông mây để tìm quê cũ, thì chỉ thấy bốn phương đều mù mịt một màu mây trắng, thì còn biết phương nào là quê cha mẹ nữa.

Câu 1789, 1790 = Kiều chịu cực khổ ở đó qua ngày qua tháng. Nàng chỉ biết nỗi gần của nàng thì sầu khổ như thế, nhưng có biết đâu nỗi của Thúc Sinh ở nơi xa cũng sầu khổ chẳng kém gì nàng.

Những câu hay chữ có ý móc nối hoặc châm biếm

- Những câu tác giả đặt để chuyển tiếp đoạn nọ sang đoạn kia thường rất tài tình như đã nói nhiều lần. Hai câu đầu đoạn này cũng vậy. Câu trên [*Nước trôi hoa rụng đã yên*] thì vừa kết liễu ý Thúc Sinh yên chí rằng Kiều đã chết thật rồi bằng chữ “đã yên.”

- Câu dưới [*Hay đâu địa ngục ở miền nhân gian*] thì dùng chữ “hay đâu” để mở đầu ý nói Kiều vẫn còn đương sống khổ cực ở nhà Vô Tích dưới quyền Hoạn Thư độc ác.

- “Đã yên” móc nối với “Hay đâu” làm cho hai câu 1705-1706 có nghĩa: Thúc cho phận Kiều thế là đã yên rồi, nhưng chàng có “hay đâu” là nàng hãy còn ở địa ngục trên đời.

- Câu Hoạn bà mắng Kiều [*Ra tuồng mèo mả gà đồng / ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào*] ứng với câu [*Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra / sự mình nàng đã cứ mà gửi thừa*], vì nàng ngay thực khai rõ hết nông nỗi lưu lạc của mình, khi bị Hoạn bà gạn gùng hỏi mọi lẽ.

- Câu [*Tiểu thư thấy cũng thương tài / khôn uy dường cũng bớt vài bốn phân*] móc nối với câu 2369 sau này khi Tiểu thư van xin Kiều tha tội [*Lòng riêng riêng cũng kính yêu / chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai*].

- Những chữ “sánh đường”, “môn phòng”, “đòi ngay lên hầu”, “thiên quan chùng tể”, “dức rằng”, và “truyền cho” tác giả đặt vào đây đều có ý mỉa mai các bà vợ quan to hay lạm dụng quyền thế hống hách để bắt nạt dân chúng.

- Những câu tả sự hách dịch, tàn ác của Hoạn bà, nhiều câu giống như tả Tú bà: (a) Câu [*Giữa đường thất bảo ngồi lên một bà*] giống câu tả Tú bà [*Tú bà vắt óc lên giường ngồi ngay*]; (b) Câu [*Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra*] giống như câu tả Tú bà [*Đón rào đến mực nông nàn mới tha*]; (c) Những câu [*Đã đem mình bán cửa tao / hãy còn khùng khỉnh làm cao thế này*] và [*Nào là gia pháp nọ bay*] giống như những câu Tú bà nói [*Con kia đã bán cho ta / nhập gia phải cứ phép nhà tao đây*].

Tác giả dùng những câu gần giống như thế để tả một bà mệnh phụ phu nhân và một mục điểm già chủ thanh lâu, là ngụ ý than chê nhiều bà mệnh phụ phu nhân tuy bề ngoài oai vệ sang trọng thế, mà trong bụng chẳng khác gì những mục tầm thường hư hỏng.

CHƯƠNG 20

CÂU 1791 ĐẾN CÂU 1938

“Thấp cao chung sợ, đau sướng khác lòng”

1791. Lâm Truy từ thuở uyên bay, [1]
Buồng không thương kẻ thảng ngày chiếc thân.
1793. Mây ai trắng mới in ngân, [2]
Phần thừa hương cũ bội phần xót xa. [3]
1795. Sen tàn cúc lại nở hoa, [4]
Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân.
1797. Tìm đâu cho thấy cố nhân?
Lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương. [5]
1799. Chạnh niềm nhớ cảnh gia hương,
Nhớ quê chàng lại tìm đường thăm quê.
1801. Tiểu thư đón cửa đã dề, [6]
Hàn huyên vừa cạn mọi bề gần xa.
1803. Nhà hương cao cuốn bức là, [7]
Buồng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng.
1805. Bước ra một bước một dừng,
Trông xa nàng đã tỏ chừng nẻo xa:
1807. Phải chăng nắng quáng đèn lò, [8]
Rõ ràng ngồi đó chẳng là Thúc Sinh?
1809. Bây giờ tình mới rõ tình,
Thôi thôi đã mắc vào vành chẳng sai.
1811. Chước đâu có chước lạ đời? [9]
Người đâu mà lại có người tinh ma?
1813. Rõ ràng thật lứa đôi ta,
Làm ra con ở chúa nhà đôi nơi.
1815. Bề ngoài thơn thớt nói cười, [10]

Mà trong nham hiểm giết người không dao. [11]

1817. Bây giờ đất thấp trời cao,

Ăn làm sao, nói làm sao, bây giờ?

1819. Càng trông mặt càng ngẩn ngơ,

Ruột tằm đòi đoạn như tơ rối bời.

1821. Sợ uy dám chẳng vâng lời,

Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều.

1823. Sinh đà phách lạc hồn siêu:

“Thương ơi chẳng phải nàng Kiều ở đây?

1825. Nhân làm sao đến thế này?

Thôi thôi ta đã mắc tay ai rồi!”

1827. Sợ quen dám hở ra lời, [12]

Không ngăn giọt ngọc sụt sùi nhỏ sa.

1829. Tiêu thư trông mặt hỏi tra:

“Mới về có việc chi mà động dung?” [13]

1831. Sinh rằng; “Hiếu phục vừa xong, [14]

Suy lòng “trắc dĩ”, đau lòng “chung thiên”. [15]

1833. Khen rằng: “Hiếu tử đã nên!

Tẩy trần mượn chén giải phiền đêm thu.”

1835. Vợ chồng chén tạc, chén thù, [16]

Bắt nàng đứng chực trì hồ hai nơi. [17]

1837. Bắt khoan bắt nhất đến lời,

Bắt quì tận mặt bắt mời tận tay.

1839. Sinh càng như đại như ngậy,

Giọt dài giọt ngắn chén đầy chén voi.

1841. Ngảnh đi chột nói chột cười,

Cáo say chàng đã giạm bài lảng ra. [18]

1843. Tiêu thư vội thét: “Con Hoa!

Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn.” [19]

1845. Sinh càng nát ruột tan hồn,

Chén mời phải ngậm bồ hòn ráo ngay. [20]

1847. Tiểu thư cười, nói, tỉnh, say,
Chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi.
1849. Răng: “Hoa nô đủ mọi tài,
Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe.”
1851. Nàng đà than hoá tê mê, [21]
Vâng lời ra trước bình the vắn đàn. [22]
1853. Bốn dây như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng.
1855. Cùng chung một tiếng tơ đồng, [23]
Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm. [24]
1857. Giọt châu lã chã khôn cầm,
Cúi đầu chàng những gạt thăm giọt sương. [25]
1859. Tiểu thư lại thét lấy nàng:
“Cuộc vui gây khúc đoạn trường ấy chi?
1861. Sao chẳng biết ý tứ gì?
Cho chàng buồn bã tội thì tại người.”
1863. Sinh càng thảm thiết bồi hồi,
Vội vàng gượng nói gượng cười cho qua.
1865. Giọt rờn canh đã điểm ba, [26]
Tiểu thư nhìn mặt dường đà can tâm.
1867. Lòng riêng khắp khởi mừng thầm:
Vui này đã bỏ đau ngậm xưa nay.
1869. Sinh thì gan héo ruột đầy,
Nỗi lòng càng nghĩ càng cay đắng lòng.
1871. Người vào chung gối loan phòng,
Nàng ra tựa bóng đèn giông canh dài. [27]
1873. Bây giờ mới rõ tâm hơi,
Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen!
1875. Chúc đâu rẽ thúy chia uyên, [28]
Ai ra đường nấy, ai nhìn được ai.
1877. Bây giờ một vực một trời, [29]

Hết điều khinh trọng, hết lời thị phi.
 1879. Nhẹ như bắc, nặng như chì, [30]
 Gỡ cho ra nữa, còn gì là duyên?
 1881. Lỡ làng chút phận thuyền quyên,
 Bể sâu sóng cả, có tuyền được vay?
 1883. Một mình âm i đêm chày,
 Đĩa dầu voi, nước mắt đầy, năm canh.
 1885. Sớm trưa hầu hạ đầy doanh, [31]
 Tiểu thư chạm mặt đề tình hỏi tra. [32]
 1887. Lựa lời nàng mới thừa qua:
 “Phải khi mình lại xót xa nỗi mình.”
 1889. Tiểu thư hỏi lại Thúc Sinh:
 “Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao!”
 1891. Sinh đà ruột rít như bào, [33]
 Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng đang!
 1893. Những e lại lụy đến nàng,
 Đánh liều mới sẽ lựa đường hỏi tra.
 1895. Cúi đầu quỳ trước sân hoa,
 Thân cung nàng mới dâng qua một tờ. [34]
 1897. Diện tiền trình với Tiểu thư,
 Thoạt xem dường có ngần ngại chút tình.
 1899. Liền tay trao lại Thúc Sinh,
 Rằng: “Tài nên trọng mà tình nên thương!
 1901. Ví chẳng có số giàu sang,
 Giá này dầu đúc nhà vàng cũng nên! [35]
 1903. Bể tràn chìm nổi thuyền quyên, [36]
 Hữu tài thương nỗi vô duyên lạ đời!”
 1905. Sinh rằng: “Thật có như lời,
 Hồng nhan bạc mệnh một người nào vay!
 1907. Nghìn xưa âu cũng thế này,
 Từ bi âu liệu bớt tay mới vừa.” [37]

1909. Tiểu thư rằng: “Ý trong tờ,
Rắp đem mệnh bạc xin nhờ cửa Không. [38]

1911. Thôi thì thôi cũng chiều lòng,
Cũng cho cho nghỉ trong vòng bước ra.

1913. Sẵn Quan Âm các vườn ta, [39]
Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa. [40]

1915. Có thảo thụ, có sơn hồ,
Cho nàng ra đó giữ chùa chếp kinh.”

1917. Tàng tàng trời mới bình minh, [41]
Hương hoa, ngũ cúng, sấm sanh lễ thường.

1919. Đưa nàng đến trước Phật đường,
Tam qui, ngũ giới, cho nàng xuất gia. [42]

1921. Áo xanh đổi lấy cà sa,
Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyền. [43]

1923. Sớm khuya tính đủ dầu đèn,
Xuân, Thu, cắt sẵn hai tên hương trà. [44]

1925. Nàng từ lánh gót vườn hoa,
Dường gần rừng tía, dường xa bụi hồng. [45]

1927. Nhân duyên đâu nữa mà mong,
Khỏi điều then phấn, túi hồng thì thôi.

1929. Phật tiền thăm lấp, sâu vùi,
Ngày pho thủ tự, đêm nôi tâm hương. [46]

1931. Cho hay giọt nước cành dương, [47]
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên. [48]

1933. Nâu sông từ trở màu thiên, [49]
Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu,

1935. Cửa thiên, then nhật, lưới mau, [50]
Nói lời trước mặt, rời châu vắng người.

1937. Gác kinh viện sách đôi nơi,
Trong gang tấc lại gấp mười quan son.

Đính chính và xác định

Câu 1851 – “*Nàng đà than hoán tê mê*” – Than hoán là bệnh trúng phong làm cho trí óc mê sảng và người rùng rợn co run. Đây nói Kiều được lệnh gảy đàn cho Thúc Sinh nghe, mừng quá giật mình như bị trúng phong, người run lên. Nhiều bản Kiều đổi “than hoán” thành “choáng váng” làm trái nghĩa ý chỗ này. Bản Kiều của hai ông Kim và Kỳ in là “tán hoán” và giải nghĩa là ngẩn ngơ, mê mẩn, chưa thật đúng.

Câu 1880 – “*Gỡ cho ra nữa, còn gì là duyên*” = Dù cho mình có gỡ được ra thoát cảnh khổ cực chỗ này nữa, thì khi đó đã hết duyên rồi còn ai lấy nữa. Nghĩa phân minh trôi chảy như thế mà có bản Kiều quốc ngữ dịch chữ “nữa [女]” này ra “nợ” (vì chữ [女] có thể đọc là “nữ” hay là “nợ”) cho hợp với nợ (gỡ nợ) nhưng không ai nói “gỡ cho ra nợ” mà chỉ nói “gỡ cho xong nợ.” Và lại, để chữ “nữ” mới ăn nghĩa mật thiết với chữ “còn.”

Câu 1885 – “*Sớm khuya lệ tủi đầy doanh*” = Những lúc sớm, lúc khuya vắng người, nàng thường tủi phận khóc ngậm, nước mắt đầy hai vành mắt. Câu này lấy ý ở câu chữ Hán [愁淚常盈眶 = Sầu lệ thường doanh khuông = Nước mắt sầu tủi thường ứa ra đầy trong vành mắt] mà đặt ra. Khuông [眶] = Hai mí mắt. Doanh = Vùng bể. Mặt doanh = Mặt bể. Sách thuốc gọi mắt là ngân hải [銀海] (bể bạc). Trong văn chương, mắt người khổ cực khóc nhiều vẫn gọi là lệ hải [淚海] (bể nước mắt). “Sớm khuya lệ tủi đầy doanh” nguyên chữ nôm viết là [灑灑淚悵潑潑 +盈] nhưng vì 4 chữ sau ở bản cũ in nhòe quá, người cho khắc in lại, nhận lầm chữ [淚] ra [侯] (hầu) và cho chữ nhòe dưới phải là chữ [下] (hạ), mới liền nghĩa với chữ hầu, và hợp với cảnh Kiều bấy giờ. Chữ đầy [潑] thì chỉ còn nửa bên hữu là [苔] (đài = râu). Chữ doanh [潑 +盈] thì nhận lầm ra doanh [楹] (cái cột). Thế là câu này ở bản khắc lại lầm ra [灑灑侯下苔楹 = Sớm khuya hầu hạ đài doanh]. Rồi bản Kiều cụ Vũ Trinh đổi chữ [苔楹] (đài doanh = cái cột râu) ra chữ [臺楹] (đài doanh = cái cột đèn) cho có nghĩa hơn. Nhân còn giữ chữ [楹] này tôi mới suy nghĩ ra được chữ [潑 +盈] “doanh” nguyên bản, và nhân chữ [侯] mới suy nghĩ ra được chữ [淚] “lệ” nguyên bản.

Câu 1893 – “*Nhưng e lại lụy đến nàng*” – Chữ “nhưng” ở câu này, các bản Kiều quốc ngữ đều phiên âm là “những”, khiến cho nghĩa câu này không liên tiếp với mấy câu trên, dưới. Vậy phải để là “nhưng” mới thật đúng, và nghĩa cả bốn câu 1891, 1892, 1893, 1894 này rất

liên tiếp là: Thúc Sinh đã thương Kiều nát ruột như bào. Chàng biết thừa là Kiều phải khóc thầm là vì Kiều hồi hận đã làm lỡ mà lấy chàng; là vì chàng chẳng binh vực che chở được chút nào; là vì Kiều thấy chàng vẫn vui vẻ sánh đôi với vợ cả, và bỏ lơ nàng phải lẻ loi tủi cực suốt đêm ngày. Những có khiến Kiều phải tủi khóc áy mà chàng nói ra ở trước mặt Hoạn Thư thì thật là bất tiện, và thấy cảnh Kiều bị nhục thế, thì không nỡ lòng nhìn đến, nhưng Sinh lại e rằng, nếu lỡ đi mặc Kiều với Hoạn Thư thì sợ nàng sẽ bị Hoạn Thư đánh đập, nên Sinh mới đánh nước bài liều, đón lấy roi mà không đánh, chỉ sẽ lựa lời hỏi Kiều mấy câu.

Câu 1915 – “*Có thảo thụ, có sơn hồ*” = Có cảnh hoa cỏ đẹp, cây cối mát. Có bản Kiều in chữ “thảo thụ” là “cổ thụ” nghĩa đã không đẹp bằng thảo thụ, đổi lại không chỉnh với hai chữ sơn hồ. Chữ thảo thụ còn gợi trước ý câu “Tim hoa quá bước xem người viết kinh” ở sau.

Câu 1916 – “*Cho nàng ra đó giữ chùa chép kinh*” – Chữ “chép kinh” có bản in là “đọc kinh”, có bản in là “viết kinh” đều là làm cả. Chữ “đọc” thì thật sai hẳn nghĩa, còn chữ “viết” cũng không xác đáng bằng chữ “chép”, vì viết kinh còn có nghĩa là sáng tác ra một quyển kinh. Bên Phật giáo có tục chép kinh Phật để phân phát cầu phúc. Có người thuê chép hàng trăm quyển để phát cho dân chúng. Đây chắc Hoạn Thư cũng bắt Kiều chép kinh để phân phát cầu phúc.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Uyên bay – Uyên ương* [鴛鴦] = loài chim chân vịt, có lông đẹp, sống ở sông hồ, đôi nào riêng đôi ấy, luôn ở bên nhau, nên văn sĩ vẫn dùng chữ *uyên ương* để chỉ vợ chồng. Đây nói *uyên bay* nghĩa bóng là Kiều bị bắt đi. Đáng lẽ nói là ương bay mới đúng, vì ương mới là con mái, nhưng vì tiếng ương nghe không đẹp, vì gần chữ ương ngạnh hay tai ương, nên con gái chỉ đặt tên uyên cho đẹp. Đây tác giả cũng theo tục ấy.

[2] *Trăng mới in ngần* = Thúc Sinh mỗi khi trông thấy trăng đầu tháng (trăng mới) hình cong như cánh cung, lại nhớ đến đôi lông mày đẹp của Kiều giống như vậy.

[3] *Phấn thừa hương cũ* – Văn chữ Hán có câu “Thặng phấn dư hương” [剩粉餘香] = Phấn hương còn thừa của người vợ đã mất đi (làm cho chồng trông thấy, ngửi thấy, lại thương nhớ khổ sở).

[4] *Sen tàn, cúc lại nở hoa* – Vì sen nở về mùa hè, cúc nở về mùa thu, câu này hàm ý “mùa hè đã hết, lại sang mùa thu rồi.” Ý nghĩa thâm thúy của nó là “cái tình đằm thắm như hoa sen đối với Kiều thì đã tàn rồi, và cái tình nhạt nhẽo đứng đắn như hoa cúc, đối với Hoạn Thư lại sắp sửa nảy nở trở lại.”

[5] *Vận mệnh* = Vận hạn số mệnh do trời đã định cho mình, mình đành phải chịu không thể trốn tránh được.

[6] *Dã dề* = Vui vẻ niềm nở.

[7] *Nhà hương* = Nhà có hoa lan thơm, do chữ “lan thát” [蘭室] dịch ra. Bản kinh để nguyên chữ là nhà lan, tức là căn nhà lịch sự, sạch thơm vẫn để tiếp khách. *Bức* = Bức màn may bằng vải the mỏng đẹp.

[8] *Nắng quáng đèn lòa* = Bị nắng làm cho quáng mắt, bị đèn làm cho lóa mắt. Ý câu này là: Nào có phải mắt Kiều bị nắng, bị đèn làm quáng lòa đi đâu. Rõ ràng là Kiều trông thấy Thúc Sinh ngồi kia hần hoi.

[9] *Chước* = Mưu mẹo đặt ra để lừa người. *Chước lạ đời* = Mưu mẹo khéo đặt thâm hiểm lạ lùng ở trên đời.

[10] *Thơn thớt* = Cười nói một cách rất vui vẻ ở bề ngoài.

[11] *Giết người không dao* – Chữ Hán có câu “Sát nhân vô đao kiếm” [殺人無刀劍] = Giết người không cần dùng đến dao gươm. Lại có câu “Lý Lâm Phủ tiếu trung hữu đao” [李林甫笑中有刀] = Trong cái cười tươi của Lý Lâm Phủ có lưỡi dao giết người. (Lý Lâm Phủ là một tay gian tướng đời nhà Đường).

[12] *Sợ quen* = (Thúc Sinh) sợ vợ đã thành thói quen đi rồi.

[13] *Động dung* [動容] = Đôi nét mặt vì lòng thương cảm.

[14] *Hiếu phục* [孝服] = Mặc quần áo tang mẹ. Xem câu này thì biết Thúc Sinh lấy Kiều trong khi còn tang mẹ là trái lễ trái luật nên lại sợ Hoạn Thư không dám nhận Kiều làm vợ lẽ.

[15] *Trắc dĩ* [陟屺] = Nhớ mẹ. Trong Kinh Thi có mấy bài thơ của người lính thú phương xa tả lòng nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ anh. Bài nhớ mẹ có câu “Trắc bi dĩ hề, chiêm vọng mĩ (mẫu)

hè” [陟彼岵兮,瞻望母兮] = Lên núi kia này, trông ngóng mẹ này. *Chung thiên* – Sách Nho gọi con để tang cha mẹ là “Chung thân chi tang” [終身之喪] = Cuộc tang chở suốt đời. Vì vậy người con gọi tang cha mẹ là *chung thiên*, nghĩa là cho đến lúc hết tuổi trời cho. Nghĩa cả câu: Suy lòng người xưa nhớ mẹ này, thì ta thương mẹ suốt đời.

[16] *Chén tạc, chén thù* – *Tạc* [酢] = Chén rượu mời. *Thù* [酬] = Chén rượu mời trả lại.

[17] *Trì hồ* [持壺] = Người cầm hồ rượu mà đứng hầu, thấy chén ai cạn thì đến rót mời thêm.

[18] *Giạm* = Nói ướm trước. *Giạm bài láng ra* = Thúc Sinh tỏ ý mình say rồi, muốn thôi không uống nữa để Kiều khỏi phải đứng hầu.

[19] *Có đòn* = Lời đe đánh đòn của kẻ trên hồng hách với tôi tớ.

[20] *Bồ hòn* = Thứ quả cây hình tròn mà cũng có hạt đen như quả nhãn, nhưng vỏ có nhiều nhựa rất đắng và dùng để giặt quần áo được. Quả bồ hòn trông rất ngon, trẻ con không biết bỏ vào mồm ăn là vội nhè ra ngay. Cho nên khi gặp việc đắng cay đau khổ mà cứ phải đành chịu, thì nói là “ngậm quả bồ hòn.” Ca dao có câu “Đắng cay em ngậm quả bồ hòn / Con nhà gia thế mà chồng con kém người.”

[21] *Than hoán* [癱瘓] = Bệnh trúng phong làm thần kinh tê dại, gân thịt co run.

[22] *Bình the* = Bức bình phong bằng the căng trong mấy khung gỗ.

[23] *Tơ đồng* = Cây đàn làm bằng gỗ cây ngô đồng [梧桐]. *Tiếng tơ đồng* = Tiếng đàn gảy. Theo sách Hán, xưa kia có người đốt gỗ ngô đồng để nấu cơm. Ông Sái Ung nghe tiếng lửa nổ kêu sang sảng, biết là gỗ làm đàn tốt, liền đổi gỗ củi khác, xin về làm đàn. Quả nhiên tiếng đàn gảy rất hay, vì vậy mà người sau mới biết dùng gỗ cây ngô đồng làm thân cây đàn.

[24] *Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm* = Hoạn Thư thấy Thúc Sinh nghe đàn, lòng đau thương Kiều quá, mà sợ mình chẳng dám nói gì, lòng mừng rất vui thích, phải cố nhịn cười ra mặt, phải nhúm miệng lại mà cười nụ. Còn Thúc Sinh đau xót quá, nhưng sợ vợ phải bầm bụng mà khóc thầm ở bên trong.

[25] *Giọt sương* = Giọt nước mắt cô kìm hãm lại chỉ còn như hạt sương bám vào cánh hoa.

[26] *Giọt rồng* – Đồng hồ cổ của Tàu có ba cái hồ bằng đồng (gọi là “đồng hồ” [銅壺]) để chứa nước. Hồ trên chứa đầy nước cho chảy dần qua lỗ con ở đáy xuống hồ thứ hai. Nước

hồ thứ hai lúc nào cũng chứa có chừng hạn đến một lỗ ở gần miệng hồ. Đáy hồ thứ hai này có cái vòi làm hình con rồng, miệng rồng có cái lỗ rất nhỏ để nước rỏ từng giọt xuống hồ thứ ba. Hồ thứ ba này có cái thẻ ghi giờ khắc cắm trên cái phao. Nước đầy dần, và đưa dần cái thẻ chỉ giờ khắc lên. Trông giờ khắc nào ngang với sợi dây căng ngang trên miệng hồ, thì biết là mấy giờ mấy khắc. Chữ “giọt rồng” ở đây tức là giọt nước đồng hồ chảy qua vòi rồng kể trên.

[27] *Đèn giông* = Ngọn đèn đốt sáng suốt đêm.

[28] *Rẽ thúy chia uyên* – *Thúy* là chữ tắt của *phỉ thúy* [翡翠], *uyên* là chữ tắt của *uyên ương* [鴛鴦]. Phỉ thúy và uyên ương là hai giống chim đều có lông đẹp và đều đôi nào riêng đôi ấy suốt đời ở với nhau. *Rẽ thúy chia uyên* = Làm chia rẽ đôi vợ chồng ra mỗi người một nơi.

[29] *Một vực một trời* = Cao thấp cách nhau xa quá như trên đỉnh trời với dưới đáy vực. Chữ Hán có từ ngữ “Thiên uyên tương khứ” [天淵相去] = Trời vực cách nhau.

[30] *Nhẹ như bấc, nặng như chì* = (Kiều nghĩ thân phận mình) thì *nhẹ như bấc*, mà lòng sầu buồn lo sợ thì lúc nào cũng *nặng như chì*.

[31] Xem lời đính chính câu 1885 ở mục đính chính và xác định bên trên.

[32] *Chạm mặt* = Gặp mặt.

[33] *Rát ruột như bào* – Khi Thúc Sinh thấy Kiều tủi khóc thê thảm thì chàng đau đớn như ruột bị bào bị nạo.

[34] *Thân cung* [申供] = Tờ khai bày tỏ sự lòng và ý nguyện của mình.

[35] *Đúc nhà vàng* – Lúc vua Hán Vũ Đế còn nhỏ, mới làm Thái tử, một hôm đến chơi nhà bà Trương công chúa, bà chỉ mấy người thị nữ thật đẹp mà hỏi đùa Thái tử có muốn lấy cô nào không? Thái tử đều lắc đầu. Rồi bà chỉ con gái bà mới lên 7 tuổi, mà hỏi có muốn lấy Á Kiều không? Thái tử nói “Nếu cháu lấy được Á Kiều, thì cháu đúc nhà vàng cho ở!” Vì truyện này người sau mới có câu “Kim ốc trữ Kiều” [金屋貯嬌] = Đúc nhà vàng để chứa nàng Kiều.

[36] *Bể trần* – Chữ Hán là “trần hải” [塵海] = “bể bụi” để ví người ta sống ở đời như sống ở trong vùng rộng như bể, đầy những bụi bậm khô sỏ.

[37] *Từ bi âu liệu bớt tay mới vừa* – Thúc Sinh thấy Hoạn Thư có vẻ ngờ ngẩn về tài của Kiều, mới thừa cơ mà liệu khuyên răn Hoạn Thư nên theo đức từ bi của Đức Phật mà bớt tay ác nghiệt với Kiều đi. Nhưng vì câu này hơi tối nghĩa, có thể giảng ngược lại được là: liệu mà bớt tay từ bi đi, nên có người đọc chữ “từ bi” [慈悲] là “từ bây âu liệu” nghĩa là bớt tay từ bây giờ trở đi mới vừa. Đọc thế cũng có nghĩa thanh thoát xuôi hơn, nhưng chữ “từ” nôm viết là [自] (tự = từ) mới đúng. Và lại nếu nói thì giờ thì phải nói “từ bây giờ” mới có nghĩa, không ai nói “từ bây” bao giờ. Tác giả đặt chữ “từ bi” ở đây là có ý nhắc trước việc thờ Phật ở dưới. Còn câu dẫn điển ở cuốn Kiều Trần Trọng Kim ở trong cuốn Thanh Tâm Tài Nhân là [“Hiền thê tu từ bi dã” [賢妻須慈悲也] = Hiền thê nên từ bi vậy] không thành văn lý gì cả, không đáng tin.

[38] *Cửa Không* – Do chữ Hán “không môn” [空門] (cửa Phật) vì đạo Phật cho cái gì cũng là không cả.

[39] *Quan Âm Các* = Lầu thờ Phật Quan Thế Âm.

[40] *Cây trăm thước, hoa bốn mùa* – Câu này mượn ý ở câu trong kinh Phật “Bồ đề bách xích thụ, liên tọa tứ thì hoa” = [菩提百尺樹, 蓮座四時花] = “Bồ đề là cây cao trăm thước, tòa sen là hoa nở bốn mùa” để tả cảnh trong vườn gác Quan Âm có cây to bóng mát, bốn mùa đều có hoa nở đẹp.

[41] *Bình minh* = Lúc sáng sớm chưa mọc mặt trời.

[42] *Tam Quy* = “Quy y Phật, quy y Pháp, Quy y Tăng” [皈依佛, 皈依法, 皈依僧] = Phát nguyện đem cả thân và lòng hướng về Phật, hướng về đạo Phật, hướng về các vị sư chân chính theo đạo Phật. *Ngũ Giới* = Năm giới luật phải tuân theo = 1/ Giới dâm [戒淫]: răn không mê chuyện trai gái, 2/ Giới tửu [戒酒]: răn không uống rượu, 3/ Giới vọng [戒妄]: răn không nghĩ bậy, làm bậy, 4/ Giới đạo [戒盜]: răn không trộm cắp, 5/ Giới sát [戒殺]: răn không sát sinh.

[43] *Pháp danh* [法名] = Tên đặt lúc xin theo đạo Phật. Bên đạo Phật, cái gì thuộc về Phật cũng đều gọi là Pháp, như con nuôi Sư gọi là *Pháp tử*, áo mặc lễ Phật gọi là *Pháp y*, các đồ đạc thờ Phật gọi là *Pháp khí* [法器].

[44] *Xuân, Thu* là tên rút ngắn của hai đũa gái hầu coi sóc Kiều (*Xuân Lan* và *Thu Nguyệt*).

[45] *Rừng tía* – Trong Tây Du Ký có địa danh [“Tử trúc lâm” [紫竹林] = Rừng tre tía”] là chỗ Phật Thế Âm ở. “Rừng tía” câu này là cảnh Phật, đối lại với “Bụi hồng” là cõi tục.

[46] *Pho thủ tự* [手字] = Bộ sách tay Kiều chép. *Nồi tâm hương* = Nồi hương do tâm niệm thành kính mà nàng đốt từng nén cắm vào để cầu nguyện. Ý câu này: Ngày thì nàng chép kinh luân tay, đêm thì đốt hương ngời niệm Phật để khuấy lòng.

[47] *Giọt nước cành dương* – *Cành dương* = Cành dương liễu. Chỉ riêng lá dương liễu mặt trên bạc hơi trắng mà mặt dưới lại xanh, có ý hướng về cõi âm, về linh hồn, nên Phật Quan Âm dùng cành lá dương liễu để vẩy nước cam lồ vào chúng sinh cho linh hồn người sống kẻ chết đều được mát mẻ hay siêu sinh tịnh độ.

[48] *Lửa lòng* = Lòng nóng nảy bùng bột, nó sui người sinh lòng ham muốn tình dục.

[49] *Màu thiền* = Ăn mặc theo lối tu hành như quần áo nâu sòng, ăn chay dưa muối.

[50] *Quan phòng* = Canh giữ phòng bị không cho Thúc Sinh và Kiều gặp nhau. Hoạn Thư cắt hai thị tỳ Xuân và Thu đảm nhiệm việc đó rất nghiêm ngặt để hai bên không thông tin tức cho nhau được.

Diễn ra văn xuôi

Câu 1791, 1792 = Từ khi Kiều ở Lâm Truy bị bắt mang đi mất tích, thật đáng thương cho Thúc Sinh trong cảnh cô đơn, lúc nào cũng ngơ ngẩn tiếc thương suốt ngày qua tháng.

Câu 1793, 1794 = Mỗi khi chàng trông thấy trăng non đầu tháng in thành ngân sáng cong cong ở trên trời, thì chàng lại nhớ đến đôi lông mày đẹp hình cánh cung của Kiều. Nhất là mỗi khi chàng thấy những hộp son phấn thừa, hay thoang thoang ngửi thấy những mùi sáp thơm cũ của nàng, thì chàng xót xa bội phần.

Câu 1795, 1796 = Chàng nhớ Kiều mãi, trải qua mùa hè ao sen đã tàn, lại sang thu hoa cúc lại nở. Mối sầu thương của chàng thì dài, mà ngày tháng thì ngắn, bỗng lại mùa đông qua mùa xuân đến.

Câu 1797, 1798 = Ôi! Còn tìm đâu cho thấy người yêu cũ nữa! Thầy đồng nói một năm nữa mới tìm thấy nhau, thì nay đây đã trải qua bốn mùa rồi đó, mà nào có được tin tức gì đâu! Thôi số vận đã định ra thế rồi, chàng đành chịu vậy mà khuây dần nỗi nhớ thương.

Câu 1799, 1800 = Nỗi tiếc Kiều đã nguôi dần đi rồi, Thúc Sinh mới động lòng nhớ đến quê Vô Tích, thế là chàng lại về thăm quê nhà.

Câu 1801 = Khi chàng về đến quê Vô Tích, Hoạn Thư ra cửa đón rất niềm nở, vợ chồng gặp nhau rất mừng rỡ, hả hê.

Mấy lời nhân xét thêm

Từ câu 1802 đến 1938, tác giả tả cách Hoạn Thư đối với chồng, bề ngoài thì thật đứng đắn, có lễ độ, đúng với câu “*Ở ăn thì nét cũng hay.*” Nhưng bề trong, mục coi chồng rõ như đứa trẻ con, bất thế nào phải y theo như thế – làm cho chồng muốn khóc, lại bắt chồng phải cười; làm chồng đau đớn trong bụng lại bắt chồng phải tươi vui ngoài mặt; làm chồng sát mặt với người yêu mà không dám nhìn. Thật đúng với các câu “*Đến điều gièm buộc thì tay cũng già*” và “*Làm cho nhìn chẳng được nhau / làm cho đau đớn cái đầu chẳng lên.*”

Câu 1802 đến 1804 = Khi tiểu thư chào mừng hỏi han đủ mọi điều lễ lới lẽ phép xa gần rồi, nàng mới rước chàng vào ngồi chính chện ở trong căn nhà khách thơm nức những mùi hoa lan; nàng lại sai quần gợn bức màn the lên. Bây giờ nàng mới truyền cho gọi Hoa Nô ở trong buồng ra lạy mừng ông chủ.

Câu 1805, 1806 = Kiều thấy tiểu thư gọi ra lạy mừng chồng tiểu thư, đã có ý ngờ, nên bước ra vừa ngần ngại, vừa sẽ đưa mắt nhìn xa thì biết ngay là bụng mình ngờ đoán không sai.

Câu 1807, 1808 = Kiều nghĩ: Nào đâu có phải là nắng làm quáng mắt mình hay đèn làm lòa mắt mình! Cái người ngồi đó rõ ràng là Thúc Sinh thật rồi!

Câu 1809, 1810 = Bây giờ mình mới rõ thực tình của sự tình này là thế! Thôi, thôi! Thế là mình đã mắc vào trong vòng đánh ghen ghê gớm này rồi!

Câu 1811, 1812 = Mưu chước đâu lại có cái mưu chước lạ lùng khác đời như thế ? Và người đàn bà nào lại có cái tinh ma quỷ quyết thế này!

Câu 1813, 1814 = Rõ ràng một lứa đôi người ta như thế, mà làm chia rẽ thành ra con ở một nơi, chủ nhà một nơi như vậy!

Câu 1815, 1816 = Ngoài mặt thì thơn thớt nói cười như thế, mà trong bụng thì hiểm độc giết người không cần dao như thế!

Câu 1817, 1818 = Bây giờ thì mình thấp hèn như ở dưới đất, mà chàng thì cao quý như ở trên trời, thì mình biết ăn nói làm sao với nhau bây giờ nhỉ?

Câu 1819, 1820 = Nàng càng nhìn mặt chàng, thì mặt nàng càng ngẩn ngơ và lòng nàng càng bối rối như mớ tơ vò từng khúc ruột.

Câu 1821, 1822 = Nàng biết đích xác là Thúc Sinh rồi, nhưng sợ oai Hoạn Thư đâu dám nhận và đâu dám không vâng lời, cứ việc một chiều cúi đầu nép xuống sân mà lạy.

Câu 1823, 1824 = Về phần Thúc Sinh, thoát trông thấy Kiều, chàng giật mình sợ bạt hồn vía và bụng nghĩ: Thương ôi! Đúng là Kiều đây rồi chứ còn ai nữa!

Câu 1825, 1826 = Mà nhân có làm sao mà nàng phải chịu khổ nhục đến thế này? À thôi, thôi! Ta mắc mưu vào tay mụ này rồi!

Câu 1827, 1828 = Chàng thương vậy, nghĩ vậy, nhưng vì sợ vợ đã quen, nên chẳng dám hé môi nói nửa lời, song không thể nào ngăn được nước mắt thương nàng rơi xuống.

Câu 1829, 1830 = Tiểu thư để ý thấy chàng buồn bã khóc thầm như vậy, mới tra hỏi ngay rằng: Kia! Chàng mới về, đang vui vẻ như vậy, bỗng vì có gì mà động lòng thương cảm, để sắc mặt hóa buồn như vậy?

Câu 1831, 1832 = Sinh thoái thác ra chuyện khác mà thưa rằng: Tôi buồn khóc là vì tuy vừa mới đã hết chớ mẹ rồi, nhưng suy nghĩ đến tấm lòng nhớ mẹ của người làm bài thơ ‘Trắc dĩ’ đời xưa, tôi những đau xót cái tang ‘chung thiên’ không bao giờ quên được này!

Câu 1833, 1834 = Thấy Thúc Sinh hèn quá, thương Kiều quá, nhưng sợ mình phải lờ đi, Hoạn Thư rất mừng là có thể bắt nạt thế nào cũng phải chịu; lại thấy chàng nói dối mình như nói dối đứa trẻ con, nên cũng khinh chàng như đứa trẻ con và làm như tin lời chàng nói là thật mà khen chàng một cách khinh bạc rằng: Chàng thật là một hiếu tử đáng khen lắm! Thôi

xin chàng đừng buồn nhớ mẹ nữa. Tôi xin đặt tiệc tẩy trần để giải phiền trong buổi đêm thu này.

Câu 1835, 1836 = Thế là Hoạn Thư bày tiệc tẩy trần, vợ chồng chén tạc chén thù mời lẫn nhau, và bắt Kiều khoanh tay bưng hồ rượu đứng hầu, thấy ai uống cạn chén thì sẽ phải lại đón lấy chén rót cho cả hai bên.

Câu 1837, 1838 = Tiểu thư còn đem đủ lễ nghi ra mà bề bắt Kiều đủ điều: khi rót rượu phải quỳ xuống mà dâng chén lên, khi mời rượu phải tự tay nâng chén mà đổ vào miệng Thúc Sinh. Tiểu thư bắt làm thế là vừa có ý làm nhục nhã Kiều, vừa làm cho Thúc, Kiều kè sát mặt nhau mà chẳng dám nhìn nhau cho càng khổ tâm.

Câu 1839, 1840 = Thúc Sinh thương nàng quá, tâm trí như dại như ngây, vừa tuôn nước mắt giọt ngắn giọt dài, vừa đón uống chén rượu mời chẳng biết chén đầy vơi thế nào.

Câu 1841, 1842 = Chàng đã bấm bụng ngoảnh mặt đi chẳng dám nhìn Kiều, lại còn phải bỗng lúc gượng nói, lúc gượng cười để lấy lòng tiểu thư. Rồi chàng muốn mượn có là say rồi để tỏ ý lãng ra, từ chối không uống nữa cho Kiều khỏi quỳ mời nhục nhã.

Câu 1843, 1844 = Tiểu thư liền quát Kiều: Này con Hoa! Nếu mày không mời được chàng uống cạn mấy chén nữa thì sẽ đòn vào xác đó!

Câu 1845, 1846 = Thấy tiểu thư dọa đánh Kiều, Thúc Sinh thương sợ quá như nát ruột tan hồn, liền đón lấy chén rượu nàng mời mà dù lòng chàng đau thương cay đắng thế nào, chàng cũng cố làm ra bộ vui vẻ mà uống cạn ngay.

Câu 1847, 1848 = Tiểu thư tuy ngoài mặt vui vẻ, cười cười nói nói, lúc tỉnh lúc say, nhưng trong lòng vẫn chưa hả hê thật, còn muốn hành hạ cả đôi nữa cho thật bõ ghét, nên chưa xong cuộc rượu, lại còn bày ra trò chơi nữa.

Câu 1849, 1850 = Nàng khoe với Sinh rằng: Con Hoa Nô này nó thật đủ mọi tài! Tôi bảo nó gảy một bản đàn cho chàng nghe nhé!

Câu 1851, 1852 = Được lệnh gảy đàn cho chàng nghe, Kiều thấy dịp tốt để ngầm tỏ nỗi mình với Thúc Sinh thì nàng mừng quá, cảm động quá, tâm thần mê đi, thân thể run lên như bị bệnh trúng phong gọi là “than hoá.” Nàng liền vâng lời, mang cây đàn ra ngồi ở trước bức bình phong bằng the căng trong khung gỗ, mà vắn lại các dây rồi gảy.

Câu 1853, 1854 = Bốn dây đàn bật ra những tiếng như khóc như than, rầu rĩ thâm, khiến cho Thúc Sinh ngồi trên bàn tiệc đang vui thế mà cũng phải tan nát lòng vì đau thương.

Câu 1855, 1856 = Rõ thật là vẫn một tiếng dây tơ gõ đồng ấy, mà để một người (Hoạn Thư) thì lòng vui ngoài miệng tùm tùm cười nụ, một người (Thúc Sinh) thì mặt buồn thiu, trong lòng tê tái khóc thầm.

Câu 1857, 1858 = Thúc Sinh cảm thương quá, không thể cảm được nước mắt, cứ phải cúi đầu xuống mà gạt ngấm những giọt lệ hãm không được, đầm đìa tuôn ra như hạt sương bám ở mí mắt.

Câu 1859, 1860 = Tiểu thư muốn bắt Thúc Sinh thương Kiều mà không dám khóc, vừa cho càng khổ lòng hơn, mới quát Kiều rằng: Trong tiệc vui sao lại dám gảy khúc ‘Đoạn Trường’ ấy làm gì vậy?

Câu 1861, 1862 = Sao mà ngu thế! Chẳng biết ý tứ gì cả, để làm cho chàng phải buồn bã như thế là tội mày đó.

Câu 1863, 1864 = Thúc Sinh đã thương Kiều quá rồi, thấy Hoạn Thư kết tội dọa Kiều, chàng lại càng thảm thiết lo thương bội phần, bèn vội vàng gượng nói gượng cười làm ra vui vẻ cho qua chuyện để Kiều khỏi bị tội trách.

Câu 1865, 1866 = Bây giờ đêm đã khuya, trống canh ba đã điểm, Hoạn Thư nhìn vẻ mặt khổ não của đôi Thúc-Kiều, lòng dạ có vẻ hả hê đầy đủ rồi.

Câu 1867, 1868 = Trong bụng nàng rất hí hửng, mừng thầm là đã báo thù Thúc và Kiều được một cách thật đích đáng thỏa mãn: cái vui buổi hôm nay thật đã bỏ với cái buồn trong suốt một năm trời nay!

Câu 1869, 1870 = Về phần Thúc Sinh thì thật khô héo ruột gan, tức giận đầy lòng, càng nghĩ đến nông nỗi mình và nông nỗi Kiều, lại càng cay đắng căm thù, mà đành phải chịu.

Câu 1871, 1872 = Thế là Thúc, Kiều lia rẽ nhau một cách thâm – chàng thì phải ôm hận vào chung gối trong phòng với ác phụ, nàng thì phải ra ngồi lẻ loi với bóng ở trước ngọn đèn giống suốt đêm dài.

Câu 1873, 1874 = Kiều nghĩ: Bây giờ mình mới biết tấm hơi sự tình là thế! Gớm cho máu ghen của mẹ này sao mà thâm độc lạ lùng đến thế?

Câu 1875, 1876 = Mưu kế chia rẽ vợ chồng người ta được đến thế là cùng! Thật rõ ràng người nào ra đường người ấy, chẳng ai còn đoái hoài được ai nữa.

Câu 1877, 1878 = Bây giờ hai người cao thấp cách biệt nhau xa quá – chàng thì như ở trên đỉnh trời, ta thì ở dưới đáy vực. Ta với chàng thế là bên khinh bên trọng, thật là hết điều giao thiệp với nhau. Ta với mẹ thế là thân con đòi với bà chủ, không ai có lời chê trách được mẹ là ghen tuông cả lẽ gì nữa.

Câu 1879, 1880 = Ôi! Ở trong cảnh thân phận và tính mạng rẻ như bèo, nhẹ như bấc, mà tâm hồn lúc nào cũng đầy những nỗi cực nhục lo sợ nặng như đá như chì này, chẳng biết có bao giờ ta gỡ cho thoát ra khỏi được không? Mà dù cho có gỡ ra khỏi được nữa, thì cũng đã già đời hết duyên rồi còn mong gì nữa!

Câu 1881, 1882 = Cái thân gái thuyền quyền của ta đã lờ làng đến mực này, chẳng biết có toàn được ở nơi bể sâu sóng cả này không?

Câu 1883, 1884 = Nàng ngòi thức một mình, nghĩ âm ỉ mãi suốt đêm, lúc nào cũng tràn trụa nước mắt mà ngấm đĩa dầu đèn cạn dần dần.

Câu 1885, 1886 = Từ đó, lúc khuya lúc sớm, lúc vắng người, lúc nào nàng cũng khóc ngấm, nước mắt ứa đầy hai vành mắt như hai bể lệ sâu. Tiểu thư thấy mặt nàng khóc như vậy, sợ nàng khóc để cầu cứu với Thúc Sinh, mới tra hỏi cho rõ có làm sao mà khóc.

Câu 1887, 1888 = Nàng mới lựa lời mà thưa qua cho xong lần rằng : Tôi khóc là vì tôi bỗng thương xót cho nông nỗi thân phận tôi.

Câu 1889, 1890 = Hoạn Thư muốn bắt Thúc Sinh phải đánh Kiều mới ngoảnh lại hỏi chàng có biết có nào mà Kiều khóc không và nhờ tra khảo. Thúc Sinh muốn nói thật những có mình biết ra nhưng không tiện.

Câu 1891, 1892 = Trước cảnh thâm này, ruột Thúc Sinh đã bị đau rát như bị lưỡi bào nạo, muốn nói ra lời van xin hộ Kiều thì không thuận tiện, sợ Hoạn Thư càng giận thêm, mà trông vào cảnh khốn cực của Kiều thì không sao đành lòng không nói được.

Câu 1893, 1894 = Và chàng cũng không nỡ để Hoạn Thư xử tàn tệ với Kiều quá, nên chàng đành liềm nhận lời Hoạn Thư, nhưng chỉ ôn tồn lựa lời vừa sẽ hỏi, vừa sẽ dọa cho xong việc.

Câu 1895, 1896 = Kiều mới cúi đầu quỳ xuống trước sân lát gạch hoa, mà viết ngay một tờ cung khai kể rõ thân thế lưu lạc, tình cảnh cơ cực, và tỏ ý muốn xin đi tu cho thoát ly cõi tục.

Câu 1897 đến 1900 = Viết xong nàng đưa lên trình ngay trước mặt Tiểu thư. Thoạt nhìn tờ nàng viết, thấy chữ tốt văn hay, tình ý thâm thiết, Hoạn Thư bỗng ngẩn ngơ, có tình thương nể, mới đưa cho Thúc Sinh xem và nói:

Câu 1901, 1902 = Người này tài thật đáng trọng, và tình thật đáng thương, ví mà có số giàu sang ra, thì thật được người ta đúc nhà vàng cho ở cũng xứng đáng.

Câu 1903, 1904 = Nhưng tiếc thay số xấu quá, thành ra con người thuyên duyên này phải chìm nổi trong bể đời bụi đục. Thật là đáng thương cho kiếp hữu tài mà vô duyên như thế!

Câu 1905, 1906 = Thấy Hoạn Thư đã có ý thương nể Kiều, Thúc Sinh mới dám thừa cơ khuyên nhủ vợ rằng: Thật đúng như lời hiền thê nói. Nhiều kẻ hồng nhan bạc mệnh như vậy, chứ nào có một ai đâu!

Câu 1907, 1908 = Số kiếp những khách hồng nhan xưa nay vẫn thường thế. Vậy tôi dám khuyên hiền thê nên đem lòng từ bi mà đối đãi với nàng, liệu bớt tay cho vừa vừa phải đạo đi!

Câu 1909, 1910 = Thấy chồng đã có ý liệu dám tỏ ý bênh vực Kiều lại thấy chàng đem đạo từ bi phải chững ra khuyên nhủ, Hoạn Thư liền nghĩ được một cách giam lỏng Kiều vào chùa để chia rẽ hẳn hai bên tình nhân một cách rất êm đềm chắc chắn và rõ đúng đắn theo lời chàng khuyên bảo, mới vui vẻ nói với chàng rằng: Chàng dạy phải lắm! Xem ý trong tờ này thì nàng muốn đem thân phận bạc mệnh của nàng đi nhờ cửa Phật cho sạch hết trần duyên.

Câu 1911, 1912 = Thôi thì tôi cũng chiều lòng cô ta cho cô ta đi tu, để cô ta được ra khỏi vòng trần lụy.

Câu 1913, 1914 = Nhà ta đã có sẵn gác Quan Âm, vườn ở đây có đủ cảnh nhà Phật: nào là cây trăm thước (cây cao tượng trưng cây bồ đề chỗ Phật Thích Ca ngồi mặc niệm thành đạo), nào là hoa bốn mùa (cây mùa nào cũng có hoa, tượng trưng tòa sen).

Câu 1915, 1916 = Lại có cây cối mát mẻ, có hoa thơm đẹp và núi non bộ, hồ thả sen. Ta cho nàng ra tu ở đó, giữ đèn hương thờ Phật và chép kinh cầu phúc.

Câu 1917, 1918 = Sáng hôm sau, trời mới tằng tằng bình minh, Tiểu thư đã sai người sắm sanh sắp sửa đủ các thứ hương hoa ngũ quả cúng lễ thường ở Quan Âm Các.

Câu 1919 đến 1922 = Rồi đưa nàng ra trước bàn thờ Phật, làm đủ các lễ Tam Quy, Ngũ Giới cho nàng bỏ nhà ra tu ở đó; thay bỏ bộ áo xanh mà mặc bộ áo cà sa, và theo lệ nhà Phật đặt pháp danh nàng là Trạc Tuyên.

Câu 1923, 1924 = Tiểu thư lại sai cấp đủ số dầu đèn đốt thờ sớm khuya, và cắt hai gái Xuân Hoa và Thu Nguyệt ở luôn đó hầu hạ giúp nàng mọi việc thờ Phật như đốt hương pha trà.

Câu 1925, 1926 = Từ khi nàng ra ở riêng biệt nơi vườn này, thật là ở gần cõi Phật, ở xa cõi trần.

Câu 1927, 1928 = Lòng nàng thoảng không, chẳng còn mong gì về đường nhân duyên nữa, chỉ còn chút mừng là may được khỏi thẹn với tám hồng nhan của mình.

Câu 1929, 1930 = Trước bàn thờ Phật vui lấp được mọi nỗi thâm sâu, ban ngày thì chép kinh làm bạn với pho thủ tự, ban đêm thì đốt hương niệm Phật, coi cái nôi hương như bạn tâm tình.

Câu 1931, 1932 = Thế mới biết phép Phật làm nguội lạnh được mọi nỗi lòng trần, y như lời người ta nói nước cảnh dương rẩy tắt được lửa lòng phiền não.

Câu 1933, 1934 = Từ khi nàng ăn mặc nâu sòng ra đây tu đến giờ đã được ra sân ngắm trăng thu tròn sáng đứng đỉnh đầu vài phen rồi.

Câu 1935, 1936 = Vì sự canh phòng nghiêm ngặt cẩn mật quá của hai con Xuân và Thu, trước mặt chúng nó, nàng vẫn nói năng như thường, nhưng mà khi vắng người, nàng thương thân không thể nào nhịn rơi lệ khóc thầm được.

Câu 1937, 1938 = Tuy gác kinh và viện sách đôi nơi cách nhau rất gần, chỉ trong gang tấc, mà hóa ra còn xa gấp muôn lần núi nọ ả kia.

Những câu hay chữ có ý móc nối hoặc khen chê

- Đoạn Truyện Kiều này có nhiều câu ứng nghiệm với mấy câu đoạn trên. Những câu ứng nghiệm với hai câu 1795 và 1796 thầy Đồng nói : [*Sen tàn cúc lại nở hoa / Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân*] ứng nghiệm với câu 1696 [*Một năm nữa mới thăm dò được tin*] (hết mùa

sen (hạ) qua mùa cúc (thu), lại hết mùa đông qua mùa xuân, đủ bốn mùa đúng được một năm).

- Những câu tả cảnh Thúc Sinh được Kiều rót rượu phải quỳ tận mặt mời tận tay, lòng Sinh thương vô cùng mà sợ vợ quá, không hề dám nhìn, phải: [*Ngoảnh đi chợt nói chợt cười*].

- Những câu tả Kiều phải ra chào lạy Thúc Sinh thì: [*Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều*].

- Khi được Thúc Sinh liếc thân sẽ liệu đường hỏi tra, thì đành: [*Cúi đầu quỳ trước sân hoa*] mà viết tờ cung chiêu rồi lại: [*Diện tiền trình với Tiểu thư*], chứ không dám nhìn mặt Thúc Sinh.

- Hai từ ngữ “ngoảnh mặt” và “cúi đầu” rõ ứng nghiệm với câu thầy Đồng nói: [*Hai bên giáp mặt chìn chìn / Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay*].

- Đều ứng nghiệm với những câu Hoạn Thư kể mưu sâu cho mẹ nghe: [*Làm cho cho một cho mê*], [*Làm cho đau đớn ê chề cho coi*], [*Làm cho bỏ ghét những người*] là những câu : [*Bắt nàng đứng chực trì hồ hai nơi*], [*Bắt khoan bắt nhặt đến lời*], [*Bắt quỳ tận mặt, bắt mời tận tay*], [*Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn*], [*Giọt dài giọt ngắn, chén đầy chén vơi*], [*Chén mời phải ngậm bồ hòn ráo ngay*], [*Giọt châu lã chã khôn cầm*], [*Cúi đầu chàng những gạt ngậm giọt sương*].

- Đọc suốt đoạn này, chúng ta nhận thấy Hoạn Thư tuy dùng những ngón đòn ngậm thâm độc làm chồng đau đớn đủ phần, mà bề ngoài nàng vẫn rất mực lễ độ với chồng, thật đúng với hai câu tác giả Truyện Kiều giới thiệu nàng: [*Ở ăn thì nét cũng hay / Đến điều giàm buộc thì tay cũng già*] và cũng đúng với câu Kiều phê bình nàng: [*Bề ngoài thơn thớt nói cười / Mà trong nham hiểm giết người không dao*].

- Hai câu lục-bát [*Nhà hương cao cuốn bức là / Buồng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng*] mở đầu cho cuộc phân ly tuyệt đối, và cho cuộc đòn ngậm độc ác, đánh cho cả đôi Kiều và Thúc cũng bị đau đớn tái tê, mà không dám thở than nửa lời. Ác phụ đã khéo đặt chồng lên ngôi ông chủ cao quý đường bệ, và hạ tình địch xuống địa vị quá hèn hạ, để lấy quãng không gian ngắn ngủi từ chỗ ông chủ ngôi đến chỗ sân con ở lạy, làm bức hàng rào cao kín rẽ thúy chia loan. Cái bức thành hư vô mà rất độc ác, nó làm cho chàng càng thấy mình cao quý bao nhiêu, lại càng thấy nàng hèn kém bấy nhiêu và lòng chàng càng khổ ngậm bấy nhiêu; và nàng càng thấy ác phụ tôn trọng chàng bao nhiêu lại càng thấy lòng mình khôn cực bề bàng bấy nhiêu.

Ác phụ đã lấy địa vị mà giàm được miệng chồng, buộc được tay chồng rồi, mụ mới tha hồ ra tay giở những ngón đòn “đánh khời cho đau lòng lửa” để “lửa” trông thấy nhờn tiền mà đành ngồi chịu đau đớn gạt thắm nước mắt.

- Suốt đoạn Truyện Kiều này, tác giả đặt lời Hoạn Thư luôn luôn gọi Thúc Sinh là “chàng” ở trước mặt Kiều, để tỏ ác phụ có thâm ý khêu lại mối thâm tình giữa Kiều và Thúc, cho hai bên nghe càng thêm nhớ tiếc, thêm đau khổ. Khi mụ thét [*Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn*] hoặc [*Để chàng buồn bã tội thì tại người*], thật rõ ràng là ác phụ có ý cho Kiều biết rằng chồng là chồng chung thật đấy, nhưng mà “chưa dễ ai chiều cho ai” đâu! Mi chó có hòng.

CHƯƠNG 21

CÂU 1939 ĐẾN CÂU 2060

“Nghe ngâm biết hết, cười hiểm dọa chơi”

1939. Những là ngâm thờ nuốt than,
Tiểu thư phải buổi vấn an về nhà. [1]

1941. Thừa cơ, sinh mới lên ra, [2]
Xăm xắm đến mé vườn hoa với nàng.

1943. Sụt sùi giờ nổi đoạn tràng,
Giọt châu tâm tã đượm tràng áo xanh: [3]

1945. “Đã cam chịu bạc với tình,
Chúa xuân để tội một mình cho hoa! [4]

1947. Thấp cơ thua trí đàn bà,
Trông vào đau ruột nói ra ngại lời.

1949. Vì ta cho lụy đến người,
Cát làm ngọc trắng, thiết đòi xuân xanh!

1951. Quản chi lên thác xuống ghềnh, [5]
Cũng toan sống thác với tình cho xong.

1953. Tông đường chút chửa cam lòng, [6]
Nghiến răng bẻ một chữ ‘đồng’ làm hai. [7]

1955. Thẹn mình đá nát vàng phai, [8]
Trăm thân dễ chuộc một lời được sao?” [9]

1957. Nàng rằng: “Chiếc bách sóng đào, [10]
Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may!

1959. Chút thân quần quai vũng lầy,
Sóng thừa còn tưởng đến rày nữa sao?

1961. Cũng liều một giọt mưa rào, [11]
Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay!

1963. Xót vì cầm đã bén dây,

Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta.

1965. Liệu bài mở cửa cho ra,

Ấy là tình nặng, ấy là ân sâu!

1967. Sinh rằng: “Riêng tưởng bấy lâu,
Lòng người nham hiểm biết đâu mà lường.

1969. Nửa khi giông tố phũ phàng,

Thiệt riêng đây cũng lại càng cực đây.

1971. Liệu mà xa chạy cao bay,

Ái ân ta có ngần này mà thôi!

1973. Bây giờ kẻ ngược người xuôi,

Biết bao giờ lại nổi lời nước non?

1975. Dẫu rằng sông cạn đá mòn,

Con tằm đến thác cũng còn vương tơ!” [12]

1977. Cùng nhau kẻ lẻ sau xưa,

Nói rồi lại nói, lời chưa hết lời.

1979. Mặt trông tay chẳng nở rời,

Hoa tì đã động tiếng người nẻo xa.

1981. Nhịn ngừng, nuốt tùi, đứng ra,

Tiểu thư đâu đã rẽ hoa bước vào.

1983. Cười cười, nói nói ngọt ngào,

Hỏi: “Chàng mới ở chốn nào lại chơi?”

1985. Đối quanh Sinh mới liệu lời:

“Tìm hoa quá bước, xem người viết kinh.”

1987. Khen rằng: “Bút pháp đã tinh, [13]

So vào với thiếp Lan đình nào thua! [14]

1989. Tiếc thay lưu lạc giang hồ,

Nghìn vàng, thật cũng nên mua lấy tài!”

1991. Thiên trà cạn chén hồng mai, [15]

Thong dong nói gót thư trai cùng về.

1993. Nàng càng e lệ ủ ê,

Rỉ tai, hỏi lại hoa tì trước sau.

1995. Hoa rằng: “Bà đã đến lâu,
Rón chân đứng nép độ đầu nửa giờ. [16]

1997. Rành rành kẽ tóc chân tơ,
Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường.

1999. Bao nhiêu đoạn khổ, tình thương,
Nỗi ông vật vã, nỗi nàng thở than. [17]

2001. Dẫn tôi đứng lại một bên,
Chán tai rồi mới bước lên trên lầu.”

2003. Nghe thôi kinh hãi xiết đâu:
“Đàn bà thế ấy thấy âu một người!

2005. Ấy mới gan ấy mới tài,
Nghĩ càng thêm nổi sồn gai rụng rời! [18]

2007. Người đâu sâu sắc nước đời,
Mà chàng Thúc phải ra người bó tay! [19]

2009. Thực tang bắt được đường này, [20]
Máu ghen ai cũng chau mày nghiền răng.

2011. Thế mà chẳng nói chẳng rằng,
Chào mời vui vẻ nói năng dịu dàng!

2013. Giận dầu ra dạ thế thường, [21]
Cười dầu mới thực khôn lường hiểm sâu!

2015. Thân ta, ta phải lo âu,
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này!

2017. Ví chẳng chấp cánh cao bay,
Trèo cây lâu cũng có ngày bẻ hoa! [22]

2019. Phận bèo bao quản nước sa,
Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh.”

2021. Chín e quê khách một mình,
Tay không chưa dễ tìm vành ấm no!

2023. Nghĩ đi nghĩ lại quanh co,
Phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân.

2025. Bên mình giắt để hộ thân, [23]

Lần nghe canh đã một phần trống ba.
2027. Cát mình qua ngọn tường hoa,
Lần đường theo bóng giăng tà về tây.
2029. Mịt mù dặm cát đòi cây,
Tiếng gà điểm nguyệt, dẫu giày cầu sương. [24]
2031. Canh khuya thân gái dặm trường,
Phần e đường xá, phần thương dải dẫu!
2033. Giời đông vừa rặng ngàn dâu, [25]
Bơ vợ nào đã biết đâu là nhà!
2035. Chùa đâu trông thấy nẻo xa,
Rành rành “Chiêu ản am” ba chữ bài. [26]
2037. Xăm xăm gỗ mái cửa ngoài,
Trụ trì nghe tiếng, rước mời vào trong. [27]
2039. Thấy màu ăn mặc nâu sồng,
Giác duyên sư trưởng lành lòng liền thương. [28]
2041. Gạn gừng ngành ngọn cho tường,
Lạ lòng nàng hãy tìm đường nói quanh:
2043. “Tiểu thiên quê ở Bắc Kinh,
Qui sư, qui Phật, tu hành bấy lâu. [29]
2045. Bản sư rồi cũng đến sau, [30]
Dạy đưa pháp bảo sang hầu sư huynh. [31]
2047. Rày vâng diện hiển rành rành,” [32]
Chuông vàng khánh bạc bên mình giở ra.
2049. Xem qua sư mới dạy qua:
“Phải ni Hằng Thủy là ta hậu tình. [33]
2051. Chín e đường sá một mình,
Ở đây chờ đợi sư huynh ít ngày.”
2053. Gửi thân được chốn am mây,
Muối dưa đắp đổi, tháng ngày thông dong.
2055. Kệ kinh câu cũ thuộc lòng,
Hương đèn việc cũ, trai phòng quen tay. [34]

2057. Sớm khuya lá bối phướn mây, [35]

Ngon đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương. [36]

2059. Thấy nàng thông tuệ khác thường,

Sư càng nề mặt, nàng càng vững chân.

Đính chính và xác định

Câu 1981 – “*Nhịn ngừng nuốt tui đứng ra*” – Nghĩa câu này là nhịn ngừng hết cả sự thờ than, và nuốt hết cả sự tủi cực đi mà đứng xa nhau ra. Có bản Kiều quốc ngữ dịch chữ “nhịn ngừng” ra “nhận ngừng” và giảng nghĩa “nhận” là nén xuống, “ngừng” là thương xót; “nhận ngừng” tức là nén sự thương xót xuống. Giảng thế thật gượng ghịu quá, “ngừng” sao là thương xót được!

Câu 2050 – “*Ni Hằng Thủy*” ở câu này nhiều bản quốc ngữ dịch là “Nơi Hằng Thủy” thật là lầm, thành vô nghĩa. Chữ Ni [尼] đây dịch nguyên nghĩa là Sư bà, nhưng chữ nôm cũng quen dùng để viết chữ “nơi.”

Chú giải và dẫn điển

[1] *Vấn an* [問安] = Về quê nhà hỏi thăm cha mẹ và anh em có được bình yên không.

[2] *Thừa cơ* [乘機] = Nhân dịp, nhân cơ hội.

[3] *Giọt châu tâm tã đượm tràng áo xanh* = Nước mắt rơi xuống ảm ướt cả vạt áo đơn mặc ngoài. Câu này lấy điển ở câu cuối cùng bài Tỳ Bà Hành của Bạch Cư Dị: “Tọa trung kháp hạ thủy tối đa / Giang Châu Tư Mã thanh sam sấp [坐中泣下誰最多 / 江州司馬青衫] = Lệ ai chan chứa hơn người? Ấy quan Tư Mã đắm màu áo xanh.”

[4] *Chúa xuân* = Tiếng dưng trong văn chương để ca tụng mùa xuân.

[5] *Lên thác xuống ghềnh* – Thúc Sinh nói bóng muốn liều mạng mang Kiều đi trốn ở nơi rừng núi hiểm trở xa xôi.

[6] *Tông đường* [宗堂] = Nhà thờ cúng tổ tiên. Câu này hàm ý Thúc Sinh vì chưa có con trai để nối dõi tông đường thờ cúng tổ tiên, nên không nỡ mang Kiều bỏ nhà đi được.

[7] *Chữ đồng* [同] = Chữ thề “đồng tâm” với nhau và chữ đồng ở trong nút “đồng tâm kết” thề lấy nhau.

[8] *Thẹn mình đá nát vàng phai* – Xem câu 1366: Thúc sinh cam đoan với Kiều trước khi lấy Kiều “Đá vàng cũng quyết, phong ba cũng liều” nay chàng không liều thân giữ được lời cam kết ấy nên chàng thẹn lòng là để lời vàng đá đó phải phai nát.

[9] *Trăm thân để chuộc một lời được sao* = Dù đem trăm lần thân mình để chuộc cái tội lỗi thề ấy cũng không được. Câu này lấy điển ở câu trong Kinh Thi “Nhu khả thực hề, nhân bách kỳ thân [如可贖兮, 人百其身] = Nếu mà có thể chuộc được, thì mọi người ai cũng đem trăm lần thân mình ra mà chuộc.”

[10] *Chiếc bách* = Chiếc thuyền làm bằng gỗ bách. Bách là một loài thông gỗ nhẹ mà dai bền làm thuyền rất tốt. Chữ “chiếc bách” lấy điển ở chữ “Bách chu [柏舟]” trong Kinh Thi, tượng trưng cho người đàn bà góa chồng như chiếc thuyền gỗ bách lênh đênh ở giữa giòng sông.

[11] *Cũng liều một hạt mưa rào* = Cũng muốn nhảy xuống giếng mà tự tử cho hết đời, như hạt mưa rào rơi xuống giếng. Ca dao có câu: “Thân em như hạt mưa rào / Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa.”

[12] *Con tằm đến thác cũng còn vương tơ* = Con tằm lúc đã chết ở trong nồi ươm tơ rồi mà hãy còn tơ vương vít ở quanh mình nhộng. Thúc Sinh nói tuy phải xa bỏ Kiều, nhưng còn nhớ nhau cho đến lúc chết, chẳng bao giờ quên nhau. Điển câu này lấy ở câu thơ nhớ tình nhân của Lý Thương Ẩn, bốn câu trên bài thơ ấy như sau:

[相見時難, 別亦難] Tương kiến thì nan, biệt diệc nan

Lúc gặp nhau khó, lúc từ giã nhau cũng khó

[東風無力, 百花殘] Đông phong vô lực, bách hoa tàn

Gió đông tuy hòa ấm, nhưng không sức giữ được trăm hoa tàn

[春蠶到死絲方盡] Xuân tằm đáo tử ti phương tận

Con tằm mùa xuân đến lúc chết mới hết tơ

[蠟炬成灰, 淚始乾] Lạp cự thành hôi, lệ thủy can

Ngọn nển đến lúc bắc hóa tro, giọt nước mắt mới khô

Mượn điển này tả cảnh Thúc Sinh phải đau đớn từ biệt Kiều, thật đích đáng rất hay.

[13] *Bút pháp* [筆法] = Phép cầm bút để viết. Phép cầm bút lông để viết chữ Hán rất khó, khi cầm bút nghiêng, khi cầm bút thẳng, khi nhấn mạnh ngòi bút, khi nhấn nhẹ, khi đưa nhanh, khi đưa chậm... Ai có óc mỹ thuật thì chữ mới đẹp, nên người chữ tốt đẹp thường hay vẽ khéo.

[14] *Thiếp Lan đình* [蘭亭帖] (Lan đình thiếp) – Vương Hi Chi người đời Tấn, có tiếng là tay chữ tốt đẹp nhất nước Tàu xưa nay. Ông có làm bài tựa tập thơ vịnh hội Lan đình, ông cho là có thần giúp mới làm được bài tựa hay như thế, cho nên ông mới kén dùng giấy bút, mực, đều là hạng tốt nhất để viết thành một tập. Khi viết xong, ông cho là tập văn hay chữ tốt tuyệt bậc, mới truyền cho con cháu giữ làm gia bảo của họ Vương. Mãi đến người cháu bảy đời của ông là Sư Trí Vinh, vì lời yêu cầu của vua Đường Thái Tông, mới đem dâng. Vua quý lắm, sai Trữ Toại Lương mặc lại để khắc bản in mà phát cho các quan, còn vua giữ bản chính. Và khi vua gần mất, dặn lại chỉ mang tập Thiếp Lan Đình chôn theo cho vua. Tập thiếp này khắc đi khắc lại và truyền mãi cho đến bây giờ.

[15] *Thiền trà* [禪茶] = Nước trà nhà chùa vẫn nấu bằng gỗ cây hoa mai đẽo mỏng, vì mùi gỗ hơi hồng hồng, nên gọi là nước hồng mai.

[16] *Dón chân* = Sễ bước, không cho gót chân nện mạnh xuống đất thành tiếng thình thịch.

[17] Câu *Nỗi ông vật vã, nỗi nàng thờ than* và câu *Dặn tôi đứng lại một bên* vẫn liền với nhau, mà ông Trần Trọng Kim không biết lại cho là mất vần. Trong sách khảo chính Bạch Vân Từ Phổ (Sách khảo cứu về vần thơ) nói: Các chữ thuộc về các vần thập tam Nguyên, thập tứ Hàn, thập ngũ San, và nhất Nguyên đều thông dụng lẫn với nhau. Xem đó thì biết chữ “than” vẫn có vần với chữ “bên.” Trong truyện Kiều có nhiều chỗ gieo vần như thế, ta chớ tưởng lầm.

[18] *Sởn gai* = giạt mình sợ hãi đến nổi tóc gáy như dựng lên và da như nổi gai lên giống da gà vật lông rời.

[19] *Mà chàng Thúc phải ra người bó tay* – Chữ “mà” ở đây nghĩa là “cho nên.” Có bản Kiều đổi câu này thành “Thảo nào chàng Thúc ra người bó tay” cho rõ nghĩa hơn, nhưng lời không

thanh nhĩ. Câu này tác giả còn có ý “chơi chữ” cho vui, vì Thúc Sinh tên là Thúc Thủ [束守], chữ “thúc” nghĩa là bó, chữ “thủ” nghĩa là giữ, nhưng đồng thanh với chữ thủ [手] là tay, nên tác giả mượn tiếng mà đặt “Mà chàng Thúc phải ra người bó tay”. (Ta hay dùng chữ “thúc thủ [束手]” để nói khi gặp việc khó quá, đành chịu không làm gì gỡ được, như mình bị bó tay lại). Bởi vậy, có bản Kiều lại đổi hẳn câu này là “Mà chàng Thúc Thủ ra người bó tay.”

[20] *Thực tang* [實贓] = Tang chứng rõ ràng, bắt được ngay trước mắt.

[21] *Giận dầu ra dạ thê thường / Cười dầu mới thật khôn lường hiểm sâu* – Hai câu này lấy điển ở lời Ngự Triều Ân như sau: Ngự Triều Ân là tên hoạn quan được vua Đại Tông nhà Đường tin dùng, rất có thế lực, oai quyền khắp trong triều, ngoài dân. Một hôm Ân mời hai ông Tể tướng đến đãi tiệc, muốn chế diễu hai ông, sai bọn phường hát diễn kịch nấu canh. Một tên làm đồ nôi canh tắt cả bếp; một tên mắng rằng “Thế mà cũng đòi làm nghề nấu canh!” (Nghĩa bóng của “nấu canh” ở Kinh Thư là làm Tể Tướng giúp vua coi việc nước). Một ông Tể tướng giận quá bỏ tiệc ra về, còn ông kia là Nguyên Tải [元載] vẫn vui cười ăn uống như không. Tiệc tan khách về hết, Ngự Triều Ân bảo lũ thuộc hạ: Người giận kia là nông nổi tầm thường, ta không lo gì. Còn người cười kia bụng dạ thâm độc kín đáo lắm, ta thật đáng sợ. Sau quả nhiên bọn Ngự Triều Ân bị Nguyên Tải giết.

[22] *Bẻ hoa* = Nghĩa bóng là giết chết.

[23] *Hộ thân* = Giữ mình, nuôi sống mình.

[24] *Tiếng gà điểm nguyệt, dẫu giày cầu sương* – Câu này lấy ý ở hai câu thơ Thương Sơn tảo hành (Cảnh đi sớm ở Thương Sơn) của Ôn Đình Quân đời Đường:

[鷄声茅店月] Kê thanh mao điểm nguyệt

Tiếng gà gáy ở trong điểm lợp cỏ gianh dưới bóng trăng

[人跡板橋霜] Nhân tích bản kiều sương

Vết chân người đi ở trên ván cầu đầy những sương móc

[25] *Trời đông vừa rặng ngàn dâu* – *Trời đông* = Phương trời phía đông. *Ngàn dâu* = Do chữ phù tang [扶桑] dịch ra. Theo sách Đan Duyệt Tông Lục nói thì phù tang là thứ dâu mọc ở trên bề, hai cây mọc liền nhau, nâng đỡ lẫn nhau nên gọi là phù tang. Sách Thiên văn nói

“Mặt trời mọc ở Dương Cốc, lặn ở Hàm Trì, và phát lên ngọn dấy phù tang, thế là lúc bình minh.” Ta chớ lầm chữ ngàn dâu là phương đông này với chữ bóng dâu là phương tây.

[26] *Chiêu Ẩn Am* [招隱庵] = Cái am mời người đi ẩn vào.

[27] *Trụ trì* [住持] = Người sư tu đã lâu thành bực khá, sư ông, sư bà, có thể làm chủ một ngôi chùa.

[28] *Lành lòng* = do chữ từ tâm [慈心] dịch ra.

[29] *Quy sư, quy Phật* = Phát thệ đi tu.

[30] *Bổn sư* = Vị sư thầy của mình.

[31] *Sư huynh* = Tiếng nhà tu hành gọi nhau giữa hai bực ngang nhau để tỏ lòng thân quý; bất kỳ sư nam hay sư nữ đều gọi là huynh.

[32] *Diện hiến* [面獻] = Dâng trình trước mặt.

[33] *Hậu tình* [厚情] = Chỗ bạn thân tử tế với nhau.

[34] *Trai phòng* [齋房] = Nơi nấu đồ ăn chay ở chùa. Kiều nấu đồ ăn chay đã quen.

[35] *Lá bói* = Do chữ bói diệp [貝葉] dịch ra. Kinh nhà Phật trước kia thường viết lên lá cây bói đa, là một loài cây lá gồi, lá nón.

[36] *Tiếng chày nện srong* = Tiếng dùi đánh chuông lúc mờ sáng.

Diễn ra văn xuôi

Câu 1939, 1940 = Trong khi Kiều chỉ những âm thầm, ngậm thờ nuốt than như thế, thì bỗng tình cờ được một hôm Tiểu thư về quê thăm cha mẹ đẻ.

Câu 1941, 1942 = Thúc sinh (không biết là Hoạn Thư giả vờ về để lừa mình) liền thừa cơ xăm xăm đến ngay phía vườn hoa và lên gác Quan Âm để gặp Kiều.

Câu 1943, 1944 = Gặp nhau, chàng liền giở nỗi đoạn trường ra mà sụt sùi khóc sụt nước mắt đầm vạt áo mà nói với nàng:

Câu 1945, 1946 = Tôi xin chịu tội bội bạc với nàng. Chỉ vì tôi là một chúa xuân bất tài mà để đóa hoa là nàng phải chịu tội riêng một mình.

Câu 1947, 1948 = Vì tôi ngu đần, cơ mưu thấp kém, thua trí một mục đàn bà, thành ra mắc vào cái tình thế trông vào nàng thì đau ruột nên không dám trông, mà nói ra thì sợ lời tôi nói nguy hiểm cho nàng, nên cũng đành im miệng.

Câu 1949, 1950 = Chỉ vì ta mà thành ra nàng phải chịu khổ sở phải vùi dập tấm thân ngà ngọc này ở trong bùn lầy, phải uổng thiệt một đời xuân xanh tươi đẹp này.

Câu 1951, 1952 = Đã nhiều lúc tôi định đem nàng đi trốn, mặc dù phải lên thác xuống ghềnh, khổ sở nguy hiểm thế nào cũng không quản ngại để cùng được sống chết với nhau trong tình trường cho trọn đời.

Câu 1953, 1954 = Nhưng chỉ nỗi tôi chưa có con trai để nối dõi tông đường, thờ cúng tổ tiên, nên tôi không đành lòng bỏ nhà ra đi. Bởi vậy tôi đành chịu đau đớn cắn răng mà bẻ chữ đồng tâm với nàng làm đôi.

Câu 1955, 1956 = Tôi rất hổ thẹn là đã phụ lời đem vàng đá ra thề với nàng, thế mà nay để đá phải nát, vàng phải phai. Tội phụ tình nàng to lắm, dẫu tôi đem trăm tấm thân ra để chuộc lấy một lời thề đó, cũng chưa dễ đã được đâu!

Câu 1957, 1958 = Kiêu bảo chàng: Thân tôi như chiếc thuyền nhẹ, lênh đênh một mình ở giữa giòng sông to sóng cả này, thì nổi hay chìm cũng chỉ đành chịu số phận rủi may thôi, chứ biết làm sao được!

Câu 1959, 1960 = Chút thân giun để quần quai dưới vũng lầy này, trong lúc sống thừa sống nhục, có tương đầu lại còn được gặp nhau lần này nữa như hôm nay để được giải bày tâm tình cùng nhau!

Câu 1961, 1962 = Tôi xin nói cho chàng biết rằng nhiều lần tôi đã toan gieo mình xuống giếng như hạt mưa rào xấu số cho xong, để cho thiên hạ họ biết rằng tôi đây đâu phải là hạng người tầm thường.

Câu 1963, 1964 = Nhưng chỉ đau xót vì một điều chúng ta đã trót bén duyên cảm sát với nhau, dẫu chẳng được lâu dài trăm năm, nhưng cũng là vợ chồng rồi, tôi chết đi đã đành, nhưng e để thương để nhớ, tội tình cho chàng suốt đời.

Câu 1965, 1966 = Vậy chỉ còn cách này là hơn cả: Tôi xin chàng tìm cách nào cho tôi được ra khỏi nhà này, thế là tình nặng, thế là ơn sâu chàng ban cho tôi đó!

Câu 1967, 1968 = Thúc Sinh nói: Nàng nghĩ thế phải lắm. Chính lòng riêng tôi cũng đã nghĩ thế lâu rồi. Lòng hiểm độc của mụ này thật khó mà lường được.

Câu 1969, 1970 = Nếu nàng ở đây mãi, lo khi nó nổi cơn gió bão, phũ phàng nguy hiểm đến tính mạng nàng, thì trước là thiệt cho nàng, sau là tôi đây lại càng đau thương khổ cực quá.

Câu 1971, 1972 = Thôi thì đành vậy, nàng phải liệu tìm cách xa chạy cao bay, tránh cho thoát khỏi chỗ này đi. Tình nghĩa ái ân của đôi ta chỉ ngần ngừ có ngần này thôi, thế là hết từ đây!

Câu 1973, 1974 = Ôi! Từ bây giờ kẻ ở người đi, có khác gì kẻ ngược người xuôi, mỗi người một ngã, chẳng biết có bao giờ nói lại được lời thề nước non với nhau nữa không!

Câu 1975, 1976 = Tôi xin nàng biết cho rằng, dù cho sông cạn hết nước, núi mòn hết đá, chứ lòng tôi chẳng bao giờ quên được nàng, cũng như con tằm kia, còn vương tơ mãi mãi cho đến lúc chết.

Câu 1977 đến 1980 = Trong khi hai bên còn đang kể lể truyện trước truyện sau, nói rồi lại nói, lời chưa hết lời, mặt nhìn mặt nhau, tay cầm tay nhau chẳng rời nhau ra chút nào, thì con Hoa Tỳ bỗng lên tiếng báo động nơi xa xa bên ngoài.

Câu 1981, 1982 = Thế là chàng nàng liền nhịn hết mọi nỗi nhớ thương, ngừng hết mọi lời than thở, mà đứng dậy xa nhau ra, và Tiểu thư đã từ đâu rẽ qua mấy chậu hoa mà bước vào rồi.

Câu 1983, 1984 = Mặt thì tươi vui, miệng thì ngọt ngào, cười cười nói nói hỏi Thúc Sinh: Chàng ở đâu mới lại chơi đây thế ?

Câu 1985, 1986 = Thúc Sinh liệu lời nói dối quanh rằng: Vắng mình tôi buồn quá, mới ra dạo vườn tìm hoa xem, rồi nhân quá bước, mới lên xem sư viết kinh.

Câu 1987, 1988 = Hoạn Thư cũng bắt chước chồng lại xem Kiều viết và niềm nở khen rằng: Chữ sư cô viết tinh xảo tốt đẹp quá, so với thiếp Lan đình thật không kém.

Câu 1989, 1990 = Tôi rất tiếc cho sư cô là người có tài như thế mà sao gặp bước long đong giang hồ như thế? Tài này thật đáng đem nghìn vàng ra mà mua lấy!

Câu 1991, 1992 = Rồi vợ chồng ngồi uống trà nhà chùa nấu bằng gỗ cây mai màu hồng hồng, và khi uống cạn chén, thong dong theo bước nhau cùng ra về.

Câu 1993, 1994 = Kiêu lúc đó phân thì e ngại, lo sợ về việc Hoạn Thư bắt gặp vừa rồi, phân thì càng ủ ê rầu rĩ vì cuộc vĩnh biệt thê thảm chàng nàng, mới gọi Hoa Tỳ lại gần, rỉ tai sẽ hỏi rõ trước sau là Hoạn Thư từ đâu đến, đến đã lâu hay mới đến?

Câu 1995, 1996 = Hoa Tỳ nói rõ đủ đầu đuôi cho nghe rằng: Bà đến đây đã lâu lắm, và đã đến núp ở đây mà nghe chừng hơn nửa giờ rồi (nửa giờ đây tức là 1 giờ đồng hồ bây giờ).

Câu 1997, 1998 = (Hai câu này phải diễn giải đảo ngược lên thì lời mới xuôi): Mấy lời ông và nàng nói với nhau, bà đã nghe được thừa rõ ràng từng kẽ tóc chân tơ.

Câu 1999, 2000 = Bao nhiêu những nỗi đau khổ đoạn trường, những tình thương xót nhớ tiếc nhau, và bao nhiêu những nỗi ông vật vã, những nỗi nàng thở than, bà đều biết hết.

Câu 2001, 2002 = Bà bảo tôi đứng im ra một bên, và khi bà nghe đã chán tai rồi, mới cho tôi động tiếng báo, và ung dung bước lên lầu, vui vẻ như không biết chuyện gì.

Câu 2003, 2004 = Kiêu thấy Hoa Tỳ kể cho nghe rõ ràng như vậy sợ lắm. Nàng nghĩ: Trong bọn đàn bà, ta chưa thấy một người nào khôn ngoan thâm hiểm được đến như thế.

Câu 2005, 2006 = Người thế mới thật là gan, thế mới thật là tài, không việc gì làm rối động được lòng, không ai dò xét được bụng. Ta càng nghĩ càng sợ, dựng tóc gáy, sồn da gà, hồn vía rụng rời tan đâu hết.

Câu 2007, 2008 = Người đâu mà sâu sắc nước cờ đối với đời được như thế! Chẳng trách chàng Thúc phải bó tay không bênh vực được ta chút nào!

Câu 2009, 2010 = Rõ ràng bắt được quả tang chàng Thúc đến than khóc, tự tình với ta như thế, giá thử là người đàn bà khác, thì ai mà chẳng chau mày nghiêng răng, gầm thét nổi ghen lên?

Câu 2011, 2012 = Thế mà người này vẫn như không, đã chẳng đả động gì đến việc này, lại còn chào hỏi vui vẻ, trò chuyện dửng dưng nữa mới sợ!

Câu 2013, 2014 = Nếu mặt nổi cơn giận dữ, thì cũng là dạ người thường ở trên đời, ta không đáng sợ. Nhưng mặt lại cười, cái cười này của mặt thật tỏ ra là người hiểm độc đáng sợ vô cùng!

Câu 2015, 2016 = Ta phải lo cho thân ta mới được. Chỗ này thật nguy hiểm, có miệng hùm nọc rắn ở đâu đây, nó làm chết ta lúc nào không biết !

Câu 2017, 2018 = Nếu ta không xa chạy cao bay cho sớm, thì thế nào cũng có lúc con hùm con rắn này nó giết ta, như kẻ trèo cây mãi không nhin được bẻ hoa.

Câu 2019, 2020 = Ôi ! Cái thân phận cánh bèo của ta này có quản ngại gì dòng nước từ núi sa xuống, dù cho lênh đênh đến thế nào nữa, thì cũng đến như thế này là cùng, ta chẳng sợ gì !

Câu 2021, 2022 = Nàng chỉ lo khi bỏ ra đi rồi thì một mình bơ vơ nơi đất khách, nếu chỉ có bàn tay không, thì khó có thể tìm được cách làm cho có cơm ăn áo mặc được.

Câu 2023, 2024 = Nàng nghĩ quanh quẩn mãi, thì chợt nghĩ ra trên bàn thờ Phật có hai cái chuông vàng khánh bạc con, có thể mang đi độ thân được.

Câu 2025, 2026 = Nàng liền giắt những chuông khánh ấy vào trong mình làm của độ thân sau này. Khi sắp sửa mọi đồ hành lý xong đâu đấy rồi, thì lần lần nghe trống canh đã điểm một phần canh ba (nghĩa là quá nửa đêm).

Câu 2027, 2028 = Nhân lúc nửa đêm vắng vẻ ấy nàng liền cất mình lên trèo qua bức tường hoa mà ra ngoài trốn đi. Trời lúc đó tối lắm, chỉ có bóng vành trăng thượng tuần đã xế về tây, nàng phải theo ánh trăng tà đó mà lần lần dò từng bước đường mà đi.

Câu 2029, 2030 = Trời tối mù mịt, trông xa xa chỉ thấy mặt đường cát trắng trắng và những đồi cây um đen đáng ghê sợ. Thỉnh thoảng lại nghe tiếng gà gáy ở phía điểm lều tranh dưới vành trăng xế; khi qua cầu thì thấy lờ mờ vết chân người in trên ván cầu đầy sương móc.

Câu 2031, 2032 = Ta hãy tưởng tượng cái cảnh : đêm thì khuya khoắt tối tăm, nàng thì thân gái yếu đuối, đường đi thì dài thăm lạ lùng, lại thêm nổi ngoài thì biết bao nhiêu sự đáng sợ nơi đường sá: nào kẻ gian phi, nào người đuổi bắt, trong lòng thì biết bao nhiêu nỗi thương thân liễu bèo phải xông pha bước nguy hiểm, phải dầu dãi đêm sương gió. Ta cứ tưởng tượng như thế, thì ta sẽ biết tình cảnh nàng lúc đêm đó thật khổ cực đủ đường, lo sợ đủ đường.

Câu 2033, 2034 = Nàng cứ theo ánh trăng tà mà rảo bước đi bừa về phía tây, cho đến khi trời đã rạng đông, đã thấy ánh mặt trời dựng lên ở phía sau ngàn dâu biệt thắm. Trời càng sáng, nàng càng thấy lo sợ, càng thấy bơ vơ : nào biết đi đâu bây giờ ? Nào biết đâu là nơi mình có thể vào ẩn lánh được ?

Câu 2035 đến 2038 = Trong khi nàng đương lo sợ bơ vơ như thế, thì bỗng trông thấy một ngôi chùa nhỏ ở xa xa trước mặt, và nhìn thấy rõ ba chữ to đề ở biển trước cửa chùa là “Chiêu Ân Am” (nghĩa là ngôi chùa nhỏ mời người đến ẩn lánh cuộc đời). Nàng cho là điềm tốt, liền xăm xăm rảo bước mau chân đi vào mái ngoài mà gõ cửa. Bà Trụ trì nghe tiếng chạy ra mở cửa mời vào.

Câu 2039, 2040 = Thấy nàng ăn mặc nâu sòng, bà Sư trưởng Giác Duyên vốn sẵn lòng nhân từ, liền có lòng thương quý nàng.

Câu 2041, 2042 = Khi Sư trưởng Giác Duyên hỏi cặn kẽ cho biết rõ ngọn ngành gốc tích của nàng, thì trong buổi mới mẻ còn lạ lùng, nàng hãy tạm tìm lời nói dối quanh rằng :

Câu 2043, 2044 = Kính thưa Sư trưởng, Tiểu thiền tôi quê ở Bắc Kinh, đã phát nguyện quy Sư, quy Phật, theo thầy Bôn sư tôi tu hành đã lâu.

Câu 2045, 2046 = Bôn sư tôi cũng sẽ đến sau và có giao cho tiểu tôi những đồ Pháp bảo này mà dạy rằng mang đến dâng Sư huynh trước.

Câu 2047, 2048 = Nay may được gặp Sư trưởng đây, tiểu tôi vâng lời Bôn sư xin kính dâng cẩn thận trước mặt Sư trưởng.

Câu 2049, 2050 = Nói dứt lời, nàng giờ chuông khánh bạc ở bên mình bày ra kính dâng.

Câu 2051, 2052 = Sư Giác Duyên xem qua, rồi bảo rằng : Đây chắc là Sư bà Hằng Thủy, là bạn rất thân tình tử tế với ta gửi cung tiến chùa ta đây !

Ta thấy tiểu có ý nóng lòng muốn đi tìm Sư thầy Hằng Thủy, ta e đường xá lạ lùng, đi một mình bơ vơ nguy hiểm. Vậy tiểu hãy đành ở tạm đây chờ đợi ít lâu, thế nào Sư huynh ta cũng tìm được đến.

Mấy lời phụ chú : Xét trong đoạn Kiều mới gặp Giác Duyên này, trong truyện tả vắn tắt quá, ý nghĩa không được thật rành rõ, vậy xin dẫn lời phụ chú về việc này ở bản Kiều Trần Trọng Kim vào đây, để chư vị độc giả biết rành rõ hơn : “Trong bản chữ Hán nói : Kiều đến chùa gõ cửa, có bà vải ra hỏi, Kiều nói rằng đi vân du đến đây, xin vào nghỉ chân. Vải nói việc này phải hỏi Sư Đương Gia. Kiều hỏi Sư Đương Gia pháp danh là gì ? Vải bảo là Giác Duyên. Kiều nhớ lấy tên ấy, rồi vào nói với Giác Duyên : Tôi cùng với thầy tôi định đi đến

Chiêu Ân Am thăm Sư Giác Duyên, không ngờ thầy tôi đi lạc đâu, tôi tìm không thấy, và tìm mãi mới thấy chùa đây, chẳng biết thầy tôi đã đến đây chưa ? Giác Duyên nghĩ một lúc rồi hỏi : Có phải là Sư Hằng Thủy ở Trấn Giang không ? Kiều nhận là phải...”

Câu 2053, 2054 = Thế là Kiều được gửi thân vào nơi nhỏ kín ở trong mây phủ, cơm chay dưa muối xong lần, nhưng suốt ngày qua tháng lại lúc nào trong lòng cũng được thanh thoi.

Câu 2055, 2056 = Kinh kệ nàng thuộc lòng sẵn, nên tụng kinh niệm Phật rất thông thạo. Những việc đèn hương thờ Phật cũng là việc cũ của nàng và những việc nấu nướng đồ chay trong trai phòng nàng đã làm quen tay cả rồi.

Câu 2057, 2058 = Khi muốn tiêu khiển thì hoặc giở kinh Phật chép trên lá bói đa mà xem buổi tối, hoặc ra sân ngắm cây lá phướn bay bay, phát phới như mây buổi sớm.

Câu 2059, 2060 = Giác Duyên thấy nàng thông tuệ khác người thường, nên càng có lòng kính nể, và nàng cũng được yên lòng, chắc là ở đây được vững chân lâu dài.

Những câu có ý móc nối và những chữ có ý khen chê

1/ Câu đầu đoạn này “Những là ngậm thờ nuốt than” trên thì ứng với câu “Nói lời trước mặt, roi châu vắng người”, dưới thì ứng với câu “Nỗi ông vật vã, nỗi nàng thờ than.” Bị quan phòng nghiêm ngặt, ngậm thờ nuốt than mãi, nay được dịp may gặp nhau, tha hồ than thở.

2/ Câu Thúc Sinh tạ lỗi Kiều “Thẹn mình đá nát vàng phai” ứng với câu chàng bảo Kiều trước khi đem Kiều đi với chàng ra khỏi lầu xanh “Đã gần chi có điều xa / Đá vàng cũng quyết, phong ba cũng liêu.” Trước thì “quyết phong ba cũng liêu” như thế, sao nay lại viện cớ nọ có kia mà chẳng “lên thác xuống ghềnh, sống chết với tình cho cam” ?

3/ Câu Thúc bảo Kiều “Liệu mà xa chạy cao bay / Ái ân ta có ngần này mà thôi” ứng với câu Kiều yêu cầu Thúc “Liệu bài mở cửa cho ra / Ấy là tình nặng, ấy là ơn sâu” – Thúc thấy Kiều yêu cầu “mở cửa cho ra” nhưng chàng đành bó tay, chỉ nói gọn lỏn : Liệu mà xa chạy cao bay đi thôi, và cuộc ái ân đôi ta đến đây đành xin chấm dứt – Đọc hai câu ứng đối này, ta thật đáng ngán cho Kiều, chết đuối vớ phải bèo !

4/ Câu Thúc Sinh nói “Lòng người nham hiểm biết đâu mà lường / Nữa khi giông tố bất thường...” và câu tả cách dọ ngậm của Hoạn Thư “Cười cười nói nói ngọt ngào ... Thiên

trà cạn nước hồng mai / Thong dong nói gót thư trai cùng về...” và những câu Hoa Tỳ nói “Bà đến đã lâu ... Rành rành kẻ tóc chân tơ ... nghe hết đã dư tỏ tường” đều là những mũi dùi thúc đẩy Kiều vội vàng đi trốn, không quản gì lấy trộm cả đồ thờ Phật.

5/ Những lời Hoa Tỳ kể rành rờ cho Kiều biết, không phải là nó mỏng môi, có ý tâng công với cô tiểu Trạc Tuyền, mà đích là nó theo lời theo ý của bà chủ nó, để đánh một ngón đòn cân não giục cô tiểu không ngoan, choáng hồn phải vội vàng chấp cánh cao bay, chàng Thúc hết tim.

6/ Chữ “phải” ở câu “Tiểu thư phải buổi vấn an về nhà” cũng có ý nghĩa là rõ ràng hữu ý mà giả vờ làm như vô tình, như những chữ “phải” ở các câu “Cách tường phải buổi êm trời” (289), “Buồng the phải buổi thong dong” (1309).

7/ Câu “Hỏi chàng mới ở chôn nào lại chơi” mới đọc qua thì tưởng là tầm thường, nhưng để ý suy nghĩ, thì thấy chữ “mới” ý nghĩa rất tế nhị. Hoạn Thư đã núp nghe rành rờ lâu hơn nửa giờ rồi, mà còn giả vờ như mới đến chưa nghe thấy gì mà tưởng Thúc mới đến đây như mình, nên mới hỏi “Chàng mới lại đây bao giờ ?” vừa làm cho chồng khỏi ngỡ ngàng, vừa làm cho Kiều biết rõ mình bí hiểm lại càng sợ hơn.

8/ Trong các phần tả cơ mưu Hoạn Thư đánh ghen, đều là đòn cay độc kín đáo, làm cho chồng và tình địch đau đớn vô cùng mà đành lặng lẽ chịu đòn, rồi kết cục đành phải “nghiến răng mà bẻ chữ đồng làm hai.”

9/ Trong các phần tả cuộc đối đãi nhau giữa đôi tình địch Hoạn Thư -Thúy Kiều, chúng ta thấy hai bên đều là tay tuyệt đối cả : Kiều thì tuyệt đối khôn biết trung hậu thật thà, tuyệt đối kiên nhẫn chịu đựng khổ cực; Hoạn thì tuyệt đối khôn ngoan quỷ quyệt kín đáo, tuyệt đối khéo sử dụng mưu kế. Chỉ khác lúc còn xa nhau, Kiều thì đoán biết được tâm trạng nham hiểm của Hoạn Thư, mà Hoạn Thư mãi lúc ở với nhau mới biết được tài tình cao thượng của Kiều, và có thể gọi là thành đôi tri kỷ được, mặc dù địa vị một vực một trời.

10/ Những lời Hoạn Thư khen Kiều như “Bút pháp đã tinh ... Không thua thiếp Lan đình ... Nghìn vàng cũng nên mua lấy tài... Giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên...” Đều là lời khen thành thật cả, đúng như lời Hoạn kể sau này để gỡ tội : “Lòng riêng riêng cũng kính yêu / Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.”

11/ Ấy chỉ vì cái nỗi “không ai chiều chồng cho ai” đó mà thành ra Hoạn - Kiều càng hiểu biết nhau, lại càng phải tìm cách xa nhau. Kiều biết rằng, tài hoa mình đã làm cho Hoạn phải kính yêu, nhưng lại có thể làm cho Hoạn phải gờm sợ một ngày kia cướp lại mất “chồng chung” mà không thể bao dung mình mãi ở cảnh tu vờ vĩnh này được. Bởi vậy lúc nào Kiều cũng mong dịp được gặp riêng chàng Thúc để xin chàng “liệu bài mở cửa cho ra” và để tỏ tình thủy chung với mối tình “Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta” chứ không nỡ “Cũng liệu một hạt mưa rào” để cho chàng phải thêm phần xót xa.

12/ Về phần Hoạn Thư cũng vậy. Cô rất kính yêu tài hoa phi thường của Kiều, nhưng cô cũng sợ cái giá “đáng đức nhà vàng để chứa” đó không thể nào chàng Thúc bó tay bỏ lỡ mãi được, biết đâu chẳng có lúc họ “lên thác xuống ghềnh, sống chết với tình cho xong.” Mặc dù gác kinh đã quan phòng then chặt lưới mau, nhưng cô lúc nào cũng không khỏi quan tâm được, chỉ có cách đuổi hắt Kiều đi là vững chắc nhất, hết lo ngại. Nhưng đuổi bằng cách nào để vừa cho Kiều đi thật mất tích, Thúc hết tìm, vừa để cô khỏi mang tiếng là tàn tệ, là ghen tuông mà bị Kiều khinh rẽ coi thường, mà còn trái lại để nàng phải sợ phải phục. Bởi vậy cô phải suy tính nhiều, nghĩ ra mưu sâu dụ địch mắc vào vòng phục kích ở gác Quan Âm, để rồi chỉ dọa mát : “Chào mời vui vẻ, nói năng dịu dàng” mà khiến Kiều phải “sờn gai rụng rời” vội vàng nửa đêm lấy trộm cả pháp bảo mà trốn đi ! Thế là cô ta đã chẳng mang tiếng tàn nhẫn gì mà đuổi tình địch như chơi, mà sau này lại còn được lời kêu van đúng lý “Nghĩ cho khi gác viết kinh / Bỏ ra khỏi cửa dứt tình chẳng theo” khiến cho “Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư” mà được thả ngay ở trước tiên.

13/ Xét ra thật đôi tình địch này có lòng sợ phục lẫn nhau, nên Hoạn Thư thật dạ lập tâm sẵn sàng đồ độ thân cho Kiều đi trốn, mà không truy tìm nữa để tỏ lòng quý Kiều. Và Kiều cũng phục Hoạn Thư có lòng thương quý mình như thế, nên nghe lời Hoạn Thư nhắc lại, liền tha ngay tội không báo thù nữa. Rõ ràng là hai tình địch này là hai kẻ tri kỷ với nhau, nên xử với nhau mới cùng có độ lượng như thế.

14/ Câu Kiều xin với Thúc Sinh “Liệu bài mở cửa cho ra / Ấy là tình nặng, ấy là ơn sâu” tình ý rất thâm : Tưởng là ân sâu tình nặng gì ? Hóa ra chỉ là xin mở cửa cho được ra khỏi nhà chàng ! Thật cũng là một câu đoạn trường.

15/ Câu “Thong dong nói gót thư trai cùng về” – nếu chỉ đọc qua thì thoáng nhiên thế vậy thôi – nhưng nghĩ kỹ thì thấy ý nghĩa sâu sắc vô cùng : Đối với Hoạn Thư thì thật là một

cuộc vui vẻ thắng trận ra về; đối với Thúc Sinh thì chỉ ung dung bề ngoài, còn trong lòng thật đầy thương nhớ, nhất là đối với Kiều thì thật đủ các thứ cảm tình sâu khổ, bơ vơ, tủi cực, nhớ tiếc. Kẻ thắng trận càng làm ra vẻ ung dung bao nhiêu, thì kẻ bại trận càng đau buồn bấy nhiêu. Thế là vĩnh biệt tình nhân, hết cuộc “ái ân có ngàn ấy thôi.”

16/ Câu “Tiếng gà điềm nguyệt, dấu giày cầu sương” đã mượn ý câu thơ cổ để tả rất hay rất đúng cảnh buồn bã bâng khuâng lúc đi đêm hồi gần sáng, nhưng còn ngầm tả nỗi lòng sợ sợ lo lo của Kiều, lúc nào cũng để ý nghe trước nhìn sau, không sênh tai mắt, nghe thấy gà gáy cũng sợ trời sắp sáng, người đuổi tìm sắp đến, thấy vết chân mình in trên ván cầu đầy sương, cũng sợ người đuổi tìm nhận thấy dấu vết của mình.

17/ Câu “Canh khuya thân gái dặm trường” chỉ có 6 chữ mà tả đầy đủ tình cảnh cô gái lưu lạc lúc đó, nào bơ vơ, nào sợ hãi, nào lo âu, nào liều mạng, nào thương thân. Một nhà văn sĩ Pháp đọc đến câu này đã phải bái phục là câu văn hay gọn tuyệt vời, không đâu có câu văn hay như thế !

CHƯƠNG 22

CÂU 2061 ĐẾN CÂU 2164

“Trú chân nhà Bạc, nối tiếp lầu xanh”

2061. Cửa thiền vừa cũ cuối xuân, [1]
Bóng hoa đầy đất, vẽ ngân ngang trời. [2]
2063. Gió quang mây tạnh thành thoi,
Có người đàn việt lên chơi cửa già. [3]
2065. Giở đồ chuông khánh xem qua,
Khen rằng: “Khéo giống của nhà Hoạn nương!”
2067. Giác Duyên thực ý lo lường,
Đêm thanh mới hỏi lại nàng trước sau.
2069. Nghĩ rằng khôn nổi giấu màu,
Sự mình nàng mới gót đầu bày ngay:
2071. “Bây giờ sự đã dường này,
Phận hèn dù rui, dù may, tại người.” [4]
2073. Giác Duyên nghe nói rưng rờ,
Nửa thương, nửa sợ, bồi hồi chẳng xong.
2075. Rỉ tai mới kể sự lòng: [5]
“Ở đây cửa Phật là không hẹp gì;
2077. E chẳng những sự bất kỳ,
Để nàng cho đến thế thì cũng thương!
2079. Lánh xa, trước liệu tìm đường,
Ngồi chờ nước đến, nên đường còn quê! [6]
2081. Có nhà họ Bạc bên kia,
Am mây quen lối đi về dầu hương. [7]
2083. Nhấn sang, dặn hết mọi đường,
Dọn nhà hãy tạm cho nàng trú chân.” [8]

2085. Những mừng được chốn an thân,
Vội vàng nào kịp tính gần tính xa.
2087. Nào ngờ cũng tổ bọm già,
Bạc bà học với Tú bà đồng môn! [9]
2089. Thấy nàng nhọt phần nhàm son, [10]
Mừng thầm được món bán buôn có lời. [11]
2091. Hư không đặt để nên lời, [12]
Nàng đà nhón nhác rụng rời lấm phen.
2093. Mụ càng khua giục cho liền, [13]
Lấy lời hung hiểm ép duyên Châu Trần. [14]
2095. Rằng: “Nàng muôn dậm một thân,
Lại mang lấy tiếng dữ gần, lành xa. [15]
2097. Giống oan gia, của phá gia,
Còn ai dám rước vào nhà nữa đây! [16]
2099. Kíp toan kiếm chốn xe dây,
Không dung chưa dễ mà bay đường trời!
2101. Nơi gần thì chẳng tiện nơi,
Nơi xa thì chẳng có người nào xa.
2103. Này chàng Bạc Hạnh cháu nhà,
Cùng trong thân thích ruột rà, chẳng ai. [17]
2105. Cửa hàng buôn bán châu Thai,
Thực thà có một, đơn sai chẳng hề. [18]
2107. Thế nào nàng cũng phải nghe,
Thành thân rồi sẽ liệu về châu Thai.
2109. Bấy giờ ai lại biết ai,
Dầu lòng bể rộng sông dài thênh thênh. [19]
2111. Nàng dù quyết chẳng thuận tình, [20]
Trái lời nẻo trước lụy mình đến sau.”
2113. Nàng càng mặt ủ mày chau,
Càng nghe mụ nói, càng đau như dằm. [21]
2115. Nghĩ mình túng đất, sẩy chân,

Thế cùng nàng mới xa gần thở than:
2117. “Thiếp như con én lạc đàn,
Phải cung rày đã sợ làn cây cong! [22]
2119. Cùng đường dù tính chữ tòng, [23]
Biết người, biết mặt, biết lòng làm sao? [24]
2121. Nữa khi muôn một thế nào,
Bán hùm, buôn sói, chắc vào lưng đâu? [25]
2123. Dù ai lòng có sở cầu, [26]
Tâm mình xin quyết với nhau một lời. [27]
2125. Chứng minh có đất, có trời,
Bấy giờ vượt bể ra khơi quản gì?”
2127. Được lời mụ mới ra đi,
Mách tin họ Bạc tức thì sấm sanh.
2129. Một nhà dọn dẹp linh đình,
Quét sân, đặt trác, rửa bình, thắp hương. [28]
2131. Bạc sinh quì xuống vôi vàng,
Quá lời nguyện hết Thành hoàng, Thổ công. [29]
2133. Trước sân lòng đã tỏ lòng,
Trong màn làm lễ tơ hồng kết duyên.
2135. Thành thân mới rước xuống thuyền,
Thuận buồm một lá, xuôi miền châu Thai.
2137. Thuyền vừa đỗ bến thành thời,
Bạc sinh lên trước tìm nơi mọi ngày.
2139. Cũng nhà hành viện xưa nay, [30]
Cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người.
2141. Xem người định giá vừa rồi,
Món hàng một, đã ra mòi, thì buông. [31]
2142. Mượn người thuê kiệu rước nường,
Bạc đem mặt bạc, kiếm đường cho xa!
2145. Kiệu hoa đặt trước thềm hoa,
Bên trong thấy một mụ ra vôi vàng.

2147. Đưa nàng vào lễ gia đường,
 Cũng thân mày trắng, cũng phùng lâu xanh!

2149. Thoắt trông nàng đã biết tình,
 Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao.

2151. Chém cha cái số hoa đào, [32]
 Gỡ ra, rồi lại buộc vào như chơi!

2153. Nghĩ đời mà chán cho đời,
 Tài tình chi lắm, cho trời đất ghen!

2155. Tiếc thay nước đã đánh phèn,
 Mà cho bùn lại vẫn lên mấy lần!

2157. Hồng quân với khách hồng quần, [33]
 Đã xoay đến thế, còn vẫn chữa tha.

2159. Lỡ từ lạc bước bước ra,
 Cái thân liệu những từ nhà liệu đi. [34]

2161. Đầu xanh đã tội tình gì?
 Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.

2163. Biết thân chạy chẳng khỏi trời,
 Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.

Đính chính và xác định

Câu 2089 – “*Thấy nàng nhợt phấn nhàm son*” = Da nàng chỗ màu trắng thì đẹp hơn phấn, bôi phấn vào thì nhợt nhạt xấu đi; chỗ màu hồng thì đẹp hơn son, bôi son vào chỉ thêm nhàm vô ích. (Nhóm chữ “mặn phấn tươi son,” in trong một số bản Kiều, nghĩa đã không thâm thúy, mà lại còn không hợp với cảnh Kiều lúc này, vì nàng đã đi tu ăn mặc nhà chùa, còn phấn son đâu nữa mà nói là mặn với tươi?)

Câu 2090 – “*Mừng thăm được món bán buôn có lời*” – Chữ “món” đây tức là một món hàng mua bán nghĩa rất đúng, và trong một bản Kiều nôm cũ cũng viết đích là “món” [網] (“mịch” + “môn”). Nhiều bản Kiều quốc ngữ in “món” ra “môi.” Có lẽ đó là vì có bản Kiều nôm mới in sau cũng khắc chữ này là “môi” [緹] (“mịch” + “mỗi”). Chữ “môi” thật sai nghĩa với câu

này vì “mồi hàng” là người mua bán với cửa hàng, còn “món hàng” mới là đồ mua bán; Bạc Bà coi Kiều là một “món hàng.”

Câu 2092 – “*Nàng đà nhón nhác rụng rời lả phen*” – “Nhón nhác” rõ đúng nghĩa với ý sợ hãi ở đây. Nhiều bản Kiều quốc ngữ in câu này là “Nàng đà lớn sự rụng rời lả phen” thật sai lầm, lời không trôi chảy, nghĩa cũng ngô nghê.

Câu 2093 – “*Mụ càng khoa giục cho liền*” – Chữ “khoa” bản nôm viết là [搆] (“thủ” + “khu”) và “giục” viết là [誑] (“khẩu” + “trục”) nghĩa rất đúng và rất liền nghĩa với câu trên: Bạc Bà đã bịa đặt ra những tin nọ tin kia để dọa cho Kiều nhiều phen nhón nhác sợ hãi, rồi mụ lại nói những điều làm cho Kiều rối bụng, lo sợ thêm, như giục nàng phải mau tìm cách tránh tai nạn, kéo bị bắt ... Nhiều bản Kiều quốc ngữ dịch chữ “khoa giục” làm ra “sua đuôi” thật vô nghĩa đáng tiếc.

Câu 2097 – “*Giống oan gia, của phá gia*” – “Giống oan gia” = Hạng người xấu vía, ở đâu cũng làm cho người ta mắc tội vạ oan vì mình. “Của phá gia” = Hạng người ăn chơi, ở đâu cũng phá hoại gia đình người ta. Câu này rất liền ý nghĩa với câu dưới: những hạng ấy, còn ai dám đón vào nhà nữa. Không hiểu sao nhiều bản Kiều lại đổi “giống oan gia” ra “khéo oan gia” thật tối nghĩa.

Câu 2098 – “*Còn ai dám rước vào nhà nữa đây!*” – “Rước” nguyên nghĩa là đón một cách long trọng, nhưng khi nói mỉa mai người ta cũng hay dùng chữ “rước,” như khi mình trót mang một vật gì hay là người nào chẳng ra gì vào nhà, thường than nói “biết thế này thì rước cái của nợ ấy về nhà làm gì!” Chữ “rước” trong câu Kiều này cũng dùng nghĩa mỉa mai đó. Nhiều nhà xuất bản truyện Kiều không hiểu ý nghĩa mỉa mai chữ rước này, mới đổi ra chữ “chứa” e không ăn nghĩa với chữ “vào,” vì nếu là “chứa” thì phải nói là “chứa ở nhà...” mới thật đúng nghĩa.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Cữ cuối xuân* = Đạo cuối mùa xuân.

[2] *Vẻ ngân* – Về cuối mùa xuân, trời trong nhưng còn hơi sương, nên mặt trăng sáng êm đẹp trông trắng như bạc; bởi vậy chữ Hán có câu “Nguyệt sắc như ngân” [月色如銀] = Sắc mặt trăng như bạc.

[3] *Đàn việt* [檀越] nguyên nghĩa là người có nhiều công đức với nhà chùa. Về sau thành tiếng chung để gọi những người hay đi lễ chùa. Nguyên chữ “đàn” tức là “đan na” ở kinh nhà Phật và nghĩa là “thí chủ” [施主]; và chữ “việt” là từ thành ngữ “Việt bản cùng hải [越貧窮海] = Vượt bể nghèo khổ.

[4] Chữ *người ở* câu này là tiếng gọi tỏ lòng kính một người bực trên, có địa vị cao quý, tức là tiếng “ngài” nói trịnh lên cao hơn một bực. Đây là cách Kiều gọi Giác Duyên.

[5] *Sự lòng* = Từ chữ “tâm sự” dịch ra, nghĩa là mọi sự lo nghĩ ở trong lòng.

[6] *Ngồi chờ nước đến* – Lấy ý ở câu tục ngữ “Chớ để nước đến chân mới nhảy mà muộn quá.”

[7] *Đi về dầu hương* = Hay mang đồ lễ đến chùa cúng lễ Phật.

[8] *Trú chân* = Đến ở nhờ tạm một thời gian.

[9] *Đồng môn* [同門] = Cùng vào một cửa trường, cùng học một thầy.

[10] *Nhọt phẩn nhàm son* – Xem lời xác định câu 2089.

[11] *Món* = Một số hàng hóa – Xem lời xác định câu 2090.

[12] *Hư không đặt để nên lời* = Bỗng không bịa đặt ra những tin đồn nọ kia nguy hiểm để dọa Kiều.

[13] *Khua giục* – Xem lời xác định câu 2093.

[14] *Lời hung hiểm* = Lời dọa dữ dội nguy hiểm cho thân Kiều.

[15] *Tiếng dữ gần, tiếng lành xa* – Ta có câu tục ngữ “Tiếng lành đồn gần, tiếng dữ đồn xa” nghĩa là ai có sự gì tốt lành thì mọi người chỉ nói ít ở nơi gần nhau thôi, còn ai có sự gì dữ ác thì người nọ tuyên truyền cho người kia, đồn đi xa lắm. Tác giả mượn ý câu này để nói Bạc Bà dọa Kiều rằng; tình thế nàng bây giờ việc dữ thì gần đến, mà việc lành thì đi xa rồi.

[16] *Rước vào nhà* – Xem lời xác định câu 2098.

[17] Chữ *ruột rà* tôi không biết nghĩa đích xác là gì, chỉ đoán tạm là chỗ họ hàng thân, nên biết lòng biết dạ nhau lắm.

[18] *Đơn sai* = Người không hề lừa đảo ai bao giờ, có thể tin được lắm.

[19] *Bể rộng sông dài* = Ví như con cá đang ở trong chậu nước được thả ra sông bể, tha hồ tự do, muốn đi đâu cũng không sợ gì.

[20] Chữ *dù* này cũng nghĩa là “nếu” như nhiều chữ “dù” khác ở trong Truyện Kiều. Bạc bà dọa Kiều, nói: nếu mà Kiều không thuận tình theo lời mẹ, thì mẹ có lẽ phải tố giác để tránh tội chứa Kiều, Kiều sẽ bị bắt ngay.

[21] Chữ *dằn* đây nghĩa là bị đánh rất đau như người nhà bếp lấy gọng dao dằn miếng thịt cho mềm, cho nát cả xương bên trong.

[22] *Phải cung rày đã sợ làn cây cong* – Sách Nho có câu “Thương cung chi điều kiến khúc mộc nhi cao phi” [傷弓之鳥見曲木而高飛] = Con chim đã bị cung bắn hể thấy thanh gổ cong cong là sợ mà cao bay ngay.

[23] *Tính chữ tông* = Tính cuộc lấy chồng, theo chồng.

[24] *Biết người biết mặt biết lòng làm sao* – Do câu chữ Hán “Tri nhân, tri diện, bất tri tâm” [知人知面不知心] dịch ra.

[25] *Bán hùm buôn sói* – Tục ngữ có câu “Buôn da sói, bán da hùm” để nói về kẻ điên đảo lừa người khờ dại, nhất là lừa gái.

[26] *Sở cầu* [所求] – Nghĩa đen hai chữ này là “cái mà mình tìm kiếm ước ao.” Câu này hàm ý là “ai muốn lấy tôi, thì phải đem lòng thành thật mà thề với tôi là không lừa đảo tôi.”

[27] *Tâm minh* [心盟] = Đem lòng thành thật mà thề.

[28] *Trác* [桌] = Cái bàn để bày đồ cúng tế mà tiến dẫn lên bàn thờ.

[29] *Thành hoàng, Thổ công* – *Thành hoàng* [城隍] là ông thần coi từng khu to như tỉnh, phủ; *Thổ công* [土公] là ông thần coi một khu nhỏ, như một xóm, một phố. Câu này có nghĩa là Bạc Hạnh quý xuống khấn thề rất cẩn thận trước các vị thần to nhỏ, xin làm chứng cho lòng nó không lừa đảo.

[30] *Hàng viện* [行院] = Nhà hàng thanh lâu hay ca kỹ.

[31] *Buông* = Bán đi, như buông tay thả hàng ra bán cho người ta.

[32] *Số đào hoa* – Theo phép lấy số tử vi, số đàn bà mà có sao Đào hoa và sao Hồng loan chiếu vào cung Mệnh thì cả đời sống kiếp trăng hoa giang hồ.

[33] *Hồng quân* [洪鈞] – Nghĩa chữ “hồng” là lớn, nghĩa chữ “quân” [鈞] là cái mặt tròn to nặng ở dưới mặt bàn tròn nặn đồ sành đồ sứ tròn. Người thợ nặn lấy chân đạp cái hồng quân ở dưới quay lấy đà quay mặt bàn nặn ở trên, và dùng tay khéo uốn nắn đất dẻo ở mặt bàn thành hình các đồ tròn đẹp như bát đĩa, lọ, nôi. Cổ nhân cho ông trời là cái máy quay ngòm rất to rất tài, để nặn nên muôn vật, nặn nên vận mệnh, cho nên gọi Trời là Hồng quân.

[34] *Liệu* = Tưởng tượng đoán trước những sự sẽ xảy ra cho mình sau này mà lo tính trước lấy cách đối phó lại cho khỏi khổ.

Diễn ra văn xuôi

Câu 2061, 2062 = Đạo ấy vào cỡ cuối mùa xuân, cảnh chùa rất đẹp, dưới thì bóng hoa đầy mặt đất, trên thì vàng trắng trong sáng, êm dịu như màu bạc từ ngang trời chiếu xuống.

Câu 2063, 2064 = Trời xuân quang đãng, gió xuân hòa ấm, thật là thành thời cho khách đi văn cảnh. Có một người đàn việt vào thăm cảnh và lễ Phật ở am Chiêu ân.

Câu 2065, 2066 = Thấy những đồ chuông khánh quý đẹp, người ấy mới giờ ra xem, ngắm nghĩa mãi và khen rằng “sao mà khéo giống như đồ của nhà bà Hoạn Thư như thế!”

Câu 2067, 2068 = Sư Giác Duyên, chắc là đã nghe tiếng đồn việc nhà họ Hoạn mất trộm, nên khi nghe người đàn việt này nói thế, bà có ý nghi ngờ, lo sợ. Mới nhân lúc đêm khuya vắng, hỏi Kiều cho biết tông tích những đồ chuông khánh đó.

Câu 2069, 2070 = Kiều nghĩ bụng rằng không thể nào giấu mãi được những điều mà trước kia mình đã nói dối để giữ thể diện cho đẹp, nên nàng mới kể rõ đầu đuôi sự thật của mình cho Giác Duyên nghe.

Câu 2071, 2072 = Rồi nàng tạ tội và nói tiếp “bây giờ, sự đã trót xảy ra như vậy, xin nhờ lượng Sư trưởng xử cho, dù rủi dù may thế nào cũng xin chịu, không dám oán trách.”

Câu 2073, 2074 = Nghe rõ truyện nàng kể, Giác Duyên sợ quá như rụng rời cả chân tay, vừa thương tình nàng, vừa sợ tội vạ vào mình, lòng sư thật bối rối, lo âu chẳng biết tính sao cho ổn thỏa câu truyện.

Câu 2075, 2076 = Rồi Sư mới sẽ rí tai bảo nhỏ cho Kiều rõ tâm sự của bà rằng nơi cửa Phật này thật rộng rãi, bao dung được nàng.

Câu 2077, 2078 = Nhưng chỉ e người đàn việt này về nói với Hoạn nương thì nàng sẽ bất kỳ bị bắt về làm tội thì tôi rất thương.

Câu 2079, 2080 = Vậy ta phải tìm đường mà lánh xa trước đi thì hơn, không nên ở yên đây mãi, đến lúc nước đến chân mới nhảy, thì khờ lắm, què lắm.

Câu 2081, 2082 = Tôi đã tính, có bà họ Bạc ở bên kia vẫn hay đi lại dầu hương lễ Phật ở am này, tôi rất quen biết.

Câu 2083, 2084 = Tôi nhắn bà ta sang đây dặn dò đủ đường, vào bảo bà ta dọn nhà cho nàng sang tạm ở trú chân bên đó ít lâu rồi sẽ tính sau.

Câu 2085, 2086 = Kiều đang lúc lo sợ, được chỗ yên thân như vậy, lòng những mừng lắm, nào kịp tính gần tính xa gì.

Câu 2087, 2088 = Nào có ngờ đâu mục Bạc cũng là tay tổ bợm già như mục Tú, hai bà như cùng học một thầy.

Câu 2089, 2090 = Bạc Bà thấy Kiều tuy ăn mặc nâu sòng, mà mặt mày vẫn trắng đẹp hồng hào, không cần phải phấn son cho thêm nhàm, lòng mục mừng thầm là được món hàng buôn bán rất lời.

Câu 2091, 2092 = Mục liền nghĩ cách lừa bán nàng đi cho mau. Bắt đầu mục bõng dung bịa đặt ra những lời đồn đại ghê gớm làm cho nàng nhiều phen hãi hùng nhón nhác.

Câu 2093, 2094 = Thấy nàng đã sợ choáng hồn đi rồi, mục lại dọa già như khoa động thêm lòng sợ hãi của nàng lên, như thúc giục nàng phải liệu tìm đường tránh nạn cho mau. Rồi mục mới đem lời dọa dẫm nguy hiểm mà ép nàng phải lấy chồng.

Câu 2095, 2096 = Mục bảo nàng là nàng từ nơi xa muôn dặm tới đây, đã một thân một mình chẳng nhờ cậy vào ai được, lại còn mang tiếng trốn chủ lộn chồng, trộm cắp của Phật, lừa dối Sư Trưởng, xa gần đồn đại thật là nguy hiểm.

Câu 2097, 2098 = Nàng nay đúng là kẻ người ta gọi là “người oan gia” ở đâu gây tội oan cho người ta ở đó, hay là “của phá gia” ở đâu cũng làm tan cửa nát nhà người ta ở đấy, nên chẳng còn ai dám rước nàng vào nhà người ta nữa.

Câu 2099, 2100 = Vậy nàng phải xem ai muốn lấy nàng, thì nàng lấy người ta ngay đi. Nếu không thì tôi e lúc tai vạ đến thì chưa dễ đã bay lên đường gùi mà trốn được. (Câu này là Bạc Bà có ý dọa Kiều nếu không nghe mẹ mà lấy chồng cho mau, thì mẹ sẽ phải tố giác để khỏi bị tội lây vì chứa Kiều. Đúng với câu “Lấy lời hung hiểm ép duyên Chu Trần” ở trên).

Câu 2101, 2102 = Tôi đã lo tính giúp nàng; lấy người ở đây thì không tiện, vì có thể nàng bị truy tầm; mà muốn lấy người ở xa, thì tôi chẳng biết ai ở xa cả.

Câu 2103, 2104 = Tôi nghĩ chỉ có người này là nàng lấy được – Đó là chàng Bạc Hạnh, là cháu họ thân thiết với tôi.

Câu 2105, 2106 = Nó có nhà buôn bán ở châu Thai; nó là người rất thật thà có một, ta có thể tin cậy, không sợ sai lầm chút nào.

Câu 2107, 2108 = Tôi khuyên nàng nên nghe tôi mà lấy nó là xong hết mọi nỗi lo sợ. Khi đã thành vợ thành chồng rồi, thì sẽ mang ngay về châu Thai cho xa hẳn vùng này.

Câu 2109, 2110 = Khi đã đi châu Thai rồi thì còn ai biết nàng là ai nữa, rõ như cá đang ở trong chậu mà được thả ra sông bể, tha hồ mà thênh thang, chẳng e sợ gì nữa.

Câu 2111, 2112 = Nếu nàng nhất định quyết tâm không nghe tôi, thì tôi bảo thật cho nàng biết là hễ nàng trái lời tôi trước, là tội vạ vương ngay vào thân nàng sau! Hai câu này rõ tỏ ra mẹ trắng trợn dọa Kiều, bắt buộc phải nghe mẹ mà lấy Bạc Hạnh).

Câu 2113, 2114 = Kiều càng nghe mẹ nói, càng ủ mặt chau mày, bụng càng đau đớn như bị đánh dần nát xương.

Câu 2115, 2116 = Biết mình gặp bước túng đất sẩy chân vào tay mẹ, thật thế cùng, không biết đi đâu được nữa, nàng mới thở than mọi nỗi xa gần mà nói:

Câu 2117, 2118 = Tôi nay như con én lạc đàn bơ vơ, đã bị cung bắn mấy lần, nên hễ thấy cành cây cong là sợ hãi, sợ lại bị tên bắn. Tôi cũng vậy, đã bị lừa nhiều lần, nên tôi cũng sợ lại bị lừa nữa lắm.

Câu 2119, 2120 = Bây giờ gặp bước đường cùng này mà phải lấy chồng, tôi chỉ biết người biết mặt bên ngoài, chứ trong bụng người ta ngay lành hay diên đảo thế nào, thì biết đâu mà tin được.

Câu 2121, 2122 = Nếu khi muôn phần có một phần không may, tôi lấy phải kẻ điên đảo buôn người, như những kẻ buôn da sói, bán da hùm, đánh lừa bảo lấy làm vợ rồi về bắt làm gái điếm, thì tôi còn biết chắc cậy vào đâu làm căn cốt để gỡ ra được?

Câu 2123, 2124 = Bởi vậy, nếu ai muốn lấy tôi, thì phải đem lòng thành thật mà quả quyết thề với tôi một lời.

Câu 2125, 2126 = Khi đã thề nguyện có trời đất quỷ thần chứng minh rồi, thì tha hồ muốn mang tôi vượt bể ra khơi tôi cũng đi không quản ngại.

Câu 2127, 2128 = Được lời nàng hứa vậy, Bạc Bà liền ra đi mách cho Bạc Hạnh biết tin mà sắm sửa lễ cưới.

Câu 2129, 2130 = Thế là cả nhà dọn dẹp linh đình, nào là quét nhà quét sân, nào là kê bàn lễ Tơ hồng, sửa bàn thờ cúng Trời Đất để thề, nào là rửa bình cắm hoa, bày đỉnh đốt hương.

Câu 2131, 2132 = Bàn thờ bày xong, Bạc Sinh vội vàng quỳ xuống và quía lời thành kính khẩn cầu thề nguyện trước Trời Đất, trước các vị Thành Hoàng, Thổ Công.

Câu 2133, 2134 = Khi làm lễ cúng ở trước sân xong rồi, thì vào buồng buồng màn xuống làm lễ Tơ hồng, nhờ thần kết duyên thành vợ chồng.

Câu 2135, 2136 = Khi cưới nhau rồi, Bạc Sinh mới rước Kiều xuống thuyền mà thuận buồm thuận gió xuôi về châu Thai.

Câu 2137, 2138 = Lúc thuyền tới nơi vừa đỗ bên thành thôi, thì Bạc Sinh lên trước, nói dối là về sắp sửa nhà và thuê kiệu rước dâu về; nhưng thật ra là nó đi tìm nơi buôn bán đã quen từ lâu mọi ngày.

Câu 2139, 2140 = Đó vẫn là nhà hàng thanh lâu xưa nay, và cũng vẫn tinh phường bán thịt, những tay buôn người.

Câu 2141, 2142 = Khi đã xem người định giá với nhau rồi, Bạc Sinh thấy tiền lời đã gấp mười tiền vốn, liền buông tay trao hàng bán ngay,

Câu 2143, 2144 = Rồi nó mượn người thuê kiệu đến lừa Kiều rước về thanh lâu, còn nó thì đem cái mặt bạc của nhà họ “Bạc” nó mà tìm đường trốn cho xa.

Câu 2145, 2146 = Kiều những tưởng là kiệu rước mình về nhà Bạc Sinh, nào ngờ khi kiệu hoa đặt xuống trước sân hoa, thì thấy một mù ở trong nhà bước ra vội vàng.

Câu 2147, 2148 = Mụ ra đón nàng, rồi đưa nàng vào lễ bàn thờ trong nhà. Nàng thấy trên bàn cũng thờ thần Mây trắng, thì ra cũng một phùng lâu xanh như Tú Bà.

Câu 2149, 2150 = Thoạt trông, nàng biết ngay là nàng bị lừa rồi, nhưng khôn nổi chim đã bị bẫy vào lồng rồi, thì còn cất cánh bay sao được?

Câu 2151, 2152 = Nàng chỉ nguyên rửa cho cái số có sao Đào hoa chiếu mệnh của nàng làm cho đời nàng phải ô nhục mãi; mới gỡ ra khỏi kiếp ô nhục trước, thì lại bị buộc như chơi vào kiếp ô nhục này.

Câu 2153, 2154 = Nàng nghĩ mà chán cho đời nàng sao lại tài tình quá để cho trời đất ghen mà làm khổ nàng mãi cho bỏ lòng ghen.

Câu 2155, 2156 = Nàng tiếc cho thân nàng như chum nước đã được đánh phèn cho trong rồi, nay bỗng bị cho bùn vào mà quấy lên cho lại vẫn đục, chẳng biết còn bị quấy đục lên mấy lần nữa mới thôi?

Câu 2157, 2158 = Nàng trách ông thợ Giời như cái mặt tròn to nặng, quay ngằm ở dưới mặt bàn xoay nặn nên hình vạn vật kia, sao mà đối với khách hồng quần lại tệ thế! Ông đã xoay cho nàng phải khổ cực đến thế, mà vẫn còn xoay vùn mãi chưa tha!

Câu 2159, 2160 = Kể từ khi nàng bán mình bước ra đi khỏi gia đình, nàng đã lo liệu tính toán cho đời nàng ngay từ lúc đó, thế mà đến bây giờ vẫn chẳng khỏi cảnh bơ vơ đau khổ như lúc ra đi.

Câu 2161, 2162 = Nàng than thân nàng chẳng biết lúc mới đầu xanh tuổi trẻ này, nàng đã làm nên tội tình gì, mà đã phải đền mất quá nửa thì xuân xanh rồi mà vẫn chưa xong!

Câu 2163, 2164 = Nàng biết thân tránh chẳng khỏi được tội trời nên đành lại liều đem đôi má phấn ra đền tội cho hết đời xuân xanh.

Những câu có ý móc nối hoặc châm biếm

-Hai câu đầu tả cảnh cuối xuân chùa ở đoạn này “Cửa thiên gặp cũ cuối xuân / bóng hoa đầy đất, vẻ ngân ngang giời”, tác giả thật đã khéo dụng ý để báo điềm Kiều sẽ lại vương vào kiếp lâu xanh. Chữ “cửa thiên” và chữ “cuối xuân” nói bóng ý “Kiều tuy ở chùa đi tu, và tuổi

xuân Kiều tuy đã hơi già.” Chữ “bóng hoa” và chữ “vẻ ngân” nói bóng đến cuộc trăng hoa ở lầu xanh.

-Câu “Nhấn sang dấn hết mọi đường” mở màn rất kéo cho cuộc Bạc bà dọa dẫm lừa Kiều, vì mục biết đủ tông tích Kiều là trốn chủ, là lộn chồng, là trộm đồ kim ngân, mục mới bịa đặt được những tin dọa đúng tình thế Kiều, và mới dám bảo Kiều là “giống oan gia, của phá gia” để ép Kiều phải lấy chồng.

-Hai câu “Bạc sinh quý xuống vội vàng / quá lời nguyện hết thành hoàng thổ công” ứng với ba câu Kiều yêu cầu Bạc bà “Dù ai lòng có sở cầu, tâm mình xin quyết với nhau một lời, chứng minh có đất có trời.”

-Đoạn này có nhiều câu mỉa mai than thở cho đời như: (a) Biết bao nhiêu người “am mây quen lối đi về dầu hương” mà hóa ra người “cũng tỏ bọm già, học với Tú bà đồng môn”; (b) biết bao nhiêu kẻ khoe là “thật thà có một, đơn sai chẳng hề” lại hóa ra “phường bán thịt, tay buôn người”; (c) biết bao nhiêu kẻ vừa mới kính cẩn “quá lời nguyện hết thành hoàng thổ công” mà mấy hôm sau đã “món hàng một đã ra mùi thì buông.”

-Tác giả đã mạnh bạo dùng tiếng chửi “chém cha” để mỉa mai than thở cho số phận những người tử tế tài giỏi, mà bị cả đời long đong gặp nhiều sự không may.

-Trong hai câu lục bát “Hồng quân với khách hồng quần / đã xoay đến thế còn vắn chưa tha” chữ “xoay” và chữ “vắn” ở câu dưới nghĩa đen đã thật luyện với chữ “hồng quân” là cái mặt quay ở câu trên, mà nghĩa bóng chữ “xoay vắn” lại rất luyện với chữ “hồng quần”: khách hồng nhan bị trời xoay vắn làm khổ mãi không tha.

-Trong Truyện Kiều có nhiều câu hay lạ lùng thì hai câu này là một – nghĩa đã thâm thúy, chữ đã rất ăn luyện với nhau, âm điệu lại rất êm đẹp, lại có ý chơi chữ rất tài tình: “hồng quân” với “hồng quần” tên gọi gần giống nhau như thế mà sao lại nữ quay quắt làm khổ nhau mãi.

-Từ câu “Chém cha cái số Hoa đào” đến câu “Đã xoay đến thế còn vắn chưa tha” đều tả ý Kiều thương thân trách phận, nhưng rất có thứ tự: (a) Câu 2151, 2152 trách số để phải giờ xấu – đào hoa chiếu mệnh; (b) Câu 2153, 2154 trách mình tài tình quá để hại vào thân; (c) Câu 2155, 2156 trách thói đời lừa lọc hại mình; (d) Câu 2157, 2158 trách trời nữ xử tệ mãi với mình.

CHƯƠNG 23

CÂU 2165 ĐẾN CÂU 2288

“Gặp người tâm phúc, hả chí anh hùng”

2165. Làn thêu gió mát trắng thanh, [1]
Bồng đầu có khách biên đình sang chơi, [2]
2167. Râu hùm, hàm én, mày ngài,
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
2169. Đường đường một đấng anh hào,
Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài. [3]
2171. Đội trời đạp đất ở đời, [4]
Họ Từ tên Hải, vốn người Việt đông.
2173. Giang hồ quen thú vẫy vùng,
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo. [5]
2175. Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều,
Tấm lòng nhi nữ cùng xiêu anh hùng.
2177. Thiếp danh đưa đến lầu hồng,
Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa. [6]
2179. Từ rằng: “Tâm phúc tương cò [7]
Phải người trăng gió vật vờ hay sao?
2181. Bấy lâu nghe tiếng má đào,
Mắt xanh chẳng để ai vào có không? [8]
2183. Một đời được mấy anh hùng,
Bõ chi cá chậu, chim lồng mà chơi!” [9]
2185. Nàng rằng: “Người dạy quá lời, [10]
Thân này còn dám coi ai là thường!
2187. Chút riêng chọn đá thử vàng, [11]

Biết đâu mà gửi can tràng vào đâu? [12]
 2189. Còn như vào trước ra sau,
 Ai cho kén chọn vàng thau tại mình. [13]
 2191. Từ rằng: “Lời nói hữu tình, [14]
 Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân. [15]
 2193. Lại đây xem lại cho gần,
 Phỏng tin được một vài phần hay không?”
 2195. Thưa rằng: “Lượng cả bao dung, [16]
 Tấn Dương được thấy mây rồng có phen. [17]
 2197. Rộng thương cỏ nội hoa hèn, [18]
 Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau!”
 2199. Nghe lời vừa ý gật đầu,
 Cười rằng: “Tri kỷ trước sau mấy người!
 2201. Khen cho con mắt tinh đời,
 Anh hùng đoán giữa trần ai mới già! [19]
 2203. Một lời đã biết tên ta,
 Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau!” [20]
 2205. Hai bên ý hợp tâm đầu, [21]
 Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân!
 2207. Ngỏ lời nói với băng nhân, [22]
 Tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn. [23]
 2209. Buồng riêng sửa chốn thanh nhàn,
 Đặt giường thất bảo, vây màn bát tiên. [24]
 2211. Trai anh hùng, gái thùyên quỳên,
 Phỉ nguyện sánh phượng, đẹp duyên cưới rồng. [25]
 2213. Nửa năm hương lửa đương nồng,
 Trọng phu thoát đã động lòng bốn phương. [26]
 2215. Trông vời trời bể mệnh mang, [27]
 Thanh gươm, yên ngựa lên đàng thẳng giông.
 2217. Nàng rằng: “Phận gái chữ tòng,
 Chàng đi thiếp cũng quyết lòng xin đi!”

2219. Từ rằng: “Tâm phúc tương tri, [28]
Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình? [29]
2221. Bao giờ mười vạn tinh binh,
Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường [30]
2223. Làm cho rõ mặt phi thường,
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia, [31]
2225. Bằng ngay bốn bể không nhà,
Theo càng thêm bận, biết là đi đâu?
2227. Đành lòng chờ đón ít lâu, [32]
Chầy chăng là một năm sau vội gì?”
2229. Quyết lời rút áo ra đi, [33]
Gió đưa bằng tiện đến kì dặm khơi. [34]
2231. Nàng thì chiếc bóng song mai, [35]
Đêm thâu đặng đặng, nhật gài then mây. [36]
2233. Sân rêu chẳng vẽ dấu giày, [37]
Cỏ cao hơn thước, liễu gầy vài phân. [38]
2235. Đoái thương muôn dặm tử phần [39]
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa; [40]
2237. Xót thay huyên cỗi xuân già,
Tấm lòng thương nhớ, biết là có nguôi.
2239. Chốc là mười mấy năm trời,
Còn ra khi đã da mồi tóc sương. [41]
2241. Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,
Dẫu lìa ngó ý, còn vương tơ lòng! [42]
2243. Duyên em dù nói chỉ hồng,
May ra khi đã tay bông tay mang.
2245. Tắc lòng cố quốc tha hương, [43]
Đường kia nổi nọ ngổn ngang bời bời.
2247. Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm.
2249. Đêm ngày luống những âm thầm,

Lửa binh đâu đã âm âm một phương,
 2251. Ngắt trời sát khí mơ màng, [44]
 Đầy sông kinh ngạc, chập đường giáp binh. [45]
 2253. Người quen thuộc, kẻ chung quanh
 Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.
 2255. Nàng rằng: “Trước đã hẹn lời,
 Dầu trong nguy hiểm, dám rời ước xưa.”
 2257. Còn đương dùng dằng ngăn ngại
 Mé ngoài đã thấy bóng cờ tiếng la. [46]
 2259. Giáp binh kéo đến quanh nhà,
 Đồng thanh cùng gửi: “nào là phu nhân?”
 2261. Hai bên mười vị tướng quân,
 Đặt gươm, cởi giáp, trước sân khấu đầu.
 2263. Cung nga, thê nữ nói sau, [47]
 Rằng: “Vâng lệnh chỉ rước châu vu qui.” [48]
 2265. Sẵn sàng phượng liễn, loan nghi, [49]
 Hoa quan giáp giới, hà y rõ ràng. [50]
 2267. Dựng cờ, nổi trống lên đàng,
 Trúc tơ nổi trước, đào vàng theo sau. [51]
 2269. Hoả bài tiền lộ ruổi mau, [52]
 Nam đình nghe động trống châu đại doanh. [53]
 2271. Kéo cờ lũy, phát súng thành,
 Từ công ra ngựa, thân nghênh cửa ngoài.
 2273. Rỡ mình, là vẻ cân đai,
 Hãy còn hàm én mảy ngài như xưa.
 2275. Cười rằng: “Cá nước duyên ưa, [54]
 Nhớ lời nói những bao giờ hay không?
 2277. Anh hùng mới biết anh hùng,
 Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa?”
 2279. Nàng rằng: “Chút phận ngây thơ,
 Cũng may dây cát được nhờ bóng cây.

2281. Đến bây giờ mới thấy đây,
Mà lòng đã chắc những ngày một hai.”
2283. Cùng nhau trông mặt cả cười,
Dan tay về chốn tướng mai tỵ tình.
2285. Tiệc bày thưởng tướng khao binh
Om thòm trống trận, rập rình nhạc quân.
2287. Vinh hoa bỏ lúc phong trần,
Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày.

Đính chính và xác định

Câu 2186 – Câu này bản Kiều nôm in là *Thân này còn dám coi [睺] ai là thường*. Nhiều bản Kiều quốc ngữ lại in là “Thân này còn dám xem ai là thường.” Chữ “coi” với chữ “xem” tuy nghĩa giống nhau nhưng chữ “coi” ở đây đúng hơn chữ “xem” vì có ý so sánh cân nhắc. Ta thường nói “Coi người bằng nửa con mắt” nghĩa là khinh người.

Câu 2273 – *Rõ mình lạ vẻ cân đai* – Chữ “lạ” trong câu này, các bản nôm, bản thì in là [邏] (lạ), bản thì in là [羅] (là). Tôi thì cho chữ “lạ” đúng hơn chữ “là” vì có ý liên với câu dưới hơn: Tuy chỉ lạ vì vẻ áo mũ rực rỡ cao quý, nhưng vẫn còn hàm yếm mày ngài như trước. Nhưng có một cụ đồ đã khảo cứu nhiều về Truyện Kiều thì lại nhất định chữ “là” đúng hơn; cụ nói “Rõ mình là vẻ cân đai” có vẻ văn chương đẹp đẽ và ý nghĩa thâm thúy hơn. Vậy xin ghi vào đây để quý vị độc giả suy nghĩ cân nhắc.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Lần thâu* = Lần hồi hết ngày đêm nọ đến ngày đêm kia vui vẻ với khách trong cảnh trăng gió.

[2] *Biên đình* = Triều đình ở ngoài biên thùy. Tác giả có ý cho là Từ Hải ở riêng một khu biệt lập khác sang đây chơi.

[3] *Lược thao* = Do thành ngữ “Lược thao tam lược” [六韜三畧] = Hai thiên trong sách Binh pháp dạy những phép dùng cơ mưu và dùng quân đánh nhau. Nên những người có tài làm tướng cầm quân gọi là có tài lược thao.

[4] *Đội trời đạp đất* = Chí khí ngang tàng, trên đầu mình chỉ có trời, chứ không còn ai hơn mình nữa; dưới thì chân đạp đất mà đi khắp mọi nơi chẳng ai cản được, nên ta vẫn gọi hạng người “đầu đội trời, chân đạp đất.”

[5] *Gwom đàn nửa gánh, non sông một chèo* – (Chữ “đàn” đây nghĩa là cái cung). Câu Kiều này lấy điển ở hai câu thơ của Hoàng Sào cuối đời nhà Đường. Sào thi tiến sĩ hỏng mãi, nổi lên thành một tướng giặc to mạnh, có hội đánh phá cả kinh thành, vua phải bỏ chạy. Sào có câu thơ tỏ chí khí mình rằng:

[半肩弓劍憑天縱] = Bán kiên cung kiếm bằng thiên tủng = Nửa vai mang cung kiếm nhờ tài trời buông thả ra cho,

[一棹江山盡地維] = Nhất trạo giang sơn tận địa duy = Một mái chèo đi khắp non sông bốn phương đất.

Tác giả mượn hai câu thơ trên để nói Từ Hải có chí làm giặc.

[6] Chữ *liếc* trong câu 2178 này nghĩa là ngấm nhìn xem tướng nhau. Vì chữ “liếc” này, nên hai bên mới đoán biết nhau đều là có tướng anh hùng.

[7] *Tâm phúc tương kỳ* [心腹相期] = Lấy lòng bụng ra mà hứa hẹn với nhau. Ý Từ muốn nói “tôi muốn tìm người có tài trí to để tôi có thể đem chí to chứa chắt trong lòng tôi mà tỏ cho nhau biết được để cùng lo việc lớn.”

[8] *Mắt xanh* – Nguyễn Tịch [阮籍] đời nhà Tấn, quý ai thì làm mắt hóa màu xanh mà vui vẻ nhìn; không thích ai thì làm mắt trắng mà nhìn. Người đời sau nói quý ai là “đề vào mắt xanh.”

[9] *Cá chậu chim lồng* = Những người tầm thường chịu người trên lấy lợi danh bó buộc được mình, như cá bị nhốt vào chậu, chim bị nhốt vào lồng.

[10] *Nàng rằng “Người dạy quá lời”* – Chữ “người” đây nghĩa là “ngài” nói tránh ra để tỏ lòng tôn kính như thần thánh. Kiều gọi Từ Hải là “người” để tỏ lòng rất quý trọng. (Tôi thấy người ăn trộm ý Truyện Kiều và ý của cuốn Phong Tình Lục để viết ra cuốn Thanh Tâm Tài Nhân (TTTN) đã không hiểu nghĩa chữ “người” này mà dịch câu Kiều này ra chữ Hán là [此人言之過也] = Thử nhân ngôn chi quá dã = Đó là người ta nói quá lời như thế. Đọc đến câu chữ Hán đó ta biết ngay là Thanh Tâm Tài Nhân dịch ở Truyện Kiều ra, chứ đâu phải Truyện Kiều dịch ở cuốn TTTN ra như nhiều nhà văn sĩ làm tương, lại cứ lấy cuốn TTTN ra để giải thích Truyện Kiều).

[11] *Chọn đá thử vàng* – Các nhà buôn vàng ta xưa vẫn dùng một thứ đá màu đen để mài cục vàng lên mà xét xem vàng tốt, hay vàng xấu. Người ta mài thử vàng lên mặt nhẵn hòn đá để xem màu vết mài mà đoán.

[12] *Biết đâu mà gửi can tràng vào đâu?* – Câu này và câu “Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân” lấy điển ở hai câu cuối cùng bài Hàm Đan Thiếu Niên Hành ở Đường Thi. Hàm Đan Thiếu Niên Hành là bài hát tả một người thiếu niên ở đất Hàm Đan là Kinh đô nước Triệu đời Chiến Quốc, nổi tiếng có nhiều tay hào hiệp. Bài ca này, những câu đầu đại khái nói: Một người tuổi trẻ ở Kinh Đô Hàm Đan chơi bời với bạn bè, tốn phí hết hàng nghìn vạn lạng vàng không tiếc chút nào, mấy mươi phen liều mạng báo thù cho người khác mà không chết; nhà lúc nào cũng ồn ào đàn hát vui với trăm người khách, cửa lúc nào cũng ngổn ngang đầy xe ngựa. Tiếp đãi đông khách như thế trong mười mấy năm, mà kết cục vẫn phải than (ở hai câu kết) rằng:

[不知肝膽向誰是] = Bất tri can đảm hướng thùy thị = Chẳng biết đem gan mật mà hướng vào ai để tin cậy cho đúng,

[令人却憶平原君] = Linh nhân khước ức Bình Nguyên Quân = Khiến ta đây lại nhớ đến lời nói của Bình Nguyên Quân.

Tác giả mượn ý câu “bất tri can đảm hướng thùy thị” để nói ý Kiều nói “tôi có chí kén mãi mà chưa được người nào đáng tin cậy để gửi thân nương nhờ

tử tế được.” Còn điển tích câu nói Bình Nguyên Quân thì xin xem kể rõ ở lời chú giải số [15] dưới đây.

[13] *Vàng thau* – Những kẻ gian thương vẫn hay dùng thau làm vàng để bán cho người khờ dại. Những nhà giàu trước cũng hay dùng thau làm đồ vàng giả để lừa quân kẻ cướp. Tôi đã được xem một người mang một con trạch bằng đồng thau giả vàng đến bán cho bà cô tôi. Bà nhờ tôi xem hộ thật hay giả. Tôi cân được đúng năm lạng. Tôi bảo người bán nếu là vàng thật, thì tôi thả con trạch này xuống nước mà cân lại thì hao ít, còn bốn lạng tám đồng cân; nếu là thau chỉ còn bốn lạng là cùng. Lúc cân lại còn gần bốn lạng, anh ta vội vàng thu lại đi ngay. Lại một người đào được một hũ đầy vàng đúc hình con hến (đây là vàng giả nhà giàu chôn để lừa kẻ cướp), anh ta mừng lắm, mang giấu một gói đến nhờ tôi xem hộ. Tôi cũng dùng cách cân như trên, mà nghiệm ra bảo là thau không phải là vàng, anh ta ngăn người tiếc quá nói “rõ vợ chồng tôi được một con mừng hã.”

[14] *Lời nói hữu tình* = Lời nói có ý nghĩa tình tứ hay. Từ Hải hiệu là Kiều có ý mên phục mình lắm, muốn gửi thân nhờ mình.

[15] *Câu Bình Nguyên Quân* = Câu Bình Nguyên Quân than là xem người rất khó. Sự tích câu than ấy như sau: Bình Nguyên Quân tên là Triệu Thắng, là em vua Triệu, lại là Tướng Quốc nước Triệu. Lúc nào trong nhà cũng nuôi ba nghìn người khách. Gặp khi quân Tần vây đánh kinh đô Hàm Đan nước Triệu rất nguy cấp, ông phải đi sang cầu cứu nước Sở. Ông định kén lấy 20 người khách thật giỏi để đi cùng, mà chỉ được có 19 người. Có người khách vào hạng kém nhất xin đi theo, ông hỏi tên gì và đến ở đây từ bao giờ? Người đó nói tên là Mao Toại và đến đây đã được ba năm rồi. Ông cười nói: Người giỏi ở đời như cái dùi nhọn để trong túi, thế nào cũng phải hở mũi nhọn ra. Nay tiên sinh ở nhà tôi đã ba năm, mà tôi không được nghe chút tài nào của tiên sinh, đủ biết tiên sinh văn võ đều kém cả. Toại nói: Bây giờ tôi mới xin vào trong túi, nếu được vào túi, thì tôi sẽ hở cả chuôi ra chứ đâu chỉ hở có mũi nhọn! Ông thấy Toại nói lời lạ, mới đành cho đi cho đủ số. Khi sang tới nước Sở, Bình Nguyên Quân ngồi ở trên bàn với Sở Vương xin liên kết hai

nước Sở Triệu để chống Tần, nhưng Sở Vương sợ Tần, tìm lời từ chối mãi. Mao Toại chống gươm bước lên bực thêm hỏi Bình Nguyên Quân: Việc liên kết này tôi tưởng chỉ nói vài lời là xong, sao mà bàn từ sáng đến trưa rồi vẫn chưa quyết định được? Vua Sở mắng là sao dám lên léo nhéo nói leo, và quát thét đuổi xuống. Toại tiến gần Sở Vương nói: Việc liên kết hai nước là việc to, ai cũng có quyền bàn đến. Sao Đại Vương dám thét đuổi tôi trước mặt vua tôi? Rồi Toại kể cho Sở Vương nghe mọi lẽ Sở rất cần phải liên kết với Triệu. Chỉ vì Sở trước bỏ Triệu mà bị Tần đánh thua nhục nhiều phen. Nay Sở cần phải liên kết với Triệu để rửa những nhục đó. Sở Vương liền xin đoàn kết và làm lễ uống máu ăn thề, rồi sai tướng mang quân sang cứu. Đây là lời than của Bình Nguyên Quân khi về nước:

“Ba tác lưỡi của Mao tiên sinh mạnh hơn trăm vạn quân. Thắng này xem người đã nhiều mà bỏ rơi mất Mao tiên sinh. Từ nay về sau, Thắng không dám xem ai trong thiên hạ nữa!”

Câu Từ Hải nói “Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân” này là rất khen phục Kiều là giỏi hơn Bình Nguyên Quân, chỉ xem mình chốc lát mà biết ngay mình là anh hùng, mà muốn gửi can tràng vào mình.

Mấy câu Kiều nói: “Chút riêng chọn đá thử vàng / Biết đâu mà gửi can tràng vào đâu!” và Từ Hải nói: “...lời nói hữu tình / Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân” cho thấy tác giả đã khéo mượn hai câu thơ cổ đặt thành lời Kiều - Từ đối đáp với nhau, thật nhã nhặn thân thiết, thật thâm thúy đầy tình tứ tri kỷ, vui mến lẫn nhau. Nhưng vì ý nghĩa thì thâm thúy mà lời vẫn lại quá vắn tắt nên rất khó hiểu. Có mấy ông văn sĩ lại giảng làm là: Từ Hải tự ví mình là Bình Nguyên Quân! Ôi! Ở với Mao Toại ba năm trời mà không biết Toại tài giỏi, thì đâu phải là người có mắt tinh đời để cho Từ Hải muốn so sánh với mình!

[16] *Lượng cả bao dung* = Hạng người anh hùng độ lượng, rộng lớn, bao dung được hết thấy mọi người sang hèn, hay dở, như bể cả, sông trong, sông đục, sông lớn, sông nhỏ, sông nào chảy vào cũng nhận hết. Câu này lấy điển ở câu có người khen vua Hán Cao Tổ: “Để khoát đạt đại độ, khoan nhân ái

nhân = Tâm trí to rộng hiểu biết, và độ lượng lại rộng rãi nhân đức bao dung được mọi người.” Ý câu này nói: Kiều khen Từ Hải có độ lượng bao dung như vậy có thể làm vua được.

[17] *Tấn Dương được thấy mây rồng có phen* – Ông Lý Uyên làm quan nhà Tùy, trấn thủ ở Tấn Dương, thấy có điềm làm vua (mây rồng hiện lên ở trên) bèn lên ngôi vua, mang quân đi lấy được thiên hạ lập ra cơ nghiệp nhà Đường, tức là vua Cao Tổ nhà Đường.

[18] *Cỏ nội hoa hèn* – Kiều tự xưng mình một cách khiêm tốn, coi mình như hoa cỏ tầm thường mọc hoang ở ngoài đồng (nội = đồng).

[19] *Anh hùng đoán giữa trần ai mới già* – Câu này lấy ý ở câu chữ Hán “Vật sắc trần ai [物色塵埃]” = Xem tướng mặt mà biết được người sau này sẽ thành sự nghiệp to, từ lúc còn ở nơi gió bụi. Từ Hải khen Kiều thật là tay tài giỏi không vừa (mới già), biết mình lúc hãy còn ở trong đám gió bụi hèn mọn này.

[20] *Muôn chung nghìn tở* – Chung [鍾] = Đồ đồng cổ, theo tự điển tính ra được chừng 320 lít. Tở [駟] = Cỗ xe bốn ngựa. Muôn chung thóc và nghìn cỗ xe là bổng lộc bậc vương hầu đời xưa.

[21] *Ý hợp tâm đầu* [意合心投] = Ý hợp với nhau và tư tưởng cũng như vào đúng chỗ với nhau.

[22] *Băng nhân* = Người làm mối trong việc cưới xin.

[23] *Nguyên ngân phát hoàn* [原銀發還] = Xem số tiền vốn mua trước là bao nhiêu lượng bạc (nguyên ngân), thì lại trả đúng số bạc đó để chuộc Kiều ra.

[24] *Màn Bát Tiên* = Bức màn chung quanh có thêu hình 8 vị tiên xưa:

1- Chung Ly Quyên [鍾離權]

2- Lã Động Tân [呂洞賓]

3- Trương Quả [張果]

4- Lý Thiết Quải [李鐵拐]

5- Lâm Thái Hoà [林泰和]

6- Tào Quốc Cữu [曹國舅]

7- Hà Tiên Cô [何仙姑]

8- Hàn Tương [韓湘]

[25] *Sánh phượng, cưới rồng* – Trai lấy được vợ giỏi đẹp gọi là *sánh phượng*; gái lấy được chồng tài giỏi gọi là *cưới rồng*.

[26] *Lòng bốn phương* = Lòng ngang tàng của người anh hùng xông pha đây đó để lập nên công nghiệp to, làm vua làm tướng.

[27] *Trông vời* = Trông xa bốn phương trước mắt.

[28] *Tâm phúc tương tri* [心腹相知] = Biết lòng biết dạ anh hùng cao xa của nhau.

[29] *Nữ nhi thường tình* = Tâm tình tầm thường của đàn bà con gái quán quýt chồng con.

[30] *Bóng tinh* – Tinh [旌] là thứ cờ rước đi trước đoàn quân cho oai; bên lá cờ có giải đẹp, đầu cán cờ có mũi nhọn và có túm lông mao, lá cờ có màu năm sắc để chỉ rõ binh chủng nào.

[31] *Nghi gia* [宜家] = Đón dâu về nhà chồng. Kinh Thi có câu Chi tử vu quy, nghi nhĩ thất gia [之子于歸, 宜尔室家] = Cô ấy về nhà chồng, lập nên một gia đình êm ấm thuận hoà.

[32] *Chờ đón* = Chờ ngày làm lễ thân nghinh [親迎] đón dâu về nhà chồng.

[33] *Dứt áo* = Dứt vạt áo vợ co lại mà ra đi.

[34] *Bằng tiện* [鵬便] = Cuộc chim bằng bay bổng bay xa khi được dịp thuận tiện. Nghĩa bóng chữ “bằng tiện” để nói người hào kiệt khi gặp dịp ra đi lập công danh. Cổ nhân nói bằng là loài chim to lắm, nằm thì như quả núi, bay thì như đám mây lớn. Trang Tử nói: Khi chim bằng bay về cõi trời Nam, thì

làm nước bề nổi sóng ba nghìn dặm, rồi nhân gió cuốn lên cao mà bay một mạch chín vạn dặm. Điển chữ “bằng tiện” lấy ở lời này của Trang Tử.

[35] *Chiếc bóng song mai* – Thơ Tô Đông Pha có câu “Độc lập vô tình tự, ý song điểm mai hoa [獨立無情緒, 倚窗點梅花]” = Một mình đứng vắn vơ chẳng nghĩ gì, tựa cửa sổ mà đếm hoa mai. Câu Kiều này lấy điển ở câu thơ đó.

[36] *Then mây* [瑤砧] – Chữ Hán có câu “Vân phong vũ toả [雲封雨鎖]” = Lấy mây làm cánh cửa đóng lại, lấy mưa làm khóa khoá lại.

[37] *Sân rêu chẳng vẽ dấu giày* – Ý nói ngòi buồn ở trong nhà luôn luôn không hề ra đến sân, nên sân thì rêu mọc mà chẳng có vết giày nào in vào rêu.

[38] *Cỏ cao hơn trước* – Ý nói buồn ngán không sửa sang cắt sén cho cảnh sân gọn đẹp. Liễu gày là nói bóng đến Kiều vì buồn quá gày đi đôi chút; vì thân con gái hay nói ví mềm yếu như cây liễu.

[39] *Tử phần* [梓粉] = Hai thứ cây có hoa đẹp bóng mát. Người Tàu xưa hay trồng chúng ở quanh làng, nên văn chương hay dùng chữ “tử phần” để nói quê hương.

[40] Chữ “mây Tần” đây lấy điển ở trong câu thơ Hàn Dũ tả cảnh đi đường khi ông phải đổi quan đi xa

“Vân hoành Tần lĩnh gia hà tại? [雲橫秦嶺家何在]” = Mây chắn ngang núi Tần, nào ta có biết nhà ta ở đâu?

“Tuyết ủng Lam quan mã bất tiền [雪擁藍關馬不前]” = Tuyết ôm kín cửa đèo Lam, ngựa không lên được.

[41] *Da môi* = Da người già thường mốc mác lang lỏ như vậy đôi môi.

[42] *Ngó ý tơ lòng* – Tích này lấy điển ở câu sách Hán “Ngẫu đoạn nhi ti bất đoạn [藕斷而絲不斷]” = Cái ngó sen đứt bề rời ra rồi, nhưng tơ vẫn còn vướng với nhau. Người ta dùng ý câu này để nói tình giai gái khi đã hẹn hò

lấy nhau rồi, mà sau không lấy được nhau, thì tình vẫn không sao quên được. Ý câu này nói: Kiều tuy đã không lấy được Kim Trọng nhưng tình vẫn không sao quên hẳn được.

[43] *Cố quốc tha hương* [故國他鄉] = Lòng nhớ nước cũ ở nơi đất khách xa lạ.

[44] *Sát khí* [殺氣] = Luồng khí bốc lên bùng bùng như súi giục người ta chém giết nhau.

[45] *Kình ngạc* – Kình [鯨] = Cá voi. Ngạc [鰐] = Cá sấu. Chữ “kình ngạc” đây nghĩa bóng nói những thuyền binh có vẻ dữ mạnh.

[46] *Tiếng la* = Tiếng đánh thanh la bằng đồng để tập trung tướng sĩ lại một nơi. Thanh la là thứ nhạc khí bằng đồng hình như cái mâm, một mé có hai lỗ buộc dây xách. Trong phép hành quân nghe tiếng trống thì tiến, nghe tiếng la thì dừng lại, tụ lại.

[47] *Cung nga thê nữ* [宮娥彩女] = Những hầu gái ăn mặc lộng lẫy đủ màu sắc như các cung nữ ở trong cung vua.

[48] *Lệnh chỉ* [令旨] = Chỉ thị của vua. Đây dùng chữ “lệnh chỉ” để nói Từ Hải coi mình như vua con, riêng một góc trời.

[49] *Phượng liễn loan nghi* [鳳輦鸞宜] – “Phượng liễn” là kiệu có hình đôi chim phượng ở trước; “loan nghi” là có riềm thêu chim loan ở hai bên. Phượng liễn loan nghi là hạng xe kiệu riêng cho các bà hoàng phi công chúa.

[50] *Hoa quan* [花冠] = Mũ có trang sức bằng hoa vàng ngọc của các bà chúa đội.

Hà y [霞衣] = Áo màu đỏ hồng như màu ráng trời rực rỡ buổi chiều.

[51] *Đào vàng* = Đoàn xe đón dâu, ngoài thành xe thì nạm vàng lóng lánh, càng xe, bánh xe thì sơn màu đỏ hoa đào. (Do điển Văn xa của Ngụy Văn Đế đón nàng Tiết Linh Vân ở trong Tình Sử).

[52] *Hoả bài* [火牌] = Những lính kỵ mã có mang bài chỉ (những biển gỗ con để viết chỉ thị ngắn) hình ngọc lửa để tỏ ý khẩn cấp.

[53] *Nam đình* = Triều đình phía Nam, tức là dinh đồn Từ Hải đóng lập thành một triều đình con.

Trống châu = Trống to ở đại doanh để đánh ra lệnh cho cả ba quân.

[54] *Cá nước duyên ưa* = Do nhóm chữ “duyên hải ngư thủy [緣諧魚水]” dịch ra; nguồn gốc chữ này ở lời ông Lưu Bị nói: “Ta được Khổng Minh như cá gặp nước.”

Diễn ra văn xuôi

Câu 2165, 2166 = Thế là Kiều đành lần hồi hết ngày đêm nọ sang ngày đêm kia, vui những cảnh gió mát trăng thanh với khách ở thanh lâu. Bồng đầu có một người khách ở triều đình phía ngoài biên giới sang chơi.

Câu 2167, 2168 = Người này râu cứng như râu hùm, hàm rộng như hàm chim yến, giống hàm Trương Phi, và lông mày như con tằm nằm giống lông mày Quan Công; vai thì rộng năm tấc, mình thì cao chín thước.

Câu 2169, 2170 = Về người trông chừng súng, đường hoàng rõ là bực anh hùng hào kiệt. Võ nghệ thì các môn đánh côn đánh quyền đều không ai bằng, và cơ mưu thì cũng chẳng thua ai.

Câu 2171, 2172 = Chí khí thì thật ngang tàng, đầu đội trời, chân đạp đất coi như chẳng ai hơn mình, chẳng ai cản được bước xông pha của mình. Người khách anh hào đó họ Từ, tên Hải và vốn là người vùng Việt Đông.

Câu 2173, 2174 = Xưa nay ông ta vẫn quen những thú vẫy vùng trong cuộc xông pha giang hồ, chỉ muốn những tung hoành thiên hạ cho phỉ tài cung kiếm trời buông thả cho mình, và vững tay chèo lái đi khắp non sông bốn phương, mặt đất, đúng như câu thơ Hoàng Sào nói:

Cung kiếm nửa vai trời thả bước,

Giang sơn một mái đất cùng phương.

Câu 2175, 2176 = Khi qua chơi vùng châu Thai này, nghe tiếng đồn Kiều là bức hoa khôi lộng lẫy, tấm lòng ham chuộng gái đẹp của Từ cũng làm xiêu được chí khí anh hùng của Từ.

Câu 2177, 2178 = Từ mới đưa danh thiếp vào tận nơi lầu hồng Kiều ở. Khi hai bên cùng liếc mắt coi tướng nhau thì thấy hai lòng cùng ưa mến nhau ngay.

Câu 2179, 2180 = Từ thấy Kiều có vẻ thông minh linh lợi khác thường, mới bảo Kiều rằng: Ta đến đây là để ước mong tìm được người bạn đồng tâm đồng chí, có thể cùng mưu việc lớn được, chứ đâu có phải đến để tìm thú trăng gió lờ phờ như kẻ khác đâu!

Câu 2181, 2182 = Bấy lâu nay ta vẫn nghe người ta đồn là nàng coi thường hết thấy mọi người, chẳng thèm để ai vào cặp mắt xanh, có phải không?

Câu 2183, 2184 = Ừ, thế là phải lắm! Ở đời này có được mấy kẻ anh hùng đâu! Chỉ tính những đồ luôn cúi bó buộc mình vào trong cuộc lợi danh như cá trong chậu, chim trong lồng, những hạng người đó thì đâu nàng bỏ lòng giao kết thân tình với họ được!

Câu 2185, 2186 = Kiều nói: Thưa Người, Người dạy thế là quá lời! Thân tôi này còn có ra gì mà dám coi ai là thường nữa!

Câu 2187, 2188 = Chẳng qua lòng riêng tôi muốn kén chọn lấy một người tôi có thể nhờ vả suốt đời được, nên thử thách mọi người mãi đó thôi. Nhưng nào có biết ai đáng tin cậy được đâu, nên chưa biết đem tâm sự ruột gan mà gửi vào đâu.

Câu 2189, 2190 = Còn như những người vào cửa trước ra ngay cửa sau, ai người ta để cho tôi có thể kén chọn được ai là vàng, ai là thau, ai là kẻ hay, ai là người dở.

Câu 2191, 2192 = Từ nói: Lời nàng nói thật có tình ý lắm! Nghe câu nàng nói ta lại nhớ đến câu của Bình Nguyên Quân than nói là xem người rất khó, nuôi 3000 khách trong mấy mươi năm, mà chỉ có Mao Toại là người giỏi

nhất lại vẫn không biết! Thế mà nàng gặp ta trong chốc lát đã biết ngay ta, nàng thật giỏi hơn Bình Nguyên Quân! (Xem lời chú thích [12] và [15] ở trên).

Câu 2193, 2194 = Vậy xin nàng lại gần mà xem ta cho rõ, xem có là người nàng tin cậy được một vài phần hay không?

(Lời ghi thêm: Từ Hải tự giới thiệu mình là người tài giỏi với Kiều, như Mao Toại tự giới thiệu với Bình Nguyên Quân).

Câu 2195, 2196 = Kiều thưa rằng: Người có độ lượng cao cả, bao dung được mọi người, giống vua Hán Cao Tổ như thế, tôi chắc rằng tôi sẽ được trông thấy Người làm nên sự nghiệp to tát Đế Vương, như người ta được trông thấy rồng mây nổi lên ở đất Tấn Dương báo điềm vua Đường Cao Tổ được lên ngôi vua.

Câu 2197, 2198 = Vậy xin Người đem lòng cao cả mà thương lấy kẻ hèn mọn như cỏ đồng hoa dại này! Tấm thân bèo bọt này còn muốn phiền Người cho nhờ việc sau này nữa.

Câu 2199, 2200 = Từ nghe lời Kiều thưa vậy, vừa ý lắm gật đầu cười nói: Xưa nay đã thấy được mấy người gặp bạn tri kỷ như ta và nàng gặp nhau đây!

Câu 2201, 2202 = Thật đáng khen cho nàng có con mắt tinh đời, xem người trong đám phong trần hèn mọn mà đoán biết được ai là khách anh hùng, thế mới thật là tay tài giỏi già giặn.

Câu 2203, 2204 = Nghe một lời nàng nói đủ biết là nàng biết chí khí cao xa của ta. Đã là hạng tri kỷ của nhau như thế, thì cuộc giàu sang muôn chung nghìn tử sau này hẳn là phải có nhau để cùng hưởng!

Câu 2205, 2206 = Khi hai bên đã một ý một lòng ưa nhau hợp nhau như thế, thì có cần gì ai phải cầu ai nữa, tự nhiên là thân mật tha thiết với nhau.

Câu 2207, 2208 = Rồi ngỏ lời nói với người làm mối để sẽ làm mọi lễ cưới xin, và hoàn lại đủ số tiền vốn của nhà hàng đã xuất ra mua nàng là mấy trăm lạng bạc.

Câu 2209, 2210 = Các việc đó đã xong xuôi cả rồi, Từ công mới sửa sang một chôn phòng riêng rất thanh thoi, và sắm một bộ giường thất bảo, treo một bức màn bát Tiên để đón Kiều về ở chung.

Câu 2211, 2212 = Thế là trai anh hùng gặp gái thuyền quyên; trai thì phi nguyên lấy được vợ hay, gái thì đẹp duyên lấy được chồng giỏi.

Câu 2213, 2214 = Ở với nhau được nửa năm, tình duyên hương lửa đương thắm nồng, thì chí khí trượng phụ của Từ bỗng thúc giục Từ động lòng đến cuộc vùng vẫy bốn phương.

Câu 2215, 2216 = Chàng đưa mắt nhìn xa vùng trời bể rộng mênh mang, rồi cầm gươm lên ngựa thẳng đường ra đi.

Câu 2217, 2218 = Kiều nói: Tôi là phận gái, lấy chồng thì phải theo chồng; nay chàng đi, thiếp tôi cũng quyết lòng xin đi theo chàng.

Câu 2219, 2220 = Từ gạt đi nói: Ta với nàng đã hiểu nhau lắm là đều có lòng anh hùng cao cả, sao nàng lại vẫn chưa thoát khỏi được chút tình tâm thường đàn bà con trẻ đó?

Câu 2221, 2222 = Bao giờ trong tay ta có mười vạn quân tinh nhuệ, đi đâu thì tiếng chiêng đánh rung đất, bóng cờ bay rợp đường.

Câu 2223, 2224 = Làm tỏ rõ được mặt phi thường của ta, bấy giờ ta mới sẽ làm lễ vu quy rước nàng cùng đi với ta.

Câu 2225, 2226 = Còn như bây giờ, trong bốn bề ta chưa có nhà, nàng đi theo chỉ thêm bận bịu cho ta, chứ biết về nơi nào được!

Câu 2227, 2228 = Vậy nàng hãy tạm ở đây, chờ đợi ít lâu cái ngày ta sẽ làm lễ thân nghinh long trọng đón nàng đi đó.

Câu 2229, 2230 = Nói một lời quả quyết thế rồi Từ dứt áo ra đi, như chim bằng tới kỳ gió đưa thuận tiện bay đi nơi xa thăm mịt mù.

Câu 2231, 2232 = Từ đi rồi, Kiều lẻ loi ngơ ngẩn, ngày thì thường đứng tựa cửa sổ ngắm hoa mai đêm từng cái, tối thì đóng cửa đặng đặng thức thâu đêm.

Câu 2233, 2234 - Ngoài sân bỏ mặc mọc đầy rêu, chẳng hề có dấu giày nàng in trên rêu xanh đó.

Câu 2235, 2236 = Mỗi khi nàng trông về phương làng quê ở Bắc Kinh thì như gửi cả tâm hồn nàng đi theo đám mây xa tít về phía đó.

Câu 2237, 2238 = Nàng những xót sa thương bố mẹ già, chẳng hay bố mẹ đã khuấy khỏa khỏi thương nhớ nàng chưa?

Câu 2239, 2240 = Nàng nghĩ thoáng một chốc nàng đã xa cách bố mẹ chín mươi năm trời, may mà còn sống nữa chắc đều già lắm, da thì mốc như đồi mồi, tóc thì trắng như sương tuyết.

Câu 2241, 2242 = Nàng lại tiếc cuộc tình nghĩa cũ càng giữa nàng và chàng Kim, đành rằng nay hai bên đã lìa rẽ nhau hẳn rồi, nhưng lòng nàng không sao quên được, y như lời người ta nói “ngó sen dù bẻ đôi, tơ lòng còn chưa đứt.”

Câu 2243, 2244 = Nếu em Vân mà nói nghĩa lấy chàng, thì may ra đã mấy con, tay bông, tay bé rồi.

Câu 2245, 2246 = Lòng nàng phần nhớ tưởng quê cũ, phần thì đau cảnh lưu lạc quê người, thật là trăm đường kia, nghìn nỗi nọ, làm cho ruột gan nàng rối nghĩ toi bời.

Câu 2247, 2248 = Hết nhớ nhà thương cảnh, lại ngóng người đi mưu việc cao xa, như con chim hồng trắng cánh bay trên trời cao thẳm, mà nàng dăm dăm mong nhìn đã mòn đôi mắt vẫn chẳng thấy tin tức gì về.

Câu 2249, 2250 = Đương lúc nàng ngày đêm âm thầm buồn bã, thì bỗng thấy binh lửa âm âm nổi lên ở một phương nọ.

Câu 2251, 2252 = Rồi thấy một vùng sát khí bốc lên lơ mờ cao ngát trời đáng sợ, rồi liền đó trên bộ thì lính mặc áo giáp kéo đến chật đường, dưới sông thì đầy những chiến thuyền to mạnh đáng sợ như cá voi cá sấu.

Câu 2253, 2254 = Những người quen thuộc chung quanh hàng xóm khuyên nàng hãy tạm tránh đi nơi khác cho qua lúc nguy hiểm này.

Câu 2255, 2256 = Nhưng nàng nói: Trước kia chồng tôi đã hẹn sẽ đến đón tôi ở đây. Bây giờ dẫu nguy hiểm thế nào, tôi cũng ở đây để đợi, không dám sai bỏ lời hẹn.

Câu 2257, 2258 = Trong lúc nàng còn đương ngỡ ngàng dùng dằng chưa biết tính sao, thì mẹ ngoài đã thấy bóng cò tinh tiến đến và tiếng thanh la đánh từng hồi.

Câu 2259, 2260 = Rồi binh sĩ quay lại quanh nhà, đồng thanh đưa lời lên thưa rằng: Nào xin mời Bà Phu Nhân ra cho chúng tôi lạy chào!

(Lời ghi: Câu “Nào là phu nhân” này, tôi không hiểu rõ tiếng cổ đích xác là thế nào, hãy xin tạm diễn giải như lời trên, mong ai hiểu rõ phụ chính cho, cảm ơn).

Câu 2261, 2262 = Khi thấy nàng ra rồi, hai bên có mười vị tướng quân đặt gương xuống, cởi áo giáp ra, làm lễ lạy chào ở trước sân.

Câu 2263, 2264 = Tiếp sau là bọn cung nga, thể nữ áo mũ lộng lẫy ra lạy chào và kính cẩn thưa rằng: Kính thưa Lệnh Bà, lũ thần thiếp chúng tôi vâng lệnh đức Đại Vương đến kính đón rước Lệnh Bà làm lễ vu quy.

Câu 2265, 2266 - Họ sắp sửa sẵn sàng đủ cả nghi vệ rực rỡ, sang trọng hết sức. Kiệu nàng ngồi đằng trước có đôi chim phượng vàng mỏ ngậm chuông khánh, chung quanh kiệu có những bức nghi môn thêu hình chim loan. Mũ nàng đội lông lánh những hoa vàng ngọc, áo nàng mặc bằng gấm đỏ như màu ráng hồng đẹp buổi chiều, trông thật rõ ràng.

Câu 2267, 2268 = Khi những cung nga thể nữ đã phù nàng lên kiệu rồi, thì quân tướng dựng cờ nổi trống rước dâu lên đường, có phường nhạc đàn sáo đi trước kiệu, sau kiệu có đoàn xe các cung nga thể nữ, xe nào cũng thành xe nạm vàng, bánh xe sơn đỏ màu hoa đào.

Câu 2269, 2270 = Một toán lính kỵ mã mang hỏa bài chạy trước lần lượt phi báo là dâu đã đến từng trạm nào cho Từ công biết. Khi sắp đến, đã xa xa nghe tiếng trống to ra hiệu lệnh, vang động ở đồn Đại quân Triều đình cõi Nam.

Câu 2271, 2272 = Khi dâu đến nơi, thì cò trên lũy kéo lên phát pháo, súng trên thành bắn mừng đi ùng ùng để chào mừng, và Từ công cười ngửa ra cửa ngoài làm lễ thân nghinh.

Câu 2273, 2274 = Nàng ngắm Từ công rực rỡ cân đai tuy có vẻ lạ thật, nhưng vẫn râu hùm hàm yến như ngày trước.

Câu 2275, 2276 = Từ công cười nói: Chúng ta phận đẹp duyên ưa như cá gặp nước. Nàng còn nhớ lời ta nói với nàng ngày nào trước đây không? (tức là những câu 2221-2224).

Câu 2277, 2278 = Nàng thật là tay anh hùng, nên mới biết được ta là anh hùng. Nay nàng thấy chúng ta được thế này, phỏng đã hả lòng nàng mong ước hồi xưa đó chưa?

Câu 2279, 2280 = Nàng nói: Thiếp tôi là một gái ngây thơ, nay tâm thân hèn yếu bìm sẩn của thiếp này được nhờ bóng cả cây cao của chàng thế này thật là may lắm!

Câu 2281, 2282 = Tuy bây giờ mới thấy sự nghiệp oanh liệt như vậy, nhưng thật ra lòng thiếp đã cảm chắc từ ngày mới biết nhau được một hai hôm rồi!

Câu 2283, 2284 = Rồi hai người cùng nhìn nhau cười to vui vẻ, và đan tay nhau vào trong trống nói truyện thơ tình trước sau.

Câu 2285, 2286 = Lễ thân nghinh xong, mới mở một bữa tiệc thưởng tướng khao quân, trống trận nhạc quân vang lên thật hào hứng.

Câu 2287, 2288 - Cuộc vinh hoa này thật bỏ lúc phong trần trước và chữ tình càng ngày càng thêm đậm thắm, thêm xuân tươi.

Những câu có ý móc nối, than thở, mỉa mai

(1) Hai câu đầu chuyên xuống đoạn này, câu “Lần đầu gió mát trăng thanh” trên thì liên tiếp với cảnh ở thanh lâu đoạn trước, dưới thì báo trước điềm Kiêu được thanh thản, mát mặt mấy năm.

(2) Câu “Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa” móc nối thật rộng với nhiều câu trên, dưới, xa, gần. Chữ “liếc” đây nghĩa là liếc mắt xem tướng để xét thần sắc hiện ra ngoài mặt có đúng với những điều mình trông thấy hay nghe thấy ở bên ngoài không. Từ Hải thì liếc xem thần sắc Kiều có xứng đáng với tiếng đồn là “Mắt xanh chẳng để ai vào” không; nên khi liếc thấy tâm hồn Kiều hiện ra mặt có vẻ cao siêu phi thường rồi, lòng Từ rất ưa, mà nói ngay câu “Tâm phúc tương cò (tương kỳ), rồi sau lại nói câu: “Lại đây xem lại cho gần” chứ mới liếc xa thế thì chưa biết rõ lòng ta được.

(3) Kiều thì liếc coi thần sắc Từ Hải xem chí khí trong tâm hồn hiện ra mặt có xứng đáng với “bộ râu hùm hàm yến mày ngài” không; nên khi nàng liếc thấy chí khí anh hùng trong tâm hồn Từ hiện ra đúng với tướng anh hùng bên ngoài rồi, nàng liền tỏ ý muốn “gửi can tràng vào” ngay.

(4) Câu “Lại đây xem lại cho gần, Phỏng tin nhau được vài phần hay không?” ứng với câu “Chút riêng chọn đá thử vàng / Biết đâu mà gửi can tràng vào đâu.” Kiều nói chưa chọn được ai để gửi can tràng, nên Từ xin Kiều lại gần mà xem rõ liệu có tin nhau mà gửi can tràng vào nhau được không.

(5) Câu “Đến bây giờ mới thấy đây / Mà lòng đã chắc những ngày một hai” ứng với câu “Thưa rằng lượng cả bao dung / Tấn Dương được thấy mây rồng có phen.”

(6) Những câu tả cuộc đón dâu linh đình, nào tướng sĩ, nào cung nga thể nữ, nào phượng liễn loan nghi, ứng với mấy câu Từ hẹn Kiều:

“Bao giờ mười vạn tinh binh / Tiếng chiêng dậy đất bóng tinh rợp đường / Làm cho tỏ mặt phi thường / Bây giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.”

(7) Trong đoạn này có hai chữ, nếu chỉ đọc qua thì thấy rất tầm thường, không đáng kể lại đáng chê nữa, nhưng suy nghĩ kỹ thì thấy là hai chữ rất quan trọng trong đoạn, đó là chữ “liếc” ở câu “Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa” và chữ “đón” ở câu “Đành lòng chờ đón ít lâu.” Ý liên hệ của chữ “liếc” thì đã nói trên, vì liếc mắt xem thần sắc mặt nhau mà hai bên cùng sinh

phục mền lẫn nhau. Chữ “đón” cũng vậy, vì có hẹn rồi sẽ làm lễ thân nghinh đón Kiều mà sinh cuộc đón đủ nghi vệ linh đình.

(8) Câu lục bát “Còn như vào trước ra sau / Ai cho kén chọn vàng thau tại mình” cũng vậy. Mới đọc qua tưởng là vu vơ hình như thừa, chỉ đặt ép để liền vần, nhưng suy nghĩ kỹ thì biết Kiều kết lời nàng bằng câu này rất có thâm ý, yêu cầu Từ Hải phải lưu ý đến nàng, chớ bỏ nàng ra ngay như ai vào trước ra sau, mà nàng không kén chọn cho biết đích là vàng hay thau. Từ Hải biết ý nàng đã lưu ý đến mình, nên phải khen là “lời hữu tình”, và xin nàng “Lại đây xem lại cho gần / Phỏng tin nhau được vài phần hay không.”

(9) Suốt đoạn đối thoại lần đầu giữa Từ Hải và Kiều, tác giả kể rất đầy đủ tình ý và rất có thứ tự từ nông vào sâu cho đến kết cục là thành đôi bạn tâm phúc tương tri, lược kể như sau:

(a) Lúc mới thì Từ Hải chỉ “Hoa khôi mộ tiếng Kiều nhi” mà vào gặp nhau, và Kiều chỉ mới biết tên Từ trong danh thiếp;

(b) Khi hai bên cùng liếc nhìn xem thần sắc mặt nhau, biết nhau là cùng có tâm hồn cao cả khác người hiện ra ngoài mặt rồi, thì sinh lòng và quý nhau, và bắt đầu nói truyện để tỏ cho nhau biết là hiểu lòng nhau, quý phục nhau;

(c) Từ ngỏ lời là: Đến để mong tìm được người bạn tâm phúc, chứ không phải là tìm thú gió trăng, và khen Kiều biết khinh lũ “cá chậu chim lồng” là phải;

(d) Kiều biết Từ khen mình như vậy là vừa tỏ lòng quý mình, vừa có ý tự giới thiệu Từ không phải là hạng người tầm thường để cho mình để ý tới Từ, nên nàng mới trả lời là nàng đâu dám khinh ai. Sở dĩ tôi không để ai vào mắt, là vì tôi muốn chọn lấy một người tôi có thể tin cậy nhờ vả được, mà chưa chọn được ai đó thôi. Rồi nàng than thở ai cũng khinh nàng vào lại ra ngay, không để nàng kén chọn;

(e) Từ biết Kiều tuy mền mình nhưng chưa thật lòng tin mình, vội khen lời Kiều có tình ý hay, và xin nàng lại gần mà xét lại xem có tin được phần nào không;

(f) Và khi được Kiều phục mình là có độ lượng, bao dung, muốn đem thân nhờ vả, Từ liền vui cười khen nàng là có mắt tinh đời, và nhận lời ngay với câu “Muôn chung nghìn tứ ắt là có nhau.”

Đoạn này (từ câu 2165 đến câu 2288) thật đủ ý đủ tình, lời văn đúc chuốt lưu loát, vừa đẹp vừa hay, vừa thâm thúy, thật là một đoạn văn kiệt tác nhả ngọc phun châu.

CHƯƠNG 24

CÂU 2289 ĐẾN CÂU 2438

“Tha người tri quá, cứ phép gia hình”

2289. Trong quân có lúc vui vầy,
Thong dong mới kể sự ngày hàn vi: [1]
2291. Khi Vô Tích, khi Lâm Truy,
Nơi thì lừa đảo, nơi thì xót thương.
2293. Tấm thân rày đã nhẹ nhàng,
Chút còn ân oán đôi đàng chưa xong.
2295. Từ Công nghe nói thủy chung,
Bất bình nổi trận đùng đùng sấm vang.
2297. Nghiêm quân tuyển tướng sẵn sàng,
Dưới cờ một lệnh vội vàng ruổi sao. [2]
2299. Ba quân chỉ ngọn cờ đào, [3]
Đạo ra Vô Tích, đạo vào Lâm Truy,
2301. Mấy người phụ bạc xưa kia,
Chiếu danh tâm nã bắt về hỏi tra. [4]
2303. Lại sai lệnh tiễn truyền qua, [5]
Giữ gìn họ Thúc một nhà cho yên.
2305. Mụ quản gia, vãi Giác Duyên,
Cũng sai lệnh tiễn đem tin rước mời.
2307. Thệ sư kể hết mọi lời, [6]
Lòng lòng cũng giận, người người giúp uy !
2309. Đạo trời báo phục chín ghê,
Khéo thay! Một mẻ tóm về đầy nơi, [7]
2311. Quân trung gươm lớn giáo dài,
Vệ trong thị lập, cơ ngoài song phi. [8]
2313. Sẵn sàng tề chỉnh uy nghi,
Bác đòng chặt đất, tinh kỳ rợp sân. [9]

2315. Trống hùm mở giữa trung quân, [10]

Từ Công sánh với phu nhân cùng ngồi.

2317. Tiên nghiêm trông chửa dứt hồi [11]

Điểm danh trước dẫn chực ngoài cửa viên [12]

2319. Từ rằng: “Ân, oán hai bên,

Mặc nàng xử quyết báo đền cho mình”

2321. Nàng rằng: “Nhờ cậy uy linh,

Hãy xin báo đáp ân tình cho phu. [13]

2323. Báo ân rồi sẽ giả thù”.

Từ rằng: “Việc ấy phó cho mặc nàng.”

2325. Cho gươm mời đến Thúc lang,

Mặt như chàm đỏ, mình giường giẽ run. [14]

2327. Nàng rằng: “Nghĩa trọng nghìn non,

Lâm chi người cũ, chàng còn nhớ không?

2329. Sâm, Thương chẳng vẹn chữ tòng, [15]

Tại ai, há dám phụ lòng cố nhân?

2331. Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân,

Tạ lòng dễ xứng, báo ân gọi là!

2333. Vợ chàng quý quái tinh ma,

Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau! [16]

2335. Kiến bò miệng chén chưa lâu,

Muru sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa.”

2337. Thúc Sinh trông mặt bấy giờ,

Mồ hôi chàng đã như mưa ướt đầm.

2339. Lòng riêng mừng sợ khôn cầm,

Sợ thay mà lại mừng thắm cho ai. [17]

2341. Mụ già, sư trưởng thứ hai,

Thoắt đưa đến trước, vội mời lên trên:

2343. Dắt tay mở mặt cho nhìn:

Hoa Nô kia với Trạc Tuyền cũng tôi.

2345. Nhớ khi lỡ bước sẩy vời, [18]

Non vàng chưa dễ đền bồi tấm thương. [19]

2347. Nghìn vàng gọi chút lễ thường,

Mà lòng phiêu mẫu mấy vàng cho cân?" [20]

2349. Hai người, trông mặt tàn ngần,

Nửa phần khiếp sợ, nửa phần mừng vui.

2351. Nàng rằng: "Xin hãy rón ngói,

Xem cho rõ mặt, biết tôi báo thù!

2353. Kíp truyền chư tướng hiển phù, [21]

Lại đem các tích phạm đồ hậu tra. [22]

2355. Dưới cờ, gươm tuốt nắp ra,

Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư. [23]

2357. Thoạt trông nàng đã chào thưa:

"Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây?"

2359. Đàn bà dễ có mấy tay,

Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan?

2361. Dễ dàng là thói hồng nhan,

Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều!

2363. Hoạn Thư hôn lặc phách xiêu,

Khẩu đầu dưới trướng, giờ điều kêu ca. [24]

2365. Rằng: "Tôi chút dạ đàn bà,

Ghen tuông thì cũng người ta thường tình,

2367. Nghĩ cho khi gác viết kinh, [25]

Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo. [26]

2369. Lòng riêng riêng cũng kính yêu;

Chồng chung, chưa dễ ai chiều cho ai.

2371. Trót lòng gây sự chông gai,

Còn nhờ lượng bề thương bài nào chẳng?"

2373. "Khen cho: Thật đã nên rằng,

Khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời,

2375. Tha ra thì cũng may đời,

Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.

2377. Đã lòng tri quá thì nên,” [27]
Truyền quân lệnh xuống tướng tiền tha ngay .
2379. Tạ lòng lạy trước sân mây,
Cửa viên lại dất một dây dẫn vào,
2381. Nàng rằng: “Lồng lộng trời cao,
Hại nhân, nhân hại sự nào tại ta! [28]
2383. Trước là Bạc Hạnh, Bạc Bà,
Bên là Ứng, Khuyển, bên là Sở Khanh.
2385. Tú Bà với Mã Giám Sinh,
Các tên tội ấy đáng tình còn sao?”
2387. Lệnh quân truyền xuống nội đao, [29]
Thề sao thì lại cứ sao gia hình,
2389. Máu rơi thịt nát tan tành,
Ai ai trông thấy, hồn kinh phách rời.
2391. Cho hay muôn sự tại trời,
Phụ người, chẳng bỏ khi người phụ ta !
2393. Mấy người bạc ác tinh ma,
Mình làm mình chịu, kêu mà ai thương.
2395. Ba quân đông mặt pháp trường, [30]
Thanh thiên, bạch nhật rõ ràng cho coi.
2397. Việc nàng báo phục vừa rồi, [31]
Giác Duyên vội đã gởi lời từ qui. [32]
2399. Nàng rằng: “Thiên tải nhất thì, [33]
Cố nhân đã dễ mấy khi bàn hoàn. [34]
2401. Rồi đây bè hợ mây tan,
Biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu!” [35]
2403. Sư rằng: “Cũng chẳng mấy lâu,
Trong năm năm lại gặp nhau đó mà.
2405. Nhớ ngày hành cước phương xa, [36]
Gặp sư Tam Hợ vốn là tiên tri.
2407. Bảo cho hội hợ chi kỳ, [37]

Năm nay là một, nữa thì năm năm.
2409. Mới hay tiền định chẳng làm,
Đã tin điều trước, ắt nhằm điều sau.
2411. Còn nhiều ân nghĩa với nhau,
Cơ duyên nào đã hết đâu vội gì?”
2413. Nàng rằng: “Tiền định tiên tri,
Lời sư đã dạy ắt thì chẳng sai.
2415. Họa bao giờ có gặp người,
Vì tôi cậy hỏi một lời chung thân.” [38]
2417. Giác Duyên vâng dặn ân cần,
Tạ từ thoát đã dời chân cõi ngoài. [39]
2419. Nàng từ ân oán sạch rồi,
Bể oan đường đã vui vui cạnh lòng.
2421. Tạ ân lạy trước Từ công:
“Chút thân bồ liễu nào mong có rày!
2423. Trộm nhờ sấm sét ra tay,
Tác riêng như cát gánh đầy đổ đi!
2425. Chạm xương chép dạ xiết chi, [40]
Để đem gan óc đền nghì trời mây!” [41]
2427. Từ rằng: Quốc sĩ xưa nay, [42]
Chọn người tri kỷ một ngày được chẳng?
2429. Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
Giữa đường đâu thấy bất bằng mà tha! [43]
2431. Huống chi việc cũng việc nhà,
Lọ là thâm tạ mới là tri ân.
2433. Xót nàng còn chút song thân,
Bấy nay kẻ Việt người Tần cách xa.
2435. Sao cho muôn dặm một nhà,
Cho người thấy mặt là ta cam lòng.”
2437. Vội truyền sửa tiệc quân trung, [44]

Đính chính và xác định

Câu 2308 – *Lòng lòng cùng giận, người người giúp uy* – Chữ “giúp uy” câu này nghĩa là ai cũng tỏ vẻ hăng hái để giúp cho khí oai hùng của quân được thêm mạnh mẽ, chữ Hán là [助威] trợ uy (= giúp uy). Vì chữ “giúp” nôm viết là [𨔵] = “trợ” trên chữ “chấp” [執]. Vì chữ này viết khó quá nên nhiều bản Kiều nôm bỏ nửa trợ [助] trên, chỉ viết và khắc có nửa chấp [執] dưới. Bởi vậy nhiều người không nghĩ vẫn đọc là chấp uy thành ra vô nghĩa. Bản Kiều hai ông Kim Kỳ cũng dịch là chấp uy và giảng qua loa chẳng ra nghĩa gì cả.

Câu 2310 – *Khéo thay một mẽ tóm về đầy nơi* – Chữ “đầy nơi” trong câu này nghĩa là bắt được đầy đủ khắp mọi nơi không thiếu kẻ tội phạm nào. Vì chữ “đầy nơi” tối nghĩa, nên có người đổi ra “đòi nơi,” nhưng nghĩa vẫn không thanh thoát, lại thiếu ý bắt được đầy đủ mọi kẻ.

Câu 2314 – *Bác đồng chặt đất, tinh kỳ dọp sân* – Chữ “bác” bản nôm viết là [鑊] nghĩa là thứ giáo có 2, hoặc 3 mũi, ta thường gọi là cái đinh ba. “Đồng” là thứ giáo có một mũi, lúc ai bị giáo đâm thường nói bị một mũi đồng. Vì chữ “đồng” nôm viết là [銅] (đồng), các bản Kiều nôm đều theo nguyên âm chữ [銅] mà dịch hai chữ này là “bác đồng” và cho nghĩa là súng “đại bác bằng đồng.”

Câu 2326 – *Mặt như chàm đỏ, mình dường giẽ run* – Nghĩa nói Thúc Sinh sợ quá, mặt thì xám xanh như đổ nước chàm nhuộm xanh vào, mình thì run cầm cập như chim giẽ bị bắt. “Giẽ” là loài chim chân cao mỏ dài như cò, và cũng to như cò, lông màu nâu, đi ăn đêm; khi bị bắt thì run nhiều quá rồi gầy rạc mà chết, nên khi người bẫy chim bắt được giẽ thì bóp chết ngay mà bán, ăn mới ngon. Vì chữ “run” có nhiều bản nôm viết là [𧈧] (giun = con giun) nên nhiều bản quốc ngữ in là giẽ giun, làm ra “con giẽ ăn giun” thật ngon bổ của nhà săn bắn, thật là vô vị ở câu này. Cũng có bản Kiều nôm đổi chữ “giẽ run” ra làm “cây run” lấy điển ở lời tục ngữ “run như cây sậy” nghe lời kém thanh nhã, kém âm điệu.

Câu 2411 – Chữ “ân nghĩa” câu này, nhiều bản Kiều quốc ngữ in là “ân ái” thật sai quá, đáng nực cười!

Chú giải và dẫn điển

[1] *Hàn vi* [寒微] = Lúc còn đói rét hèn mọn.

[2] *Ruổi sao* = Do chữ Hán “tinh trì” [星馳] mà ra. “Tinh” = sao; “trì” = đi mau vội; nghĩa bóng là đi cho mau chóng suốt ngày đêm, đội sao mà đi.

[3] *Ba quân* – Khi quân đi thì “ba quân” = tiền quân (toán quân đi trước); “trung quân” (toán quân đi giữa); hậu quân (toán quân đi sau). Khi tiến quân hàng ngang vào trận thì ba quân = trung quân + tả quân + hữu quân.

[4] *Chiếu danh tầm nã* [照名尋拿] = Chiếu xem từng tên ở trong sổ biên tên mà tìm bắt cho kỳ được.

[5] *Lệnh tiễn* [令箭] – Nghĩa đen hai chữ “lệnh tiễn” = cái tên truyền lệnh; đây là cái tên có ghi danh hiệu của ông tướng để cầm đi làm tin.

[6] *Thệ sư* [誓師] = Lễ cúng trời, đất, quỷ, thần để quân sĩ thề trước khi ra đi = Không những nhiều dân và hết sức làm theo mệnh lệnh, không dám sai.

[7] *Tóm về một mẻ* = Bắt được tất cả như quăng một mẻ lưới bắt được hết cá. Câu này dịch ở câu chữ Hán “Nhất võng đả tận [一網打尽] = Một mẻ lưới bắt được hết.”

[8] *Vệ* [衛] = Những toán lính đặt ở gần vua, tướng để hộ vệ vua, tướng. “Thị lập” = Đứng hầu. “Cờ” = Những đội lính đóng ở bên ngoài doanh trại. “Song phi” [雙披] = Đứng dàn ra hai bên.

[9] *Bác* [鑄] = Thứ giáo có 3 mũi, ta gọi là cái đinh ba. “Đòng” = Thứ giáo có một mũi nhọn và hai đĩa sắc. Các bản Kiều Quốc ngữ đều dịch lầm hai chữ “bác đòng” ra “bác đồng” và cho nghĩa là súng đại bác bằng đồng, thật là quá sai.

- [10] *Trướng hùm* = Cái lều bằng da hổ.
- [11] *Tiên nghiêm* [先嚴] = Ba hồi trống đánh lúc sắp bắt đầu mở cuộc tế lễ hay hội họp quan trọng để báo cho ai nấy nghiêm chỉnh giữ trật tự. Trong cuộc tế lễ quan trọng, bắt đầu xướng: Cổ sơ (tiên) nghiêm! Cổ nhị nghiêm! Cổ tam nghiêm!
- [12] *Cửa viên* = Do chữ Hán là “viên môn” [轅門] dịch ra. Viên = Đôi càng xe. Trước đồn đóng quân thường dựng hai dãy càng xe lên làm cửa đồn, nên gọi cửa đồn quân là viên môn.
- [13] *Phu* = Do chữ Hán “phu” [敷] = đầy đủ, đáng công, đáng ơn.
- [14] *Giẽ giun* = Sợ run bần bật như chim giẽ bị bắt (Xem lời đính chính câu 2326 trên này).
- [15] *Sâm Thương* – Hai sao Sâm và sao Thương nguyên vẫn là một ngôi Kim tinh. Lúc mặt trời sắp lặn chiều hôm trước thì ta trông thấy Kim tinh ở xế về phía tây ta gọi là sao hôm tức là sao Sâm [參]; sáng sớm ta trông Kim tinh ở xế phương đông, gọi là sao mai tức là sao Thương [商]. Ta thấy vậy lầm tưởng là hai sao, một ngôi mọc buổi chiều, một ngôi mọc buổi sớm, không bao giờ gặp nhau, nên gọi hai người không được gặp nhau nữa là Sâm, Thương.
- [16] *Kẻ cắp bà già gặp nhau* – Kẻ cắp thì tinh ranh, nhanh nhẹn; bà già thì lờ mờ chậm chạp, thế mà tình cờ có khi bà già túm được tay kẻ cắp ăn cắp của mình. Kiêu ví mình như bà già, Hoạn Thư như kẻ cắp, đứng với câu “quỷ quái tinh ma” ở trên.
- [17] *Sợ thay mà lại mừng thâm cho ai* – Thúc Sinh thấy Kiêu nói vậy, rất sợ cho tính mạng Hoạn Thư, nhưng thấy Kiêu còn sống mà được hiển vinh nên rất mừng.
- [18] *Sẩy vời* = Gặp bước khốn khổ như sẩy chân ngã xuống bể rộng. Đối với mục quản gia thì nói lúc bị Hoạn Bà đánh, được mục săn sóc khuyên nhủ; đối với Giác Duyên thì nói lúc đêm trốn bơ vơ được Sư vui nhận cho ở am Chiêu Ân.

[19] *Non vàng* = Núi vàng. *Tấm thương* = Lòng thương xót.

[20] *Phiếu Mẫu* [漂母] = Bà thợ giặt quần áo. Hàn Tín lúc còn hàn vi phải câu cá kiếm ăn. Bà Phiếu Mẫu ra sông giặt thấy Tín ngồi câu suốt ngày chẳng ăn gì, mới mỗi ngày đem mấy bát cơm ra cho Tín ăn, trong mấy mươi hôm. Sau Tín giúp vua Hán Cao Tổ đánh được Hạng Vũ, được phong làm Tề Vương, sai người tìm Phiếu Mẫu mời về tạ ơn nghìn vàng. Người sau có câu “Bát cơm Phiếu Mẫu đền ơn nghìn vàng.”

[21] *Hiến phù* – “Hiến” [獻] = Dâng. “Phù” [俘] = Kẻ tù bị bắt. “Hiến phù” = Đem lũ tù lên trình.

[22] *Các tích phạm đồ* = Lũ tù có tội. *Hậu tra* [候查] = Đợi để tra xét.

[23] *Thủ phạm* [首犯] = Kẻ phạm tội to nhất, đáng xét đầu tiên.

[24] *Giờ điều kêu ca* = Kể rõ ra mọi điều để van xin. Có bản Kiều đổi ra “Lựa lời kêu ca” là không đúng lý ở chỗ này, vì Kiều có hỏi câu nào đâu mà lựa lời kêu van.

[25] *Khi gác viết kinh* – Câu này nhắc ngầm lại sự bắt được Kiều than thở với Thúc Sinh ở gác Quan Âm, mà Hoạn Thư lờ đi không nói gì, vui lòng tha thứ.

[26] *Khi ra khỏi cửa dứt tình chẳng theo* – Câu này nhắc ngầm lại sự khoan hồng không truy nã khi Kiều ăn cắp đồ vàng bạc trốn đi.

[27] *Tri quá* = Tự biết tội lỗi của mình.

[28] *Hại nhân, nhân hại* = Mình làm hại người ta, thì lại bị người ta làm hại mình.

[29] *Nội đao* [内刀] = Bọn đao phủ thủ ở trong dinh, trong trại quân, giữ việc chém giết kẻ có tội tử hình.

[30] *Pháp trường* = Nơi để thi hành án tử hình.

[31] *Báo phục* [報復] = Báo ơn và trả thù.

[32] *Từ quy* [辭歸] = Từ giã nhau để ra về.

[33] *Thiên tải nhất thì* [千載一時] = Nghìn năm một dịp, tức là lâu lắm mới có một dịp may gặp nhau.

[34] *Bàn hoàn* [盤桓] = Quanh quẩn ở mãi với nhau.

[35] *Hạc nội mây ngàn* – Trong Hồng Lô Mộng có câu “Đã hạc nhàn vân lai khứ vô câu thúc [野鶴閒雲,來去無拘束]” = Người đi tu như chim hạc ngoài đồng, như đám mây bay trên trời, muốn đi đâu, không bị gì bó buộc.

[36] *Hành cước* [行脚] = Đi bộ, đi bằng chân. Các sư đi đạo cảnh chùa không bao giờ đi xe ngựa, nên gọi là hành cước. Vua Trần Nhân Tông tu ở chùa Yên Tử (Hải Dương) đi bộ 800 dặm đường về Thăng Long thăm bà chị bệnh nặng, chỉ có một tiêu đi theo.

[37] *Hội họp chi kỳ* = Kỳ hội họp với nhau.

[38] *Lời chung thân* = Lời đoán trước cho biết cuộc đời của nàng sẽ kết liễu như thế nào. (Câu này mào đầu cho sự Sư Tam Hợp bảo Giác Duyên kết lưới đón Kiều khi Kiều tự tử ở sông Tiền Đường, và rồi Kiều lại được sung sướng gặp gia đình, gặp Kim Trọng).

[39] *Cõi ngoài* = Do chữ phương ngoại [方外] dịch ra, nghĩa là ngoài cõi sống của người đời, tức là cõi tiên.

[40] *Chạm xương chép dạ* = Do câu chữ Hán “Minh tâm, khắc cốt [銘心刻骨]” dịch ra. “Minh” [銘] là làm thành lời văn để khắc vào đồng, vào bia để ghi công đức. “Minh tâm” là ghi nhớ mãi mãi như chạm khắc vào lòng. “Khắc cốt” là nhớ mãi như khắc vào xương cho chết cũng không quên.

[41] *Gan óc đèn nghè* – Câu này dịch ở câu chữ Hán “Can não đồ địa [肝腦塗地] = Gan óc nát thành bùn lằm ở đất ra, và ý nói dầu đem gan óc làm nát ra cũng chưa đủ để đền ơn. Bài hịch Trần Lâm kể tội để đánh Tào Tháo có câu: “Tháo nay nó đã có ý cướp ngôi vua rồi, vậy chính là lúc những bậc trung thần phải ‘can não đồ địa’ để báo ơn vua.” Thành ngữ “can não đồ địa” lấy điển ở câu bài hịch đó.

[42] *Quốc sĩ* = Hạng người cả nước đều cho là giỏi.

[43] Câu này nghĩa là người anh hùng khi gặp việc bất bình, dẫu chẳng can thiệp gì đến mình, cũng chẳng tha kẻ làm việc bất bình đó.

[44] Nghĩa câu này là mở tiệc ở giữa trong đám quân ngũ.

45/ Hội đồng tảo oan là họp mọi người lại mở tiệc ăn mừng và cầu nguyện cho mọi người bị hành hình khỏi bị oan nghiệp.

Diễn ra văn xuôi

Câu 2289, 2290 = Ở trong đồn quân, nhân lúc truyện trò vui vẻ với Từ Công, nàng mới thông dong kể mọi nỗi khổ sở của nàng khi còn hàn vi:

Câu 2291, 2292 = Nào là bị Mã Giám Sinh và Tú Bà ở Lâm Truy đánh lừa mua về đánh tàn nhẫn bắt vào thanh lâu; nào là bị Hoạn Thư bắt về Vô Tích hành hạ, bắt làm con đòi khổ sở đáng thương.

Câu 2293, 2294 = Rồi nàng nói tiếp: Thân tôi bây giờ, tuy bên ngoài mặt được nhẹ nhàng, thành thoi, nhưng trong lòng đầy nặng những ân oán, ân chưa đền được, oán chưa báo được, lúc nào cũng bận rộn bên lòng.

Câu 2295, 2296 = Từ Công nghe hết trước sau truyện nàng kể, thấy những nỗi bất bình ấy, bỗng nổi giận đùng đùng như sấm sét.

Câu 2297, 2298 = Liền sắp quân nghiêm chỉnh, kén tướng sẵn sàng và họp ở dưới cờ, rồi ra lệnh cấp tốc đi cho nhanh suốt ngày suốt đêm ở dưới bóng trăng sao.

Câu 2299, 2300 = Ba toán quân đạo nào cũng cứ tiến thẳng theo cờ đầu đạo ấy mà đi; một đạo đi ra huyện Vô Tích bắt Hoạn Thư, Ứng, Khuyển và lũ họ Bạc; một đạo đi vào huyện Lâm Truy bắt Tú Bà, Sở Khanh, Mã Giám Sinh.

Câu 2301, 2302 = Những kẻ lừa đảo phụ bạc kia xưa đó, cứ chiếu tên từng đưa ra mà bắt cho được đem về tra xét trị tội.

Câu 2303 đến 2306 = Lại sai một toán quân cầm lệnh tiễn truyền cho quân sĩ phải giữ gìn cho gia đình họ Thúc được bình yên. Về phần mục Quản gia và vãi Giác Duyên, cũng sai một toán cầm lệnh tiễn đi mời về.

Câu 2307, 2308 = Trước khi hai đạo quân ra đi, có làm lễ thệ sư, kể hết mọi lời cho quân sĩ nghe, khiến lòng người nào cũng tức giận và reo hò hăng hái giúp cho quân khí thêm oai hùng.

Câu 2309, 2310 = Nghĩ đạo trời quả báo lại những kẻ độc ác thật đáng sợ, quân đi một chuyến tóm về đầy đủ những kẻ có tội ở khắp mọi nơi, rõ thật là lưới trời lồng lộng chẳng kẻ gây tội ác nào thoát được.

Câu 2311, 2312 = Trong đồn quân đóng đầy những gươm lớn, giáo dài trông hoa cả mắt. Bên trong dinh tướng thì đội lính thị vệ đứng dàn mặt châu ở trước chỗ tướng ngồi; bên ngoài thì các cơ lính đứng sắp hàng rẽ ra hai bên.

Câu 2313, 2314 = Uy nghi bố trí rất tề chỉnh sẵn sàng từ trong đến ngoài. Trước sân thì các thứ giáo mác cắm chặt đất, các thứ cờ che dợp trời.

Câu 2315, 2316 = Buồng tướng chung quanh căng da hùm mở ra ở giữa trại trung quân, có Từ Công và Phu Nhân cùng ngồi.

Câu 2317, 2318 = Hồi trống tiên nghiêm đánh chưa dứt tiếng, thì đã có tiếng hô điểm danh từng tên tù mà dẫn đến đứng chực sẵn ở ngoài cửa đồn quân.

Câu 2319, 2320 = Từ Công bảo nàng rằng: Việc đối xử với hai bên ân oán, ta giao phó toàn quyền cho nàng xử quyết để đền ơn hay báo oán sao cho rõ ràng xứng đáng.

Câu 2321 đến 2323 = Nàng thưa rằng: Nhờ oai linh của Tướng quân, thiếp được chủ trương việc này thật là quá phận. Thiếp xin báo ơn trước. Báo ơn xong rồi mới trả thù.

Câu 2324 = Từ nói: Việc đó mặc nàng, muốn làm thế nào tùy ý.

Câu 2325, 2326 = Thế là bắt đầu cuộc báo ơn. Đầu tiên cho lính mang gươm ra mời Thúc Sinh. Chàng sợ quá, mặt xám xanh như đồ chàm, mình run cầm cập như chim giẽ bị bắt.

Câu 2327, 2328 = Kiều nói ngay để yên ủi chàng rằng: Tôi là người cũ ở Lâm Truy đây, chàng còn nhớ không? Ân nghĩa chàng đối với tôi thật nặng như nghìn quả núi.

Câu 2329, 2330 = Tôi không giữ được trọn đạo chữ tòng, thành ra Sâm, Thương mỗi người một phương, thật là tại ai, chứ đâu tôi dám phụ lòng cố nhân.

Câu 2331, 2332 = Nay tôi có chút quà 100 cuốn gấm và một nghìn cân bạc để tạ tấm lòng tử tế của chàng, chứ đâu dám nói là báo ơn chàng vì ơn ấy to lắm, chưa dễ lấy gì báo đáp được!

Câu 2333, 2334 = Còn vợ chàng thì thật quý quái tinh ma quá, thế mà bây giờ kẻ cắp bà già lại gặp nhau ở đây!

Câu 2335, 2336 = Rõ thật cái vòng lẩn quẩn, oan oan tương báo như đôi kiến bò trên miệng chén, vừa gặp nhau, nay lại gặp nhau. Rồi vợ chàng sẽ biết, tôi sẽ lại dùng mưu sâu để trả miếng lại mưu sâu của nàng, và sẽ đem nghĩa sâu để đền đáp lại nghĩa sâu của chàng cho vừa.

(Lời ghi thêm – Ý Kiều cho Thúc Sinh biết là Kiều sẽ lấy cho Thúc Sinh người vợ cả khác rõ đẹp để đền lại nghĩa sâu của Thúc, và bắt hạ Hoạn Thư xuống làm vợ lẽ con đòi phải hầu hạ vợ chồng mới một cách nhục nhã như mình trước. Kiều định đem cái mưu sâu ấy để báo thù lại cái mưu sâu độc ác của Hoạn Thư trước kia. Nhưng sau nghe lời Hoạn Thư phân trần đủ lẽ, biết là Hoạn Thư thật vẫn có lòng yêu quý bao dung mình, nên Kiều sợ báo thù như thế, tỏ ra mình là kẻ bụng dạ nhỏ nhen, kém lòng bao dung của Hoạn Thư đối với mình. Bởi vậy nàng không dám thi hành cái chí lấy mưu sâu giả mưu sâu đó nữa).

Câu 2337 đến 2340 = Thúc Sinh bây giờ thì ngoài mặt đầm đìa mồ hôi như mưa ướt, trong lòng thì vừa sợ vừa mừng không sao hãm được, sợ cho số phận Hoạn Thư, mừng cho Kiều không những còn sống mà lại còn được sung sướng vẻ vang, nên vị vương phi.

Câu 2341, 2342 = Những người được mời đến thứ hai là mục Quản gia và Su trưởng Giác Duyên. Thoạt trông thấy, Kiều vội mời họ lên ngay.

Câu 2343, 2344 = Rồi nàng dất tay mở mặt cho hai người nhìn và vui vẻ nói: Chào bà Quán gia, tôi là Hoa Nô đây! Chào Sư trưởng, tôi là Trạc Tuyên đây! Hoa Nô hay Trạc Tuyên vẫn là tôi cả!

Câu 2345, 2346 = Rồi nàng nói tiếp: Nhớ khi tôi lỡ bước sẩy chân, sa vào nơi bề khô, được hai bà thương tình cứu giúp. Cái ân đức ấy dầu có núi vàng cũng chưa đủ báo đáp lại được.

Câu 2347, 2348 = Nay tôi có chút lễ nghìn lạng vàng làm quà biếu hai bà thôi, chứ thật ra tấm lòng nhân đức của hai bà chẳng khác gì bà Phiếu Mẫu xưa, chẳng lấy vàng nào mà sánh nổi được!

Câu 2349, 2350 = Hai bà khi trông rõ mặt nàng, cùng sững sốt tẩn ngẩn, chẳng nói được lời nào, vừa khiếp sợ vừa mừng vui.

Câu 2351, 2352 = Khi Kiều thấy hai bà muốn xin về, liền giữ lại, và nói: Xin hai bà hãy ngồi đốn lại ít lâu để chứng kiến rõ ràng cuộc tôi báo thù.

Câu 2353, 2354 = Nàng liền truyền lệnh cho mấy vị tướng làm lễ hiến phù, đem tù vào nộp, và lại sai đem các hồ sơ kể rõ tội ác của lũ tù phạm ra để đợi xét lại.

Câu 2355, 2356 = Bọn lính vác gươm đứng sắp hàng ở dưới cờ liền tuốt vỏ gươm ra sáng loáng một lượt để tỏ vẻ oai nghiêm trọng thể cuộc xử tội. Tên thủ phạm chính đáng nhất được gọi đầu tiên là Hoạn Thư.

Câu 2357, 2368 = Trông thấy Hoạn Thư, Kiều liền cất tiếng chào nói: Tiểu thư ngờ đâu cũng có lúc bây giờ đến gặp ta ở đây nhỉ?

Câu 2359, 2360 = Từ xưa đến nay, dễ đã được mấy mặt đàn bà khôn ngoan sâu sắc như Tiểu thư? Và bụng dạ đàn bà dễ đã được mấy người gan lì kiên nhẫn như Tiểu thư? (Sự gan lì đây chỉ sự cười nói ở gác Quan Âm).

Câu 2361, 2362 = Thói thường của đàn bà là phải dễ dàng hiền lành thì mới hay. Làm thân đàn bà hễ càng cay nghiệt lắm, thì lại càng rước lấy tội nợ oan trái vào mình bấy nhiêu.

Câu 2363, 2364 = Hoạn Thư nghe lời Kiều cảnh cáo thì sợ bạt hồn bạt vía, liền sụp xuống lễ rập trán xuống tận đất ở trước chỗ màn Kiều ngồi, mà giải bày mọi lời lẽ ra để kêu van.

Câu 2365, 2366 = Nàng kêu van rằng: Tôi là một kẻ đàn bà ngu dại có tội ghen tuông. Tôi trộm nghĩ tội ghen tuông đó cũng là cái tội tình thông thường của bọn đàn bà.

Câu 2367, 2368 = Tôi dám xin Lệnh Bà nghĩ lại cho tôi hai việc, là việc tôi gặp Lệnh Bà ở gác viết Kinh, và việc Lệnh Bà bỏ ra đi, tôi lặng lẽ dứt tình im đi, không cho người theo tìm.

Câu 2369, 2370 = Hai việc đó đủ chứng tỏ rằng lòng riêng tôi, tôi thật quá vẫn kính yêu Lệnh Bà. Nhưng chỉ vì nỗi cái tính ghen của đàn bà nó chẳng để ai nhường chồng cho ai cả.

Câu 2371, 2372 = Nhưng dù sao cũng là tội tôi trót đã dại dột gây ra cuộc chông gai. Vậy tôi dám cúi đầu xin độ lượng như bề của Lệnh Bà thương được phần nào chẳng, thì tôi được đội ơn phần ấy!

Câu 2373, 2374 = Kiều nghe Hoạn Thư phân trần, lời thật đanh thép phân minh, và lý thật vững chắc đầy đủ, mới khen rằng: Thật đáng khen cho người khôn ngoan tuyệt bực và ăn nói nên lời!

Câu 2375, 2376 = Ta mà tha tội quá nặng đó cho ngươi, thì cũng là quá may cho đời ngươi, nhưng nếu ta làm tội ngươi cho đích đáng, thì e ta lại mang tiếng là người bụng dạ nhỏ nhen, ít độ lượng.

Câu 2377, 2378 = Vậy nay ngươi đã tự biết tội lỗi ngươi như thế, thì ta cũng rộng lượng tha cho. Dứt lời, Kiều liền truyền lệnh tha ngay ở trước màn tướng.

Câu 2379, 2380 = Hoạn Thư liền làm lễ tạ ơn lạy mấy lạy ngay ở trước sân, và theo người đưa ra. Rồi ngoài cửa đồn lại dặt một dây tù phạm khác dẫn vào.

Câu 2381, 2382 = Kiều tuyên bố cho lũ tù phạm đó biết rằng: Ông Trời lòng rộng cao xa trên kia, chúng bay chớ có coi thường! Đây là tại vì chúng bay độc ác bất nhân lắm với người ta, thì nay Trời lại cho người ta báo lại chúng bay, chứ đâu phải tự ta làm hại chúng bay.

Câu 2383, 2384 = Rồi nàng truyền bắt chúng nó đứng thành ba hàng, hàng trước là Bạc Hạnh, Bạc Bà, hàng sau thì một bên là Ưng, Khuyển, một bên là Sở Khanh.

Câu 2385, 2386 = Hàng sau nữa là Tú Bà và Mã Giám Sinh. Bấy giờ Kiều mới cho người đọc bản án kết tội từng đứa một, cho mọi người đều biết và đáng xử phạt thế nào cho đúng tội tình.

Câu 2387, 2388 = Khi đã tuyên án xong rồi, nàng truyền lệnh cho bọn đao phủ thủ cứ chiếu các lời thề của từng đứa ra mà hành hình, thề thế nào thì làm tội như thế ấy.

Câu 2389, 2390 = Ai trông thấy cảnh máu rơi thịt nát, thây xác tan tành cũng phải kinh hồn.

Câu 2391, 2392 = Sự chết thảm thê của lũ này làm cho người đời biết rằng, muôn việc ở đời đều do Trời cân nhắc quyết định cả. Khi ta làm hại người không bù sao được khi người ta làm hại mình giả lại.

Câu 2393, 2394 = Những kẻ bạc ác bắt nhân, tinh khôn quý quái lắm, tự mình làm tội mình như lũ này, thì phải chịu tội, kêu khóc mà ai thương?

Câu 2395, 2396 = Cuộc trị tội lũ này làm thật rõ ràng giữa pháp trường lúc thanh thiên bạch nhật, trước mặt đông đủ cả ba quân.

Câu 2397, 2398 = Việc nàng báo ơn trả thù đã xong rồi, vãi Giác Duyên liền ngỏ lời cáo từ xin về.

Câu 2399, 2400 = Kiều giữ lại và nói: Nghìn năm một dịp, dễ mấy khi mà có nhân quanh quẩn với nhau ở đây!

Câu 2401, 2402 = Xin Sư trưởng hãy lưu lại ít lâu, kéo nữa sau này lại hỏi tiếc cảnh hội họp mau chóng như bèo tụ trên sóng, rồi lại tan ngay như bãi mây trước gió. Mà Sư trưởng thì như hạc ngoài đồng, mây trên núi, nay đây mai đó, biết đâu mà tìm được nữa!

Câu 2403, 2404 = Giác Duyên đáp: Chúng ta sẽ chẳng bao lâu nữa mà lại được gặp nhau, chỉ trong 5 năm nữa thôi.

Câu 2405, 2406 = Còn nhớ đạo nọ, khi tôi đi viễn cảnh ở một nơi xa, có gặp bà Tam Hợp Đạo Cô là một bực tiên tri.

Câu 2407, 2408 = Bà có đoán trước cho tôi biết những kỳ hội họp chúng ta là một lần vào năm nay, và một lần nữa vào hồi 5 năm sau.

Câu 2409, 2410 = Nay mới biết bà đoán thật đúng. Lời bà đoán kỳ năm nay đã đúng, thì chắc kỳ sau cũng chẳng sai lắm.

Câu 2411, 2412 = Chúng ta còn nhiều ân nghĩa ràng buộc với nhau, còn nhiều cơ duyên trời đưa lại gặp nhau, đã vội gì mà phải giữ tôi ở nơi quân ngũ này cho thêm bận rộn.”

Câu 2413, 2414 = Kiền đáp: Lời Bà Sư tiên tri đã đoán định dạy trước thế nào, chắc là chẳng sai.

Câu 2415, 2416 = Vậy nếu nay mai, Sư trưởng lại có dịp gặp Người thì tôi nhờ Sư trưởng hỏi Người một lời là cuộc đời của tôi sẽ chung kết ra sao?

Câu 2417, 2418 = Giác Duyên nhận lời một cách rất sốt sắng ân cần, rồi liền từ tạ Kiền mà ra đi.

Câu 2419, 2420 = Kiền từ lúc đôi đường báo ơn báo oán đã làm phân minh đâu ra đây rồi, trong lòng như thấy bể oan voi voi hẫ đi, không canh cánh một bên lòng như trước nữa.

Câu 2421, 2422 = Nàng đến trước Từ Công, sụp xuống lạy tạ ơn và nói: Tôi là một kẻ đàn bà yếu đuối, đâu có dám mong được như thế này!

Câu 2423, 2424 = Nay được nhờ tay Tướng quân ra oai sấm sét, khiến lòng riêng tôi được hả hê nhẹ nhàng như đương gánh nặng thì được người nhắc đỡ đi hộ.

Câu 2425, 2426 = Ôn to ấy dù tôi sống thì ghi vào lòng, chết thì khắc vào xương cũng chưa đủ, dầu đem gan đem óc nghiền thành bùn thành vữa cũng khó báo đền được ơn to như trời mây đó được.

Câu 2427, 2428 = Từ Công gạt lời tạ ơn quá trình trọng của Kiền đó đi mà nói: Từ xưa đến nay, những bực quốc sĩ muốn tìm một người bạn tri kỷ khó lắm,

chưa dễ một ngày nào đó mà đã được đâu! Nay ta đã được nàng là người thật tri kỷ, thì ta còn tiếc gì nữa mà chẳng hết sức giúp nàng!

Câu 2429, 2430 = Vả chẳng đã là người anh hùng, thì dẫu gặp việc bất bình ở giữa đường, chẳng can hệ gì đến mình, cũng còn chẳng tha kẻ làm bậy được.

Câu 2431, 2432 = Huống chi việc báo ân báo oán này cũng là việc chung trong nhà, thì việc gì nàng phải tạ ta một cách quá trịnh trọng như thế mới là tri ân?

Câu 2333, 2334 = Ta còn thương nàng bao nhiêu năm nay đau đớn nhớ thương cha mẹ, mà biệt vô âm tín vì xa cách nhau xa xôi quá chẳng khác gì người ở đất Việt phía đông nam, kẻ ở đất Tần phía tây bắc.

Câu 2335, 2336 = Thế nào ta cũng phải làm cho đôi bên xa nhau muôn dặm lại họp thành một nhà để cho lại được gặp nhau vui vẻ thì ta mới hài lòng.

Câu 2437, 2438 = Rồi Từ liền ra lệnh mở tiệc ở trong đồn quân, họp tất cả muôn binh nghìn tướng lại, làm lễ tẩy oan vừa để mừng nàng đã sạch nỗi oan ức, vừa để cầu cho mọi người khỏi bị oan nghiệp vì cuộc chém giết báo thù này.

Những câu có ý móc nối và những chữ có ý than khuyên

(1) Câu “Thong dong mới kẻ sự ngày hàn vi” thật mở đầu cho cuộc hành binh kinh động, chém giết thảm thê hả lòng ân oán một người. Chữ “thong dong” câu này nghĩ thật đáng than thở. Ở đời biết bao nhiêu tai họa cho người đã chỉ bắt đầu bằng cái “thong dong” kiểu này! Ngay trong Truyện Kiều cũng đã có mấy cuộc nữa làm cho Kiều phải khổ lòng vì cái “thong dong” của mục Tú, mục Hoạn. Tú Bà thì “Vừa tuần nguyệt sáng gương trong / Tú Bà trở lại thong dong dặn dò,” đã làm cô trinh nữ phải chịu mặt dạn mày dày mà “cúi đầu vâng dạy” bài học “bây chữ, tám nghề.” Còn Hoạn Thư thì vợ chồng vui vẻ uống trà hồng mai xong rồi “Thong dong nói gót thư trai cùng về” đã làm cho cô tiểu viết kinh phải ủ ê, phải e sợ, rồi liêu thân đêm trốn trong cảnh “Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh.”

(2) Câu Giác Duyên nói “Còn nhiều ân nghĩa về sau” báo cho ta biết trước những cuộc Giác Duyên thuê lưới vớt Kiều về cùng ở Thảo Am, rồi tình cờ gặp gia đình họ Vương đưa về gặp Kiều, và việc Kiều lập am ở nhà định đón Giác Duyên về cùng ở; rồi khi không tìm đón được, đành thờ Phật suốt đời để tưởng vọng.

(3) Câu Kiều nhờ Giác Duyên hỏi Tam Hợp: “Vi tôi cậy hỏi một lời chung thân” nghe có ý rất thâm thương, báo trước lời Sư Tam Hợp tiên đoán là Kiều sẽ bị Hồ Tôn Hiến lừa mà phải “Giữa dòng nước chảy sóng giồi / Trước hàm rồng cá gieo mồi băng tanh.” Đó là cái cuộc chung thân kiếp này của Kiều, mà nàng vẫn lo là không được hưởng trọn vẹn phú quý trong trường gương giáo.

(4) Lời Từ hẹn với Kiều: “Xót nàng còn chút song thân / Bấy lâu kẻ Việt người Tần cách xa / Sao cho muôn dặm một nhà / Cho người thấy mặt là ta cam lòng” móc nối với lời Kiều khuyên Từ về hàng : “Dần dà sẽ liệu tìm về cố hương” để nàng có thể “Nở nang mày mặt rõ ràng mẹ cha.”

(5) Về cái việc “Giác Duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi” cúng chiêu hồn Kiều, ta biết hiển nhiên đó tức là vong hồn Từ Hải cáo táng ở bên sông dun dũi đưa Giác Duyên đến – lúc sống chưa làm được, thì lúc chết cố làm cho nàng được cam lòng.

(6) Chỗ hay nhất trong đoạn Truyện Kiều này là những câu Hoạn Thư phân trần để van xin Kiều.

(6a) Trước lời cảnh cáo nghiêm trọng của Kiều: “Dễ dàng là thói hồng nhan / Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều.”

(6b) Hoạn Thư đã khéo dùng lời uyển chuyển trước sau đầu vào đấy, vừa gỡ được tội cay nghiệt, vừa bày tỏ được thật lòng vẫn kính yêu Kiều, lại vẫn gợi được lòng khoan lượng cả của Kiều để xin tha. Lý lẽ từng câu rất liên tiếp nhau: (a) “Rằng tôi chút phận đàn bà / Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.” (b) “Nghĩ cho khi gác viết kinh / Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.” (c) “Lòng riêng, riêng cũng kính yêu / Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.” (d) “Rằng tài nên trọng mà tình nên thương.” (e) “Vị chẳng có số giàu sang / Giá này dầu đúc

nhà vàng cũng nên.” (f) “Khen rằng bút pháp đã tinh / So vào với thiếp Lan Đình
nào thua.”

(6c) Sau những lời nói chân thành nêu trên, Hoạn Thư nhận tội và xin được Kiều
tha tội với lời nói thực khôn khéo: “Trót đà gây cuộc chông gai / Còn nhờ lượng
bể thương bài nào chẳng!”

(6d) “Lượng bể” của Kiều đã lập tức tha bổng cho Hoạn Thư: “Tha ra thì cũng
may đời / Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.”

CHƯƠNG 25

CÂU 2439 ĐẾN CÂU 2564

“Triều đình riêng cõi, thiên thổ một đôi”

2439. Thừa cơ trúc chẻ ngói tan, [1]
Binh uy từ ấy sấm ran trong ngoài. [2]
2441. Triều đình riêng một góc giới,
Gồm hai vắn võ, rạch đôi sơn hà. [3]
2443. Đòi phen gió quét mưa sa, [4]
Huyện thành đập đổ năm tòa cõi nam. [5]
2445. Phong trần mài một lưỡi gươm, [6]
Những loài giá áo túi cơm sá gì! (7)
2447. Nghênh ngang một cõi biên thù, [8]
Thiếu gì cô quả, thiếu gì bá vương! [9]
2449. Trước cờ ai dám tranh cường, [10]
Năm năm hùng cứ một phương hải tần. [11]
2451. Có quan tổng đốc trọng thần, [12]
Là Hồ Tôn Hiến kinh luân gồm tài. [13]
2453. Đẩy xe vàng chỉ đặc sai, [14]
Tiện nghi phủ tiểu, việc ngoài đồng nhưng. [15]
2455. Biết Từ là đáng anh hùng,
Biết nàng cũng dự quân trung luận bàn.
2457. Đóng quân làm chước chiêu an, [16]
Ngọc vàng gấm vóc sai quan thuế hàng. [17]
2459. Lại riêng một lẽ với nàng,
Hai tên thể nữ ngọc vàng nghìn cân. [18]
2461. Tin vào gởi trước trung quân,
Từ công riêng hãy mười phân hò đề. [19]
2463. “Một tay gây dựng cơ đồ, [20]

Bấy lâu bề Sở, sông Ngô tung hoành!
2465. Bó thân về với triều đình, [21]
Hàng thần lơ láo, phận mình ra đâu? [22]
2467. Áo xiêm ràng buộc lấy nhau, [23]
Vào luôn ra cúi, công hầu mà chi? [24]
2469. Sao bằng riêng một biên thù,
Sức này đã dễ làm gì được nhau?
2471. Chọc giời khuấy nước mặc dầu,
Đọc ngang nào biết trên đầu có ai?”
2473. Nàng thời thật dạ tin người,
Lẽ nhiều nói ngọt nghe lời dễ xiêu.
2475. “Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,
Đã nhiều lưu lạc, đã nhiều gian truân. [25]
2477. Bằng nay chịu tiếng vương thần, [26]
Thênh thênh đường cái thanh vân hẹp gì! [27]
2479. Công tư vẹn cả hai bề,
Dần dà rồi sẽ liệu về cố hương.
2481. Cũng ngôi mệnh phụ đường đường, [28]
Nở nang mày mặt rõ ràng mẹ cha.
2483. Trên vì nước, dưới vì nhà,
Một là đặc hiếu, hai là đặc trung. [29]
2485. Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng, [30]
E dè sóng gió, hải hùng cỏ hoa. [31]
2487. Nhân khi bàn bạc gần xa,
Thừa cơ nàng mới bàn ra nói vào.
2489. Rằng: “Ơn Thánh đế dồi dào, [32]
Tưới ra đã khắp, thấm vào đã sâu.
2491. Bình thành công đức bấy lâu, [33]
Ai ai cũng đội trên đầu xiết bao.
2493. Ngẫm từ đây việc binh đao,
Đổng xương Vô định đã cao bằng đầu. [34]

2495. Làm chi để tiếng về sau,
Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào! [35]

2497. Sao bằng lộc trọng, quyền cao,
Công danh ai dứt lối nào cho qua?" [36]

2499. Nghe lời nàng nói mặn mà,
Thế công Từ mới giờ ra thế hàng.

2501. Chinh nghi tiếp sứ vọi vàng, [37]
Hẹn kỳ thúc giáp, quyết đường giải binh. [38]

2503. Tin lời thành hạ yêu minh, [39]
Ngọn cờ ngơ ngác, trống canh trễ tràng. [40]

2505. Việc binh bỏ chẳng giữ giàng,
Vương sư dòm đã tỏ tường thực hư. [41]

2507. Hồ công quyết kế thừa cơ, [42]
Lễ tiên binh hậu, khắc cờ tập công. [43]

2509. Kéo cờ chiêu phủ tiên phong, [44]
Lễ nghi dàn trước bác đòng phục sau.

2511. Từ công hờ hững biết đâu,
Đại quan lễ phục ra đầu cửa viên. [45]

2513. Hồ công ám hiệu trận tiền, [46]
Ba bề phát súng bốn bên kéo cờ.

2515. Đương khi bất ý chẳng ngờ,
Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn!

2517. Tử sinh liều giữa trận tiền,
Dạn dầy cho biết gan liền tướng quân! [47]

2519. Khí thiêng khi đã về thần, [48]
Nhon nhon còn đứng chôn chân giữa vòng! [49]

2521. Trơ như đá vững như đồng,
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng dờ.

2523. Quan quân truy sát đuôi dài. [50]
Hầm hầm sát khí ngất trời ai đương. [51]

2525. Trong hào, ngoài lũy tan hoang,

Loạn quân vừa dất tay nàng đến nơi.
2527. Trong vòng tên đá bời bời, [52]
Thấy Từ còn đứng giữa trời tro tro.
2529. Khóc rằng: “Trí dũng có thừa,
Bởi nghe lời thiếp, nên cơ hội này!
2531. Mặt nào trông thấy nhau đây?
Thà liều sống thác một ngày với nhau!
2533. Dòng thu như suối mạch sâu, [53]
Dứt lời nàng cũng gieo đầu một bên.
2535. Lạ thay oan khí tương triền! [54]
Nàng vừa phục xuống, Từ liền ngã ra.
2537. Quan quân kẻ lại người qua,
Xót nàng sẽ lại vực ra dần dần.
2539. Đem vào đến trước trung quân,
Hò công thấy mặt ân cần hỏi han.
2541. Rằng: “Nàng chút phận hồng nhan,
Gặp cơn binh cách nhiều nàn cũng thương! [55]
2543. Đã hay thành toán miếu đường, [56]
Giúp công cũng có lời nàng mới nên.
2545. Bây giờ sự đã vẹn tuyền,
Mặc lòng nghĩ lấy muốn xin bề nào?”
2547. Nàng càng giọt ngọc tuôn rào,
Ngập ngừng mới gửi thắp cao sự lòng.
2549. Rằng: Từ là đáng anh hùng,
Dọc ngang giời đất, vẫy vùng bể khơi!
2551. Tin tôi nên quá nghe lời,
Đem thân bách chiến làm tôi triều đình.
2553. Ngõ là phu quý, phụ vinh,
Ai ngờ một phút tan tành thịt xương!
2555. Năm năm giời bể ngang tàng,
Dẫn mình đi bỏ chiến trường như không.

2557. Khéo khuyên kẻ lấy làm công,
 Kẻ bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu!
 2559. Xét mình công ít tội nhiều,
 Sống thừa tôi đã nên liêu mình tôi!
 2561. Xin cho tiện thổ một đôi, (57)
 Gọi là đắp điểm cho người tử sinh.” [58]
 2563. Hồ công nghe nói thương tình,
 Truyền cho cỏ táng di hình bên sông. [59]

Đính chính và xác định

Câu 2443 – *Đòi phen gió táp mưa sa* – Thành ngữ “gió táp mưa sa” ở câu này có bản Kiều in là “gió quét mưa sa.” “Gió táp mưa sa” lời văn đã rất luyện, nghĩa lại rất đúng, ý nói nhiều trận đánh nhanh đánh mạnh như mưa bão bất kỳ, làm cho bên địch không kịp chống đỡ, rất liên ý với câu dưới “đạp đổ được năm huyện thành.” Còn “gió quét” chỉ là gió lướt qua trên mặt đất quét sạch lá bụi, quét sạch thế nào được thành lũy? “Gió táp mưa sa” mới có nghĩa là mạnh mẽ, còn “gió quét mưa sa” chưa đủ ý mạnh.

Câu 2454 – *Tiện, nghi phủ, tiểu, việc ngoài đồng nhung* – “Tiện” [便] = thuận lợi; “nghi” [宜] = hợp lý nên làm; “phủ” [撫] = vỗ về yên ủi, dỗ về hàng phục; “tiểu” [勦] = dùng quân lực đánh mà dẹp đi; “việc ngoài” = công việc trị an ở ngoài kinh đô nhà vua, đối với việc trong là việc trị an ở trong kinh đô; “đồng nhung” [董戎] = trông coi việc quân. Nghĩa cả câu này là: Vua cho Hồ Tôn Hiến được chủ trương hết thảy mọi việc cầm quân dẹp giặc ở ngoài nước, hoặc dùng lời yên ủi dỗ về hàng (phủ), hoặc đánh dẹp cho tan (tiểu), tùy cách nào tiện lợi nên làm hơn, thì làm – Nghĩa bốn chữ “tiện, nghi, phủ, tiểu [便宜撫勦]” thế là rất đúng, vậy mà nhiều bản Kiều nôm hay quốc ngữ lại đổi bốn chữ này thành “tiện, nghi, bát, tiểu [便宜撥勦]” = tùy cách tiện nghi mà cần quét dẹp đánh cho yên, thật là vô nghĩa vì chỉ có cách đánh để cần quét, thì làm gì có việc sai quan thuế hàng? Điều này xảy ra có thể là vì chữ “phủ” [撫] tựa tựa chữ “bát” [撥].

Câu 2458 – *Ngọc vàng gắm vóc sai quan thuế hàng* – Chữ Hán “thuyết” hay “thuế” vẫn là một chữ [說] nhưng khi dùng nghĩa là bàn nói hay kể truyện thì đọc là thuyết như luận thuyết, tiểu thuyết, mà khi dùng nghĩa là khéo nói dụ dỗ cho người ta theo mình thì phải đọc là thuế, nên chỗ này phải đọc là sai quan thuế hàng mới thật đúng nghĩa. Bây giờ hay nói thuế khách [說客] làm ra thuyết khách, thành ra quen đi rồi.

Câu 2544 – *Giúp công cũng có lời nàng mới nên* – Chữ “giúp” câu này các bản quốc ngữ đều dịch làm ra “chấp” rõ thật vô nghĩa. (Xem lời giải thích “giúp” [鞞] làm ra “chấp” [執] ở lời đính chính câu 2308 “Lòng lòng cùng giận, người người giúp uy”).

Chú giải và dẫn điển

[1] *Thừa cơ trúc chẻ ngói tan* – Chữ Hán có câu “Thừa phá trúc chi thế” [乘破竹之勢] = Nhân cái thế dễ dàng như bửa tre.” Trong truyện Tam Quốc, Đại tướng Đỗ Dự nói với vua Tân “Nay binh uy quân ta đã nổi, ví như chẻ tre, đã chẻ được mấy đốt gốc, thì đốt sau đưa dao đến đốt nào là tung ngay ra.” “Ngói tan” = Lòng dân đã chán bỏ chính phủ mà tan rã như ngói ở mái nhà rơi xuống mỗi hòn một nơi. Sử Tàu nói “Tần chi tích suy, thiên hạ thổ băng ngổa giải” [秦之積衰, 天下土崩瓦解] = Nhà Tần suy mãi, lòng dân thiên hạ như đất lở ngói tan.”

[2] *Binh uy* [兵威] = Sức mạnh oai hùng của quân.

[3] *Gồm hai văn, võ* = Lập thành một triều đình đủ cả hai hàng quan văn, quan võ.

[4] *Gió táp mưa sa* – Xem lời xác định câu 2443 ở trên.

[5] *Huyện thành đập đổ năm tòa cõi nam* = Từ Hải đã đánh phá chiếm được năm huyện ở miền nam (tức là ở vùng Triết Giang, Phúc Kiến).

[6] *Phong trần mài một lưỡi gươm* = Múa gươm xông pha trong chiến trận như mài gươm trong gió bụi.

[7] *Giá áo túi com* – Chữ Hán có thành ngữ “phạn nang y giá” [飯囊衣架] = Cái túi com, cái giàn áo, để nói mỉa mai những kẻ giàu sang mà ngu hèn chẳng khác gì cái túi đựng com, cái giàn xếp áo. Tác giả đặt câu này để nói ý Từ Hải coi lũ quan triều đình chẳng ra gì, chém giết không tiếc tay.

[8] *Nghênh ngang một cõi biên thù* = Lập những đất chiếm được thành một cõi nước riêng ở nơi biên thù, để nghênh ngang làm vua làm chúa.

[9] *Cô, Quả, Bá, Vương* [孤寡霸王] – Vua nước nhỏ xưng là Cô [孤], ý nói nhún mình cõi cút lẻ loi không ai theo phục. Vua nước lớn tự xưng là quả nhân [寡人] = quả là ít, ý nói nhún mình là người ít đức đáng thẹn với ngôi vua. Thời cô Tàu, Vương tức là thiên tử, làm vua cả nước, và vua các nước nhỏ là Công, Hầu hay Bá [公侯伯] sau vua nước nhỏ mà mạnh cũng lạm quyền xưng là Vương. Chử Bá Vương câu này là ông vua nước chư Hầu mà mạnh bắt được các vua chư Hầu khác phải theo mình. Chử Bá Vương đây lấy điển ở truyện Hạng Vũ tự xưng là Tây Sở Bá Vương cầm đầu các vua chư Hầu mà Vũ lập ra sau khi diệt được nhà Tần.

[10] *Tranh cường* = Đồi địch lại, đánh lại.

[11] *Hải tảo* [海濱] = Miền đất ở gần bể mà Từ chiếm được.

[12] *Tổng đốc* [總督] = Ông quan đứng đầu một tỉnh hay hai tỉnh, có khi ba tỉnh. Hồ Tôn Hiến được bổ ra làm Tổng đốc hai tỉnh miền ven bể để dẹp giặc. (Hồ Tôn Hiến là một vị quan rất có thế lực triều Minh lúc bấy giờ, vì là chân tay đắc lực của Tể tướng Triệu Văn Hoa. Dẹp xong bọn Từ Hải được mấy năm thì Triệu Văn Hoa và Hồ Tôn Hiến đều bị chu di tam tộc).

[13] *Kinh luân* = Tài xếp đặt mọi việc chính trị. (Nghĩa đen hai chữ “kinh luân” [經綸] = Gỡ tơ ra thành từng sợi gọi là “kinh”, đan tơ thành lụa vải gọi là “luân”).

[14] *Đẩy xe* – Điển chữ Hán là “thôi cốc” [推轂] = Đẩy bánh xe. Lẽ xưa: Khi vua tiễn một ông Đại tướng đi dẹp giặc ra đến cửa thành vua xuống đẩy bánh xe ông Tướng đi mà nói “Khôn dĩ nội, Quả nhân chủ chi; Khôn dĩ ngoại, tướng quân chủ chi” [闔以內, 寡人主之; 闔以外, 將軍主之] = Từ cửa này vào trong thì Quả nhân làm chủ, từ cửa này ra ngoài thì Tướng quân làm chủ.” *Vâng chỉ đặc sai* = Vâng lời chỉ dụ của vua sai đi một cách trịnh trọng đặc biệt.

[15] *Tiên, nghi, phủ, tiếu* = Tùy tình thế nên làm mà hoặc phủ, hoặc tiếu. (Xem lời xác định câu 2454 trên này).

[16] *Chiêu an* [招安] = Dụ về hàng, nói về hàng thì sẽ được đối đãi tử tế, yên vui, không bắt tội.

[17] *Thuế hàng* [說降] = Xem lời đính chính câu 2548 trên.

[18] Cung nga thể nữ [宮娥彩女] = Những hầu gái ăn mặc lộng lẫy nhiều màu sắc như cung nữ trong cung vua.

[19] *Mười phân hồ đồ* = Dùng dằng đủ mười phân, dờ tin lời dụ muốn về hàng, dờ không tin muốn chẳng hàng.

[20] *Cơ đồ* [基圖] = Công cuộc cơ nghiệp đã gây nên được.

[21] *Bó thân* = Bỏ hết cả thế lực vùng vẫy như bó buộc chân tay tài cán mình lại mà ra hàng.

[22] *Hàng thần* [降臣] = Kẻ bày tôi mới về hàng phục, mất cả thể diện, mặt mày tro trên.

[23] *Áo xiêm ràng buộc lấy nhau* – Câu này tác giả lấy ý trong lời ông Nguyễn Huệ, khi mang quân ra Bắc đánh lần đầu, trừ được Chúa Trịnh rồi vào bái yết vua Hiến Tông nhà Lê và trao giả chính quyền Chúa Trịnh cho vua Lê, được vua phong tước Oai Quốc Công [威國公]. Khi về đến trại quân, ông Huệ bảo Nguyễn Hữu Chỉnh rằng “Ta mang mười mấy vạn quân, vượt mấy ngàn dặm đường ra đây lấy được Bắc Hà. Ta tưởng một tấc đất, một ngọn cỏ ở đây đều là của ta cả. Nay ta đem giang sơn này giả lại vua Lê, mà chỉ được vua phong cho ta cái tước Quốc Công hầu huyền này để hòng lấy bộ phẩm phục đó mà buộc ta ở dưới quyền vua chẳng! Ta nghĩ thật uổng công vô vị quá!” Chỉnh nghe sợ quá, sợ Huệ bỏ chí phù Lê, liền vào xin vua gả Ngọc Hân Công Chúa cho Huệ để cố kết lòng Huệ ở lại phù Lê với mình. (Lời ông Huệ nói trên này là tôi theo đại ý lời chép bằng chữ Hán ở trong Sử Nam mà thuật ra. Tôi rất tiếc các sử gia không chép nguyên lời tiếng Việt ta của vị anh hùng đó nói thật ra là thế nào).

[24] *Công hầu* – Lúc trước, ông quan nào có công to, nhất là đánh được giặc, thì được phong tước. Tước có 5 bậc, to nhất là tước Công [公], rồi đến Hầu [侯], Bá [伯], Tử [子], Nam [男]. Người ta dùng hai chữ “công hầu” để nói các quan to.

[25] *Gian truân* [艱迍] = Vất vả cùng khổ.

[26] *Vương thần* [王臣] = Bày tôi nhà vua, đây tức là về hàng để ra làm quan.

[27] *Đường cái thanh vân* = Con đường lên mây xanh. Người ta ví người ra làm quan dần dần lên cao như con chim bay lên trời dần dần cao mãi lên đến từng mây

xanh. Những ai làm quan chóng lên chức cao thì người ta nói họ may mắn được “thanh vân đắc lộ” [青雲得路] = Được đường lên mây xanh.

[28] *Đường đường* = Hiển vinh, danh giá.

[29] *Đắc trung, đắc hiếu* = Được cả tiếng là trung với vua, và hiếu với cha mẹ. Về hàng rồi làm quan để giúp vua thế là đắc trung, ra hàng rồi về làng làm về vang cha mẹ, thế là đắc hiếu.

[30] *Chiếc bách giữa dòng* = Chiếc thuyền nhẹ làm bằng gỗ bách lênh đênh ở giữa sông. Đây ví đi làm giặc tình thế rất nguy hiểm bấp bênh.

[31] *E dè sóng gió, hãi hùng cỏ hoa* = Câu này ý nói lúc nào cũng lo sợ những cuộc tàn sát mạnh như chiếc thuyền nhẹ sợ sóng gió dồn dập ở giữa sông, mà còn lại gây hãi hùng cho nhân dân đương yên vui phải lo sợ mình đến, như đám cỏ hoa bên sông lo thuyền lướt qua làm tàn hại hết cảnh tươi đẹp.

[32] *Ơn Thánh Đế dồi dào* = Ôn vua đã làm cho dân nhờ nhiều. *Thánh Đế* = Ông vua đương trị vì, được dân coi là bậc vua giỏi như Thánh, trong các tờ tâu lên vua vẫn gọi là Thánh Thiên Tử.

[33] *Bình thành* [平成] = Do bốn chữ “địa bình thiên thành” [地平天成] rút ngắn lại, hàm ý là ơn vua đã làm cho mặt đất được bình trị, khí trời được thuận lợi cho dân cây cỏ dễ dàng yên ổn no ấm.

[34] *Đống xương Vô Định* = Đống xương quân lính chết trận ở bờ sông Vô Định. Đây nói rộng là quân chết trận. Sông Vô Định là một phụ lưu sông Hoàng Hà ở vùng Lũng Tây tỉnh Thiểm Tây. Trên bờ sông này có trận năm nghìn quân Hán đánh Hung Nô chết cả ở đó. Thi sĩ Trần Đào đời Đường có thơ vịnh cảnh thê thảm để tỏ lòng than thở về chiến tranh như sau:

[誓掃匈奴不顧身] Thệ tảo Hung Nô bất cố thân

(Quyết thề quét sạch quân Hung Nô, không ngó thân mình)

[五千貂錦喪胡塵] Ngũ thiên điều cảm táng Hồ trần

(Năm nghìn quân mặc áo gấm lột da điều thừ, chết ở bãi bụi cát đất Hồ)

[可憐無定河邊骨] Khả liên Vô Định hà biên cốt

(Thật đáng thương những bộ xương phơi ở bên sông Vô Định)

[猶是深閨夢裡人] Do thị thâm khuê mộng lý nhân

(Mà vẫn là những người mà vợ ở trong nơi buồng sâu mơ mộng mong về)

[35] *Hoàng Sào* [黃巢] học giỏi, thi hỏng mãi, bèn khởi binh làm giặc, vùng vẫy trong 10 năm (khoảng 874 đến 884). Giặc Hoàng Sào khiến nhà Đường suy yếu rồi sụp đổ trong vài thập niên sau đó.

[36] *Công danh ai dứt lối nào cho qua* = Muốn lập công danh, thì chỉ có một lối là về với triều đình.

[37] *Chỉnh nghi tiếp sứ* = Sắp sửa nghi vệ chỉnh tề để tiếp đón sứ giả.

[38] *Thúc giáp* [束甲] = Xếp áo giáp mà bó lại. *Giải binh* = Giải tán quân để không đánh nhau nữa.

[39] *Thành hạ yêu minh* [城下要盟] = Hai bên cùng tới dưới thành chỗ Hồ Tôn Hiến đóng, mà làm lễ ăn thề giảng hoà với nhau.

[40] *Ngọn cờ ngơ ngác* = Ngọn cờ không ai để ý đến, trông có vẻ ngẩn ngơ. *Trống canh trẽ tràng* = Tiếng trống cầm canh nghe có vẻ uể oải lơ đãng.

[41] *Vương sư* – Do nhóm chữ “Vương giả chi sư” [王者之師] = Quân đường hoàng đứng đầu của đức Vương giả như quân của vua Thang, vua Vũ đời xưa. Tác giả đặt câu này có ý mỉa mai: quân đường hoàng của Vương giả mà lại lén lút dòm trộm quân của địch khi địch đã tin mình mà hện về hàng! Ba chữ “vương sư dòm” thật là chua chát.

[42] *Quyết kế thừa cơ* [決計乘機] = Quả quyết dùng mưu nhân lúc giặc không phòng bị mà đánh úp giặc.

[43] *Lễ tiên binh hậu* = Trước mặt thì bày lễ ăn thề, mà sau lưng thì phục quân để bất kỳ ủa ra đánh.

[44] *Cờ chiêu phủ* = Cờ có chữ “chiêu phủ” mời về hàng, và yên ủi quân giặc về hàng sẽ được yên vui.

[45] *Đại quan* [大冠] = Cái mũ to rộng đội khi tế lễ, trái với thứ mũ “trụ” [冑] đội khi ra trận đánh nhau.

[46] *Ám hiệu trận tiền* [暗号陣前] = Ra hiệu ngầm ở trước trận, cho quân phục đồ ra đánh.

[47] *Gan liền* = Lòng gan trơ ra không chút sợ hãi như cục đá sắt không chút kẽ nứt. Tục ngữ thường nói “gan lỳ tướng quân”, cũng tức là lòng gan lỳ nhẵn như gan liền.

[48] *Khí thiêng khi đã về thân* = Hồn vía khi đã bỏ xác thịt mà về cõi thân rồi, tức là chết rồi.

[49] *Nhơn nhờn* nghĩa = Thản nhiên như khi còn sống, không có vẻ sợ hãi chút nào.

[50] *Truy sát đuổi dài* = Đuổi giết mãi. Tác giả đặt mấy chữ này vào đây có ý chê mỉa Hồ Tôn Hiến là lừa đảo, tàn ác, đã kéo cờ chiêu phủ lừa người, lại cho quân lính đuổi giết mãi hàng binh, thật là hèn và bất nhân.

[51] *Hầm hầm sát khí* = Cái khí hung hăng giết người nổi lên hầm hầm đáng sợ.

[52] *Tên đá* – Dịch từ hai chữ Hán “thỉ thạch” [矢石] = tên đá). Cung nỏ có thứ bắn đá gọi là “đàn cung” [彈弓] và đạn bắn đàn cung gọi là “đàn hoàn” [彈丸].

[53] *Dòng thu như suối mạch sâu* – *Dòng thu* = nước mắt sâu thương. *Suối* = chảy ra như suối. *Mạch sâu* = nguồn sâu thương ở trong người. (Chữ “suối” câu này các bản nôm viết là [灑] (chấm thủy bên chữ [霏]) “thuế”). Các bản Kiều quốc ngữ đều phiên âm chữ [灑] là “sôi”; nếu là “sôi” thì các bản nôm đã viết là [澹] (chấm thủy bên chữ [會] “côi”).

[54] *Oan khí tương triền* [冤氣相纏] = Khí oan nó cùng buộc kéo lấy nhau = Từ thì bị lừa chết oan, Kiều thì bị lừa mắc tội oan giết chồng.

[55] *Binh cách* [兵革] – *Binh* = binh khí, các đồ gươm giáo. *Cách* = da, các thứ áo giáp làm bằng da. *Con binh cách* = cuộc chiến tranh.

[56] *Thành toán miếu đường* – Lấy ý từ câu chữ Hán “Miếu đường chi thành toán” [廟堂之成算] = Mưu tính đã bàn định đâu vào đấy ở nơi miếu thờ nhà vua. Vì những cơ mưu lớn vua bàn với các quan, khi bàn định xong phải cúng cáo các vua tổ tiên, rồi mới thi hành, bởi vậy gọi là thành toán của miếu đường.

[57] *Thiển thổ một đôi* – Lấy ý từ thành ngữ Hán “Thiển thổ nhất đôi” [淺土一堆] = Một đồng đất nông, hàm ý là nắm mồ đào nông chôn tạm. (Lời nói nhún xin cho Từ Hải được chôn nguyên hình, không phải chém đầu đem bêu vì tội to quá).

[58] *Người tử sinh* = Người đã kết nghĩa vợ chồng sống chết có nhau.

[5/*Cáo táng* [藁喪] – *Cáo* = Cỏ khô. *Cáo táng* = Bọc thây vào cỏ khô mà chôn thay hòm gỗ.

Diễn ra văn xuôi

Câu 2439, 2440 = Thừa thế cơ hội tốt, đánh đâu được đấy như chẻ tre, quan quân tan chạy như ngói mái nhà trút xuống, và từ đó binh uy nổi tiếng hùng mạnh khắp mọi nơi trong ngoài.

Câu 2441, 2442 = Và lập thành một triều đình riêng một góc trời có đủ hai hàng quan văn, quan vũ, chia chiếm lấy một phần non nước.

Câu 2443, 2444 = Nhiều phen đi đánh đây đánh đó, nhanh mạnh như mưa to bão lớn, phá chiếm được năm thành phủ huyện miền Nam.

Câu 2445, 2446 = Một lưỡi gươm vùng vẫy như mài trong đám phong trần càng ngày càng sắc bén, chẳng coi bọn quan hèn như giá áo túi cơm ra gì cả, chém giết không nề tay.

Câu 2447, 2448 = Một mình nghênh ngang cai trị một bờ cõi ở vùng biên thùy, tha hồ xưng Cô, xưng Quả, xưng Bá, xưng Vương.

Câu 2449, 2450 = Cờ đi đến đâu, không ai dám cản trước mà đánh lại để đưa sức mạnh, và trong năm năm, rất oai hùng chiếm giữ được một phương bờ bể, làm cho triều đình nhà Minh phải lo sợ.

Câu 2451, 2452 = Bấy giờ có quan Tổng đốc là một vị đại thần rất quan trọng, tên là Hồ Tôn Hiến, gồm đủ cả mọi tài kinh luân, xếp đặt mọi việc chính trị rất khôn khéo.

Câu 2453, 2454 = Ông được vua trao chỉ thị đặc biệt sai đi đánh giặc, được vua làm lễ long trọng xuống đẩy xe đưa đi, và cho tùy tiện tùy nghi hoặc chiêu phủ về hàng, hoặc đánh mạnh mà dẹp đi.

Câu 2455, 2456 = Tôn Hiến biết họ Từ là một bậc tướng anh hùng, khó lấy binh lực mà đánh được, lại biết nàng Kiều vẫn dự bàn những cuộc hội nghị cơ mưu trong quân sự.

Câu 2457, 2458 = Hồ nghi đánh thì khó vì Từ là tay tướng giỏi, mà dụ về hàng thì có thể được. Kiều là đàn bà hay nhẹ dạ dễ tin lời khéo dỗ, nên Hồ mới đóng quân không đánh mà dùng chước chiêu an, sai một viên quan mang ngọc ngà gấm vóc sang biếu Từ, và lấy lời lẽ thiệt hơn nói cho Từ biết mà khuyên Từ về hàng.

Câu 2459, 2460 = Ông lại sửa riêng một lễ tặng nàng, lễ này rất trọng hậu: có hai tên thê nữ và nghìn cân vừa vàng vừa ngọc.

Câu 2461, 2462 = Sứ giả đưa tin chiêu hàng vào đến trại Trung quân Từ đóng. Từ được thư chiêu hàng nói về hàng sẽ được hậu đãi, rất nhiều lợi lộc. Từ nửa tin nửa ngờ, bụng phân vân đủ đường, không biết nên hàng hay nên chống lại.

Câu 2463, 2464 = Từ nghĩ: Một tay mình gậy dựng mãi mới được cơ đồ giang sơn này để tha hồ vẫy vùng ngang dọc nơi bể Sở, sông Ngô bấy lâu nay.

Câu 2465, 2466 = Nếu ta bó chân bó tay lại về làm quan với triều đình, thì sao còn được tung hoành oanh liệt nữa? Lại lúc nào mình cũng cảm thấy mặt mày thì lơ láo đáng thẹn, thân phận thì chằng vào đâu, chẳng ai coi ra gì.

Câu 2467, 2468 = Nhà vua chỉ khéo đem cái bộ áo xiêm sang trọng hão huyền mà ràng buộc lấy mình vào dưới quyền phép nhà vua, nhưng thật ra còn phải

vào luôn ra cúi dưới quyền vua, thì dẫu ông Công, ông Hầu, chức tước to đến đâu nữa, cũng chẳng quý gì.

Câu 2469, 2470 = Sao bằng ta cứ nghênh ngang giữ riêng một cõi giang sơn ở góc biên thùy này! Lấy sức mạnh ta đây mà chống đối lại, chưa dễ gì họ đã làm gì được ta.

Câu 2471, 2472 = Tha hồ mà ta quấy nước chọc trời, tha hồ mà ta vùng vẫy tự do, chẳng biết trên đầu còn có ai nữa!

Câu 2473, 2474 = Về phần Kiều, thì nàng bụng dạ ngay thật, thấy đồ lễ nhiều, lời nói khéo, ngọt tai dễ nghe, nàng tin ngay lời sứ giả nói là thật, không có ý lừa mình.

Câu 2475, 2476 = Nàng nghĩ: Thân nàng lênh đênh như cánh bèo trên mặt nước sông, lưu lạc đã nhiều, lại trải qua lắm cuộc khổ nhục, đau đớn, thật là đủ nỗi gian truân.

Câu 2477, 2478 = Ví bằng nay đây mình về làm bầy tôi nhà vua, thì được bước lên con đường hiển vinh phú quý, thanh thản thênh thang.

Câu 2479, 2480 = Thế là bốn phận nàng đối với nước đối với nhà, đều được trọn vẹn cả hai bề, rồi dần dà nàng sẽ tìm đường về quê hương, sum họp với cha mẹ trong gia đình.

Câu 2481, 2482 = Bây giờ nàng cũng đường đường là một vị mệnh phụ, mình đã được nở nang mày mặt, và cha mẹ cũng sẽ được rõ ràng danh giá nữa.

Câu 2483, 2484 = Nàng suy tính về hàng thì được hay đủ đường như vậy, rõ thật trên thì làm cho nước được yên vui, dưới thì làm cho nhà được sum họp, trước là được trọn đạo trung với vua, sau là vẹn được đạo hiếu với cha mẹ.

Câu 2485, 2486 = Chẳng hơn là cái tình cảnh đi làm giặc thế này, y như chiếc thuyền nhẹ bấp bênh ở giữa dòng sông, không những e sợ những con sóng gió dồn dập, lại còn gây hãi hùng cho những cỏ hoa tươi đẹp ở bên sông nữa. (Ý nói làm giặc thì mình đã lúc nào cũng sợ bị đánh dẹp, mà lại còn làm đám lương dân đương yên vui phải hãi hùng).

Câu 2487, 2488 = Nàng nghĩ vậy, rồi nhân lúc bàn tính lẽ gần, lẽ xa, nàng mới nhân dịp bàn ra bàn vào mọi lẽ cho Từ nghe.

Câu 2489, 2490 = Nàng nói: Thiếp thấy ơn đức nhà vua ban cho dân thật đã dồi dào sâu rộng lắm.

Câu 2491, 2492 = Bấy lâu nay nhà vua đã làm cho đất nước được bình trị, dân chúng được làm ăn thuận lợi, quanh năm mưa thuận gió hòa. Ai ai cũng được đội nhiều cái công đức như thay Trời Đất nuôi dân này.

Câu 2493, 2494 = Thiếp nghĩ từ khi ta khởi cuộc binh đao đến giờ, quân lính tử trận thật đã nhiều lắm, đồng xương tử sĩ không ai chôn vùi có thể cao hơn đầu ta rồi. (Lời ghi: Tác giả thật khéo kén dùng chữ “Đồng xương Vô Định” mà đặt vào đây, vừa lấy điển là đồng xương những kẻ chiến sĩ oai hùng cùng chết với nhau ở bờ sông Vô Định, vừa dùng chữ “vô định” để nói ý thâm, chết không được chôn vùi, ở nơi xa lạ, hồn vẫn bơ vơ không biết về đâu. Nên câu văn này lời thật hay, ý thật thâm thê, rất dễ làm cảm động lòng người).

Câu 2495, 2496 = Vậy thiếp tưởng ta không nên làm hại nhân mạng như thế mãi để mang tiếng xấu cho đời sau chê cười. Ta xem như Hoàng Sào đã từng vấy vùng oanh liệt một thời như vậy, mà nghìn năm về sau có ai khen đâu!

Câu 2497, 2498 = Sao bằng bây giờ nhân dịp này ta về với triều đình là được ngay chức trọng quyền cao, yên hưởng phú quý. Thiếp tưởng đó là con đường duy nhất để lập công danh, không ai bỏ lối này mà không qua được!”

Câu 2499, 2500 = Từ Công nghe nàng nói lời đã ngọt, lẽ lại phải, thật là mặn mà dễ nghe, nên xiêu lòng theo ngay, và đổi thế chuẩn bị để đánh ra thế sắp sửa để hàng.

Câu 2501, 2502 = Thế là vội vàng sửa soạn lễ nghi để tiếp đón sứ giả, và hẹn ngày bó áo giáp ra hàng và quyết một đường giải binh bãi chiến.

Câu 2503, 2504 = Từ đó trên tướng dưới quân đều một niềm tin vào cuộc hẹn nhau ra ăn thề nghị hòa ở dưới thành, mà không lo phòng bị gì nữa, mặc kệ ngọn cờ như có vẻ ngơ ngác, chẳng ai trông nom, mặc kệ tiếng trống cầm canh uể oải lơ đãng, chẳng ai đôn đốc nữa.

Câu 2505, 2506 = Bên Từ thì lãng bỏ việc binh không giữ gìn phòng bị, mà bên vương sư thì dòm ngó lén lút biết đích xác việc bỏ binh bị là thật, không chút giả dối.

Câu 2507, 2508 = Hồ Công bây giờ mới quyết chí nhân dịp Từ không phòng bị, mà dùng mẹo: lễ trước binh sau, để lừa Từ, và hẹn quân sĩ đúng giờ được ám hiệu thì cùng xông ra đánh úp.

Câu 2509, 2510 = Hôm đó, Hồ Công kéo cờ chiêu phủ đi đầu ra nơi thành hạ, mặt trước thì bày đủ lễ nghi để ăn thề, mặt sau thì phục đủ binh sĩ cung đao để đánh úp.

Câu 2511, 2512 = Từ Công hờ hững có biết đâu cái mưu lừa đảo đó, cứ việc y theo lời hẹn mà mặc đồ lễ phục mũ rộng áo dài tiến lại cửa đồn quan quân để đầu hàng và ăn thề.

Câu 2513, 2514 = Hồ Công thấy Từ đến, liền ra hiệu ngầm ở trước trận, tức thì ba bề súng nổ, bốn bên dựng cờ, quan quân ào ào đổ ra vây đánh.

Câu 2515, 1516 = Trong khi không ngờ, bất thành linh bị đánh như vậy, thì đầu hùm thiêng, thiên tướng nhà trời, mà khi đã sa cơ thất thế cũng hóa ra hèn yếu.

Câu 2517, 2518 = Nhưng Từ Công tuy tay không ở giữa vòng tên đạn gươm giáo, mà vẫn xông pha sống chết ra tay, không sợ hãi chút nào, thật tỏ ra là một ông tướng gan lì không hề nứt đạn.

Câu 2519, 2520 = Khi hồn đã bay về cõi thần rồi, thân hình ông vẫn còn đứng vững như chôn chân ở giữa vòng vây.

Câu 2521, 2522 = Và vẫn cứ trơ trơ như tượng đá, vững vàng như tượng đồng, không ai lay được chuyển, rung được rời.

Câu 2523, 2524 = Quan quân thừa thế xông vào trong đồn bên địch đuổi giết mãi, sát khí hằm hằm, hung hăng không ai ngăn cản được.

Câu 2525, 2526 = Trong ngoài hào lũy trại Từ đều tan hoang một lượt. Lúc loạn quân bắt được nàng, mới dắt đến chỗ Từ chết.

Câu 2527, 2528 - Nàng thấy Từ vẫn còn trơ trơ ở giữa vùng ngổn ngang bởi bởi những tên với đá.

Câu 2529 đến 2532 - Nàng khóc rằng: Tướng Quân là bực trí dũng có thừa, chỉ vì nghe lời thiếp mà nên nông nổi này! Nay thiếp còn mặt mũi nào mà dám trông thấy Tướng Quân nữa? Thà thiếp liều chết theo Tướng Quân một ngày với nhau cho xong!

Câu 2533, 2534 = Nước mắt thảm thương tràn trụa tuôn như suối từ mạch sâu trong mình nàng ra. Dứt lời khóc nàng liền gieo đầu xuống một bên chân Từ định tự tử.

Câu 2535, 2536 = Lạ thay cho khí oan của hai người nó buộc kéo lấy nhau, nàng vừa lao đầu phục xuống, thì thấy Từ cũng liền ngã xuống.

Câu 2537, 2538 = Bọn quan quân, người qua kẻ lại thấy thế rất xót thương cho tình cảnh nàng, mới sẽ lại yên ủi nàng và dần dần vực nàng đứng dậy ra chỗ khác.

Câu 2539, 2540 = Họ đưa nàng vào trước trại Trung quân mà nộp. Hồ Công thấy mặt nàng liền hỏi han có vẻ ân cần lắm.

Câu 2541, 2542 = Hồ Công bảo nàng rằng: Nàng là thân phận đàn bà nhan sắc mà lại gặp cơn binh cách rối loạn thế này, tình cảnh thật là đáng thương.

Câu 2543, 2544 = Cuộc thắng trận này tuy là nhờ mưu toan nhà vua đã định sẵn ở nơi miếu đường, nhưng cũng nhờ có lời nàng giúp nên mới được chóng thành công như vậy.

Câu 2545, 2546 = Bây giờ đã thành công hoàn toàn rồi, tùy ý nàng muốn xin thưởng công thế nào thì cứ nói.

Câu 2547, 2548 - Nàng càng tuôn rơi nước mắt mà ngập ngừng kể rõ nông nỗi thấp cao ở trong lòng nàng.

Câu 2549, 2550 - Nàng nói: Từ Công là một đứng anh hùng dọc ngang bấy lâu nay ở nơi bể rộng sông dài mà không ai đối địch được.

Câu 2551, 2552 = Nay vì tin tôi, mới quá nhẹ dạ nghe tôi mà đem tấm thân bách chiến bách thắng về làm tôi triều đình.

Câu 2553, 2554 = Tôi những tưởng là khuyên nhau ra hàng thì vợ chồng cùng được quý hiển vinh hoa, tôi có ngờ đâu rằng Từ Công trong phút chốc bị chết thảm thương như thế này?

Câu 2555, 2556 = Tôi rất thương Từ Công ngang tàng oanh liệt ở khoảng giới bề thênh thang này trong năm năm trời nay, mà bỗng đem thân đi bỏ nơi chiến trường này như không thể vậy!

Câu 2557, 2558 = Thật ra tôi khuyên Từ Công ra hàng là để được yên hưởng phú quý, chứ đâu phải là để giết Từ Công. Nay Tướng Công lại khéo ngỏ lời khuyên nhủ cho đó là công của tôi, Tướng Công càng kể công tôi bao nhiêu, thì tôi lại càng đau lòng bấy nhiêu.

Câu 2559, 2560 = Tôi nghĩ công tôi đối với Tướng Công thì ít, mà tội tôi đối với Từ Công thì nhiều. Cuộc sống thừa của tôi bây giờ thật đáng liều chết đi lắm.

Câu 2561, 2562 = Tướng Công dạy muốn xin gì thì cho phép cứ nói. Vậy tôi dám xin Tướng Công cho tôi một chỗ đất nông xấu để chôn Từ Công thành một nấm mồ to, gọi là tỏ nghĩa đáp điểm lấy người đã kết nghĩa sống chết với nhau.”

Câu 2563, 2564 = Hồ Công nghe lời nàng nói thương tình lắm, mới truyền cho quân sĩ theo lễ cáo táng nhà binh mà chôn nguyên hình Từ Tướng ở bên sông. (Lời ghi: Đây là một ơn đặc biệt mà Kiều đã xin được cho Từ khỏi phải chém đầu, phanh thây bêu xác, và được chôn thành mồ mả tử tế).

Phụ lục: Đoạn tả tâm sự Từ Hải này đã gây ảnh hưởng thế nào cho vua Tự Đức? Tôi đã được nghe các cụ nhà tôi nói: Vua Tự Đức lúc mới đọc Truyện Kiều, khen mãi là hay; nhưng khi đọc đến những câu tả tâm trạng Từ Hải:

Bó thân về với triều đình / hàng thân lơ láo phận mình ra đâu!

Áo xiêm ràng buộc lấy nhau / vào luồn ra cúi công hầu mà chi!

Sao bằng riêng một biên thù / sức này đã dễ làm gì được nhau?

Chọc trời quấy nước mặc dầu / dọc ngang còn biết trên đầu có ai!

thì vua giận lắm, bỏ không xem nữa, kết tội Nguyễn Du là “bạt hộ” [跋扈] (vượt qua quyền phép nhà vua), có ý súi dân nổi loạn, rồi vua muốn truy cách quan tước ông Du và cấm lưu hành Truyện Kiều. Nhưng các quan khiêu oan cho ông Du, nói đó chỉ là lời tả chí bạt hộ của Từ Hải phải nói thể mới hay thôi, và xin vua đọc ngay xuống lời Kiều khuyên Từ:

Rằng: Ôn Thánh Đế dôi dào / tưới ra đã khắp thấm vào đã sâu,

Bình thành công đức bấy lâu / ai ai cũng đội trên đầu biết bao.

Vua nghe lời đầy những ý trung quân ái dân, thì mới hết giận và tiếp tục đọc.

Những câu có ý móc nối và những chữ có ý than mỉa

Truyện Kiều có nhiều chỗ tác giả nêu ra những câu tả cảnh, tả việc trái ngược, để làm mỗi liên lạc với cảnh, với việc trái ngược sau, và để làm nổi bật lên sự ngạc nhiên cho độc giả. Xin kể mấy câu thí dụ:

(1) Nêu câu tả lòng bình tĩnh của Kiều:

Êm đêm trướng rủ màn che / tường đông ong bướm đi về mặc ai.

để móc nối với câu tả điên đảo vì tình, khi thấy Kim Trọng:

Khách đà lên ngựa người còn ghé theo.

thế là hết cảnh bình tĩnh êm đêm ở nơi trướng rủ màn che.

(2) Nêu câu tả tình vui đẹp của Kim, Kiều say sưa quý mến nhau thật đầy hy vọng:

Kiều thì: *Vội gì liễu ép hoa nài / còn thân ắt một đên bồi có khi.*

Kim thì: *Thấy lời đoan chính dễ nghe / chàng càng thêm nể thêm vì mười phân.*

để móc nối ngay với đoạn tả tình sâu thương vĩnh biệt, Kim thì phải muôn dặm hộ tang, rồi:

Khi về thấy Liễu Chương Đài / cảnh xuân đã bẻ cho người chuyên tay.

để chàng phải:

Đau đòi đoan, ngất đòi thôi, tỉnh rồi lại khóc, khóc rồi lại mê.

Kiều khi gặp gia biến, phải quyết tình hạ tình, bán mình cứu cha, rồi đau đớn quá phải kêu:

Trăm nghìn gửi lạy tình quân / tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi
và cặn lời hòn ngát máu say, cả nhà phải cứu gọi mãi mới tỉnh.

(3) Nêu những câu Kiều ở Vô Tích thì nghĩ:

Lâm Truy chút nghĩa đèo bông / nước non để chữ tương phùng kiếp sau.

Thúc ở Lâm Truy thì nghĩ:

Tìm đâu cho thấy cố nhân / lấy câu vận mệnh khuấy dân nhớ thương

để móc nối ngay với đoạn chàng nàng sừng sốt bất kỳ gặp nhau ở trước mặt

Hoạn thư:

Kiều thì: *Phải rằng nắng quáng đèn lò / rõ ràng ngòi đò chẳng là Thúc Sinh?*

Thúc thì: *Sinh đã phách lạc hồn siêu / thương ôi chẳng phải nàng Kiều ở đây?*

Thế là cùng tỉnh ra thì biết là mắc tay Hoạn Thư.

(4) Cũng vậy, tác giả nêu mấy câu tả cảnh toàn thịnh vượng oanh liệt của Từ Hải:

Trước cờ ai dám tranh cường / năm năm hùng cứ một phương hải tần.

để móc nối với mấy câu tả cuộc Từ bị Hồ lừa chết đứng ở giữa vùng tên đá:

Năm năm trời bể ngang tàng / dẫn thân đi bỏ chiến tràng như không.

Thế là khiến độc giả vừa thấy “hùng cứ một phương hải tần” đã lại thấy ngay “cảo tang di hình bên sông”, thật là đáng ngậm ngùi cho kẻ anh hùng vì ngay thật mà bị chết oan.

(5) Câu *Tiện nghi phủ, tiểu việc ngoài đồng* nhưng thật đã mở màn cho mọi sự diễn biến trong đoạn này vì hai chữ “phủ, tiểu.” Hồ Tôn Hiến thì vì chữ “phủ” mà làm hết cách hèn hạ, dứt lót luôn lụy vợ chồng giặc, lén lút dòm ngó tình thế giặc, và hết cách giả dối, lễ tiên binh hậu để lừa Từ; rồi lại vì chữ “tiểu” mà hết sức bất nhân thừa thế đuổi dài tàn sát hàng binh. Vì chữ “phủ” mà Từ tuy ý quyết chiến nhưng vẫn hồ đồ, và Kiều thì vừa ngán cảnh lưu lạc, lại nhe dạ tin lời chiêu phủ, mới khuyên Từ về hàng cho được yên hưởng vinh hoa,

rút cuộc vì chữ “phủ” giả dối và chữ “tiểu” bất nhân mà Từ bị chết oan, Kiều bị ô nhục, xuống sông theo Từ.

(6) Tác giả có ý dùng những câu hay những chữ để chê trách một hạng người nào, hoặc để mỉa mai ngầm một nhân vật tả trong truyện, nhất là Hồ Tôn Hiến, xin kể như sau:

Hay nhất là câu:

Phong trần mài một lưỡi gươm / những loài giá áo túi cơm sá gì.

Lời văn đã hay đẹp, điêu luyện, hùng dũng hợp với khí phách ngang tàng của Từ Hải, chỉ muốn ra tay dẹp nổi bất bình; ý nghĩa lại thâm thúy mỉa mai sâu rộng nhiều hạng người, rõ ràng nhất là mỉa mai lũ quan, tướng, chỉ cốt ăn ngon mặc đẹp, chẳng nghĩ gì đến dân nước, khi giặc đến bỏ chạy như gói tan, để giặc coi như lũ súc vật gọi là loài giá áo túi cơm. Ngoài ý mỉa mai rõ ràng lũ quan bất tài ấy, tác giả còn ngầm ý chỉ trích kín đáo nhà vua không biết kén dùng người tài giỏi, để đến nỗi giặc đến đâu thì như chẻ tre đến đấy. Câu *Phong trần mài một lưỡi gươm* ngoài ý tả Từ Hải tung hoành đắc chí như thế là vì gặp lũ quan vô tài, chứ đâu phải Từ là tay tài giỏi thật, vì chỉ múa gươm trong đám gió bụi không người.

Tác giả thật đã dụng ý lấy câu *Phong trần mài một lưỡi gươm / Những loài giá áo túi cơm sá gì* để than ngầm thời cuộc: chỉ vì vua Lê chúa Trịnh không biết kén dùng người tài để đến nỗi quân Tây Sơn ra Bắc Hà như vào chỗ không người; chứ cứ theo ý Ông, thì Nguyễn Huệ chưa chắc đã là tay vô địch. Trong bài thơ đề cuốn *Tang Thương Ngẫu Lục* [桑滄偶錄] ông Phó Bảng Đồng Tỉnh Phan Văn Ái cũng có hai câu đề than thở thời sự hồi Pháp thuộc, đồng ý với lời than thở ngầm kín của tác giả này:

[鄭黎自作離膏蠟] Trịnh Lê tự tác ly cao giải

(Vua Lê chúa Trịnh tự gây cho mình cái kiếp con cua phải lia khỏi ruộng tốt)

[岳惠徒誇得腐鳶] Nhạc Huệ đồ khoa đắc hủ diên

(Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ khoe hảo cái sự anh hùng như con ó vô được thầy chết)

(7) Câu *Đẩy xe vàng chỉ đặc sai* ngụ ý mỉa mai Hồ Tôn Hiến được vua Trịnh trọng đưa tiễn như thế, mà mất cả uy tín của Vương sư: “phủ” chẳng ra phủ, “tiểu” chẳng ra tiểu; phủ thì làm cách quá hèn, quá lừa đảo, tiểu thì làm cách quá tàn nhẫn. Câu *Kinh luân gồm tài* ngụ ý mỉa mai tài kinh luân của quan Tổng đốc chỉ có thể: đem của ra đút lót để lừa dối một người đàn bà.

(8) Câu *Biết Từ là đáng anh hùng* tỏ ra Tôn Hiến quá sợ Từ Hải. Câu *Lại riêng một lễ với nàng* tỏ ra Tôn Hiến rất hèn phải lễ vợ tướng giặc. Câu *Vương sư dòm đã tỏ tường thật hư* tỏ ra Tôn Hiến lên lút bất chính, mất cả thể thống Vương sư.

CHƯƠNG 26

CÂU 2565 ĐẾN CÂU 2736

“Sông Tiền sạch nợ, am cỏ chay lòng”

2565. Trong quân mở tiệc hạ công, [1]
Xôn xao tơ trúc hội đồng quân quan. [2]

2567. Bắt nàng thị yến dưới màn, [3]
Dở say lại ép cung đàn nhật tâu. [4]

2569. Một cung gió túi mưa sầu,
Bốn dây giỏ máu năm đầu ngón tay!

2571. Ve ngâm vượn hót nào tà,
Lọt tai Hồ cũng nhãn mảy rơi châu.

2573. Hỏi rằng: “Này khúc ở đâu?
Nghe ra muôn oán nghìn sầu lắm thay!”

2575. Thưa rằng: “Bạc mệnh khúc này,
Phổ vào đàn ấy những ngày còn thơ.

2577. Khúc cầm lựa những ngày xưa,
Mà gương bạc mệnh bây giờ là đây!”

2579. Nghe càng đắm, ngắm càng say,
Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình!

2581. Dạy rằng: “Hương lửa ba sinh,
Dây loan xin nói cầm lành cho ai.”

2583. Thưa rằng: “Chút phận lạc loài,
Trong mình nghĩ đã có người thác oan.

2585. Còn chi nữa cánh hoa tàn,
Tơ lòng đã đứt dây đàn Tiểu Lân. [5]

2587. Rộng thương còn mảnh hồng quần,
Hơi tàn được thấy gốc phần là may!” [6]

2589. Hạ công chén đã quá say,

Hồ công đến lúc rạng ngày nhớ ra.
2591. Nghĩ mình phương diện quốc gia, [7]
Quan trên ngắm xuống, người ta trông vào.
2593. Phải tuồng trăng gió hay sao,
Sự này biết tính thế nào được đây?
2595. Công nha vừa buổi rạng ngày, [8]
Quyết tình Hồ mới đoán ngay một bài.
2597. Lệnh quan ai dám cãi lời,
Ép tình mới gán cho người thổ quan. [9]
2599. Ông tơ thực nhé đa đoan!
Xe tơ sao khéo vợ quàng vợ xiên?
2601. Kiêu hoa ép thẳng xuống thuyền,
Lá màn rủ thấp ngọn đèn khêu cao.
2603. Nàng càng ủ liều phai đào, [10]
Trăm phần nào có phần nào phần tươi?
2605. Đành thân cát lấp sóng vùi,
Cướp công cha mẹ, thiệt đời thông minh!
2607. Chân trời mặt bể lệnh đênh,
Năm xương biết gởi tử sinh chốn nào.
2609. Duyên đâu ai dứt tơ đào,
Nợ đâu ai đã dặt vào tận tay!
2611. Thân sao thân đến thế này?
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi! [11]
2613. Đã không biết sống là vui,
Tâm thân nào biết thiệt thòi là thương!
2615. Một mình cay đắng trăm đường,
Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi!
2617. Mảnh trăng đã gác non đồi, [12]
Một mình luống những đứng ngòai chưa xong.
2619. Triều đâu nổi tiếng ùng ùng, [13]
Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền đường.

2621. Nhớ lời thần mộng rõ ràng,
Này thôi hết kiếp đoạn trường là đây!

2623. Đạm Tiên nàng nhé có hay!
Hẹn ta thì đợi dưới này rước ta.

2625. Dưới đèn sẵn bức tiên hoa,
Một thiên tuyệt mệnh gọi là để sau. [14]

2627. Cửa bông vội mở rèm châu, [15]
Trời cao sông rộng một màu bao la.

2629. Rằng: “Từ công hậu đãi ta,
Xót vì việc nước, mà ra phụ lòng.

2631. Giết chồng mà lại lấy chồng,
Mặt nào còn đứng ở trong cõi đời?

2633. Thôi thì một thác cho rồi,
Tấm lòng phó mặc trên trời dưới sông!”

2635. Trông vời con nước mệnh mông, [16]
Dem mình gieo xuống giữa dòng Trường Giang .

2637. Thỏ quan theo vớt vôi vàng,
Thì đà đắm ngọc chìm hương mất rồi!

2639. Thương thay cũng một kiếp người,
Hại thay mang lấy sắc tài làm chi!

2641. Những là oan khổ lưu ly,
Chờ cho hết kiếp còn gì là thân!

2643. Mười lăm năm bấy nhiêu lần,
Làm gương cho khách hồng quần thử soi!

2645. Đòi người đến thế thì thôi,
Trong cơ âm cực dương hồi khôn hay. [17]

2647. Mấy người hiếu nghĩa xưa nay,
Trời làm chi đến lâu ngày càng thương!

2649. Giác Duyên từ tiết giả nàng,
Đeo bầu quấy níp rộng đường vân du. [18]

2651. Gặp bà Tam Hạp đạo cô,

Thong dong hỏi hết nhỏ to sự nàng:
2653. “Người sao hiểu nghĩa đủ đường,
Kiếp sao rặt những đoạn trường thế thôi?”
2655. Sư rằng: “Phúc, họa, đạo trời,
Cõi nguồn cũng ở lòng người mà ra. [19]
2657. Có trời mà cũng tại ta,
Tu là cõi phúc tình là dây oan. [20]
2659. Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan,
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành,
2661. Lại mang lấy một chữ tình,
Khu khu mình buộc lấy mình vào trong.
2663. Vậy nên những chốn thong dong,
Ở không yên ổn, ngồi không vững vàng.
2665. Ma đưa lối, quỷ dẫn đường,
Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi.
2667. Hết nạn ấy đến nạn kia,
Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần. [21]
2669. Trong vòng giáo dục gương trần, [22]
Kề lưng hùm sói, gởi thân tôi đòi.
2671. Giữa dòng nước chảy, sóng dồi,
Trước hàm rồng cá, gieo mồi băng tanh. [23]
2673. Oan kia theo mãi với tình,
Một mình mình biết, một mình mình hay.
2675. Làm cho sóng đọa thác đầy,
Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi!”
2677. Giác Duyên nghe nói rưng rờ:
“Một đời nàng nhé thương ôi còn gì!”
2679. Sư rằng: “Song chẳng hề chi,
Nghịch duyên cân lại nhắc đi còn nhiều. [24]
2681. Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều, [25]
Mắc điều tình ái, khỏi điều tà dâm,

2683. Lấy tình thâm trả tình thâm,
Bán mình đã động hiểu tâm đến trời!

2685. Hại một người, cứu muôn người,
Biết đường khinh trọng, biết lời phải chẳng.

2687. Thừa công đức ấy ai bằng? [26]
Túc khiên đã rửa láng láng sạch rồi! [27]

2689. Khi nên trời cũng chiều người,
Nhẹ nhàng nợ trước, đền bồi duyên sau.

2691. Giác Duyên dù nhớ nghĩa nhau,
Tiền đường thả một bè lau rước người.

2693. Trước sau cho vẹn một lời,
Duyên ta mà cũng phúc trời chi không!”

2695. Giác Duyên nghe nói mừng lòng,
Lân la tìm thú bên sông Tiên đường, [28]

2697. Đánh gianh chum nóc thảo đường, [29]
Một gian nước biếc mây vàng chia đôi.

2699. Thuê năm ngư phủ hai người, [30]
Đóng thuyền trực bến, kết chài dăng sông. [31]

2701. Một lòng chẳng quản mấy công,
Khéo thay gặp gỡ, cũng trong chuyển vận! [32]

2703. Kiêu từ gieo xuống doanh ngân, [33]
Nước xuôi bỗng đã trôi dần tận nơi.

2705. Ngư ông kéo lưới vớt người,
Ngãm lời Tam Hợp rõ mười chẳng ngoa!

2707. Trên mui lướt lướt áo là,
Tuy dầm hơi nước, chưa lòa bóng gương.

2709. Giác Duyên nhận thật mặt nàng,
Nàng còn thêm thiếp giắc vàng chưa phai.

2711. Mơ màng phách quế hồn mai,
Đạm Tiên thoát đã thấy người ngày xưa.

2713. Rằng: “Tôi đã có lòng chờ,

Mất công mười mấy năm thừa ở đây.
 2715. Chị sao phận mỏng đức dày,
 Kiếp xưa đã vậy, lòng này dễ ai! [34]
 2717. Tâm thành đã thấu đến trời,
 Bán mình là hiếu, cứu người là nhân.
 2719. Một niềm vì nước vì dân,
 Âm công cất một đồng cân đã già! [35]
 2721. Đoạn trường số rút tên ra,
 Đoạn trường thơ phải đưa mà giả nhau.
 2723. Còn nhiều hưởng thụ về lâu,
 Duyên xưa đầy đủ, phúc sau đòi dào!”
 2725. Nàng còn ngơ ngẩn biết sao,
 Trạc Tuyên! nghe tiếng gọi vào bên tai.
 2727. Giật mình thoát tỉnh hồn mai,
 Bâng khuâng nào đã biết ai mà nhìn.
 2729. Trong thuyền nào thấy Đạm Tiên,
 Bên mình chỉ thấy Giác Duyên ngồi kề.
 2731. Thấy nhau mừng rỡ trăm bề,
 Dọn thuyền mới rước nàng về thảo lư.
 2733. Một nhà chung chạ sớm trưa,
 Gió trăng mát mặt, muối dưa chay lòng.
 2735. Bốn bề bát ngát mênh mông,
 Triều dâng hôm sớm, mây lồng trước sau.

Đính chính và xác định

Câu 2579 – *Nghe càng đắm, ngắm càng say* – Hồ Công thấy mặt Kiều vốn đã có lòng say đắm ngay, lúc đó nghe tiếng đàn nàng gảy lòng lại càng đắm say thêm, rồi lại càng ngắm nàng, và càng ngắm nàng, tình lại càng say sưa thêm, rồi sóng tình bùng nổi dần dần đến quên cả “phương diện quốc gia.” Mấy câu này tả cuộc động tĩnh tâm thần của Hồ Tổng Đốc thật khéo, thật rõ từ ngoài vào trong, rồi lại từ trong ra ngoài.

Câu 2638 – *Thì đà đấm ngọc chìm hương mất rồi* – Nhiều bản Kiều nôm và hết thấy các bản Kiều quốc ngữ đều in câu này là “Thì đà đấm ngọc chìm hương cho rồi” xét ra chữ “cho” ở đây thật vô nghĩa. Đó là vì nhiều bản nôm khác và in chữ [失] (thất tức là mất) làm ra chữ [朱] (Hán chu, nôm cho). Tôi rất lạ sao ông Kim ông Kỳ cũng theo sự làm vô nghĩa đó.

Câu 2672 – *Trước hàm rồng cá gieo mồi băng tanh* – Kiều đem tấm thân trong trắng như băng như ngọc, nhưng đã bị cuộc đời làm ô uế tanh hôi đó mà gieo xuống sông để làm mồi cho lũ rồng cá nó trông đã ngon mắt, ngửi lại ưa mùi. Câu này đối thật chính với câu “Kề lưng hùm sói, gửi thân tôi đời” ở trên.

Dùng chữ “mồi băng tanh” để tả tấm thân Kiều phải gieo xuống sông liều với rồng cá, thật là đầy đủ ý nghĩa xác đáng hay vô cùng. Nhưng vì chữ “băng tanh” nôm viết là [冰腥] gần giống như chữ [永腥] vắng tanh, nên các bản nôm khác làm ra vắng tanh ([冰腥] làm ra [永腥]), thành vô nghĩa. Có một nhà xuất bản thấy vắng tanh vô nghĩa, mới đổi câu này là “Trước hàm rồng cá gieo mồi thủy tinh [水星]” và giải nghĩa thủy tinh là cung của Long vương ở dưới sông bể, thật là vô lý, và lại cung của Long vương là [水晶] chứ không phải là [水星]. Hai chữ tinh đồng âm những nghĩa khác nhau xa.

Bản Kiều hai ông Kim Kỳ cũng ghi cho biết là “gieo mồi vắng tanh” hay “gieo mồi thủy tinh” đều vô nghĩa cả, nhưng cũng đành theo bản nôm cổ mà phiên âm là “gieo mồi vắng tanh.” Vậy xin đính chính lại là: “...gieo mồi băng tanh.”

Chú giải và dẫn điển

[1] *Hạ công* [賀功] = tiệc mừng dẹp giặc thành công.

[2] *Ty trúc* [絲竹] (tơ tre) = đàn, sáo.

[3] *Thị yến* [侍宴] = đứng hầu rót rượu trước mâm tiệc. *Dưới màn* = đứng ở dưới bức màn bằng da hổ căng ở chỗ phòng Tướng ngồi.

[4] *Giờ say lại ép vận đàn nhật tâu* – Tôi không hiểu đích xác nghĩa bốn chữ “vận đàn nhật tâu” là gì. Tôi chỉ nhớ chữ “nhật tâu” thì ở bản Kiều nôm viết là [日奏] (ngày tâu); chữ “vận” thì không nhớ ở bản nôm in là [運] (vận

chuyển) hay là [韻] (vần, khúc đàn). Cuốn Kiều Kim Kỳ thì in là “vận đàn nhật tâu” mà không giải nghĩa là gì, tôi cho “nhật tâu” là vô nghĩa, vả lại chữ “ã” và chữ “â” ở quốc ngữ in lầm lẫn là thường, chắc gì mà lấy hai chữ vận nhật này làm bằng có mà luận nghĩa được? Tôi nhớ có bản Kiều in câu này là “Giờ say lại ép cung đàn nhật tâu,” vậy có lẽ chữ vận [韻] là một khúc đàn, một bài đàn, nên nhà văn nào đó mới đổi “vận” ra “cung” để cho rõ nghĩa và liền với chữ “cung” ở câu sau “Một cung gió thảm mưa sâu.” Còn chữ “nhật tâu” thì có lẽ là khúc đàn hay, ngày nào cũng thường gảy. Đáng lẽ phải nói là “nhật tấu” nhưng trong văn thơ thường hay đổi thanh trắc ra thanh bằng cho hợp âm luật, như đổi “nghĩa” ra “nghì” (Làm thân trâu ngựa đên nghì trúc mai); đổi “nạn” ra “nàn” (Gặp cơn binh cách nhiều nàn cũng thương), vân vân. Chữ “tấu” nghĩa là tấu một khúc nhạc, gảy một bài đàn, thổi một bài sáo.

Theo những nhận xét trên thì câu “Giờ say lại ép vận đàn nhật tâu” có nghĩa là: Khi rượu đã hơi say rồi, Hồ công mới ép nài bắt Kiều gảy đàn và cho phép gảy khúc nào nàng cho là hay mà thường ngày vẫn gảy (nhật tâu). Bởi vậy nàng mới dám gảy khúc “Đoạn Trường” mà không sợ bị Hồ quở trách như Hoạn Thư “Tiệc vui gảy khúc Đoạn trường ấy chi / Sao không biết ý từ gì.”

[5] *Dây đàn Tiểu Lân* – Nàng Tiểu Lân [小璘] là vợ vua nước Bắc Tề. Khi nước Tề bị nhà Đường diệt, nàng phải vào cung Đại vương [代王] nhà Đường. Một hôm nàng gảy đàn, đàn đứt dây, nàng ngồi khóc, không nối lại dây đàn. Đại Vương hỏi sao, thì nàng ngâm một bài thơ trong đó có hai câu sau:

[欲知腸斷絕, 應看膝上絃] “Dục tri trường đoạn tuyệt, ưng khán tất thượng huyền.”

(Muốn biết lòng này day dứt thế nào, thì nên xem sợi dây trên đùi này).

[6] *Gốc phần* – Làng vua Hán Cao Tổ trồng nhiều cây phần, cho nên vua gọi làng vua là “phần hương” [粉鄉] (làng cây phần). Sau người ta gọi làng quê mình là phần hương. Được thấy gốc phần tức là được về làng quê cha mẹ.

[7] *Phương diện quốc gia* – *Phương diện* [方面] = ông quan to cai trị một phương trong nước. *Phương diện quốc gia* = ông quan to của nhà nước, của triều đình.

- [8] *Công nha* [公衙] = nơi tòa quan ngồi xử việc công.
- [9] *Thổ quan* [土官] = người quan nhỏ cai trị ngay tại địa phương quê mình. Ngày xưa ở vùng rừng núi hiểm trở hay dùng người chính quán ở đó để cai trị cho dễ.
- [10] *Ủ liễu phai đào* = mặt mày buồn ủ tê tái buồn bã.
- [11] *Dư* = thừa, sống ngày nào là thừa ngày ấy thôi.
- [12] *Mảnh trăng đã gác non đoài* = hồi nửa đêm thượng tuần âm lịch, trăng có một nửa sáng và đã xế xuống dãy núi phía tây.
- [13] *Chữ triều* = nước thủy triều.
- [14] *Thiên tuyệt mệnh* [絕命] = bài văn thơ làm lúc sắp chết, sắp tự tử.
- [15] *Cửa bông* = cửa kết bằng cỏ bông của chiếc thuyền nhẹ của thổ quan.
- [16] *Con nước* – Giới thuyền chài vẫn dùng tiếng “con nước” để tính nước thủy triều to hay nhỏ: một con nước, hai, ba con nước, vân vân.
- [17] *Âm cực dương hồi* [陰極陽回] = hết vận khổ rồi lại chuyển sang vận sướng, cũng như khí tiết trong một năm, rét đến cực độ rồi lại ấm dần dần trở lại.
- [18] *Níp* hay *kíp* = cái giỏ vuông đan bằng tre để chứa sách vở, đồ đạc mang đi đường. *Vân du* [雲遊] = đi vân cảnh trời mây chùa chiền mọi nơi.
- [19] *Cổn nguồn* = Do hai chữ [根] (căn) = gốc rễ cây) và [源] (nguyên) = nguồn suối, sông).
- [20] *Cõi phúc* = Do chữ [福根] (phúc căn) dịch ra, hàm ý đi tu thì được sung sướng thành thói, đa tình thì hay gặp sự oan khổ.
- [21] *Thanh y hai lần* = một lần hầu mẹ con Hoạn Thư và một lần hầu rượu họ Hồ.
- [22] *Gươm trần* = gươm tuốt vỏ ra.
- [23] *Gieo môi băng tanh* – Xem lời giải ở mục đính chính câu 2672 trong đoạn này.
- [24] *Nghiệp duyên* – Nghiệp = tội nghiệp do tình ái gây ra. Duyên = phúc duyên gây ra được vì có nhiều công đức và có lòng hiếu nghĩa.

[25] *Tội nghiệp* – Tội nghiệp của Kiều có hai phần: (a) một phần từ kiếp trước như Đạm Tiên nói “Số còn nặng nghiệp má đào”, (b) phần nữa là “mắc điều tình ái, khỏi điều tà dâm” trong kiếp này. Chuộc tội kiếp trước bằng sự “hại một người, cứu muôn người”; chuộc tội kiếp này bằng sự “lấy tình thâm trả tình thâm.”

[26] *Thừa* = tiếng cỏ, nghĩa là của ai. *Thừa công đức ấy* = công đức ấy của Kiều. Chữ “thừa” do chữ Hán là [其] (kỳ) dịch ra. Trước kia ta vẫn đọc [其] kỳ là thừa. Vì chữ kỳ bao giờ cũng để ở trên danh từ, như nói [養牛以用其力, 以食其肉] Dưỡng ngư dĩ dụng kỳ lực, dĩ thực kỳ nhục = Nuôi trâu để dùng thừa sức, để ăn thừa thịt. Bởi vậy đây mới nói “Thừa công đức ấy...”

[27] *Túc khiên* [夙愆] – *Túc* [夙] = cũ ; *khiên* [愆] = tội lỗi. *Túc khiên* = tội lỗi cũ từ kiếp trước để lại.

[28] *Tim thú* đây = dạo xem phong cảnh.

[29] *Đánh gianh* = xếp lá cỏ gianh thành túm bằng bìa rồi dùng ba nan tre dài đan kẹp đầu góc lại thành từng một phen dài mà lợp lên mái nhà. *Chùm* = gõ buộc tre nửa thành một khung nhà lều tạm bợ. *Thảo đường* = nhà lợp cỏ có vẻ sạch sẽ dễ coi.

[30] *Thuê năm* = thuê làm việc cả năm.

[31] *Đóng thuyền* = đỗ thuyền luôn luôn ở đó. *Kết chài* = kết lưới.

[32] *Trong chuyển vận* = trong cuộc xoay chuyển dun dùi tự nhiên của trời đất.

[33] *Đoàn ngân* = vùng nước rộng mông mênh, phản ánh lại màu trời trắng như bạc.

[34] *Kiếp xưa* = tội nghiệp từ kiếp trước.

[35] *Âm công cá một đồng cân đã già* – *Âm công* [陰功] = công đức mình làm mà không ai biết. *Đồng cân* = một phần của lạng. Những đơn vị trong phép cân của ta là: tạ (60 kg), yến (6 kg), cân (600 g), lạng (37,5 g), đồng hay đồng cân (3,75 g), phân (0,375 g). Tạ = 10 yến, yến = 10 cân, cân = 16 lạng, lạng = 10 đồng cân, đồng cân = 10 phân. Câu Kiều này nghĩa là: Dem âm công đọ với kiếp xưa, thì bên đĩa cân để âm công nặng hơn đĩa cân để kiếp xưa một đồng

cân và cật (nhắc) đĩa kiếp xưa cao lên.

Diễn ra văn xuôi

Câu 2565, 66 = Hồ Công mở tiệc ăn mừng dẹp giặc thành công ở trong quân, họp tất cả tướng sĩ lại cùng dự, tiếng đàn sáo nổi lên rất vui vẻ xôn xao.

Câu 2567, 68 = Họ Hồ bắt nàng ra đứng ở dưới chỗ màn trước tướng mà hầu rót rượu, rồi lúc ngà ngà say rượu, lại ép tình bắt nàng gảy đàn. Hồ cho phép gảy khúc đàn nào nàng cho là hay nhất mà thường gảy ngày ngày.

Câu 2569, 70 = Cung đàn Kiều gảy bấy giờ nghe thật thê thảm rõ như gió tung nổi lòng tủi, như mưa tuôn hạt lệ sầu, như máu ở năm đầu ngón tay nàng giỏ ra bốn dây trên mặt đàn.

Câu 2571, 72 = Dẫu giọng ve ngâm mùa thu, dẫu tiếng vượn hót chiều tối, cũng không sầu thảm bằng. Hồ công đang ngồi trên chiếu tiệc vui thế, mà khi tiếng đàn lọt vào tai, cũng phải nhăn đôi mày, phải rơi nước mắt.

Câu 2573, 74 = Hồ hỏi: Khúc đàn này nàng lấy ở đâu mà ta nghe thấy muôn oán nghìn sầu, thảm thương như thế?

Câu 2575, 76 = Nàng thưa: Đây là khúc Bạc Mệnh mà tôi đã phỏ vào đàn này từ lúc tôi còn thơ ngây.

Câu 2577, 78 = Cung đàn này tôi lựa đã từ hồi xưa, mà gương bạc mệnh bây giờ tôi mới thấy hiện ra ở đây!

Câu 2579, 80 = Hồ công lòng đã say sưa nàng rồi, bấy giờ nghe đàn nàng gảy lại càng say đắm thêm, rồi càng ngấm nàng thêm, mà càng ngấm lại càng thấy nàng đẹp và càng say đắm thêm. Thật lạ cho vẻ mặt ông, trước thì oai nghiêm lạnh lùng như sắt thép, mà giờ bỗng hóa ra ngây đơ vì tình!

Câu 2581, 82 = Rồi ông vì say mê nàng quá, mới giờ thật giờ đùa lên giọng quan trên mà dạy rằng: Vì duyên hương lửa ba sinh vương vít lòng nhau, vậy xin đem keo loan nối lại sợi dây đứt cây đàn cầm tốt đẹp này cho ai nhé! Hai câu “Dạy rằng hương lửa ba sinh / Dây loan xin nối cầm lành cho ai” này tác giả thật khéo đặt rất hay để tả lời một quan trên mê gái, nói câu lơ lỡm, lửng lơ để cợt ghẹo một nàng gái góa, vừa nghĩa là (a) Ta thương nàng, ta sẽ xin chấp nối cuộc tình duyên của nàng với một người nào đó, vừa nghĩa là (b) Ta thương nàng, ta xin sẽ chấp nối cuộc tình duyên cho nàng nhé! Vì lời lơ lỡm ý nọ ra ý kia, nên diễn hai câu này ra văn xuôi cho trôi chảy rõ ràng thật khó.

Câu 2583, 84 = Kiêu thừa lại rằng: Tôi đã là kẻ thân phận lạc loài khổ sở, nay lại thêm nỗi trong bụng lúc nào cũng hối hận là đã có người chết oan vì mình.

Câu 2585, 86 = Cái cánh hoa đã tàn rụng này làm gì còn mối hương lửa ba sinh nữa! Tơ duyên ở trong lòng tôi này thật đã đứt hẳn như sợi dây đàn của nàng Tiểu Lân rồi! Xin ngài đừng nói đến chuyện chấp nối nữa.

Câu 2587, 88 = Tôi rất cảm ơn ngài đã rộng lượng thương tôi còn mảnh hồng quần (tức là còn chút nhan sắc) và dám mong nhờ bóng ngài che chở để trong lúc còn chút hơi sống thừa này, tôi lại được về thấy làng quê cha mẹ thì thật là may mắn lắm. (Hai câu này trả lời câu Hồ nói “Dây loan xin nối cầm lành cho ai.” Lời Hồ nói đầy vẻ lả lơ, lỡm lờ, nhưng lời Kiêu thừa lại thì thật đứng đắn, thật thâm tha thiết, vì nhớ cha mẹ quá mà đành ngỏ ý kín đáo liêu thân theo hầu Hồ để mong được về quê gặp gia đình. Câu sư Tam Hợp nói “Kề lưng hùm sói, gửi thân tôi đòi” là để chỉ việc Kiêu theo chiều Hồ này).

Câu 2589, 90 = Trong bữa tiệc hạ công tối hôm đó, Hồ công rượu đã quá say, quên cả thể diện. Rạng sáng hôm sau tỉnh dậy mới nhớ ra là mình đã quá say đắm Kiêu.

Câu 2591, 92 = Ông nghĩ: Mình là một vị đại thần, chúa tể một phương, trên thì các quan trên ngắm xuống, dưới thì dân chúng nhìn vào.

Câu 2593, 94 = Chứ đâu có phải là hạng người tầm thường mà ăn ở ra tuồng trắng hoa hư hỏng như thế được! Sự trót lỗ này ta biết tính làm sao bây giờ cho xong xuôi đây? (Nghĩ thế, Hồ liền trở mặt bội bạc với Kiều để bung bít tội lỗi mình).

Câu 2595, 96 = Rồi ngay buổi hầu ở công đường sáng hôm đó, Hồ quyết định ngay một lời.

Câu 2597, 98 = Lời này tuy ai cũng biết là tàn nhẫn, nhưng lệnh quan đã truyền, thì không ai dám không vâng theo. Hồ đã ép tình say Kiều xuống, mà gán Kiều cho một người thổ quan mà bắt Kiều phải lấy=

Câu 2599, 2600 = Thật đáng ngán cho ông Tư hồng sao mà lắm truyện thế? Xe duyên cho người ta, sao ông lại vợ càn vợ xiên mà xe bừa đi như thế?

Câu 2601, 02 = Thế là kiêu hoa áp điệu cô dâu đi thẳng xuống thuyền, buông màn thuyền xuống, đốt ngọn đuốc hoa lên.

Câu 2603, 04 = Nàng thì mặt mày ủ ê vì buồn, xanh tái vì hận, trăm phần chẳng được một chút phần nào vui tươi cả.

Câu 2605, 06 = Ngồi trong thuyền nàng đã có ý muốn nhảy xuống sông tự tử, đành thân cho cát lấp sóng vùi, đành cướp công cha mẹ nuôi mình mất không, đành chịu thiệt một đời thông minh mà chẳng làm nên được gì.

Câu 2607, 08 = Nàng những thương thân sông thì đã lênh đênh mãi ở nơi chân trời góc bể, mà nay chết đi, thì lại biết gửi nắm xương vào nơi nào cho người thân tình biết mà tới thăm viếng?

Câu 2609, 10 = Nàng nghĩ sao cái tơ duyên đem qua tươi thắm thế mà ai nỡ dứt đi, để hôm nay đất cái nợ này mà buộc vào tận tay cho mình?

Câu 2611, 12 = Thân ta sao mà đến nỗi tui cực thế này? Rõ thật còn sống ngày nào cũng là sống thừa ngày đó thôi.

Câu 2613, 14 = Tâm thân này đã không biết sống là vui, thì chết đi còn biết là gì thiệt thòi nữa mà tiếc với thương?

Câu 2615, 16 = Một mình ta thật chịu đủ trăm đường cay đắng như vậy, thì thôi đành để cho tấm thân như vàng như ngọc này tan nát đi là xong!

Câu 2617, 18 = Lúc đó đêm đã khuya, mặt trăng như một mảnh gương đã xế xuống ngọn dãy núi phía tây rồi, mà một mình nàng vẫn lúc đứng, lúc ngồi, chẳng lúc nào yên.

Câu 2619, 20 = Bỗng thấy nước triều nổi lên ầm ầm, nàng hỏi ra mới biết đây là sông Tiền Đường.

Câu 2621, 22 = Nàng nhớ rõ ràng đến lời Đạm Tiên bảo nàng khi trước và nàng nghĩ: Thôi đây hẳn là chỗ ta được hết kiếp đoạn trường rồi!

Câu 2623, 24 = Nàng sẽ khẩn nói: Hồn nàng Đạm Tiên, có biết ta ở đây không? Nàng đã hẹn ta trước kia, thì hẳn nay nàng phải đợi ta ở dưới sông này!

Câu 2625, 26 = Nhân trước đèn có tờ giấy hoa tiên, nàng mới viết một bài tuyệt mệnh để lưu lại về sau.

Câu 2627, 28 = Nàng mở bức màn che cửa thuyền bỗng ra, thấy trời cao sông rộng cùng một màu mênh mông tím thắm.

Câu 2629, 30 = Nàng nói: Từ Công thật hết lòng hậu đãi ta, nhưng xót thay chỉ vì ta nghĩ đến dân đến nước, mà thành ra ta phụ lòng Từ Công!

Câu 2631, 32 = Ta đã giết chồng, mà nay ta lại lấy chồng, thì ta còn mặt mũi nào mà sống, mà đứng ở trên cõi đời nữa?

Câu 2633, 34 = Thôi đành chết đi cho xong! Tấm lòng oan khổ của ta nay ta đành phó mặc cho trên trời cao, cho dưới sông rộng nay soi xét.

Câu 2635, 36 = Rồi nàng trông xa ra mặt con nước triều dâng đầy mênh mông mà lao mình gieo xuống giữa giòng sông dài.

Câu 2637, 38 = Viên thổ quan vội vã theo vót, nhưng tấm thân như hoa như ngọc của nàng đã chìm đắm trôi đi đâu mất rồi.

Câu 2639, 40 = Thương thay cho nàng: Cũng là một kiếp người mà hại thay mang tài sắc làm chi cho lắm để phải chịu một đời bạc mệnh như thế!

Câu 2641, 42 = Suốt đời chỉ gặp tình những cảnh oan khổ đau xót và lưu lạc nay đây mai đó, cho đến lúc hết nạn hết kiếp, thì thân cũng chẳng còn.

Câu 2643, 44 = Trong mười lăm năm trôi, phải chịu bao nhiêu phen nhục nhã đau đớn! Nàng thật là tấm gương cho khách hồng quần soi để liệu mà chớ khoe tài khoe sắc.

Câu 2645, 46 = Kể ra thì đời người khổ cực đến như vậy thì thôi thật, nhưng trong cơ trời đất xoay vần, âm cực thì dương hồi, bỉ cực thì thái lai, người ta không thể nào biết được.

Câu 2647, 48 = Xưa nay đã từng có được mấy người đủ đường hiểu nghĩa như nàng Kiều, mà sao trời lại làm nàng khổ nhục mãi để làm gì? Sau đây mới hiểu

trời càng làm khổ lâu ngày để rồi trời lại càng thương mà cho được sung sướng nhiều để đền bù lại.

Câu 2649, 50 = Bà Giác Duyên từ khi từ giã Kiều ở trại quân ra, sẵn tiền bạc bà liền đeo bầu quây níp đi vân du nhiều nơi.

Câu 2651, 52 = Một hôm bà gặp Tam Hợp Đạo Cô, bà nhớ lời Kiều dặn, mới thông thả hỏi cặn kẽ Đạo Cô hết sự nhỏ sự to về sau của nàng.

Câu 2653, 54 = Bà hỏi: Sao Kiều là người hiếu nghĩa đủ đường, mà kiếp nàng lại gặp tình những cảnh đoạn trường như vậy?

Câu 2655, 56 = Đạo Cô nói: Đạo Trời là “họa dâm phúc thiện” (gieo tội vạ cho kẻ dâm, ban phúc cho người thiện), nên nguồn gốc của họa, phúc là do ở lòng người mà ra.

Câu 2657, 58 = Trong cuộc họa phúc thật là có Trời chủ trương ban cho, nhưng cũng có phần ta làm lấy. Bởi vậy chữ “tu” là cái cội gốc gây lấy phúc, mà chữ “tình” là cái dây mối gây ra oan khổ.

Câu 2659, 60 = Thúy Kiều là người có tài sắc sảo, có trí khôn ngoan, cái kiếp vô duyên bạc mệnh vốn đã là số phận khách hồng nhan của nàng rồi.

Câu 2661, 62 = Lại còn đa mang thêm lấy chữ tình, khư khư mình lại buộc mãi lấy mình vào trong vòng tình lụy.

Câu 2663, 64 = Bởi vậy ở những chỗ thông dong nhân nhả thì ngồi không yên ổn, đứng chẳng vững vàng.

Câu 2665, 66 = Y như có ma chỉ lối, có quỷ dẫn đường, nên nàng lại cứ tìm những chôn đoạn trường khổ nhục mà đi tới.

Câu 2667, 68 = Thành ra gặp hết nạn nọ đến nạn kia, phải ở lâu xanh hai lượt, phải mặc áo xanh hai lần.

Câu 2669, 70 = Đến nổi ở giữa nơi giáo dựng gương trần, phải gửi thân làm tôi đòi cho kẻ tàn bạo như hùm sói để mong nó cho nhờ cậy. (Hai câu này chỉ việc Kiều đành liêu thân chịu nhục hầu hạ Hồ Tôn Hiến để mong nhờ Hồ đưa về làng quê vừa kể ở trên. Dùng chữ “hùm sói” để chửi Tôn Hiến thật là đích đáng, đúng với cái tính sa đọa, bội bạc và tàn ác của hắn).

Câu 2671, 72 = Rồi kết cục phải đem tấm thân trong trắng như băng tuyết và tanh tao đầy mùi trần tục đó gieo xuống làm mồi ở trước hàm rồng cá. (Xem lời chú giải “băng tanh” ở mục Đính chính về câu 2672 này).

Câu 2673, 74 = Nhưng oan trái của nàng nó theo mãi với mối tình của nàng, mà chỉ riêng mình nàng biết tình mình, chẳng dãi tỏ với ai được.

Câu 2675, 76 = Nhưng oan trái vì tình đó đã làm cho nàng sông đọa thác đầy, phải chịu cảnh đau khổ đoạn trường cho đến lúc hết kiếp này mới xong.

Câu 2677, 78 = Nghe lời Tam Hợp nói đến đây, Giác Duyên sợ rụng rời, than thở nói: Thương thay! Một đời nàng thế là hết còn gì nữa!

Câu 2679, 80 = Sư Tam Hợp nói tiếp để yên ủi Giác Duyên: Song không việc gì cả đâu! Ta chớ lo! Bên tội nghiệp với bên thiện duyên, hai bên cân lại nhắc đi còn nhiều, chứ chưa thế là hết.

Câu 2681, 82 = Xét trong cái tội nghiệp của Thúy Kiều, tuy mắc điều “tình ái,” nhưng nàng không phạm điều “tà dâm.” (Tình ái là phần tội nhẹ, tà dâm mới là phần tội nặng trong đạo tu hành).

Câu 2683, 84 = Nàng lại biết dứt bỏ cái thâm tình giữa nàng và Kim Trọng để giữ được trọn vẹn cái thâm tình giữa cha con, thế là nàng biết lấy cái tình thâm nặng để đền lại cái tình thâm nhẹ hơn. Tấm lòng chí hiếu bán mình chuộc cha của nàng đã cảm động được đến Trời.

Câu 2685, 86 = Nhất là nàng biết dứt được cái tình đối với người yêu để hại một người mà cứu muôn người, thế là nàng biết đăng nào nhẹ, đăng nào nặng, biết thế nào là phải, thế nào là không phải.

Câu 2687, 88 = Cái công đức ấy của nàng còn ai bằng được? Bởi vậy tội lỗi cũ của nàng đã được rửa sạch lâu lâu hết rồi.

Câu 2689, 90 = Và rồi đây khi vận hay đến, thì Trời cũng chiều người, làm gì cũng nên việc cả, nợ trước thì nhẹ nhàng sạch hết, và duyên sau thì được đền bù lại rất đầy đủ.

Câu 2691, 92 = Bây giờ Giác Duyên nên nhớ nghĩa bạn bè cùng nàng mà đến sông Tiền Đường dong bè kết lưới để đón nàng,

Câu 2693, 94 = Trước là giữ được trọn vẹn nghĩa với nàng, sau là thêm được thiện quả cho mình, hưởng thêm được phúc trời cho.

Câu 2695, 96 = Giác Duyên nghe lời Sư nói, mừng lắm, mới lân la đi dạo cảnh bên sông Tiền Đường để tìm nơi làm chỗ chờ cứu vớt nàng.

Câu 2697, 98 = Bà thuê người đánh gianh và chụm buộc tre nửa giùm nên một gian nhà cỏ ở ven sông, giữa nơi dưới thì nước biếc, trên thì mây vàng.

Câu 2699, 2700 = Nhà làm xong rồi, bà mới thuê năm hai người thuyền chài lúc nào cũng cắm thuyền đóng ở bên sông và giăng lưới ở ngang sông để phòng bất kỳ vớt nàng.

Câu 2701, 02 = Bà thật hết lòng để đón vớt nàng, chẳng quản gì công lao tốn kém. Rồi cơ trời xoay vần thật khéo khiến cho hai bên lại gặp gỡ nhau.

Câu 2703, 04 = Kiều từ khi gieo mình xuống sông, giòng nước chảy xuôi đưa đi dần dần bỗng tới nơi lưới giăng.

Câu 2705, 06 = Người thuyền chài kéo lưới lên vớt được nàng, rõ đúng như lời bà Tam Hợp đủ mười phần mười.

Câu 2707, 08 = Người ta mang nàng để lên trên mũi thuyền, quần áo là lụa ướt lướt mượt, mặt tuy đầm nước nhưng vẫn còn vẻ bóng đẹp như gương.

Câu 2709, 10 = Giác Duyên thì nhận rõ đúng mặt nàng, nhưng Kiều thì vẫn mê man chưa tỉnh.

Câu 2711, 12 = Trong khi mơ màng, nàng thấy Đạm Tiên là người nàng đã mơ thấy hồi xưa. Đạm Tiên bảo nàng:

Câu 2713, 14 = Tôi đã có lòng đợi chị ở đây mười mấy năm nay, thế mà bây giờ thành uổng công không đón được chị đi.

Câu 2715, 16 = Sao mà phận chị thì mỏng, mà đức chị lại dày như thế! Cái tội nghiệp kiếp xưa tuy nặng vậy, nhưng cái đức nghiệp kiếp này đã ai được bằng chị.

Câu 2717, 18 = Tấm lòng thành của chị đã thấu lên tận Trời. Bán mình cứu cha là hiếu, khuyên Từ ra hàng để cứu dân là nhân.

Câu 2719, 20 = Chị thật là dốc một niềm vì nước vì dân. Cái âm công âm đức này thật đã nặng hơn cái oan nghiệp kiếp xưa nhiều.

Câu 2721, 22 = Bởi vậy nay trong sổ Đoạn Trường đã rút tên chị ra, và tôi phải đem những bài thơ Đoạn Trường lại đây giả chị.

Câu 2723, 24 = Tôi xin báo tin mừng cho chị biết trước là chị sẽ còn được hưởng thụ nhiều phúc Trời cho: duyên xưa thì được chấp nối dây đàn, phúc sau thì được đền bù dòi dào.

Câu 2725, 26 = Nàng còn ngờ ngẩn chưa biết là thế nào, thì nghe tiếng “Trạc Tuyền” gọi rõ vào tai.

Câu 2727, 28 = Nghe gọi, nàng mới giật mình bồng tỉnh ra và bâng khuâng ngờ ngác nào đã biết ai gọi mà nhìn.

Câu 2729, 2730 = Chẳng thấy Đạm Tiên đâu, mà chỉ thấy Bà Giác Duyên ngồi bên cạnh mình.

Câu 2731, 32 = Hai bên gặp nhau thật mừng rỡ đủ trăm bề, Bà Giác Duyên mới cho dọn thuyền dọn lưới đi, và đón nàng về thảo lư.

Câu 2733, 34 = Hai người cùng ở chung một nhà với nhau, khi sớm khi trưa thường ở bên nhau, quạt gió đèn trắng, mặt mày mát mẻ, cơm chay dưa muối, lòng đã sạch trong.

Câu 2735, 36 = Bốn bề quanh nhà bát ngát mênh mông, dưới thì ngắm cảnh nước triều buổi hôm buổi sớm, trên thì ngắm cảnh mây trời phía trước phía sau.

Những câu có ý móc nối và những chữ có ý than thở mỉa mai

(1) “Thưa rằng bạc mệnh khúc này / Phở vào đàn ấy những ngày còn thơ”

ứng với “Khúc nhà tay lựa nên chương / Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân.”

- (2) “Thương thay cũng một kiếp người / Hại thay mang lấy sắc tài làm chi”
 ứng với “So bề tài sắc lại là phần hơn.”
- (3) “Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan / vô duyên là phận hồng nhan đã đành”
 ứng với “Kiều càng sắc sảo mặn mà” và “Lạ gì bi sắc tư phong / trời xanh quen
 với má hồng đánh ghen.”
- (4) Những lời Tam Hợp bàn về phúc họa như “Phúc họa đạo trời, cõi nguồn
 cũng ở lòng người mà ra, có trời mà cũng có ta, chữ tâm kia mới bằng ba chữ
 tài” móc nối xa với mấy câu ở đoạn kết : “Đã mang lấy nghiệp vào thân /
 Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa / Thiện căn ở tại lòng ta / Chữ tâm kia
 mới bằng ba chữ tài.” Những lời đẹp ý hay móc nối xa sau với trước, trên
 với dưới như thế làm cả cuốn Truyện Kiều thành một tấm gấm dài đầy những
 hoa lá rờng phượng thêu bằng chỉ vàng hạt ngọc rất liên lạc ưa nhìn. Còn
 những chữ hồ ứng liên lạc gần gần với nhau làm cho mỗi đoạn thành một
 vuông gấm cũng đủ những vẻ đẹp quý rất ăn màu ăn sắc với nhau như thế.
- (5) Những chữ móc nối gần với nhau ở đoạn này: (a) Chữ “xôn xao ty trúc”
 ở câu 2566 gợi ra ý Hồ bắt Kiều gảy đàn. Tiếng đàn Kiều gảy làm cho Hồ
 nghe càng đắm, ngắm càng say rồi mượn tiếng đàn mà buông lời lả lơi “Dây
 loạn xin nói cầm lạnh cho ai.” Câu mượn điển tích đàn để kêu gheo này
 khiến Kiều cũng mượn điển tích đàn để kín đáo từ chối “Tơ lòng đã đứt dây
 đàn Tiểu Lân.” (b) Có câu “Giở say lại ép vận đàn nhật tâu” nên Kiều mới
 dám gảy khúc bạc mệnh muôn oán nghìn sầu ở giữa đám tiệc vui không sợ
 Hồ quở trách như Hoạn Thư đã quở nàng. Có gảy khúc đoạn trường rồi mới
 có lời than thở “Mà gương bạc mệnh bây giờ là đây” để trách ngầm Hồ là đã
 lừa mình giết Từ Hải để bây giờ mình phải bơ vơ khổ cực. (c) Hai câu
 “Duyên đâu ai đứt tơ đào / Nợ đâu ai đã dất vào tận tay” : Câu trên thì Kiều
 oán trách họ Hồ đã phụ lời ước hẹn dâm tham lúc quá say đêm hôm trước
 (mà tác giả bỏ qua không muốn kể) rồi khi đã thỏa mãn được thú tâm vật
 dục, thì liền phụ bạc. Câu sau thì oán trách họ Hồ quá tàn ác nó đem mình
 gán cho thô quan, khiến nàng đã thất vọng không được thấy gốc phân, lại quá
 thất vọng bị vùi lấp mất tích vào nơi rừng núi với bọn nửa người, nửa ngợm,

nửa đười ươi. Hai câu này thật ứng đáp lại câu “Hồ Công nghe nói thương tình.” Rõ thật chỉ là lời thương ngoài môi mếp để lừa gái.

(6) Đoạn này có nhiều chữ đặt để mỉa mai Hồ tổng đốc một cách rất chua chát hay rất thâm thúy, xin kể như sau: (a) Chữ “đáng” ở câu “Biết Từ là đáng anh hùng” tỏ ra ông Hồ Tổng đốc hèn nhát sợ Từ Hải lắm. Trái lại chữ “đáng” ở câu Kiều nói “Rằng Từ là đáng anh hùng,” thì thật đáng khen Kiều là trước mặt ông tổng đốc thẳng trợn mà dám dùng chữ “đáng” để giữ lấy thanh giá cho chồng bị ông lừa gạt. Vẫn một chữ “đáng” mà đối với Hồ thì rất mỉa mai, đối với Kiều thì rất tán thưởng, thật là lời hành văn ý nhị. (b) Chữ “lẽ” ở trong câu “Lại riêng một lẽ với nàng” thật có mỉa mai Hồ là một ông tổng đốc vâng chỉ đặc sai đi dẹp giặc, mà phải sửa lẽ tư túi biểu vợ tướng giặc, không biết thẹn mặt. (c) Chữ “dậy” trong câu “Dậy rằng hương lửa ba sinh” thật mỉa mai chua chát quá: tưởng ông Tổng Đốc dậy câu gì xứng đáng lời vị đại thần, ngờ đâu ông lại dậy cái câu là lời “hương lửa ba sinh” để lờm lờ gạ gẫm một cô vợ góa tướng giặc! (d) Chữ “gán” ở câu “Ép tình mới gán cho người thổ quan” thật tỏ ý chê trách họ Hồ xử với Kiều tệ bạc tàn nhẫn quá, vừa mới tối đêm trước thì nào thương nào yêu thế, mà rạng sớm hôm sau đã coi khinh coi rẻ mà gán đi cho xong tội nợ.

CHƯƠNG 27

CÂU 2737 ĐẾN CÂU 2856

“Lạ cảnh điêu tàn, thương người lưu lạc”

2737. Nạn xưa trút sạch lâu lâu,
Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này.

2739. Nỗi nàng tai nạn đã đây,
Nỗi chàng Kim Trọng bấy chầy mới thương.

2741. Từ ngày muôn dặm hộ tang, [1]
Nửa năm ở đất Liêu Dương lại nhà.

2743. Vội sang vườn Thúy dò la, [2]
Nhìn phong cảnh cũ nay đà khác xưa.

2745. Đây vườn cỏ mọc lau thưa,
Song trắng quanh quẽ, vách mưa rã rời. [3]

2747. Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông. [4]

2749. Xập xùy én liệng lâu không, [5]
Cỏ lan mặt đất, rêu phong dẫu giày. [6]

2751. Cuối tường gai góc mọc đây,
Đi, về này những lối này năm xưa.

2753. Chung quanh lặng ngắt như tờ,
Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai?

2755. Láng giềng có kẻ sang chơi,
Lên la sẽ hỏi một hai sự tình.

2757. Hỏi ông, ông mắc tụng đình, [7]
Hỏi nàng, nàng đã bán mình chuộc cha.

2759. Hỏi nhà, nhà đã dời xa,
Hỏi chàng Vương với cùng là Thúy Vân.

2761. Điều là sa sút khó khăn, [8]
May thuê, viết bán, kiếm ăn lần hồi.

2763. Điều đầu sét đánh lưng trời,
Thoắt nghe chàng thoắt rụng rời xiết bao!

2765. Vội han di trú nơi nào, [9]
Đánh đường chàng mới tìm vào tận nơi.

2767. Nhà tranh vách đất tả toi,
Lau treo rèm nát, trúc gài phen thưa.

2769. Một sân đất cỏ dầm mưa,
Càng ngao ngán nổi, càng ngơ ngẩn dường!

2771. Đánh liều lên tiếng ngoài tường, [10]
Chàng Vương nghe tiếng vội vàng chạy ra.

2773. Dắt tay vội rước vào nhà,
Mái sau viên ngoại ông bà ra ngay.

2775. Khóc than kể hết niềm tây:
“Chàng ôi biết nổi nước này cho chưa? [11]

2777. Kiêu nhi phận mỏng như tờ,
Một lời đã lỗi tóc tơ với chàng!

2779. Gặp cơn gia biến lạ đường, [12]
Bán mình nó phải tìm đường cứu cha.

2781. Dừng dằng khi bước chân ra,
Cực trăm nghìn nổi, dạn ba bốn lần. [13]

2783. Trót lời hẹn với lang quân,
Mượn con em nó Thúy Vân thay lời.

2785. Gọi là trả chút nghĩa người,
Sầu này dằng đặc muôn đời chưa quên! [14]

2787. Kiếp này duyên đã phụ duyên,
Dạ đài còn biết, sẽ đền lai sinh. [15]

2789. Mấy lời ký chú đình ninh, [16]
Ghi lòng để dạ, cất mình ra đi.

2791. Phận sao bạc bấy Kiêu nhi!

Chàng Kim về đó con thì đi đâu?”
2793. Ông bà càng nói càng đau,
Chàng càng nghe nói càng đau như dưa. [17]
2795. Vật mình vấy gió tuôn mưa,
Dầm dề giọt ngọc thần thờ hồn mai!
2797. Đau đòi đoạn, ngát đòi thôi,
Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.
2799. Thấy chàng đau nỗi biệt ly,
Nhịn ngừng ông mới vỗ về giải khuyên: [18]
2801. “Bây giờ ván đã đóng thuyền,
Đã đành phận bạc khôn đền tình chung!
2803. Quá thương chút nghĩa đèo bồng,
Nghìn vàng thân ấy dễ hòng bỏ sao?” [19]
2805. Dỗ dành khuyên giải trăm chiều,
Lừa phiến càng dập càng khôu mới phiến.
2807. Thè xưa giờ đến kim hoàn, [20]
Của xưa lại giờ đến đàn với hương. [21]
2809. Sinh càng trông thấy càng thương.
Gan càng tức tối, ruột càng xót xa.
2811. Rằng: “Tôi trót quá chân ra,
Để cho đến nỗi trôi hoa dạt bèo. [22]
2813. Cùng nhau thè thốt đã nhiều,
Những điều vàng đá phải điều nói không!
2815. Chưa chẵn gỏi cũng vợ chồng,
Lòng nào mà nữ dứt lòng cho đang?
2817. Bao nhiêu của, mấy ngày đàng,
Còn tôi, tôi gặp mặt nàng mới thôi!”
2819. Nỗi thương nói chẳng hết lời,
Tạ từ Sinh mới sứt sùi trở ra. [23]
2821. Vội về sửa chôn vườn hoa,
Rước mời viên ngoại ông bà cùng sang.

2823. Thần hôn chăm chút lễ thường, [24]
Dưỡng thân thay tấm lòng nàng ngày xưa. [25]
2825. Đỉnh ninh mài lệ chép thư, [26]
Cắt người thân tín đưa tờ nhắn nhe.
2827. Biết bao công mướn của thuê,
Lâm Thanh mấy độ đi về dặm khơi. [27]
2829. Người một nơi, hỏi một nơi,
Mênh mông nào biết bể trời nơi nao?
2831. Sinh cang thảm thiết khát khao,
Như nung gan sắt, như bào lòng son.
2833. Ruột tấm ngày một héo hon,
Tuyệt sương ngày một hao mòn mình ve. [28]
2835. Thần thờ lúc tỉnh lúc mê,
Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao.
2837. Xuân huyên lo sợ biết bao,
Quá ra khi đến thế nào mà hay!
2839. Vội vàng sắm sửa chọn ngày,
Duyên Vân sớm đã se dây cho chàng.
2841. Người yếu điếu, kẻ văn chương, [29]
Giai tài, gái sắc xuân đương vừa thì,
2843. Tuy rằng vui chữ vu phi, [30]
Vui nào đã cất sầu kia được nào!
2845. Khi ăn ở, lúc ra vào,
Càng âu duyên mới, càng dào tình xưa.
2847. Nỗi nàng nhớ đến bao giờ,
Tuôn châu đòi trận, vò tơ trăm vòng.
2849. Có khi vắng vẻ thư phòng,
Đốt lò hương giở phím đồng ngày xưa. [31]
2851. Bể bai rầu rĩ tiếng tơ,
Trầm bay nhạt khói, gió đưa lay rèm. [32]
2853. Đường như góc chái, bên thềm, (33)

Tiếng Kiêu đồng vọng, bóng xiêm mơ màng, [34]

2855. Bời lòng tạc đá ghi vàng,
Tường nàng nên lại thấy nàng về đây.

Đính chính và xác định

Câu 2749 – *Xập xùy én liệng lâu không* – *Xập xùy* là lạng lẽ bay ra bay vào trông có vẻ buồn bã vì nhà vắng chủ. Nhiều bản Kiều quốc ngữ phiên âm làm ra chữ *xập xòe* thành sai nghĩa ở đây, vì *xập xòe* mô tả chim non tập bay cánh còn ngược, lúc xòe ra, lúc cụp lại chưa thật lanh lẹn chứ không phải tả cảnh buồn.

Câu 2843 – *Tuy rằng vui chữ vu phi* – Kinh Thi có câu [鳳凰于飛] (phượng hoàng vu phi) tức là đôi chim phượng hoàng vui bay cùng nhau, ý nói vợ chồng hòa hợp vui vẻ. Câu này nói Kim Trọng và Thúy Vân được kết duyên rất vui vẻ. Nhiều bản Kiều quốc ngữ hay nôm đôi làm *vu phi* ra *vu quy*, thành nghĩa không thật đúng ở đây, vì *vu quy* chỉ có nghĩa con gái về nhà chồng, đã thiếu ý vui, lại không hợp với Kim Trọng.

Câu 2853 – *Dường như góc chái bên thềm* – Lối nhà ta làm trước thường có sáu hay tám hàng cột ngang, mỗi khoảng giữa hai hàng cột gọi là một gian nhà. Ba gian giữa là nhà ngoài, một hay hai gian đầu ngăn ra làm hai buồng ngủ. *Chái* là gian hẹp làm phụ vào gian buồng để chứa hòm tủ quần áo, đồ đạc. Gian chái nhà thường khuất tối, dễ tưởng tượng có ma ẩn. Có người dịch câu này là: “Dường như bên nóc bên thềm,” mặc dù “bên nóc” thật là vô nghĩa.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Hộ tang* [護喪] = Giúp việc rước đám ma ở xa về.

[2] *Vườn Thúy* = Vườn nhà Thúy Kiều, Thúy Vân, lấy ý ở “Lãm Thúy Hiên” mà đặt ra.

[3] *Song trắng* = Cửa sổ để bóng trăng chiếu vào, hay để ngắm trăng. *Quạnh quẽ* = Vắng vẻ, không ai đi lại.

[4] *Trước sau nào thấy bóng người / Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông* – Thôi Hộ [崔护] đời Đường người đẹp, thơ hay. Một hôm trong tiết Thanh minh, Hộ ra ngoài

đồ thành chơi, thấy trong một thôn trang hoa đào nở đầy chung quanh nhà, mới gõ cửa vào xin nước uống. Một cô gái bung bát nước mở cửa ra đưa cho Hộ, bốn mắt nhìn nhau tha thiết. Thanh minh năm sau, Hộ lại ra thăm nhà đó, thấy cửa khóa kỹ, mới đề một bài thơ ở ngoài cửa rằng:

[去年此日此門中] Khứ niên thử nhật thử môn trung

(Năm ngoái, hôm nay ở trong cửa này)

[人面桃花相映紅] Nhân diện đào hoa tương ánh hồng

(Mặt người và hoa đào ánh lại nhau cùng đỏ hồng)

[人面不知何處去] Nhân diện bất tri hà xứ khứ

(Mặt người hôm nay đi đâu rồi)

[桃花依舊咲冬風] Đào hoa y cựu tiếu đông phong

(Mà chỉ còn hoa đào vẫn tươi cười với gió đông)

Đề thơ, Hộ ra đi, rồi mấy hôm sau lại đến thì thấy trong nhà có tiếng khóc. Một ông cụ ra hỏi có phải Hộ đề bài thơ này không, và nói “Anh đã giết con gái tôi rồi! Từ hôm nó đọc bài thơ, nó không ăn uống gì cả, rồi hôm nay nó vừa mới chết.” Hộ cảm thương xin vào viếng và đứng trước cô gái gọi to rằng “Thôi Hộ đến đây! Cô có biết không?” Cô gái liền tỉnh dậy. Hai câu Kiều này tác giả lấy điển ở bài thơ ấy mà đặt, để tả cảnh quanh hiu vườn Thúy.

[5] *Xập xùy* – Xem lời giải ở mục đính chính câu 2749 bên trên.

[6] *Rêu phong dẫu giầy* – Bài ca Tràn can hành [長干行] của Lý Bạch tả cảnh cô gái nhớ chồng đi xa có hai câu:

[門前送行跡 / 一一生綠苔] Môn tiền tống hành tích / nhất nhất sinh lục đài

(Vết chân tiễn đưa chàng lúc chàng ra đi xa, từng vết một, từng vết một đều đầy rêu xanh sinh ra)

[7] *Tụng đình* [訟庭] = Tòa án xử việc kiện cáo, đây tức là việc Vương ông bị tố cáo bắt đi tòa án kết tội buôn tơ lậu.

[8] *Khó khăn* = Nghèo khổ phải làm ăn vất vả.

[9] *Han* = Tiếng cổ nghĩa là “hỏi” nay vẫn nói hỏi han.

Chữ “vào” câu này có ý nói chỗ nhà họ Vương ở nơi hang cùng ngõ hẻm, phải đi “vào” mãi mới đến.

[10] *Đánh liều* nghĩa là thấy nhà tiều tụy quá không chắc đã phải là nhà họ Vương, nhưng cứ liều lên tiếng gọi bừa.

[11] *Nỗi nước* = Nỗi khổ cực đến nước thế này, đến mức thế này

[12] *Gia biến* = Tai vạ bất kỳ xảy ra cho gia đình phải chịu tội.

[13] *Cực* = Cực cội oan khổ trong lòng làm cho người ta thổn thức muốn khóc mà không khóc được.

[14] *Sầu này dằng dặc muôn đời chưa quên* – Câu này lấy ý ở hai câu cuối của bài Trường Hận ca:

[天長地久有時盡] Thiên trường địa cửu hữu thì tận

(Trời dài, đất lâu cũng có lúc phải hết)

[此恨綿綿不絕期] Thử hận miên miên bất tuyệt kỳ

(Nhưng rồi uất hận nay kéo dài mãi mãi không bao giờ dứt)

[15] *Dạ đài* [夜臺] = Cõi đen tối, âm phủ, tuyền đài, cõi chết.

[16] *Ký chú* [寄註] = Lời ghi lại nhờ nói hộ với người vắng mặt. Đây tức là lời Kiều dặn lại nhờ cha mẹ nói hộ với Kim Trọng, trước khi nàng ra đi với Mã Giám Sinh.

[17] *Dầu như dưa* = Ủ rũ như rau bị ướp muối thành dưa.

[18] *Nhịn ngừng* = Nén nhịn sự thương cảm xuống mà ngừng không khóc nữa để lấy vẻ bình tĩnh mà khuyên dỗ Kim Trọng.

[19] *Thân nghìn vàng* – Sách Hán có câu [千金之子坐不垂堂] Thiên kim chi tử, tọa bất thủy đường = Người con nghìn vàng, không ngồi ở chỗ thềm cao mà rũ chân xuống

kéo có khi rơi ngã xuống sinh què gầy. Ý nói người con nhà quý phái biết giữ mình cẩn thận.

[20] *Kim hoàn* = Vòng vàng, đây tức là cái xuyên vàng Kim Trọng kỷ niệm cho Kiều hôm mới gặp nhau.

[21] *Đàn với hương* = *Đàn* đây là cái đàn Kim Trọng kính cẩn trao cho Kiều gảy (câu 467 và 468); *hương* đây là mảnh gỗ trầm mà Kim Trọng bỏ thêm vào đỉnh hương để đón Kiều khi nàng lại sang đêm hôm sinh nhật ngoại gia, rồi sau làm lễ khấn thề với nhau, khi thề xong cháy chưa hết Kiều giữ làm kỷ niệm.

[22] *Trôi hoa dạt bèo* = Cảnh Kiều lưu lạc như hoa trôi ở suối, bèo gió dạt ở sông hồ. Hoa không bao giờ trở lại gốc cây cũ, bèo nay đây mai đó không thể tìm được ở đâu.

[23] *Tạ từ* = Chào xin phép ra về.

[24] *Thần hôn* [晨昏] = Sớm chiều thăm hỏi sức khỏe của cha mẹ.

[25] *Dưỡng thân* [養親] = Nuôi cha mẹ.

[26] *Mài lệ chép thư* = Lấy nước mắt mà mài mực viết thư ; hàm ý nói vừa khóc vừa viết thư định gửi cho nàng.

[27] *Lâm Thanh* là một huyện ở gần Bắc Kinh. Mã Giám Sinh đã khai gian nó ở Lâm Thanh để lừa họ Vương dễ gả Kiều cho nó và để sau này khó tìm ; thật ra nó ở Lâm Truy, rất xa Bắc Kinh, đi xe ngựa mất một tháng mới đến nơi.

[28] *Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve* – Ve nở về mùa hè, tháng 7, tháng 8 có sương lạnh thì gầy dần rồi chết.

[29] *Yểu điệu* [窈窕] – *Yểu* [窈] = đức tính, *điệu* [窕] = nhan sắc đẹp. *Yểu điệu* mô tả một người con gái vừa đẹp vừa hiền.

[30] *Vu phi* [于飛] – Kinh Thi có câu [鳳凰于飛] = Phượng hoàng vu phi = Đôi chim phượng hoàng lúc bay lượn, ý nói vợ chồng vui hoà với nhau như đôi chim phượng hoàng cùng bay lượn vui vẻ với nhau ở trên trời.

[31] *Phím đồng* = Phím cây đàn làm bằng gỗ ngô đồng.

[32] *Gió đưa lay rèm* = Gió thổi làm lay động bức rèm, làm cho Kim, Vân tưởng như hồn Kiều bay về nghe đàn Kim gảy.

[33] *Góc chái bên thêm* – Xem lời giải ở mục đính chính về câu 2853 bên trên.

[34] *Đông vọng* = Tiếng nghe vắng vắng như tiếng thần tiếng ma. Xưa kia người ta tin rằng nhà có người bệnh nặng, mà đêm vắng lắng tai nghe thấy vắng vắng có tiếng vọng ở lưng trời thì thế nào người bệnh ấy cũng chết.

Diễn ra văn xuôi

Câu 2737, 38 = Nạn xưa của Kiều đến đây là trút sạch lầu lầu hết, nhưng chưa ai đã dễ biết là duyên xưa của nàng cũng lại sẽ chấp nối ở đây.

Câu 2739, 40 = Nông nổi tai nạn của nàng kể đã đầy đủ rồi, còn nông nổi chàng Kim bấy lâu nay cũng thật đáng thương.

Câu 2741, 42 = Từ khi chàng Kim đi Liêu Dương để hộ tang thúc phụ, mất nửa năm mới trở lại nhà.

Câu 2743, 44 = Chàng vội sang ngay thăm dò tin tức nhà Thúy Kiều thì thấy phong cảnh khác trước nhiều.

Câu 2745, 46 = Vườn thì đầy những cỏ mọc lưa thưa, các cửa sổ trước kia mọi người vẫn ngồi ngắm trăng, bây giờ vắng vẻ chẳng còn ai. Các bức vách nhà thì mưa vào loang lổ một lượt.

Câu 2747, 48 = Nhìn trước nhìn sau chẳng thấy bóng người nào, mà chỉ thấy hoa đào vẫn đỏ tươi như cười với gió đông.

Câu 2749, 50 = Mấy con én xập xùy bay liệng có vẻ buồn bã ở trong nhà vắng người. Trong thì cỏ mọc khắp nền nhà, ngoài sân thì rêu mọc đầy các vết chân người đi lại trước.

Câu 2751, 52 = Ở chỗ cuối tường thì gai góc mọc, che lấp kín cả lối chàng và nàng vẫn lén lút đi lại hỏi trước kia.

Câu 2753, 54 = Chung quanh lặng ngắt như bức tranh, im phăng phắc. Bụng chàng nghĩ buồn chán quá, những nông nổi này biết hỏi ai bây giờ cho rõ sự tình ra sao.

Câu 2755, 56 = Bên láng giềng có người thấy chàng đứng ngẩn ngơ, mới chạy sang chơi. Chàng chào đón, rồi lân la mới hỏi sự tình nhà nàng.

Câu 2757, 58 = Chàng hỏi Vương Ông, thì được biết ông bị bắt tội ở tòa án. Chàng hỏi đến Kiều, thì được biết nàng đã bán mình để lấy tiền chuộc tội cho cha.

Câu 2759 đến 2762 = Chàng hỏi đến Vương Quan và Thúy Vân thì được biết đều nghèo túng vất vả – Vân phải may thuê, Quan thì phải viết bán để kiếm ăn nuôi gia đình.

Câu 2763, 64 = Chàng nghe những tin này, giật mình như nghe tiếng sét đánh ngang trời.

Câu 2765 đến 2772 = Ngoài sân thì cỏ đất mưa ướt đầm đìa. Chàng càng trông thấy cảnh, chàng lại càng thêm ngao ngán ngẩn ngơ.

Câu 2773, 74 = Chàng chưa chắc đó đã phải là nhà họ Vương vì không tin đến nỗi tiều tụy thế, nhưng chàng cũng cứ đánh liều lên tiếng gọi ở ngoài tường. Vương Quan nghe thấy tiếng chàng, vội vàng chạy ra và dặt tay mời vào. Hai ông bà Viên ngoại ở mé sau nhà cũng ra ngay và liền khóc than kể hết nỗi niềm riêng tây cho chàng nghe rằng:

Câu 2775, 78 = Chàng ơi, chàng đã biết cái nông nổi khổ cực đến nước thế này của chúng tôi chưa? Số phận của Kiều nhi thật mỏng như tờ giấy! Nó đã phải đành chịu lỗi là phụ lời hai miệng cùng thề với chàng là kết tóc xe tơ với chàng rồi!

Câu 2779, 80 = Gặp cơn tai biến lạ lùng xảy ra cho gia đình, nó đã phải tìm đường bán mình để cứu lấy mạng cha.

Câu 2781, 82 = Tội nghiệp cho nó quá, khi bước chân ra đi nó dùng dằng mãi, cực cội đủ trăm nghìn nỗi, dạn đi dạn lại ba bốn lần.

Câu 2783, 84 = Nó nói nó đã trót nặng lời thề nguyện với chàng, nên xin cho em nó là Thúy Vân thay nó làm trọn lời thề nặng đó.

Câu 2785, 86 = Nó nói gọi là để trả chút nghĩa với chàng thôi, chứ cái nỗi sâu hận trong lòng nó đâu muôn đời vẫn không quên được.

Câu 2787, 88 = Nó nói kiếp này chưa trả xong nợ chàng, thì nếu chết xuống cõi âm mà còn biết, nó sẽ xin thác sinh ra kiếp sau để trả nợ mà đền lại chàng.

Câu 2789, 90 - Nó định ninh gửi lại mấy lời này để nhờ thừa lại với chàng và xin cha mẹ ghi lòng chớ quên. Dặn xong đầu đầy rồi nó mới cất mình ra đi.

Câu 2791, 92 = Ông bà nhắc xong mấy lời Kiều dặn lại, rồi òa ra khóc: Ôi! Kiều nhi ơi! Phận con sao bạc quá thế? Kia chàng Kim đã về rồi đó, mà còn con thì bây giờ ở đâu?

Câu 2793, 94 = Ông bà thì càng nói càng đau lòng, chàng thì càng nghe, bụng càng buồn dàu như rau bị muối dưa.

Câu 2795, 96 = Rồi chàng vật mình lăn khóc, chân tay rẫy rụa như vung gió, nước mắt tuôn ra như mưa, khi ngồi dậy thì nước mắt lã chã, hờn vía ngẩn ngơ.

Câu 2797, 98 = Chàng nhiều hỏi đau thương quá, lại nhiều cơn ngất lịm đi, ngất đi lại tỉnh, tỉnh lại khóc, khóc lại mê.

Câu 2799, 2800 = Vương Ông thấy chàng quá đau thương vì nỗi ly biệt, phải cố nén lòng thương cực của mình đi, để lấy lời bình tĩnh mà yên ủi khuyên giải chàng.

Câu 2801, 02 = Ông bảo chàng rằng nay phận nó như tấm ván đã đóng thuyền rồi, không thể nào lấy cái mệnh bạc nó để báo đền được cái tấm chung tình của chàng nữa.

Câu 2803, 04 = Nếu chàng vì chút nghĩa đèo bồng mà quá thương khóc nó mãi như thế, thì chàng định bỏ tấm thân quý hóa đáng giá nghìn vàng của chàng đi hay sao?

Câu 2805, 06 = Ông dỗ dành khuyên chàng đủ trăm chiều, nhưng lửa phiền của chàng càng dập đi, thì lại càng như khêu thêm mọi nỗi phiền lên.

Câu 2807, 08 = Ông lại giở cho chàng xem những đồ kỷ niệm mà Kiều đã trao lại cho Vân giữ như chiếc vòng vàng là của làm tin khi mới hẹn thề, như cây đàn khi chàng đưa cho nàng gảy, và mảnh trầm hương đốt hôm cùng thề còn thừa lại.

Câu 2809, 10 = Nhưng chàng càng trông thấy những vật đó, chàng lại càng thương, gan chàng lại càng tức tối, lòng chàng lại càng xót xa.

Câu 2811, 12 = Chàng nói: Chỉ vì tôi trót bước chân ra đi sớm quá mà để nàng đến nỗi phải trôi giạt như hoa rụng xuống suối, như bèo bọt trên mặt sóng.

Câu 2813, 14 = Tôi với nàng thề tốt cùng nhau đã nhiều, những lời thề bền vững như khắc vào bia đá, như chạm vào biển vàng, chứ đâu phải là lời nói không.

Câu 2815, 16 = Hai đứa tuy chưa cưới xin, chưa chẵn gối, nhưng cũng đã coi như là vợ chồng rồi. Thế mà sao nàng nữ lòng dứt tình nhau cho được!

Câu 2817, 18 = Dầu tốn bao nhiêu tiền của, dầu xa bao nhiêu ngày đường, còn tôi, thì tôi còn phải tìm cho được gặp mặt Kiều mới thôi!

Câu 2819, 20 = Chàng không thể nào nói hết được nỗi thương đau của mình, rồi chàng tạ lỗi là chàng đã trót nói mấy câu giận bực và chào xin ra về.

Câu 2821, 22 = Chàng vội về sửa sang lại tòa nhà ở chốn vườn hoa, rồi sang mời đón ông bà Viên ngoại về ở với chàng.

Câu 2823, 24 = Chàng thay tấm lòng hiếu thảo của nàng mà chăm nom ông bà, sớm thăm tối hỏi đúng lễ dưỡng thân.

Câu 2825, 26 = Chàng định ninh một dạ quyết chí tìm nàng cho kỳ được. Chàng thường vừa khóc vừa viết thư, rồi hoặc cắt người đi tìm mà đưa cho nàng, hoặc gửi cho người quen tìm hộ, nhiều lúc chàng vừa khóc vừa mài mực, lệ rỏ đầy nghiên, có thể nói chàng khóc lấy nước mắt mài mực viết thư.

Câu 2827, 28 = Tốn không biết bao nhiêu tiền của để thuê mướn người đi đây đó tìm nàng. Cũng có nhiều lần chàng vượt đường xa xôi đi Lâm Thanh mà tìm, không quản ngại.

Câu 2829, 30 = Nhưng khôn nỗi người thì ở Lâm Tri, mà lại cứ đi tìm ở Lâm Thanh, rõ thật mệnh mông như tìm cá ở dưới nước, tìm chim ở trên trời, biết ở nơi nào?

Câu 2831, 32 = Tìm mãi không thấy, Sinh càng thương nàng thảm thiết, càng khát khao muốn gặp nàng, gan lúc nào cũng nóng như sắt nung trong lò, ruột lúc nào cũng đau xót như bị bào nạo.

Câu 2833, 34 = Trong thì ruột gan chàng ngày một khô héo như con tằm nhả hết tơ, ngoài thì thân hình chàng một ngày một hao gầy như con ve gặp sương tuyết mùa thu.

Câu 2835, 36 = Tinh thần lúc nào cũng thần thơ ngơ ngác, khi tỉnh khi mê; khi tỉnh thì khóc máu hòa nước mắt, khi mê thì như hồn lìa thân trong cơn mơ mộng.

Câu 2837, 38 = Ông bà lo sợ quá, những e chàng thương nhớ quá như thế mãi, thì có thể nguy hiểm.

Câu 2839, 40 = Ông bà lo vậy, mới vội vàng sắp sửa và chọn ngày để làm lễ cưới Thúy Vân cho chàng.

Câu 2841, 42 = Hai người lấy nhau thật tốt đôi xứng đáng, nàng thì là một cô gái yếu đuối, chàng thì là một văn sĩ tài hoa. Đã trai tài gái sắc lại vừa tuổi xuân xanh.

Câu 2843, 44 = Chàng nàng tuy được vui vẻ duyên ưa phận đẹp nhưng cái vui bên đĩa cân này vẫn còn nhẹ hơn cái buồn bên đĩa cân kia, nên chưa cất nổi được đĩa cân buồn lên.

Câu 2845, 46 = Những lúc ngồi ăn uống truyện trò với nhau và những lúc đi lại ra vào cùng nhau, càng âu yếm nhau, lại càng thêm thương xót Kiều.

Câu 2847, 48 = Hễ nghĩ đến nông nỗi Kiều lúc nào, thì lại hai hàng nước mắt tuôn rơi.

Câu 2849, 50 = Có khi nhân lúc thư phòng vắng vẻ, chàng lại đốt mảnh trầm hương cũ ở trong lò đào, và giở cây đàn xưa ra gảy.

Câu 2851, 52 = Chàng cảm thấy tiếng đàn nghe ra buồn tẻ bẽ bàng, và khói trầm bốc lên có vẻ thoảng nhạt ít thơm, và hình như có hồn Kiều hóa gió bay vào làm lay động bức màn trước cửa.

Câu 2853, 54 = Lại hình như nghe vắng vắng thấy tiếng Kiều than thở ở nơi tối tăm góc chái trong phòng; lại như thoảng thấy bóng xiêm áo nàng lảng vảng ở trước thềm.

Câu 2855, 56 = Bởi vì lòng chàng nhớ Kiều như khắc vào đá, tạc vào vàng, nên mỗi khi tưởng đến nàng thì lại hình như thấy nàng về ngay với chàng.

Những câu có ý móc nối và những chữ có ý thở than

- (1) Về hai câu đầu đoạn này, câu trên “Nạn xưa trút sạch lầu lầu” vừa để kết thúc hết các tai nạn của Kiều, vừa để mở màn giới thiệu nửa đời thanh nhàn của nàng. Câu dưới “Duyên xưa chưa dễ biết đâu chôn này” báo trước cuộc tái ngộ Kim Trọng.
- (2) Câu “Nỗi chàng Kim Trọng bấy chầy mới thương” vừa có ý móc nối với các đoạn trên, kể những nỗi đáng thương bấy chầy của Kiều vừa để mở đầu đoạn tả nỗi khổ tâm của Kim Trọng vì thương Kiều, tìm Kiều: nào vật mình than khóc, nào nuôi cha mẹ thay Kiều, nào dùng đủ cách tìm Kiều, nào lúc như thấy hồn Kiều về với mình.
- (3) Câu “Nhìn phong cảnh cũ nay đà khác xưa” mào đầu cho những câu tả những cảnh thay đổi nay hiện ra trước mắt Kim Trọng – chàng buồn bao nhiêu thì bụng chàng lại nhớ đến những cảm tưởng vui xưa khi chàng đứng trước cảnh còn đề huề xưa.
- (4) Hai câu “Đầy vườn cỏ mọc lúa thừa / Song trắng quạnh quẽ vách mưa rã rời” tả cảnh hoang vắng quá, trái lại với hai câu 271, 272 tả cảnh nghiêm mật “Mấy lần cửa đóng then gài / Dãy thêm hoa rụng biết người ở đâu.”
- (5) Hai câu “Xập xùy én liệng lầu không / Cỏ lan mặt đất rêu phong dấu giày” tả cảnh nhà bỏ không, cả đến chim én cũng buồn lây, trái lại với hai câu 269, 270 tả cảnh chàng đứng trước cảnh nhà vui vẻ, vui lây cả đến chim oanh, cả đến cây liễu “Lơ thơ tơ liễu buông mành / Con oanh học nói trên cành mĩa mai.”
- (6) Hai câu “Trước sau nào thấy bóng người / Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông” tả chàng thấy hoa đào lúc vắng người này lại nhớ đến cảnh “Dưới đào đường thấy bóng người thướt tha” (290) và “Trên đào nhác thấy một cành kim thoa” (câu 294). Cùng một cây hoa đào, sao năm ngoái thì chàng thấy vui thế, mà năm nay thì khiến chàng buồn thế.
- (7) Hai câu “Thề xưa giờ đến kìm hoàn / Cửa xưa lại giờ đến đàn với hương” ứng với những câu 735, 736 “Chiếc vành với bức tờ mây / Duyên này thì lấy vật này của chung” và những câu 739, 740 “Mất người còn chút của tin / Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa.”
- (8) Hai câu “Chưa chẵn gối cũng vợ chồng / Lòng nào mà lại dứt lòng cho đang” ứng với câu 605, 606 “Quyết tình nàng mới hạ tình / Dễ cho dễ thiếp bán mình chuộc cha.” Nàng đã biết thế nào chàng cũng trách, nên đã than lời xin chàng hãy “dễ” lòng chớ nóng nảy đừng giận nàng. Hai câu chàng tức giận trách nàng này cũng ứng với câu 1259, 1260 nàng than lúc ở thanh lâu “Nhớ lời nguyện ước ba sinh / Xa xôi ai có thấu

tình chẳng ai.” Tóm lại, ý nghĩa của 4 câu trên là: Tôi nay khổ lắm, chàng có nhớ lời nguyện ước thì nên thấu tình mà thương tôi, xin đừng trách tôi nhé, nhưng chàng tuy thấu tình, vẫn không nhin được trách.

- (9) Câu “Dưỡng thân thay tấm lòng nàng ngày xưa” ứng với câu 1258 “Trân cam ai kẻ đỡ thay việc mình” với ý nghĩa Kiều đã đoán chắc Kim Trọng sẽ nghĩ đến nàng mà nuôi cha mẹ thay nàng.
- (10) Trong đoạn này có mấy chữ tả cảnh điêu tàn hay nghèo khó một cách bóng gió kín đáo, mới đọc đến coi rất tầm thường, nhưng nhận xét kỹ thì biết rất hay, khiến ta phải thở than buồn theo. (a) Chữ “rã rời” ở câu 2746 khiến ta thấy cảnh điêu tàn đó lòng ta cũng buồn bã rã rời như bức vách bị mưa rữa rã rời đó. (b) Câu “xập xùy én liệng” ở câu 2749 lấy dáng bay buồn lặng của chim én ra vào thui thủi trong lầu vắng chủ đề tả cảnh điêu tàn khiến người đọc đến câu này cũng cảm thấy lòng buồn ngán âm thầm như đàn én. (c) Trong câu “Đánh đường chàng mới tìm vào tận nơi”, chữ “đánh đường” và chữ “tìm vào” tả cảnh nhà ở nơi hang cùng ngõ hẻm. Đánh đường là đường đi hẹp hòi ngoắt ngoéo phải hỏi thăm từng quãng ngán một. “Tìm vào” là phải tìm mãi mới vào đến. Cứ thấy lối vào như thế đã đủ ngao ngán than thở rồi. (d) Chữ “đánh liều” ở câu “Đánh liều lên tiếng ngoài tường,” tả chỗ nhà ở tiều tụy quá, Kim Trọng nghi chưa chắc đã phải là nhà họ Vương, vì lẽ đâu lại phải ở chỗ tồi tệ ở nơi hang cùng ngõ hẻm này, nhưng vì đã mất công tìm mãi, nên cứ gọi liều, may ra mà đúng chẳng. (e) Trước mặt chàng Kim mà Vương ông, Vương bà gọi Kiều là “Kiều nhi” thật là hay và gọn gàng đặc thể, vì Kiều nhi nghĩa là “con bé Kiều yêu đương của chúng tôi” vừa tỏ được tình hết sức thương yêu như lúc còn thơ ấu với Kiều, vừa gây được mối thân tình với chàng. Trừ chữ “Kiều nhi” ra, không có chữ nào đủ ý tứ như thế vừa gọn gàng vừa hay thế.
- (11) Chỗ hay nhất trong đoạn này là những câu diễn lời Vương ông Vương bà khóc than kể nỗi khổ cực với Kim Trọng. Từ câu 2776 “Chàng ôi! Biết nỗi nước này cho chưa?” đến câu 2792 “Chàng Kim về đó, con thì ở đâu?” lời thật thảm thiết, ý thật thân mật đầy đủ, tuy là văn vần nhưng trôi chảy bình thường như văn xuôi, đúng với lời kể lẽ thông thường của mọi người. Mở đầu lấy tiếng khóc gọi “Chàng ôi!” mà kể cho chàng nghe những chi tiết vì gia biến mà Kiều phải phụ lời thề, nhưng vẫn hết lòng thủy chung với chàng, nào xin lấy em thay, nào xin kiếp sau đền lại, nào trăm nỗi cực cội

lúc ra đi, để chàng khỏi trách giận Kiều, phải xét tình thương Kiều. Câu kêu khóc ở cuối lời “Chàng Kim về đó, con thì ở đâu?” thật hay vô cùng, vừa tỏ được chân tình thâm thiết thương con, vừa tỏ được lòng thương cảm tiếc mối chung tình tha thiết giữa Kim Kiều bị tan rã, để gây lấy tình thân mật của chàng đối với ông bà.

CHƯƠNG 28

CÂU 2857 ĐẾN CÂU 2972

“Thăng đường hỏi mộng, thiết vị chiêu hôn”

2857. Những là phiền muộn đêm ngày,

Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần? [1]

2859. Chế khoa gặp hội tràng văn. [2]

Vương, Kim cùng chiêm bảng xuân một ngày. [3]

2861. Cửa trời rộng mở đường mây, [4]

Hoa chào ngô hạnh, hương bay dặm phần. [5]

2863. Chàng Vương nhớ đến xa gần,

Sang nhà Chung lão tạ ân chu tuyền. [6]

2865. Tình xưa ân trả nghĩa đền,

Gia thân lại mới kết duyên Châu Trần. [7]

2867. Kim từ nhẹ bước thanh vân, [8]

Nỗi nàng càng nghĩ xa gần càng thương.

2869. Ấy ai dặn ngọc thề vàng, [9]

Bây giờ kim mã, ngọc đường với ai? [10]

2871. Rễ bèo chân sóng lạc loài, [11]

Nghĩ mình vinh hiển, thương người lưu ly.

2873. Vâng ra ngoại nhậm Lâm tri, [12]

Quan san nghìn dặm thê nhi một đoàn.

2875. Cầm đường ngày tháng thanh nhàn, [13]

Sớm khuya tiếng hạc, tiếng đàn xôn xao. [14]

2877. Phòng xuân trướng rủ hoa đào,

Nàng Vân nằm bổng chiêm bao thấy nàng.

2879. Tình ra mới rĩ cùng chàng,

Nghe lời chàng cũng hai đường tín, nghi. [15]

2881. Nợ Lâm thanh với Lâm tri,

- Khác nhau một chữ hoặc khi có lầm.
2883. Trong cơ thanh khí tương tâm, [16]
Ở đây hoặc có giai âm chẳng là? [17]
2885. Thăng đường chàng mới hỏi tra, [18]
Họ Đô có kể lại già thừa lên:
2887. “Sự này đã ngoài mười niên,
Tôi đã biết mặt, biết tên rành rành.
2889. Tú Bà cùng Mã Giám Sinh,
Đi mua người ở Bắc kinh đưa về.
2891. Thúy Kiều tài sắc ai bì,
Có nghề đàn lại đủ nghề văn thơ.
2893. Kiên trinh chẳng phải gan vừa, [19]
Liều mình thế ấy, phải lừa thế kia.
2895. Phong trần chịu đã ê chề,
Tơ duyên sau lại xe về Thúc lang.
2897. Phải tay vợ cả phũ phàng,
Bắt về Vô tích toan đường bẻ hoa .
2899. Bức mình nàng phải trốn ra, [20]
Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia .
2901. Thoát buồn về, thoát bán đi,
Mây trôi bèo nổi thiếu gì là nơi!
2903. Bỗng đâu lại gặp một người,
Hơn đời trí dũng, nghiêng trời uy linh .
2905. Trong tay mười vạn tinh binh,
Kéo về đóng chặt một thành Lâm tri.
2907. Tóc tơ các tích mọi khi, [21]
Oán thì trả oán, ân thì trả ân .
2909. Đã nên có nghĩa, có nhân,
Trước sau trọn vẹn, xa gần ngợi khen.
2911. Chưa từng được họ được tên,
Sự này hỏi Thúc sinh viên mới tường.”

2913. Nghe lời Đô nói rõ ràng,
Tức thì đưa thiệp mời chàng Thúc sinh .
2915. Nỗi nàng hỏi hết phân minh,
“Anh hùng lúc ấy tính danh là gì?” [22]
2917. Thúc rằng: “Gặp buổi lưu ly,
Trong quân tôi hỏi thiếu gì tóc tơ.
2919. Đại vương tên Hải, họ Từ,
Đánh quen trăm trận, sức dư muôn người
2921. Gặp nàng khi ở châu Thai,
Lạ gì quốc sắc, thiên tài phải duyên.
2923. Vẫy vùng trong bấy nhiêu niên,
Làm nên động địa kinh thiên ùng ùng.
2925. Đại quân đồn đóng cõi đông,
Về sau chẳng biết vân mông ra sao.” [23]
2927. Nghe tường ngành ngọn tiêu hao, [24]
Lòng riêng chàng luống lao đao thần thờ.
2929. Xót thay chiếc lá bơ vơ,
Kiếp trần biết giữ bao giờ cho xong? [25]
2931. Hoa trôi nước chảy xuôi dòng,
Xót thân chìm nổi, đau lòng hợp tan!
2933. Lời xưa đã lỗi muôn vàn,
Mảnh hương còn đó, phím đàn còn đây,
2935. Đàn cầm khéo ngân ngơ dây,
Lửa hương biết có kiếp này nữa thôi?
2937. Bình bồng còn chút xa xôi, [26]
Đỉnh chung sao nỡ ăn ngồi cho an! (27)
2939. Rắp mong treo ấn từ quan, [28]
Mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng pha. [29]
2941. Giấn mình trong án can qua, [30]
Vào sinh ra tử họa là thấy nhau .
2943. Nghĩ điều trời thăm, vực sâu,

Bóng chim, tằm cá, biết đâu mà nhìn!
2945. Những là nắn ná đợi tin,
Nắng mưa biết đã mấy phen đôi dờ
2947. Năm mây bỗng thấy chiếu trời, [31]
Khâm ban sắc chỉ đến nơi rành rành. [32]
2949. Kim thì cải nhậm Nam bình, [33]
Chàng Vương cũng cải nhậm thành Châu dương.
2951. Sấm xanh xe ngựa vội vàng,
Hai nhà cùng thuận một đường phó quan. [34]
2953. Xảy nghe thế giặc đã tan,
Sóng êm Phúc kiến, lửa tàn Triết giang. [35]
2955. Được tin Kim mới rủ Vương,
Tiện đường cùng lại tìm nàng sau xưa .
2957. Hàng châu đến đó bây giờ,
Thật tin hỏi được tóc tơ rành rành.
2959. Rằng: “Ngày hôm nọ giao binh,
Thất cơ Từ đã thu linh trận tiền. [36]
2961. Nàng Kiều công cả chẳng đền, [37]
Lệnh quan lại bắt ép duyên Thổ tù. [38]
2963. Nàng đà gieo ngọc chìm châu,
Sông Tiền đường đó, ấy mò hồng nhan!”
2965. Thương ôi! không hợp mà tan,
Một nhà vinh hiển riêng oan một nàng!
2967. Chiêu hồn thiết vị lễ thường, [39]
Giải oan lập một đàn tràng bên sông. [40]
2969. Ngọn triều non bạc trùng trùng, [41]
Vòi trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo. [42]
2971. Tình thâm bể thảm lạ điều, [43]
Nào hồn tinh vệ, biết theo chốn nào? [44]

Đính chính và xác định

Câu 2899 – *Bức mình nàng mới trốn ra* – “Bức mình” hàm ý (tình thế) bức bách làm mình không thể ở được, nên mới phải trốn. Các bản Kiều quốc ngữ đều dịch chữ [逼] (bức) là “bực”, e không xác đáng, vì Kiều phải trốn là vì tình thế nguy hiểm bức bách, chứ đâu phải vì bực tức.

Câu 2916 – Câu này bản thì viết “Chồng con đâu tá tính danh là gì?”, bản thì viết “Anh hùng lúc ấy tính danh là gì?” Câu “Chồng con đâu tá...” nghe lời có vẻ thông thường hơn, nhưng e nghĩa không thật xác đáng, vì thế là câu này hỏi hai điều: chồng con ở đâu? Tên họ là gì? Mà sao câu trả lời chỉ nói có tên và họ. Và lại “chồng con” nghe không được trang trọng ở trường hợp này. Câu “Anh hùng lúc ấy...” nghe trang trọng đúng nghĩa hơn, vì chữ “anh hùng” ăn nghĩa với chữ “đại vương” ở câu trả lời.

Câu 2940 – *Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng pha* – Chữ “pha” đây nghĩa là len chui bừa vào, không sợ hùm răn nguy hiểm. “Pha ngàn” đối với “lội sông” rất xứng đáng vì hai sự đều nguy hiểm như nhau. Nhiều bản Kiều nôm hay quốc ngữ đổi chữ [坡] pha ra [過] qua, thật là lầm, có lẽ các nhà xuất bản không hiểu nghĩa chữ pha là gì, nên mới đổi bừa như vậy, thật đáng tiếc.

Câu 2941 – *Gián mình trong đám can qua* – Chữ “đám” nôm viết [盍] (“áng” = âu chứa đồ ăn), nên các bản Kiều quốc ngữ đều theo nguyên âm Hán mà dịch ra “áng” thành ra vô nghĩa đối với tiếng Việt. Các sổ sách lệ làng nhà quê trước vẫn viết “ông Đám” (ông chủ tế) là [翁盍]. Cả chữ “đám” ở câu 1319 “Lòng còn gửi đám mây Hàng”, các bản quốc ngữ đều dịch là “áng”, nhưng nên dịch là “đám” mới đúng

Câu 2950 – *Chàng Vương cũng cải nhiệm thành Tuy Dương* – Chữ “Tuy Dương” câu này, bản thì viết là “Thủ Dương”, bản thì viết là “Hoài Dương” [淮陽], bản của ông Trần Trọng Kim thì đổi là Phú Dương, và ghi rằng: “Cứ trong địa dư Tàu có huyện Phú Dương ở bờ sông Tiền Đường, ở gần Hàng Châu, thì để chữ Phú Dương có lẽ đúng hơn.” Thế là ông Kim đã lầm to, vì nếu Vương Quan đổi về Phú Dương ở bờ sông Tiền Đường thì

Vương Quan lẽ tự nhiên là phải đi về phía Tiền Đường, làm gì Kim Trọng phải rủ Vương tiện đường cùng lại tìm nàng nữa? Nay xét chữ Tuy Dương [睢陽] các bản nôm viết rất đúng, nhưng phải đọc là Tuy Dương mới đúng nghĩa chữ nôm, trước ra vẫn đọc sai là Thư, vì chữ Tuy Hán viết [睢] ([目] “mục” bên [隹] “chuy”) và chữ Thư Hán viết [且] ([且] “thả” bên [隹] “chuy”), hai chữ chỉ khác nhau một ly, nên ta thường viết cả hai chữ Tuy hay Thư là [睢] và đều đọc là Thư. Tuy Dương là một huyện ở tỉnh Hà Nam bên Tàu, vì ở phía tây sông Tuy Thủy [睢水] nên mới đặt tên là huyện Tuy Dương [睢陽]. Sông Tuy Thủy chảy từ tỉnh Hà Nam, qua tỉnh An Huy, đến tỉnh Giang Tô thì nhập vào sông Tứ Thủy. Hồi An Lộc Sơn khởi loạn, hai ông Trương Tuần và Hứa Viễn cố giữ thành Tuy Dương để ngăn giặc không tràn ngay được xuống vùng Giang Hoài. Còn chữ [淮陽] thì địa dư Tàu không có huyện Hoài Dương. Xét ra lúc Kim, Vương đi phó quan, lúc mới khởi hành thì cùng đi về phía nam, lúc gần tới Hàng Châu thì đáng lẽ Kim phải rẽ về đông nam để tới huyện Nam Bình, mà Vương thì phải rẽ về phía tây để tới Tuy Dương, nhưng được tin giặc tan, nên Kim mới rủ Vương cùng đi với mình về phía Phúc Kiến để tìm tin tức Kiều.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Xuân thu* (春秋) = Một năm, một tuổi. Tiếng ta trước, người lịch sự thường hỏi tuổi nhau bằng câu “Thưa ông, năm nay xuân thu ông bao nhiêu ạ?”

[2] *Chế khoa* (制科) = Khoa thi văn cao cấp nhất mở ra bất kỳ, ngoài kỳ thi Hội thường lệ, để thu vớt nhân tài vì rơi sót và người ứng thi Chế khoa không cần có bằng Cử nhân. Chế khoa chính vua ra làm chủ khảo nên các ông Tiến sĩ đỗ kỳ Chế khoa có danh giá hơn các ông Tiến sĩ đỗ khoa thường lệ.

[3] *Bảng xuân* (春榜) = Xuân bảng. Khoa thi Hội bao giờ cũng thi vào mùa xuân, nên ai đậu Tiến sĩ thì gọi là “chiếm bảng Xuân” (tên mình chiếm một

chỗ ở bằng mùa xuân). Còn thi Hương để lấy bằng Cử nhân thì vào mùa thu, nên bằng đỗ Cử nhân gọi là bằng Thu.

[4] *Cửa Trời mở rộng đường mây* = Triều đình nhà Vua cao quý như Thiên đình, nên ai được đỗ đạt có đường ra làm quan với triều Vua thì được coi như là cửa nhà Trời đã mở ra để đón vào.

[5] *Hoa chào ngô hạnh* = Thi Tiến sĩ xong vào tháng ba, đương độ hoa hạnh đào nở tung, các ông Tiến sĩ mới được Vua dẫn đi dạo chơi trong vườn hoa nhà Vua, hay những ngô nhiều hoa ở kinh đô, chỗ nào cũng đầy hoa hạnh đào như chào mừng các vị tân khoa. *Hương bay dặm phần* = Dặm đường về làng quê mình. Ai đỗ Tiến sĩ thì được người hàng tỉnh hàng huyện rước vinh quy về làng rất vẻ vang.

[6] *On Chu tuyên* = Ôn Chung công đã lo giúp mọi việc cho được xong xuôi án bán tợ.

[7] *Gia thân* = Đã thân lại thêm thân hơn.

[8] *Bước thanh vân* = Đường công danh hiển đạt dễ dàng.

[9] *Hẹn ngọc thể vàng* – Nhắc đến câu Kiều đã đoán trước là chàng Kim có quý tướng sẽ là phường “ngọc bội” hay “kim môn” (thế mà bây giờ chàng Kim hiển đạt, nằng lại không được hưởng chung hạnh phúc với chàng).

[10] *Kim Mã Ngọc Đường* (金馬玉堂) – Cửa cung Vị Ương nhà Hán có tượng ngựa đồng nên gọi là Kim Mã Môn. Vua Hán Vũ Đế để các quan Học sĩ ngồi ở trong cửa *Kim Mã* làm cố vấn cho nhà vua. *Ngọc Đường* là nhà xây bằng ngọc thạch. Cổ thi *Hoàng kim vi quân môn, bạch ngọc vi quân đường* (黃金為君門, 白玉為君堂) = Vàng làm cửa nhà chàng ngọc trắng xây nên nhà chàng.

[11] *Rễ bèo* = Do hai chữ “bình ngạnh” (萍梗) là cái “nhánh bèo” dịch ra.

[12] *Ngoại nhậm* (外任) = Được bổ nhiệm ra làm quan ở các tỉnh ngoài kinh đô.

[13] *Cầm đường* (琴堂) = Nghĩa đen là nhà gảy đàn cầm; nghĩa bóng là dinh quan Tri huyện. Ông Phục Tử Tiên (宓子賤) đời Xuân thu làm quan huyện ở nước Lỗ, thường vừa gảy đàn vừa làm việc quan mà dân vẫn yên trị, nên đời sau gọi dinh Tri huyện là Cầm đường.

[14] *Tiếng hạc tiếng đàn* = Ông Triệu Biện (趙汴) đời Tống lúc làm Ngự sử rất thanh liêm cương trực, không kiêng nể ai; lúc ra làm quan ở đất Thục, nhà nghèo, chỉ có một cây đàn và một con hạc, nhưng dân rất kính sợ, quận rất yên trị.

[15] *Tín nghi* = nửa tin nửa ngờ.

[16] *Thanh khí tương tầm* (声氣相尋) = Hai tiếng cùng một giọng thì ứng lại nhau, hai khí cùng một loại thì tìm nhau.

[17] *Giai âm* (佳音) = Tin hay, tin tốt.

[18] *Thăng đường* (升堂) = Lên công đường làm việc quan.

[19] *Kiên trinh* (堅貞) = Lòng đứng đắn, bền vững.

[20] *Bức mình* = Hàm ý (tình thế) bức bách làm mình không thể ở được, nên mới phải trốn. Các bản Kiều quốc ngữ đều dịch chữ (逼) “bức” là “bực”, e không xác đáng, vì Kiều phải trốn là vì tình thế nguy hiểm bức bách, chứ đâu phải vì bực tức.

[21] *Các tích* = Mọi việc ân oán trước.

[22] *Tính* (姓) = Họ. *Danh* (名) = Tên.

[23] *Vân mỏng* = Tin tức xa thăm lờ mờ không rõ.

[24] *Tiêu hao* = Tin tức lúc thế nọ, lúc thế kia, không biết thế nào.

[25] *Kiếp trần* = Kiếp gió bụi, cuộc đời đầy đọa khổ sở.

[26] *Bình bông* = (Đời Kiều) lênh đênh như cánh bèo mặt nước, cỏ bông trước gió.

[27] *Đỉnh chung* – *Đỉnh* (鼎) = Cái vạc lớn để nấu đồ ăn. *Chung* (鐘) = Cái chuông. Hai chữ “đỉnh chung” dùng tả cảnh nhà giàu sang đông người, phải nấu đồ ăn bằng vạc, và phải đánh chuông để gọi người về ăn.

[28] *Treo án từ quan* – Ông Đào Tiềm (陶潛) là thi sĩ trứ danh đời nhà Tấn. Lúc nhà Tấn suy, ông đương làm Huyện Lệnh ở Bành Trạch. Một hôm có viên Đốc Bru đến huyện, có người bảo ông phải mặc áo mũ ra lạy chào, ông cười nói “Khi nào ta lại phải vì năm đấu gạo lương mà lạy chào hấn ?” rồi ông treo án ở cổng huyện mà bỏ quan về nhà sống đời nghèo túng nhưng tự do ung dung.

[29] *Pha* – Xem lời đính chính câu 2940 ở trên.

[30] *Gián mình* = Liều thân xông pha vào nơi gươm giáo như chìm mình vào chỗ nước sâu nguy hiểm.

[31] *Năm mây* = Đám mây đủ năm sắc vàng đỏ xanh trắng đen, tượng trưng oai quyền vua, bởi vậy sắc vua ban vẫn vẽ hình mây. Sử Hán nói: Phạm Tăng bảo Hạng Vũ giết Bái Công đi, vì Bái Công ở đâu thường có mây ngũ sắc che ở trên, báo điềm Bái Công sẽ được làm vua, cướp mất thiên hạ của Vũ.

[32] *Khâm ban sắc chỉ* = Kính vâng được sắc lệnh của vua ban cho.

[33] *Cải nhiệm* = Đổi đi làm quan nơi khác.

[34] *Phó quan* = Tới chỗ làm quan.

[35] *Phúc Kiến* và *Triết Giang* là hai tỉnh ở miền bờ bể phía đông nước Tàu. Từ Hải khi trước vẫn tung hoành ở hai tỉnh bờ bể này. Hàng Châu là một thành phố rất to rất giàu ở bờ sông Tiền Đường thuộc tỉnh Triết Giang.

[36] *Thất cơ* (失機) = Làm lỡ bị lừa. *Thu linh* (收靈) = Thu linh hồn lại, tức là chết.

[37] *Công cả* = Công to.

[38] *Lệnh quan* = Lệnh nhà binh rất nghiêm khắc nhất định phải tuân theo.

[39] *Chiêu hồn* (招魂) = Lễ cúng để mời vong hồn người chết đuối hay chết mất tích trở về với gia đình.

[40] *Giải oan* (解冤) = Lễ cúng Phật xin đức Phật cởi hết (giải) những nút oan nghiệt kiếp trước mình đã buộc vào. *Đàn* = Nền cao đắp lên để kê bàn thờ tụng kinh niệm Phật, cầu Phật ban phúc giải tội cho oan hồn được thoát khỏi cõi khổ cực, về cõi yên vui.

[41] Ngọn triều non bạc nghĩa là nước triều lên to có những làn sóng nổi cao rồi tung toé trước gió, thành ngọn trắng như bạc, người ta còn gọi là sóng bạc đầu.

[42] *Cánh hồng* – Câu này hàm ý là như trông thấy bóng Kiều lúc gieo mình xuống sông nhẹ như cánh chim hồng.

[43] *Tình thâm, bể thâm* – *Tình thâm* = Nơi cúng chiêu hồn ở trên bờ, có đủ cả mặt mọi người gia đình thân thiết. *Bể thâm* = Nơi đáy sông, hồn chết thâm.

[44] *Hồn Tinh Vệ* (精衛) – Sách Sơn Hải Kinh kể : Ở núi Phát cư (發鳩) có loài chim gọi là tinh vệ ngày ngày cầm đá, cầm cành cây thả xuống bể Đông. Đó là hồn con gái vua Hoàng Đế tên là Nữ Oa (女娃) chết đuối ở bể Đông, nên muốn lấp bể để báo thù. Chớ lầm bà Nữ Oa này với bà Nữ Oa luyện đá, vá trời chữ Hán là (女媧).

Diễn ra văn xuôi

Câu 2857, 58 = Lúc nào chàng cũng chỉ những buồn phiền rầu rĩ suốt ngày suốt đêm, thấm thoát qua mấy năm, thay đổi hết mùa nọ sang mùa kia mà chàng không biết.

Câu 2859, 60 = Trong mấy năm buồn phiền ấy, chàng chẳng thiếc gì thi cử. Bỗng gặp năm vua mở tràng thi chế khoa cho những văn sĩ giỏi bị rơi sót, ai

cũng được thi, chàng mới cao hứng rủ Vương Quan cùng thi, và hai người cùng có tên trong bảng xuân Tiên sĩ khoa này.

Câu 2861, 62 = Thế là hai chàng đều được bước lên đường quan sang vinh hiển, như Trời mở rộng đường mây cho bước vào cửa Thiên đình. Thật là về vang vô cùng, nào là được vua mang đi dạo chơi trong vườn Thượng Uyển, xem những hoa hai bên đường ngõ Hạnh đua nhau tươi nở như chào các vị Tân khoa, nào là khi rước vinh quy về làng được dân chúng đón mừng chật đường nơi quê, nức tiếng thơm tho.

Câu 2863, 64 = Chàng Vương thì nghĩ gần nghĩ xa, mới sang nhà ông họ Chung để chào ông và tạ ơn ông đã có lòng tử tế lo tính cho nhà mình được an toàn khi tai biến, nên mình mới được về vang như ngày nay.

Câu 2865, 66 = Tạ ơn rồi, muốn cho tình nghĩa thêm thân mật, chàng lại kết duyên với con gái ông.

Câu 2867, 68 = Chàng Kim từ khi đỗ to, nhẹ bước trên đường công danh, lòng lại càng canh cánh nghĩ thương đến nông nổi khổ cực của Kiều.

Câu 2869, 70 = Chàng nghĩ: Kìa ai đã đem lời trân trọng như vàng như ngọc mà hẹn mà thề với nhau là sẽ cố lập công danh để sống một đời vinh hiển với nhau? Có phải chính là ta không? Thế mà giờ đây ta được làm chức vinh hiển ở nơi nhà xây bằng ngọc thạch, trước cửa có tượng ngựa vàng thế này, ta nào có được chia sẻ cuộc đời vinh hoa này với ai? (Chữ “ai” kìa ai ở câu trên là Kim Trọng tự chỉ mình, chữ “ai” ở cuối câu dưới, Kim Trọng chỉ Kiều)

Câu 2811, 12 = Chàng nghĩ đến tình cảnh bơ vơ cơ cực của nàng như cánh bèo nổi nổi chìm chìm ở chân làn sóng, thì chàng càng thấy mình vinh hiển bao nhiêu, lại càng thương nàng bấy nhiêu.

Câu 2873, 74 = Hết hạn sơ bỏ tập sự ở tòa Hàn Lâm rồi, chàng Kim thì vâng sắc chỉ vua ban ra làm quan ngoài và được bổ đi làm Tri huyện Lâm Tri.

Chàng mang cả đoàn vợ con cùng người nhà đi hàng nghìn dặm đường mới đến nhiệm sở (tức là đường Mã Giám Sinh mang Kiều đi: vừa một tháng tròn mới đến nơi).

Câu 2875, 76 = Chàng ở dinh huyện thật thanh nhàn suốt ngày qua tháng, vì chàng làm quan rất công minh liêm khiết nên ít việc, gần như cả ngày chỉ những gảy đàn ngắm cảnh cho vui khuây, cùng tiếng đàn tiếng hạc mà dân vẫn yên trị.

Câu 2877, 78 = Một đêm nọ, nàng Vân buồng bức màn hoa nằm ngủ ở trong phòng, bỗng mơ thấy Kiều lại thăm.

Câu 2879, 80 = Khi tỉnh ra, mới sẽ kể với chàng sự mơ lạ đó. Chàng nghe cũng nửa tin nửa ngờ.

Câu 2881, 82 = Chàng nghĩ: Chữ tên huyện Lâm Thanh và chữ tên huyện Lâm Tri chỉ khác nhau có một chút, hoặc giả Mã Giám Sinh nó viết lầm chằng?

Câu 2883, 84 = Còn lẽ nữa khiến ta có thể tin được: Đó là lẽ tự nhiên của Trời, đồng thanh đồng khí thường tìm đến với nhau. Vậy ta thử sẽ hỏi dò người ở đây xem, may ra được tin gì hay chằng.

Câu 2885, 86 - Ngay buổi hâu sáng hôm sau, chàng lên công đường hỏi ngay mọi người nha dịch có ai biết tin gì về nàng Thúy Kiều hay không, thì có người lại già họ Đô đứng lên thưa ngay rằng:

Câu 2887, 88 = Mọi việc về cô này đã xảy ra ở đây từ hơn mười năm nay. Tôi đã biết rõ cả mặt cả tên cô ấy lắm.

Câu 2889, 90 = Tú Bà và Mã Giám Sinh đã mua nàng từ ở Bắc Kinh đem về đây.

Câu 2891, 92 = Thúy Kiều là một cô gái tài sắc song tuyệt, thật không ai bằng, gảy đàn rất hay và văn thơ rất giỏi.

Câu 2893, 94 = Nàng còn rất can đảm, quyết một niềm giữ lấy trinh tiết cho bền vững. Khi Tú Bà muốn bắt nàng làm gái thanh lâu, nàng đã liều mình cầm dao đâm cổ tự tử nhưng không chết được. Tú Bà sợ lắm, mới giả cách ôn tồn tử tế làm cho nàng yên tâm, rồi ngấm ngầm tìm cách lừa

được nàng đi trốn, mà bắt về đánh đập tàn nhẫn và ép nàng phải vào thanh lâu.

Câu 2895, 96 = Nàng phải chịu kiếp phong trần đó thật ê chề nhục nhã trong mấy năm, rồi sau được kết duyên với Thúc Lang.

Câu 2897, 98 = Nhưng lại phải vợ cả Thúc Lang là tay nanh ác phũ phàng. Nó bắt nàng đem về Vô Tích hành hạ muốn giết nàng.

Câu 2899, 2900 = Nàng thấy mình bị uy bức quá, phải trốn ra đi, nhưng không may lại mắc lừa bọn họ Bạc.

Câu 2901, 02 = Nó coi nàng như một món hàng, nó buôn về rồi lại bán đi. Thân nàng bấy giờ rõ như mây trôi bèo nổi, nay đây mai đó đi thật nhiều nơi.

Câu 2903, 04 = Bỗng đâu nàng gặp được một người đủ tài trí dũng, đủ oai hùng làm được nghiêng trời lệch đất.

Câu 2905, 06 = Trong tay ông ấy có mười vạn quân tinh nhuệ có đạo kéo về đóng đây thành huyện Lâm Tri.

Câu 2907, 08 = Bao nhiêu các tích ân oán to nhỏ của nàng từ trước đến sau, lục ra mà bắt về xét cho kỹ hết mọi người, ai có ân thì trả ân, ai có oán thì báo oán, thật công bằng.

Câu 2909, 10 = Đối với ân nhân thì nàng đền tạ rất trung hậu có tình có nghĩa, đối với kẻ thù thì nàng có bụng khoan nhân, thật là trước sau trọn vẹn mọi bề, ai cũng phải khen là người có nghĩa có nhân.

Câu 2911, 12 = Tôi chưa từng được ông chồng nàng lúc đó họ gì tên gì; điều này phải hỏi ông Sinh viên họ Thúc thì mới biết rõ.

Câu 2913, 14 = Nghe lời họ Đô nói rành rõ như vậy, chàng liền cho người mang danh thiếp đi mời Thúc Sinh.

Câu 2915, 16 = Khi Thúc Sinh đến, chàng hỏi về nông nổi của nàng, và người anh hùng là chồng nàng lúc đó tên họ là gì.

Câu 2917, 18 = Thúc Sinh thưa rằng: Gặp lúc lưu ly, tôi có được dẫn vào trong quân và tôi đã hỏi rõ ràng được từng ly từng tí chẳng thiếu điều gì.

Câu 2919, 20 = Ông Đại Vương này họ Từ, tên Hải, anh hùng lắm, đã từng đánh thắng hơn trăm trận, sức có thể địch nổi hơn muôn người như Hạng Vũ khi xưa.

Câu 2921, 22 = Đại Vương đã gặp nàng khi ở Châu Thai, trai thiên tài, gái quốc sắc, gặp nhau là duyên ưa phận đẹp ngay.

Câu 2923, 24 = Trong bấy nhiêu năm, ông vẫy vùng ở địa phương này thật như gió bão đùng đùng, kinh thiên động địa.

Câu 2925, 26 = Sau ông kéo đại quân về đóng ở miền đông, và từ đó về sau, tôi không biết tin tức ra sao nữa.

Câu 2927, 28 = Từ khi chàng được nghe mọi người kể lại đầu đuôi ngọn ngành về tin nàng, lòng riêng chàng lại càng luống những lao đao ngơ ngác thân thơ thêm.

Câu 2929, 30 = Lúc nào chàng cũng xót xa cho tình cảnh bơ vơ của nàng, nào có khác gì như chiếc lá cây rụng xuống dòng nước trôi đi đây đó, cái kiếp phong trần này nàng rũ cho đến bao giờ mới sạch, mới thoát?

Câu 2931, 32 = Cái đời lênh đênh như cánh hoa trên mặt nước của nàng cứ theo dòng sông cuốn trôi đi mãi, biết bao nhiêu là nỗi hợp tan đau buồn, biết bao nhiêu là cuộc chìm nổi khổ cực.

Câu 2933, 34 = Những lời ta thề với nàng xưa kia thật ta đã phụ, đã lỗi muôn phần. Kia mảnh hương đốt lúc còn thề đó, cây đàn gảy đêm thề cũng còn đây!

Câu 2935, 36 = Chàng nhìn cây đàn, thấy như các dây đàn cũng ngán ngơ nhớ nàng; chàng nhìn mảnh hương, chàng lo buồn không biết duyên hương lửa giữa chàng và nàng kiếp này có còn nữa hay không.

Câu 2937, 38 = Vì thương nàng còn phiêu bạt ở nơi xa xôi như cánh bèo như cỏ bồng trước song gió, nên chàng không nỡ lòng ngồi yên hưởng đình chung phú quý một mình.

Câu 2939, 40 = Chàng những toan treo ấn từ chức Tri huyện để đi tìm nàng, dù phải lội bao nhiêu sông, phải pha bao nhiêu ngàn, nguy hiểm thế nào cũng không quản ngại.

Câu 2941, 42 = Và chàng sẽ liều mạng giấn mình vào giữa đám gươm giáo trong chiến trường, có vào sông ra chết để tìm nhau như thế, mới họa may được thấy nàng.

Câu 2943, 44 = Nhưng chàng chỉ e ngại một điều trong khoảng trời rộng tít mù, vực sâu thăm thẳm, nào biết bóng chim tăm cá ở đâu mà tìm!

Câu 2945, 46 = Bởi vậy chàng đành nán nã đợi tin mãi mất mấy năm qua mà chẳng dò hỏi được tin gì rõ hơn nữa.

Câu 2947, 48 = Rồi bỗng thấy chiếu chỉ vua ban đưa đến. Kính vâng lời sắc chỉ cho biết rành rành là:

Câu 2949, 50 = Chàng Kim thì đổi đi Tri huyện Nam Bình (ở tỉnh Phúc Kiến), chàng Vương thì đổi đi Tri huyện Tuy Dương (ở tỉnh Hà Nam).

Câu 2951, 52 = Vương Kim hai nhà cùng vội vàng sắm sanh xe ngựa để thuận tiện cùng đi một đường với nhau tới nhiệm sở.

Câu 2953, 54 = Trong khi đi đường bỗng được tin giặc đã tan, hai tỉnh Phúc Kiến và Triết Giang đều im lặng yên ổn cả.

Câu 2955, 56 = Chàng Kim mới rủ chàng Vương tiện đường cùng đi về phía Phúc Kiến với mình, để nhân tiện dò thăm tin tức nàng xem giặc tan rồi thì nàng ra sao.

Câu 2957, 58 = Khi đến Hàng Châu (tức tỉnh lý Triết Giang và ở trên sông Tiền Đường) thì được tin rõ ràng từng ly từng tý rằng:

Câu 2959, 60 = Vừa hôm dạo nó đánh nhau, Từ Công mắc mưu thất cơ đã chết ngay ở trận tiền rồi.

Câu 2961, 62 = Và nàng Thúy Kiều tuy có công to, mà đã chẳng được đền thưởng gì cả, lại còn bị lệnh quan nghiêm khắc ép duyên gả cho một người Thổ tù.

Câu 2963, 64 = Nên nàng đã gieo mình xuống sông tự tử, viên Thổ tù theo vớt mãi không được. Sông Tiền Đường tức là mồ người hồng nhan bạc mệnh đó!

Câu 2965, 66 = Chàng nghe tin này, bụng những ngậm ngùi than thở: Người ta có hợp, mới có tan, nhưng ta với nàng thì thương ôi! Không hợp mà đã tan, nghĩ lại càng đau! Rõ là cả nhà vinh hiển, mà chỉ riêng nàng chịu oan khổ một mình!

Câu 2967, 68 = Rồi cả hai nhà Vương Kim lập bàn thờ đặt bài vị, làm lễ cúng chiêu hồn nàng, và lập một đàn tràng tụng kinh niệm Phật cúng giải oan cho nàng ở trên bờ sông Tiền Đường.

Câu 2969, 70 = Khi gió đưa ngọn nước triều dâng lên gặp nước sông dồn xuống thành những đợt sóng tung cao lên và tóe ra trắng xóa như bạc trùng trùng điệp điệp, đứng chỗ nơi cúng trông xa xa ngoài mặt sông, hình như còn thấy bóng nàng gieo mình lẹ vèo xuống nước nhẹ như cánh chim hồng.

Câu 2971, 72 = Trước cảnh rừng rợn đau thương đó, lạ thay một điều là nào ai biết: Một nơi thì đủ mặt những người tình thâm bày bàn thờ cúng, một nơi thì bề thảm như nghiệp chướng quuyền rũ, chẳng biết hồn oan tinh vệ của vong nhân theo về bên nào.

Những câu và những chữ có ý móc nối hay tỏ ý chê khen

(1) : Hai câu đầu đoạn này, câu trên “Những là phiền muộn đêm ngày” tiếp tục ý những câu tả Kim

Trọng thương Kiều ở cuối đoạn trên, và mở ý nhớ lâu hàng mấy năm ở đoạn dưới. Câu dưới “Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần” vừa tiếp tục tả rõ ý nhớ lâu ở câu trên, vừa mở ý ngậm vì buồn phiền mà bỏ cả thi cử cho mãi đến năm có kỳ thi Chế khoa.

(2) : Câu “Chế khoa gặp hội tràng văn” vừa tiếp ý ngậm buồn chán bỏ thi ở câu trên, cho mãi đến năm có chế khoa mới cao hứng lấy chân trắng (không cần có cử nhân) mà ứng thí, vừa tả rõ được tài cao của Kim, Vương: chỉ thi một khoa mà đỗ ngay Tiến sĩ Chế khoa, làm nên công danh một cách rất mau lẹ.

(3) : Câu “Tình xưa ân trả nghĩa đền, Gia thân lại mối kết duyên Chu Trần” nhắc lại sự ông Lại già họ Chung trước kia mở mối cho sự Kiều dứt tình với Kim Trọng và bán mình ra đi cho nhà họ Vương được chu tuyền, móc nối với sự ông Lại già họ Đô sau này mở mối cho sự tìm thấy Kiều cho hai nhà Vương Kim sum họp. Còn ý tả lòng trung hậu kết duyên thêm thân của Vương Quan chỉ là ý phụ để lấy cớ mà nhắc đến Lại già họ Chung đó thôi. Câu này nếu chú trọng về đường “nghĩa” mà nói, thì thật Chung Công đã chẳng đáng kể là chân chính ân nhân của gia đình họ Vương, mà còn có thể gọi là tội nhân của họ Vương nữa. Vì nếu ông thật có lòng nhân nghĩa với nhà Vương, thì đối với lũ sai nha, ông phải ngăn cản không cho ra tay quá đáng cướp bóc tàn bạo, sau là ông phải kiếm đủ chứng cứ để kêu oan giúp ở trước mặt quan. Thế mới đáng gọi là ân nhân, và chàng Tiến sĩ họ Vương mới đáng xin làm con rể để báo ơn. Đằng này, ông chẳng bình vực nạn gia được câu nào, mặc kệ lũ cướp bóc, đánh trói tàn khốc, rồi ông thừa cơ buôn nhân bán nghĩa, đứng ra giàn xếp, miệng ông nói là ông thương tình cô hiếu nữ, mà việc ông làm là ông bắt cô phải lo lấy 300 lạng bạc để ông “lót đó luôn đây” thì việc mới xong xuôi! Nhất là ông lại lặc hạn cho cô phải nộp ngay trong “đôi ba ngày”, làm cô phải vội vàng bán mình cho bất kỳ ai đến mua trước nhất, để đến nỗi cô phải sa vào tay thằng bợm họ Mã. Nếu không có lời lặc hạn quá cấp tốc đó, thì Bắc kinh thiếu gì người tử tế, làm gì cô chẳng gặp được người tử tế mà bán mình. Bởi vậy có thể bảo ông là tội nhân của nhà họ Vương được. So Chung Công với ông Ngục lại Vu Công đời Hán dám liều mạng chê trách quan Thái Thú để kêu oan cho người hiếu phụ Chu Thanh, thì thật một vực một trời.

(4) : Trong hai câu “Họ Đô có kẻ Lại già” ở đoạn này và “Họ Chung có kẻ Lại già” (câu 607), tác giả nhắc đi nhắc lại 3 chữ “kẻ lại già” là có ý mỉa mai bọn Lại già khéo chiều nịnh quan, khéo lừa dối dân để tác oai tác phúc, quấy nhiễu dân lành. Khi thì họ khéo vừa dọa vừa dỗ để giàn xếp lấy tiền dứt lót cho quan, như trường hợp Lại già họ Chung làm ơn “tính bài lót đó luôn đây” cứu Vương ông, nhưng quan ăn một thì Lại ăn hai. Khi thì họ bới móc mọi

việc trong dân chúng để mách quan, khoe khôn khoe biết cho quan tin dùng họ, như trường hợp Lại già họ Đô; khi đã được quan coi họ như cổ vấn vững vàng, thì tha hồ họ giở trò khươ khoét. Ngoài ý mỉa mai Lại già, tác giả còn ngụ ý một là mỉa mai bọn tham quan khéo dùng bọn Lại già để ngồi yên ăn của đút, hai là cảnh cáo bọn quan mới xuất chính chớ tin cậy bọn Lại già, mà sẽ bị họ bịt mắt lừa ngay mình, mà của họ ăn, tội mình chịu. (**Phụ lục:** Truyện một kẻ Lại già ở Bắc Ninh – Vào thời vua Tự Đức, tỉnh Bắc Ninh có một lão Lại già làm việc hơn 30 năm ở khắp các Phủ Huyện béo bở hạt Bắc Ninh. Lão rất khôn thạo, đối với các quan thì khéo luôn nịnh, từ các quan tỉnh đến các quan Phủ, Huyện ông nào cũng tin yêu; đối với dân chúng thì lão thừa lý sự hóc hách ai cũng phải sợ, nên lão tha hồ khươ khoét mà không ai dám làm gì. Bỗng được một quan Án sát rất công minh chính trực đổi về tỉnh, nạn dân mấy phủ huyện mới họp lại làm đơn kiện. Quan Án sát xét thấy tội lão to quá, mới kết án tử hình. Hôm kết án có cả 4 quan Tỉnh hội đồng cùng xét. Ba quan trên là các ông Tổng Đốc, Tuần Phủ, Bố Chính đều hết sức binh lão Lại già muốn tha tội. Ông Án sát kêu to lên rằng: “Sát nhất hữu tội chi cò, dĩ cứu kỷ vạn vô cô chi tếp” (nghĩa là “Giết một con cò có tội, để cứu mấy vạn con tếp vô tội mà bị khổ) thì các ngài còn tiếc gì nữa, mà cứ che chở nó mãi! Một là nó chết, hai là tôi xin tư án này về Kinh và xin đổi đi nơi khác”. Thế mới kết xong án tử hình lão Lại già. Truyện này lúc còn trẻ tôi được một cụ Tú già rất yêu tôi kể lại cho nghe, vậy nhân tiện xin phụ lục vào đây kéo mất một truyện hay. Tôi rất tiếc là không nhớ họ tên quan Án sát cương trực ấy là gì).

(5) : Chữ “ngọc” và chữ “vàng” ở câu 2869 “Áy ai hện ngọc thề vàng” : **gân** thì móc nối ngay với chữ “kim mã” và chữ “ngọc đường” ở câu dưới 2870 “Bây giờ Kim mã, ngọc đường với ai”, **xa** thì móc nối với chữ “ngọc bội” và “kim môn” ở câu 551 Kiều đoán tướng Kim Trọng “Chẳng sân ngọc bội thì phường Kim môn.” Hai câu cuối đoàn này nói: Chẳng biết hồn người chết đuổi theo về nơi tình thâm chỗ cúng chiêu hồn, hay cứ theo ở luôn mãi nơi bề thăm. Chữ “bề thăm” có ý móc nối với đoạn trên: Hồn đã bỏ nơi nghiệp

chương bề thăm mà theo Giác Duyên lên vui cảnh Phật rồi. Chữ “tình thâm” có ý móc nối với đoạn sau: Hồn cũng chẳng theo về nơi bàn cúng chiêu hồn của mọi người tình thâm này, mà hồn đã theo chân thân để sẽ về đoạn tụ thật sự với những người tình thâm đó. Hai câu tả tình thật thê thảm này, mà đã ngầm mở cảnh vui vẻ sau đây.

CHƯƠNG 29

CÂU 2973 ĐẾN CÂU 3058

“Mừng cảnh đoàn viên, tủi tình lưu lạc”

2973. Cơ duyên đâu bỗng lạ sao, [1]
Giác Duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi.
2975. Trông lên linh vị chữ bài, [2]
Thất kinh mới hỏi: “Những người đâu ta?
2877. Với nàng thân thích gần xa, [3]
Người còn sao bỗng làm ma khóc người?” [4]
2979. Nghe tin ngỡ ngạc, rụng rời,
Xúm quanh kể họ, rộn lời hỏi tra:
2981. “Này chồng này mẹ này cha,
Này là em ruột, này là em dâu.
2983. Thật tin nghe đã bấy lâu,
Pháp sư dạy thế sự đâu lạ dường!” [5]
2985. Su rằng: “Nhân quả với nàng, [6]
Lâm Tri buổi trước, Tiền Đường buổi sau.
2987. Khi nàng gieo ngọc chìm châu,
Đón nhau tôi đã gặp nhau rước về,
2989. Cùng nhau nường cửa bỏ đề, [7]
Thảo am đó cũng gần kẻ chẳng xa. [8]
2991. Phật tiền ngày bạc lân la, [9]
Đăm đăm nàng cũng nhớ nhà khôn khuây.”
2993. Nghe lời nở mặt, mở mày, [10]
Mừng nào lại quá mừng này nữa chẳng?
2995. Từ phen chiếc lá lìa rừng,
Thăm tìm luống những liệu chừng nước mây.
2997. Rõ ràng hoa rụng hương bay,

Kiếp sau họa thấy, kiếp này hẳn thôi.
2999. Manh, dương đôi ngả chắc rồi, [11]
Cõi trần mà lại thấy người cứu nguyên! [12]
3001. Cùng nhau lạy tạ Giác Duyên,
Bộ hành một lũ theo liền một khi.
3003. Bẻ lau, vạch cỏ tìm đi,
Tình thâm luống những hồ nghi nửa phần.
3005. Quanh co theo dải giang tân, [13]
Khỏi rừng lau đã tới sân Phật đường.
3007. Giác Duyên lên tiếng gọi nàng,
Buồng trong nàng đã vội vàng bước ra.
3009. Nhìn xem đủ mặt một nhà:
Xuân già còn khô, huyên già còn tươi.
3011. Hai em phương trưởng hòa hai, [14]
Nọ chàng Kim đó là người ngày xưa!
3013. Tưởng bây giờ là bao giờ,
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao!
3015. Giọt châu thánh thót quện bào, [15]
Mừng mừng, tủi tủi xiết bao sự tình!
3017. Huyên già dưới gối gieo mình,
Khóc than mình kể sự tình đầu đuôi:
3019. “Từ con lưu lạc quê người,
Bèo trôi sóng vỗ chốc mười lăm năm! [16]
3021. Tính rằng sông nước cát lằm, [17]
Kiếp này ai lại còn cầm gập đây! [18]
3023. Ông bà trông mặt cầm tay,
Dung quang chẳng khác chi ngày bước ra. [19]
3025. Bấy chày dải nguyệt dầu hoa,
Mười phân xuân có gầy ba bốn phần.
3027. Nỗi mừng biết lấy gì cân?
Lời tan hợp, chuyện xa gần thiếu đâu!

3029. Hai em hỏi trước, han sau,
Đứng trông, chàng cũng trở sầu làm tươi.

3031. Rủ nhau lạy trước Phật đài,
Tái sinh thâm tạ lòng người từ bi. [20]

3033. Kiêu hoa giục già tức thì,
Vương ông dạy rước cùng về một nơi.

3035. Nàng rằng: “Chút phận hoa rơi,
Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng cay.

3037. Tính rằng mặt nước, chân mây,
Lòng nào còn tưởng có rày nữa không?

3039. Được rày tái thế tương phùng. [21]
Khát khao đã thỏa tấm lòng bấy nay!

3041. Đã đem mình bỏ am mây, [22]
Tuổi này gởi với cỏ cây cũng vừa. [23]

3043. Mùi thiền đã bén muối dưa, [24]
Màu thiền ăn mặc đã ưa nâu sồng.

3045. Sự đời đã tắt lửa lòng,
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi! [25]

3047. Dở dang nào có hay gì,
Đã tu, tu trót, quá thì, thì thôi! [26]

3049. Trùng sinh ân nặng bể trời,
Lòng nào nỡ dứt nghĩa người ra đi!”

3051. Ông rằng: “Bi thử nhất thì, [27]
Tu hành thì cũng phải khi tòng quyền.

3053. Phải điều cầu Phật, cầu Tiên, [28]
Tình kia nghĩa nợ ai đền cho đây?

3055. Độ sinh nhờ đức cao dày, [29]
Lập am rồi sẽ rước thầy ở chung.”

3057. Nghe lời nàng cũng chiều lòng,
Giã sư giã cảnh đều cùng bước ra.

Đính chính và xác định

Câu 3008 – *Buồng trong nàng đã vội vàng bước ra* – Câu này có nhiều bản in là “Buồng trong vội dạo sen vàng bước ra.” Hai chữ “sen vàng” không hợp với cảnh Kiều lúc này, vì nàng đã “mâu thiên ăn mặc nâu sòng” rồi, và lời vẫn không được trôi chảy tự nhiên và tối nghĩa.

Câu 3030 – *Đứng trông, chàng cũng giờ sầu làm tươi* – Chữ “chàng” câu này, có bản in là “nàng” thật là sai lầm quá, chỉ đổi một chữ “chàng” ra “nàng” mà thành ra đã vô nghĩa mà lại mất hết tinh thần ý nhị hay của cả mấy câu tả cảnh cuộc tái ngộ này. Mới gặp Kiều, ai cũng xúm lại mà nhìn mà hỏi, ông thì trông mặt, bà thì cầm tay, hai em thì hỏi trước han sau, còn chàng Kim thì phải giữ gìn ý tứ, không tiện lại gần Kiều mà chào hỏi, chỉ đứng xa mà nhìn, mặt rất tươi vui.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Cơ duyên* – Nghĩa đen chữ *cơ* (機) là cái máy phát động đưa đẩy cho chạy; chữ *duyên* (緣) là cái nguyên nhân sinh ra một sự gì, sách Phật gọi là nhân quả. Nghĩa rộng hai chữ *cơ duyên* là sự tình cờ tự nhiên xảy ra, hình như máy Trời dun dũi đưa đi. Câu này hàm ý là vong hồn Từ Hải sẽ đưa Giác Duyên đi thi hành lời hứa “Sao cho muôn dặm một nhà / Cho người thấy mặt là ta cam lòng”, sống chưa làm được, chết vẫn không quên.

[2] *Linh vị* (灵位) = Bàn thờ cúng linh hồn người mới chết; trên ngai linh vị có bày một *bài vị* đề tên tuổi người chết. *Chữ bài* = Chữ đề ở bài vị.

[3] *Thân thích gần xa* = Những người họ gần, họ xa.

[4] *Làm ma* = Lễ chôn và cúng tế người chết. Theo tục ta trước, những người chết mất xác cũng vẫn có lệ làm ma chôn cất: người ta làm hình giả xếp vào quan tài mà chôn, lấy sọ dừa làm đầu, cắt gióng cành cây núc nác làm xương, giải chỉ ngũ sắc lên làm mạch máu, rồi cúng chiêu hồn về vào quan mà chôn.

[5] *Pháp sư* (法師) – Chữ *Pháp* đây nghĩa là đạo Phật. *Pháp sư* = Thầy giảng đạo Phật. Đây tức là Giác Duyên.

[6] *Nhân quả* (因果) – *Nhân* = Cái nhân hột mình đem trồng. *Quả* = cái trái cây mình trồng được. Theo Kinh nhà Phật thì nhân quả là sự báo ứng, làm thiện thì sẽ được hưởng phúc, làm ác thì sẽ phải khổ sở, cũng như trồng hột đậu thì sẽ được ăn đậu, trồng hột mận thì sẽ được ăn mận. Chữ *nhân quả* ở đây nghĩa là duyên ân nghĩa báo nhau từ kiếp trước để lại.

[7] *Cửa Bồ Đề* = Cửa nhà Phật, tức là chùa. Đức Thích Ca ngồi tu thành Phật ở gốc cây bồ đề (菩提), nên các chùa hay trồng cây bồ đề ở trước để làm kỷ niệm.

[8] *Thảo am* (草菴) = Nhà tranh nhỏ sạch sẽ.

[9] *Ngày bạc* = Ngày bụng dạ thanh thoi hết cả lòng trần tục, trong trắng như bạc. Tác giả chơi chữ “ngày bạc” để đối với chữ “phật tiền.”

[10] *Nở mặt nở mày* – Mọi người đương buồn bã đau thương, mặt thì ủ nhẩn như co hẹp lại, đôi lông mày thì nhíu lại gần nhau, nay bỗng được tin mừng, mặt ai cũng như nở rộng ra, đôi lông mày như mở xa nhau ra.

[11] *Manh dương* – *Manh* (冥) = Chỗ mờ tối âm u, tức là cõi âm phủ. *Dương* (陽) = Chỗ sáng sủa có mặt trời soi, tức là cõi dương thế. Chữ (冥) cũng đọc là minh, nhưng ta đọc là “manh” cho khỏi lầm với (明) “minh” là sáng.

[12] *Cửu nguyên* (九原) = Trước kia là tên nơi đất chôn các quan to nước Tần đời Xuân Thu, sau dùng để chỉ nơi mồ mả, cõi âm phủ.

[13] *Giang tân* (江津) = Bên sông, bờ sông.

[14] *Phương trưởng* (方長) = Đã lớn thành người đứng đắn tử tế rồi.

[15] *Quyện bào* = (Nước mắt) làm hoen ảm cả áo bào. Có bản quốc ngữ dịch là “hoen bào,” nhưng các bản nôm viết chữ này là (倦) “quyện.”

[16] *Chốc mười lăm năm* = (Mười lăm năm) chỉ thoáng qua nhanh như một chốc một lát.

[17] *Cát lằm* – Chữ lằm ở đây nghĩa là “bùn.” Thành phố Hà Nội trước kia có một cửa ô gọi là cửa ô Đồng Lằm, vì là nơi thợ nhuộm thâm ở, nhà nào cũng chứa bùn để ngâm lụa vải nhuộm đen.

[18] *Cảm* = Đoán trước chắc là sẽ được như thế.

[19] *Dung quang* (容光) = Vẻ đẹp sáng sủa của mày mặt.

[20] “*Ngươi*” ở đây là tiếng tôn trọng gọi Giác Duyên.

[21] *Tái thế tương phùng* (再世相逢) = Như đã chết đi, rồi thác sinh ra kiếp sau lại gặp nhau.

[22] *Am mây* = Dịch từ chữ Hán “vân am” (雲庵) = Ngôi nhà nhỏ và rất cao sạch như ở trên mây.

[23] *Gửi với cỏ cây* = Hàm ý là sống cuộc đời tu hành, rũ sạch hết nhân tình như loài cỏ cây, lúc sống thì vui bạn với cỏ cây, lúc chết cũng chôn vùi với cỏ cây.

[24] *Mùi thiền* = Đồ ăn chay nhà Phật. *Màu thiền* = Quần áo nâu sồng mộc mạc nhà Phật.

[25] *Bụi hồng* = Ẩn dụ cho cuộc đời phồn hoa làm say mê lòng người, như đám bụi đỏ xe ngựa tung lên làm mê quang mắt người, quên cả bản độc.

[26] *Đã tu, tu trót, qua thì, thì thôi* = Nay đã đi tu ở đây rồi thì phải tu cho trọn vẹn đạo tu hành, và nay tuổi đã qua thì xuân xanh rồi, thì thôi bỏ hết sự tình ái đi (Kiều biết ý Vương Ông muốn mang về để bắt lấy Kim Trọng, nên nói chặn trước ý đó của Ông đi).

[27] *Bỉ thử nhất thì* = Lối nói rút ngắn lại câu “Bỉ nhất thì thử nhất thì” (彼一時此一時) = Trước kia là một thì, bây giờ là một thì, mỗi thì một khác.

[28] *Phải điều cầu Phật cầu Tiên* = Hàm ý là mình tu là tu để cầu phúc đó thôi, chứ có phải là tu để cầu cho thành Phật thành Tiên đâu! (Ý nói chỉ tu để cầu phúc, nay đã được phúc gặp gia đình rồi, thì nên về ở với gia đình).

[29] *Độ sinh* (度生) = Cứu cho sống lại, cứu cho đời sống được thanh thoi và hạnh phúc.

Diễn ra văn xuôi

Câu 2973, 74 = Không biết vì sự tình cờ nào dun dủi mà vãi Giác Duyên bỗng tự nhiên tìm vào đến nơi cúng chiêu hồn đó.

Câu 2975 đến 2978 = Bà trông lên chữ bài vị trên bàn thờ, thấy đề tên Kiều, bà giật mình mới hỏi: Các vị đây là những người quê quán ở đâu? Và họ hàng với nàng gần xa thế nào? Nàng là người hãy còn sống hẳn hoi, mà sao lại làm ma và khóc nàng như vậy?

Câu 2979, 80 = Nghe bà nói, mọi người giật mình, ngơ ngác có vẻ rụng rời sợ hãi, rồi xúm lại quanh bà mà kể họ với nàng thế nào, cũng hỏi han cho rõ câu chuyện bà vừa mới nói.

Câu 2981, 82 = Khi đã chỉ từng người cho bà biết: Đây là chồng nàng, đây là mẹ nàng, đây là cha nàng, đây là hai em ruột nàng, đây là em dâu nàng; rồi mới hỏi bà: Chúng tôi đã được nghe tin đích xác là nàng đã nhảy xuống sông lâu rồi. Bây giờ Pháp sư lại dạy là nàng còn sống, sao có sự lạ như vậy?

Câu 2985, 86 = Sư Giác Duyên mới kể cho nghe: Tôi với Kiều như có nhân quả với nhau. Hồi trước khi ở Vô Tích nàng có vào tu ở Chiêu Ân am với tôi trong ít lâu; và khi nàng ở Lâm Tri có cho người mời tôi vào trong quân để trả ơn. Hồi sau thì vừa mới đây tôi nghe lời bà tiên tri Tam Hợp, có thuê người giăng lưới ở sông Tiên Đường để chờ vớt nàng.

Câu 2987, 88 = Quả nhiên khi nàng nhảy xuống sông tự tử, tôi đã đón được nàng. Gặp nhau rất vui mừng mà rước nàng về.

Câu 2989,90 = Chúng tôi hiện đang nương nhờ bóng Phật trong một ngôi thảo am ở ngay gần đây.

Câu 2991, 92 = Nàng tuy vẫn tụng kinh trước Phật cho khuây vui qua ngày rồi rảnh, nhưng tôi thấy nàng vẫn có ý dăm dăm nhớ nhà không sao khuây được.

Câu 2993, 94 = Nghe lời bà nói, ai cũng vui sướng mặt mày tươi nở, hết cả vẻ cau có, ủ ê, thật không nổi mừng nào bằng nổi mừng này.

Câu 2995, 96 = Từ khi nàng bỏ nhà ra đi, như chiếc lá rụng bị gió đưa nước cuốn ra khỏi rừng, người nhà tốn biết bao nhiêu là công của đi tìm kiếm mà đều mất không cả, như tìm cá dưới nước bề, tìm chim trên mây trời.

Câu 2997, 98 = Rõ ràng như cánh hoa rụng xuống dòng sông, như khói hương tan bay trong cơn gió, ai cũng tưởng rằng họa chẳng kiếp sau may ra mới lại gặp nhau, còn kiếp này thế là chắc thôi không sao gặp nữa.

Câu 2999, 3000 = Rõ thật là kẻ ở âm phủ, người ở dương gian đã phân cách hẳn ra đôi ngã rồi, thế mà nay người trên cõi trần lại được gặp người dưới cửu nguyền!

Câu 3001, 02 = Cả nhà cùng xụp xuống lạy tạ sư Giác Duyên rồi mọi người đi bộ theo sư dẫn về nơi thảo am.

Câu 3003, 04 = Vừa đi vừa bẻ lau rẽ cỏ để tìm lối bước, và vì quá nặng tình tha thiết với nàng, nên lòng ai cũng có đôi phần hồ nghi, chẳng biết có thật đúng là nàng không, hay bà sư lại vớt lầm người khác.

Câu 3005, 06 = Cả bọn cứ theo dọc bờ sông quanh co mà đi, qua khỏi rừng lau thì đã thấy sân nhà chùa rồi.

Câu 3007, 08 = Sư bà lên tiếng gọi Kiều, thì nàng đã từ trong buồng chùa vội vàng chạy ra.

Câu 3009, 10 = Nàng trông thấy đủ mặt cả mọi người nhà xưa: cha hãy còn khỏe mạnh, mẹ hãy còn tươi tỉnh.

Câu 3011, 12 = Hai em đều trưởng thành nên người khá cả, lại kìa cả chàng Kim là người cũ đó nữa.

Câu 3013, 14 = Nàng bàng hoàng những tưởng chẳng biết bây giờ là ngày hay là đêm, rõ mở mắt hẳn hoi nàng vẫn tưởng là mơ ngủ.

Câu 3015, 16 = Nước mắt nàng bỗng tràn trụa tuôn ra liên liên hai hàng rơi xuống làm hoen ướt cả vạt áo ngoài. Mừng mừng, tủi tủi, lòng nàng chứa chất biết bao nhiêu là sự, là tình, bỗng bùng lên như muốn nổ tung ra.

Câu 3017, 18 = Kiều liền vật mình xuống bên chân Vương bà mà khóc than kể đầu đuôi quãng đời khổ cực của mình:

Câu 3019, 20 = Từ khi con lưu lạc ra nơi đất khách quê người đến giờ, thật là long đong cực nhọc như bèo trôi đây đó, sóng vỗ nổi chìm, thấm thoát mười lăm năm trời.

Câu 3021, 22 = Con đã một niềm tin rằng chỉ có chết xuống trong sông nước, vùi thân dưới cát bùn là xong đời, chứ ai lại còn ngờ còn chắc đâu chút nào là lại còn được gặp cha mẹ và gia đình trong kiếp này nữa!

Câu 3023, 24 = Ông Bà cầm tay nàng kéo lên đứng dậy và nhìn vẻ mặt nàng hãy còn sáng đẹp như ngày ra đi.

Câu 3025, 26 = Tuy rằng dầu dãi phong trần trong bấy lâu, vẻ xuân tươi mười phần cũng có gầy kém ba bốn phần.

Câu 3027, 28 = Nỗi mừng của Ông Bà thật không gì bằng. Nào là lời buồn khi tan rã, lời vui khi xum họp, nào là câu truyện xa, câu truyện gần, Ông Bà kể cho nàng nghe chẳng thiếu gì.

Câu 3029, 30 = Hai em thì hỏi han hết câu nọ đến câu kia, và nghe mỗi câu nàng kể, lại thở than thương nàng. Chàng Kim thì không tiện tới gần nàng, đành đứng xa mà nghe rồi mặt chàng đương sầu cũng hóa ra tươi vui.

Câu 3031, 32 = Rồi mọi người rủ nhau lại lễ trước bàn thờ Phật. Lễ Phật xong rồi, cả nhà quay lại tỏ lòng cảm tạ sư bà Giác Duyên đã đem lòng từ bi cứu vớt cho Kiều được tái sinh.

Câu 3033, 34 = Bỗng thấy người đưa kiệu hoa đến và giục mọi người ra đi, Vương ông ngỏ lời bảo rước nàng cùng về một nơi với cả nhà.

Câu 3035, 36 = Nàng thưa rằng: Thân phận con nhỏ mọn như một cái hoa rơi, đã nếm đủ mọi mùi cay đắng suốt nửa đời.

Câu 3037, 38 = Con những tưởng long đong cho hết kiếp mặt nước bề khơi, chân mây trời thẳm, lòng nào còn dám ngờ rằng hãy còn gặp cha mẹ gia đình như hôm nay nữa!

Câu 3039, 40 = Bây giờ con được như thác sinh ra kiếp sau mà lại được gặp cha mẹ như thế này, thật là đã thỏa mãn tấm lòng khao khát ước ao trong bao nhiêu năm nay lắm rồi, vậy xin cha để con tu ở đây.

Câu 3041, 42 = Một là vì con nay đã bỏ mình vào tu ở chùa này, và tuổi con cũng đã đáng để gửi thân làm bạn vô tình với cỏ cây rồi.

Câu 3043, 44 = Hai là vì con nay đã quen lối nhà chùa, thích ăn dưa muối chay tịnh, ưa mặc quần áo nâu sồng,

Câu 3045, 46 = Lửa lòng đã rập tắt, nguội lạnh với sự đời rồi, thì còn chen mình vào cuộc đời phồn hoa như trong đám bụi hồng đó làm gì nữa?

Câu 3047, 48 = Ba là thân đời con nay đã dở dang còn có ra gì nữa, đã tu thì phải tu cho trọn đạo tu, tuổi trẻ trung đã qua rồi thì cho qua hết đi thôi.

Câu 3049, 50 = Sau nữa là con đội ơn trùng sinh nặng như trời bể của Sư trưởng đây, con nữ lòng nào mà bỏ Sư trưởng ra đi được?

Câu 3051, 52 = Ông nói: Lúc trước là một thì, lúc này là một thì, mỗi thì một khác. Trước kia con bỏ vợ, ở chùa tu hành là phải, bây giờ con nhờ Phật phù hộ cho lại được gặp gia đình, thì con nên tòng quyền mà về với gia đình mới phải.

Câu 3053, 54 = Con tu là để cầu phúc, chứ có phải đâu là để cầu cho thành Phật, thành Tiên; nay cầu phúc đã được phúc rồi, thì còn tình kia nghĩa nọ, con định bỏ cho ai báo đền thay con được đây?

Câu 3055, 56 = Con muốn báo lại ân đức độ sinh cao dày như trời đất của Sư trưởng đây, thì ta sẽ lập một ngôi chùa nhỏ ở nhà để rước người về cùng ở chung với nhà ta.

Câu 3057, 58 = Kiêu nghe ông nói thật hết lẽ, đành phải chiều lòng mà vâng lời ông, thế là nàng từ giã Sư trưởng, từ giã cảnh chùa mà cùng ra về với mọi người.

Những câu có ý nghĩa móc nối với nhau và những chữ có ý ngầm sâu sắc

(1): Câu đầu đoạn này “Cơ duyên đâu bỗng lạ sao”, gần thì chuyển ý liền xuống câu dưới: Lạ sao mà Giác Duyên lại bỗng tìm đến đó; xa thì có ý ngầm móc nối với câu Từ Hải hứa với Kiêu “Xót nàng còn chút song thân / Bấy nay kẻ Việt người Tần cách xa / Sao cho muôn dặm một nhà / Cho người thấy mặt là ta cam lòng.” Lúc sống Từ Hải chưa làm được, chết vẫn không quên, nên vong hồn Từ dun dùi đưa Giác Duyên đến chỗ chiêu hồn gặp gia đình Vương Kim để đưa về cho “thấy mặt” nhau. Câu thứ hai “Giác Duyên đâu bỗng tìm vào tận nơi” trên thì tiếp tục ý câu trên, dưới thì mở đầu cho cuộc Kim Kiêu gặp nhau, và để kết liễu cuộc tình duyên tả thành một đoạn văn chương ý nghĩa rất ly kỳ thanh cao.

(2): Những câu tả cuộc đối thoại giữa sư Giác Duyên và gia đình Vương Kim, lời đối đáp thật vẫn gọn, tự nhiên mà rõ ràng hợp tình hợp lý. Câu “Này chồng, này mẹ, này cha / Này

là em ruột, này là em dâu” đáp lại câu Giác Duyên hỏi “... những người đâu ta? Với nàng thân thích gần xa?” Câu hỏi của Giác Duyên thì thật tự nhiên quẽ mùa, tỏ được lòng thất kinh, đột ngột, chẳng kịp lựa lời văn lễ độ. Câu Vương Ông đáp lại thì gãy gọn phân minh vừa chỉ từng người vừa kể họ hàng, mà lại rất ý nhị bắt đầu kể ngay Kim Trọng thật hợp tình lý. Nếu kể chàng vào giữa thì mất trật tự xa gần, mà kể vào cuối cùng thì sơ tình quá với chàng – lại một câu trả lời đủ ý nghĩa đáp lại hai câu hỏi.

(3): Câu “Bẻ lau rẽ cỏ tìm đi” có ý ứng với câu “Giác Duyên đâu bỗng tìm vào tận nơi” để tả nơi cúng chiêu hồn rậm rạp khuất nẻo như thế. Nếu không phải là cơ duyên dun dùi, thì sao Giác Duyên lại bỗng tìm vào tới nơi?

(4): Đoạn tả lúc Kiều mới gặp lại gia đình cũng có ý rất tế nhị giữa Kiều và Kim Trọng. Khi Kiều ở thảo am chạy ra gặp gia đình thì nhìn thấy cha mẹ trước, rồi thấy hai em, sau cùng mới thấy Kim Trọng. Nàng nhận thấy cha mẹ còn mạnh khỏe, hai em đều đã phương trưởng cả, nhưng không dám nhận kỹ chàng Kim ra sao, chỉ dám thoáng nhìn cho chàng biết là mình cũng có thấy chàng thôi. Rồi Ông Bà ngắm nhìn trò truyện với nàng trước, đến lượt hai em hỏi han nàng, than thở cho nàng. Còn Kim Trọng thì giữ gìn ý tứ chỉ đứng xa mà nhìn mà chia vui với nàng. Đọc đoạn tả lúc ban đầu cuộc trùng phùng này, chúng ta thấy tác giả tả rất vắn gọn, nhưng rất đầy đủ tình tứ trật tự thân sơ, lại rất có ý nhị, khéo dùng lời kín đáo mà tả được tâm tình kín đáo của đôi tình nhân tha thiết mong nhau trong mười lăm năm trời. Tả lòng “nàng” thì chỉ nói “Kìa chàng Kim đó là người ngày xưa”, tả lòng “chàng” thì chỉ “Đứng trông chàng cũng giở sầu làm tươi.” Thế mà tả được lòng thương thật tha thiết lẫn nhau của hai người, nhưng chỉ vì “chưa có một lời trao tơ” mà phải “mặt ngoài còn e” ở trước mặt mọi người!

CHƯƠNG 30

CÂU 3059 ĐẾN CÂU 3130

“Kẻ thẹn hoa tàn, người khen dăng to”

3059. Một nhà về đến quan nha, [1]
Đoàn viên vội mở tiệc hoa vui vầy. [2]
3061. Tàng tàng chén cúc dở say, [3, 4]
Đứng lên Vân mới giải bày một hai.
3063. Rằng: Trong tác hợp cơ trời . [5]
Hai bên gặp gỡ một lời kết giao .
3065. Gặp cơn bình địa ba đào, [6]
Vây đem duyên chị buộc vào cho em .
3067. Cũng là phận cải duyên kim, [7]
Cũng là máu chảy ruột mềm chớ sao ? [8]
3069. Những là rày ước mai ao,
Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình !
3071. Bây giờ gương vỡ lại lành, [9]
Khuôn thiêng lựa lọc đã rành có nơi . [10]
3073. Còn duyên may lại còn người,
Còn vàng trắng bạc còn lời nguyên xưa .
3075. Quả mai ba bảy đương vừa, [11]
Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì. [12]
3077. Dứt lời nàng vội gạt đi:
Sự muôn năm cũ kẻ chi bây giờ?
3079. Một lời tuy có ước xưa,
Xét mình dải gió dầu mưa đã nhiều .
3081. Nói càng hồ thẹn trăm chiều,
Thà cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi ! [13]
3083. Chàng rằng: Nói cũng lạ đời,

Dẫu lòng kia vậy còn lời ấy sao ?
 3085. Một lời đã trót thâm giao, [14]
 Dưới dày có đất trên cao có trời !
 3087. Dẫu rằng vật đổi sao dời, [15]
 Tử sinh phải giữ lấy lời tử sinh ! [16]
 3089. Duyên kia có phụ chi mình,
 Mà toan sẽ gánh chung tình làm hai ?
 3091. Nàng rằng: Gia thất duyên hài, [17]
 Chút lòng ân ái ai ai cũng lòng.
 3093. Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
 Hoa thơm phong nhị trắng vòng tròn gương . [18]
 3095. Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,
 Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa. [19]
 3097. Thiếp từ ngô biển đến giờ.
 Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa .
 3099. Bấy chầy gió táp mưa sa .
 Mấy trăng cũng khuyết mấy hoa cũng tàn.
 3101. Còn chi là cái hồng nhan,
 Đã xong thân thể còn toan nổi nào ?
 3103. Nghĩ mình chẳng hổ mình sao,
 Dám đem trần cấu dự vào bố kinh ! [20]
 3105. Đã hay chàng nặng vì tình,
 Trông hoa đèn chẳng thẹn mình lấm ru !
 3107. Từ rày khép cửa phòng thu,
 Chẳng tu thì cũng như tu mới là !
 3109. Chàng dù nghĩ đến tình xa,
 Dem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ. [21]
 3111. Nói chi kết tóc xe tơ,
 Đã buồn cả ruột mà dơ cả đời ! [22]
 3113. Chàng rằng: Khéo nói nên lời,
 Mà trong lẽ phải có người có ta !

3115. Xưa nay trong đạo đàn bà,
 Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường,
 3117. Có khi biến có khi thường, [23]
 Có quyền nào phải một đường chấp kinh .
 3119. Như nàng lấy hiếu làm trinh,
 Bụi nào cho đục được mình ấy vay ?
 3121. Trời còn để có hôm nay,
 Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời. [24]
 3123. Hoa tàn mà lại thêm tươi,
 Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa .
 3125. Có điều chi nữa mà ngờ,
 Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu! [25]
 3127. Nghe chàng nói đã hết điều,
 Hai thân thì cũng quyết theo một bài .
 3129. Hết lời khôn lẽ chối lời,
 Cúi đầu nàng những vấn dài thở than.

Đính chính và xác định

Câu 3072 – *Khuôn thiêng lựa lọc đã rành có nơi* – Chữ “lựa lọc” và chữ “rành” trong câu này hầu hết các bản Kiều nôm hay quốc ngữ đều viết lầm “lựa lọc (攬淥)” ra “lừa lọc (攬淥)” và “rành (火+亭)” ra “đành (停)” thành ra câu này là “Khuôn thiêng lừa lọc đã đành có nơi” rõ thật vô nghĩa, mà sao chẳng ai để ý đến, người in cứ theo nhau in bừa, người đọc cứ vui miệng đọc bừa. Lựa là so lựa cho vừa đôi phải lựa với nhau, lọc là chọn lọc cho hợp tình hợp ý lẫn nhau, rành có nơi là rõ ràng đâu vào đấy rồi. Hai câu “Bây giờ gương vỡ lại lành /Khuôn thiêng lựa lọc đã rành có nơi” nghĩa là: Trước kia hai người đã bị chia rẽ, mà nay lại được đoàn tụ như cái gương đã vỡ làm đôi lại được chấp lành lại, thì ta biết rành rõ là ông Trời thiêng kia đã để ý so lựa, chọn lọc cho vừa đôi vừa lựa, hợp tình hợp ý nhau đâu vào đấy rồi; vậy chi không nên trái ý Trời.

Câu 3074 – *Còn vàng trắng bạc, còn lời nguyên xưa* – “Vàng trắng bạc” và “lời nguyên xưa” nhắc đến hai câu 449-450 “Vàng trắng vằng vặc giữa trời / Đính ninh hai miệng

một lời song song.” Trăng bạc sáng trắng như cái đĩa bạc. Có bản Kiều đổi “bạc” ra “cũ” để đối với “xưa” cho chỉnh, nhưng e vô nghĩa vì làm gì có “trăng cũ.”

Câu 3089 – *Duyên kia có phụ chi mình* – Chữ “mình” ở câu này nghĩa là “chúng mình, chúng ta” và nghĩa cả câu là: Chúng mình trước đây dẫu xa cách nhau, nhưng cái duyên kia nó vẫn tha thiết với nhau. Vậy sao bây giờ nàng lại chỉ toan chia gánh chung tình của chúng ta ra làm hai như vậy? Có bản đổi chữ “mình” câu này ra làm chữ “tình” thật là vô ý thức, vừa trùng vần với chữ tình câu sau, vừa mất nghĩa.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Quan nha* (官衙) = Nhà dinh quan ở.

[2] *Đoàn viên* (團圓) = Xum họp đông đủ. *Tiệc hoa* do “hoa diên” (華筵) dịch ra = Bữa tiệc vui mừng.

[3] *Tàng tàng* = Đã hơi say rượu.

[4] *Chén cúc* = Chén rượu cất với hoa cúc.

[5] *Tác hợp cơ trời* = Như có máy thợ trời đưa lại cho hai bên gặp gỡ nhau để kết duyên thành vợ chồng.

[6] *Bình địa ba đào* (平地波濤) = Con sóng còn bỗng nổi lên ở mặt đất bằng phẳng, hàm ý sự tai vạ bất kỳ xảy ra rất to.

[7] *Phận cải duyên kim* = Duyên vợ chồng trời định phải lấy nhau như đá nam châm hút kim sắt, hỏ phách hút hột cải.

[8] *Máu chảy ruột mềm* = Nghĩa đen là khi đứt tay thấy máu chảy ra thì sợ như ruột mềm nhũn ra, nghĩa bóng là khi thấy người tình thân máu mủ bị nạn thì mình thương xót đau lòng.

[9] *Gương vỡ lại lành* – Lấy điển từ câu trong *Tình Sử* “Phá kính trùng viên”

(破鏡重圓) = Gương vỡ đôi lại khớp lại thành tròn. Sự tích như sau: Đồi nhà Trần bên Tàu (557 - 589) có Từ Đức Ngôn lấy Lạc Sương Công Chúa. Khi nhà Trần sắp mất, Đức Ngôn bảo vợ “Nước mất thì thế nào nàng cũng bị vua, tướng nhà Tùy nó bắt, ta bẻ cái

gương ngọc này làm đôi, mỗi người giữ một nửa. Sau này nếu nàng còn sống, thì cứ hôm rằm tháng giêng năm nào nàng cũng cho người mang mảnh gương của nàng ra chợ kinh đô bán mà đòi giá rõ đắt cho không ai mua, để ta đến đó mà tìm.” Khi nhà Trần mất, Công chúa bị đại tướng nhà Tùy là Dương Tố bắt. Đức Ngôn tới kinh đô, ra chơi hội chợ rằm tháng giêng, thấy người mang mảnh gương ra rao bán. Đức Ngôn lấy mảnh gương của mình ra khớp in với mảnh kia, rồi đề bốn câu thơ gửi theo hai mảnh gương cho Công chúa. Công chúa được thơ thương khóc nhịn ăn. Dương Tố biết truyện, mới cho người tìm Đức Ngôn đến trả Công chúa cho về đoàn tụ với nhau. Bốn câu thơ đó như sau:

(鏡與人俱去) Kính dữ nhân câu khứ = Gương với người cùng ra đi /
 (鏡歸人不歸) Kính quy nhân bất quy = Gương về, người chẳng về /
 (不復嫦娥影) Bất phục Thường Nga ảnh = Gương không còn bóng cô Thường Nga nữa) / (空留明月輝) Không lưu minh nguyệt huy = Chỉ còn lại ánh sáng không của mặt trăng sáng này thôi.

[10] *Khuôn thiêng lựa lọc* – Xem lời giải ở mục đính chính câu 3072 này.

[11] *Quả mai ba bảy đương vừa* – Kinh Thi có câu “Phiếu hữu mai kỳ thật thất hê, phiếu hữu mai kỳ thật tam hê” (標有梅其實七兮, 標有梅其實三兮) = Quả mai rụng mười phần còn bảy phần, quả mai rụng mười phần còn ba phần. Ý nói: Tuy chỉ còn ba phần nhưng hãy còn hái được, ví như đàn bà đã luống tuổi, nhưng lấy chồng hãy còn vừa.

[12] *Đào non* – Kinh Thi có câu “Đào chi yêu yêu” (桃之夭夭) = Cây đào non dòn dòn, để nói con gái đương thời trẻ trung vừa tuổi lấy chồng.

[13] *Ngọn nước thủy triều chảy xuôi* – Câu này lấy điển ở câu thơ cổ “Tâm như quy hải triều, mộ phong lưu bất trụ” (心如歸海潮, 暮風留不住) = Lòng này giống như nước triều lui về bể, gió chiều tối không ngăn cản lại được nữa. Vì gió lúc chiều tối thường thổi từ ngoài bể vào như ngăn nước triều lại, câu này ý Kiều bảo Thúy Vân: Ta đã quyết tâm bỏ đường chồng con rồi, không ép ta lại lấy chàng Kim nữa được.

[14] *Thâm giao* = Giao ước một cách sâu nặng

[15] *Vật đổi sao dời* Bài tựa Đẳng Vương Các của Vương Bột có câu “Vật hoán tinh di kỷ độ thu” (物換星移幾度秋) = Vật đổi sao dời trải qua bao nhiêu mùa thu rồi. Vật đổi nói cảnh vật ở mặt đất thay đổi mỗi mùa một khác; sao dời nói các ngôi sao ở trên trời mỗi tháng chuyên dần đi một chỗ.

[16] *Tử sinh phải giữ lấy lời tử sinh* = Dù sống hay chết cũng phải giữ lấy lời thề “sống chết có nhau.”

[17] *Gia thất duyên hài* (家室緣諧) – *Gia* = vợ. *Thất* = chồng. *Duyên hài* = Kết duyên vui vẻ, hòa hợp với nhau. *Gia thất duyên hài* = Đàn ông, đàn bà ai cũng muốn có vợ có chồng.

[18] *Hoa thơm phong nhị* = Hoa hã còn giữ bọc nhị thơm kín đáo nguyên vẹn.

[19] *Đuốc hoa* = Đêm tân hôn, vì trong buổi đầu đêm tân hôn ngày xưa có lệ đốt hai cây nến chung quanh có trở hoa để cúng lễ hợp cẩn.

[20] *Trần cấu* (塵垢) – *Trần* = Bụi đất. *Cấu* = Chát ghét bẩn. Hàm ý Kiều tự cho mình dơ bẩn không đáng lấy Kim Trọng.

[21] *Cầm sắt* = Tình vợ chồng. *Cầm kỳ* = Tình bè bạn. Kinh Thi có câu “Thê tử hảo hợp như cổ sắt cầm” = Vợ chồng vui hoà với nhau, như gảy đàn sắt đàn cầm ăn nhịp với nhau. *Cầm kỳ thi tửu* = Bốn cuộc chơi thanh nhã giữa bạn bè.

[22] *Dơ cả đời* = Trông dơ dáng dạng hình đáng thẹn với đời. Bản Kiều Kim Kỳ phiên âm chữ “dơ” (塗) (thủy bên (余) dư) là như thật là làm, vì nếu là như (bản) thì chữ nôm phải viết là (洳) (thủy bên (如) như), vả lại “như cả đời” e vô nghĩa.

[23] *Tòng quyền* (從權) – Nghĩa đen chữ *quyền* là cái quả cân. Nghĩa rộng là : Cân đi thì biết bên nào nặng bên nào nhẹ. *Tòng quyền* = Gặp việc khó xử phải cân nhắc xem bên nào hệ trọng thì theo mà làm cho hợp tình hợp lý. Nếu cứ giữ một mực không biết thay đổi thì gọi là *chấp kinh* (giữ đạo thường). *Kinh* = Đạo thường.

[24] *Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời* – Đám sương ở đầu ngõ tan đi thì lại thấy hoa ở trong vườn. Đám mây ở giữa trời vén gọn thì lại thấy mặt trăng. Ý nói Kiều lúc

sống đời khổ nhục cũng như hoa bị sương phủ, trăng bị mây che; bây giờ cuộc đời khổ nhục ấy hết rồi, thì như hết sương, hết mây, hoa lại tươi, trăng lại sáng.

[25] *Chàng Tiêu* – Văn thơ đời Đường, Tống thường gọi con trai là *Tiêu lang* (萧郎) (chàng Tiêu), gọi con gái là *Tiêu nương* (萧娘) (nàng Tiêu). Câu “Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu” lấy điển ở câu thơ của Thôi Giao (崔郊) đời Đường. Thôi Giao có người vợ lẽ đẹp, bị người bắt đi dâng ông Nguyên Sứ họ Liên. Giao viết một bài thơ tìm cách gửi vào Sứ phủ cho nàng, hai câu cuối bài thơ đó là:

(侯門一入深如海) Hào môn nhất nhập thâm như hải = Một khi đã vào trong cửa dinh vương hầu sâu như bể / (從此萧郎是路人) Tông thử Tiêu Lang thị lộ nhân = Từ đó ta thành ra một chàng Tiêu lạ như khách qua đường. Một đứa thị tỳ trong Sứ phủ có ý ghen ghét nàng, đem bài thơ đó lên trình Liên Sứ. Sứ cho gọi Giao đến, đưa thơ cho xem, và hỏi có phải chàng là thi sĩ làm bài thơ này không. Giao can đảm nhận ngay, Liên Sứ khen thơ hay lắm, gọi nàng ra trả lại cho Giao và Tống tặng nữ trang rất hậu.

Diễn ra văn xuôi

Câu 3059, 60 = Khi cả mọi người về đến dinh huyện rồi thì liền mở tiệc ăn mừng cuộc đoàn viên.

Câu 3061, 62 = Thúy Vân lúc đã uống cạn chén rượu cúc, ngà ngà say, mới đứng lên dãi bày mọi lẽ:

Câu 3063, 64 = Trước kia trong cuộc như máy trời dun dũi để đưa duyên cho anh chị, anh chị có gặp gỡ nhau, và có gắn bó với nhau một lời là sẽ lấy nhau.

Câu 3065, 66 = Rồi bỗng gặp cơn gia biến to như sóng gió bỗng nổi trên đất bằng, muốn cứu cha, chị phải tòng quyền, đành dứt mối lương duyên của chị mà buộc vào mối duyên của em để trả nghĩa anh, và em cũng đành phải nhận lời thay chị.

Câu 3067, 68 = Đó trước là vì duyên phận em trời định như vậy, sau là vì máu chảy ruột mềm, em thương chị mà phải nghe chị, việc đó cũng được, chẳng hề chi.

Câu 3069, 70 = Em thấy mối tình của anh vẫn tha thiết với chị, nay ước ao chị, mai ước ao chị, biết bao nhiêu là tình mơ ước trong mười lăm năm trời.

Câu 3071, 72 = Nay anh chị đã mỗi người một phương trời, mà lại được sum họp thế này, như cái gương đã vỡ đôi lại được khớp tròn lại. Thế mới biết trong cuộc tình duyên anh chị, khuôn thiêng ông trời đã so lựa thật xứng đôi vừa lứa, đã chọn lọc thật ý hợp tâm đầu, rõ ràng là đầu vào đây.

Câu 3073, 74 = Giờ đây duyên chị còn đó, người chị còn đây, và còn cả vầng trăng vắng vặc giữa trời hôm anh chị thề với nhau, và cả lời thề nguyện hôm đó nữa cũng còn trong bức tờ mây.

Câu 3075, 76 = Chị tuy đã hơi luống tuổi, nhưng cũng còn vừa tuổi lấy chồng, như câu Kinh Thi nói: Quả mai tuy mười phần rụng chỉ còn bấy phần, hay ba phần nữa, nhưng chưa hết mùa mai. Vậy anh chị phải mau mau làm lễ cưới nhau đi cho kịp thì.

Câu 3077, 78 = Vân vừa dứt lời thì Kiều vội gạt ngay truyện đó đi và nói: Sự đó coi như là chuyện cổ đã muôn đời rồi, nói đến làm gì nữa!

Câu 3079, 80 = Tuy xưa kia chị có lời thề ước với anh ấy thật, nhưng chị nghĩ thân chị bây giờ đã dãi gió dầm mưa lắm rồi.

Câu 3081, 82 = Em nói đến, chị càng thêm hổ thẹn đủ trăm điều. Thà rằng việc đã qua thì để cho nó qua đi, đừng nhắc đến nữa. Lòng chị nay đã nhất quyết, như nước thủy triều khi đã xuôi ra bể thì để cho nó xuôi, dù cơn gió bể buổi chiều thổi vào mạnh thế nào nữa cũng không cản lại được đâu!

Câu 3083, 84 = Chàng Kim thấy Kiều chối phát đi như vậy, mới bảo nàng rằng: Sao nàng nói lạ vậy? Lòng nàng tuy đã bỏ xuôi đi như thế, nhưng còn lời thề kia thì bỏ đi làm sao được?

Câu 3085 đến 3088 = Tôi tưởng một lời đã trót thề nguyện sâu nặng với nhau, trên thì có trời cao biết, dưới thì có đất dày biết, thì dù cho cuộc đời biến đổi thế nào nữa, năm tháng qua lại bao lâu nữa, dù sống dù chết, ta vẫn phải giữ lấy lời thề “sống chết có nhau” đó mới được.

Câu 3089, 90 = Ôi! Cái dây duyên kia, nó có phụ gì chúng mình đâu! Lúc nào nó cũng khăng khít đầm thắm giữa đôi ta kia mà! Thế mà sao nàng lại nỡ toan chia đôi gánh chung tình đôi ta ra như vậy?

Câu 3091, 92 = Kiêu thừa lại rằng: Cuộc vợ chồng phận đẹp duyên ưa, ai ai cũng chung chút lòng ân ái đó.

Câu 3093, 94 = Chỉ có điều tôi nghĩ rằng: Trong đạo vợ chồng, người đàn bà con gái cần phải thơm tho trong sạch như bông hoa còn phong nguyên nhị, như vòng trăng còn tròn vẹn gương.

Câu 3095, 96 = Chữ “trinh” rất quý, giá đáng nghìn vàng trong đạo vợ chồng, nó làm cho trước sau mãi mãi khỏi hổ thẹn với tối đước hoa.

Câu 3097, 98 = Thiếp đây từ khi gặp con gia biến, phải bán mình đến bây giờ, thân này đã như đóa hoa ong qua bướm lại đã thừa nổi xấu xa rồi.

Câu 3099, 3100 = Trãi cuộc gió táp mưa sa trong bấy nhiêu năm, dầu mấy trăng mà chẳng khuyết, dầu bao nhiêu hoa mà chẳng tàn!

Câu 3101, 02 = Còn gì là cái hồng nhan tươi đẹp nữa? Thân này thế là xong rồi, lại còn mong tính gì nữa?

Câu 3103, 04 = Thiếp nghĩ mình thiếp không biết hổ thẹn ngay với chính mình thiếp nữa hay sao? Mà còn dám đem cái thân bụi bản này làm người vợ tử tế của chàng nữa?

Câu 3105, 06 = Đã hay rằng chàng nặng vì tình mà không bỏ thiếp nhưng thiếp trông ngọn đước hoa không quá thẹn mình sao được?

Câu 3107, 08 = Thiếp đã định từ rày trở đi, khép cửa phòng thu tạ từ gió mát trăng trong, dầu chẳng tu ở chùa, cũng như tu mới phải.

Câu 3109, 10 = Nếu chàng còn nghĩ đến chút tình xa xôi đối với thiếp, thì xin chàng đem tình vợ chồng đổi làm tình bè bạn.

Câu 3111, 12 = Xin đừng nói gì đến chuyện kết tóc xe tơ với thiếp nữa, để lòng thiếp phải buồn rầu, mặt thiếp phải dơ dáng trơ thẹn với đời!

Câu 3113, 14 = Chàng nói: Nàng chỉ khéo giở lẽ nọ lẽ kia để nói lên lời từ chối. Nhưng nàng nên biết rằng phạm lẽ phải ở đời là phải sao cho hợp với cả người lẫn ta mới là đúng.

Câu 3115, 16 = Đành rằng xưa nay trong đạo đàn bà, chữ “trinh” bao giờ cũng quý, nhưng có ba bẫy đường trinh, chớ đâu phải chỉ có một đường.

Câu 3117, 18 = Có đạo trinh lúc thường, có đạo trinh khi biến. Gặp lúc biến, ta phải cân nhắc theo lẽ nặng mà thay đổi đường trinh cho hợp đạo, chớ đâu có phải là chỉ khẳng khẳng giữ một đạo trinh thường!

Câu 3119, 20 = Như trước đây nàng đã biết cân nhắc lấy đạo hiếu làm đạo trinh, thế là đáng quý lắm, còn bụi bặm nào làm như đục được tấm thân trinh bạch đó của nàng!

Câu 3121, 22 = Trời còn để cho có cuộc đoàn tụ vui vẻ hôm nay, rõ như đám sương mù ở đầu ngõ che phủ dãy hoa bầy lâu, nay nó đã tan đi; bãi mây rộng ở giữa trời ám ảnh mặt trăng bầy lâu, nay nó đã vén gọn lại không ám nữa.

Câu 3123, 24 = Hoa đó tuy đã tàn mà lại hóa ra tươi hơn lúc trước, trăng kia tuy đã khuyết mà lại sáng hơn trăng đêm rằm.

Câu 3125, 26 = Vậy thì nàng còn phải ngần ngại e ngại gì nữa mà nỡ dứt tình, để cho ta phải hờ hững thành một chàng Tiêu như một người khách qua đường chẳng quen biết gì với nàng như vậy?

Câu 3127, 28 = Phần thì nghe chàng nói đã hết lời lẽ, phần thì thấy cha mẹ cũng quyết một bài bất phải theo ý chàng.

Câu 3129, 30 = Nàng thật hết lời không thể chối cãi được lời chàng nữa, đành cúi đầu chỉ những thờ ngẩn than dài.

Những câu hay những chữ có ý móc nối hô ứng với nhau

(1) Lúc Kiều trở về này, những câu Thúy Vân buộc Kiều lấy Kim Lang, nhiều câu ứng với những câu lúc Kiều ra đi buộc Thúy Vân phải thay mình lấy chàng:

(a) Câu “Rằng trong tác hợp cơ trời / hai bên gặp gỡ một lời kết giao” ứng với câu 727 “Kể từ khi gặp chàng Kim / khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.” Thúy Vân thêm câu “Rằng trong tác hợp cơ trời” để Kim Kiều khỏi ngượng, vì đó là sự trời định, chớ đâu phải là sự trai gái lằng lơ.

(b) Câu Vân nói “Gặp cơn bình địa ba đào / vậy đem duyên chị buộc vào cho em” ứng với câu Kiều nói trước: “Giữa đường đứt gánh tương tư / keo loan chấp mỗi tơ thừa mặc em” (câu 725, 26).

(c) Câu Vân nói “Cũng là phận cải duyên kim / cũng là máu chảy ruột mềm chớ sao!” ứng với câu Kiều nói trước “Xót tình máu mủ thay lời nước non” (câu 732). Thúy Vân thêm câu “Phận cải duyên kim” tỏ ý nói số trời định vậy, chớ đâu phải là mình thừa cơ mà tranh chồng của chị.

(d) Câu Vân nói “Quả mai ba bẩy đương vừa / đào non sớm liệu xe tơ kịp thì” ứng với câu 731 Kiều nói “Ngày xuân em hãy còn dài”, và có ý khẩn thiết hơn, Kiều chỉ dặn lừng lơ bao giờ Vân lấy Kim Trọng cũng được, còn Vân thì giục Kiều phải lấy chàng ngay cho kịp thì.

(e) Câu Vân nói tình Kim Trọng nhớ Kiều “Những là rày ước mai ao / mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình” ứng với câu Kiều kêu khóc tỏ tình nhớ tiếc Kim Trọng trước “Bây giờ trâm gãy gương tan / kể làm sao xiết muôn vàn ái ân” (câu 749, 750)

(2) Cuộc đối thoại giữa Kim Trọng và Thúy Kiều cũng thật khẩn thiết từng lễ từng lời với nhau:

(a) Câu Kim nói “Dẫu lòng kia vậy, còn lời ấy sao” để trả lời câu Kiều nói “Nói càng hổ thẹn trăm chiều / thà cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi.”

(b) Câu Kim nói “Một lời đã trót thâm giao / dưới dày có đất, trên cao có trời” để trả lời câu Kiều nói “Một lời tuy có ước xưa.” Lời Kiều nói có ý coi thường lời thề, bây giờ không cần kể nữa. Lời Kim Trọng cho biết là: Lời thề đó có trời đất chiếu cố làm chứng không thể coi thường được đâu.

(c) Câu Kim nói “Dẫu rằng vật đổi sao dời / tử sinh cũng giữ lấy lời tử sinh” để trả lời câu Kiều nói “Xét mình dãi gió dầm mưa đã nhiều.” Tuy cảnh nàng đã dãi gió dầm mưa trong nhiều năm thế thật, nhưng tôi không thể quên lời thề “sống chết có nhau” đó được.

(d) Câu Kiều nói “. . . gia thất duyên hài / chút lòng ân ái ai ai cũng lòng” để trả lời câu Kim Trọng có ý chê trách nàng “Duyên kia có phụ chi mình / mà toan chia gánh chung

tình làm hai.” (Thật lòng tôi vẫn ao ước lấy chàng cho vui vẻ có vợ có chồng như mọi người, nhưng vì trăng khuyết hoa tàn quá rồi không đáng làm vợ chàng nữa thôi).

(e) Câu Kim Trọng nói “Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường, có khi biến, có khi thường...Nữ nàng lấy hiếu làm trinh / bụi nào cho đục được mình ấy vay?” để trả lời câu Kiều nói “Chữ trinh đáng giá nghìn vàng / đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.” Câu chàng trả lời thì thật là đủ lẽ yên ủi lòng nàng, không những là nàng vẫn trinh, mà cái trinh của nàng biết tòng quyền lại còn quý hơn, vững hơn là cái đạo trinh thường.

(f) Câu “Hoa tàn mà lại thêm tươi / trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa” để trả lời câu Kiều nói “Bấy chầy gió táp mưa sa / mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn.” Câu trả lời này cũng một ý yên ủi lòng nàng cho nàng khỏi tủi thẹn như mấy câu trên.

CHƯƠNG 31

CÂU 3131 ĐẾN CÂU 3186

“Chút trình cảm vững, muôn phần kính thêm”

3131. Nhà vừa mở tiệc đoàn loan, [1]
Hoa soi ngọn đuốc hồng chen bức là. [2]
3133. Cùng nhau giao bái một nhà, [3]
Lễ đà đủ lễ đôi đà xứng đôi.
3135. Động phòng diu đặt chén mời, [4]
Bâng khuâng duyên mới ngậm ngùi tình xưa .
3137. Những từ sen ngó đào tơ, [5]
Mười lăm năm mới bây giờ là đây !
3139. Tình duyên ấy hợp tan này,
Bi hoan mấy nổi đêm chày trăng cao.[6]
3141. Canh khuya bức gấm rủ thao, [7]
Dưới đèn tỏ rạng má đào thêm xuân.
3143. Tình nhân lại gặp tình nhân,
Hoa xưa ong cũ mấy phân chung tình.
3145. Nàng rằng: Phận thiếp đã đành,
Có làm chi nữa cái mình bỏ đi !
3147. Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,
Chiều lòng gọi có xướng tùy mảy may.[8]
3149. Riêng lòng đã thẹn lắm thay,
Cũng đà mặt dạn mày dày khó coi !
3151. Những như âu yếm vành ngoài,
Còn toan mở mặt với người cho qua.
3153. Lại như những thói người ta,
Vớt hương dưới đất bẻ hoa cuối mùa.
3155. Khéo là giờ nhuộm bày trò,

Còn tình đâu nữa là thù đấy thôi ! [9]
3157. Người yêu ta xấu với người,
Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau !
3159. Cửa nhà dù tính về sau, [10]
Thì còn em đó lọ cầu chị đây.
3161. Chữ trinh còn một chút này, [11]
Chẳng cầm cho vững lại giày cho tan!
3163. Còn nhiều ân ái chan chan, [12]
Hay gì vầy cánh hoa tàn mà chơi ? [13]
3165. Chàng rằng: Gắn bó một lời,
Bỗng không cá nước chim trời lỡ nhau.[14]
3167. Xót người lưu lạc bấy lâu,
Tương thê thốt nặng nên đau đón nhiều !
3169. Thương nhau sinh tử đã liêu,
Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình.
3171. Chừng xuân tơ liễu còn xanh,
Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vành ái ân .
3173. Gương trong chẳng chút bụi trần,
Một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm !
3175. Bấy lâu đáy bể mò kim, [15]
Là nhiều vàng đá phải tìm trăng hoa ?
3177. Ai ngờ lại hạp một nhà,
Lọ là chẵn gói mới ra sắt cầm! [16]
3179. Nghe lời sửa áo cài trâm, [17]
Khẩu đầu lạy tạ cao thâm nghìn trùng: [18] [19]
3181. Thân tàn gạn đục khơi trong, [20]
Là nhờ quân tử khác lòng người ta.
3183. Mấy lời tâm phúc ruột rà, [21]
Trương tri đường ấy mới là trương tri! [22]
3185. Chở che đùm bọc thiếu chi, [23]

Đính chính và xác định

Hai câu 3131, 32 – *Nhà vừa mở tiệc đoàn loan / Hoa soi ngọn đuốc hồng chan bức là – Tiệc đoàn loan* = Bữa tiệc họp nhau lại làm lễ kết hợp cho hai người sum họp thành vợ chồng, tức là tiệc cưới. Câu *Hoa soi ngọn đuốc, hồng chan bức là* tả cảnh nhà hôm cưới. *Hoa soi ngọn đuốc* diễn dịch ở chữ “Hoa chúc” ra. *Hồng chan bức là* không biết tác giả diễn dịch ở đâu ra; chỉ biết *Hồng* là màu sắc vui mừng của Ta và Tàu xưa; quần áo và chăn mùng cô dâu đều dùng màu hồng cả. Chữ “bức là” đây có lẽ là bức màn may bằng lụa (lụa mỏng). Vì có mấy bản Kiều in lầm chữ “đoàn loan” (團圓) ra “đoàn viên,” có người xuất bản Truyện Kiều thấy chữ “viên” không vần với chữ “than” câu trên và chữ “chan” câu dưới, mới đổi câu 3131 này thành “Đoàn viên tiệc mở nhà lan.” Đổi như thế vẫn lầm, vì chữ đoàn viên không có ý “cưới” như chữ đoàn loan, và lại trùng với câu 3060 “Đoàn viên vội mở tiệc hoa vui vầy.” Nhiều nhà xuất bản không biết chữ đoàn loan (團圓) làm ra đoàn viên (團圓) ở câu trên, lại đổi chữ “chan” ở câu dưới ra chữ “chen” cho hợp vần với chữ “viên.” Thế là chỉ cốt đổi cho có vần, chớ không nghĩ gì đến nghĩa. “Hồng chen bức là” nghĩa là thế nào? Thật đáng tiếc. Vậy xin mạn phép đính chính cả hai câu lại cho cuốn truyện đỡ được phần nào bị hậu nhân xuyên tạc.

Câu 3154 – *Vớt hương dưới đất bẻ hoa cuối mùa – Vớt hương dưới đất* = Nhặt cái hoa tàn đã rụng xuống đất lên mà ngửi “vớt vát” lấy chút hương thơm lấm bần còn lại. Chữ “vớt” nghĩa là “vớt vát” như thế, chớ không phải là vớt một vật gì đó ở dưới nước lên như ở câu “Ngư ông kéo lưới vớt người.” Có nhiều bản Kiều, người xuất bản nhận lầm nghĩa chữ “vớt” mà đổi ra “vớt hương đáy nước” thành ra vô nghĩa, vì mùi thơm đã tan vào nước thì còn vớt sao được.

Câu 3155 – *Khéo là giở nhuộm bày trò* – Nhiều bản Kiều in câu này là “Cũng như dờ nhuộm bày trò.” “Cũng như” đã e vô nghĩa lại lời không được êm đẹp bằng chữ “khéo là” nghĩa đã dễ hiểu, lời lại tự nhiên trôi chảy hơn nhiều,

Câu 3176 – *Là theo vàng đá, phải tìm trắng hoa* = Sờ dĩ ta phải hết sức tìm nàng như thế là vì ta phải theo lời thề bền như khắc vào biển vàng bia đá, chớ đâu phải là vì đường trắng hoa mà tìm nàng về để thỏa dục tình. Nhưng vì chữ nôm (邊) theo bản nôm khắc lầm ra (饒) hay (翹), rồi người phiên âm không biết sự chữ nôm khắc sai lầm đó, cứ theo mà dịch là “Là nhiều vàng đá, phải tìm trắng hoa”, trong đó “nhiều vàng đá” đã vô nghĩa lại đối không chỉnh với “tìm trắng hoa” bằng “theo vàng đá.”

Chú giải và dẫn điển

[1] *Đoàn loan* = Đoàn tụ với nhau. Tiệc *đoàn loan* = Tiệc cưới. (Xem lời giải ở mục đính chính câu 3131 trên). Câu đối mừng đám cưới trước, các cụ hay dùng chữ *đoàn loan*; chính tôi đã phải ba lần viết câu đối có chữ *đoàn loan* (團圓) thật khó viết cho tốt; sách Tàu bây giờ họ viết là (團圓).

[2] *Hồng chan bức là* = Màn đỏ đám cưới treo lên màu hồng ánh ra như chan dọi khắp nhà.

[3] *Giao bái một nhà* = Dâu rể chào bái lẫn nhau để làm lễ kết nhau lại thành một nhà với nhau. Nhân tiện đoạn này có chữ bái (拜) và chữ khát đầu (乞頭) xin kể rõ các lối chào lạy của người Tàu trước có: (a) Áp揖 (ta vẫn gọi là vái) = Chắp hai tay ở trước ngực, và hơi cúi đầu xuống. (b) Trường áp (長揖) (vái dài) = Hai tay vẫn chắp ở trước ngực, nhưng đầu cúi gằm ngang về phía trước. (c) Bái (拜) (ta gọi là lạy hay vái) = Hai tay chắp lên trước trán, rồi cong lưng cúi đầu, hạ hai tay chắp xuống trước rón. (d) Bái thủ khê thủ (拜手稽手) = Tay bái đầu cúi xuống tận đất (lối lễ của đàn ông ta trước). (e) Khấu đầu (叩頭) = Kiểu lạy trịnh trọng nhất. Hai chân

quỳ xuống, hay tay chống xuống hai bên phía trước mặt, đầu gục xuống sát đất giữa khoảng hai bàn tay (người Tàu vẫn lễ thần theo kiểu khấu đầu này).

[4] *Dìu dặt* = Vui vẻ mời nhau uống mãi. *Chén mời* = Chén làm bằng đôi môi.

[5] *Sen ngó đào tơ* = Lúc mới dậy thì, như sen mới mọc ngó, đào mới nảy cành tơ.

[6] *Bi hoan – Bi* (悲) = Truyen buồn thương lúc trước. *Hoan* (歡) = Truyen vui vẻ bây giờ.

[7] *Bức gấm rủ thao – Buc gấm* = Buc màn may bằng gấm. *Thao* = Những tua chỉ kết trang điểm làm riềm màn.

[8] *Xướng tùy* (唱隨) – Sách Nho có câu “Phu giả xướng phụ giả tùy” (夫者唱, 婦/妇者隨) = Chồng là người chủ trương mọi việc, vợ là người theo mà làm. Ta dùng hai chữ “xướng tùy” để nói kết nghĩa làm vợ chồng hoà thuận với nhau.

[9] *Còn duyên đâu nữa là thù đay thôi* – Câu này lấy ý ở câu trong sách Tả Truyen “Giai ngẫu viết phối, oán ngẫu viết cừ” (佳偶曰配, 怨偶曰仇) = Lừa đôi vui đẹp gọi là vợ chồng, lừa đôi oán ghét nhau gọi là kẻ thù.

[10] *Cửa nhà dù tính về sau – Cửa nhà* = Con cái nối dõi nghiệp nhà.

[11] *Chữ trinh còn một chút này / Chẳng cầm cho vững lại giày cho tan* – Hai câu tả lời Kiều can Kim Trọng này rất hay, lời thật êm nhẹ nhưng ý thật khắt thiết, nghiêm chỉnh, vừa như khuyên như van chàng, vừa như tự cảnh cáo mình. Chỉ nỗi lời vắn, ý sâu, cần phải dài lời giải thích cho rõ, và trước khi giải thích, cần phải nói rõ nghĩa chữ “trinh” là thế nào. “Trinh” là tấm lòng ngay ngán đứng đắn giữ thật bền vững. Đối với đàn bà thì “trinh” là đức tính biết giữ mình cho hết sức đứng đắn trong sạch, và biết hết lòng yêu mến kính trọng chồng, giữ trọn đạo trọn nghĩa với chồng. Vì lòng tôn kính quý trọng chồng, nên người trinh phụ thường phải giữ gìn mình và can ngăn chồng, để vợ chồng không mang tiếng về đường ân ái bất chính, đó là trường

hợp của Kiều lúc này – (Nàng rằng gia thất duyên hài / Tấm lòng ân ái ai ai cũng lòng / Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng / Hoa thơm phong nhị trắng vòng tròn gương/ Chữ trinh đáng giá nghìn vàng / Đuốc hoa chẳng thẹn cùng chàng mai xưa). Kiều tuy phải bán mình vương vào kiếp phong trần, nhưng trước sau cũng vẫn một niềm chung tình với Kim Trọng. Lúc tái hợp, nàng biết mình không đáng làm vợ chàng nữa, nên nàng quyết tâm giữ tấm chung tình đối với chàng cho thật trong trắng, hy sinh hẳn phần dục tình mà nàng cho là sự ái ân không xứng đáng với chàng, chỉ giữ lấy phần “ái tình chân chính”, để cầm vững trinh tiết của nàng và danh dự của chàng. Phần “ái tình chân chính” này rất mong manh, dễ bị phần “dục tình” không xứng đáng kia làm ô uế, và một khi “ái tình chân chính” đã mờ đục đi, thì hết cả tâm hồn trinh bạch của nàng và tâm hồn “vì nghĩa tìm nàng” của chàng. Bởi vậy nàng phải khẩn khoản xin cùng chàng cố “cầm vững lấy một chút phần chữ trinh còn lại” đó.

[12] *Còn nhiều ân ái chan chan* = Ta muốn tỏ tình yêu đương nhau thì thiếu gì cuộc khác, làm gì cứ phải “vây cánh hoa tàn” này.

[13] *Vây* = Chơi đùa nhằm nhí như trẻ con vây nghịch nơi nước bắn.

[14] *Bống không cá nước chim trời lữ nhau* = Một bên như cá dưới nước, một bên như chim trên trời, lạc nhau lữ làng duyên nhau.

[15] *Đáy bể mò kim* = Cách tìm kiếm không chắc phần nào thấy mà vẫn cứ cố công liều mạng đi tìm.

[16] *Lọ là* = Chẳng cần gì phải thế.

[17] *Sửa áo gài trâm* = Ăn mặc chỉnh tề lại để làm lễ tạ ơn Kim Trọng.

[18] *Khẩu đầu* = Lối lẽ lạy trịnh trọng nhất. (Xem lời giải [3] ở trên).

[19] *Cao thâm* = (Ơn) to lắm, cao như trời, sâu như bể.

[20] *Thân này gạn đục khơi trong / Là nhờ quân tử khác lòng người ta* = Kiều tự ví mình như thùng nước đục được nhờ ơn to Kim Trọng có lòng quân tử khác người, ra tay gạn bỏ chất đục cho lại được trong sạch.

[21] *Ruột rà* = Rất thành thật, rất kín đáo ở trong lòng.

[22] *Tương tri đường ấy mới là tương tri* = Tương tri có thật hiểu thấu tâm tình sâu kín của nhau như thế mới thật là tương tri. (Kim Trọng trước kia thì tưởng là Kiều hãy còn tuổi xuân, chưa thoát ra khỏi được vảnh ái ân, nên thương Kiều, mà làm ra vẻ say mê Kiều; Kiều thì tưởng là Kim Trọng say mê mình thật, nên hết sức từ chối là thân mình đã tàn bản lắm rồi, không đáng lấy chàng nữa, vì sẽ làm mất danh giá chàng. Rồi Kim lại cũng giảng giải cho nàng khỏi tủi thẹn mà lấy chàng. Nhưng đến lúc nghe lời nàng khuyên xin cùng cầm vững lấy “chút trinh còn lại” để giữ lấy danh tiết cho cả hai người, bấy giờ Kim mới hiểu tấm lòng kiên trinh của nàng, và mới bày tỏ thật tình cho nàng biết rằng “Bấy lâu đây bề mờ kim / Là theo vàng đá phải tìm trăng hoa.” Đến lúc này hai bên mới thật tương tri lẫn nhau và lại càng kính trọng yêu quý nhau thêm một cách thanh tao).

[23] *Chở che đùm bọc* – Kiều nói ơn chàng to như trời che đất chở, đã cho nàng được nhờ về đời sống vật chất, như lá lành đùm lá rách, lại cho nàng được nhờ danh giá về đời sống tinh thần.

[24] *Danh tiết* – *Danh* = Danh giá của Kim. *Tiết* = Tiết trinh của Kiều.

Diễn ra văn xuôi

Câu 3131, 32 = Được nàng lặng lẽ nhận lời rồi, cả mọi người mới mở tiệc đoàn loạn làm lễ kết hôn cho hai người, đuốc hoa đốt lên rực rỡ, bức là treo lên dọi ánh hồng khắp nhà.

Câu 3133, 34 = Rồi dâu rể chào bái lẫn nhau để sum họp lại thành một nhà, thế là đủ lễ đủ đôi, thành vợ thành chồng.

Câu 3135, 36 = Trong buồng tân hôn hai bên đặt dùi nâng chén mời nhau mãi, vừa băng khuâng vui mừng duyên mới, vừa ngậm ngùi nhắc nhở tình xưa.

Câu 3137, 38 = Cùng nhau kể lại các cuộc gặp gỡ thề nguyện xưa, những tưởng là duyên ưa phận đẹp ngay từ lúc trẻ trung như sen mới nảy ngó, như đào mới trời lộ tơ, thế mà mười lăm năm qua, đến bây giờ mới được cưới nhau.

Câu 3139, 40 = Tình đắm thắm ấy, duyên khăng khít ấy, nỗi sầu nhớ khi tan xưa, nỗi vui mừng khi hợp nay, kể cho nhau nghe biết bao nhiêu là nỗi sầu bi, nỗi hân hoan, chẳng mấy chốc mà đêm đã muộn, trăng đã cao.

Câu 3141, 42 = Mãi đến lúc canh đã khuya, mới buông bức màn gấm rủ rê nhung thao đẹp xuống, dưới bóng đèn, chàng càng ngắm rõ hình dáng nàng, càng thấy nàng thêm tươi, thêm xuân.

Câu 3143, 44 = Tình nhân lại gặp tình nhân, hoa gặp ong xưa, ong gặp hoa cũ, mỗi chung tình lại càng thêm lên mấy phần.

Câu 3145, 46 = Kiêu nói: Phận thiếp đã đành vậy, chẳng đáng kể gì tấm thân đã bỏ đi này.

Câu 3147, 48 = Thiếp chỉ nghĩ đến nghĩa cũ của chàng, và nghĩ đến tình đã ghi tạc với nhau, nên chiều lòng chàng mà gọi là có theo đạo xướng tùy một chút đó thôi.

Câu 3149, 50 = Thật ra riêng lòng thiếp đã hồ thẹn lắm, rõ là mặt dạn mày dày khó coi quá.

Câu 3151, 52 = Nếu chàng chỉ những yêu quý âu yếm nhau ở bề ngoài thôi, thì thiếp còn dám mở mắt nhìn mọi người cho qua đi được.

Câu 3153, 54 = Mà nay lại giống như thói thường của người đời, nhặt hoa rụng ở dưới đất lên mà ngửi vớt vát lấy chút hương thừa ửng, bề cảnh hoa lúc cuối mùa mà ngắm những màu tàn úa.

Câu 3155, 56 = Thì rõ khéo thật là bới nhược nhau ra, bày trò cho người ta cười. Như thế thì còn đâu là tình, là duyên với nhau nữa, mà chỉ là oán, là thù, quả báo nhau thôi.

Câu 3157, 58 = Yêu nhau như thế là làm cho nhau phải xấu xa như nhuốc;
yêu nhau như thế lại tệ hơn gấp mười lần phụ nhau.

Câu 3159, 60 = Nếu chàng muốn tính đường con cái nối dõi cửa nhà về sau
thì còn em thiếp đó, cần gì đến người chị đây?

Câu 3161, 62 = Chữ trinh của thiếp đối với chàng chỉ còn một chút ở nơi ái
tình trong trắng lúc này, xin chàng cố cầm vững cho, nữ lòng nào chàng lại
giày xéo cho tan đi? (Xem lời giải thích [11] về câu này ở trên).

Câu 3163, 64 = Giữa chàng và thiếp còn chan chứa nhiều đường ân ái thanh
cao hơn, chứ hay gì cái cuộc vầy chơi đóa hoa tàn!

Câu 3165, 66 = Thấy nàng bày tỏ chân tình để can ngăn mình đừng
“giày xéo cho tan chút chữ trinh còn lại” của nàng đối với mình, Kim cũng
bày tỏ thật tâm của mình cho Kiều biết: Ta sợ dĩ phải quá tình thương yêu
vót vát nàng như thế, là vì chúng ta đã một lời thề nguyện gắn bó với nhau,
bồng dung phải chia rẽ nhau như cá dưới nước, chim trên trời, mỗi người một
phương lở làng duyên nhau.

Câu 3167, 68 = Ta rất thương xót nàng lưu lạc trong bấy nhiêu năm, chắc
nàng cũng vì lời thề thốt nặng đó mà lòng lại càng thêm đau đớn nhiều hơn.

Câu 3169, 70 = Vì thương nhau mà biết bao nhiêu lần đã muốn liều sống liều
chết vì nhau! Mà giờ đây, lúc được đoàn viên, thì đã luông tuổi, chỉ còn chút
tình bấy nhiêu thôi, nên ta muốn vót vát lấy cho đỡ thương nhau.

Câu 3171, 72 = Và lại ta tưởng nàng cũng hãy còn trong tuổi xuân xanh, chắc
chưa thoát khỏi được ra ngoài vòng ân ái.

Câu 3173, 74 = Bây giờ ta thấy rõ lòng nàng thật như tấm gương trong không
chút bụi cản, một lời nàng đã quyết hẳn là dứt niềm trần tục làm ta thật phải
kính trọng nàng thêm lên gấp muôn phần.

Câu 3175, 76 = Và xin nói thật cho nàng biết rằng bấy lâu nay ta tìm nàng rõ
khó khăn như lặn xuống dưới đáy bể mà mò kim, mà ta vẫn cố tìm là vì ta
theo lời thề nàng vững như khắc vào bia đá vào biển vàng, chớ có phải là tìm
nàng để có thú vui trăng hoa với nàng đâu.

Câu 3177, 78 = Bây giờ may ta lại được sum họp một nhà với nhau, thế là ta vui hả lắm rồi, có cần gì phải âu yếm nhau trong chăn gối nữa mới là vợ chồng!

Câu 3179, 80 = Nghe lời chàng kể, bây giờ nàng mới thật hiểu là chàng có độ lượng bao dung, thương mình hết sức. Nàng đứng dậy sửa sang áo xiêm cho chỉnh tề và quấn tóc gài trâm cho ngay ngắn, mà ra làm lễ khấu đầu rất long trọng để tạ ơn cao sâu nghìn trùng như trời như bể của chàng đối với nàng.

Câu 3181, 82 = Nàng nói: Tắm thân tàn này mà xóa sạch được mọi điều đục bẩn, tỏ rõ được mọi điều trong trắng, đó là nhờ độ lượng cao minh rộng rãi của người quân tử có bụng khác người thường.

Câu 3183, 84 = Những lời tâm phúc chân thành từ đáy lòng chàng ra, tỏ cho thiếp hay rằng chàng hiểu biết rõ ràng chân tình quý chàng của thiếp, cũng như thiếp hiểu biết rõ ràng chân tình thương thiếp của chàng. Tâm lòng tương tri sâu xa như thế mới thật là tương tri.

Câu 3185, 86 = Chàng đã đem lòng bao dung như trời đất che chở cho thiếp khỏi mang tiếng xấu xa, lại ra tay đùm bọc giúp thiếp đủ đường để giữ được trọn đạo trinh khiết. Cũng vì sự chúng ta hiểu thấu tâm tình nhau đêm nay, mà thanh danh của chàng và tiết trinh của thiếp cũng giữ được trọn vẹn suốt đời.

Những câu có ý móc nối hô ứng nhau

(1) Lời Kiều can ngăn Kim Trọng ở đoạn này, lời lẽ cũng giống như lời can ngăn chàng khi trước, lúc gảy đàn nàng thấy “xem trong âu yếm có chiều là lời” ở các điểm sau này: (a) Trước sau đều lấy “chữ trinh” làm chủ yếu mà can. Trước kia vì chưa cưới hỏi gì, thì nàng nói “Đã cho vào bực bố kinh / Đạo tông phu lấy chữ trinh làm đầu.” Đoạn này thì nàng nói “Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng / Hoa thơm phong nhị, trắng vòng tròn gương / Chữ trinh đáng giá nghìn vàng / Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa / Thiếp từ ngô biến đến giờ / Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa.” (b) Trước sau đều giữ một niềm khiêm tốn

như bỏ mình đi để rồi mới đưa ra lời can Kim Trọng. Trước kia tuy còn trẻ trung mà nàng đã nói “Về chi một đóa yêu đào / Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh.” Đoạn này thì nàng nói “Phận thiếp đã đành / Có làm chi nữa cái mình bỏ đi!” (c) Trước sau đều dùng những lời rất nghiêm mà lửng lơ như tự khuyên mình mà ngụ ý khuyên chàng. Trước kia thì nàng nói “Ra tuồng trên bộc trong dâu / Những con người ấy ai cầu làm chi / Phải điều ăn xối ở thì / Tiết trăm năm nở bỏ đi một ngày.” Đoạn này thì nàng nói “Người yêu ta xấu với người / Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau” và “Chữ trinh còn một chút này / Chẳng cầm cho vững lại giày cho tan!” (d) Trước sau đều một mực khuyên ngăn chàng để giữ lấy cuộc tình duyên hai bên cho được trong sạch và bền vững. Trước kia thì nàng đem truyện Thôi Trương ra kể, vì Thôi quá chiều Trương, mà để “Cho duyên đậm thắm ra duyên bẽ bàng,” vì Thôi trước không biết giữ gìn, mà sau hổ thẹn không dám nhìn Trương nữa. Đoạn này thì nàng đem ngay sự thật của chàng nàng ra mà can “Lại như những thói người ta / Vót hương dưới đất bẻ hoa cuối mùa / Khéo là giờ nhuộm bày trò / Còn duyên đâu nữa, là thù đấy thôi.”

(2) Kim Trọng thấy Kiều vừa can ngăn vừa có ý nghiêm trách mình, mới chiếu từng điều ra mà phân trần trả lời cho nàng thấu rõ lòng chàng vì sao mà phải “Lại như những thói người ta” như thế, cho nàng khỏi chê trách: (a) Những câu chàng nói “Thương nhau sinh tử đã nhiều / Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình / Chừng xuân tơ liễu còn xanh / Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vành ái ân” để trả lời những câu nàng trách “Vót hương dưới đất bẻ hoa cuối mùa / Khéo là giờ nhuộm bày trò / Còn duyên đâu nữa, là thù đấy thôi! và “Chữ trinh còn một chút này, Chẳng cầm cho vững lại giày cho tan.” (b) Những câu chàng nói “Bấy lâu đáy bể mò kim / Là theo vàng đá phải tìm trắng hoa / Ai ngờ lại hạp một nhà / Lọ là chẵn gói mới ra sắt cầm!” để trả lời những câu nàng nói “Cửa nhà dù tính về sau / Thì còn em đó, nợ cầu chi đây... Còn nhiều ân ái chan chan / Hay gì vầy cánh hoa tàn mà chơi!” (c) Vì nàng can lời uyển chuyển dễ nghe và ý nghiêm trang chân chính, nên cả hai lần đều được chàng cảm phục. Lần trước thì “Thấy lời đọan chính dễ nghe / Chàng càng thêm nể thêm vì mười phân.” Lần này thì “Một lời quyết hẳn

muôn phần kính thêm.” (d) Câu Kiều nói “Thân tàn gạn đục khơi trong” là để tạ ơn Kim Trọng hiểu thấu lòng mình, đã không khinh rẻ, lại có lòng quý trọng mình thêm. Câu “Chớ che đùm bọc thiếu gì” là để nàng tạ ơn chàng đã bao dung nàng và đã hết lòng giữ cho nàng được tròn vẹn danh tiết.

(3) Câu mở đầu lời khuyên can của nàng “Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi / Chiều lòng gọi có xướng tùy mây may” trả lời câu 521, 22 câu cuối lời can trước “Vội chi liễu ép hoa nài / Còn thân ắt một đên bồi có khi” để tỏ lòng nàng bất đắc dĩ mà không dám phụ lời hứa hẹn.

(4) Cuộc đối thoại này là cuộc đối thoại cuối cùng trong truyện Kiều và là cuộc đối thoại khó tả nhất cho được thanh thoát. Giữa Kim và Kiều vì không hiểu lòng nhau mà phải trách móc và phân trần cho cùng hiểu nhau. Trước là vì Kim lầm tưởng Kiều chưa thoát khỏi vòng tình ái, nên khéo tìm lẽ phân giải cho nàng yên chí lấy chàng mà không thẹn, làm cho nàng cũng lầm tưởng chàng là vì tham sắc nàng mà khéo dỗ để hòng được bẻ hoa cuối mùa, chớ không biết là nàng đã thật tắt lửa lòng. Khi bất đắc dĩ nàng phải kết duyên với chàng, nàng mới cương quyết đem lời than thở cao thượng ra mà khuyên ngăn chàng để giữ vững chút “trinh” của nàng còn lại đối với chàng. Bây giờ Kim mới hiểu thật lòng nàng, và cũng phải thú thật vì lầm tưởng mà đã phạm lỗi với nàng, rồi chàng cũng phải đem lòng nghĩa khí của chàng ra phân trần cho nàng biết là vì nghĩa đá vàng mà phải đá bẻ mò kim, chớ không phải vì trăng hoa. Hai bên bây giờ mới thật là tương tri. Cuộc đối thoại này thật nhiều chi tiết, nhiều lý lẽ, những lời chê trách, lời phân trần thật đầu vào đấy, phi tay đại tài văn chương tả sao nổi chỉ ngắn gọn trong ba chục câu thơ mà lời rất lưu loát tự nhiên.

CHƯƠNG 32

CÂU 3187 ĐẾN CÂU 3240

“Tình xưa điếu mới, khổ tận cam lai”

3187. Thoắt thôi tay lại cầm tay,
Càng yêu vì nét càng say vì tình.

3189. Thêm nến giá nổi hương bình, [1]
Cùng nhau lại chuốc chén quỳnh giao hoan. [2]

3191. Tình xưa lai láng khôn hàn,
Thong dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.

3193. Nàng rằng: Vì mấy đường tơ, [3]
Lắm người cho đến bây giờ mới thôi! [4]

3195. Ăn năn thì sự đã rồi!
Nể lòng người cũ vâng lời một phen.

3197. Phím đàn diu dặt tay tiên,
Khói trầm cao thấp tiếng huyền gần xa. [5]

3199. Khúc đầu đầm ấm dương hòa, [6]
Ấy là Hồ điệp hay là Trang sinh. [7]

3201. Khúc đầu êm ái xuân tình,
Ấy hồn Thục đế hay mình Đỗ quyên? [8]

3203. Trong sao châu nhỏ duềnh quyên, [9]
Ấm sao hạt ngọc Lam điền mới đông ! [10, 11]

3205. Lọt tai nghe suốt năm cung, [12]
Tiếng nào là chẳng nã nùng xôn xao. [13]

3207. Chàng rằng: Phở ấy tay nào,
Xưa sao sầu thảm nay sao vui vầy?

3209. Tê vui bởi tại lòng này,
Hay là khổ tận đến ngày cam lai? [14]

3211. Nàng rằng: Vĩ chút nghề chơi,

Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu!
3213. Một phen tri kỷ cùng nhau,
Cuốn dây từ đáy về sau cũng chừa. [15]
3215. Chuyện trò chưa cạn tóc tơ,
Gà đà gáy sáng trời vừa rạng đông.
3217. Tình riêng chàng lại nói sòng, [16]
Một nhà ai cũng lạ lòng khen lao.
3219. Cho hay thực nữ chí cao,
Phải người tối hận sớm đào như ai? [17]
3221. Hai tình vẹn vẽ hòa hai, [18]
Chẳng trong chẵn gói cũng ngoài cầm thơ.
3223. Khi chén rượu khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên.
3225. Ba sinh đã phỉ mòi nguyên, [19]
Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy.
3227. Nhớ lời lập một am mây,
Khiến người thân thích rước thầy Giác Duyên.
3229. Đến nơi đóng cửa cài then,
Rêu trùn kẽ ngạch cỏ len mái nhà, [20]
3231. Sư đà hái thuốc phương xa, [21]
Mây bay hạc lánh biết là tìm đâu? [22]
3233. Nặng vì chút nghĩa bấy lâu,
Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai.
3235. Một nhà phúc lộc gồm hai,
Ngàn năm dằng đặc quan giai lần lần. [23]
3237. Thừa gia chẳng hết nàng Vân, [24]
Một cây cù mộc một sân quế hòe. [25] [26]
3239. Phong lưu phú quý ai bì,
Vườn xuân một cửa đề bia muôn đời [27]

Chú giải và dẫn điển

[1] *Thêm nén giá, nói hương bình* = Cắm thêm nén lên cây nén và bỏ thêm trầm hương vào nồi hương, nghĩa giống câu 446 “Đài sen nổi sáp, song đào thêm hương” lúc sắp gảy đàn cho Kim Trọng nghe lần trước.

[2] *Giao hoan* = Vui vẻ cùng nhau.

[3] *Đường tơ* = Dây đàn, trước kia làm bằng tơ tằm.

[4] *Làm người* = Làm làm lỗ vận mạng của người, làm cho người gặp sự không may.

[5] *Tiếng huyền* = Tiếng đàn. Huyền = dây đàn

[6] *Dương hòa* (陽和) = Hơi ấm êm ái mùa xuân.

[7] *Hồ điệp, Trang sinh – Hồ điệp* (蝴蝶) = Con bướm. *Trang sinh* tên là Trang Chu (莊周), một nhà triết học nổi tiếng thời Xuân Thu. Một buổi mờ sáng, ông nằm ngủ mơ thấy mình hoá con bướm bay chơi thích lắm, lúc tỉnh dậy giật mình, không biết Chu mơ hoá bướm hay bướm mơ hoá Chu, rồi ngẩn ngơ tiếc giấc mơ bướm vui ít quá.

[8] *Thục đế, Đỗ quyên* – Vua nước Thục tên là Đỗ Vũ (杜宇) nhường nước cho Tể tướng, mà đi ở ẩn; khi chết hồn nhập vào chim quyên nhớ nước kêu “quốc, quốc” mãi. Vì vua Thục họ Đỗ, nên người ta gọi chim quyên là Đỗ quyên (chim cuốc).

[9] *Doành quyên* = Vùng bề có trăng sáng chiếu trong đẹp, lấy điển ở câu thơ Đỗ Phủ “Thạch lại nguyệt quyên quyên” (石瀨月娟娟) = Nước suối đá có trăng đẹp sáng soi xuống (để diễn dịch câu thơ cổ “Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ” (滄海月明珠有淚).

[10] *Lam điền* (藍田) = Khu núi tương truyền có ruộng vẫn gieo hạt giống ngọc.

[11] *Mới đông* = Vừa đặc lại thành ngọc.

Mấy câu tả tiếng đàn này do tác giả diễn dịch bốn câu thơ vịnh đàn Cẩm sắt (錦瑟) của Lý Thương Ẩn đời nhà Đường:

“Trang sinh hiệu mộng mê hồ điệp” (莊生曉夢迷蝴蝶)

(Trang sinh trong giấc ngủ lúc mờ sáng, mơ thấy mình hoá ra bướm)

“Vọng Đế xuân tâm thác đổ quyên” (望帝春心託杜鵑)

(Vua Vọng Đế nước Thục gửi lòng xuân của mình vào chim đỗ quyên)

“Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ” (滄海月明珠有淚)*

(Biển rộng mênh mông dưới ánh trăng sáng, có những giọt nước mắt rỏ xuống thành ngọc)

“Lam điền nhật noãn ngọc sinh yên” (藍田日暖玉生烟)

(Núi Lam điền có ánh nắng ấm làm cho những hạt ngọc mới đông bốc khói lên)

* Theo sách “Thuật dị ký” (述異記) thì ở Nam hải có người Giao nhân (鮫人) ở nhà dưới biển dệt lụa rất đẹp, và khi khóc thì những giọt nước mắt rỏ xuống thành ngọc.

[12] *Năm cung* = Năm giọng trong, đục, cao, thấp của âm nhạc = Cung (宮), thương (商), chủy (徵), giác (角), vũ (羽). (Cung là giọng đục nhất rồi trong dần, đến vũ là giọng cao nhất).

[13] *Não nùng xông xao* = (Tiếng đàn) hay khiến người nghe phải nao nức say sưa.

[14] *Khổ tận cam lai* = Đắng hết ngọt lại, hàm ý cuộc khổ sở hết, đến cuộc sung sướng lại.

[15] *Cuốn dây* = Tháo dây đàn ra cuốn lại, không bao giờ gãy nữa.

[16] *Nói sòng* = Nói thật câu chuyện trước mặt mọi người cho ai cũng biết, không giấu giếm gì cả.

[17] *Sớm mận tới đào* – Kinh Thi có câu “Đầu ngã dĩ đào báo chi dĩ lý”

(投我以桃報之以李) = (Chàng) cho ta quả đào, ta đưa quả mận trả lại.

Nghĩa bóng = Con gái không đứng đắn, trao đổi ân ái với con trai.

[18] *Hai tình* = Tình vợ chồng và tình bạn bè, hàm ý Kiều vừa là vợ hiền vừa là bạn quý của Kim Trọng.

[19] *Ba sinh đã phi mười nguyên* = Hai bên thật là đã được mãn nguyện đầy đủ mười phần trong cuộc tình duyên gắn bó đã lâu.

[20] *Kẽ gạch* = Chỗ khe ở dưới ngưỡng cửa trước nhà cách với mặt thềm.

[21] = *Hái thuốc* – Người ần dật tu đạo Tiên, đạo Phật thường hay vào ở rừng núi và đi lấy quả, lá, củ rễ cây làm thuốc để mình dùng, để cứu người, để bán lấy tiền sinh sống. *Hái thuốc* có nghĩa bóng là Sư Giác Duyên đi viễn cảnh đây đó ở nơi xa.

[22] *Mây bay hạc lánh* = Như đám mây trôi, như con hạc tránh, với nghĩa bóng là không biết ở đâu mà tìm.

[23] *Quan giai* (官階) – (Nghĩa đen) là các bậc trên dưới trong quan trường. Đây dùng (nghĩa bóng) nói con cháu nối nghiệp nhau đỗ đạt làm quan đời đời.

[24] *Thừa gia* (承家) = Vâng nhận lấy việc gây dựng dòng dõi để kế tiếp thờ cúng tổ tông, và truyền nối nghiệp nhà. Có bản Kiều đổi chữ “thừa gia” ra “thừa tông” (承宗) cho rõ nghĩa hơn về phương diện thờ cúng, nhưng e nghĩa hẹp hơn chữ “thừa gia”, vì thiếu về phương diện kế tiếp nghiệp học hành, khoa bảng của nhà.

[25] *Cù mộc* (樛木) – (Nghĩa đen) là cây to gốc cong, dây leo dễ quấn.

(Nghĩa bóng) là người vợ cả hiền đức biết cúi lòng xuống mà bao dung tử tế với các vợ lẽ. Trong Kinh Thi có câu “Nam hữu cù mộc, cát lũy luy chi” (南有樛木, 葛藟累之) = Phương Nam có cây to, dây sắn, dây bạc thau quấn lấy gốc. Câu này tả đức tính bà Hậu Phi (后妃) là vợ vua Văn Vương nhà Chu.

[26] *Quế hòe* – Hai thứ cây to bóng mát hay trồng ở trước sân. Ông Đậu Yên Sơn có năm con đều đỗ Tiến sĩ, người ta gọi là “Đậu gia ngũ quế” (Năm cây quế nhà họ Đậu). Ông Vương Hựu trồng ba cây hòe ở trước nhà, và nói với mọi người rằng “Ta có công to mà không được thưởng, thế nào con ta cũng có đũa làm đến Tam công để đền bù lại.” Sau quả nhiên con ông là Vương Đán đỗ Trạng nguyên làm Tể tướng. Vì hai sự tích họ Đậu và họ Vương này mà người sau dùng hai chữ “quế hòe” để nói con cháu tài giỏi vinh hiển.

[27] *Vườn xuân* = (Nghĩa bóng) tả một nhà thịnh vượng tươi vui như vườn hoa về mùa xuân.

Diễn ra văn xuôi

Câu 3187, 88 = Chốc chốc Kim và Kiều lại cầm tay nhau, càng yêu nhau vì nét đứng đắn cao thượng, càng say nhau vì tình yêu mến, kính trọng lẫn nhau.

Câu 3189, 90 = Rồi cảm thêm nén lên giá đèn, bỏ thêm trầm vào bình hương, và rót rượu mời chuốc nhau, cùng uống vui mừng với nhau.

Câu 3191, 92 = Những chuyện tình xưa nghĩa cũ kể nhau nghe lan man mãi không nhin được, rồi thông dong chàng lại hỏi đến ngón đàn ngày xưa của nàng.

Câu 3193, 94 = Nàng nói: Chỉ vì mấy tiếng đàn đại đột mà làm làm lỡ khổ thân mãi cho đến bây giờ mới thôi.

Câu 3195, 96 = Tôi thật ăn năn hối hận quá nhưng sự đã trót rồi, hối đâu kịp nữa, nay chàng lại bảo gảy, tôi thật nể lòng mà xin vâng lời gảy một lần nữa.

Câu 3197, 98 = Nói rồi, một tay nấn phím đàn, một tay diu dặt gảy. Chàng thấy khói trầm như múa theo tiếng đàn mà khi cao khi thấp, tiếng đàn thì như theo làn khói đưa đi mà khi nghe như ở gần, khi nghe như ở xa.

Câu 3199, 3200 = Khúc đàn nghe sao mà đầm ấm như ánh nắng dịu hòa của mùa xuân, khiến người nghe quên cả thân đời như ông Trang sinh mơ thấy mình hóa bướm lượn bay vui quá quên cả mình là Trang Chu.

Câu 3201, 02 = Khúc đàn gảy nghe sao êm ái như tấm lòng xuân tình, khiến người nghe phải mê ly, không biết đó là hồn vua Thục lúc còn xuân tâm phơi phới, hay lúc đã nhập vào hình chim đỗ quyên?

Câu 3203, 04 = Tiếng đàn gảy nghe sao trong đẹp như những hạt ngọc châu rỏ ở dưới đáy vũng bể, trên mặt doanh có vầng trăng đẹp sáng chiếu xuống. Lại nghe có giọng tươi vui như mặt núi Lam điền xanh mướt ở dưới ánh nắng ấm áp, thành ra có khói ngọc non bốc lên.

Câu 3205, 06 = Chàng nghe nhận suốt năm cung, cung nào cũng vừa đúng, nghe thật lọt tai, tiếng nào nghe cũng náo nùng, lòng vui xôn xao rộn rã.

Câu 3207, 08 = Chàng vui nói: Gảy khúc đó vào đàn này là tay nào? Có phải vẫn là một tay nàng không? Thế mà sao xưa thì sâu thăm, nay thì vui vầy thế này?

Câu 3209, 10 - Sự tẻ buồn hay vui vẻ khác nhau ấy là tại ở lòng mình mà ra, hay là tại vận đen cay đắng hết, đến hồi vận đỏ sung sướng tới?

Câu 3211, 12 = Nàng nói: Chỉ vì chút nghề chơi đàn đại_dot này, mà để tiếng đàn đoạn trường nó làm hại mình bấy lâu nay!

Câu 3213, 14 = Một phen tưởng là hay đã gảy cho nhau nghe, được chàng tri kỷ răn nhau gảy chỉ khúc tiêu tao ấy! Nên từ đó đã cuốn dây xin chừa không gảy khúc ấy nữa.

Câu 3215, 16 = Truyện trò mãi chưa hết tình thân mật, thì gà đã gáy sáng, và trời phía đông đã ửng sáng.

3217, 18 = Câu truyện đêm động phòng đó, chàng kể rõ cho trước mặt mọi người nghe, ai cũng lấy làm lạ lùng và khen ngợi mãi.

3219, 20 = Thế mới biết nàng là bực thực nữ, ý chí thanh cao, chớ đâu phải như ai say ham tình dục, sớm tặng quả đào, tối trao quả mận.

Câu 3221, 22 = Tình vợ chồng và tình bạn bè giữa hai người thật là thanh cao trọn vẹn đủ phần. Bên trong thì không có cuộc vui chẵn gói, bên ngoài thì đầy đủ những cuộc vui, khi thì họa đàn, khi thì ngâm thơ với nhau.

3223, 24 = Lại khi thì uống vui vài chén rượu, khi thì đánh chơi vài ván cờ, khi thì cùng nhau dạo xem hoa sắp nở buổi sớm, hay ngồi chờ trăng mọc lên buổi tối.

Câu 3225, 26 = Thật là mãn nguyện được đủ mười phần nguyện ước trong cuộc duyên ba sinh, vừa là duyên đôi lứa, vừa là duyên bạn bè.

Câu 3227, 28 = Nhớ lời hẹn khi từ giã với sư Giác Duyên, nàng mới lập một ngôi chùa nhỏ ở nơi vườn đẹp vắng, rồi sai người thân tín đi mời đón ân sư.

Câu 3229, 30 = Nhưng khi đến thảo am, thì thấy cửa đóng then cài, cảnh am vắng vẻ, rêu phủ kín kẽ ngạch giữa bậc cửa trước nhà vì không ai đi lại, và cỏ leo lên mái nhà không ai lời xuống.

Câu 3231, 32 = Mới hay Sư đã đi vân du hái thuốc nơi phương xa nào, như mây bay trên trời, như hạc lánh ngoài bãi, chẳng biết ở đâu mà tìm nữa.

Câu 3233, 34 = Nàng nặng lòng vì nhớ ân nghĩa to sâu của Sư trưởng bấy lâu nay, đành giữ đèn hương thờ Phật ở trên am để tụng niệm cầu phúc đền ơn.

Câu 3235, 36 = Gia đình Kim Kiều sau này thành một nhà thật thịnh vượng đầy đủ hai phần phúc và lộc, cha truyền con nối đỗ đạt làm quan mãi mãi nghìn năm.

Câu 3237, 38 = Việc thừa gia (xem lời chú giải [24]) chẳng những chỉ có Thúy Vân là hết, Kiều còn lấy thêm vợ lẽ cho chàng, và dưới độ lượng bao dung nhân hậu của Kiều như cây to bóng mát che chở cho lũ dây sắn bìm, thành ra con cháu đầy đàn và thành đạt cả.

Câu 3239, 40 = Thật là một nhà phong lưu phú quý chẳng ai bằng, và cảnh nhà thật hòa thuận vui tươi như vườn hoa tươi đẹp mùa xuân, để tiếng hay mãi mãi như bia tạc muôn đời.

Những câu và chữ có ý nghĩa móc nối nhau

(1) Đoạn tả cuộc gảy đàn lần sau này gần giống như đoạn tả cuộc gảy đàn lần trước và có nhiều câu hô ứng với các câu lần trước : (a) Lúc sắp gảy đàn thì lần này có câu “Thêm nén giá, nổi hương bình” giống lần trước có câu: “Đài sen nổi sáp, song đào thêm hương.” (b) Tiếng đàn lần trước thì chàng nghe thấy như oán như sầu, như tiếng gươm giáo sát phạt trong chiến trường. Tiếng trong thì chỉ thoảng qua như gió thoảng như chim bay, tiếng đục thì âm âm mãi như suối mới sa, như mưa mới đổ, nên chàng buồn ủ, biết là điềm ngậm đắng nuốt cay. Lần này thì chàng nghe thấy tiếng đàn sao mà êm ái như xuân tình, sao mà đậm ấm như dương hòa. Tiếng trong thì như mặt bể xanh lạng trắng soi, tiếng vui thì như núi Lam cỏ tươi nắng ấm, nên chàng say sưa, biết ngay là điềm khổ tận cam lai. (c) Lần trước, khi gảy xong, thì chàng răn sao lại đại đột lựa khúc tiêu tao đó, và nàng thừa lại là tính trời sinh nàng thích tiếng buồn tẻ như vậy, rồi nàng vâng lời chàng mà xin có chữa đàn. Lần này, khi gảy xong, thì chàng nức nở khen sao trước kia thì sầu thảm mà nay đây thì vui vầy thế. Thế mới biết tẻ hay vui là ở lòng nàng mà ra, và nàng thừa lại rằng đó là nhờ lần trước chàng biết mà răn, nên nàng vâng lời chữa được, để tỏ ý cảm tạ chàng.

(1) (a) Trong các câu “ 3222 Chẳng trong chẵn gối, cũng ngoài cầm thơ / 3223 Khi chén rượu, khi cuộc cờ / 3224 Khi trông hoa nở, khi chờ trăng lên / 3225 Ba sinh đã phỉ mùi nguyên / 3226 Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy” thì bốn chữ “cầm thơ rượu cờ” (cầm kỳ thi tửu) là có thật ở hai câu trên, ứng với chữ “duyên bạn bầy” thật ở câu 3226; và hai chữ “hoa trăng” (hoa nguyệt) chưa có ở câu 3224 và chữ “chẳng trong chẵn gối” ở câu 3222 ứng với “duyên đôi lứa” giả ở câu 3226. (b) Năm câu này lời lẽ thật thanh tao hô ứng khắn thiết với nhau để nói: Duyên bạn bè là thật, còn duyên đôi lứa là giả, có hoa nhưng hoa chưa nở, có trăng nhưng trăng chưa lên. (c) Câu “Khi

trông hoa nở, khi chò trắng lên” lời thật đẹp đẽ nhẹ nhàng và ý thật thâm thúy.

(2) (a) Hai câu “Thừa gia chẳng hết nàng Vân / Một cây cù mộc, một sân quế hòe” vừa để ứng với hai câu Kiều nói ở trên “Cửa nhà dù tính về sau / Thì còn em đó, nợ cầu chi đây” vừa để tỏ ý Kiều đền lại sự thiệt thòi của chàng vì nàng đã “ngăn cản gió đông” để chàng “thiệt lòng khi ở, đau lòng khi đi”, nên nàng còn lấy thêm vợ lẽ nữa cho chàng, chớ không phải chỉ có một Thúy Vân. (b) Bốn câu nêu trên cũng chứng tỏ Kiều có đức hiền hậu bao dung, tuy không sinh đẻ với chàng, nhưng đã gây dựng cho chàng được một gia đình đông đúc thịnh vượng.

Mấy lời nhận xét về cuộc gảy đàn lần sau này

(1) Tại sao tác giả lại mượn mấy câu thơ vịnh đàn “Cảm sắt” của thi sĩ Lý Thương Ẩn? Thực ra, Lý thi sĩ chỉ mượn sự nghe đàn để tả lòng nhớ tiếc đau thương vì tình hồi tuổi trẻ, chớ đâu phải là tả tiếng đàn vui, mà sao Nguyễn Du lại mượn vào đây để tả niềm vui cuộc Kim Kiều tái hợp này? Muốn suy xét cho biết nguyên nhân, thì trước hết phải xét qua những điều này: (a) Tâm sự Thi sĩ Lý Thương Ẩn. (b) Cây đàn “Cảm sắt.” (c) Thâm ý từng câu bài thơ “Cảm sắt.” (d) Tâm sự Nguyễn Du.

(2) Lý Thương Ẩn lúc tuổi trẻ thất chí đau đớn về đường tình không lấy được cô ý trung nhân đặc biệt, mặc dù đã ước hẹn nặng lời, nên suốt đời ông làm nhiều câu văn thơ tỏ ý nhớ tiếc đau thương, mà bài Cảm sắt này là một. Ngoài ra xin kể mấy câu này nữa làm thí dụ:

(a) (來是空言, 去絕蹤) = Lai thị không ngôn, khứ tuyệt tung = Khi đến chỉ thề thốt hảo huyền, rồi lúc đi thì đi mất tông tích / (月斜樓上, 五更鐘) = Nguyệt tà lâu thượng, ngũ canh chung = Để ta đêm nào cũng thức đến lúc trăng tà trên lầu, điếm trông canh năm / (劉郎已恨, 蓬山遠) = Lưu lang dĩ hận, Bồng sơn viễn = Chàng Lưu trước kia đã uất hận là nơi tiên ở non Bồng

xa thăm / (更隔蓬山, 一萬重) = Cánh cách Bồng sơn, nhất vạn trùng = Ta nay lại xa cách nàng gập một vạn lần hơn non Bồng.

(b) Cây đàn Cầm sắt xưa có 50 dây. Một hôm vua Tần Thủy Hoàng nghe người tố nữ gảy tiếng thê thảm quá, mới bắt sửa lại chỉ còn 25 dây. Bài này Lý thi sĩ tả cây đàn có 50 dây vừa để hợp với tuổi mình khi đó, vừa để tả ý thật thảm thương.

(c) Thâm ý từng câu bài thơ Cầm sắt của họ Lý:

Hai câu mở đầu bài thơ đã tỏ ngay lòng thương tiếc sâu xa:

(c1) (錦瑟無端五十絃) = Cầm sắt vô đoan ngũ thập huyền = Cây Cầm sắt bỗng dung lại có 50 dây,

(c2) (一絃一柱憶青年) = Nhất huyền nhất trụ ức thanh niên = Mỗi dây mỗi cột gợi nhớ tuổi thanh xuân ta.

Bốn câu giữa đã chép và giải ở số [11] mục chú thích bên trên. Hai câu (3, 4) thì tỏ ý cuộc vui trước thì ngắn ngủi, cuộc buồn sau thì dài mãi. Hai câu (5, 6) thì tỏ ý ngoài vui, trong đau buồn:

(c3) Trang Sinh lúc chợp ngủ hồi mờ sáng bỗng mơ thấy mình hóa bướm bay lượn rất vui thích, chẳng chút lo nghĩ gì, nhưng chỉ chốc lát đã tỉnh dậy, buồn tênh thấy mình vẫn là chàng Chu lo nghĩ mãi mãi.

(c4) Thục Đế lúc làm vua thì lòng xuân êm vui, nhưng chẳng bao lâu thấy nước lụt dân tàn, sinh chán đời bỏ đi ; khi chết hồn hóa chim cuốc nhớ nước đời đời kêu rất thê thảm.

(c5) Vùng bể trong xanh dưới ánh trăng sáng, trên mặt trông đẹp thật, nhưng dưới đáy vẫn có lũ giao nhân ngồi khóc nước mắt lăn rơi thành ngọc.

(c6) Mặt núi Lam điền cỏ mọc xanh tươi lại có ánh nắng ấm áp, trông tươi đẹp lắm, nhưng dưới lại có ngọc non bị nắng nung nấu bốc khói lên mà tan đi.

Rõ ràng là câu (3, 4) thì than tiếc cuộc vui xưa ngắn ngủi, mà buồn thương cuộc sầu nay lâu dài. Trong khi đó thì câu (5, 6) nói bên ngoài tuy vui tươi, nhưng trong vẫn đau thương khóc thầm.

Hai câu kết bài Cẩm sát này cũng một ý nhớ tiếc như vậy:

(c7) (此情可待成追憶) = Thử tình khả đãi thành truy ức = Tình cảnh êm đẹp ấy thật đáng nhớ lại mãi.

(c8) (只是當時已惘然) = Chi thị đương thì dĩ vãng nhiên = Chi nỗi ngay lúc đó đã ngẩn ngơ như lo sợ mất một cái gì.

(d) Tâm sự tác giả Nguyễn Du – Lúc nào tác giả cũng tiếc cảnh êm vui lúc trẻ chan chứa hy vọng nối nghiệp vinh quang nhà và ra tay giúp vua chúa. Ông thấy cảnh ấy thoáng tan như giấc bướm của Trang Sinh. Lúc nào ông cũng thương tiếc triều Lê, cũng cảm cảnh kinh đô Thăng Long cung miếu lâu đài bị phá hủy, thành trì phố xá bị đổi thay, ông từng tỏ lòng này ra như sau:

(d1) (千年自室成官道) = Thiên niên cự thất thành quan đạo = Nhà to nghìn thuở thành đường lớn.

(d2) (一片新城没故宫) = Nhất phiến tân thành một cố cung = Thành mới một tòa vắng miếu xưa.

Hồn nhớ nước của Nguyễn Du chẳng khác gì hồn Thục Đế nhập vào chim cuốc kêu “quốc, quốc” đời đời. Tuy ngoài mặt ông phải làm ra vui vẻ hoan nghinh triều Nguyễn, ra làm quan với triều Nguyễn, nhưng trong lòng ông vẫn đau đớn khóc thầm, chẳng khác gì vùng bể trong xanh lóng lánh ánh trăng vàng vạc, trên thì trông thật đẹp, mà dưới vẫn có lũ giao nhân khóc châu rơi lã chã; và cũng chẳng khác gì mặt núi Lam điền xanh mướt những cỏ dưới ánh nắng ấm áp, trông cảnh thật tươi tốt, những ở dưới vẫn có khói ngọc non bị hơi nắng nung nấu tan thành khói bốc lên.

Theo những điều nêu trên mà suy xét thì biết ngay rằng tác giả họ Nguyễn thấy Lý Thương Ẩn đã khéo đem những lời vui ít buồn nhiều nhưng vui rõ ràng mà buồn ngầm ngấm để tả tiếng đàn Cẩm sát mà ngầm tỏ nỗi nhớ tiếc

đau đớn tình nương. Vì vậy Nguyễn Du mới mượn ý bốn câu giữa bài thơ này mà tả tiếng đàn Kiều gảy lần sau này, để ngoài thì tả tiếng đàn, mà trong thì ngầm tả nỗi lòng nhớ tiếc triều Lê, thương đau nước cũ.

Nhưng tác giả đã thật khéo đặt thành những câu vui vẻ đằm thắm: “Khúc đầu đầm ấm dương hòa!” / “Khúc đầu êm ái xuân tình!” / “Trong sao châu rõ doành quyên” / “Ám sao hạt ngọc Lam điền mới đông!” để cho lời tả hợp với cảnh vui lúc gảy đàn Kim Kiều tái hợp, và nhất là để che giấu nỗi lòng đau đớn có Quân, có Quốc, và than tiếc tuổi thanh niên chứa chan hy vọng.

CHƯƠNG 33

CÂU 3241 ĐẾN CÂU 3254

“Chớ cậy chi tài, nên tu lấy thiện”

3241. Ngẫm hay muôn sự tại trời,

Trời kia đã bắt làm người có thân.

3243. Bắt phong trần, phải phong trần, [1]

Cho thanh cao mới được phần thanh cao. [2]

3245. Có đâu thiên vị người nào, [3]

Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai, [4]

3247. Có tài mà cậy chi tài,

Chữ tài liền với chữ tai một vần. [5]

3249. Đã mang lấy nghiệp vào thân, [6]

Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa. [7]

3251. Thiện căn ở tại lòng ta, [8]

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài. [9]

3253. Lời quê chấp nhật đông dài, [10]

Mua vui cũng được một vài trống canh.

Chú giải và dẫn điển

[1] *Phong trần* (風塵) – Nghĩa đen là nơi có gió bụi bốc lên làm bẩn. Nghĩa bóng ở đây là bước đời làm than khổ sở, con trai thì phải làm ăn vất vả nay đây mai đó, con gái thì phải long đong sa đọa vào những nơi thanh lâu ô nhục. Tác giả dùng câu này để vừa than thở cho số phận của mình long đong trong cuộc bể dâu, vừa than thở cho số phận Kiều gặp cơn gia biến phải sa ngã vào cuộc đời khổ nhục.

[2] *Thanh cao* (聲高) = (Cuộc sống) trong sạch, đáng quý, không ai chê cười được.

[3] *Thiên vị* (偏為) = Vị nể, lệch lạc, không công bằng.

[4] *Dồi dào* = Đầy đủ.

[5] *Tai* (災) = Tàn hại tự nhiên xảy ra cho ta phải chịu.

[6] *Nghiệp* (業) = Việc mình đã làm. Theo lẽ nhân quả báo ứng, sách Phật nói: Những việc ác mình đã làm trong kiếp trước là cái “nhân” (mâm) nó kết thành quả của sự khổ sở kiếp này mình phải chịu để đền tội cho kiếp trước. Những việc mình làm kiếp này lại là cái nhân sinh ra “quả” số phận kiếp tiếp sau. Cái sự khổ sở mình phải chịu lần hồi kiếp kiếp như thế gọi là “nghiệp” dùng trong câu Truyện Kiều này.

[7] *Trách* (咄) *lẫ* = Trách một cách lảm lẩn, không đúng lẽ phải.

[8] *Thiện căn* (善根) = Cội gốc lòng thiện, nghĩa là cái gốc nhân từ ở lòng mình ra.

[9] *Chữ “tâm”* = Tâm lòng có thiện căn nói trên. Hai câu 3247, 48 khuyên người đời: Muốn được khỏi kiếp khổ cực sau này, thì phải giữ bụng cho tử tế nhân đức, chớ có cậy tài giỏi mà tìm cách để tránh sự khổ sở nghiệp báo của kiếp trước. Hành động như vậy thì không những tránh không được, mà còn nghiệp báo chồng chất kiếp này sang kiếp khác, khổ mãi không thôi, càng thêm nặng nữa.

[10] Những chữ “*lời quê*” và “*dông dài*” ở câu này là tác giả nói quá khiếm tốn đó thôi. Thật ra lời chẳng “*quê*” chút nào và những điển tích tác giả chấp nhặt vào suốt quyển truyện này kể có hàng nghìn, mà chẳng có câu nào “*dông dài*” cả. Ta chỉ thấy đều rất xác đáng, điển nào đúng sự ấy. Ta lại thấy tác giả thu nhặt rất rộng rãi, gần như hầu hết câu nào trong truyện, tác giả đều đặt theo điển cổ hẩn hoi ở trong các sách đứng đắn, hay theo phương ngôn tục ngữ của nền Việt văn. Những câu quan trọng có điển cổ đã đành, lắm câu rất tầm thường mà thường cũng có ở trong sách cũ, ở trong ca dao. Thí dụ như nhóm chữ “*hai kinh vững vàng*” thì ở *Tinh Sử* có “*lưỡng kinh vô sự*,” nhóm chữ “*mụ thì khẩn ngay*” lấy điển ở câu “*lầm rầm như đi khẩn tiên sư*.” Tôi rất tiếc là tôi học đã ít, trí nhớ lại kém, lại gặp lúc không có sách để tra cứu, nên đành chịu bỏ qua hầu hết.

Diễn ra văn xuôi

Câu 3241, 42 = Ta ngẫm nghĩ cho kỹ thì biết rằng mọi việc trên đời của con người đều do Trời quyết định cả. Trời đã cho ta làm người thì phải có thân.

Câu 3243, 44 = Trời bắt thân ta phải chịu kiếp phong trần, thì ta phải đành chịu phong trần. Khi nào Trời cho thân ta được thanh cao, thì ta mới được hưởng phúc phận thanh cao.

Câu 3245, 46 = Trời chẳng thiên vị người nào mà cho cả phần tài và phần mệnh đều được dồi dào đầy đủ cả.

Câu 3247, 48 = Bởi vậy khi Trời cho ta cái tài, thì ta chớ cậy tài ; ta phải biết chữ “tài” nó liền vắn với chữ “tai.” Hãy nhớ rằng một khi Trời đã cho tài, thì Trời không cho mệnh nữa. Và nếu mình cậy tài mà cố làm cho vận mệnh tốt để cưỡng lại ý Trời, thì thế nào Trời cũng gieo cái “tai” cho mình để hãm cái “tài” của mình lại).

Câu 3249, 50 = Khi ta đã mang cái nghiệp báo kiếp trước vào thân mà ta phải phong trần khổ sở, thì ta đừng có làm lẫn mà trách ông Trời ở gần hay ở xa mà không biết ta là kẻ có tài, lại nữa để ta phải phong trần như thế.

Câu 3251, 52 = Ta muốn khỏi phong trần, thì ta phải vun trồng lấy gốc thiện ở trong lòng ta. Cái “thiện tâm” của ta đó mới quý gấp ba lần cái “tài hoa” của ta.

Câu 3253, 54 = Quyển sách lời lẽ quê mùa này do tôi lượm nhặt dông dài, mỗi chỗ một câu mà chấp nối lại viết ra. Tôi ước ao độc giả tiêu khiển mua vui cũng được vài ba trống canh khi buồn rảnh.

Những câu có ý móc nối hô ứng với nhau

(1) Mấy câu trong đoạn kết này đều ứng tiếp khắn thiết với mấy đoạn mở đầu nói về “tài” với “mệnh.” (a) Hai câu “Có đâu thiên vị người nào / Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai” nhắc lại ý câu “Lạ gì bỉ sắc tư phong.” (b) Câu “Chữ Tài liền với chữ Tai một vần” nhắc lại ý câu “Chữ Tài chữ Mệnh khéo là ghét nhau.” (c) Duy ở đoạn mở đầu thì nói hẳn ngay là “Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen,” những câu nhắc ý đó ở đoạn kết

này thì lại dùng hai chữ “Ngẫm hay” để mở đường bàn rộng ra ý tại sao mà khách tài sắc lại bị Trời đánh ghen, và để khuyên người đời phải tu tỉnh lấy thiện căn ở trong lòng.

(2) Muốn khuyên giải cho khách phong trần khỏi “đau đớn lòng” vì bị “Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen” như câu nói ở đoạn mở đầu, thì ở đoạn kết này tác giả nói : (a) Nghĩ cho kỹ thì ta biết bọn tài, sắc phải phong trần ; đó không phải là tại Trời ghen, mà chỉ là vì Trời giữ quyền cân nhắc nghiệp duyên mà định số mệnh cho chúng ta đó thôi. (b) Trời đã bắt ta làm người thì phải có thân, mà cái thân ta đó thường lại xui giục ta làm sự ác để thân ta được sung sướng vật chất. Ai mà không biết tu tỉnh giữ gìn thiện căn như thế, thì kiếp sau sẽ bị Trời bắt thân phải phong trần. Ai mà biết giữ cho thân hiền hậu kiếp này, thì Trời sẽ cho kiếp sau thân được thanh cao. (c) Bởi vì Trời giữ quyền cân nhắc thưởng phạt như thế là công bằng, nên Trời bắt ta thế nào thì ta đành chịu như thế, và chớ cậy tài mà cưỡng lại, cho thêm nặng nghiệp báo kiếp sau.

(3) Có lẽ tác giả đặt câu “Mua vui cũng được một vài trống canh” làm câu cuối cùng đoạn kết để nối nghĩa với câu đầu đoạn mở “Trăm năm trong cõi người ta” để tỏ lòng than thở: Suốt cuộc đời đằng đẵng một trăm năm ở cõi người ta mà chỉ được có vài trống canh là vui!

CHƯƠNG 34 : PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I

NỘI DUNG “TRUYỆN THIỆU NỮ” SO VỚI NỘI DUNG “TRUYỆN KIỀU”

Tôi thấy truyện ba cô gái **Tiểu Thanh**, **Vương Thúy Kiều** và **Thiệu Nữ** đều là bậc sắc tài song tuyệt và đều biết trước là số bạc mệnh. Tiểu Thanh tài hoa, xinh đẹp và ngây thơ, theo ngay chàng Công tử con nhà quý phái, để thỏa mãn ái tình, rồi bị Trời ghen, kết cục phải chết vì thất tình ở một biệt thự trong vườn mai đẹp trên bờ Tây Hồ.

Vương Thúy Kiều (như ta đã biết trong truyện) thì khôn ngoan, muốn lấy Kim Trọng để nhờ phúc tướng chồng cho khỏi số bạc mệnh, kết cục cũng bị Trời ghen ghét, bắt phải bỏ Kim Trọng mà sống cuộc đời cực nhục, thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần, rồi cũng phải chết ở sông Tiền Đường.

Như vậy, Tiểu Thanh và Thúy Kiều đều vì cưỡng lại mệnh Trời mà không tránh khỏi số bạc mệnh. Còn Thiệu Nữ thì khác: Cô biết số bạc mệnh không thể tránh được, đành chịu bạc mệnh ngay, chịu khổ nhục cho Trời hả cơn ghen với sắc tài của mình, để mong Trời thương tình mà giải phóng cho.

Ta đọc truyện **Thiệu Nữ** sau đây thì biết nàng **tránh bạc mệnh bằng cách vâng phục ý Trời** mà chịu đầy đọa, còn hơn là cố đem tài sắc mình ra mà mong biến đổi số bạc mệnh. Thật đúng với hai câu trong đoạn kết Truyện Kiều:

“Trời kia đã bắt làm người có thân / Bắt phong trần phải phong trần” và “Có tài mà cậy chi tài / Chữ ‘tài’ liền với chữ ‘tai’ một vần.”

TRUYỆN THIẾU NỮ (邵女)

Sài Đình Tân là người phủ Thái Bình, nhà rất giàu, có vợ là Kim Thị không sinh con được, nhưng ghen quá ác. Sài đem trăm lạng vàng ra mua được người vợ lẽ; người phụ nữ này bị Kim Thị đối đãi tàn bạo được một năm thì chết. Sài giận quá, tuyệt tình với Kim Thị, suốt mấy tháng không bước chân vào phòng vợ. Gặp hôm sinh nhật Sài, Kim Thị mặc lễ phục trang nghiêm đến trước mặt chồng mừng thọ, ăn nói rất lễ phép. Sài không nỡ chống đũa, mới cười nói mấy câu. Kim Thị lại đặt một bàn tiệc rất long trọng ở trong phòng rồi chiều đến, ra mời Sài vào, nhưng chàng từ chối, viện cớ đã say. Kim Thị lễ phép năn nỉ nói:

- “Thiếp thành tâm sắp sửa suốt ngày, dù chàng có say đi nữa, cũng xin vào uống với thiếp một chén rồi ra.”

Sài đành vào dự tiệc. Kim Thị khi đó mới thông thả thưa rằng:

- “Trước đây thiếp trót làm đại, làm chết con bé, nay thiếp hối hận lắm. Từ nay về sau, chàng muốn lấy vợ lẽ đẹp và sắm sửa cho cô ấy thế nào xin tùy ý, thiếp không dám trách nữa.”

Sài nghe qua mừng lắm, bèn vui uống cho đến lúc nén hết, tiệc mới tan, và vợ chồng lại yêu quý nhau như trước.

Hôm sau Kim Thị cho gọi thợ may đến, giục tìm ngay hộ một cô vợ lẽ rõ trẻ đẹp, nhưng lại xui ngầm thợ may cứ dùng dằng nói là tìm chưa được, thành ra mất hơn một năm mà việc vẫn không xong. Sài chờ mãi nóng ruột, mới nhờ mọi người họ hàng quen biết tìm hộ, thì được một cô gái con nuôi nhà họ Lâm. Khi Kim Thị thấy Lâm Nữ thì tỏ vẻ vui mừng, liền cho chung ăn chung uống, phần sắp hoa xuyên cho tha hồ lấy dùng. Nhưng Lâm Nữ người quê đất Yên, không quen may cắt, ngoài việc thêu giấy ra, việc gì cũng phải nhờ người khác. Kim Thị bảo nàng rằng:

- “Nhà ta vốn cần kiệm, đâu phải là nhà vương hầu mà lấy em về để làm tranh ngắm?”

Rồi đem gấm vóc ra dạy Lâm Thị may cắt, như thầy nghiêm dạy học trò vậy, trước còn quát mắng, sau dùng roi đánh. Sài đau lòng lắm nhưng không nói vào đâu được. Kim Thị lại càng thân Lâm Nữ hơn trước, thường ngắm vuốt hộ áo quần cho ngay ngắn, hoặc bôi

sáp, đánh phấn hột cho đẹp đẽ hơn. Rồi chỉ vì mũi giày nàng hơi có vết nhăn, là roi sắt nện vào chân, đầu tóc hơi bù rối là tát vào hai mang tai. Lâm Nữ không chịu nổi, mới nhân lúc vắng người, thắt cổ chết. Sài thấy cảnh chết thê thảm ấy, lòng rất đau thương, tỏ lòng oán trách vợ, thì Kim Thị giận nói:

- “Ta thay anh mà dạy cô ta, có tội gì mà anh oán giận ta?”

Bấy giờ Sài mới biết là Kim Thị nham hiểm, giận ghét quá, nên lại hết hẳn tình nghĩa vợ chồng. Sài ngằm làm một phòng rất đẹp ở một nơi nhà khác, định mua một mỹ nhân về ở. Một hôm, nhân đi đưa đám ma một người bạn, Sài trông thấy một cô mười bảy, mười tám tuổi, mặt mày sáng đẹp thì hoa cả mắt. Sài nhìn mãi mê cả hồn; cô gái lạ thấy vẻ nhìn điên cuồng của chàng, cũng đưa mắt nhìn lại. Sài hỏi bạn mới biết đó là con gái ông họ Thiệu.

Thiệu Ông là ông đồ nhà nghèo, chỉ có một cô gái này; lúc bé rất thông minh, ông giờ sách ra dạy, thì chỉ xem qua là biết ngay, thuộc ngay. Cô thích đọc sách thuốc nội khoa và sách xem tướng. Ông bà yêu lắm, có ai đến giạ hỏi, thì cũng cho cô xem mặt mà kén lấy. Nhưng bất cứ giàu nghèo, cô không thuận ai cả, bởi vậy mười bảy tuổi rồi mà vẫn chưa lấy ai. Sài nghe nói vậy, biết là không thể lấy được, nhưng vẫn cứ canh cánh bên lòng không thể bỏ được. Sau Sài lại nghĩ rằng nhà ông ta nghèo, hoặc giả có thể đem tiền bạc mà động được lòng chàng, mới bàn với mấy người, nhưng không ai dám đến giạ cả, thành ra ngã lòng lắm, hết cả hy vọng. Bỗng một hôm có mục lái buôn đem các thứ ngọc vào nhà Sài bán. Sài đem lòng ao ước ấy nói với mục, rồi cho mục một số tiền to mà nói:

- “Chỉ cần mục đến nói rõ được tấm lòng thành thật của tôi đối với nhà họ Thiệu; còn việc thành hay không thì không dám trách cứ, vạn nhất mà việc có thể thành được, thì xin đem nghìn lạng vàng làm lễ cưới mà không tiếc.”

Mục lái ham tiền, nhận lời ra đi.

Vào tới nhà họ Thiệu, mục cố ý nói chuyện đầu đầu, tỏ tình thân mật với Thiệu Bà. Khi trông thấy cô gái, mục thất kinh khen rằng:

- “Cô em thật đẹp tuyệt trần, ví đưa vào cung Chiêu Dương thì những cô gái khác thực không đáng kể!”

Rồi mẹ hỏi rể là nhà ai, Thiệu Bà đáp chưa có rể. Mẹ nói:

- “Cô em đẹp thế sao chả có khách vương hầu đến xin làm rể?”

Thiệu Bà thở dài nói:

- “Đâu dám mong vương với hầu! Chỉ cần được con nhà học hành tử tế là tốt lắm rồi; nhưng cái con nhỏ này nó khó tính quá, kén đi kén lại mãi, chẳng thuận ai cả, không hiểu là ý nó muốn thế nào.”

Mẹ nói:

- “Thưa bà, chớ nên phiền oán cô ấy. Hạng người đẹp như thần tiên thế, chắc là ai kiếp trước có tu được nhiều phúc lắm mới hưởng thụ nổi. Hôm nọ, tôi gặp sự đáng cười quá. Cậu nhà họ Sài đằng kia nói với một người bạn, có thấy mặt cô và muốn xin đem một nghìn lạng vàng để làm lễ cưới, rõ là con hầu đói muốn bắt con thiên nga! Tôi nghe cậu ta nói, đã quở trách ngay.”

Thiệu Bà tủm tỉm cười chưa kịp đáp, thì mẹ nói luôn:

- “Đối với nhà ta là bực Tú tài, thì tôi không dám kể, chứ ở chỗ khác thì ‘mất một thước, được một trượng’, tôi tưởng cũng được lắm!”

Thiệu Bà lại cười, không nói gì. Mẹ vỗ tay nói:

- “Quả vậy, thì ra tôi tính cho tôi thiệt quá. Từ khi tôi được bà yêu quý, hễ vào nhà là được bà dắt tay đưa chân mời ngồi và cho ăn uống. Bây giờ nếu ông bà được nghìn lạng vàng, ra thì xe ngựa vào thì lầu gác, tôi có đến thăm thì bị đưa canh cửa nó thét đuổi đi ngay!”

Thiệu Bà ngẫm nghĩ một lát, dậy đi bàn với Thiệu Ông, và gọi con gái đến cùng bàn. Rồi ba người cùng ra, Thiệu Bà cười nói:

- “Con bé này lạ quá! Bao nhiêu người tốt đôi phải lừa đến hỏi, nó đều chối cả, mà bây giờ nghe thấy làm lễ mọn thì lại bằng lòng ngay! Vợ chồng tôi mà gả con như thế, thì e bọn nhà Nho họ cười thì sao?”

Mẹ nói:

- “Ví như cô ấy về nhà họ Sài mà sinh được cậu con trai, thì bà ngoại nghĩ sao?”

Nói rồi mục lái kể rằng chàng họ Sài đã làm nhà riêng rất lịch sự cho ở riêng rồi. Thiệu bà yên tâm hơn, mới gọi con ra bảo:

- “Con thử ra bàn với bà lái xem sao. Đây là việc trăm năm của con, con phải quyết định lấy, sau khỏi hối hận, oán trách bố mẹ.”

Cô gái chẳng thẹn thùng chút nào và nói ngay:

- “Cha mẹ được có tiền của tiêu dùng, yên hưởng tuổi già là bố công nuôi con rồi. Và chẳng **con xem tướng con_“bạc mệnh”** cho nên lấy chồng **xứng đôi tử tế** cũng bị giảm thọ, **không được hưởng hạnh phúc**. Làm thân lẽ mọn tuy có khổ nhục nhưng chưa hẳn là không có phúc. Hôm nọ con thấy chàng họ Sài có phúc tướng, con cháu tất hưng thịnh.”

Mục lái mừng lắm, chạy về báo Sài. Sài mừng quá, liền sắp xe ngựa đem nghìn lạng vàng đi đón Thiệu Nữ về nhà riêng; người nhà được dặn giấu kín, không ai dám nói đến.

Thiệu Nữ bảo Sài rằng:

- “Mưu của chàng là mưu chim én đập tổ trên đình màn, được buổi nào hay buổi ấy, không phải là mưu lâu dài. Chàng muốn bịt miệng mọi người để hòng khỏi tiết lộ thì sao được, xin chàng không gì bằng mang em về ngay đi, tai họa xảy ra càng sớm thì càng nhỏ.”

Sài nói:

- “Không phải thế đâu! Người ấy dữ tợn lắm, không thể lấy tình lý mà cảm động được nó.”

Nàng nói:

- “Thân tôi đã là kiếp lẽ mọn, thì phải chịu đòn nhục; chứ sống ngày nào được ngày ấy ở đây thì làm sao mà dài lâu được?”

Sài cho lời cô là phải, nhưng dùng dằng mãi không dám quyết định, rồi mặc đó.

Một hôm Sài đi vắng, Thiệu Nữ mới sai người dắt một con ngựa già, rồi mặc áo màu xanh mà cưỡi đi, và mang một bà vú già xách một gói chăn áo đi theo. Đến nơi trước mặt vợ cả, cô phục xuống đất kể rõ chuyện mình. Kim Thị lúc mới nghe thì giận

lắm, rồi nghĩ nàng đã biết tự thú, thì có thể tha thứ được; sau lại thấy mặt nàng sáng sủa, quần áo và lời lẽ khiêm nhường, thì tan cơn giận. Rồi sai một con hầu lấy áo gấm ra cho nàng mặc và nói:

- “Ta bị chàng bội bạc, bêu cho ta tiếng ác, khiến ta mang tiếng oan. Thật ra tại người đàn ông bất nghĩa, hai đứa kia thì vô hạnh, để ta phải tức giận đó thôi. Mà thử nghĩ nó giấu vợ mà lập gia đình khác, thì có phải là giống người nữa không?”

Cô gái nói:

- “Xét kỹ ra thì anh ta nay cũng hơi biết hối rồi, chỉ không chịu nén lòng tự ái xuống đó thôi. Tục ngữ có câu ‘Người trên đâu hèn với người dưới’ lấy lý mà nói: Vợ đối với chồng như con đối với cha, vợ lẽ đối với vợ cả. Nay phu nhân nếu chịu ngọt lời tươi mặt đối với chàng, chắc là bao nỗi chứa chất trong lòng chàng sẽ khuây ngay đi hết.”

Kim Thị nói:

- “Anh ta tự nhiên bỏ nhà không về, chứ đâu ta có làm gì?”

Rồi Kim Thị sai người dọn nhà cho Thiệu Nữ ở, dầu lòng chẳng thích, nhưng cũng tạm yên.

Sài nghe thấy Thiệu Nữ về, lo sợ mãi, bụng nghĩ rằng: Dê vào hang cọp chắc là bị khổ cực lắm rồi. Vội vàng chạy về, thấy nhà vẫn im lặng, lòng mới yên. Thiệu Nữ chạy ra cửa đón, và khuyên nên đến gặp mặt vợ cả. Thấy Sài có ý khó chịu không muốn đến, nàng thổn thức khóc Sài mới nghe lời. Thiệu Nữ chạy vào nói với Kim Thị rằng:

- “Chàng vừa mới về tới nhà, có ý hổ thẹn, không muốn gặp phu nhân, xin phu nhân đến cười nói với chàng một tiếng cho khuây đi.”

Kim Thị không chịu, Thiệu Nữ nói rằng:

- “Thiếp đã nói: Vợ đối với chồng cũng như vợ lẽ đối với vợ cả. Bởi vậy bà Mạnh Quang nâng bát cơm lên ngang lông mày mà dâng cho chồng, mà không ai chê bà là nịnh. Sao vậy? Vì bản phận vợ phải kính chồng như thế.”

Kim Thị mới theo đi chào chồng và nói:

- “Anh là con thỏ đào ba hang, còn về đây làm gì?”

Sài cúi mặt không thèm thừa lại, Thiệu Nữ sẽ thích khủy tay giục chàng. Chàng miễn cưỡng cười nói mấy câu cho xong lần và vợ cả cũng bớt giận. Lúc Kim Thị trở vào trong nhà, Thiệu Nữ đẩy chàng đi theo, rồi sai người nhà bếp dọn rượu vợ chồng cùng uống. Từ đó vợ chồng lại hòa với nhau.

Thiệu Nữ dậy sớm mặc áo xanh lên hầu. Kim Thị rửa mặt xong lại đưa khăn lau tay, làm đủ lễ con đòi rất kính cẩn. Sài muốn vào buồng nàng mười tối mới được một tối nàng không khỏ tâm từ chối. Vợ cả thấy vậy chịu là nàng giỏi, nhưng dần dần hóa ghen là mình kém, rồi ghen quá hóa ghét. Chỉ nỗi nàng hầu hạ kính cẩn, không giờ ngón ghen ghét vào đâu được, tuy có lúc hơi kiếm có mắng trách nàng, nhưng nàng đều vui vẻ chịu.

Một đêm nọ, vợ chồng hơi to tiếng cãi nhau, Sài dậy, vợ ra rửa mặt chải đầu, vẫn còn đầy vẻ giận. Thiệu Nữ mang cái gương đến, vô ý tuột tay gương vỡ, Kim Thị càng tức giận, vén tóc lên quát mắt nhìn. Thiệu Nữ sợ lắm, quỳ xuống mãi, xin tha tội, nhưng mẹ không nguôi giận, đánh nàng mãi đến mấy mươi roi. Sài không nhịn được, mới chạy sấn vào lôi nàng ra, mẹ găm hết đuôi đánh. Sài cướp lấy roi rồi vụt mãi vào mặt mẹ làm sây sát ngang dọc cả mặt mẹ mới lui. Vợ chồng từ đó hóa thù nhau. Sài cấm nàng vào phòng hầu mẹ, nhưng nàng không nghe, sớm dậy, quỳ gối đi tới trực ở trước màn. Mẹ đập giường mắng chửi thét đuôi đi không khiến ở trước mặt; rồi ngày đêm thù ghét chỉ rình Sài đi đâu là đánh nàng báo thù. Sài biết vậy, đóng cửa ở luôn nhà, chẳng thèm thăm viếng ai nữa.

Kim Thị tức giận, mà không biết làm thế nào, chỉ ngày đánh lữ tứ gái để hả giận, chúng nó rất khổ. Từ khi vợ chồng thù ghét nhau, Thiệu Nữ cũng không để Sài ngủ phòng mình nữa. Vợ thấy chồng phải ngủ một mình, bụng cũng hơi yên. Có một đứa thị tỳ đã lớn tuổi, tính giảo quyệt. Một hôm Kim Thị thấy nó nói chuyện với Sài, ngờ là có tư tình, gọi vào đánh rất đau; nó oán giận lắm, ở chỗ vắng nó thường cau mặt rửa thềm. Một tối nọ, đến lượt nó phải vào túc trực phòng Kim Thị, Thiệu Nữ bảo Sài rằng:

- “Anh phải cẩn thận, tôi thấy mặt nó lấm lấm đầy sát khí; anh thử gọi nó đến xem.”

Sài nghe lời, gọi nó lại hỏi thẳng ngay rằng:

- “Mày định lén lút giết ai đó?”

Con ở giật mình ấp úng nói không ra lời; khám trong áo nó thấy một con dao găm rất sắc. Nó phục xuống đất xin tha chết, Sài toan đánh cho như đòn, nhưng Thiệu Nữ ngăn lại nói:

- “Tôi sợ phu nhân biết thì nó khó thoát chết. Tội nó đáng chết thật, nhưng không gì bằng ta cứ lặng lẽ bán nó đi, nó được toàn tính mạng, mà ta thì được tiền.”

Sài cho là phải, liền đem bán nó cho một người đương tìm vợ lẽ. Kim Thị trước còn giận chồng vì bán thị tỳ mà không bảo mình, sau giận lây sang Thiệu Nữ, mắng chửi thậm tệ, Sài nhìn Thiệu Nữ nói:

- “Rõ rước họa vào thân! Hôm đó cứ để ta đánh chết nó đi thì hôm nay đâu có cái họa này.”

Nói rồi chạy bỏ đi. Kim Thị không hiểu sao chồng lại nói thế, hỏi lũ tớ gái thì chẳng ai biết, hỏi nàng thì nàng không nói, mặt lại càng giận, túm lấy áo nàng mà quát mắng. Sài mới chạy lại mà kể cho nghe mọi sự. Kim Thị sợ lắm, nhưng lại giận nàng sao không nói ngay. Sài cho rằng thế là tan hết hiềm khích, không đề phòng nữa. Bỗng một hôm chàng đi vắng nơi xa, Kim Thị mới gọi Thiệu Nữ ra kể tội:

- “Hầu tớ định giết chủ, tội chết đáng lắm. Sao mà lại nghĩ thế nào mà tha nó?”

Nàng đang sợ cuống quýt chưa kịp phân trần thì mặt đã lấy que sắt nung đỏ sẵn mà đốt mặt nàng, định phá hoại nhan sắc nàng. Lũ gái hầu và vú già đều rất thương tiếc hộ nàng, mỗi tiếng nàng bị bỏng kêu thì cả lũ đều khóc, mà xin chịu chết thay nàng. Kim Thị không đốt nàng nữa, mà lấy dùi nhọn đâm vào sườn nàng đến hơn hai chục mũi mới tha cho đi.

Hôm sau Sài về thấy vết đốt bỏng mặt nàng, thì giận lắm, muốn tìm vợ mà đánh, Thiệu Nữ kéo áo lại mà nói:

- “Thiếp vốn đã biết rõ cái lò lửa này, mà vẫn liều thân bước vào. Lúc thiếp lấy chàng, có phải đâu là tham cái thiên đường nhà chàng, chỉ vì thiếp biết số mình bạc mệnh, nên mới lấy chàng làm thân lẽ mọn, **cho ông Trời hả bớt lòng ghen ghét thiếp đó thôi**. Thà cứ yên phận chịu đau nhức, còn có lúc được mãn hạn chẳng? Nếu cứ khêu gợi mãi cái lòng ghen giận của Trời thì có khác gì cái hổ sấu kia đã lấp gần bằng rồi lại bới lên không?”

Vết bồng lấy thuốc bôi được mấy hôm sau thì khỏi. Khi tróc hết vẩy, nàng lấy gương soi, bồng mừng nói:

- “Chàng hôm nay mừng cho thiếp đi! Những vết sứt thui này nó đã đốt hết những vằn xấu bạc mệnh của thiếp rồi.”

Khỏi rồi nàng lại lên hầu hạ vợ cả như trước.

Kim Thị bữa trước thấy mọi người đều khóc nàng, biết là mình tàn bạo quá, chẳng ai ưa, đã có lòng hối hận, nay thấy chàng vẫn tử tế với mình, thành có lòng yêu nể nàng, thỉnh thoảng gọi nàng đến bàn việc nhà, lời nói vui hòa. Được hơn một tháng sau, Kim Thị bỗng sinh bệnh ăn uống không được. Sài mong vợ chết đi cho rảnh, nên chẳng hỏi han gì đến. Vài hôm sau nữa, Kim Thị bụng đầy căng lên như trống, ngày đêm đau khổ. Thiệu Nữ vẫn chăm nom, quên ăn quên ngủ, Kim Thị càng cảm ân đức nàng. Nàng đem y lý ra bàn cách chữa bệnh, nhưng Kim Thị ngỡ rằng trước kia mình quá tệ với nàng, hoặc nàng ngầm báo oán mình chẳng, nên chỉ cảm ơn nàng chứ không nghe. Kim Thị là người trông nom việc nhà rất nghiêm chỉnh, tôi tớ đều theo khuôn phép. Từ khi mù ồm, tôi tớ sinh lười biếng. Sài phải ra sức trông nom lấy, tuy nhọc mệt rất khổ, nhưng gạo muối trong nhà cứ không ai ăn mà hết; lúc bấy giờ mới biết công trông nom của vợ, và mới đón thầy chạy thuốc. Kim Thị đối với ai cũng nói là bệnh mình do uất khí nó trướng lên mà sinh ra, nên các thầy lang bắt mạch đều cho là bệnh khí uất, đổi mấy tay thầy mà vẫn không khỏi, càng ngày càng nguy kịch. Một bữa sắp đun thuốc, Thiệu Nữ nói:

- “Hạng thuốc ấy, uống trăm thang cũng vô ích, chỉ thêm nặng ra thôi.”

Kim Thị không tin, Thiệu Nữ mới ngầm bốc thuốc khác cho nấu thay. Khi Kim Thị uống xong nước thuốc ấy, chỉ một lúc lâu thì đại tiện tháo ra bệnh khỏi ngay. Mụ càng cười là nàng nói bậy, mới vừa thở vừa gọi nàng bảo:

- “Cô Hoa Đà, nay cô bảo sao?”

Nàng và cả lũ đều cười, mụ hỏi cứ sao lại cười. Mọi người mới nói thật việc nàng đổi thuốc cho nghe, mụ bỗng khóc nói:

- “Tôi ngày ngày chịu ơn cô như Trời che Đất chở mà không biết. Từ nay về sau bao nhiêu việc nhà tôi xin theo cô mà làm hết.”

Khi Kim Thị khỏi bệnh, Sài đặt tiệc ăn mừng. Thiệu Nữ cầm hồ rượu đứng hầu. Kim Thị đứng dậy dâng lấy hồ rượu, kéo nàng lại ngồi bên cạnh mình, yêu quý lạ thường. Lúc tiệc tan đêm đã khuya, nàng tìm cơ bỏ chiếu tiệc đi ra. Kim Thị sai hai người kéo nàng lại, bắt nằm giường liền bên giường mình. Từ đó việc nhà cùng bàn, bữa cơm cùng ăn, thân quý nhau quá chị em ruột thịt.

Không bao lâu sau đó Thiệu Nữ sinh con trai, đẻ rồi ốm đau mãi. Kim Thị ngày đêm chăm nom hầu hạ như mẹ.

Sau Kim Thị lại mắc bệnh tim, khi cơn đau nổi lên thì mặt mày xanh xám, chỉ những muốn chết. Thiệu Nữ vội chạy ra chợ mua mấy cái kim bạc, khi về thì Kim Thị gần tắt hơi, nàng tìm huyết mà châm trích thì hồi tỉnh và khỏi đau ngay. Mười ngày sau bệnh lại phát, nàng lại châm trích cho và lại khỏi. Sau, bấy hôm sau nữa bệnh lại phát, tuy Kim được nàng châm trích cho lại khỏi ngay, không phải chịu khổ đau lâu, nhưng bụng lúc nào cũng nơm nớp sợ bệnh tái phát. Một đêm nọ, Kim Thị nằm mơ thấy mình vào một nơi đền thiêng, quý thần trên điện đều cử động được. Thần hỏi:

- “Mày có phải là con Kim Thị không? Mày nhiều tội lắm, đáng lẽ hết thọ số rồi, nhưng thấy mày đã biết hối lỗi nên còn để cho sống, mà chỉ giáng tai họa để trừng trị cho biết. Trước kia mày giết hai đứa, là báo oán kiếp trước, ta tha cho. Còn như con họ Thiệu, nó có tội gì mà cũng đánh nó đau thảm đến thế; cái tội ấy đã có chồng mày trừng trị, ta cũng tạm tha cho. Chỉ còn cái thiêu người bằng sắt nung đỏ, và 23 mũi dùi đâm vào sườn nó, nay nó mới đâm lại 3 mũi, còn thiếu hai chục mũi nữa, mong khỏi bệnh ngay sao được?”

Kim Thị tỉnh dậy sợ lắm, nhưng mong là một cuộc mơ xấu đó thôi. Bỗng khi ăn cơm xong, quả nhiên thấy bệnh lại phát, đau đớn bội phần. Thiệu Nữ lại châm trích cho, buông tay là Kim Thị khỏi liền. Rồi nàng ngẫm nghĩ nói:

- “Nếu chỉ châm trích xoàng như thế mãi, thì không sao khỏi hẳn được. Bệnh này phải thiêu đốt cho sâu thì mới trừ được bệnh căn. Chỉ sợ phu nhân không chịu nổi sự đau đớn thôi.”

Kim Thị nghĩ đến lời trong mộng, nên đành cố chịu ngay. Khi rên rỉ chịu đau, nghĩ thầm còn thiếu 19 mũi dùi đâm nữa, chẳng biết rồi sau sẽ biến chứng ra sao, chi bằng chịu đau luôn một lúc cho xong, cho sau hết khổ. Khi cuộc thiêu đốt đau đớn xong rồi, mới xin

Thiệu Nữ châm trịch nữa, nàng cười nói việc châm trịch đâu có làm quá được. Kim Thị nói:

- “Chẳng can gì phải huyết nào cả, chỉ phiền cô châm cho tôi đủ 20 mũi là được!”

Thiệu Nữ cười to nói:

- “Đâu thể được!”

Kim Thị cố nài mãi không được, mới quỳ ở chân giường mà xin, nhưng nàng nhất định không nghe; sau Kim Thị phải kể rõ lời Thần báo mộng, nàng mới dò xét các kinh mạch mà châm cho đủ số. Từ đó bệnh khỏi hẳn, và Kim Thị sám hối, chừa hết thói ác độc với mọi người trên dưới.

Thằng bé con Thiệu Nữ đặt tên là Nhật Tuấn, thông minh rất mực, nàng thường ngắm con nói:

- “Thằng bé này tướng tốt lắm, sẽ là tay Hàn Uyển của Triều đình sau này.”

Năm 8 tuổi, Nhật Tuấn nổi tiếng là thần đồng; năm 15 tuổi đỗ Tiến sĩ, được vào Hàn Lâm Viện. Lúc đó Sài mới 40 tuổi, Thiệu Nữ mới 33 tuổi, khi ngựa xe về thăm quê ngoại, làng xóm cho là vẻ vang lắm.

Thiệu Ông từ lúc bán con, nhà được giàu có nhưng bạn làng Nho đều khinh bỉ, không ai thèm chơi với. Đến khi đó mọi người mới lại đi lại như xưa.

Truyện Thiệu Nữ này có **nhiều chỗ giống Truyện Kiều**. Thiệu Nữ cũng liếc mắt xem tướng biết Sài tướng có con hay. Thiệu Nữ cũng biết không thể dẫu mãi được việc Sài lấy mình làm lẽ, và khuyên Sài sinh nên về nói thật với vợ cả ngay để sau này khỏi sinh tai vạ, cũng như Kiều khuyên Thúc sinh về nói việc lấy mình với Hoạn Thư: “Dễ mà bọc rẻ giấu kim / Lại mang lấy việc tầy trời về sau.” Thiệu Nữ cũng khuyên cha bán mình cho Sài sinh, như Kiều khuyên cha bán mình cho Mã giám sinh, chỉ khác Thiệu Ông bán con lúc vô sự thì được nghìn vàng nuôi tuổi già; Vương Ông bán con lúc tại nạn để lấy tiền chuộc tội. Thiệu Nữ cũng hầu hạ vợ cả rất cẩn thận lễ phép như Kiều hầu hạ Hoạn Thư: “Sớm khuya khăn mặt lược đầu / Phận con hầu giữ con hầu dám sai.”

Xét ra hai truyện, có nhiều chỗ giống nhau như thế, nên tôi dám chắc rằng lúc tác giả **Nguyễn Du viết Truyện Kiều cũng có nghĩ đến Truyện Thiệu Nữ**, mà kể Kiều thì trái

lại muốn tránh số bạc mệnh, trước thì muốn lấy Kim Trọng, sau lại lấy Thúc Sinh, lấy Từ Hải, càng ngày tai vạ càng sâu, thật là “Ma đưa lối quỷ dẫn đường / Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi.”

PHỤ LỤC II

MÁY VIỆC XẢY RA SAU KHI

TRUYỆN KIỀU ĐƯỢC XUẤT BẢN

Cụ Cử Đẳng, sau khi kể vì sao mà ông Nguyễn Du làm Truyện Kiều rồi, lại kể luôn cho học trò nghe thêm hai việc có liên hệ đến Truyện Kiều sau khi truyện này được thịnh hành, như sau:

VIỆC TRUYỆN KIỀU BỊ ĐỀ THƠ CHỈ TRÍCH

Khi Truyện Kiều xuất bản rồi và được mọi người tán phục đua nhau mua đọc, có một người học trò cụ Hoa Đường lại chê đó là một quyển truyện phong tình không nên đọc. Anh ta mua một cuốn và đề một câu ở ngoài bìa sách rằng: (何曾造物妬紅顏) = Hà tăng tạo vật đố hồng nhan? = Nào có bao giờ ông Trời ghen với khách má hồng đâu?

Cụ Hoa Đường thấy anh này ngu gàn, ngông hống, mới đánh cho mấy chục roi đòn và xóa tên trong sổ cập môn, không nhận làm học trò cụ nữa. Bài thơ này nhiều cụ đồ Nho hạt Bắc Ninh biết. Có hôm một cụ đọc cho tôi nghe, tôi hỏi cụ có biết ai làm không và làm hồi nào, các cụ đều không biết.

VIỆC MỘT VĂN SĨ TÀU LÀM ĐIỀU BẤT CHÍNH

Cụ Cử Đẳng còn nhân tiện nói luôn cho học trò biết: Một văn sĩ Tàu ở nước Nam đã lâu thông thạo cả chữ nôm, thấy Truyện Kiều còn hay hơn cả các truyện nổi tiếng của Tàu, mới theo khuôn mẫu Truyện Kiều và lấy thêm nhiều chi tiết ở cuốn Phong Tình Lục (風情錄) viết ra cuốn Thanh Tâm Tài Nhân (靑心才人) rồi phao tiếng lên rằng ông Nguyễn Du đã theo cuốn Thanh Tâm Tài Nhân mà diễn ra Truyện Kiều. Nhà văn sĩ Tàu làm chuyện giả mạo này, một là để tỏ ra rằng Truyện Kiều hay thế là vì dịch ở

một truyện Tàu ra thoi chứ chẳng lạ gì, hai là để cuốn Thanh Tâm Tài Nhân ông ta viết được theo ảnh hưởng Truyện Kiều mà cùng lưu hành rộng rãi bắt từ.

Vào khoảng năm 1920-22 gì đó, tôi đọc báo Trung Bắc Tân Văn có thấy đăng một bài khảo cứu về Truyện Kiều của một vị mà rất tiếc tôi quên mất tên. Bài khảo cứu đó nói ra là vì bên Tàu trước kia đã có một cuốn truyện tên là Đoạn Trường Thanh (斷腸聲) (Tiếng Kêu Đứt Ruột) chép những truyện thâm trầm trên đời, trong đó có truyện con vượn mẹ thấy con bị bắn chết, chạy đến ôm con thương quá, kêu lên một tiếng thâm thê rồi lăn ra chết; người đi săn mò nó ra thấy ruột nó đứt vì tiếng kêu đau thương ấy. Bởi đã có cuốn tên là Đoạn Trường Thanh đó rồi, nên ông Nguyễn Du mới đặt tên cuốn truyện ông diễn là Đoạn Trường Tân Thanh (斷腸新聲) (Tiếng Kêu Đứt Ruột Mới). Bài khảo cứu đó cũng nói đích xác là cuốn Thanh Tâm Tài Nhân không phải là quyển Phong Tình Lục mà ông Nguyễn Du đã dùng làm căn cứ để viết Truyện Kiều, mà trái lại cuốn Thanh Tâm Tài Nhân lại là một cuốn truyện do một văn sĩ Tàu lấy những chi tiết hay ở Truyện Kiều thêm vào những chi tiết tầm thường ở cuốn Phong Tình Lục mà ông Du đã loại bỏ, để viết thành truyện, rồi mang về Tàu in và mang sang Nam phát hành, nói lừa người Nam ta rằng cuốn đó tức là Phong Tình Lục (風情錄) tức là nguồn gốc Truyện Kiều, để cuốn đó được lưu hành mạnh cùng với Kim Vân Kiều.

Lời bài khảo cứu về Truyện Kiều đăng trên báo Trung Bắc Tân Văn này nói đại khái như vậy, tôi thấy phù hợp với lời cụ Cử Đẳng kể với học trò ở trên, nên tôi nhớ mãi. Vậy tôi xin cũng ghi vào đây để ta cùng suy xét cho khỏi bị nhà văn Tàu đó lừa gạt mà tưởng lầm là Truyện Kiều dịch ở cuốn Thanh Tâm Tài Nhân ra.

Nay chúng ta cứ đem so sánh mấy câu kể dưới đây, vị văn sĩ Tàu đó không hiểu thật tiếng Việt Nam mà dịch sai ý nghĩa thành ra lệch lạc mất hay, thì chúng ta biết rõ ngay là Thanh Tâm Tài Nhân là tác phẩm dịch ở Truyện Kiều ra.

- Những câu Kiều bảo Vương Bà nói nàng quan sát Mã Giám Sinh biết nó chỉ là thằng con buôn bịp bợm.

– Câu “Khi ăn, khi nói lỗ làng...” nghĩa là xem cách ăn nói của nó tuy làm ra bộ dạng thanh lịch cao quý lắm, nhưng hay lố lăng quen miệng, thốt ra những câu dung tục, giả sang lừa bịp. Thế mà trong cuốn Thanh Tâm Tài Nhân lại dịch ra câu chữ Hán nghĩa là:

“Nghe hắn nói với con chẳng ra cung cách gì, lúc thì gọi con là nàng, lúc thì lỡ miệng gọi con là mày.” Dịch làm thành ra vô nghĩa ở chỗ, nó đã mua được mình thì nó muốn gọi là gì chả được. Sao lại bảo là nó “ăn nói lỡ làng”?

– Câu “Khi thầy khi tớ xem thường xem khinh” nghĩa là “Con thấy nhiều lúc lũ hầu tớ hắn ra vẻ khinh thường hắn lắm, thì biết hắn chẳng có giá trị gì cao quý hơn lũ hầu tớ, nên lũ nó khinh rẻ hắn như vậy.” Nghĩa câu này đúng là phải như thế, mới đúng ý nghĩa liên tiếp với câu “Khác màu kẻ quý người thanh” ở dưới. Thế mà ở trong cuốn Thanh Tâm Tài Nhân, ông văn sĩ Tàu này lại hiểu lầm mà dịch ra câu chữ Hán đó là “Lũ hầu tớ nó coi thường coi khinh con lắm!” Dịch thế thật làm quá lắm. Một là làm ở chỗ lũ hầu tớ coi thường coi khinh nàng, thì đâu có can hệ gì đến Mã Giám Sinh, mà nàng cũng đoán biết Mã là con buôn, phê phán Mã là không thanh không quý. Hai là làm ý nghĩa của câu, thành ra ý nghĩa của câu này chẳng liên quan gì với hai câu nàng phê phán Mã ở dưới là: “Khác màu kẻ quý người thanh / Ngắm ra cho kỹ, như hình con buôn.”

• Câu Tú Bà quở Kiều khi nàng có ý phát khùng chống lại lời mụ nói “Nghề chơi cũng lắm công phu”:

“Quở rằng: Ai cũng như ai / Người ta ai mất tiền hoài đến đây!”

Chính nghĩa hai chữ “ai” ở câu 6 chữ trên, là “người khách nợ, người khách kia” và chính nghĩa cả hai câu lục bát này là “Nếu mày tiếp đãi người khách nào cũng chỉ có một cách như nhau vậy thôi, thì ai người ta chịu uổng phí tiền của mà vào nhà này? Mày phải học cho biết đủ cách để tùy ý, tùy sức của từng người mà chiêu tiếp cho vừa lòng khách mới được.” Rồi mụ kể cho nàng phải học 7 “chữ” (tức là 7 thuật) để quyền rũ khách ở bên ngoài và 8 “nghề” để chiêu tiếp khách ở bên trong.

Thế mà trong cuốn Thanh Tâm Tài Nhân, ông văn sĩ Tàu lại hiểu lầm hai chữ “ai” ở câu 6 chữ đó là: “chữ ai trên là gái thanh lâu, chữ ai dưới là vợ khách” và dịch hai câu lục bát này thành hai câu chữ Hán nghĩa là: “Nếu người ta đến với mày cũng chỉ như đến với vợ cả, vợ lẽ người ta, thì người ta ai lại chịu phí tiền của đến đây?”

Vì không hiểu nghĩa hai chữ “ai” đó, mà nhà văn Tàu này dịch câu 6 chữ này ra câu chữ Hán ý nghĩa thật vu vơ quá lắm, chẳng ăn ý chút nào với mấy câu mụ kể “7 chữ, 8 nghề” để dạy Kiều học.

• Câu Kiều thưa lại Từ Hải, khi Từ khen nàng là biết khinh thường, không thèm để ý đến những phường cá chậu chim lồng: “ Thưa rằng Người dậy quá lời / Thân này còn dám coi ai là thường.”

Chữ “Người” ở câu trên này là tiếng Kiều gọi Từ Hải để tỏ lòng tôn kính hết sức. Tiếng Nam ta gọi ai là “Ngài” đã là tôn kính lắm, đây Kiều gọi Từ là “Người” lại còn tôn kính hơn một bậc, coi Từ như ông Thần, ông Thánh. Các cô gái hồng lâu, thanh lâu vẫn dùng chữ “Người” để gọi khách cao sang nhất hạng. Tác giả Truyện Kiều đặt chữ “Người” vào câu Kiều nói với Từ Hải này thật là đúng chỗ, thật là hay: “Thưa Người! Lời Người dậy đó thật quá lắm! Thân phận tôi đây còn dám coi ai là thường nữa?”

Hai câu lục bát này thật đặc thể, tự nhiên, và rất hay. Thế mà nhà văn Tàu này không hiểu chữ “Người” của tiếng Việt có ý nghĩa như vậy, lại hiểu lầm như nghĩa thường là “người ta” mới dịch lầm hai câu Kiều này ra hai câu chữ Hán ở cuốn Thanh Tâm Tài Nhân là (是人言之過也) (Thị nhân ngôn chi quá dã) nghĩa là: Đó là lời người ta nói quá ra như vậy...”

Vì không hiểu thật tiếng “Người” của ta, mà ông văn sĩ Tàu này đã dịch câu Truyện Kiều này một cách sai lầm lệch lạc mất hết ý nghĩa hay đúng, ra chữ Hán, lại vừa tỏ ra rằng chính ông đã dịch Truyện Kiều ra cuốn Thanh Tâm Tài Nhân của ông.

Trên đây tôi chỉ nêu ra mấy câu để chứng tỏ rõ ràng đích xác là **cuốn Thanh Tâm Tài Nhân dịch ở truyện Kiều ra**. Thật ra còn rất nhiều câu dịch sai lệch lạc vạch rõ cho ta biết sự man nệ của nhà văn sĩ Tàu đã dám cả gan phao tiếng lên rằng Truyện Kiều là tác phẩm dịch ở Thanh Tâm Tài Nhân để lừa bịp người Nam ta mà cầu lợi bán chạy cuốn sách giả mạo này, và để hạ giá quyền truyện rất hay Kim Vân Kiều xuống dưới nền văn chương Tàu.

Tôi rất lấy làm lạ rằng sao lắm vị văn sĩ ta không chịu so sánh suy nghĩ, đã bị lừa, lầm tin là Truyện Kiều là ông Nguyễn Du đã dịch ở Thanh Tâm Tài Nhân ra thật, mà khi chú thích Truyện Kiều lại lấy cuốn dịch giả mạo này làm căn cứ, vì các ông cũng nhẹ dạ tin rằng cuốn Thanh Tâm Tài Nhân tức là Phong Tình Lục (風情錄). Điều lạ hơn nữa là có ông lại khen cụ Nguyễn Du là thật tài tình khi diễn Thanh Tâm Tài Nhân ra Truyện Kiều đã khéo sửa lại nhiều chỗ ở Thanh Tâm Tài Nhân cho ý nghĩa thâm thúy hay hơn. Ôi!

Tại sao ông không suy nghĩ rằng lắm câu ở trong Truyện Kiều thì rất hay, ý nghĩa thâm thúy, tình lý thiết thực, lời lẽ trôi chảy; lại đúng vào chỗ những câu ở trong Thanh Tâm Tài Nhân rất dở, ý nghĩa tầm thường, tình lý vu vơ, lời lẽ lủng củng như vậy? Rõ ràng là bởi người văn sĩ Tàu không hiểu thật tiếng Nam, nên dịch sai những câu hay ở truyện Kiều thành những câu dở ở Thanh Tâm Tài Nhân đó thôi!

Thật đáng trách những ông văn sĩ Nam ta không biết suy nghĩ lại dám cả gan khen cụ Nguyễn Du một cách hỗn xược vô ý như vậy, thật có tội với cụ.

Tôi vẫn rất lấy làm lạ rằng Truyện Kiều hay hơn Thanh Tâm Tài Nhân nhiều, và các văn sĩ Việt Nam hẳn ai cũng biết. Thế mà sao nhiều ông vẫn yên chí tin là Truyện Kiều dịch ở Thanh Tâm Tài Nhân ra; thậm chí có mấy ông văn sĩ Việt xuất bản Truyện Kiều, cậy mình đã đọc Thanh Tâm Tài Nhân, đã đổi mấy câu trong Truyện Kiều cho đang hay hóa dở, để đúng ý nghĩa với cuốn Thanh Tâm Tài Nhân mà các ông gọi là “bản Kiều chữ” hay là “chính bản của Truyện Kiều.”

Dưới đây xin nêu một câu làm tí dụ.

Đó là câu tả cách Kiều trao quạt cho Kim Trọng:

– Ở Thanh Tâm Tài Nhân là:

(翹以手中金扇袖內錦幌答之) (Kiều dĩ thủ trung kim phiến tụ nội cẩm thuế đáp chi) = Lấy cái quạt vàng ở trong tay, và cái khăn gấm ở trong ống tay áo mà đáp lại chàng.

– Ở Truyện Kiều nguyên là:

“Sẵn tay bả quạt hoa quỳ / Với cành thoa ấy tức thì đổi trao.”

– Ở các bản Kiều đổi cho đúng với cuốn Thanh Tâm Tài Nhân là:

(a) “Sẵn tay khăn gấm quạt quỳ / Với cành thoa ấy tức thì đổi trao” hoặc

(b) “Khăn tay gấm, quạt hoa quỳ / Với cành thoa ấy tức thì đổi trao.”

Trước hết hãy xin kể rõ những chữ tác giả lựa chọn để đặt thành câu sáu chữ nguyên văn trên, có những ý nghĩa thiết thực, xác đáng và thâm thúy thế nào:

Chữ “sẵn tay” nghĩa là Kiều đã cầm sẵn từ trước ở tay, tỏ ý rằng Kiều chắc là thế nào sáng sớm nay nàng ra tìm cảnh thoa, sẽ gặp Kim Trọng đem trả, nên nàng đem sẵn chiếc quạt ra để tặng chàng.

Chữ “bả (把)” nghĩa là hai tay bung một vật gì nâng cao lên ngang mặt mà dâng biểu ai một cách rất cung kính để tỏ lòng quý mến.

Chữ “quạt hoa quỳ” nghĩa là chiếc quạt giấy trắng tinh nàng có vẽ một đóa hoa quỳ đỏ đẹp để ngụ ý tỏ lòng nàng có khuynh hướng về chàng cũng như hoa quỳ hướng về mặt trời.

Nghĩa cả hai câu nguyên văn lục bát này là:

“Kiều lấy chiếc quạt có vẽ đóa hoa quỳ nàng cầm sẵn ở tay và chiếc thoa chàng vừa mới trả nàng, mà đặt vào hai bàn tay kính cẩn nâng cao lên mà dâng trao tặng chàng để đổi lấy đôi xuyên vàng chàng tặng.”

Tác giả thật có thiên tài kén chữ đặt câu, chỉ một câu văn gọn có 6 chữ trên này mà tả được rõ ràng đầy đủ hình dáng và tâm tình Kiều kính trọng hâm mộ chàng Kim thật là rất mực.

Ta so sánh câu nguyên văn Kiều này với câu trong Thanh Tâm Tài Nhân viết “Kiều lấy quạt vàng trong tay và khăn gắm trong ống tay áo đáp lại chàng” thì hay dở khác nhau nhiều quá. Quạt vàng khăn tay gắm, chỉ khoe vàng, khoe gắm làm sang, chứ đâu tả được tình tứ thâm thúy như quạt hoa quỳ, lại cách đổi trao chỉ nói đơn sơ bằng chữ “đáp chi (答之) = đáp lại đó” so sánh sao được với chữ “bả (把) = đưa tặng một cách kính cẩn.”

Câu này ở trong Truyện Kiều trước thì hay như thế, còn ở trong Thanh Tâm Tài Nhân thì dở hơn như thế, mà sao mấy ông văn sĩ Việt Nam lại không suy nghĩ dám đổi câu Truyện Kiều cho hợp ý với câu vô vị ở cuốn Phong Tình Lục giả mạo sau này, để cho câu Kiều này đương hay hóa dở.

Tôi xét trong câu nguyên văn 6 chữ này ở Truyện Kiều có chữ “bả” thì tả hình dáng lễ độ thân quý của Kiều đối với Kim Trọng khi trao quạt và cảnh thoa cho chàng. Chữ “hoa quỳ” thì tả lòng Kiều tỏ ý rất ngưỡng mộ, khuynh hướng về chàng.

Chữ “bả” rất hay thế mà Thanh Tâm Tài Nhân cùng hai văn sĩ ta sửa đổi đều không hiểu mà bỏ rơi cả.

Chữ “quạt hoa quỳ” thì Thanh Tâm Tài Nhân đổi là (金扇) (kim phiến). Kim phiến có hai nghĩa, một nghĩa là quạt bằng vàng, và một nghĩa là quạt trắng. Quạt bằng vàng thì quý nhưng vô lý, vì bằng vàng thì quạt sao được, còn quạt trắng thì tuy tỏ ý được lòng trinh bạch nhưng vẫn thiếu ý khuynh mộ.

Chữ (錦幌) (cẩm thuế) là khăn vuông đội đầu bằng gấm, thì chỉ có ở trong Thanh Tâm Tài Nhân thôi, chứ không thấy nói đến ở chỗ nào trong Truyện Kiều. Ta chớ lầm tưởng đây là cái khăn hồng nói ở trong câu “Giở kim thoa với khăn hồng trao tay”, vì trong Thanh Tâm Tài Nhân nói là “Nàng lấy khăn gấm ở trong ống tay áo ra” kia mà!

Bây giờ xét đến hai câu (a) và (b) của mấy ông văn sĩ đã đổi lại để xuất bản truyện Kiều. Trong cả hai câu, mấy ông văn sĩ xuất bản đều bỏ mất chữ “bả” thành ra mất hẳn ý hay tả dáng điệu cung kính của Kiều khi đưa tặng quạt và thoa cho Kim Trọng. Đó là một điều đáng tiếc, đổi hay ra dở.

Cả hai câu đều khư khư giữ lấy ý chữ “cẩm thuế” vu vơ vô vị của cuốn Thanh Tâm Tài Nhân. Trong câu (b), nhà văn sĩ lại còn diễn làm chữ cẩm thuế ra là “khăn tay gấm.” Cẩm thuế chính nghĩa là cái khăn vuông bằng gấm để đội bịt trán, chớ không phải là cái “khăn tay” để lau tay hay rửa mặt, gấm đâu phải là thứ vải thường để làm khăn lau tay.

Trong câu (a), nhà xuất bản lại đổi chữ “quạt hoa quỳ” ra làm “quạt quỳ”, đó là một điều lầm lỗi quá to. Quạt hoa quỳ là một cái quạt trắng đẹp có vẽ một đóa hoa quỳ tươi đỏ, ngụ ý hướng mộ nhau một cách trong trắng chân thành, để tặng nhau làm kỷ niệm. Còn “quạt quỳ” chữ Hán là (蒲葵扇) bồ quỳ phiến, chỉ là một thứ quạt rất tầm thường, làm bằng tàu lá cây bồ quỳ (cây gò), cắt bỏ những tua lá chung quanh đi cho thành hình tròn gọn mà cầm làm quạt. Khi nào Kiều lại tặng Kim cái quạt đó! Nghĩ thật đáng buồn cho sự sửa đổi vô ý thức này.

Nhân tiện tôi kể thêm một câu nữa ở trong Truyện Kiều rất hay, rất ý nhị, mà nhà văn sĩ Tàu nọ cùng mấy ông văn sĩ Việt xuất bản và chú thích Truyện Kiều đều không hiểu lại tỏ lời chỉ trích, đó là câu thứ 377 trong truyện:

“Thì trân thức thức sẵn bày / Gót tiên thoãn thoát dạo ngay mé tường.”

Câu này tả cảnh sáng hôm cả nhà đi ngoại gia mừng tiệc thọ, giao cho Kiều trông nhà một mình. Kiều được dịp tốt vắng rảnh, quyết sang hội ngộ với Kim Trọng. Trước khi đi, nàng phòng bị giữ gìn mọi lễ rất chu đáo cẩn thận. Nàng bày sẵn một bàn quả bánh nhiều thứ thì trân để phòng khi đón cha mẹ và các em về, ai thấy bàn quả bánh này cũng yên chí rằng nàng vẫn luôn luôn ở nhà dọn dẹp, và bày biện mọi thứ để chờ đợi đón cha mẹ về ăn. Bày bàn quả đó xong, nàng dọn dẹp cửa nhà gọn ghẽ, rồi vội vàng đi thoãn thoát ra mé tường sẽ đứng tiếng gọi chàng.

Câu “Thì trân thức thức sẵn bày” này rất cần để tả ý tứ đề phòng cẩn mật của Kiều trước khi sang với Kim Trọng. Câu này rất khẩn thiết ở chỗ này như thế, mà ông Nguyễn Khắc Hiếu thì chê tác giả đặt câu này ở đó, rồi sau quên không nói là bày để làm gì. Ông Lê Mạnh Liêu thì bảo tác giả đặt câu này thật vu vơ vô vị, chỉ cốt đặt cho đủ câu đủ vần, thật đáng bỏ đi. Ông Trần Trọng Kim thì đồng ý với nhà văn sĩ Tào, nên có nhắc lại lời phê bình về câu này trong cuốn Thanh Tâm Tài Nhân như sau:

“Kiều làm đồ uống rượu để đem sang nhà Kim Trọng, vì tục bên Tàu cuộc vui phải có ăn uống. Bởi vậy khi gặp Kim Trọng và đã tìm được lối đi sang, Kiều chạy trở về bung đồ rượu sang nhà Kim Trọng. Nhưng chỗ này tác giả chỉ nói có một câu, rồi sau không nhắc lại nữa, cho nên thành ra tối nghĩa, độc giả không biết là Kiều đã bày những đồ thì trân ra để làm gì?”

Nhà văn sĩ Tào không hiểu ý câu Kiều này, khi viết tiểu thuyết, lại giảng giải như vậy thật là dở quá, vô lý quá, vì nhà Kim Trọng thiếu gì đồ nhắm rượu, cần gì Kiều phải đem sang. Nếu muốn đem sang thì cần gì phải bày sẵn từng thứ ở nhà để đem sang cho thêm khó, bung cả mâm quả bánh qua sao lọt chỗ mới vạch ở hàng rào ra? Cứ một mình sang lén với chàng còn sợ lộ truyện, sao còn dám nhắm rượu với nhau? Khi cha mẹ về hỏi các thứ thì trân đâu cả, và sao mặt nàng lại có vẻ say rượu thế, thì nàng nói sao? Giảng giải một cách quá vô ý thức như vậy, mà sao ông Trần Trọng Kim cũng cho là phải, mà dẫn vào quyển truyện Thúy Kiều do ông xuất bản?

Đọc lời phê bình ở trong cuốn tiểu thuyết Tàu này, chúng ta lại được hiểu thêm một lần nữa rằng cuốn tiểu thuyết Thanh Tâm Tài Nhân **đích xác là dịch ở truyện Kim Vân Kiều ra.**

Hai phụ lục trên này tóm tắt lại cho ta biết mấy điều sau đây:

- Truyện Kiều đích xác Nguyễn Du Tiên sinh lấy quyển Phong Tình Lục (風情錄) làm căn cứ, rồi thêm những chi tiết quan trọng vào, đồng thời bỏ bớt những chi tiết tầm thường trong nguyên văn, mà diễn ra văn vắn thành cuốn truyện hay vô giá, để ký thác tâm sự đau thương của Tiên sinh vào đó cho thiên hạ và đời sau biết mãi.
- Một văn sĩ Tàu thấy Truyện Kiều hay quá được lưu hành rộng, mới dịch sang Hán văn và lấy những chi tiết mà cụ Tiên Điền đã loại bỏ trong Phong Tình Lục, thêm vào mà viết ra cuốn Thanh Tâm Tài Nhân, rồi nói vu lên rằng Truyện Kiều dịch ở Thanh Tâm Tài Nhân ra để hạ giá Truyện Kiều xuống và để bán cuốn Thanh Tâm Tài Nhân cho đắt hàng cầu lợi.
- Ta chớ tưởng lầm cuốn Thanh Tâm Tài Nhân tức là cuốn Phong Tình Lục, vì Phong Tình Lục đã bị nhà văn sĩ Tàu nọ tìm cách tiêu diệt đi cho khỏi lộ sự giả mạo của Thanh Tâm Tài Nhân.
- Các nhà xuất bản Truyện Kiều thường lấy Thanh Tâm Tài Nhân làm căn cứ mà sửa đổi hoặc chú giải Truyện Kiều, thật là một sự vô ý thức, đã làm tổn thương mất ít nhiều giá trị vô song của Truyện Kiều. Đó là một sự rất đáng chê trách, có tội với nền văn chương Việt Nam ta, nhất là có tội với tác giả Nguyễn Du.

Hương Ngạn Đào Tử ĐÀM DUY TẠO trước tác năm 1986 tại Gia Nã Đại

Thứ nam ĐÀM TRUNG PHÁP hiệu đính, trình bày, và phổ biến năm 2021 tại Hoa Kỳ, với sự trợ giúp kỹ thuật của ĐÀM DIỄM LINH, ái nữ đảm đang và hiếu đễ